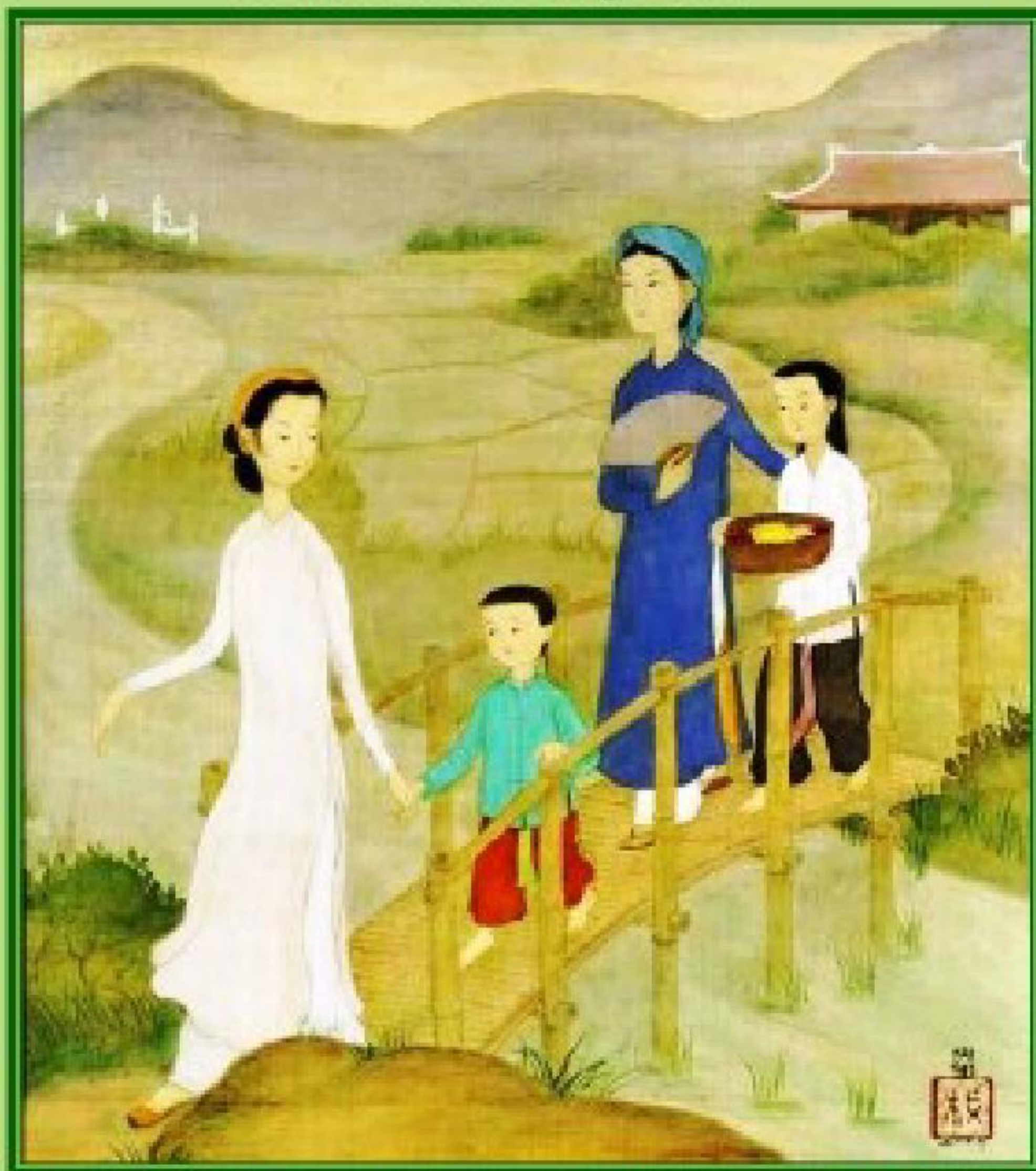


CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 20 - SỐ 71 - MÙA HÈ 2015



CỎ THƠM

MÙA HÈ 2015

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<little Saigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.
ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.
NGUYỄN QUỐC KHÁI. PHAN KHÂM.
HUY LÂM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,
Ô.B. Phạm Hữu Bính, Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy,
Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thi Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang,
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. B. Đèo Văn Sách,
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
Ô. Luân Tâm. Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diễm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường,
Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

<u>BIÊN KHẢO</u>	Trang		Trang
TRẦN BÍCH SAN:	10	TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	179
Nhà Văn Nữ Việt Nam		Mùa Hè Sau Lưng	
NGUYỄN VĂN THÀNH & BK	25	HỒNG THỦY: Rồi Cũng Bị Lãng Quên	182
Thơ Nguyễn Nhược Pháp		PHAN ANH DŨNG: Tình Cổ Hương	184
NGUYỄN VĂN NHIỆM	34	và NS Nguyễn Văn Đông	
Chùa Làng Qua Ca Dao		VŨ NAM: Chuyện Quê Nhà	189
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	49	Chuyện Quê Người	
Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa		PHẠM HỮU BÌNH: Chiếc Nhẫn Hột Soàn	193
PHẠM VĂN TUẤN: Alice Ann Munro	69	PHẠM XUÂN THÁI:	
SƠ LƯỢC VỀ HÁT BỘI	74	Ngủ Ngon Nhé Lucky	200
		NGUYỄN QUỐC KHẢI:	
		Nước Mỹ Vĩ Đại	204
		PHONG THU:	211
		Sài Gòn - Những Ngày Tháng	
		NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	216
		Hương Tình Ca	
		<u>THƠ</u>	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	07	TUỆ NGÀ: Giếng Thơm Hương Bưởi	33
Cỏ Thơm Mùa Hè Hai Mươi		Phượng Hồng Trong Thơ	
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Nỗi Buồn		KIM VŨ: Sóng	42
Khó Quên	43	VI KHUÊ: Tình Tự	42
ĐĂNG NGUYỄN: Cái Chết Muộn Màng	55	PHAN KHÂM: Huế Ơi	42
BS NGUYỄN QUỐC QUÂN: Thành Tựu	58	Ý ANH: Cỏ Thơm Hai Mươi	42
của Người Việt Quốc Gia Tại Hoa Kỳ		HỒ CÔNG TÂM:	
NGUYỄN THUY: Vân Nương LNC	84	Mây Văn Thơ Thất Ngôn	57
TRƯƠNG ANH THUY: "Lửa Ngông"	93	LÊ TRẠCH LỰU: Gọi Em Là	68
ĐỖ BÌNH: Dòng Tóc Bên Đồi	98	Nước Việt Nam	
TIÊU THU: Con Mưa Bất Chợt	104	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH:	83
XUÂN BÍCH: Khi Phách Nhà Thơ...	113	Những Mảnh Vỡ Siêu Linh	
HẢI BĂNG HOÀNG DÂN BÌNH	125	TRƯƠNG ANH THUY:	
Lê Thánh Tông		Em Bé Phù Tang	92
ĐÌNH CƯỜNG: ...Tranh Mai Thử	132	LÊ MAI LĨNH:	
DIỄM CHÂU: Số Con Rệp	138	Bài Thơ Gởi Vào Hư Không	97
Ỡ NGUYỄN: Văn Lao Đạo	144	BÙI THANH TIỀN:	
TÔN NỮ MẶC GIAO:		Trời Đất và Hư Không	103
Người Tình Của Tôi	152	LÝ HIẾU: Vụn Vặt Đồi Thương	103
PHƯƠNG LAN: Lầy Chồng Xa	159		
PHƯƠNG DUY TDC:	165		
Mối Tình Xa Xưa			
MÂY THU: Đôi Bạn	168		
PHONG THU: Cỏ Thơm Và Tôi	173		

	Trang		Trang
DIỆM TRẦN: Hoa Ti Gôn	111	NGUYỄN VĂN ĐÔNG:	
HẠ THÁI TQP: Dòng Sông Xưa...	112	Tình Cổ Hương	188
MỘT THỜI: Niềm Đau Thằng Tư	112		
KIỀU ANH: Nhớ Mong	143	<u>NHIẾP ẢNH</u>	
ĐT MINH GIANG:		MAI THỨ: Tranh Qua Cầu Đi Lễ	001
Màu tím Nhớ Nhung	150	NGUYỄN HUY LINH:	
NGUYỄN KINH BẮC: Phượng Tím	158	Hoa Hương Dương	102
VĂN THỊ KIỀU ANH:		TUÔNG VÂN: Hoa Ti Gôn	111
Vàng Trắng Nhớ	158	MAI THỨ: Tranh Hai Thiếu Nữ	222
NGUYỄN VÔ CÙNG: Dấu Cũ,	158		
Áo Trắng Ngày Xưa		<u>GIỚI THIỆU</u>	
DIỆM TRẦN: Ngày Mưa Nhớ Nhà	183	HA NGUYỄN & ASSOCIATES:	02
<u>TIỂU SỬ TÁC GIẢ</u>		BAN TRỊ SỰ VÀ BIÊN TẬP	03
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH	54	DANH SÁCH HỘI VIÊN	04
TÔN NỮ MẶC GIAO	155	WASHINGTON MUSIC	56
PHONG THU	178	DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ-TẬP 2	82
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU	181	DẤU CHÂN KỶ NIỆM:	118
		Thơ Nguyễn Phú Long	
<u>GIAO ĐIỂM</u>		DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ:	124
ENRICO MACIAS: Adieu Mon Pays	48	Phạm Văn Tuấn	
TM NGÔ TĂNG GIAO:		SOVEREIGN REALTY, INC.	135
Vĩnh biệt Quê Tôi	48	MUA XUÂN – SPRING RAIN	187
DIỄM HOA: Comme L'Hirondelle	117	Tâm Minh Ngô Tăng Giao	
THANH-THANH: A Summer Day	117	Phòng Khám Bệnh:	192
		BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	
<u>NHẠC</u>		BUỐC LẠ QUÊ HƯƠNG - Bút ký	199
HỒ BẢNG: Biết đến Bao giờ	130	Nguyễn Thị Ngọc Dung	
(Thơ Phan Khâm)		Phòng Khám Bệnh:	218
NGUYỄN TẤT VĨNH :Nét Đẹp Tình Quê		BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	
(Thơ Nguyễn Phú Long)	136	HARVEST MOON RESTAURANT	220
HUY THẠCH: Nhặt Nhòa Tình Xưa		Văn Phòng Luật Sư: IVAN M.	221
(Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung)	157	WALDMAN & ASSOCIATES	
		<u>PHÂN ƯU</u>	
		NHÀ THƠ NGHỆ SĨ HOÀNG SƠN	143
		ÔNG HOÀNG THẾ HUÂN	219

Cỏ Thơm

Mùa Hè Hai Mươi Tuổi

Đúng vậy, thưa quý vị. Cỏ Thơm đang ở trong mùa hè nồng nàn, tràn đầy hương sắc của tuổi 20. Tuy được hưởng những ân sủng văn chương hoa gấm, những Cỏ Thơm vẫn hướng về bốn phương trời, vẫn có cảm xúc cho những trăn trở của xã hội, những xoay vần xảy ra trong vũ trụ. Cỏ Thơm đã nhìn thấy những gì, đã cảm thấy những gì xung quanh và khắp thế giới. Trước tiên, Cỏ Thơm muốn nói tới những đặc biệt trong mùa xuân qua.

Mùa xuân năm nào người Việt di cư cũng mặc niệm cho ngày tháng tư đen. Nhưng đặc biệt mùa xuân năm nay chúng ta tưởng niệm 40 năm mất miền Nam Cộng Hòa, mất Sài Gòn hoa lệ, Sài Gòn Hòn Ngọc Viễn Đông. Sài Gòn bị đổi tên. Khắp các thành phố lớn hải ngoại treo Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ rũ trong ngày 30 tháng tư. Nhưng sau đó những lá Cờ Vàng lại được kéo cao, ngạo nghễ tung bay trong gió. Những cuộc biểu tình rầm rộ tràn ngập màu Cờ Vàng phản đối Việt cộng uơon hèn trước xâm lăng của Tàu cộng, phản đối Việt cộng áp bức, giam cầm người yêu nước tranh đấu cho nhân quyền, nhân bản của người dân, phản đối Việt cộng tham nhũng, bóc lột tài sản của đồng bào. Dân nghèo vẫn đói khổ, làm than, người già vẫn sống vất vưởng, thương binh trong cuộc tương tàn của đất nước vẫn sống lê la, lay lắt, trẻ em vẫn thất học, vẫn chân đất lội bùn, lội suối, leo cầu khỉ đến trường. Bao giờ mới hết cảnh nhói tim, thất ruột, đau lòng ấy trên quê hương chúng ta.

Về vấn đề báo chí, sách vở in ấn ở Việt Nam vẫn bị kiểm duyệt. Sách báo có một vài câu, một vài chữ than phiền về tình trạng thấp kém, tệ nạn tại Việt Nam đều không được phép in. Tác giả bị công an phiền nhiễu, treo bút hay bị tù tội. Sách báo gửi qua bưu điện về Việt Nam không bao giờ đến tay người nhận. Sách báo mất tăm mất tích chỗ nào, chúng ta cũng thừa biết. Các anh VC mở gói đồ ra khám xét, một là sách báo bị ném vào thùng rác, hai là bị lấy cắp, đọc trộm và giấu biến luôn. Dù tin như vậy, nhưng vì được yêu cầu của độc giả, Cỏ Thơm thỉnh thoảng đã gửi sách báo về Việt Nam và đã gặp những trường hợp trên. Thực ra Cỏ Thơm cũng thử thí nghiệm, dù biết sẽ bị mất cũng chẳng đáng là bao. Sách báo không đến tay người nhận, cũng cho VC nào đó trong nước đọc và mở mắt ra.

Chuyện "bên nhà" thì như vậy, chuyện người thì sao? Ôi cái chuyện động đất ở xứ Nepal kinh khủng quá. Máy thành phố sập đổ, vụn nát chôn sống 8000 người và mấy trăm ngàn bị thương. Nhưng được xem hình ảnh 7000 con trâu bị dân Nepal đập chết mỗi năm để tế thần thì cũng rùng rợn lắm. Trâu bò là sức sống, là miếng ăn, mà họ đã tàn sát chúng. Thảo nào họ nghèo là phải. Cũng may dân Việt Nam không đến nỗi tệ lậu như vậy. Không biết dân Nepal còn giữ cái tục lệ dã man này sau trận động đất kia không?

Chuyện "bên đây", không xa thủ đô Hoa Thịnh Đốn, thì xảy ra những vụ nổi loạn phá phách, đốt cửa tiệm, hôi của ở Baltimore, ở South Carolina. Cảnh sát và quân đội phải đi dẹp y như là có nội chiến. May mắn chuyện này không xảy ra với "người anh em con cháu mình". Trái lại người Việt di cư tị nạn chúng ta lại được rất nể trọng và tín nhiệm ở mọi nơi. Vinh dự thay!

Về sinh hoạt cộng đồng ta, trong vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn có một buổi văn nghệ đại quy mô "Những Ngày Tháng Không Quên" kỷ niệm "40 năm Xa Xứ" do cặp uyên ương nghệ sĩ Đèo Văn Sách và Kim Phụng tổ chức ngày 12 tháng 4, 2015. Chương trình đã quy tụ hầu hết các nghệ sĩ thượng thặng của Thủ Đô. Vào cửa tự do. Thế mới biết sự đam mê ca nhạc và hy sinh của người tổ chức cho văn nghệ cao quý nhường nào. Dù cho một số thân hữu tình nguyện đóng góp cũng không bù đắp ngân khoản chi tiêu. Khán thính giả lên tới 450 người đầy chật hội trường. Có những bài hát và nhạc cảnh thật cảm động đã làm rơi lệ cho một thời quốc nạn đau thương và vẫn còn đang tiếp diễn. Mời quý vị đọc bài tường thuật của Nhà văn Phong Thu (trang 211).

Trong dịp mặc niệm 30 tháng tư đến vừa qua chúng tôi cũng nhận được tin buồn Nhà thơ Nghệ sĩ Hoàng Sơn, phu quân nữ sĩ Văn Thị Kiều Anh, đã tạ thế ngày 25 tháng 4, 2015 tại Thành phố Minneapolis, hưởng thọ 88 tuổi. Nhà thơ Kiều Anh là đại diện Cỏ Thom tại Tiểu Bang Minnesota. Ban Quản Trị và Ban Biên Tập Cỏ Thom xin chia buồn cùng Nữ Sĩ Văn thị Kiều Anh và tang quyến. Cầu chúc người quá cố an bình về nước Chúa.

Độc giả Cỏ Thom là Ông Hoàng Thế Huân, anh của độc giả Hoàng Thế Văn và MC Thái Phụng đã qua đời trong tháng 5. Cỏ Thom xin chia buồn cùng Bà Hoàng Thế Huân và tang quyến. Xin cầu linh hồn người quá cố được thanh thoi về cõi vĩnh hằng.

Một tin để chúng ta khắp khởi mừng là chính phủ Mỹ đã ra mặt phản đối Trung cộng, và cho máy bay thám thính trên không phận Hoàng Sa, Trường Sa và quốc tế trong vùng Đông Nam Á mà Trung Cộng âm mưu nắm chủ quyền. Mong rằng Việt Nam được các nước láng giềng, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Indonesia và nhất là cường quốc Mỹ giúp đỡ chống lại sự đàn áp và xâm lấn Tầu Cộng.

Cỏ Thom cũng xin mượn số báo này gửi lời chúc mừng:

- Nhà văn Thơ Thơ ra mắt tập truyện "Khải Thê" ngày 5 tháng 4 tại Virginia. Thơ Thơ là cháu của Nhà văn Nguyễn Lân, hậu duệ dòng họ Nguyễn Tường, Tự Lực Văn Đoàn.

- Văn Thi sĩ Lê Mai Linh cho ra đời tuyển tập Lê Mai Linh.

- Văn Thi sĩ Nguyễn Phú Long cho chào đời "Dấu Chân Kỷ Niệm".

- Nhà thơ Nguyễn Đức Liêm vừa cho ra mắt Tuyển Tập Thơ Thứ 3 tại Virginia.

- Danh Nhân Trong Lịch Sử tập I và tập II của Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn.

- Tập thơ song ngữ "Mưa Xuân – Spring Rain" của Nhà thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao.

- Tập bút ký "Bước Lạ Quê Hương" của Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Cảm ơn Nhà Văn Phương Lan đã gửi tặng tập truyện ngắn "Lấy Chồng Xa" và "Tiếng Dương Cầm", băng đọc truyện "Tình Già" và "Cái Xe Gõ".

Rồi những ngày mặc niệm 30 tháng tư qua đi, cộng đồng tạm cất niềm đau tổ quốc trong lòng và trở lại với sinh hoạt hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Giờ đây thời tiết đã vào hè nóng bức, nhưng vườn văn học Cỏ Thom vẫn nồng nàn bài vở cho số báo kỷ niệm 20 năm sinh hoạt vào Chủ Nhật trọng đại, 21 tháng 6, 2015.

Các tác giả Cỏ Thom đã hào hứng gửi sáng tác biển khảo, biên soạn, truyện, thơ về tòa soạn. Ngọc Dung hân hoan được đọc trước quý vị độc giả khác và vui thích trình bày từng bài, từng trang báo được tròn trịa, đẹp mắt. Có những bài viết được gửi tới theo format cầu kỳ hay

program cũ là một thách đố cho người layout báo nhưng khi giải quyết được vấn đề thì cũng là một hài lòng, vui thú. Số báo này số trang sẽ nhiều hơn các số báo Cỏ Thom từ trước tới nay. Vì là số đặc biệt nên nhận được bao nhiêu bài viết, chúng tôi đăng bấy nhiêu, dù biết cước phí in ấn nhiều hơn và phải mua bao thư lớn hơn. Quý vị sẽ đọc mệt nghỉ khi báo tới tay.

Nếu những cây viết kỳ cựu viết ít đi, sẽ có những cây viết trẻ trung, những cây viết mới viết mạnh hơn vì họ còn nhiều tâm sự, còn nhiều tư tưởng chứa chất trong tâm trí, tâm hồn. Văn chương người Việt hải ngoại vẫn hy vọng phong phú, trường tồn. Vì ảnh hưởng tự do báo chí, tự do ngôn luận, truyền thông của các nước tự do Âu Mỹ, chúng ta yêu chuộng viết thẳng, viết thật.

Như quý vị độc giả xem đây, số báo này vẫn đông đủ tên tuổi các tác giả Cỏ Thom. Họa sĩ Đinh Cường dù qua một cuộc giải phẫu, đã khỏe lại và có bài viết rất quý về tranh của cố Họa sĩ Mai Thứ (trang 132). Bìa trước của Cỏ Thom in bức tranh "Qua Cầu Đi Lẽ" và bìa sau có tranh "Hai Thiếu Nữ". Xin cảm ơn Họa sĩ Đinh Cường và tất cả quý tác giả đã đóng góp bài vở tạo nên số báo phong phú này.

Trong đề tài 40 năm bỏ xứ đi tìm tự do của người Việt tị nạn cộng sản, Cỏ Thom hân hạnh đăng trong số báo này hai bài viết rất hữu ích, đáng suy nghĩ và học hỏi là: "*Thành Tựu Của Người Việt Quốc Gia Tại Hoa Kỳ*" của Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân (trang 58) và "*Nước Mỹ Vĩ Đại*" của Chuyên Gia kinh tế học Nguyễn Quốc Khải (trang 204). Quý vị độc giả chớ bỏ qua.

Cỏ Thom số mùa thu tới sẽ có đề tài về cái hay, cái dở, cái đẹp, cái xấu, ưu điểm, khuyết điểm của phong tục, tập quán, của nền văn hóa Việt Nam từ trước tới nay. Cỏ Thom mong nhận được những suy tư, những bài viết liên quan đến vấn đề quan trọng này để chúng ta cùng tìm hiểu và cải tổ, xây dựng xã hội Việt Nam hiện tại và tương lai.

Trong số báo kỷ niệm 20 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật, Cỏ Thom cũng đặc biệt có bài biên khảo của Chủ bút Trần Bích San. Dù rất bận, anh cũng bỏ công thâm thập các tài liệu viết về các nhà văn nữ của Việt Nam xưa, của miền Nam trước 1975 và hải ngoại sau này (trang 10). Anh nói, đây là một bài sơ khảo chưa được đầy đủ các chi tiết cần thiết về các tác giả. BKG Trần Bích San than rằng các nhà văn thơ nữ thường hay quên không viết ngày sinh, năm sinh của mình. Tiểu sử tác giả thiếu sinh quán và ngày sinh sẽ là một trở ngại lớn cho các biên khảo gia bây giờ và mai sau. Trong tương lai anh Trần Bích San sẽ có một quyển văn học sử kê khai đầy đủ chi tiết để đời của các tác giả. Chủ nhiệm đã xin tiểu sử của các tác giả Cỏ Thom và lưu trữ trong Báo và Website Cỏ Thom là vì vậy. Khi viết, các tác giả tài năng thiên phú, gửi gắm tâm tình cao quý, tôn trọng sự thật, chân thành với lời văn, tiếng thơ của mình, đời sẽ ngưỡng mộ, tên tuổi sẽ đi vào văn học sử, không bây giờ thì mai hậu.

Xin cảm ơn quý vị đã là độc giả, là tác giả, là ân nhân Cỏ Thom 20 năm qua. Cứ đà sáng tác đều đặn và nội dung phong phú, bổ ích như trong số báo này, Cỏ Thom sẽ thom lâu dài và bất diệt phải không quý vị.

Chúc quý vị một mùa hè bình an, vui tươi, hạnh phúc. Hẹn tái ngộ cùng quý vị cũng trên trang báo này vào mùa thu Cỏ Thom 20 tuổi, cuối tháng 9, 2015.

Kính chào quý vị,

Nguyễn Thị Ngọc Dung

NHÀ VĂN NỮ VIỆT NAM

TRẦN BÌNH SAN

NỮ SĨ CHỮ NÔM TRONG VĂN HỌC LỊCH TRIỀU

Nếu xét lịch trình tiến hóa nền văn học phái nữ về phần chữ Hán thì bản khởi nghĩa *Đại Cáo và Lời Thề Sông Hát* của Hai Bà Trưng viết năm Canh Tý (40 STL) là những văn bản trước nhất [01]. Sau đó, Ý Lan (1044-1117) [02], nguyên phi của vua Lý Thánh Tông (1054-1072), là nữ sĩ đầu tiên.

Nếu xét về phương diện văn chương Việt thuần túy, bài *Cư Trần Lạc Đạo Phú* là áng văn viết bằng chữ nôm đầu tiên của nam giới (do vua Trần Nhân Tông (1279-1293) sáng tác, in trong tập *Thiền Tông Bản Hạnh*). Về phần nữ giới, ngoài một số tục ngữ ca dao có thể do đàn bà trong dân gian sáng tác, bài thơ tức cảnh gồm bốn câu của Điềm Bích [03] đời vua Trần Anh Tông (1293-1314) vô tình đã mở đường nền văn học tiếng mẹ đẻ của phái nữ nước ta. Bài thơ Điềm Bích làm năm 1313 với mục đích vu oan cho sư Huyền Quang trở thành viên đá đầu tiên của Nữ Lưu Văn Học Sử Việt Nam:

*Vàng vặc trắng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc ngâm sen
Người hòa tươi tốt cảnh hòa lạ
Mẫu Thích Ca nào thử hữu tình*

Sau Điềm Bích, văn chương chữ Nôm phái nữ trong văn học lịch triều mãi hơn bốn thế kỷ sau mới được tiếp nối bởi Đoàn Thị Điểm (1705-1748) với *Chinh Phụ Ngâm* (dịch *Chinh Phụ Ngâm Khúc* chữ Hán của Đặng Trần Côn), Lê Ngọc Hân với *Văn Tế Vua Quang Trung* (1792), Hồ Xuân Hương với *Xuân Hương Thi Tập* (tiền bán thế kỷ thứ 19) và các bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan (tiền bán thế kỷ thứ 19).

CÁC NHÀ VĂN NỮ THỜI TIỀN CHIẾN

Cho tới đầu thế kỷ 20 lịch sử văn học phái nữ chỉ gồm các sáng tác về thi ca. Phải chờ tới khi Đông Dương Tạp Chí (1913) và Nam Phong Tạp Chí (1917) ra đời, tiếp theo sự phát triển về nghề báo ở nước ta, bên cạnh những bài thơ của Song Thu, Vân Đài, Cao Thị Ngọc Anh, bắt đầu có thêm những bài viết về văn xuôi của nữ giới. Năm 1928, tác phẩm *Giọt Lệ Thu*, vừa văn xuôi vừa thơ của Trương Phổ (đăng trên Nam Phong Tạp Chí số 131, tháng 07, 1928) được nhiều người chú ý. Với lối văn vắn mà mỗi đoạn là một tiếng khóc thiết tha ai oán và với những lời thơ thể lương ảo não than mây khóc gió đã gây ảnh hưởng tràn lan một thời cho tới khi Tự Lực Văn Đoàn ra đời đem lại làn gió trẻ trung yêu đời.

Từ 1930 đến 1945 con số phụ nữ theo đuổi nghiệp văn chương tuy gia tăng với sự tham gia của Mộng Sơn, Mộng Tuyết, Tú Hoa, Đoàn Tâm Đan, Hằng Phương, Ngân Giang, Thu Hồng, Anh Thơ, Ái Lan, Thụy An, nhưng người làm thơ vẫn nhiều hơn viết văn xuôi. Trong Nam, Nguyễn Thị Mạnh Mạnh (Nguyễn Thị Kiêm) hoạt động tích cực với những buổi tranh luận về thơ mới thơ cũ, Vân Anh cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn* (Sài Gòn), Thụy An chủ trương báo *Đàn Bà Mới* (Sài Gòn), và sau

này, tờ *Đàn Bà* xuất bản tại Hà Nội. Huỳnh Thị Bảo Hòa, Đạm Phương viết cho tờ *Tiếng Dân* ở Huế. Ngoài Bắc, Mộng Sơn chủ biên tờ *Việt Nữ* (Hà Nội).

Trong không khí văn học nhộn nhịp tràn ngập tác phẩm các tác giả phái nam, ấn hành bởi các nhà xuất bản Tân Dân, Nam Ký, Thụy Ký, Đắc Lập, Mai Lĩnh, Cộng Lực, Đồi Mới, Đồi Nây, Minh Phương, Hương Sơn, Hàn Thuyên, Tân Việt, nữ giới góp mặt thật khiêm nhường với ba tác phẩm như những bông hoa sung nở ra lẻ loi giữa cánh đồng chiêm menh mông ngày nước lũ: *Tổ Mai* của Đoàn Tâm Đan (Hương Tuyết, Hà Nội, 1935), *Bóng Mơ* của Tú Hoa (Đồi Nây, Hà Nội, 1942), *Một Linh Hồn* [1942] của Thụy An [04]. Dù tác phẩm *Một Linh Hồn* được Vũ Ngọc Phan phê bình trong *Nhà Văn Hiện Đại* với nhận xét “một tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước tới nay”, nhưng tiếng vang cũng chỉ thoáng qua như một cơn mưa bóng mây.



Trương Phổ



Thụy An

CÁC NHÀ VĂN NỮ DƯỚI CHÍNH THỂ QUỐC GIA

Trong suốt cuộc chiến tranh Việt-Pháp từ năm 1946 đến 1954 có thêm một số người cầm bút phái nữ sáng tác văn xuôi như Minh Quân, Trúc Liên, Thu Vân, Đỗ Phương Khanh, Hợp Phố, Xuân Nhã, Đặng Thị Thanh Phương, Thiếu Mai Vũ Bá Hùng. Tác phẩm xuất bản trong thời gian này có thể kể *Chị Dung* của Hợp Phố (1949), *Trời Đã Xế Chiều*, *Nắng Đẹp Hoàng Hôn* (1951) của Thiếu Mai Vũ Bá Hùng, *Bốn Mớ Tóc* (1951) của Thụy An. Trong không khí chiến tranh ngày một trở nên khốc liệt có thêm *Làm Nũng* (1952), *Vượt Cạn* (1952) của Mộng Sơn [05]. Linh Bảo [06] với *Gió Bắc* (1952), Nguyễn Thị Vinh với *Hai Chị Em* (1953), *Thương Yêu* (1954) tạo được sự chú ý tương đối của độc giả trong một thời gian ngắn. Thực ra, không riêng gì phái nữ, sinh hoạt văn học nghệ thuật cả nước bị chìm khuất bởi tình hình chiến sự nóng bỏng với các trận đánh lớn đang diễn ra khắp nơi nhất là mặt trận Điện Biên Phủ.

Từ 1955 tới 1965 tuy nữ giới vẫn đóng góp đông đảo về thể thơ nhưng không có tác giả nào nổi bật, văn xuôi hầu hết là thể truyện ngắn: *Hai Mối Tình* (1958) của Quỳ Hương, *Xóm Nghèo* (1958), *Men Chiều* (1960) của Nguyễn Thị Vinh, *Tàu Ngựa Cũ* (1961), *Những Đêm Mưa* (1961), *Chiếc Áo Nhung Lam* (1961) của Linh Bảo, *Đất Mẹ*, *Màu Mưa Đêm* của Thu Vân. Trong thời gian này chưa tác giả nào cho ra đời được tác phẩm văn học nổi bật đáng kể, các tiểu thuyết của Tùng Long, Lan Phương chỉ có tính cách giải trí.

Năm 1966 là mốc lớn đánh dấu thành công văn học phái nữ. Tác phẩm có công phá vỡ cái không khí sinh hoạt trầm lặng cổ hủ của phụ nữ, tạo được dư luận sôi nổi hào hứng là *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn Thị Hoàng [07], *Mèo Đêm* của Nguyễn Thị Thụy Vũ [08], Nhã Ca với *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác*. Kể từ năm 1966 nữ giới thực sự chiếm được địa vị trong sinh hoạt văn học Việt Nam, dành ưu thế qua sự đón nhận nồng nhiệt từ phía độc giả (các tác phẩm của ba nhà văn nữ

trên là những đầu sách best seller bán chạy nhất năm 1966). Giai đoạn 1966-1975 vai trò của họ được củng cố thêm với Trần Thị Ngh. [09], Dung Sài Gòn, Túy Hồng, Trùng Dương [10], Lê Hằng (tác giả có 12 tác phẩm bán chạy nhất). Một sự kiện đáng ghi nhận là tuy thành phần các cây viết nữ có cả luật sư, bác sĩ, giáo sư, chủ nhiệm, chủ bút, nhưng mảnh đất biên khảo trong khu vườn văn học vẫn thiếu vắng bàn tay bạn gái.



CÁC NHÀ VĂN NỮ HẢI NGOẠI

Từ sau biến cố 1975, trong bốn thập niên vừa qua có thêm nhiều phụ nữ tham gia cầm bút ở nước ngoài. Các nhà văn nữ với tác phẩm về thi ca và văn xuôi có số lượng độc giả cao phải kể tới Bùi Bích Hà, Dương Như Nguyễn, Hoàng Dược Thảo, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Thị Hoài, Tiểu Thu, Trần Diệu Hằng, Trần Mộng Tú, Trần Thị Bông Giấy, Trương Anh Thụy, Vi Khuê.



Trong số đông đảo các nhà văn này, Hoàng Dược Thảo gây sôi nổi sinh hoạt truyền thông báo chí qua những bài *Phiếm Dị* châm biếm sắc bén với lời văn pha chút hài hước rất có duyên đăng hàng tuần trên hệ thống báo Sài Gòn Nhỏ. Hai tập hồi ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung đã tạo dư luận một thời và được nhiều độc giả đón nhận. Trương Anh Thụy với tác phẩm *Chuyến Mùa* đoạt giải Văn Học Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do Kỳ II là một thành đạt lớn, đánh dấu đỉnh cao văn chương nữ giới hải ngoại.



Riêng trong lãnh vực biên khảo, phê bình văn học rất ít phụ nữ tham dự. Tuy thế, Nguyễn Thị Chân Quỳnh và Thụy Khuê đã tạo được vị thế vững vàng nhờ những công trình khảo cứu công phu có giá trị lâu dài và những tiểu luận văn học sâu sắc, mới lạ.



Các nhà văn nữ có tác phẩm bằng Việt ngữ được liệt kê trong danh sách dưới đây gồm cả một số tác giả trước 1975 vẫn tiếp tục sáng tác ở hải ngoại:

HOA KỲ

Bùi Bích Hà sinh trưởng tại Huế, hiện sống ở Orange County, California, cộng tác với báo Thế Kỷ 21, Người Việt, Phụ Nữ Ngày Nay, Phụ Nữ Diễn Đàn, Văn Nghệ Tiền Phong, Chiều Dương, Tín Điện, Văn Học, Hợp Lưu.

Tác phẩm: *Buổi Sáng Một Mình* (truyện ngắn, nxb Người Việt, CA, 1989), *Bạn Gái Nhỏ To* (hỏi đáp tâm lý, nxb Người Việt, CA, 1991)

Cao Mỹ Nhân sinh tại Chapa Hoàng Liên Sơn, về Hải Phòng học trường nữ tiểu học Lê Hải, di cư vào Nam năm 1954 ở Sài Gòn, theo học trường nữ trung học Trưng Vương, rồi trường Cán Sự Xã Hội Caritas. Gia nhập quân lực VNCH, trưởng phòng Xã Hội Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I. Cộng tác với các báo Phụ Nữ Diễn Đàn, Văn Nghệ Tiền Phong, Thời Luận, Chỉ Đạo, v.v. 1975 bị tù “cải tạo”, đến Mỹ năm 1991 theo diện HO, định cư tại Hawthorn, California, viết cho báo Chân Nguyên, Hội Ngộ, Phụ Nữ Đẹp, Dân Ta. Tổng Thư Ký Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Miền Nam California (1994-1996).

Tác phẩm: *Hoa Sao* (thơ, Sài Gòn, 1958), *Thơ Mỹ* (thơ, nxb Thế Phong, Sài Gòn, 1960), *Chôn Bụi Hồng* (bút ký, nxb Sông Thu, CA, 1994).

Dương Như Nguyễn sinh ở Hội An năm 1958, còn có bút hiệu Uyên Nicole Dương, thời thơ ấu ở Huế, lớn lên ở Sài Gòn, học trường nữ trung học Trưng Vương. Được giải danh dự Văn Chương Phụ Nữ Toàn Quốc cho các nữ sinh VNCH (tháng 3/1975). Rồi VN tháng 04, 1975, theo học đại học Illinois, tốt nghiệp tối ưu cử nhân Báo Chí Truyền Thông (BA summa cum laude), tiến sĩ Luật Khoa hạng ưu University of Houston (J.D. cum laude), thạc sĩ Luật Khoa hạng tối ưu, Harvard University (LLM summa cum laude). Đã giữ chức vụ chánh án thành phố Houston, Texas, hiện là giáo sư đại học Luật Khoa Denver, Colorado.

Tác phẩm: *Mùi Hương Quê* (truyện ngắn, nxb Văn Nghệ, CA, 1999), *Chín Chữ Của Nàng* (truyện ngắn, nxb Văn Mới, CA, 2005), *Con Gái Của Sông Hương* (Daughters of the River Hương, nxb Ravensyard, USA, 2005). *Bưu Thiếp Từ Nam* (truyện dài, nxb Văn Mới, CA, 2006).

Hoàng Dược Thảo tên thật Huỳnh Thụy Châu, sinh năm 1949 tại Sài Gòn, còn có bút hiệu Đào Nương, Nghé Ngộ, học chương trình Pháp, lập gia đình với nhà thơ Du Tử Lê. 1975 tốt nghiệp đại học Dược Khoa Sài Gòn. Tháng 04, 1975 kết lại VN, sau qua Pháp dưới diện Pháp tịch hồi hương, định cư tại Orange County, California, nổi tiếng trong làng báo hải ngoại từ thập niên 90 với những bài phiếm, tùy bút và truyện ngắn. 1985 thành lập hệ thống tuần báo Sài Gòn Nhỏ tại các thành phố đông người Việt. Chủ nhiệm, chủ bút nguyệt san Chiên Sĩ Cộng Hòa, Việt Cosmo, tạp chí văn học Tân Văn.

Tác phẩm: *Tiểu Thư Con Gái Nhà Ai?* (truyện ngắn, nxb Sài Gòn Nhỏ, CA, 1995).

Hồng Thủy còn có bút hiệu Mộng Huyền, sinh ngày 8 tháng 11, 1941, học trường nữ trung học Trưng Vương Sài Gòn, bắt đầu viết từ 1958 cho báo Ngôn Luận, Tiếng Chuông, hiện sống tại Gaithersburg, Maryland. Từ 1986 cộng tác với nguyệt san Phụ Nữ Việt (CA), chủ biên đặc san Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn, phụ tá chủ bút nguyệt san Kỷ Nguyên Mới (VA), phó chủ tịch nội vụ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, trong ban biên tập tạp chí văn học Cỏ Thom (VA),

Tác phẩm: *Tuyển Tập Truyện Ngắn Phụ Nữ Việt* (nhiều tác giả, CA, 1994), *Tuyển Tập Phụ Nữ Việt* (nhiều tác giả, CA, 2006, 2007, 2008), *Những Cánh Hoa Đại Màu Vàng* (truyện ngắn, nxb Kỷ Nguyên Mới, VA, 2010).

Lê Hằng sinh năm 1948 tại Hải Dương, dạy học, truyện ngắn đầu tay *Người Thầy Lặng Lẽ* đăng trên nguyệt san Tuổi Hoa năm 1967. Trước 1975 có 12 tác phẩm bán chạy nhất ở Miền Nam. Hiện cộng tác với một số tạp chí văn học ở Mỹ và Úc.

Tác phẩm: *Thung Lũng Tình Yêu, Bản Tango Cuối Cùng (1972), Ngựa Hồng, Mắt Tím, Tình Yêu Như Bông Sen (1973), Chết Cho Tình Yêu, Kinh Tình Yêu, Sốc Nâu (1974), Chiều Gió (1974), Màu Xanh Đang Lên, Như Sương Long Lanh.*

Tác phẩm ở hải ngoại: *Satan Dịu Dàng (truyện ngắn, 1992), Nghệ Làm Vua (truyện dài, 1992)*

Lê Thị Huệ sinh năm 1953 tại Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, dạy học. Sau 1975 sống ở San Jose, California, cộng tác với tạp chí Dân Việt, Văn, Văn Học, Nghệ Thuật, Làng Văn, Nhân Văn, Thế Kỷ 21.

Tác phẩm: *Bụi Hồng (truyện ngắn, nxb Lũy Tre Xanh, 1984), Kỷ Niệm Với Mỹ Ảnh (truyện, nxb Lũy Tre Xanh, 1987), Rong Rắn (truyện dài, nxb Lũy Tre Xanh, 1989), Khởi Đi Từ Ngây Thơ Để Đến Gần Sự Thật (tùy bút, nxb Lũy Tre Xanh, 1995).*

Lê Thị Thắm Vân tên thật Lê Thị Hoàng Mai sinh năm 1961, qua Mỹ năm 1975, hiện sống ở bắc California, viết cho tạp chí Văn, Văn Học, Làng Văn, Hợp Lưu, Thế kỷ 21.

Tác phẩm: *Đôi Bờ (truyện ngắn, 1993), Mùa Trắng (truyện dài, 1995)*

Ngọc An tên thật Nguyễn Thị Ngọc An, còn có bút hiệu Uyên Thi, sinh năm 1952 tại Vũng Tàu, hiện sống ở San Jose, California. Trước 1975 viết cho tạp chí Phụ Nữ Diễn Đàn, ở hải ngoại viết cho các báo ở Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, và Pháp, thành viên của hội Những Nhà Thơ Tài Từ Việt Nam (Vietnamese Amateur Poets Society).

Tác phẩm: *Một Phía Trời Thơ (với nhiều tác giả), Cúm Hoa Tình Yêu 1, 2, 3 (nhiều tác giả), Tiếng Thơ Hải Ngoại (nhiều tác giả) Tuyển Tập Xuân Thu (nhiều tác giả), Tiếng Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng (1996), Rừng Thu Xưa Vẫn Nhớ (1998).*

Ngọc Anh tên thật Nguyễn Ngọc Kim Anh, sinh quán Sài Gòn, lớn lên ở Đà Lạt, học trường nữ trung học Bùi Thị Xuân, vào Sài Gòn học Đại Học Văn Khoa, hiện sống ở California.

Tác phẩm: *Chân Dung (truyện, nxb Tình Thương, 1994), Mưa Xuống Cuộc Đời (truyện dài, nxb Phương Đông, 1996), Thương Tiếc (truyện, nxb Làng Văn, Canada, 2002)*

Ngọc Thùy sinh năm 1955 tại Phong Dinh, hiện sống ở San Jose, California.

Tác phẩm: *Như Giấc Mơ Vàng (truyện), Em Thằng Chạp (truyện), Bé Yêu Đời (sách nhi đồng), Cho Nhau Một Góc Biển Trời (thơ), Quả Bóng Tuổi Thơ (sách nhi đồng), Bé Yêu Người (sách nhi đồng).*

Ngô Tịnh Yên tên thật Ngô Thị Tuyết Trinh, còn có bút hiệu Mimosa, Trà My, sinh tại Sài Gòn, có tên trong 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995 (nxb Đại Nam, CA, 1995).

Tác Phẩm: *Ngũ Long Công Chúa (truyện tuổi học trò), Ở Nơi Nào Cũng Có Tình Yêu (thơ), Lãng Mạn Năm 2000 (thơ, 1996).*

Nguyễn Huỳnh Mai sinh tại An Giang, tốt nghiệp về báo chí năm 1972 và viết cho tuần báo Tìm Hiểu, nhật báo Chính Luận, phụ tá giám đốc công ty Pasefoco. Sau 1975 định cư ở Minnesota, rồi California. 1980 Tốt nghiệp cử nhân Public Communication/Radio and Television Broadcasting, Long Beach University, làm việc cho KCET-Los Angeles và KOCE-50 Orange County chương trình người tị nạn Đông Nam Á. Từ 1981 đến 2004 chủ bút Đuốc Từ Bi của Phật Giáo Hòa Hảo, sáng lập website Phật Giáo Hòa Hảo. Bắt đầu viết lại từ 1976 cho tạp chí Việt Nam Hải Ngoại (San Diego, CA), Người Việt (Orange County, CA), Việt Báo (Orange County, CA), Người Việt Tự Do (Nhật Bản).

Tác phẩm: *Cô Bé Làng Hòa Hảo* (hồi ký, 1995), *Hồn Thiêng Dân Tộc* (nxb Mõ Làng, 1997), *Lên Đường, Lời Thầy Dạy, Cửu Long Giang Vùng Dậy*.

Nguyễn Thị Hoàng Bắc sinh năm 1942 nguyên quán Quảng Bình, lớn lên ở Nha Trang, tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, dạy học tại Nha Trang, viết báo Điện Tín. Sau 1975 tiếp tục dạy học tới 1979. 1985 vượt biển qua Hồng Kông, định cư ở Virginia. Bắt đầu viết cho tạp chí Văn Học bằng tự truyện “*Mặt Trận Dài*”, cộng tác với tạp chí Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Giao Điểm, Phụ Nữ Diễn Đàn, tạp chí Thơ, Sóng Văn, Làng Văn, Trăm Con.

Tác phẩm: *Long Lanh Hạt Bụi* (nxb Văn Nghệ, CA), *Bên Lở Bên Bồi* (nxb An Tiêm, CA), *Kèo Neo Mà Chạy* (nxb Văn Mới, CA 1997).

Nguyễn Thị Long An tên thật Nguyễn Kim Phụng, sinh tại Tân An, dạy học, vượt biên sang Cao Miên năm 1981, sống trong trại tị nạn 2 năm, đến Hoa Kỳ năm 1983, bắt đầu viết từ 1986, cộng tác với các tạp chí Văn, Văn Học.

Tác phẩm: *Bên Sông Vàm Cỏ* (nxb Xuân Thu, CA 1992)

Nguyễn Thị Ngọc Dung sinh năm 1939 tại Hà Nội, sau hiệp định Genève theo gia đình di cư vào Nam, bắt đầu làm thơ từ năm 1972, học trường nữ trung học Trưng Vương. Lập gia đình với nhà văn Văn Quang (Trung Tá Quân Đốc đài phát thanh Quân Đội). Ly dị, thành hôn với một giới chức Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, theo chồng sống ở Bruxelles (Bỉ) và Bonn (Đức). Sau 1983 về định cư ở Virginia. Chủ nhiệm, chủ bút tạp chí văn học Cỏ Thơm, có mặt trong tuyển tập *Những Nhà Văn Nhà Thơ Hải Ngoại 1975-2000* của Nguyễn Đình Tuyền, được giới thiệu trong *Tác Phẩm Đẹp của Bạn*, *Thập Thủy Tầm Phương*, *Giai Thoại Văn Chương*, *Nào Nức Hội Trăng Rằm* của Hồ Trường An, *Thi Văn Bình Thoại* của Nguyễn Văn Lượng. Trong tuyển tập thơ Đường luật Hương Mùa Cũ (Nhà thơ Huệ Thu chủ trương), trong *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Hội Văn Hóa Việt Pháp (Nhà thơ Nguyễn Đức Trung chủ trương), trong tuyển tập *50 năm Thơ Và Người Thơ* của Dương Huệ Anh, trong tập thơ xướng họa *Bút Ngổ Lờ* của nữ sĩ Trùng Quang, in chung thơ với nhiều tác giả trong tuyển tập thơ *Hoa Vàng*, trong tuyển tập truyện ngắn *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* với nhiều tác giả.

Tác phẩm: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (hồi ký, tái bản, nxb Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, VA, 1998), *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* (hồi ký, nxb Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, VA, 1996), *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (thơ, nxb Cỏ Thơm, VA, 1999), *Một Thoáng Mây Bay* (truyện ngắn, nxb Cỏ Thơm, VA, 2001), *Hoài Cảm* (thơ xướng họa, nxb Cỏ Thơm, VA, 2003), *Non Nước Đá Vàng* (bút ký, nxb Cỏ Thơm, VA, 2007), *Bước Lạ Quê Hương* (bút ký, nxb Cỏ Thơm 2015).

Nguyễn Thị Ngọc Lan sinh ngày 06 tháng 12, 1957 ở Huế, vượt biển bằng thuyền năm 1980, định cư ở Westminster, California, viết cho tạp chí Làng Văn, Tuổi Hoa, Văn, Văn Học, Tân Văn, có mặt trong *Trăng Đất Khách* (nhiều tác giả, nxb Làng Văn, Canada, 1987) và *20 Năm Văn Học VN Hải Ngoại* (Đại Nam, CA, 1995).

Tác phẩm: *Một Chút Hạnh Phúc Nhỏ* (CA, 1993),

Nguyễn Thị Ngọc Liên sinh tại Đà Nẵng, lớn lên ở Sài Gòn, tốt nghiệp cử nhân Anh Văn và Văn Chương Mỹ, định cư ở Hoa Kỳ từ 1975, bắt đầu viết từ 1976. Có hơn 20 truyện ngắn đăng trên các tạp chí Làng Văn, Thế Kỷ 21, Đặc San Quảng Đà. Có mặt trong *Thơ Văn Hải Ngoại* (Thái Tú Hạp, 1985), *Thơ Văn 90 Tác Giả Việt Nam Hải Ngoại* (Văn Hữu, 1982)

Tác phẩm: *Ca dao Tục Ngữ Góp Nhặt I & II* (viết với Phan Thị Tuy Sen, 1977 & 1982).

Nguyễn Thị Ngọc Nhung sinh năm 1955 tại Sài Gòn, bắt đầu viết từ 1975, hiện định cư tại Orange County, California viết cho tạp chí Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21, có mặt trong *Trăng Đất Khách* (nhiều tác giả, nxb Làng Văn, Canada, 1987) .

Tác phẩm: *Đêm Rồi Cũng Đi Qua* (truyện ngắn, nxb Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, VA, 1986).

Nguyễn Thị Thanh Bình sinh năm 1955 tại Huế, sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài Gòn ban Việt Văn, di tản năm 1975, tốt nghiệp cử nhân Đại Học LSU (Baton Rouge, Louisiana), hiện sống ở Virginia. Cộng tác với tạp chí Làng Văn, Văn, Văn Học, Người Việt, Thế Kỷ 21, Sóng, Phụ Nữ, Trăm Con, Diễn Đàn, Sóng Văn, Thời Tập, Độc Lập, Bách Việt, Hợp Lưu, Văn Uyên, Nắng Mới, Cỏ Thom. Từ 1996 đến 1999 trong ban biên tập tạp chí Sóng Văn, 2003 chủ bút Gió Văn (Texas). Góp mặt trong *23 Người Viết Sau 1975* (nxb Văn Nghệ, CA, 1988), *20 Năm Văn Học VN Hải Ngoại 1975-1995* (nxb Đại Nam, CA, 1995), *Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000* (nxb Văn Mới, CA, 2000).

Tác Phẩm: *Ở Đời Sống Đây* (truyện ngắn, nxb Đại Nam, CA, 1989), *Giọt Lệ Xè Hai* (truyện dài, nxb Văn Khoa, 1991), *Cuối Đêm Dài* (truyện ngắn, nxb An Tiêm, 1993), *Trốn Vào Giấc Mơ Em* (thơ, nxb Thanh Văn, CA 1997), *Dấu Ấn* (truyện, nxb Văn Mới, CA, 2004).

Nhã Ca: tên thật Trần Thị Thu Vân, sinh năm 1939 ở Huế, từ 1960 có thơ đăng trên tạp chí Hiện Đại, Sáng Tạo, Văn, Văn Nghệ, từ 1963 đã có truyện dài đăng báo. 1965 được giải thưởng thi ca toàn quốc với tập *Thơ Nhã Ca*. 1969 được giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc với bút ký *Giải Khăn Sô Cho Huế*. Sau 1975 bị tù “cải tạo” 10 năm cùng với chồng. Ra tù, 1988 sang Thụy Điển, sau định cư tại Orange County, California. Cùng chồng là nhà thơ Trần Dạ Từ thành lập tờ Việt Báo Kinh Tế và Người Việt Thế Giới.

Tác phẩm: *Nhã Ca Mới* (thơ, nxb Ngôn Ngữ, 1964), *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác* (truyện dài, nxb Khai Trí, 1966), *Đêm Dậy Thì* (truyện ngắn, nxb An Tiêm, 1966), *Bóng Tối Thời Con Gái* (truyện dài, nxb Văn, 1966), *Khi Bước Xuống* (truyện ngắn, nxb Thứ Tư, 1966), *Xuân Thì* (truyện dài, nxb Thứ Tư, 1967), *Người Tình Ngoài Mặt Trận* (truyện ngắn, nxb Kim Anh, 1967), *Sống Một Ngày* (truyện ngắn, nxb Thứ Tư, 1967), *Những Giọt Nắng Vàng* (1968), *Mưa Trên Cây Sầu Đông* (truyện dài, nxb Đời Mới, 1968), *Một Mai Khi Hòa Bình* (truyện dài, nxb Đời Mới, 1968), *Tình Ca Cho Huế* *Đỏ Nát* (truyện ngắn, nxb Đời Mới, 1969), *Phượng Hoàng* (truyện dài, nxb Thứ Tư, 1969), *Giải Khăn Sô Cho Huế* (bút ký, nxb Sống Mới, 1969), *Đoàn Nữ Binh Mùa Thu* (truyện dài, nxb Thương Yêu, 1969), *Dạ Khúc Bên Kìa Phố* (truyện dài, nxb Đời Mới, 1970), *Mùa Hè Rực Rỡ* (truyện dài, nxb Đời Mới, 1970), *Tình Ca Trong Lúa Đỏ* (truyện dài, nxb Thương Yêu, 1970), *Chiến Tranh Trong Thành Phố* (truyện ngắn, nxb Khai Trí, 1970), *Lặn Về Phía Mặt Trời* (truyện dài, nxb Đời Mới, 1970), *Đời Ca Hát* (truyện dài, nxb Thiên Tứ, 1971), *Cổng Trường Vội Tìm* (truyện dài, nxb Đồng Nai, 1971), *Tòa Bin-Đing Bỏ Không* (truyện dài, nxb Đồng Nai, 1971), *Đám Táng Cá Voi* (truyện dài, nxb Đồng Nai, 1972), *Cô Híp-Py Lạc Loài* (1972), *Mộng Ngoài Cửa Lốp* (truyện vừa, nxb Đời Mới, 1972), *Bầy Phượng Vỹ Khác Thường* (nxb Thương Yêu, 1973) *Trưa Áo Trắng* (truyện dài, nxb Sống Mới, 1973), *Trăng Mười Sáu* (truyện dài, nxb Sống Mới, 1973), *Tuổi Hồng Vỗ Cánh*

(truyện dài, nxb Nguyễn Đình Vượng, 1973), *Yêu Một Người Việt Văn* (truyện dài, nxb Sóng Mới, 1973), *Hiền Như Mực Tím* (truyện dài, nxb Tổ Hợp Hải Âu, 1973), *Thơ Nhã Ca* (thơ, nxb Hiện Đại, 1973), *Vì Oi Bước Tới* (truyện dài, nxb Thương Yêu, 1973), *Bước Khẽ Tới Người Thương* (1974).

Tác phẩm ở hải ngoại: *Hoa Phượng Đứng Đỏ Nửa* (truyện dài), *Sài Gòn Cười Một Mình* (truyện ngắn), *Hồi Kỳ Một Người Mất Ngày Tháng* (hồi ký), *Chớp Mắt Một Thời* (truyện dài), *Đường Tự Do Sài Gòn* (truyện dài).

Phạm Chi Lan sinh năm 1962, đến Hoa Kỳ năm 1975, học computer trở thành system analyst, 1995 chủ bút báo điện tử Văn Học Nghệ Thuật (Texas), đăng truyện ngắn trên tạp chí Văn, Văn Học, Hạp Lưu, Trăm Con, Sóng Văn.

Tác phẩm: *Miền Lặng* (truyện ngắn, nxb Văn Mới, CA, 2002).

Phong Thu sinh ngày 16 tháng 6, năm 1961 tại Bình Dương, Việt Nam, cựu học sinh trường Quốc Gia Nghĩa Tử, Gia Định, Sài Gòn. Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn với hai bộ môn Kỹ Thuật Văn và Tâm Lý Giáo Dục. Tốt nghiệp Tâm Lý Học-Montgomery Collge. Bắt đầu viết từ năm 1980, hiện đang cộng tác với nhiều báo chí và các tạp chí văn học như Cỏ Thơm, Cội Nguồn, Văn Chương Việt, Văn Tuyển, Website Phù Sa, Văn Nghệ Tiền Phong, Đàn Chim Việt.

Tác phẩm: *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi/The Rain Still Falls In Saigon* (Tập truyện ngắn song ngữ do nhà xuất bản Xlibris ấn hành năm 2011), *Đóa Phù Dung* (Tập truyện ngắn in tại Hoa Kỳ năm 2005), *Cô Bé Bên Giàn Hoa Giấy Đỏ* (Tập truyện ngắn in tại Hoa Kỳ năm 2002), *Mùa Xuân Không Bao Giờ Quên* (Truyện ngắn – viết với nhiều tác giả), *Chuyện Một Người* (Truyện ngắn in chung với nhiều tác giả), *Một Chuyến Đi* (Ký in trong tập Dân Ca Sông Bé trong quá trình nghiên cứu sưu tầm Dân Ca Việt Nam), Tập truyện thiếu nhi: *Gấu Bông Giúp Bạn* (nxb Tổng Hợp Bình Dương xuất bản năm 1990. Truyện kể *Vì Sao Hoa Phượng Đỏ*, trích trong tập truyện thiếu nhi *Gấu Bông Giúp Bạn* đã được xưởng phim Tổng Hợp Sài Gòn chọn dựng phim truyện cho thiếu nhi năm 1991.

Song Châu tên thật Ngô Minh Hằng, nguyên quán Hà Nam, đăng thơ thường xuyên trên tạp chí Hồn Việt (California)

Tác phẩm: *Tiếng Lòng* (1996), *Dư Âm* (1998), *Gọi Đàn* (1998), *Có Những Vùng Trời* (2001)

Sương Mai tên thật Bùi Phụng Mai, di tản đến Hoa Kỳ năm 1975.

Tác phẩm: *Thoáng Chút Hương Xưa* (thơ, nxb Cội Nguồn, 1996), *Thơ Tình Sương Mai* (thơ, nxb Suối Hoa, 1998), *Một Phía Trời Thơ* (nhiều tác giả, 1995), *Cụm Hoa Tình Yêu 2* (nhiều tác giả, 1996), *Gửi Người Dưới Trăng* (nhiều tác giả, 1995). *Một Thời Lưu Lạc* (nxb Cội Nguồn, 1997).

Thơ Thơ tên thật Trần Thị Cẩm Tú, sinh năm 1970 tại Sài Gòn, định cư tại Hoa Kỳ năm 1990, viết cho Tiền Phong (CA), Người Việt Hải Ngoại (Canada), Người Việt Utah (Utah), Việt Time (Austin), Bút Nhóm Lửa Việt, Thi Ca Net.

Tác phẩm: *Đồng Cảm*, *Có Những Khoảng Trời*, *Cung Ngũ*, *Dáng Việt*, *Khúc Tương Giao*, *Sỏi Đá Muôn Màu*, *Một Thoáng Kỷ Niệm*, *Đời Chia Trăm Nhánh Sông*.

Thu Thuyền tên thật Lưu Hoàng Thu Thuyền, sinh năm 1958 tại Sài Gòn, học Petit Lycée Yersin, Hùng Vương, Couvent des Oiseaux, St.Paul, giáo sư trường trung học Huỳnh Mẫn Đạt. Sống ở Pháp từ 1979 đến 1981, sang Hoa Kỳ từ 1991, tiếp tục học, tốt nghiệp Đại Học Cincinnati (Ohio). Bắt đầu viết từ 1998 cho tạp chí Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Chủ Đề, Phố Văn, e-magazine Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng, Ca Dao, Viet Mercury, tham gia *Tuyển Tập 14 Tác Giả* (nxb Văn Tuyền, 2000).
Tác phẩm: *Những Nhánh Sông Mất Biển* (truyện ngắn, nxb Văn Mới, CA, 2004)

Trần Diệu Hằng sinh năm 1952 tại Hà Nội, lớn lên ở Sài Gòn, theo học Đại Học Văn Khoa, bắt đầu viết sau 1975 trên báo Văn, Làng Văn, Văn Học, Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Người Việt, Sóng Văn, hiện sống ở Orange County, California, có mặt trong *Trăng Đất Khách* (nxb Làng Văn, 1987), *23 Người Việt Sau 1975* (nxb Văn nghệ, 1988), *20 Năm Văn Học VN Hải Ngoại 1975-1995* (nxb Đại Nam, 1995).

Tác phẩm: *Vũ Điệu Của Loài Công* (truyện ngắn, nxb Ngọc Lũ, 1985), *Mưa Đất Lạ* (truyện ngắn, nxb Làng Văn, CA, 1986), *Chôm Chôm Yêu Dấu* (tập truyện, nxb Việt Pub., Canada, 1990)

Trần Mộng Tú sinh ngày 19 tháng 12, 1943 tại Hà Đông, lớn lên ở Hà Nội và Hải Phòng, di cư vào Nam năm 1954, tị nạn tại Mỹ năm 1975, hiện cư ngụ tại tiểu bang Washington. Cộng tác với báo Thế Kỷ 21, Hợp Lưu, Văn, Văn Học, Việt Nam Hải Ngoại, Quê Hương, Hồn Việt, Trăm Con, Sóng, Trăm Con, Nắng Mới (Canada), Làng Văn (Canada), Độc Lập (Đức).

Tác phẩm: *Thơ Trần Mộng Tú* (thơ, nxb Người Việt, CA, 1990), *Câu Chuyện Của Lá Phong* (truyện ngắn, nxb Thế Kỷ, 1994)

Trần Thị Bông Giấy cùng với Trần Nghi Hoàng sáng lập nhà xuất bản và tạp chí Văn Uyên.

Tác phẩm: *Nước Chảy Qua Cầu* (nxb Văn Uyên, 1989), *Củi và Miếng Dừa Non* (chung với Trần Nghi Hoàng, nxb Văn Uyên, 1990), *Tài Hoa Bạc Mệnh I & II* (nxb Văn Uyên, 1992 & 1995), *Một Truyện Dài Không Có Tên* (nxb Văn Uyên, 1994), *Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau* (nxb Văn Uyên, 1995).

Trần Thị Kim Lan sinh quán Cà Mau, lớn lên ở Bạc Liêu và Sài Gòn, du học Hoa Kỳ, tốt nghiệp Anh Văn và Văn Chương Mỹ. 1972 trở về VN dạy Anh Văn trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng. 1984 định cư tại Boston rồi Brighton, Massachusettes, viết cho tạp chí Văn Học, Thế Kỷ 21.

Tác phẩm: *Gió Đêm* (tập truyện, nxb Văn Nghệ, CA, 1989), *Tết, The New Year* (nxb Modern Curriculum Press, Hoa Kỳ, 1992)

Trương Anh Thụy sinh năm 1936 tại Hà Nội, di cư vào Nam năm 1954. Thân phụ là họa sư Trương Cam Khai, thân mẫu là nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh. 1961 du học Hoa Kỳ về ngành sư phạm. 1975 dạy học và định cư tại Virginia. 1984 sáng lập nhà xuất bản Cảnh Nam. 1986 thành lập Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. 1991-1993 Phó Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. 2004 tác phẩm *Chuyển Mùa* được đồng giải nhì (không có giải nhất) Văn Học Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do kỷ II.

Tác phẩm: *Của Mưa Gửi Nắng* (thơ, nxb Cảnh Nam, VA, 1984), *Trường Ca Lời Mẹ Ru* (thơ, nxb Cảnh Nam, VA, 1989), *Trạm Nghỉ Chân* (truyện dài, tập I trong bộ *Chuyển Mùa*, nxb Cảnh Nam, VA, 1993), *Ánh Mắt* (truyện ngắn, nxb Cảnh Nam, 1998), *Chuyển Mùa* (truyện dài, nxb Tổ Hợp Miền Đông Hoa Kỳ, VA, 2005).

Tuệ Nga tên thật Trần Thị Nga, sinh năm 1936 tại phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, làm thơ từ năm 17 tuổi, từ 1953 đến 1974 hoạt động trong giới văn chương. 1974 được giải thưởng văn học Nghệ Thuật Toàn Quốc về bộ môn thơ, hiện định cư ở Beaverton, Orgegon.

Tác phẩm: *Suối* (thơ, giải Văn Học Nghệ Thuật 1974).

Tác phẩm ở hải ngoại: *Suối Trầm Tư* (1982), *Mây Hương* (thơ đạo, 1987), *Chiều Phố Mây* (1991), *Hoa Sương* (1994), *Hoa Đài Dâng Hương* (thơ đạo, 1995), *Nửa Viên Trăng* (1997), *Lan Hoa Thi Tập* (Tuệ Nga Phương Hồ, 1998), *Suối Hoa* (1999), *Từ Giòng Sông Trắng* (2005), *Về Bên Suối Tịnh* (2007), *Dòng Cổ Nguyệt* (2013).

Tường Vi sinh quán Sài Gòn, đến Hoa Kỳ năm 1987, chủ bút báo điện tử Văn Nghệ Ngàn Phương.

Tác phẩm: *Khoảng Trời Riêng* (1999)

Túy Hồng tên thật Nguyễn Thị Túy Hồng, sinh năm 1938 tại Thừa Thiên, tốt nghiệp sư phạm Viện Đại Học Huế. Hoạt động trong giới văn chương và đi vào nghề báo đầu thập niên 60. 1974 được giải nhất về văn chương (First Prize winner of the 1974 Literary Awards). 1975 đến Hoa Kỳ và định cư ở Seattle, Washington.

Tác phẩm: *Thở Dài* (1963), *Vết Thương Dậy Thì* (1967), *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách* (1970), *Những Sợi Sắc Không*, *Trong Mưa Móc Hạt Huyền* (1970), *Bướm Khuya* (1971), *Nhánh Tóc Sợi Dòn* (1972), *Mỗi Thù Rực Rỡ*, *Eo Biển Đa Tình* (1973)

Tác phẩm ở hải ngoại: *Trong Cuối Cùng*, *Sạn Đạo*, *Tay Che Thời Tiết*, *Mưa Thâm Trên Bông Phấn*, *Thông Đưa Tiếng Kệ*.

Uyên Phương Minh Nguyệt tên thật Trần Thị Minh Nguyệt, sinh ngày 16 tháng 01, 1958 tại Sài Gòn, học trường trung học Hùng Vương. 1980 định cư ở Houston, tốt nghiệp cử nhân kế toán University of Houston, sáng tác và đạo diễn nhạc cảnh văn học, cộng tác với tạp chí văn học Cỏ Thom, hiện sống ở Dallas, Texas,

Tác phẩm: *Giữ Mãi Giùm Anh* (thơ, nxb Cỏ Thom, VA, 2011).

Vi Khuê tên thật Trần Trinh Thuận, các bút hiệu khác Đào Thị Khánh, Nguyễn Thị Bình Thường, sinh ngày 20 tháng 05, 1931, trước 1975 dạy học. 1975 định cư tại Burke, Virginia, cộng tác với báo Văn, Làng Văn, Văn Học, Đời Mới, Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Thời Luận, Người Việt, Thời Báo, Chiều Dương.

Tác phẩm: *Giọt Lệ* (thơ, Sài Gòn, 1971).

Tác phẩm ở hải ngoại: *Cát Vàng* (thơ, tác giả xuất bản, Wasington D.C., 1985), *Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ* (truyện ngắn, tác giả xuất bản, Washington D.C., 1986), *Tặng Phẩm Tình Yêu* (thơ, 1991), *Những Ngày Ở Virginia* (truyện ngắn, 1991), *Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ* (truyện ngắn, nxb Sao, Wasington D.C., 1993), *Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi* (thơ, nxb Sao, Wasington D.C., 1994), *Trong Mưa và Hoa* (thơ, nxb Sao, Washington D.C., 2001)

Vũ Quỳnh Hương tên thật Nguyễn Vũ Quỳnh Hương, sinh năm 1957 tại Huế, viết cho tạp chí Văn, Văn Học, hiện sống ở San José, California.

Tác phẩm: *Canh Thức Cùng Thơ Mộng* (thơ, với Trân Sa, Lê Thị Huệ, nxb Lũy Tre Xanh, CA, 1996).

CÁC QUỐC GIA KHÁC

Đoàn Minh Phương sinh năm 1956 tại Sài Gòn, ra ngoại quốc năm 20 tuổi, hiện sống ở Đức. Làm phim *Nguyên Tiêu*, nổi tiếng với phim *Hạt Mưa Rơi Bao Lâu* (*Bride of Silence*) được trình chiếu tại các đại hội điện ảnh quốc tế.

Tác phẩm: *Và Khi Tro Bụi* (Ash and Dust, nxb The Youth Publishing House), *Tội Lỗi Hồn Nhiên* (Natural sins, truyện ngắn), *Mưa Ở Kiếp Sau* (Rain in Hereafter).

Nguyễn Thị Chân Quỳnh sinh năm 1931 tại Hà Nội, bút hiệu Minh Khuê, du học Pháp năm 1952, gián đoạn việc học vì tài chính eo hẹp, qua Anh làm cho chương trình Việt Ngữ đài BBC ở Luân Đôn, phỏng vấn, viết loạt bài “*Thư Gửi Phụ Nữ*” (Letters to Women) được phát sóng đi khắp thế giới cho thính giả Việt Nam. Cùng Keith Bosley dịch thơ Việt ra tiếng Anh dưới bút hiệu Minh Khuê. Trở lại Pháp tiếp tục học văn, tốt nghiệp cao học Kỹ Nghệ Dệt Ecole Supérieure des Industries, Textiles de Lyon. Bị dị ứng hóa chất, chuyển ngành học, đỗ tiến sĩ Anh Ngữ Đại Học Sorbonne, làm giáo sư cho trường này. Bắt đầu khảo cứu văn học, cộng tác với tạp chí Thế Kỷ 21, Hợp Lưu, Văn Học, Làng Văn, Trăm Con. Bài viết đầu tiên “*Ái Là Chủ Khảo Trường Hà Nam Khoa Đình Dậu?*” đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21 (số 2, tháng 06, 1989).

Tác phẩm: *The war wife* (dịch với Keith Bosley, nxb Allison & Busby, London 1972), *The Elect Book of Oriental Verse* (phần lớn thơ tiếng Việt, nxb Paul Elek, London, 1979), *Hoa Thơm Cỏ Lạ* (dịch, nxb An Tiêm, 1995), *Lối Xưa Xe Ngựa I & II* (biên khảo, nxb An Tiêm, 1995 & 2002), *Khoa Cử VN Tập Thượng: Thi Hương* (biên khảo, nxb An Tiêm, 2002).

Nguyễn Thị Vinh sinh ngày 15 tháng 07, 1924 tại số 41 phố Bờ Hồ, Hà nội, nguyên quán làng Văn Hoàng, tỉnh Hà Đông, Bắc Việt, chủ bút tạp chí Tân Phong (Saigon, 1960-1970), chủ nhiệm Đông Phương (Sài Gòn). Thành viên ban giám khảo giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc. Sau 1975 bán đạo các loại bánh để sống. 1984 định cư tại Na Uy, tiếp tục sáng tác.

Tác phẩm: *Hai Chị Em* (truyện ngắn, nxb Phương Giang, 1953), *Thương Yêu* (truyện dài, 1954), *Xóm Nghèo* (truyện ngắn, 1958), *Men Chiều* (truyện ngắn, 1960), *Cô Mai* (truyện dài, 1972), *Thơ Nguyễn Thị Vinh* (thơ, 1972), *Nỗi Sóng* (truyện dài, 1973), *Vết Chàm* (truyện dài, 1973).

Tác phẩm ở hải ngoại: *Na Uy Và Tôi*, *Anh Em* (1994), *Cõi Tạm* (Thơ, 2001).

Phạm Hải Anh sinh năm 1970, tiến sĩ ngôn ngữ học (văn học Trung Hoa), giáo sư ngôn ngữ học Đại Học Giáo Dục Hà Nội (1991-1998), hiện định cư tại Hòa Lan.

Tác phẩm: *Huyết Đăng* (nxb Văn Mới, CA, 2001), *Đi Hết Đường Mưa* (nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2002), *Tìm Trắng Đáy Nước* (nxb Văn Mới, CA, 2003).

Phạm Thị Hoài sinh năm 1960 ở Hải Dương, du học Đông Đức từ 1977 đến 1983, trở về VN làm việc tới 1993 cho Viện Sử Học và Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo. Nổi tiếng qua tác phẩm đầu tay *Thiên Sứ* ấn hành ở VN năm 1988. Viết cho tạp chí ở Mỹ, Úc, Đức và Thụy Sĩ, hiện sống ở Bá Linh, Đức.

Tác phẩm: *Thiên Sứ* (truyện dài, 1988), *Mê Lộ* (truyện ngắn, 1989), *Man Muong* (truyện ngắn, 1993), *Marie Sên* (truyện dài, 1996), *Chuyện Lão Tướng Phật Di Lặc* (sách nhi đồng, 1999).

Phạm Thị Nhung sinh năm 1937 tại Hà Nội, 1954 di cư vào Nam, 1961 tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn ban Việt Hán. 1961-1975 giáo sư Việt Văn các trường Gia Long và Régina Mundi, từ 1975 định cư tại Paris, Pháp. 1978 Diplôme de Phonétique et de Linguistique đại học Sorbonne, Paris III.

Tác phẩm: *Truyện Kiều và Tuổi Trẻ* (viết chung với Lê Hữu Mục, nxb Làng Văn, Canada, 1998), *Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc* (viết chung với Lê Hữu Mục, nxb Trung Tâm Việt Nam Học, Montréal, Canada, 2001).

Phan Thị Trọng Tuyền sinh năm 1951 tại Bến Tre, lớn lên ở Gia Định, trước 1975 du học rồi ở lại Pháp, hiện sống ở Nancy, bắt đầu hoạt động văn học sau 1975, viết cho tạp chí Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Làng Văn, Nắng Mới, Quê Mẹ, Măng Non, Nhân Văn, Gió Văn, Phổ Văn. Góp mặt trong *Trăng Đất Khách* (nhiều tác giả, nxb Làng Văn, Canada, 1987), *23 Người Việt Sau 1975* (nxb Văn Nghệ, CA, 1988), *Truyện Hay Hải Ngoại 2* (Nguyễn Văn Ba, 1991), *20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (nxb Đại Nam, CA, 1995), *Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000* (nxb Văn Mới, CA, 2000), *Luân Hoàn Một Đời Thơ* (nxb Sông Thu, Canada, 2005).

Tác phẩm: *Mùa Hè, Một Nơi Khác* (truyện ngắn, nxb Văn Nghệ, CA, 1986), *Một Trang Đời* (truyện ngắn, nxb An Tiêm, 1991), *Mùa Xuân Và Những Con Dã Tràng* (truyện ngắn, 1995).

Thanh Phương tên thật Đặng Thị Phú, sinh năm 1925 ở Hà Nội, phóng viên Viet Press Agency, viết cho đài VOA. 1985 đến Pháp, hiện sống với chồng là họa sĩ Phạm Đình Tín ở Paris, tham gia *Trăng Đất Khách* (nhiều tác giả, nxb Làng Văn, Canada, 1987).

Tác phẩm: *Những Tia Nắng Mới* (1950), *Những Tâm Hồn Cô Đơn* (1968), *Quê Hương Trong Ngăn Lề*.

Thụy Khuê tên thật Vũ Thị Tuệ sinh ngày 25 tháng 09, 1944 tại làng Doanh Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Học trường tiểu học Ngô Sĩ Liên (Hà Nội, Bàn Cờ (Sài Gòn), trung học Văn Lang, Tao Đàn, Gia Long (Sài Gòn). Di cư vào Nam năm 1954, du học Pháp tháng 09, 1962 học dự bị thi vào Grandes Écoles. Từ 1987 viết tiểu luận, phê bình văn học cho báo Tự Do, Thông Luận, Diễn Đàn (Pháp), Thế Kỷ 21, Văn Học, Người Việt, Phụ Nữ Diễn Đàn, Hợp Lưu (Mỹ). Từ tháng 12, 1990 đến tháng 03, 2009 cộng tác với đài RFI (Radio France Internationale) phụ trách chương trình văn học nghệ thuật.

Tác phẩm: *Cấu Trúc Thơ* (tiểu luận văn học, nxb Văn Nghệ, CA, 1995), *Sóng Từ Trường I, II, III* (nxb Văn Nghệ, CA, 1998, 2002, nxb Văn Mới, CA, 2005), *Nói Chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp* (nxb Văn Nghệ, CA, 2002), *Nhân Văn Giai Phẩm và Vấn Đề Nguyễn Ái Quốc* (biên khảo, nxb Tiếng Quê Hương, VA, 2012)

Tiểu Thu sinh năm 1947 tại Cao Lãnh, Đồng Tháp, rời VN năm 1975, định cư tại Montréal, Québec, Canada. Sáng tác từ 1987, cộng tác với tạp chí văn học Cỏ Thơm. Được giới thiệu trong tác phẩm *Tập Diễm Ngưng Huy* (nxb Hoa Ô Môi, Pháp, 2003), *Quê Nam Một Cõi* (nxb Văn Học, 2007), và *Giai Thoại Văn Chương* của Hồ Trường An (nxb Cỏ Thơm, VA, 2006).

Tác phẩm: *Sóng Nước Tình Quê* (2002), *Tiếng Hót Vành Khuyên* (2007),

Trần Thị Diệu Tâm sinh quán ở Huế, tốt nghiệp Đại Học Đà Lạt, sống ở Pháp.

Tác phẩm: *Người Về* (truyện ngắn, nxb Nam Á, Paris, 1992), *Rong Biển* (truyện ngắn, nxb An Nhiên, 1997), *Phía Bên Kia Mặt Trăng* (truyện ngắn, 2001).

Y Chi tên thật Hồ Thị Phương Anh, sinh năm 1967 tại Sài Gòn, lớn lên ở Paris, hiện sống ở Sidney, Úc.

Tác phẩm: *Chân Trần* (truyện ngắn, nxb Văn Nghệ, CA, 1998).

KẾT LUẬN

Sự tham gia đông đảo lúc đầu của nữ giới sau biến cố 1975 trong lãnh vực văn chương đã góp phần không nhỏ tạo nên một nền văn học phong phú và đa dạng ở hải ngoại. Tuy nhiên, thời gian sau này người viết mới thuộc phái nữ thưa thớt dần đi vì các lớp sau lớn lên nơi xứ người thiếu thốn nhuần một nền học văn Việt Nam.

Đến khi những nhà văn nữ hiện nay ngày một lớn tuổi hoặc ngừng sáng tác, thử hỏi ai người tiếp nối? Ngày ấy hẳn có lẽ cũng không còn xa xôi lắm...*Mai sau dù có bao giờ, đốt lò hương cũ Nữ Lưu Văn Học Sĩ Hải Ngoại* lẽ nào chỉ còn là nỗi tiếc nhớ khôn nguôi ngàn năm thơ thảo bóng trăng chơi?...

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH



[01] Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền, *Nữ Sĩ Việt Nam*, trang 35 & 36 (nxb Văn Nghệ, TP/HCM, 2000)

[02] Ý Lan, phong hiệu Linh Nhân, hiệu Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, vợ vua Lý Thánh Tông, mẹ vua Lý Nhân Tông.

[03] **Điểm Bích:** hiệu Tam Nương, quê làng Đường An, con nhà nghèo, không biết cha là ai, mẹ đi ăn xin khổ quá phải bán nàng lấy một quan tiền cho phú ông làm con nuôi. Thuở nhỏ chơi với trẻ con bị chúng gọi là "*Con Bé Chùa Quỳnh*" vì mẹ nàng có sống nhờ một thời gian nơi chùa Quỳnh Lâm, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương và mang thai với người lạ mặt. Lớn lên nhan sắc Điểm Bích tuyệt đẹp, được cha nuôi cho theo đòi bút nghiên. Nàng rất chăm học, tam giáo (Nho Giáo, Phật Giáo và Lão Giáo), cửu lưu (Nho gia, Lão gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tật gia và Nông gia) đều thông hiểu cả. Dưới triều vua Trần Anh Tông (1293-1314) Điểm Bích được tuyển làm cung nữ. Nhờ sở trường về thơ nôm và có tài xuất khẩu thành thi, năm 1313 niên hiệu Hưng Long thứ 21, vua sai nàng lên núi Yên Tử dùng nữ sắc để thử sư Huyền Quang. Thấy không thể lấy sóng khuynh thành lung lạc được vị thiền sư, nàng ngụy tạo ra bốn câu thơ trên nhằm đổ tiếng oan cho bậc chân tu. Sau chuyện vỡ lở nàng bị đày làm thị tì giữ việc quét tước cho ngôi chùa trong nội điện Cảnh Linh.

[04] **Thụy An** (hay Thụy An Hoàng Dân): tên thật Lưu Thị Yến đã cộng tác với các báo Phụ Nữ Tân Văn, chủ trương *Đàn Bà Mới* (Sài Gòn), và sau này, tờ *Đàn Bà* xuất bản tại Hà Nội. Trước hiệp định Genève 1954 dự luận cho rằng Thụy An là gián điệp Việt Minh liên quan đến cái chết của người tình là Đỗ Đình Đạo (thân phụ nhạc sĩ tây ban cầm Đỗ Đình Phương), một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau 1954 Thụy An ở lại Hà Nội. 1956 tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống lại chế độ chỉ huy văn nghệ. Chính quyền Cộng Sản bỏ tù, buộc tội là gián điệp Miền Nam. Tác phẩm: *Một Linh Hồn* [1942], *Bốn Mờ Tóc* (1951).

[05] **Mộng Sơn:** tên thật Vũ Thị Mai (theo Nguyễn Vỹ), Vũ Thị Mai Hương (theo Uyên Thao), viết nghị luận, truyện ngắn, phóng sự, và làm thơ từ thời tiền chiến, đã cộng tác với Phụ Nữ Thời Đàm, Đông Phương, Bắc Hà, Tiến Bộ, Văn Học Tập Chí, Đông Tây, Tân Việt Nam, Tri Tân, chủ bút tuần báo Việt Nữ. Sau hiệp định Genève 1954 ở lại Hà Nội. Tác phẩm: *Văn Học và Triết Luận* (1944), *Làm Mững* (Thế Giới, 1952), *Vượt Cạn* (Võ Đất, 1952).

(06) **Linh Bảo:** tên thật Võ Thị Diệu Viên, biệt danh Lai Cẩm Hoa, Vũ Trung Thư, sinh ngày 14/4/1926 tại Huế. chị ruột Minh Đức Hoài Trinh, xuất ngoại sau 1945, hiện sống ở Hoa Kỳ. Tác phẩm: *Gió Bắc* (1952), *Những Đêm Mưa* (1961), *Tàu Ngựa Cũ* (1961), *Chiếc Áo Nhung Lam* (1961), *Con Chồn Tinh Quái* (1967), *Những Cánh Diều* (1971).

[07] **Nguyễn Thị Hoàng:** sinh ngày 11/12/1939 tại Huế, trước 1966 dạy học, sau chuyển về nghề văn. Tác phẩm: *Vòng Tay Học Trò* (1966), *Tuổi Sài Gòn* (1967), *Vào Nơi Gió Cát* (1967), *Trên Thiên Đường Kỳ Ước* (1968), *Cho Những Mùa Xuân Phai* (1968), *Mảnh Trời Cuối Cùng* (1968), *Ngày Qua Bóng Tối* (1968), *Về Trong Sương Mù* (1968), *Đất Hứa* (1969), *Một Ngày Rồi Thôi* (1969), *Vực Nước Mắt* (1969), *Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về* (1969), *Cho Đến Khi Chiều Xuống* (1969), *Vết Thương Trên Ghề Đá Hồng* (1970), *Tiếng Hát Lên Trời* (1970), *Trời Xanh Trên Mái Cao* (1973), *Tuần Trăng Mật Màu Xanh* (1973).

[08] **Nguyễn Thị Thụy Vũ:** tên thật Nguyễn Băng Linh, sinh năm 1937 tại Vĩnh Long, vợ nhà thơ Tô Thùy Yên, chị ruột nhà văn Hồ Trường An, trước 1963 dạy học, sau chuyển về nghề văn, chủ trương các nhà xuất bản Kim Anh, Hồng Đức, Kẽ Sĩ. Tác phẩm: *Mèo Đêm* (1966), *Lao Vào Lửa* (1967), *Chiều Mênh Mông* (1968), *Thủ Hoang* (1968), *Ngọn Pháo Bông* (1968), *Khung Rêu* (1969), *Như Thiên Đường Lạnh*, *Những Tàn Thập Khua*, *Chiều Xuống Êm Đềm*, *Cho Trận Gió Kinh Thiên*.

[09] **Trần Thị Ngh.** tên thật Trần Thị Nguyệt Hồng, sinh ngày 18 tháng 04, 1948 tại An Xuyên, Cà Mau, có nhiều truyện ngắn đăng trên các tạp chí văn học Miền Nam trước 1975 nhưng chưa được xuất bản.

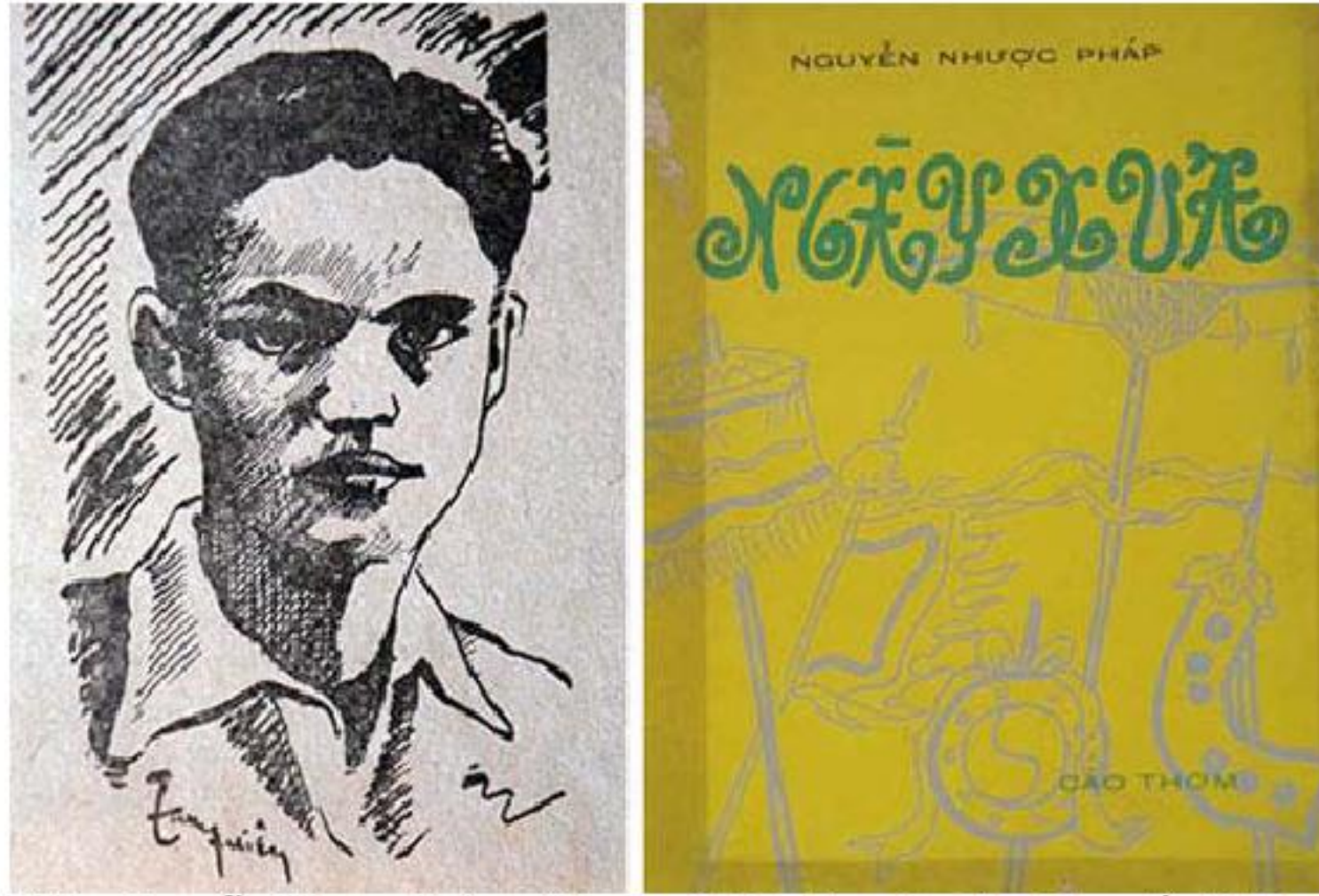
[10] **Trùng Dương** tên thật Nguyễn Thị Thái, sinh ngày 15/04/1944 ở Sơn Tây, di cư vào Nam 1954, sinh viên Đại Học Luật Khoa, Sài Gòn, bắt đầu viết từ 1965, làm báo Sóng Thần. Định cư tại Hoa Kỳ từ 1975. Tác Phẩm: *Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn* (1964), *Mưa Không Ướt Đất* (1967), *Con Hồng Thủy và Bông Hoa Quỳ* (1969), *Chung Cư* (1971), *Một Cuộc Tình* (1972), *Lập Đông* (1973).

TÀI LIỆU THAM KHẢO



- Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Lịch Trình Tiến Hóa Của Văn Học Phụ Nữ Ta*, Tri Tân tạp Chí, Số 112 tháng 9, 1943.
- Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền, *Nữ Sĩ Việt Nam*, nxb Văn Nghệ, TP/HCM, 2000).
- Sở Cuồng Lê Dư, *Nữ Lưu Văn Học Sử*, nxb Đông Phương Thi Xã, Đông Tây Ấn Quán, Hà Nội, 1929.
- Trương Đình Nho, Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Trương Đình Luân, *Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995*, nxb Đại Nam, California, Hoa Kỳ, 1995.
- Uyên Thao, *Các Nhà Văn Nữ Việt Nam 1900-1970*, Cơ Sở Xuất Bản Nhân Chủ, Sài Gòn, 1973. Xuân Thu in lại California, Hoa Kỳ, 1991.
- Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, tái bản, Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ, 2000.

Thơ Nguyễn Nhược Pháp



Chân dung nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp và tập thơ Ngày Xưa do Cỏ Thơm ấn hành năm 1966

Nguyễn Văn Thành và B.K. sưu tầm hợp soạn

Phê bình

Nguyễn Nhược Pháp được biết đến nhiều nhất qua bài thơ Chùa Hương. Bài thơ bình dị mà trong sáng, lãng mạn mà chân thực, được sáng tác trong bối cảnh thật nên thơ. Tác phẩm này là một trong 10 bài của tập thơ "Ngày Xưa".

Chỉ với tập thơ mỏng Ngày xưa, bằng một nét riêng, độc đáo, nó đã phác họa cả một bức tranh không chỉ là huyền thoại, mà còn mang đậm hơi thở phong tục cùng những nét văn hoá tâm linh và trí thức của

hàng ngàn năm văn hiến. Dường như chưa có tác giả nào làm được như vậy!

Sau gần 60 năm ngày mất (19/11/1964 – 19/11/2013), mỗi lần nhớ đến Nguyễn Nhược Pháp, hẳn phần lớn chúng ta, lại nhớ tập thơ Ngày xưa (1935) của ông, với vồn vẹn 10 bài thơ. Mặc dù, theo Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh – Hoài Chân: Nguyễn Nhược Pháp ngoài thơ có viết nhiều truyện ngắn và kịch, thể nhưng, chỉ với 10 bài đã đủ khiến Nguyễn Nhược Pháp dành được một vị trí xứng đáng trong làng Thơ mới. "Ngày Xưa" do Cỏ Thơm ấn hành năm 1966.

Nguyễn Nhược Pháp là con trai thứ của học giả, dịch giả văn học, nhà báo lừng danh Nguyễn Văn Vĩnh và là em nhà thơ Nguyễn Giang. Ông sinh năm 1914 tại Hà Nội, mất năm 1938, hưởng dương 24 tuổi. Ông làm thơ từ năm 18 tuổi. Tác phẩm đã đăng trên các báo Annam nouveau, Tinh hoa, Đông Dương tạp chí, Nhật tân, Hà Nội báo...

“Ngày Xưa” là thi phẩm đầu tay của Nguyễn Nhược Pháp. Bản sách in lần đầu do Nguyễn Dương xuất bản tại Hà Nội năm 1935. Về sau in lại nhiều lần, nhưng được nhiều người ưa chuộng nhất là bản in của Nhà sách Cảo Thơm (Sài Gòn, 1966), do họa sĩ Thái Tuấn vẽ minh họa.

Tác phẩm thứ hai và cũng là tác phẩm cuối cùng của Nguyễn Nhược Pháp có tên Người học vẽ (kịch), do nhà in Trung Bắc Tân văn xuất bản (Hà Nội, 1936). Theo tài liệu, đây là hài kịch ba hồi, trước kia đã đăng tải trên Hà Nội báo. Đến hiện nay, tác phẩm này không thấy phổ biến.

Ngoài ra, trên bìa sau thi phẩm Ngày xưa, người đọc còn thấy có rao sẽ xuất bản tập thơ Ngày xanh, hiện vẫn chưa ai biết số phận tập thơ ấy ra sao.

Với tác phẩm Ngày Xưa, ngay sau ba năm ngày mất Nguyễn Nhược Pháp, Hoài Thanh đã viết với những lời tán thưởng trân trọng: Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp. Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa.

Không phải cái thời xưa nặng nề của nhà sử học, cũng không phải cái thời xưa tráng lệ hay mơ màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những sắc màu tươi

vui, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cổ hủ và đã biết cười, cái cười của những “thắt lưng dài đo hoe”, những đôi “dép cong” nho nhỏ...

Còn nhà phê bình Tự Tri, người cùng thời Nguyễn Nhược Pháp cũng cho rằng: Tôi chắc là Nguyễn Nhược Pháp vừa viết thơ vừa tủm tủm cười. Tôi chắc ông Giang đọc thơ em cũng tủm tủm cười. Những bác thợ xếp chữ ở nhà in cũng đã cười và ai đọc đến cũng sẽ cười...

Thật vậy, có thể xuyên suốt 10 bài thơ của thi phẩm Ngày xưa, Nguyễn Nhược Pháp đã thể hiện nên những bức tranh hoài cổ, thơ mộng, nhưng đầy tươi sáng, bởi từ thơ thông minh, với những vần điệu vui tươi, dí dỏm. Đặc biệt, nơi đây, mỗi bài thơ có thể được xem là một câu chuyện nhỏ, mà tác giả thường dùng chữ “xưa” để làm nền dẫn dắt người đọc bước vào một quá khứ mờ ảo, lung linh: “Ngày xưa, khi rừng mây u ám/Sông núi còn vang um tiếng thần” (Sơn Tinh Thủy Tinh), “Ta ngồi bên tảng đá /Mơ lều chiếu ngày xưa” (Tay ngà), “Tường lại cò xưa vàng chói lợi/Nên yêu người cũ hồn trên cao” (Đi công), “Người xưa mơ nhìn mây/Đen, đỏ, vàng đưa bay” (Mây)...

Theo một số nhà lý luận, cái “Ngày Xưa” trong thơ Nguyễn Nhược Pháp chính là cái “hiện tại” của tác giả mà thôi. Thế nhưng, nếu nhìn lại cách sắp xếp thứ tự trước sau của 10 bài thơ, chúng ta dễ dàng nhận ra nơi đây có sự cố ý mang tính biên niên sử. Cụ thể: Sơn Tinh Thủy Tinh, đến My Châu Trọng Thủy... rồi cuối cùng mới đến Mây, Chùa Hương. Trong số đó, bài được nhiều người nhắc nhớ hơn cả là “Chùa Hương”.

Theo tài liệu của nhà thơ Nguyễn Vỹ (Phổ thông số 20, ngày 1/10/1959), người đã cùng Nguyễn Nhược Pháp và hai bạn nữ sinh Hà thành đi trải hội Chùa Hương năm 1934, khi đến rừng mơ, hai thi nhân gặp một bà mẹ cùng cô gái độ tuổi trắng tròn vừa bước lên những bậc đá vừa niệm Phật.

Về đẹp chân quê và khuôn mặt thánh thiện của cô gái đã hớp hồn hai thi sĩ khiến họ say mê ngắm nhìn mà quên đi hai cô bạn gái đi cùng. Đêm đó, Nguyễn Nhược Pháp trần trọc khôn nguôi. Hình ảnh cô gái chân quê đi chùa Hương khiến chàng trai xúc động viết lên những vần thơ có sắc màu rực rỡ, hình ảnh tươi vui, tất cả cảnh tượng sống động của mùa trải hội chùa Hương ngày xưa hiện lên trên từng câu, từng chữ: Hôm nay đi chùa Hương/Hoa cỏ mờ hơi sương/Cùng thầy mẹ em em dậy/Em vẫn đầu soi gương/Khăn nhỏ, đuôi gà cao/Em đeo dải yếm đào/Quần lĩnh, áo the mới/Tay cầm nón quai thao... Bài thơ sau đó đã được phổ nhạc như được chấp cánh bay xa và lan tỏa rộng trong người đọc.

Hoài Thanh trong bài viết “Một thời đại trong thi ca”, đã xếp Nguyễn Nhược Pháp vào dòng “có tính cách Việt Nam rõ rệt”. Bởi, chỉ với tập thơ mỏng Ngày Xưa, bằng một nét riêng, độc đáo, nó đã phác họa cả một bức tranh không chỉ là huyền thoại, mà còn mang đậm hơi thở phong tục cùng những nét văn hoá tâm linh và trí thức của hàng ngàn năm văn hiến. Dường như chưa có tác giả nào làm được như vậy! Chính vì vậy, nhìn lại giai đoạn văn học sử 1930-1945, thật khó thể hình dung, nếu thiếu đi “Ngày xưa” thì phong trào Thơ mới sẽ để lộ ra một khoảng trống buồn tẻ biết bao? Trong thi phẩm Ngày xưa, chúng ta thấy thi sĩ sắp xếp thứ tự như sau:

1. Sơn Tinh Thủy Tinh (Avril 1933), thất ngôn
2. My Châu (Janvier 1933), thất ngôn
3. Giếng Trọng Thủy (Janvier 1933), thất ngôn
4. Tay ngà (2 Mai 1934), ngũ ngôn
5. Mị Ê (Mai 1933), thất ngôn bát cú
6. Một buổi chiều xuân (6 Mai 1933), ngũ ngôn
7. Nguyễn Thị Kim khóc Lê Chiêu Thống (30 Décembre 1932), thất ngôn bát cú.
8. Đi cống (10 Mai 1933), thất ngôn
9. Mây (25 Janvier 1934), ngũ ngôn
10. Chùa Hương (Aout 1934), ngũ ngôn

[http://poem.tkaraoke.com/10334/Nguyen
Nhuoc Phap/](http://poem.tkaraoke.com/10334/Nguyen%20Nhuoc%20Phap/)

Chùa Hương của Trần Văn Khê

Nhật Hoa Khanh phỏng vấn

[https://www.youtube.com/watch?v=gmoG6
U6FJGo](https://www.youtube.com/watch?v=gmoG6U6FJGo)

[Di Chua Huong -Tran Van Khe - Y Lan -NNS](#)

Suốt gần 60 năm nay, bài thơ Chùa Hương (tác giả Nguyễn Nhược Pháp) sau khi được nhạc sĩ Trần Văn Khê phổ nhạc toàn bài, ngày càng nổi lên trên văn đàn và trên sân khấu. Bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp được Trần Văn Khê phổ nhạc toàn bài và lấy tên là Đi Chùa Hương.

* Thừa GS nhạc sĩ, ông đã từng gặp nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp lần nào chưa?

- Tôi chưa bao giờ gặp nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Nhược Pháp mà chỉ đọc những bài thơ của ông trong cuốn Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh, Hoài Chân mà thôi.

* Vì sao ông lại phổ nhạc toàn bộ bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp?

- Đó là năm 1946, khi đang lánh nạn ở Lộc Ninh, ban đầu tôi chưa hề có ý định, nhưng vì rất thích nên tôi đã đọc bài thơ đó nhiều lần. Tôi thường hay ngâm thơ nên ban đầu có ý ngâm bài thơ, nhưng vì là thể thơ ngũ

ngôn, có rất nhiều đoạn khó. Vì thế tôi thấy rằng làm như vậy không hấp dẫn bằng có nhiều đoạn mình ngâm "theo kiểu mới". Một hôm, khi chuyển qua ngâm thơ theo điệu mới, một vài nét nhạc thoáng qua đầu, trong 10 ngày, tôi ghi lại những đoạn tâm đắc, lúc đó mới nghĩ đến việc ký âm lại cho dễ nhớ và từ đó bắt đầu phổ nhạc.

*** Xin GS kể chi tiết một số đoạn xử lý với bài thơ độc đáo này?**

- Tôi không phải là nhạc sĩ sáng tác, nhưng lúc đàn piano phụ họa theo tiếng ngâm của mình, tôi bắt đầu bằng gam Pha trưởng, rồi nhiều đoạn chuyển sang gam Rê thứ, chỉ có lúc cuối cùng, do tình cảm nhớ thương da diết nên tôi chuyển sang ngâm theo phong cách Sa mạc, nhưng cũng dựa theo gam Rê thứ. Lúc đó, tôi cũng định ghi nhạc để hát chơi cho các bạn nghe chứ không định phổ nhạc một bài thơ.

*** Hành trình tiếp theo của cuộc đời bài hát, thưa GS?**

- Người đầu tiên tôi đưa bài phổ nhạc là nhạc sĩ Lê Thương, bạn rất thích. Khi tôi chuẩn bị sang Pháp thì Lê Thương gởi thư nói rằng nếu không giới thiệu với công chúng thì rất uổng. Lê Thương đã nhờ ca sĩ Mộc Lan học thuộc lời và giới thiệu trong một buổi hoà nhạc có nhiều bạn bè của ông, lúc đó tôi đang ở Pháp.

Sau đó, NXB Tinh Hoa, qua giới thiệu của Lê Thương, đã viết thư yêu cầu tôi cho phép xuất bản bài Đi Chùa Hương. Lúc đó tôi đang bệnh, đang nhập viện nên rất cần tiền. NXB bằng lòng trả tiền tác giả để in lần đầu khoảng 2000 bản và không lâu sau, báo tin đã bán hết và xin tái bản lần hai, đồng thời gửi đầy đủ tiền tác quyền sang

Pháp cho tôi. Lúc đó, 1 đồng VN bằng 17 francs cũ. Nhờ tiền tác quyền, tôi sống bình yên 4 tháng trời tại Paris!

Lê Thương còn cho biết, Mộc Lan cũng trình bày bài đó trên Đài phát thanh Pháp Á. Rồi bên nhà báo sang là Thái Thanh cũng hát. Nhưng tôi không nhận được bản ghi âm nào. Sau này, tôi biết bên Mỹ cũng có vài ca sĩ giới thiệu bài Đi Chùa Hương, trong đó có Ý Lan – con gái Thái Thanh - đã thu được nhiều kết quả. Khi về nước làm việc, tôi được Thanh Lan tặng một cuốn băng video ghi lại bản nhạc Đi Chùa Hương rất đầy đủ. Trong các nghệ sĩ hát bài này, có Hồng Vân là thuộc hết bản nhưng chỉ thường giới thiệu trích đoạn chứ không hát cả bài.

*** Những năm 50, 60 ở VN, những năm 90 ở hải ngoại, nhiều nữ danh ca đã thể hiện Đi Chùa Hương với những giọng truyền cảm sâu sắc. GS thích nhất giọng nào?**

- Tiếc rằng tôi không được điểm phúc nghe tận tai tất cả các ca sĩ hát bài này. Đến nay tôi chỉ còn nhớ giọng của Ý Lan mà tôi được một người bạn bên Mỹ cho nghe qua điện thoại. Giọng của Thanh Lan, tôi cũng còn nhớ rõ vì có cuộn băng. Hồng Vân thì đã rất nhiều lần hát tặng tôi ở những buổi họp mà tôi có mặt...

*** Nhạc sĩ Lê Thương, những năm 90, tại TpHCM, đã nói với tôi: Chùa Hương là bài thơ dài thấm đẫm hồn dân tộc trong thể thơ và nội dung, trong lời thơ. Nhạc sĩ Trần Văn Khê đã phổ nhạc thành công bài thơ dài và độc đáo đó. GS suy nghĩ thế nào về nhận định này?**

- Bạn tôi vì quá ưu ái mà có lời khen tặng như vậy. Về mặt nhạc học, lẽ tất nhiên là

Lê Thương rất sành sỏi nên lời nhận xét đó không xa với thực tế. Nhưng tôi vẫn không dám nhận tất cả những lời khen của bạn, vì tôi không phải là nhạc sĩ sáng tác chuyên môn để có được những quan điểm sâu sắc về cách phổ nhạc.

*** GS có nhớ lần đầu tiên ra Hà Nội và lần đầu tiên thăm chùa Hương?**

- Tôi đi chùa Hương lần đầu lúc đang học trường Y tại Hà Nội năm 1942. Về sau được đọc bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp thì bao nhiêu cảnh đẹp chùa Hương mà tôi đã được thấy, như hiện rõ trong câu thơ và nhờ đó mà bản phổ nhạc được nhiều bạn yêu thích.

Năm 1976, nhạc sĩ Đỗ Nhuận tổ chức cho tôi đi viếng chùa Hương cùng GS Nguyễn Hoán và phu nhân, Võ Thị Tri Túc, và con trai của hai bạn là cháu Cảnh. Tôi thật bồi hồi! Không gian cũ hiện lên, cùng với những cảm xúc vẫn nguyên vẹn trong lòng, tất cả như còn tươi mới!

*** Chân thành cảm ơn GS nhạc sĩ Trần Văn Khê!**

Cô gái chùa Hương.

Nguyễn Vỹ kể lại: "Bài thơ Chùa Hương là bài khá nhất trong tập thơ Ngày Xưa, có một lai lịch kỳ thú không ngờ. Chuyến đi Chùa Hương ấy, Nhược Pháp đi với tôi và hai cô gái nữa, đều là nữ sinh cả. Hai cô mang theo hai máy chụp hình, còn Nhược Pháp và tôi đều đi tay không. Trèo lên đến rừng mơ bỗng chúng tôi gặp một bà cụ vừa bước lên đèo, đường gồ ghề lởm chởm, vừa niệm: "Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế âm Bồ tát...". Cô gái quê có lẽ là con của cụ, cũng đang niệm câu ấy nhưng nửa chừng trông thấy chúng tôi là hai chàng trai nhìn cô trân trân thì cô bẽn lẽn làm thinh không niệm

Phật nữa. Cô đang đọc: "Nam mô cứu khổ cứu nạn..." rồi cô im. Đôi má cô đỏ bừng, cô cúi mặt xuống. Hai đứa tôi hỏi cô: "Tại sao trông thấy chúng tôi, cô không niệm Phật nữa?" Cô gái quê có vẻ đẹp ngây thơ bỗng tỏ vẻ bối rối muốn khóc. Không ngờ hai cô bạn nữ sinh lén chụp được tấm hình hai đứa tôi đang hỏi chuyện cô gái quê, rồi có lẽ không bằng lòng chúng tôi nên hai cô lén đi trước, và đi lúc nào chúng tôi không hay biết, cũng chẳng nói năng gì với chúng tôi cả, bỏ chúng tôi ở lại với cô gái quê. Chúng tôi mê nói chuyện với cô này, một lúc sực nhớ lại hai cô bạn, chúng tôi vội vàng đi theo nhưng không kịp. Hai cô đã lên đến chùa Ngoài, rồi lên đến chùa Tiên Sơn, lẫn trong đám đông người, biến mất dạng. Đêm ngủ trong chùa Hương, sáng hôm sau ra về, chúng tôi mới gặp lại hai cô bạn đồng hành. Tôi phải xin lỗi mãi, nhưng Nhược Pháp cứ tủm tỉm cười không nói. Về Hà Nội, hai hôm sau, Nhược Pháp đem đến tôi bài thơ Chùa Hương, mà trong bản chép ra đầu tiên Nhược Pháp đề là Cô Gái Chùa Hương. Nhược Pháp lấy cuộc gặp gỡ lý thú của chúng tôi với cô gái quê làm đề tài và tưởng tượng thêm ra, thành bài thơ đẹp, giọng ngây thơ, y như cô gái chùa Hương hôm ấy...

Thơ của Nguyễn Nhược Pháp đến với đời ít ỏi chỉ có vậy, nhưng đã khắc họa vào văn học sử một gương mặt thơ không thể quên. Và người ta có thể quên hết về Nguyễn Nhược Pháp, chỉ một bài không cách nào quên được, ấy là "Chùa Hương" (bài thơ mà ông cước chú một cách bông đùa là "thiên kí sự" của một cô bé, như thể ông chỉ là người sưu tầm lén lút, chép ra từ nhật kí của một thiếu nữ "ngày xưa" có thật). Nhiều người vì thế, mỗi khi nghe nhắc đến Nguyễn Nhược Pháp là nhớ đến

phong cách dí dỏm, hóm hỉnh, nhí nhảnh, duyên dáng, táo bạo mà hồn nhiên, trong sáng, rất dễ thương. Cái nhìn phiến diện ấy, ngấm lại, hoá ra phản ánh sự nhận thức và kí ức thông thường của con người: Mỗi người sống trên đời này, chỉ cần có một nét riêng ấn tượng nhất. Chỉ với Ngày xưa – một tập thơ nhỏ, vồn vện mười bài – ông đã tạo nên trong thơ Việt buổi đầu một thế giới thơ đầy không khí, tâm trạng và rất Nguyễn Nhược Pháp.



Nguyễn Nhược Pháp

Kết thúc bài sưu tầm Thơ Nguyễn Nhược Pháp, chúng tôi xin trích lại lời tán thưởng trân trọng của Hoài Thanh: *"Thơ in rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp. Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa."*

Ta cũng chỉ cần đọc những bài khác trong tập thơ Ngày Xưa để biết cái vẻ "sắc nước hương trời" của **Người Đẹp Áo Đen**, một trong bốn "**mỹ nhân Hà thành**" xưa.



Vẻ đẹp đặc trưng của người Tràng An trong bức ảnh "tứ đại mỹ nhân". Cô Phùng Hàng Ngang, cô Sầu Cột Cờ, cô Nga Hàng Gai và cô Bích Hàng Đây.



Nổi tiếng nhất trong "tứ đại mỹ nhân" Hà Thành có lẽ là cô Phụng Hàng Ngang (Vương Thị Phụng). Sau khi mối tình của cô Phụng Hàng Ngang với nhà báo Hoàng Tích Chu tan vỡ, cô Phụng đã trải qua những cảnh ngộ đau thương và bi kịch, được người đời ví như nàng Kiều của phố cổ Hà Nội.



Giai nhân Hà thành Đỗ Thị Bích sinh năm 1915, tại ngôi nhà số 37 (Hàng Dẫy). Xinh đẹp, phúc hậu nhưng cô Bích luôn có thói quen mặc đồ đen. Vì thế, cô chính là "người đàn bà áo đen và mối tình trong mộng của thi sỹ Nguyễn Nhược Pháp".



Cùng nổi danh thời đó là cô Nga Hàng Gai với sắc nước hương trời vạn người mê mẩn.



Quán Bán Hoa Bờ Hồ.

Sau năm 1945, người ta không còn nghe bất kỳ thông tin gì về nàng Kiều xinh đẹp của đất Bắc, cô Sầu Cột Cờ, con gái nhà văn Lý Ngọc Hưng.

Virginia, Hạ Năm 2015

Tiểu Sử Tác Giả:

“Nguyễn Văn Thành sinh ngày 30 tháng 12 năm 1923 tại Vân Hồ Hà Nội. Động viên theo học Khóa 1 năm 1951 tại Quân Trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam

Định. Ra Trường năm 1952 với cấp Thiếu úy, chuyển về Ban pháp chế Phòng nhất Đệ Tam Quân Khu đóng ở Hà Nội.

Hiệp Định Genève chia đôi đất nước năm 1954, Bộ Tham Mưu Đệ Tam Quân Khu đóng tạm tại Phân Khu Duyên Hải Nha Trang giải tán, được chuyển qua Toà Án Quân Sự Nha Trang , tiếp đến phục vụ Toà Án Quân Sự Saigon cho đến ngày mất nước 30 tháng Tư 1975.

Chức vụ cuối cùng đã đảm nhiệm trước 30/4/75 : Theo đề nghị của Nha Quân Pháp và Bộ Quốc Phòng, Tối Cao Pháp Viện đã bổ nhiệm Đại Tá Chánh Thâm Toà Án Mặt Trận Biệt Khu Thủ Đô và Vùng 3 Chiến Thuật kiêm Cố Vấn pháp luật cạnh Tòa Tổng Trấn Saigon Gia Định.

Bị VC bắt đưa ra giam ở nhà tù Trại Hoàng Liên Sơn Bắc Việt và các nhà tù khác 13 năm cùng 3 năm quản chế. Hết hạn được đi qua Mỹ theo diện nhân đạo HO4 đoàn tụ với gia đình ngày 12 Tháng 12 năm 1990 Quận Arlington Virginia tại địa chỉ hiện nay kéo dài gần 25 năm nay.

Chẳng may, đi khám bệnh bị phát hiện ung thư bao tử nặng phải đưa đi Bệnh viện Fairfax giải phẫu ngay. Bác sĩ và chuyên viên mổ cắt hết bao tử, chỉ để lại một phần nhỏ dạ dày kéo ruột non lên khâu thay thế dạ dày. Bác sĩ cho xuất viện khuyên bệnh nhân chỉ sống được từ 2 đến 3 năm thôi. Mổ đầu năm 1992 dưỡng bệnh ở nhà chờ...thì được người bạn đồng môn, đồng khóa, đồng tù, đồng đi HO cùng cư ngụ tại Virginia tới thăm, anh Nguyễn Cao Quyền và phu nhân. Tay anh Quyền cầm một tập hồ sơ mở ra cho tôi coi, chỉ vào hồ sơ gạch bút xanh đỏ...rồi nói : cậu viết đi , ta sẽ đưa bọn Việt Cộng ra Toà Án Quốc Tế. Tôi do dự vì xúc động và lo sợ không biết có đủ tài liệu viết nổi đề tài đó hay không...Anh trấn an tôi, nói tiếp, tôi sẽ giúp cậu mọi mặt như đánh máy, dịch thuật, gửi E-mail cho các báo...hề cần tôi sẽ giúp.

Tôi đã làm theo hướng của anh bạn tôi. Một loạt bài viết về chủ đề luật pháp quốc

tế hay án lệ Pinochet làm rung chuyển luật pháp quốc tế đã xuất hiện lần đầu tiên trên Tuần Báo Gió Mới do Nguyễn Hữu Bình làm Chủ Nhiệm. Và lan toả ra khắp nơi, như ở Cali nhật báo Người Việt, Việt báo, Việt Nam và Thế Kỷ 21.

Cơ duyên nào đưa đẩy tôi cộng tác viết



cho báo Cỏ Thơm ? Chúng tôi thường đánh bài Mạt Chược tại Chung cư Woodland Hill Apts 610 Carlin Springs Rd với chị Phùng Ngọc Duy khuê danh Phạm Thị Hào, ái nữ của Cụ Phạm Quỳnh. Tôi đã gặp anh Lưu Nguyên Đạt đến thăm Nhạc Mẫu, do đó, tôi biết thêm anh Đạt là Luật Sư hành nghề ở miền Trung chơi thân với em họ tôi cũng là LS

Phạm Quang Tường . Do sự giới thiệu của em tôi nên anh Đạt biết tôi có viết cho nhiều báo nên mời tôi gửi bài cho Cỏ Thơm. Tôi nhớ nhất câu này của anh Lưu Nguyên Đạt “ Chú cứ gửi bài, mới hay cũ đều đăng hết”

Quả vậy, anh đã thực hiện như anh đã hứa và tôi nhớ mãi câu này coi như một kỷ niệm tươi đẹp sống mãi trong lòng tôi. Bài viết đầu tiên đăng ở Cỏ Thơm số 14 và liên tiếp nhiều năm cho tới lúc anh giao cho Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung đảm trách Chủ Nhiệm vẫn tiếp tục nối theo con đường do sáng lập viên Lưu Nguyên Đạt vạch ra. Xin cảm ơn tất cả đã cho tôi đi vào gia đình Cỏ Thơm ngày một gần bó, thân thiết, chia sẻ với các văn thi hữu về sự sống còn tờ báo mà chúng ta đều mến mộ. Mong lắm thay.”

GIỀNG THƠM HƯƠNG BƯỞI

Lá Sen khô, đọng giọt buồn
Tiếng Thơ từ buổi nước nguồn chia hai
Về Chùa thụ bữa cơm trai
Mát ơi, nước Giếng ngọt bài cổ thi

Sương đêm nghe lá thầm thì
Tháng Tư, năm đó mang gì hành trang?

Tâm tư một khối mang mang ...
Có hình ảnh Mẹ, Trăng vàng thêm xưa

Sao khuya mấy cánh mơ hồ
Giọt sương thâm lặng ...
đôi bờ quan san!

Mùa sang, lại nữa Mùa Sang
Ơi Trăng, Nhớ quá Trăng Vàng mùa xa

Cơm Chay, hạt ngọc còn mơ ... (1)
Giếng Thơm Hương Bưởi ...
Đẹp mùa nhân gian,

Đêm nay cũng ánh Trăng Vàng
Về đâu tâm sự mây ngàn dặm xa ...

(1) hạt Cơm quý như hạt Ngọc

TUỆ NGÀ
Oregon Tháng Tư 2015

PHƯỢNG HỒNG TRONG THƠ

Trang tặng
Nữ Sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tác giả
Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà- Nội.

Tôi yêu Hà-Nội vô cùng
Giờ đọc Hồi Ký Ngọc Dung, lại càng,
Nghe lòng thương nhớ mệnh mang
Mùa Thu một thuở khăn quàng lụa tơ

Chập chờn ẩn hiện trong mơ
Hồ Gươm tháp bút sương mờ bình minh
Ôi chao, thương nhớ bao tình
Bút, Vãn ai dệt cho mình ngân ngơ!
Hồ Tây nước vẫn xanh lơ
Đường Đồi, Thủ Ngự cột cờ gió bay
Rung rung, tâm sự tràn đầy
Hai chữ Hà Nội, Buồn! ngây tâm hồn!
Đã chiều bằng lãng hoàng hôn
Vào trang Hồi Ký nghe hồn lênh đênh

...
Bốn mươi năm, cuộc hành trình
Gửi về đâu hết tâm tình tha phương!
Cảm Ơn Hồi Ký Ngọc Dung
Vùng Trời Kỷ Niệm Phượng Hồng
Trong Thơ ...

TUỆ NGÀ
Thành Phố Hoa Hồng
Oregon, Tháng Hai 2015

CHÙA LÀNG QUA CA DAO

Nguyễn Văn Nhiệm

*“Chùa làng có tự xa xưa
Kệ kinh sãi tụng, muối dưa qua ngày.”
“Chùa làng có tự cổ sơ
Lớn lên bà thấy Bụt thờ ba ông.”*

Đó là lời của bà kể lại cho các cháu nghe, rằng: “Chùa làng có tự cổ sơ”, nhưng thật ra Đình làng lại còn có trước hơn nữa, từ những ngày đầu lập quốc. Điều đó có nghĩa là trước khi đạo Phật vào đất nước Việt Nam thì nơi đây đã có đạo thờ cúng tổ tiên từ lâu rồi.

Đạo Phật phát xuất từ nước Ấn Độ: Thái tử Tất Đạt Ta từ bỏ cung vàng, điện ngọc xuất gia tu hành đắc đạo, thành Phật tức Đức Phật Thích Ca hay Phật Như Lai. Tây Thiên là miền Cực Lạc cũng chỉ đất nước của Phật:

*“Cảnh Tây Thiên là miền Cực Lạc
Cõi ta bà ngũ trặc đau khổ trần ai
Chúng sinh ơi mau theo gót Phật Như Lai
Lánh nơi trọc giới qua đài Tây phương.”*

Bài ca dao trên phản ánh tổng quát giáo lý đạo Phật, kêu gọi chúng sinh mau theo gương Đức Phật, lánh nơi trọc giới, cõi ta bà đầy đau khổ, gắng sức tu hành để qua miền Tây phương Cực Lạc. Cũng như ngôi đình làng, ngôi chùa làng được xây cất rất khang trang do lòng sùng kính Phật của dân làng và hàng năm đều có làm lễ Phật đản rất long trọng, trang nghiêm:

*“Chùa làng một điện năm gian
Hàng năm giỗ Bụt cả làng dân qui.”*

Ngoài ý nghĩa tôn giáo, chùa làng còn là nơi gặp gỡ của dân làng trong những ngày lễ Phật, nhất là dịp đầu năm, cầu cho quốc

thái, dân an, cũng vừa là thắng cảnh:

*“Chùa làng phong cảnh hữu tình
Đầu năm cầu Phật dân làng an vui.”*

Hình ảnh ngôi chùa đã đi sâu vào lòng dân tộc, cho nên khắp cả nước từ thôn quê cho đến chốn kinh kỳ, đâu đâu cũng có cảnh chùa:

*“Minh về đường ấy thì xa
Qua đò sông Cái, về qua Ninh Bình
Đất Ninh Bình có chùa Non Nước
Núi Phi Diên, Hồ Lạc chung quanh
Em về đừng có quên anh
Có duyên ta sẽ trở thành duyên ương.”*

*“Quê em có dải sông Hàn
Có chùa Non Nước, có hang Sơn Trà.”*

*“Bao giờ cạn nước Thu Bồn
Ngập chùa Non Nước, lời đồn em mới tin.”*
(Chùa Non Nước ở vùng sông Hàn, sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam)

*“Dù cho cha đánh mẹ treo
Em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm.”*
(Chùa Keo: Thái Bình)

*“Áy ngày mồng tám tháng ba
Ăn cơm với cà đi hội chùa Tây.”*
(Chùa Tây: Chùa Tây phương ở Hà Tây)

*“Hội chùa Thầy có hang Cốc Cờ
Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy.”
“Bồi Khê, Tiên Lữ, chùa Thầy
Đẹp thì tuyệt đẹp, chưa tày chùa Hương.”*
(Chùa Thầy ở Hà Tây, ở Tiên Lữ có chùa Trăm Gian; chùa Hương ở Thái Bình)

*“Ai đi trẩy hội chùa Hương
Làm ơn gặp khách thập phương hỏi dùm*

Mớ rau sắng, quả mơ non
 Mơ chua sắng ngọt biết còn thương chăng?
 (Mơ chua, sắng ngọt: cội nhân sinh ta
 bà nhị nguyên còn chua, còn ngọt phân
 chia đôi đường, nên còn phân vân)



Chùa Hương

“Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
 Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn
 Đài Nghiên Tháp Bút chưa mòn
 Hỏi ai xây dựng nên non nước này.”
 (Chùa Ngọc Sơn ở Hà Nội, chùa Tháp Bút
 ở Hà Bắc)

“Gió đưa cành trúc la đà
 Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương.”

“Ngó lên ngọn tháp bảy tầng
 Một đêm em dậy mấy lần nghe chuông
 Nghe chuông Thiên Mụ thì buồn
 Trông về Thành Nội khói tuôn lại sầu.”
 (Chùa Thiên Mụ ở Huế)

“Chùa Hương Tích mà lại có hang
 Sư Minh Không xin được túi đồng về xây.”
 “Ai lên Hương Tích chùa Tiên
 Gặp cô sư Bác anh khuyên đôi lời
 Đem thân làm kiếp con người
 Tu sao cho trọn nước đời mà tu
 Chùa Tiên cao tít tít mù

Bao la ngàn Hồng mây mờ giăng giăng.”
 (Chùa Hương Tích: Hà Tĩnh)

Trong số các chùa chiền ở Việt Nam,
 có một chùa tuy nhỏ hơn hết, nhưng lại rất
 có ý nghĩa. Đó là chùa Một Cột ở Hà Nội:
 “Tu đâu cho bằng tu đây
 Tu chùa Một Cột, đá xây hai hòn.”

Chùa Một Cột hay Diên Hựu được xây
 cất vào năm 1049 đời vua Lý Thái Tông.
 Về việc này, Đại Việt sử ký toàn thư viết: “
 Mùa đông tháng mười dựng chùa Diên
 Hựu. Nguyên trước vua chiêm bao thấy
 Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dặt vua
 lên tòa. Khi thức dậy, vua đem việc ấy nói
 với bề tôi. Có người cho là điềm không
 lành. Có sư Thiên Tuệ khuyên vua làm
 chùa, dựng cột đá giữa đất, làm tòa sen
 của Phật Quan Âm đặt trên cột như đã thấy
 trong mộng. Cho các sư nhiều quanh, tụng
 kinh cầu vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa
 Diên Hựu.”

Về dạng kiến trúc thì chùa Một Cột
 được xây dựng trên một cột lớn, đứng
 sừng sững giữa cái hồ nước. Mái chùa lợp
 ngói, bốn góc cong vượn lên như các cánh
 hoa sen. Cột tròn nhô lên khỏi mặt nước
 như cọng sen. Một bộ kinh quan trọng của
 Phật giáo Đại thừa có tên *Diệu Pháp Liên
 Hoa* , theo đó người tu hành nhờ có
 phương tiện là *diệu pháp* cộng với công
 phu của mình thì cứu cánh có thể thành
 đạt, giác ngộ, đắc quả giống như hoa sen
 nở, tỏa ngát hương thơm.

Đó là ngôi chùa ở chốn kinh đô, bây giờ
 thử theo dòng ca dao trở về ngôi chùa làng:
 “Chùa làng dựng ở xóm côi
 Sớm khuya hai buổi nghe hồi chuông ngân
 Dân nghe chuông sớm dậy mần
 Kê thời chợ búa, người dân ra đồng
 Tiếng chuông người bạn trăm sông
 Quanh năm thức tỉnh người dân trong vùng.”



Tiếng chuông chùa qua thời gian đã thật sự đi vào đời sống của dân làng, có sức lan tỏa rộng khắp, thân thiết như *người bạn trăm sông*. Tiếng chuông không chỉ đánh thức người dân *sớm dậy muộn* ở bình diện đời sống vật chất thường nhật, mà dần dần đi sâu, lắng đọng vào tâm thức, vào đời sống tâm linh của con người: từ thức tỉnh chuyển qua tỉnh thức. Đối với người bình dân, Phật giáo đã đi vào lòng họ bằng cả lý lẫn tình rất phù hợp với triết lý lưỡng hợp thái hòa truyền thống của dân tộc. Mà có lẽ yếu tố tình tự là dễ đi vào lòng người bình dân hơn hết. Cái biết không bằng cái thương. Cái thương sao mà phong phú, đa diện đến thế này! Từ mười điều thương trong tình tự trai gái ở nông thôn chuyển qua mười điều thương ánh đạo vàng quang vinh:

*“Một thương miếu tượng giang sơn
Hai thương ánh đạo, đạo vàng quang vinh
Ba thương tiếng kệ câu kinh
Bốn thương ai đã giữ gìn trung kiên
Năm thương Phật lý uyên nguyên
Sáu thương đức độ gây niềm tin yêu
Bảy thương đạo pháp cao siêu
Tám thương đức tổ nở nhiều hoa ưu
Chín thương năm cũ qua mau*

Mười thương năm mới rục màu tương lai.”
Theo nội dung của bài ca dao trên thì chính những điều thương đó cũng cho thấy sự thâm nhập dần dần *Phật lý uyên nguyên* vào tâm thức của người bình dân ở mức độ nào đó.

Thứ nhất là nhận thức về *sắc không*:
*“Bậu có muốn tu thân
Cho qua ở gần coi thử
Đừng bắt làm bất tử
Mà hại chúng sinh
Thầy chùa đây, qua đã thấy nhiều anh
Miệng nói tuy không sắc, nhưng lòng đành
sắc không.”*

Nhận thức về *không sắc, sắc không* với thái độ hoài nghi của người con trai này là do tính bộc trực của phần đông người bình dân và phần tiêu cực của một số đối tượng. Thật giả, chánh tà phải chờ thực tế trả lời. Nên theo lời lành của Phật dạy, chứ không nên chấp vào vài hiện tượng ở người phạm, bởi vì người chưa giác ngộ thì ai không có lỗi lầm, thế cho nên mới có tụng niệm sám hối: *“Lời lành của Phật truyền soi*

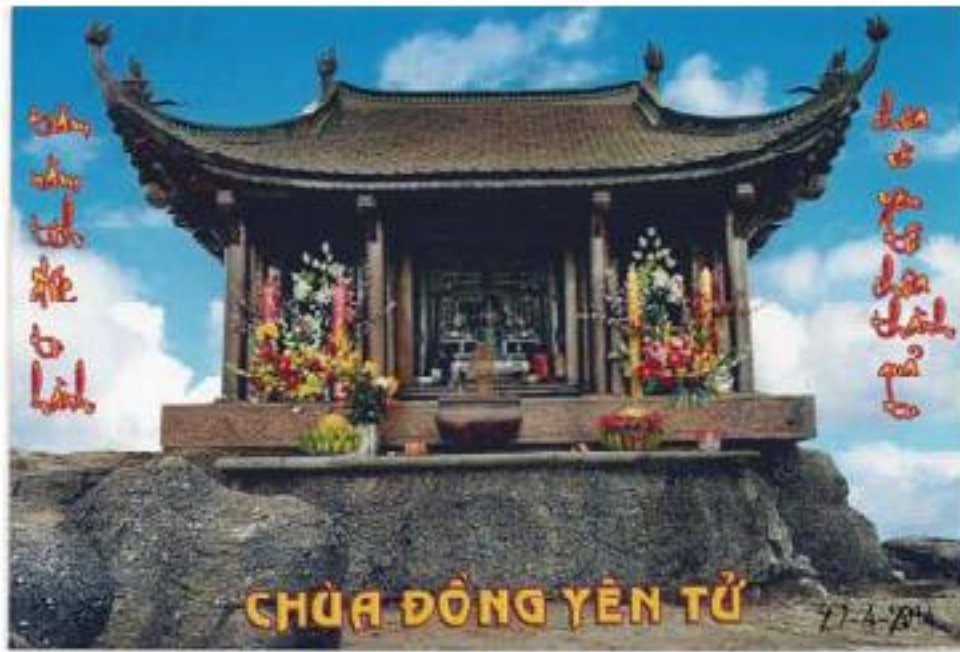
Dọc qua suy nghiệm xét coi chánh tà.”

Bài ca dao tiếp theo sau đây lại cho thấy quan niệm hữu vô tức sắc không của phái Thực Đại thừa là phi hữu phi không, diệt hữu diệt không (Chẳng có chẳng không, mà cũng có cũng không)

*“Ai mà quyết chí tu hành
Có đi Yên Tử mới đành lòng tu
Chữ rằng phi hữu phi vô
Có đi Đông độ mới đồ Tây phương.”*
(Chùa Yên Tử ở Quảng Ninh)

Xét tiếp bài ca dao dưới đây:

*“Bụi giặc hiệp trần là nguyên nhân đau khổ
Quay đầu giác ngộ là mục đồ Như Lai
Vì yêu thương chi nghiệp báo kéo dài
Chi bằng gắng công tu niệm để được hoa
khai kiến phủ.”*



Bài này cho biết nguyên nhân đau khổ là do *Bụi giặc hiệp trần* tức là vô minh, cho nên cần phản tỉnh, làm sạch hết *bụi giặc* là giác ngộ chân tánh Như Lai. Gắng công tu niệm để dứt nghiệp báo thay vì đắm đuối yêu đương. Lúc giác ngộ, tâm thức khai mở như đóa hoa nở, *hoa khai*.

Bài ca dao tiếp theo cũng có phạm trù *hoa khai*:

*“Đêm nằm niệm Phật Thích Ca
Cầu cho cha mẹ kết hoa liên đài
Về cảnh Phật thấy hoa khai
Trầm luân chấm dứt đảo lai Niết Bàn.”*

Ở bài này, người biết đạo không chỉ lo tu tập cho mình mà còn lo tụng niệm, cầu cho cha mẹ thoát vòng trầm luân, sớm về cảnh Phật, cõi Niết Bàn.

Như đã biết *“Bụi giặc hiệp trần là nguyên nhân đau khổ”*, nghĩa là đau khổ do vô minh mà ra. Những biểu hiện của vô minh thường thấy ở con người là: sân si, nói dối, tham lam...

*“Sân si nghiệp chướng không chừa
Bo bo giữ lấy tương đưa làm gì.”*

Người không chừa được thói sân si thì việc tu hành cũng vô ích, vì sân si là một trong những nghiệp chướng xô đẩy con người vào chốn trầm luân.

Cứu cánh của người tu hành là phản tỉnh để giác ngộ, giã từ bến mê để qua bờ giác:

*“Cây anh chuốc một cây sào
Chông thuyền Bát Nhã qua ao Long Hồ.”*

(Bát Nhã: trí tuệ của bậc giác ngộ đã vượt khỏi nhị nguyên)

Giác ngộ là tìm về với *bản lai diện mục* của chính mình, là tính thể con người, là chân lý. Nói dối có tác dụng đi ngược lại chân lý, cho nên cần đến sự thành tâm sám hối:

“Một điều nói dối, sám hối bảy ngày.”

(Dịch: *“Thất nhật đắc”*)

Tham lam là một trong những yếu tố chính khiến con người bị trói buộc vào nghiệp chướng rất khó tháo gỡ ra: *“Xét ra muôn sự ở đời*

Tính hư nét xấu con người thấy ngay

Nọ là niềm Phật ăn chay

Tham lam cho lắm có ngày lắm than.”

Theo bài ca dao này thì tham lam là *tính hư nét xấu* mà người đời đã từ lâu thấy trước hậu quả của nó rồi.

Muốn xả bỏ tham lam thì không gì bằng thực hành bố thí, làm phước (một trong lục độ của hạnh Bồ Tát):

“Nghiêng vai ngửa vái Phật, Trời

Đương con hoạn nạn độ người trầm luân

Dẫu xây chín bậc phù đồ

Chẳng bằng làm phước cứu cho một người.”

Hạnh Bồ Tát dễ đi sâu vào lòng quần chúng bình dân qua sự cứu độ:

“Xin mở lòng Bồ Tát

Tỏ đức háo sanh, ra tay cứu độ.”

Từ nhận thức thực tế về sự ơn ích của Đạo Từ Bi, người bình dân đã bày tỏ thái độ yêu kính Đạo: *“Dù ai lấp cạn bể Đông Hiếu thân Bồ Tát vẫn không vui đầy.”*

Rồi những người con của Phật sống và làm theo lời Phật dạy với mức độ tùy theo xuất gia hay tại gia:

“Ăn chay niệm Phật, nói lời từ bi.”

“Sáng trăng sáng cả đêm rằm

Nửa đêm về sáng, trăng nằm ngọn cây

Nhớ ngày mồng một ăn chay
 Cộng thêm mười bốn, trọn ngày mười lăm.”
 “Còn trời còn nước còn non
 Thầy còn thuyết pháp, tôi còn ăn chay.”
 “Vô chùa thấp hết lọn nhang
 Miệng Nam Mô Di Đà Phật
 Nguyên cùng Trời chùa chạt cũng tu.”
 “Còn trời còn nước còn non
 Còn chùa còn Phật tôi còn tụng kinh.”
 “Tai nghe chuông mõ vang đầy
 Ghé vô am tự nghe thầy giảng kinh.”
 Đi chùa lễ Phật, tụng niệm, nghe kinh,
 nghe thuyết pháp và đặc biệt vào ngày rằm
 có phóng sinh để tập cho tâm từ bi rộng
 mở đến khắp mọi loài chúng sinh:
 “Chùa làng có một cái đầm
 Người đem nhiều cá mỗi rằm phóng sinh.”

Ngoài ra việc giữ tâm cho thanh tịnh là
 điều rất cần thiết cho người xuất gia cũng
 như tại gia: “Khi tu đừng giận chó hờn
 Để tâm thanh tịnh cho hồn thoát siêu.”
 “Bụt thiên chẳng có ai thờ
 Tay ai thanh tịnh xin nhờ thấp hương.”

Khi lễ Phật, tụng niệm, nghe giảng
 kinh...nhất nhất đều phải giữ tâm thanh tịnh
 thì mới có thể đón nhận được tinh hoa của
 Đạo màu nhiệm.

Những bậc làm cha mẹ luôn luôn nhắc
 nhở con cái siêng năng đi chùa lễ Phật:
 “Con ơi, con hãy nhớ ghi
 Tháng tư giỗ Bụt thì đi lễ chùa.”

Lúc đến chùa lễ bái phải giữ im lặng,
 trang nghiêm, từ tốn:
 “Im như Bụt mặc trên chùa
 Con vào chánh điện đừng đùa với sư
 Cúi lạy con phải từ từ
 Đừng có vội vã mà hư thân mình.”

(Bụt mặc: Đời sống âm no của xứ nông nghiệp
 trù phú phản ánh qua nét tạc tượng Phật)

Trên đây ca dao cho thấy đạo Phật đã
 bước vào đời sống của dân tộc Việt như thế

nào và sự đón nhận của người bình dân ra
 sao. Sự đón nhận này không phải hoàn toàn
 thụ động, mà đã có một số phản ứng:

“Chuối chát măng chua
 Bốn mùa cực khổ
 Em tu hành, anh chỉ chổ cho em tu hành
 Kìa kìa hai vị Phật sanh
 Cha già, mẹ yếu sao em đành đi tu?”
 “Lên chùa thấy Phật muốn tu
 Về nhà thấy mẹ công phu chưa đành.”
 “Tu đâu cho bằng tu nhà
 Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu.”
 “Thứ nhất là tu tại gia
 Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.”

Điều này không có gì lạ cả, vì dân tộc
 Việt đã có đạo thờ cúng tổ tiên, mà gần gũi
 nhất là cha mẹ, rồi từ phạm vi gia đình, gia
 tộc mở rộng ra xã hội, đất nước bao gồm
 cả hiếu- trung:

“Ngó lên trời thấy cặp cu đang đá
 Ngó ra biển thấy cặp cá đang đua
 Biểu anh về lập miếu thờ vua
 Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha
 Ơn cha nặng lắm ai ơi
 Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.”

Việt lý được tóm lược trong tương quan
 vuông tròn . Vuông chỉ thế giới hiện tượng,
 vật chất; tròn chỉ đời sống tâm linh, tinh
 thần. Đạo Việt bao gồm cả hai theo tinh
 thần triết lý lưỡng hợp thái hòa . Còn Phật
 giáo, nhất là Phật giáo nguyên thủy cho đời
 là bể khổ, tuồng ảo hóa, kêu gọi chúng sinh
 xa lánh:

“Cõi ta bà ngũ trặc đau khổ trần ai...
 Lánh nơi trược giới qua đài Tây phương.”

Phật giáo nguyên thủy (Tiểu thừa) chủ
 trương giải thoát ly thế gian tướng. Nếu
 giữ nguyên lập trường này thì Phật giáo
 khó đi vào đời sống của một dân tộc đầy áp
 tình tự dựa trên nền tảng nguyên lý âm

dương sinh thành . May thay, Phật giáo Đại thừa xuất hiện với chủ trương giải thoát mà không ly thế gian tướng. Đây là kết quả của sự tổng hợp đương nhiên giữa hai nguồn văn hóa có chiều sâu tâm linh và chữ hiếu đã được người bình dân diễn đạt qua ý nghĩa lễ Vu Lan:

"Lên chùa dự lễ Vu Lan

Cầu cho cha mẹ thoát đường tử sinh."

"Đêm Vu Lan trăng tròn gió mát

Trước Phật đài ngào ngạt hương trầm

Cầu cho thất thế song thân

Được về nước Phật tâm thần thanh thoi."

"Đêm rằm tháng bảy Vu Lan

Phận con báo hiếu muôn ngàn ghi ân."

Rồi người bình dân qua tục ngữ, ca dao đã khẳng định:

"Tâm hiếu là tâm Phật

Hạnh hiếu là hạnh Phật."

Sự tổng hợp bao gồm thấu hóa, bổ túc và sáng tạo:

"Đã đành thọ giới Di Đà

Hiếu trung giữ trọn, gian tà mặc ai."

"Cha già là Phật Thích Ca

Mẹ già đích thị Phật Bà Quan Âm.

Ở Ấn Độ không có Phật Bà, chỉ khi qua Á Đông mới có Phật Bà Quan Âm. Trong tín ngưỡng, người bình dân đã liên kết Trời với Phật:

"Nghiêng vai ngựa vái Phật Trời

Đương cơn hoạn nạn độ người trăm luân."

"Lạy Trời lạy Phật cho tóc mau dài

Bao giờ tóc chấm ngang vai

Thì ta kết nghĩa thành hai vợ chồng."

Đối với một dân tộc giàu tình tự thì không dễ gì hoàn toàn *dũ sạch nhờn duyên* :

"Ai ơi vui cảnh vui thiền

*Lòng trần *dũ sạch nhờn duyên* ra về."*

Thôi thì tùy duyên mà chọn lựa tu tại chùa hay tại gia, mà đối với người bình dân thì thứ ba mới tu chùa. Tu tại gia thì khó vì đa đoan, nhưng giữ được hiếu trung; còn tu tại chùa thì người xuất gia dễ giữ tâm

thanh tịnh hơn. Tuy nhiên việc *dũ sạch nhờn duyên* để xuất gia tu hành cũng không phải dễ nếu *nghiệp còn vẩn vương* :

"Công phu chuông mõ mỗi mồn

Y phai mầu bạc nghiệp còn vẩn vương."

Nghiệp còn vẩn vương thì chưa *dũ sạch nhờn duyên* , cho nên việc tu hành rất khó:

"Đã đành cắt tóc đi tu

Một ngày cửa Phật mười thu cỗi trần."

Bây giờ thử so sánh thuyết nghiệp báo, quả báo của nhà Phật và thuyết nhân quả của người bình dân.

Nghiệp báo luân hồi của nhà Phật

"Ngày xưa quả báo thì chầy

Ngày nay quả báo trước ngay nhãn tiền."

"Đời xưa quả báo còn lâu,

Đời nay quả báo bắt đầu giờ nào."

Những câu ca dao trên có phản ánh phần nào thuyết nghiệp báo của nhà Phật, nhưng vẫn chưa nói rõ đến ý tưởng luân hồi .

Những câu ca dao sau đây mới có tiếp thu ý tưởng tiền căn hậu kiếp:

"Hò ơ, thuở sanh tiền kiếp sống linh bình

Đến khi nhắm mắt phải trọn tình với cá tôm."

"Em đừng đem dạ ưu phiền,

Kiếp này không gặp, ta nguyên kiếp sau."

"Kiếp này trả nợ cho xong

Làm chi để nợ chất chồng kiếp sau."

"Khuyên ai ăn ở cho lành

Kiếp này chưa gặp, để dành kiếp sau."

"Thuyền của anh đi nước xuôi

Thuyền của em đi nước ngược

Làm sao em trao được đôi lời

Thuận buồm xuôi gió, nhờ Trời kiếp sau."

Sau đây là những câu ca dao biểu thị thuần túy luật nhân quả của Việt lý, qui luật tác động ngay trong cuộc sống hiện thực nhãn tiền theo hai cách hiểu: luật tự nhiên hay sự thưởng phạt công bình của ông Trời.

Luật nhân quả nói chung

"Ở hiền thì lại gặp lành
Hễ ai ở ác, tội dành vào thân."
"Ai ăn mặn người ấy khát nước."
"Đời cha ăn mặn, đời con khát nước."
"Đời cha trồng cây, đời con ăn quả."
"Đời cha bóp méo, đời con vo tròn."

Nhưng trồng cây phải chọn giống vì:
"Trồng cây chua ăn quả chua
Trồng cây ngọt ăn quả ngọt."

Cho nên nếu đời cha có lỗi trồng cây chua thì đời con phải rút kinh nghiệm tìm giống ngọt mà trồng. Câu: *Đời cha bóp méo, đời con vo tròn* cho thấy cái ý thức của người bình dân về luật nhân quả, có hành động sáng suốt để cải nghiệp kịp thời chứ không nhắm mắt theo vết *bóp méo* của người đi trước.

Trồng cây lựa giống, mà giống nào có cái mầm *đạo đức* là hơn cả:

"Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây đức để đời về sau."

Đề đời về sau không phải là dành lại kiếp sau cho cá nhân mình, mà là cho thế hệ con cháu trên đời này.

Nhận thức về luật nhân quả của người bình dân như vậy đã đưa đến lòng tin tưởng có cơ sở và trở nên tự tin:

"Cát bay vàng lại ra vàng
Những người quân tử dạ càng đĩnh ninh
Đĩnh ninh ta để dạ này
Có công mài sắt, có ngày nên kim."

Nhân quả dựa vào niềm tin ở ông Trời

"Ai bảo Trời không có mắt?"
"Ở hiền rồi lại gặp lành
Áo rách tan tành Trời vá lại cho."
"Ở hiền thì lại gặp lành
Những người nhân đức Trời dành phần cho."
"Ai bỏ cha mẹ cơ hàn
Ngày sau Trời phạt đứng đàng xin ăn."
"Đạo Trời báo phúc chẳng lâu
Hơn là thiện ác đáo đầu không sai."

Về hình thức kiến trúc nói chung thì ngôi chùa cũng tương tự như ngôi đình, cũng có

mái cong, có nền vuông hay chữ nhật, có ao tròn. Ao chùa thường có trồng sen khiến cho cảnh chùa thêm đẹp thanh nhã:

"Hoa sen lại lảng giữa hồ
Giơ tay ra bẻ, sợ chùa có sư."
Hoa sen có khắp nước Việt Nam, từ Bắc chí Nam:

"Đầm Đại Từ hoa sen thơm ngát
Giếng Đại Từ nước mát trong xanh."

"Ai đi Châu Đốc, Nam Vang
Đi qua Đồng Tháp thấy bạt ngàn bông sen."

Sen là hình ảnh, là đề tài được người bình dân gửi gắm qua ca dao:

"Bông sen nở, bông sen nổi, gốc sen chìm

Bao nhiêu quý vật đều tìm quý hơn."

"Ngó lên đằm ngó xanh xanh
Người mong hái nụ, người giành bẻ gương."

"Thương chồng nấu cháo le le
Nấu canh thiên lý, nấu chè hạt sen."

"Ngắt bông sen còn vương tơ óng
Cắt dây tình hết ngóng hết trông."

"Tiếc bông sen nở chen bông súng
Tiếc con chim phượng hoàng đậu trúng cành ngô."

Bông sen là vẻ đẹp nơi đồng nội, là nét thanh tao của người bình dân :

"Sen mọc giữa đồng lòng sen trắng
Sen đất Tháp Mười mưa nắng vẫn tươi
Bông sen như nét con người
Đẹp như con gái Tháp Mười quê ta."

Bông sen vừa là biểu tượng cho tinh thần dân tộc, cho người quân tử cũng vừa là biểu tượng cho tinh thần Phật giáo:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn."

Sen cao quý ở chỗ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Theo quan điểm của Phật giáo Đại thừa thì thế giới hiện tượng, sự vật thiên hình vạn trạng chỉ là biểu hiện tác

dụng của một thực tại duy nhất, cho nên bùn với sen thực ra không có gì mâu thuẫn cả, mà hòa hợp với nhau để cho sen đơm bông, nở nhụy, tỏa hương thơm khắp ao hồ, đồng nội. Bông sen nở, tỏa hương thơm là hình ảnh tượng trưng cho con người lúc giác ngộ, đắc đạo. Sự giác ngộ ấy xảy ra chính ngay tại thế gian này chứ không ở đâu xa cả, cũng như bông sen kia nở tại nơi ao đầm bùn lầy nước đọng vậy. Hoa sen nở tỏa hương thơm như người ngộ Đạo:

*"Khuyên mẹ niệm Phật cho chuyên
Thì hoa sen đơm ở bên Liên Trì."*

Giác mơ của Vua Lý Thái Tông thấy tòa sen cho biết tác động tổng hợp trong tiềm thức nhà vua Phật tử với tiềm thức cộng đồng dân tộc.

Sự tổng hợp thành công của Tam giáo đồng nguyên thời đại Lý- Trần là nhờ đặt trên nền tảng Việt lý. Nền tảng này mặc dầu tiềm ẩn, nhưng nếu không có thực chất thì sự tổng hợp không thể nào thành công: *"Dân tộc ta có bốn nghìn năm lịch sử
Từ Đinh, Lê, Lý cho đến Trần, Lê
Dân ta giữ đạo Bồ Đề
Nửa tu chân chính, nửa tề quốc gia."*

Bài ca dao trên đây, nhất là câu chốt cho biết tình trạng văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần, hậu Lê, mà đỉnh cao là thời Lý- Trần với Tam giáo đồng nguyên, đạo với đời song hành hài hòa, là nhân tố làm cho nước Đại Việt hùng mạnh, toàn dân ấm no, hạnh phúc, đời sống có văn hóa, đạo đức. Đất nước sau những năm chống ngoại xâm đã thực sự trở nên thanh bình, thịnh trị chẳng khác cõi Phật như Trang nguyên Huyền Quang Lý Tải Đạo đã viết:

*"Phen những ôi!
Tây trúc đường nào
Năm châu có mấy
Non Linh Thử ai đem về đây
Cảnh Phi Lai mặt đã thấy đây"*

*Vào những cõi thánh thên thên
Thoát rẽ lòng phàm phây phấy."*

Trước đó vua Trần Thái Tông cũng đã viết: *"Trong hang quỉ mà là lầu đài Di Lạc, dưới núi tối có cảnh giới không khác của Phổ Hiền."* (Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ)

Thật ra tinh thần văn hóa lưỡng hợp thái hòa giữa đạo và đời đã có từ lâu trong truyền thống Đạo Việt. Đó là văn hóa *vuông tròn* của *bánh chưng, bánh dày* của Tiết Liêu từ thời Hùng Vương dựng nước: Vuông chỉ bình diện đời, tròn chỉ chiều sâu tâm linh của đạo. Phối hợp hài hòa cả hai gồm đủ cả tu, tề mới là Đạo. Cho nên vào ngày Tết mà thấy trên bàn thờ chỉ có bánh chưng, thiếu bánh dày là không đủ ý nghĩa. Nền văn hóa thiếu chiều sâu tâm linh, chỉ hướng về trục vật bên ngoài thì mất Đạo. Đạo đã mất thì cảnh Phi Lai, Di Lạc, Phổ Hiền cũng biến mất, chỉ còn trơ lại *hang quỉ dưới núi tối*.

Do đó làm người phải có Đạo, nếu Đạo còn thì phải cẩn trọng gìn giữ, nếu mất thì phải mau phục hồi:

*"Tiếng chuông lay bóng Bồ Đề
Con chim trắng cánh bay về Tây Thiên
Mong sao dân tộc bình yên
Đạo lành che chở dân hiền thân yêu
Dù cho đất sập trời xiêu
Lòng tôi vẫn nhớ những điều giá gương
Khắp nơi đồng ruộng phổ phùng
Nhớ lời Phật dạy phải thương nhau cùng
Đạo vàng điểm núi tô sông
Xây nền văn hóa Lạc Hồng thấm tươi."*

Nguyễn Văn Nhiệm

(Đề tài này thuộc chương 10: Quê hương và con người, trích từ sách Ca Dao-Con Đường Văn Hóa Việt của tác giả)

SÓNG

Đêm khuya tiếng biển rì rào.
Cùng em điệp khúc ra vào thanh xuân.
Trong bao đợt sóng âm ngân,
Tình ta bao đợt nghĩa ân đông đầy.

Kim-Vũ

Mũi Né, tháng 3, 2015

TÌNH TỰ

Em không nhớ một trưa nào ngán ngủi
Em không về từ thưở mất chiêm bao
Anh vẫn khóc bên thềm trăng lối cũ
Của một giờ thơ dại lá thư trao

Bờ bến lạ không thuyền không cả sóng
Áo vàng hoa tà lụa khép mong manh
Đâu bờ đá gập gềnh con nước vọng
Chúng ta ngồi, mắt lệ ướt long lanh

Chân lỡ bước trên đường sai lối hồng
Hẹn một giờ cho tui đến trăm năm
Thôi - anh nói - em à, em bé bỏng
Em nguyên sơ như nguyệt giữa trăng rằm

Thì em cũng cầm tay anh thỏ thẻ
Lời thơ ngây tình tự thưở mười ba
Chờ em nhé, dưới gốc sim già, nhé
Lời trăm năm tình tự mãi không già...

Vi Khuê

(Virginia)

HUẾ ƠI

Em từ lục bát bước ra
Gió đưa cành trúc la đà Huế ơi!
Gió chiều nào phượng thắm rơi
Bên bờ loang lỗ màu vôi cổng trường

Phan Khâm

(Maryland)

CỎ THƠM HAI MƯƠI

Tuổi hai mươi em dịu dàng thanh khiết
Như Cỏ Thơm xanh mát mát chân trời
Mở lòng cười thả mộng ước bay cao
Mong nắng gió bình an miền đất mới.

Hai mươi tuổi em yêu đời không tiếc
Thả lời thơ muôn ý chảy cùng người
Nâng niu từng lá chữ mỏng manh xinh
Đẹp như nắng hồng bình minh thức tỉnh.

Sinh nhật em hai mươi là như thế
Là nền hồng nồng ấm lửa thương yêu
Là nụ hoa như môi em vừa hé
Là tình yêu trải rộng đến muôn chiều.

Ý Anh

(Maryland)

NỖI BUỒN KHÓ QUÊN

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Thời tiết tháng Tư ở Âu Châu đẹp, cây đâm chồi nở nụ xanh tươi mang lại niềm vui cho mọi người. Riêng người Việt chúng ta tháng Tư gọi lại nỗi buồn xa quê hương, các phương tiện truyền thông, báo chí ở hải ngoại đều nhắc lại ngày



quên ơn chính phủ và nhân dân Canada đón nhận hàng trăm ngàn thuyền nhân Việt Nam⁴. Đạo luật đã ban hành là một vinh dự cho người Việt tại Canada, nhà cầm quyền CSVN triệu hồi Đại Sứ Canada để phản đối.

30.4.1975 là tháng Tư Đen, ngày Quốc Hận, tưởng niệm ngày người Việt ly hương... Hồi tưởng những giai đoạn thăng trầm của lịch sử, người Việt tỵ nạn CS khắp nơi trên thế giới tham gia biểu tình đòi hỏi tự do, dân chủ cho Việt Nam.

Ngày 22.4.2015 chính phủ Canada thông qua đạo luật S-219, công nhận ngày 30/4 National Day của Canada là “*Ngày hành trình tìm tự do*”, là ngày lễ kỷ niệm nhưng không phải là ngày nghỉ lễ chính thức. Thượng nghị sĩ Ngô Thanh Hải cho biết: „là Đạo Luật cho dân Canada biết rằng người Việt tỵ nạn bỏ nước ra đi tìm tự do từ 30.4.1975 khi cộng sản chiếm miền Nam“.

Thuyền nhân Việt Nam ở Canada cũng như trên thế giới là nạn nhân, từng bị nhà cầm quyền CSVN đàn áp tịch thu nhà cửa, đuổi đi vùng kinh tế mới, bị tập trung cải tạo... đã liều chết vượt biển đi tìm tự do, nói riêng người Canada gốc Việt không bao giờ

Có một thiếu sót dư luận trái chiều về đạo luật trên, tùy theo suy nghĩ của mỗi người.

Trong nước hàng năm 30/4 tổ chức diễn hành vui mừng ngày chiến thắng, bắn pháo bông ăn mừng... Với chúng tôi ngày 30/4 là nỗi buồn khó lãng quên, từ người xuống làm thân trâu ngựa, sự mất mát đau thương của gia đình hàng triệu người miền Nam đã gánh chịu cùng hoàn cảnh chung! Những tác giả trong và ngoài nước viết nhiều bài về biến cố lịch sử của Việt Nam. Cũng như nhiều tài liệu mật được bạch hoá cuộc chiến hơn 20 năm gây đau thương cho hai miền Nam Bắc. Việc đánh giá phê phán lịch sử phải công tâm, cân trọng hầu giúp những thế hệ mai sau tránh đi những cái nhìn lệch lạc, một chiều như trong nước thường tuyên truyền xuyên tạc, kết án những người vượt biển chúng ta là „*bọn ra đi vì kinh tế, đi điểm*...“ *“Rồi kêu gọi hòa hợp hòa giải là khúc ruột ngàn dặm...”*

Trong những năm cầm quyền của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt từng tuyên bố trên lý thuyết thật hấp dẫn: „*Tổ quốc là của mình, dân tộc là của mình, quốc gia là của mình, Việt Nam là của mình, chứ không phải là của riêng của người cộng sản hay của bất cứ tôn giáo hay phe phái nào cả... Có hàng trăm con đường yêu nước khác nhau. Tổ quốc Việt Nam không của riêng một đảng, một phe phái, tôn giáo nào... Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn...*“. Rất tiếc lúc tại thế ông chưa thực hiện và qua đời mang theo lời nói đó về bên kia thế giới.

Nhìn lại 40 năm trôi qua kéo dài những nhọc nhằn, khổ đau, vết thương cuộc chiến không thể phai mờ trên thân thể, trong tâm hồn của người dân hai miền Nam Bắc. Dù không còn hận thù, nhưng ý thức hệ giữa Quốc Gia và Cộng Sản vẫn còn mãi mãi phân chia đường ranh ngăn cách! người Việt hải ngoại, không bao giờ đồng quan điểm với nhà cầm quyền CSVN. Nếu Việt Nam còn độc tài đảng trị, không thật sự có tự do, dân chủ... Có lẽ mọi người cùng đồng ý với nhà văn Võ Thị Hào ở Hà Nội “*Người Việt Nam sẽ tự động hòa hợp ngay sau khi Việt Nam giải thể chính quyền độc tài cộng sản và thay vào đó bằng một chính thể dân chủ đa nguyên, tôn trọng tự do và nhân quyền...*“.

Nỗi buồn chung cho một dân tộc với 40 năm dưới chủ nghĩa CS hai miền Nam Bắc vẫn còn nghe tiếng kêu than của người dân, từng ngày qua họ vẫn còn rên xiết bị bóc lột, bị tịch thu ruộng vườn... nhiều vùng xa thành phố vẫn sống trong lam lũ, thiếu ăn, học sinh đi học phải đóng tiền học phí, không có cầu đê qua sông!

Miền Nam tài nguyên phong phú, điều kiện khá hơn các nước khác như Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Philippines. Nếu Việt

Nam Cộng Hòa không sụp đổ thì bây giờ nước chúng ta không thua Nam Hàn. Sau Đệ nhị Thế chiến, các cường quốc đã xóa bỏ chế độ thuộc địa, thực dân Pháp phải trả độc lập cho VN chứ không cần đến đảng CS „giải phóng dân tộc“. Sau 30.4.1975 Việt Nam đã để mất cơ hội trở thành một cường quốc vì CSVN tự hào, kiêu ngạo của kẻ chiến thắng, coi thường các thành quả phát triển về kinh tế của VNCH. Thống nhất đất nước, nhưng không thống nhất được lòng người,

CSVN sai lầm với chính sách tập trung cải tạo, không biết dùng những chuyên gia về kinh tế, khoa học kỹ thuật... Hơn 35 năm chúng tôi sống ở Đức, chứng kiến ngày 3/10 nước Đức thống nhất trong niềm vui trọn vẹn cả hai bên Đông-Tây, đời sống người dân phía Đông Đức phát triển, những người không có việc làm, người lớn tuổi hưởng tiền hưu, trợ cấp xã hội, y tế đầy đủ. Những người làm việc dưới chế độ cộng sản bên Đông Đức là sĩ quan, công chức không bị



tập trung cải tạo... không có hận thù vì vậy nước Đức hiện nay là quốc gia giàu mạnh nhất Âu Châu. Đó là bài học cho Việt Nam cần suy ngẫm.

Đời sống của người miền Nam bị suy sụp, thiếu niềm tin, từ đó có phong trào vượt biên dù biết trước có thể chết trên biển với phong ba bão tố, hải tặc hãm hiếp... Đến được các quốc gia tự do người Việt làm lại cuộc đời bằng đôi bàn tay trắng, hội nhập và thành công ở mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học có rất nhiều bác sĩ, chuyên gia, kỹ sư, khoa học gia, phi hành gia...

Thế hệ trẻ trong nước với nền giáo dục bị giới hạn „*hồng hơn chuyên*“ không thể đào tạo nhiều người tài giỏi. Báo Giáo Dục ngày 11/12/2014 viết: “*Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN), cả nước có 24.300 tiến sĩ và 101.000 thạc sĩ...*”. Nhiều người học tại chức từ trung học, đến đại học đều có bằng cử nhân, tiến sĩ, loại bằng đó của Việt Nam ra ngoại quốc không được công nhận, chỉ là giấy lộn. “Một thống kê khác của Bộ KHCN cho thấy, từ (2006 – 2010) cả nước chỉ có khoảng 200 bằng sáng chế, được cấp tại Cục Sở hữu trí tuệ và chỉ có 5 bằng sáng chế được đăng bộ tại Mỹ. Trong lúc khu vực Đông Nam Á, phát triển trên mọi lãnh vực, những bằng phát minh được công nhận như: Singapore (4,8 triệu dân) có 647 bằng, Malaysia (27,9 triệu dân) với 161 bằng, Thái Lan (68,1 triệu dân) có 53 bằng, Philippines có 27 bằng.

Hệ thống Giáo dục ở miền Nam trước 75 học trình trung học 12 năm, rất tự do và cởi mở, từ lớp 10 chia các ban A,B,C. Ban B: Toán Vật lý, Ban A: Vạn vật, Hóa học, Ban C: Sinh ngữ và Việt văn, theo môn học

chính, ngoài ra còn có môn Sử địa, Công dân giáo dục, Triết, phải học 2 môn sinh ngữ (Anh Pháp). không có môn chính trị. Học sinh phải qua các kỳ thi tú tài, bài thi được cắt phách gởi về trung tâm khảo thí Sài Gòn, được chấm công bằng, không cần xét lý lịch dù học sinh đó có cha mẹ đi tập kết ra Bắc, theo CS... Nếu đậu tú tài điểm tối ưu được cấp học bổng Quốc gia cho đi du học, những người khác nếu có điều kiện tự túc cũng được đi du học. Lên đại học sinh viên và giáo sư được quyền trao đổi tự do các khuynh hướng về tư bản hay cộng sản, không hạn chế. Từ trung học đến đại học dù trường công lập hay tư thục, đều theo quy chế tự trị và nhân bản, học sinh rất tôn trọng kỷ luật. Các trung tâm văn hóa của Pháp, Mỹ nhiều tài liệu, khoa học kỹ thuật, văn chương cho học sinh, sinh viên tham khảo.

Giáo dục ngoài miền Bắc trình độ trung học theo hệ 10 năm, phải học về chính trị tham gia đoàn đảng, bị nhồi sọ chủ thuyết Marxismus-Leninismus, không được đọc sách báo về tư bản chủ nghĩa, cấm nghe các đài ngoại quốc như BBC, VOA... Sau 1975 trung học theo hệ 12 năm, nhưng cũng nặng phần học khô khan về chính trị giáo điều, môn Sử bị đánh giá là thiếu trong sáng, thiếu chân thật không còn hấp dẫn... Học sinh vô kỷ luật, không có tinh người, đánh nhau, rồi quay phim phổ biến lên Youtube là một trò chơi vô cảm! Đạo đức làm người bị băng hoại suy đồi, phá thai, cướp, đâm chém giữa ban ngày, lừa dối, lường gạt nói dối trở thành thói quen... Trình độ học vấn đã được nhiều báo chí phê bình rất kém, mong Bộ giáo dục Việt Nam lắng nghe đề thay đổi, mới có thể hy vọng trình độ kiến

thức học sinh VN theo kịp với các quốc gia tại Á Châu.

Nhiều khách du lịch quốc tế đến Việt Nam có lẽ họ cũng ngỡ ngàng một đất nước còn theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng trên đường phố tập nập xe cộ sang trọng nhiều người sử dụng hàng hiệu và đồ điện tử Apple ...Thành phần sang trọng lắm tiền tiêu xài như nước là quan chức, cán bộ các cấp của nhà cầm quyền CSVN mà thôi đời sống phần lớn người dân còn nghèo khó, bệnh không tiền mua thuốc ...Một đất nước „phồn vinh giả tạo“ như thế thì đến bao giờ mới phát triển? Xem thống kê sau đây với những khoảng tiền khổng lồ nó chạy đi đâu mà dân ta vẫn còn khốn khổ? Theo thống kê trên Internet thì Việt Nam nhận được từ 1988 tới hết năm 2004 là 46 tỷ USD. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Ausländische Direktinvestitionen/ foreign direct investment, viết tắt FDI là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh này). Năm 2007 FDI là 21.3 tỷ USD, năm 2008 FDI là 31.6 tỷ USD.

Việt Nam còn nhận hỗ trợ phát triển chính thức (ODA, viết tắt từ Official

Development Assistance), là một hình thức đầu tư nước ngoài. Gọi là Hỗ trợ bởi vì các khoản đầu tư này thường là các khoản cho vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp với thời gian vay dài. Đôi khi còn gọi là viện trợ. Gọi là Phát triển vì mục tiêu danh nghĩa của các khoản đầu tư này là phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi ở nước được đầu tư. Gọi là Chính thức, vì nó thường là cho nhà nước vay. Lãi suất thấp (dưới 2%, trung bình từ 0.25% năm). Thời gian cho vay cũng như thời gian ân hạn dài (25-40 năm mới phải hoàn trả và thời gian ân hạn 8-10 năm). Trong nguồn vốn ODA luôn có một phần viện trợ không hoàn lại, thấp nhất là 25% của tổng số vốn ODA. Thụy Điển là một trong những nước phương Tây viện trợ sớm nhất cho Việt Nam, bắt đầu từ năm 1969. Tính đến năm 2008, Thụy Điển đã tài trợ cho Việt Nam tổng số vốn không hoàn lại trị giá 3,46 tỷ USD từ 1999 cho tới năm 2004 là 26 tỷ USD và từ 2006 tới 2010 ODA theo dự trù là từ 14 cho tới 15 tỷ USD. Hàng năm người Việt chuyển hàng chục tỷ tiền về giúp thân nhân, làm từ thiện, đầu tư... Trước năm 1975 VNCH nhận tiền viện trợ của Mỹ rất giới hạn! vì chiến tranh không có Quốc gia nào dám bỏ tiền đầu tư, ở nông thôn không sản xuất được lúa gạo!

nhưng đời sống người dân miền Nam tự do và sung túc, học sinh đi học trường công không đóng tiền, bệnh được chữa trị miễn phí. Những thập niên qua Nhật, Nam Hàn, Đài Loan là những quốc gia bỏ tiền đầu tư nhiều vào Việt Nam, dù Việt Nam theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng đời sống hiện nay những người tư bản giàu nhất thuộc về giới quý tộc của đảng, là



những thành phần lãnh đạo, có quyền thế nhất hiện nay. Trình trạng tham nhũng lan tràn từ trên xuống dưới, biến thủ công quỹ làm cho đất nước chậm tiến so với các Quốc gia tại Đông Nam Á Châu. Trong giai đoạn 2001-2014, nợ công tăng từ 12% đến trên 65% GDP vượt quá mức tưởng tượng, số nợ Việt Nam vay mượn phải trả cho đến đời các cháu chưa xong!

Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về tiền lương toàn cầu 2014-2015 thì: “Việt Nam người công nhân lương tháng 3,8 triệu ĐVN chỉ bằng 1/2 của Thái Lan, chưa bằng 1/3 của Malaysia và chỉ bằng khoảng 1/12 của Singapore. Một đất nước muốn phát triển phải biết dùng người tài có tâm huyết, làm việc phải chí công vô tư, tránh bè phái theo kiểu „con ông cháu cha“. Việt Nam phải thật sự ban giao với các cường quốc Tây phương và Mỹ bỏ đường hướng lệ thuộc vào Trung Cộng. Người Tàu ngày nay, cũng như hàng ngàn năm trước luôn muốn thôn tính và đồng hóa người Việt Nam. Nhà cầm quyền CSVN quá lệ thuộc vào Trung cộng từ đời sống chính trị, văn hoá cho đến kinh tế đó là một đại họa cho dân tộc Việt Nam.

Người Việt yêu nước không khởi ngậm ngùi, đau lòng với trình trạng đất nước dưới chủ nghĩa CS, nhà cầm quyền tỏ ra “hèn với giặc ác với dân“. Ngày xưa Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, làm thơ diễn tả tâm trạng mình trước đất nước bị họa xâm lăng, mãi mãi còn giá trị tới ngày nay.

*Nợ bức dư đồ thử đừng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười*

SỐ 71



*Biết bao lúc mới công vòn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà sau con cháu lấy làm chơi!
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.*

Tưởng niệm 40 năm viễn xứ (1975-2015)
<http://bit.ly/1AbNb5r>

Nguyễn Quý Đại

Tài liệu tham khảo và hình trên Internet
<http://bit.ly/1uDXwIA>

Ý kiến độc giả BBC về ngày 30.4.1975
<http://bbc.in/1HwPTcd>

¹ Đối với dân Canada, họ không biết ngày 30 tháng Tư là gì, nhưng sau đó chỉ trong vòng hai năm 1979 đến 1980 họ nhận 60.000 thuyền nhân Việt Nam. Từ 75 cho tới hiện nay thì người Canada gốc Việt ở Canada dân số khoảng 300.000. Đây là một chứng từ lịch sử cho thế hệ thứ hai, thế hệ thứ ba hoặc các thế hệ kế tiếp phải hiểu biết điều đó, biết rằng 30 tháng Tư là ngày chúng ta bỏ nước ra đi đặc biệt chính phủ Canada công nhận ngày 30 tháng Tư là “Ngày hành trình tìm tự do”.

ADIEU MON PAYS

J'ai quitté mon pays
J'ai quitté ma maison
Ma vie ma triste vie
Se traîne sans raison
J'ai quitté mon soleil
J'ai quitté ma mer bleue
Leurs souvenirs se réveillent
Bien après mon adieu
Soleil ! Soleil de mon pays perdu
Des villes blanches que j'aimais
Des filles que j'ai jadis connues
J'ai quitté une amie
Je vois encore ses yeux
Ses yeux mouillés de pluie
De la pluie de l'adieu
Je revois son sourire
Si près de mon visage
Il faisait resplendir
Les soirs de mon village
Mais, du bord du bateau
Qui m'éloignait du quai
Une chaîne dans l'eau
A claqué comme un fouet
J'ai longtemps regardé
Ses yeux bleus qui fuyaient
La mer les a noyés
Dans le flot du regret.

ENRICO MACIAS

Enrico Macias là một ca sĩ Pháp,
gốc Algérie, sinh năm 1938.
Ông cùng với vợ rời bỏ xứ năm 1961
và xin tỵ nạn tại Pháp
sau khi nhạc phụ bị ám sát.

VĨNH BIỆT QUÊ TÔI

Tôi lìa xa đất nước rồi
Rời căn nhà cũ một thời dẫu yêu
Đời tôi héo hắt dĩ nhiên
Không còn lẽ sống, sớm chiều dần trôi.
Vàng dương đẹp, biển xanh tươi
Tôi đi bỏ lại cuối trời khuất xa
Bao nhiêu kỷ niệm thiết tha
Giờ đây trời dậy thẳng hoa tâm hồn
Mặt trời quê cũ ửng hồng
Xóm làng, phố thị tôi từng vẩn vương
Thân quen bao dáng kiều nương
Tôi đi bỏ lại người thương vô vàn
Tôi còn như thấy mắt nàng
Long lanh giọt lệ hòa làn mưa rơi
Lệ mưa chia cách lứa đôi
Tôi như thấy lại nụ cười đáng yêu
Kề mặt tôi thật mỹ miều
Gọi cho tôi nhớ những chiều làng xưa
Giờ trên tàu chạy xa bờ
Đưa tôi lìa chốn quê nhà nổi trôi
Sóng hần mặt nước như roi
Quất vào khung cảnh chia phôi dằng dẫu
Tôi nhìn mãi mắt xanh màu
Lẩn trong khói sóng giang đầu yêu thương
Rồi chìm khuất dưới đại dương
Bềnh bồng tiếc nuối, thê lương cõi lòng.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

(chuyển ngữ nhân ngày 30-4)

Bài Adieu Mon Pays đã trở thành
bài tiêu biểu của Enrico Macias
và của những người phải miễn cưỡng
rời bỏ quê hương xứ sở.

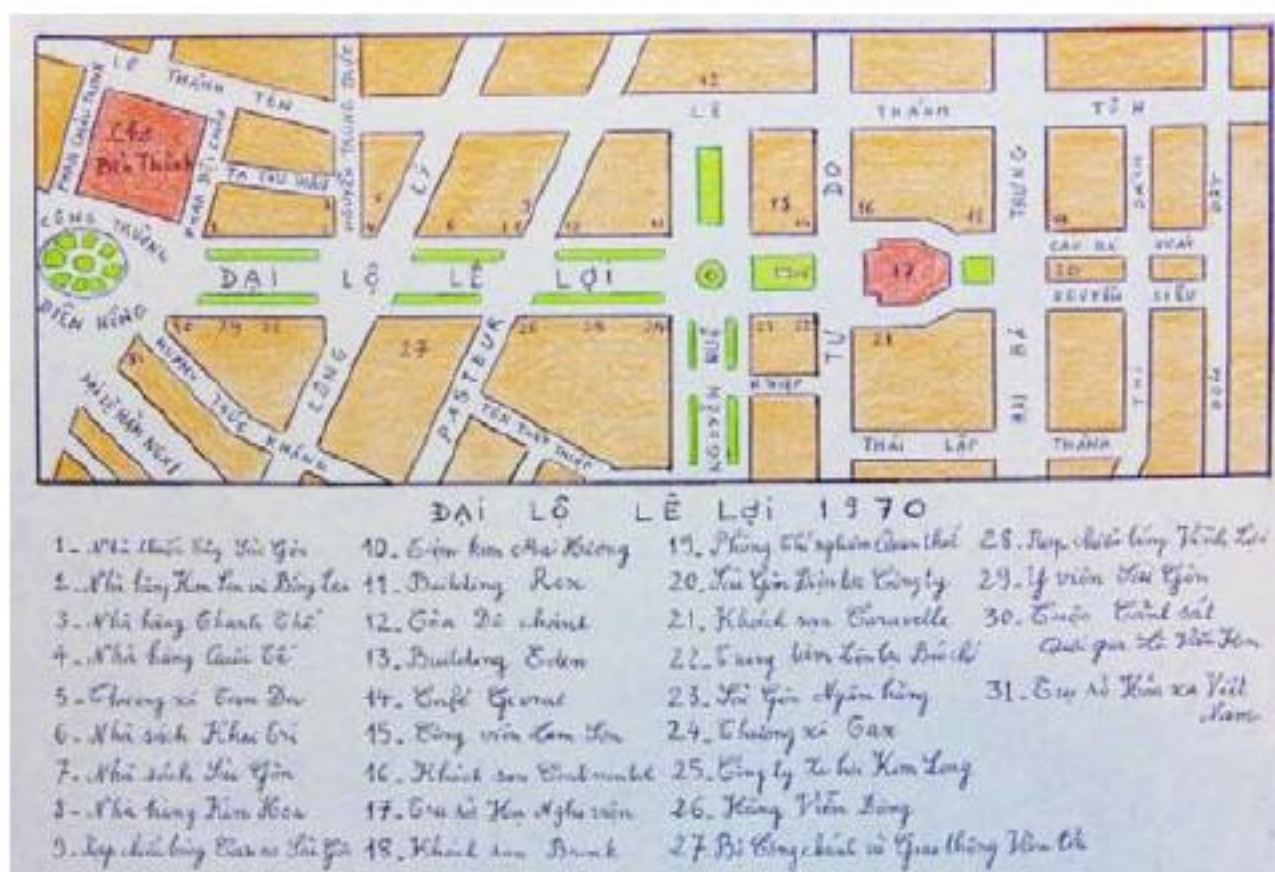
SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Đại lộ Lê Lợi

Ngày nay đi trên những đại lộ phồn hoa giữa trung tâm đô thị Sài Gòn như Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, mấy ai tưởng tượng đến cảnh cũ hơn trăm năm trước, thuyền bè đang lướt nhẹ trên kinh rạch vào tận các phố chợ rải rác quanh hào lũy của Thành Qui hay Thành Phụng.

Vào thời quân Pháp đổ bộ đánh chiếm Thành Gia Định, trên vùng đất thấp bên ngoài tường thành có ít nhất ba dòng sông nhỏ đổ ra sông Bến Nghé: rạch Cầu Sáu, kinh Chợ Vải, kinh Cây Cám. Chỉ vài năm sau khi chiếm xong Sài Gòn, vào khoảng thời gian ký kết Hòa ước Nhâm Tuất (1862) với triều đình Huế, quân Pháp đã khởi sự xây dựng một đô thị kiểu Âu Tây. Cũng vào năm ấy, đô đốc Bonard ủy thác đại tá Công binh Coffyn thiết lập đề án và bản đồ xây dựng một thành phố có thể chứa được 500.000 dân. Kế hoạch lớn lao này khó thực hiện được vì mang tầm nhìn quá xa, trong lúc Sài Gòn còn nhiều đất hoang bỏ trống và nhiều đường sá mới vừa vạch xong nhưng chưa trải đá. Thật vậy, mục tiêu của kế hoạch đầy tham vọng này là khuếch trương một thành phố chỉ chít đường sá bao trùm cả Sài Gòn - Chợ Lớn và giới hạn về phía Bắc bởi kinh Bao Ngạn, tức con kinh vành đai nối liền hai ngọn rạch Bến Nghé và Thị



Nghè. Tuy nhiên cũng có một số dự án mang tính thực dụng, ta có thể nêu ra vài thí dụ như: sự quy định về phân lô đất đai và diện tích nhà ở, chiều rộng đường phố và vỉa hè, việc trồng cây dọc bên đường, địa điểm đặt máy nước công cộng, đường thoát nước mưa và nước thải...

Buổi ban đầu, giới cầm quyền nhận thấy các kinh rạch cũ vẫn ích lợi cho sự giao thông của thuyền bè nên họ cho trùng tu lại như đào thêm sâu dưới đáy bùn, vun đắp hai bên bờ cho thuyền bè dễ neo đậu.

Khoảng năm 1863, một dòng kinh mới được đại tá Coffyn chỉ huy thực hiện, nối liền phần ngọn của rạch Cầu Sáu, kinh Chợ Vải, kinh Cây Cám. Kinh mới này gồm hai đoạn:

1 - Đoạn thứ nhất nằm giữa vùng tiếp giáp của vùng đất thấp và đất gò, chạy song song với đường Isabelle II (nay là Lê Thánh Tôn). Thiếu tá Bovet thuộc cục Công Binh vào

thời ấy gọi đoạn này là "Kinh Gallimard", đặt theo tên của viên đại úy đã tham gia trận đánh chiếm thành Gia Định. Đây là đoạn kinh có liên quan đến đại lộ Lê Lợi.

2 - Đoạn thứ nhì chảy vào rạch Bến Nghé, đi song song với đường Impératrice (nay là đường Công Lý). Sau khi bị lấp, đoạn này trở thành một phần của đường Pasteur hiện nay.

Kinh Gallimard, không gian nguyên thủy của đại lộ Lê Lợi

Vì kinh Gallimard được đại tá Coffyn chỉ huy thực hiện nên nó còn được cụ Trương Vĩnh Ký gọi là "Kinh Coffine". Con kinh thẳng tắp này được đào bằng đôi tay của những người phu thợ vì vào thời ấy máy móc hầu như còn thiếu thốn. Những khối đất đào lên dùng đắp nền cho các dinh thự tương lai. Lúc đầu đường đi hai bên bờ kinh đều cùng mang tên tạm là "Số 13", đến năm 1865 mới đổi là "Bonard". Đầu kinh phía Tây (ở khoảng ngã năm Lê Lợi - Công Lý - Nguyễn Trung Trực) quay ngoặt nối vào đoạn kinh thứ nhì đã nói trên đây. Đầu kinh phía Đông nối với kinh Cây Cám hợp thành một ngã ba, một nhánh đi xuyên qua khu xưởng đóng tàu Ba Son, nhánh kia chảy ra Sông Sài Gòn (gần ngã ba bến Bạch Đằng và đường Đồn Đất).

Nếu ta sống vào thời ấy, ngồi thuyền đi



dạo trên kinh Gallimard, nhìn lên hai bờ có lẽ ta chỉ thấy phong cảnh hoang vu của một thị trấn mới khai sinh, vì nhà cửa còn thưa thớt, phần lớn đất đai còn dành cho các cơ quan quân sự hay hành chánh: Trại lính Pháo binh bên cạnh sở Quân lương (khu vực bộ Tư lệnh Hải quân VNCH), trại lính và kho hàng của Sở Công binh (hai bên đường Hai Bà Trưng, từ Phòng thí nghiệm Quan thuế qua khách sạn Brink), dinh thất dành cho các quan viên người Việt dừng chân tại Sài Gòn (chỗ khách sạn Continental), bốt cảnh sát (chỗ quán Givral)... Các nhà buôn đến đây lập nghiệp còn thưa thớt, có thể đối với họ vùng này ở khá xa Thương cảng. Phần lớn họ tập trung bên bờ sông Sài Gòn hay rạch Bến Nghé, hoặc dọc theo đường Catinat và hai bên bờ kinh Chợ Vải. Theo niên giám 1865, trong số khoảng 60 thương gia người Âu tại Sài Gòn, ta chỉ thấy một cơ sở duy nhất là trại cửa gỗ của ông Larien nằm bên kinh Gallimard.

Có ít nhất năm chiếc cầu gỗ bắc ngang qua kinh Gallimard, chưa kể thêm hai cầu nối liền đoạn bờ bị đứt đoạn tại giao điểm với kinh Chợ Vải (Ngã tư Lê Lợi - Nguyễn Huệ ngày nay).

Dân cư ngày càng đông, đường phố càng chật hẹp, sông ngòi trong nội thành không kịp bảo trì trở nên ô nhiễm. Chỉ vài năm sau khi đào kinh Gallimard, 1867, Bovet với tư cách ủy viên hội đồng thành phố đã tường trình rằng các kinh rạch giữa thành phố trở thành nơi ứ đọng nước bẩn và rác rưởi, ổ chứa mầm bệnh. Ông ta yêu cầu nên tu sửa kinh lại hoặc lấp hẳn đi. Không rõ kinh Gallimard bị lấp năm nào, nhưng đã biến mất trên bản đồ năm 1878, như thế kinh này không tồn tại quá 15 năm.



Đại lộ Bonard

Sau khi kinh bị lấp, một dải đất bằng phẳng dài khoảng 800 mét bắt đầu từ đường Hôpital (Đồn Đất) đến đường Cap Saint Jacques (Nguyễn Trung Trực) biến thành đại lộ Bonard. Con đường mới lập bao gồm cả hai bờ kinh cũ nên bề ngang khá rộng, gần 60 mét. Suốt chiều dài đại lộ được trồng lớp thảm cỏ xanh ở chính giữa, chỉ cách khoảng nhau tại các ngã tư, hai bên dành làm đường cho xe cộ lưu thông. Cây trồng dọc hai bìa thảm cỏ và dọc theo lề đường xếp thành bốn hàng dài tít tắp, cho ta cảm tưởng nhìn vào một công viên tươi mát. Cảnh sắc ấy được giảm bớt đi phần nào về đơn điệu kể từ lúc đài kỷ niệm Doudard de Lagrée hình trụ tháp được đặt tại nơi gần ngã tư đường Catinat - Bonard (Đài kỷ niệm này sau được dời về công trường Một Hình). Đến năm 1887, vào ngày Quốc khánh Pháp, tại trung điểm của đại lộ Bonard, trên bãi cỏ nằm giữa đại lộ Charner và đường Catinat, đã diễn ra buổi lễ khánh thành dựng tượng của Francis Garnier, viên sĩ quan tử trận gần Cầu Giấy vào năm 1873, bởi thế về sau đoạn đường này được đổi thành "công trường Francis Garnier" (nay là công trường Lam Sơn). Đài kỷ niệm này bị phá hủy vào năm 1945, và hơn 20 năm sau, vào năm 1967, bức

tượng hai chiến sĩ Thủy quân Lục chiến cũng được dựng lên tại đây.

Đại lộ Bonard ngày xưa tuy rộng lớn nhưng ít người đi lại mua bán vì gần phân nửa số kiến trúc phía mặt tiền thuộc về các cơ quan công quyền, còn lại chỉ có rải rác vài ba tiệm buôn, quán nước, tiệm may, tiệm giặt ủi... Hai tòa nhà đáng lưu ý nằm tại góc đường Catinat là Tòa Thị chính (chỗ Khách sạn Continental hiện nay) và phía đối diện là một rạp hát do công trình tạo tác của kiến trúc sư Bergé (chỗ khách sạn Caravelle).

Diện mạo đường Bonard gần như không thay đổi cho đến cuối thế kỷ XIX, khi khu vực bên phía Đông của đường Nationale (Hai Bà Trưng) được sửa sang lại, khiến đại lộ Bonard bị thu ngắn gần hết



phần nửa. Khoảng 1897, một nhà máy điện được xây lên trên trục giữa của đoạn đường Bonard này (Về sau là tòa nhà của Công ty Điện lực Việt Nam, nhìn ra đường Hai Bà Trưng), hai đường phụ hai bên trở thành đường Colonel Fryatt (Cao Bá Quát) và đường Rudyard Kipling (Nguyễn Siêu).

Vào năm 1900, một nhà hát mới được xây lên giữa đại lộ Bonard, mặt tiền hướng về đường Catinat, đối diện với tượng đài Francis Garnier. Mặt đường tại đây được mở rộng làm công trường, hai đường bên hông uốn cong vây hai bên Nhà hát.

Đầu bên phía Tây của đại lộ Bonard giáp với đầu đường Cap Saint Jacques (Sau đổi tên là Filippini, nay là đường Nguyễn Trung Trực), suốt nhiều thập niên bị chắn ngang bởi tường rào ngăn cách với khu phố nằm phía sau kho vật liệu của Thành phố (vị trí của kho này ở khoảng trước chợ Bến Thành, từ đầu đường Phan Bội Châu đến cửa Nam nhìn ra tượng Quách Thị Trang). Vào những năm 1910, khi khu vực này được chính trang đề xây chợ Bến Thành thì đại lộ Bonard được khai thông tới công trường Cuniac vừa hoàn tất (Nay là công trường Diên Hồng còn gọi là công trường Quách Thị Trang). Ngay sau đó đại lộ Bonard trở thành một đường huyết mạch.

Trong suốt mấy thập niên, hằng ngày nhiều chuyến xe điện theo đường sắt từ khu chợ Bến Thành, đi cặp lề đường phía bên Bộ Công chánh, băng qua đường Catinat tới sau lưng Nhà hát Tây quẹo trái qua đường Paul Blanchy chạy về hướng Đa Kao. Đây là phương tiện giao thông nhanh chóng, nối liền trung tâm Sài Gòn với các chợ ngoại ô như Bà Chiểu, Hóc Môn, Gò Vấp hoặc xa hơn như Thủ Dầu Một.

Vào năm 1955, đại lộ Bonard đổi tên là Lê Lợi, một trong những đường phố sầm uất và nhộn nhịp nhất của thủ đô Sài Gòn.

Nhàn du trên đại lộ Lê Lợi xưa

Khởi hành từ công trường Lam Sơn, chúng ta cùng đi thăm lại đại lộ Lê Lợi vào những năm 1970. Sau ngày độc lập dưới chính thể Cộng hòa, Nhà hát Tây cũ đã được trùng tu làm Trụ sở Quốc hội, sau đổi thành Nhà Văn hóa rồi đến Hạ Nghị viện. Đứng trước cửa trên bậc thềm cao ta nhìn thấy tất cả sinh hoạt nhộn nhịp và dòng xe cộ dập dùi quanh công viên Lam Sơn, với

hàng cây dầu cao chót vót, bồn cỏ, ghế đá bên bệ tượng hai chiến sĩ TQLC đang xung phong. Bãi giữ xe đạp, xe gắn máy xếp chặt kín bên lề đường đủ cho ta thấy số lượng người tập nập đến đây mua sắm, giải trí hoặc lo chuyện sinh nhai. Rồi thêm trụ sở Hạ Nghị viện, chúng ta chọn lề đường phía bên trái (bên dãy nhà số lẻ) để bắt đầu chuyến dạo phố Lê Lợi.

Nơi góc đường Tự Do có tòa nhà hai tầng trước kia thuộc Sở Thông tin Đô thành, nơi tổ chức nhiều cuộc triển lãm, khách nhân du thường ghé qua xem các cuộc triển lãm hội họa, hình ảnh thời sự... Sau đó cũng tại đây Bộ Thông tin đã thành lập Trung tâm Liên lạc Báo chí và bên cạnh là Câu lạc bộ Văn hóa, dành cho các ký giả, văn nghệ sĩ đến gặp gỡ đàm luận. Dưới thời Pháp thuộc, vào đầu thế kỷ XX nơi này là hãng buôn Compagnie Générale d'Exportation chuyên về hàng may mặc, hành trang du lịch, chuyên cả may cắt y phục và bán các loại rượu, tù sắt... Sau đổi chủ trở thành tiệm buôn Aux Nouveautés Catinat, một loại "bách hóa tổng hợp", bán thực phẩm cao cấp, rượu ngon, rau cải, trái cây tươi, có cả nước hoa, y phục, dụng cụ thể thao...

Bên cạnh Phòng Báo chí là một building cao năm tầng và nổi dài đến góc đại lộ Nguyễn Huệ. Tòa nhà này được xây vào đầu những năm 1950, tại tầng trệt có



hãng buôn Nam Hoa, chuyên bán đủ loại hàng hóa hợp thời trang. Kế bên cạnh đó và giáp với đại lộ Nguyễn Huệ là các văn phòng chi nhánh của Sài Gòn Ngân hàng, chiếm vị trí cũ của hãng SEIC (Société d'Exploitation Industrielle et Commerciale) còn có tên là Saigon Garage, hiện diện tại đây từ những năm 1950. Vào đầu thế kỷ



XX, tại góc phố này có quán Café Moderne do bà Bonnyfay làm chủ, sau đó là tiệm buôn y phục thời trang của bà Grammont. Đến 1920 là năm khai trương công ty bán và sửa xe hơi Auto-Hall do ông Bainier quản lý, nằm trong khu nhà trệt rộng lớn chiếm hết hai mặt góc đường. Tiếp theo đó, vào năm 1927, hãng xe hơi này dọn qua góc chéo đối diện bên kia ngã tư (chỗ building Rex sau này). Chính giữa ngã tư có bồn tròn phun nước, vị trí cũ của một bể bát giác dành cho lính Pháp trình diễn âm nhạc, cho nên dân chúng còn gọi khu vực này là "Bồn kèn".

Bằng qua đại lộ Nguyễn Huệ, ta đến thương xá Tax, tòa nhà sơn trắng chỉ chít những biển và chữ quảng cáo đủ màu, ven tầng trệt có mái rộng nhô ra che mát vỉa hè. Trung tâm thương mại này lúc nào cũng nườm nượp người ra vào mua sắm hoặc chỉ đến ngắm nghía hàng hóa trưng bày trong các gian hàng lộng lẫy, đèn chiếu sáng choang.

Ta có thể vào thương xá bằng cửa bên phía Nguyễn Huệ hoặc bên phía Lê Lợi. Ngay tại góc đường là quán giải khát Pôle Nord.

Hồi đầu thế kỷ XX, nơi đây có Sở Canh nông và Thương mại, sau nhường chỗ cho quán ăn kiêm quán rượu Pavillon Bleu. Tiếp theo đó, ông Perrin đã mở một garage sửa và bán xe hơi trong khoảng mười năm. Năm 1921, hãng này khai thác việc chuyên chở bằng xe bus lần đầu tiên, lộ trình là chợ Bến Thành - Ba Son - Tân Định.

Tiền thân của thương xá Tax là "Hãng Sạc-ne" tức là tòa nhà Grands Magasins Charner (GMC) chi nhánh của tập đoàn Société Coloniale des Grands Magasins. Ba năm sau ngày đặt viên đá đầu tiên, hãng này được chánh tham biện Eutrope thay mặt toàn quyền Đông Dương đến khánh thành vào buổi chiều ngày 26 tháng 11 năm 1924. Đây là một kiến trúc cao ba tầng mang phong cách nửa Âu nửa Á. Trên đỉnh nóc vòm tròn nơi góc tòa nhà có tháp đồng hồ, trang trí bằng mái cong kiểu chùa chiền. Vào thời ấy các nhà buôn nhỏ quanh khu vực Bồn Kèn rất lo lắng, họ e sợ rằng không cạnh tranh nổi một trung tâm thương mại có tầm vóc như GMC và họ buộc lòng phải đóng cửa vì ế khách. Để trấn an các thương gia này, trong bài diễn văn khai trương, vị đại diện của GMC là Ribupe đã



lập luận thuyết phục họ rằng việc thiết lập trung tâm thương mại tân thời này sẽ thu hút đám đông qua lại trong khu phố, tức nhiên việc buôn bán sẽ thuận tiện hơn cho tất cả mọi người, hơn nữa giá cả địa ốc tại đây sẽ tăng cao. Vào khoảng năm 1949, Hãng Sạc-ne được tân trang, tháp đồng hồ bị phá bỏ để xây thêm một tầng lầu, bên trên góc tòa nhà mang ba chữ to "GMC". Đến khoảng năm 1960, cơ sở thương mại này được hiện đại hóa, mang tên mới là Thương xá Tax.



Từ thương xá Tax tiếp tục rẽ bước về hướng chợ Bến Thành, ta đi ngang qua cổng lớn của Công ty Xe hơi Kim Long, mang cùng địa chỉ với hãng SCAMA (Société Commerciale d'Automobiles et de Matériel Agricole) được thành lập tại đây từ năm 1928, chuyên bán xe hơi và máy móc nông nghiệp.

Tiếp đến là một dãy tiệm, trong đó có Phương Lan (giải khát), Việt Anh (chụp ảnh, hót tóc), Étienne (uốn tóc), Thanh Tòng (vô tuyến điện), Lys (bar, nhà hàng)... Ngay tại góc đường Pasteur có hãng xuất nhập cảng Viễn Đông, bán nhiều mặt hàng ngoại quốc như nước hoa, đồ dùng điện khí... Nhưng nhắc tới Viễn Đông ta thường nhớ ngay các thức ẩm thực bình dân nhưng khoái khẩu

bán tại góc đường này. Ngoại trừ hàng nước mía nằm hẳn trong tiệm không bảng hiệu phía bên đường Pasteur, các xe bò bía, xe gỏi đu đủ bò khô, quây thịt phá lấu đều bán trên lề đường, thực khách dù đứng ăn cũng không thấy gì bất tiện xem ra còn ngon miệng nữa là khác.

Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH



-Bút hiệu: Mỹ Phước Nguyễn Thanh
Tên thật: Joseph Nguyễn Văn Thanh
Sinh năm 1949 tại xã Mỹ Phước, Thủ Dầu Một.

Cựu học sinh các trường Đức Minh, Les Lauriers, Huỳnh Thị Ngà.

Cựu sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn.

Chuyên sưu tầm bưu ảnh, tài liệu về Sài Gòn và Nam Kỳ Lục Tỉnh.

Bắt đầu viết từ năm 2009 trên Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom.

Hiện cư ngụ tại Argenteuil (Ngoại ô Tây Bắc Paris).

CÁI CHẾT MUỘN MÀNG

Trên bàn thờ đơn sơ. Có một khung ảnh nhỏ, bao bọc một tấm hình đen trắng. Người trong hình là một sĩ quan. Gương mặt khôi ngô. Đeo kính cận thị. Đầu đội nón sắt, bọc lưới. Áo trận với ba bông mai màu tác chiến. Đôi mắt nhìn thẳng cương nghị. Bên cạnh lư hương là một chiếc nón sắt hai lớp bọc lưới. Đó là tất cả những gì anh để lại cho gia đình anh, gồm cha mẹ già nua, người vợ hiền và đứa con gái nhỏ dại. Căn nhà nhỏ, mái tranh, vách ván, nằm sâu trong một ngõ hẻm, thuộc vùng quê của tỉnh Biên Hòa. Ngoài vườn có sầu riêng, măng cụt, vú sữa, ổi xá lị và mít tố nữ. Tương đối có thể nuôi sống ông bà cụ già và đứa cháu nội gái. Giọt máu duy nhất còn lại của anh. Sau 30 Tháng Tư. Vùng quê này buồn lắm. Đa số gia đình đều có liên hệ chế độ cũ, nên rất khó sống. Nhất là ông bà cụ, có con là sĩ quan tử trận.

Tôi với anh là bạn đồng khóa nhưng không cùng đơn vị. Tốt nghiệp trường Sĩ Quan Thủ Đức. Tôi về Sư Đoàn 18 Bộ Binh còn anh về Tiểu Khu Long An. Lâu lắm anh em không gặp lại nhau. Thời gian lặng lẽ trôi. Cuộc chiến tàn khốc, để lại bao nhiêu vết thương buồn. Tôi từ trại cải tạo về, sống ở gần quê anh. Một hôm tình cờ tôi gặp lại mẹ anh. Ràn rụa trong nước mắt. Mẹ anh kể:

-Cháu ơi! Con bác, thằng Cát, nó bị giết ngay chiều 30 Tháng Tư rồi. Đơn vị nó đóng đồn gần mặt khu Lý Văn Mạnh, Long an. Nó không chịu đầu hàng. Từ thù tới cùng. Khi đồn bị tràn ngập, lính và hạ sĩ quan được tha. Còn sĩ quan chỉ huy bị hạ sát hết, ngay tại chỗ. Bác chỉ nhận được cái nón sắt và cái bóp giấy tờ do một người

lính thân tín chịu khó mang về. Bác đã lật lộn đi tìm xác con, nhưng tui nó không chịu cho biết chỗ chôn. Bác chỉ ôm cái nón sắt để khóc thương con. Cháu ơi! Người sống thì đi bao lâu cũng còn có ngày về. Còn con bác, nó không bao giờ về nữa! Hàng đêm bác khóc hoài không bao giờ cạn nước mắt.

Tôi thật bàng hoàng, thương bạn, phục bạn, không cầm được nước mắt. Tôi gào trong cổ họng:

- Anh Cát ơi! Sao anh không chết trước ngày 30 Tháng Tư, ít nhất một tháng, để gia đình còn lãnh được chút tiền tử tuất. Anh chết chiều 30 Tháng Tư. Xác anh không ai kịp phủ cờ. Anh làm anh hùng vô danh. Tôi chào thua anh...! Tôi chào thua anh...!

Lòng tôi vô cùng ngậm ngùi.

“Hỡi người chiến sĩ

Đã để lại cái nón sắt trên bờ lau sậy này

Anh là ai? Anh là ai...???”

Tôi nghĩ đến các chiến hữu gục ngã ngày cuối cùng, 30 Tháng Tư Đen. Các vị Tướng, Tá còn được nhắc tên, truy điệu. Còn bao nhiêu chiến sĩ nữa. Họ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chết. Không ai biết. Gia đình trông, không thấy trở về, chỉ ghi nhận là mất tích. Không biết xác ở đâu mà tìm...

“Hồn từ sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trắng dãi dãi soi

Chinh phu từ sĩ mấy người

Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.”(1)

Thời gian trôi đi thật buồn. Thật chậm. Tôi thường vào vườn thăm hai bác. Tóc hai bác càng ngày càng bạc thêm. Cháu Diệu, con gái anh, càng ngày

càng khôn lớn. Con gái nhà vườn, trắng trong, dịu hiền, đẹp nết. Vợ anh. Thiếu phụ nừa chừng xuân. Nhan sắc mặn mà. Trong thời buổi khó khăn, phải bươn chải kiếm tiền phụ giúp gia đình nuôi con và cha mẹ chồng. Chẳng bao lâu thì vương phải một tên cán bộ gốc Bắc. Hai bác đã buồn còn đắng cay thêm.

Tôi qua Mỹ được một thời gian thì được tin cháu Diệu đã gặp được một thanh niên Mỹ gốc Việt tên là Thanh, kết làm bạn và được bảo lãnh theo diện hôn thê. Chờ đợi khá lâu. Tôi rất nôn nóng muốn được gặp lại cháu Diệu, như gặp lại người bạn thân thương năm nào. Rồi chuyện cũng đến. Một sáng mùa Xuân đẹp trời, tôi nhận được tin cháu Diệu đã qua đến San Rose, Cali. Tôi rất mừng. Biết tôi là người thân duy nhất của cháu ở bên này. Gia đình đang trai mời tôi qua đại diện gia đình bên gái trong hôn lễ của hai cháu Diệu và Thanh. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Chắc là hôn thiêng anh Cát ở bên kia thế giới cũng mỉm cười khi biết đứa con gái duy nhất của mình đã được hạnh phúc bình an bên trời Tự Do.

Lúc ra phi trường San Rose tiễn tôi về lại vùng Hoa Thịnh Đốn. Tình cảm của cháu Diệu đối với tôi rất quyến luyến. Cháu đã xem tôi thân thiết như một người cha. Tôi ân cần dặn cháu:

- Đừng bao giờ quên ông bà nội và mẹ cháu bên Việt Nam. Đừng quên cái chết hào hùng và oanh liệt của ba cháu.

Diệu nhìn tôi với ánh mắt thân thương và hứa:

- Dạ bác! Cháu không bao giờ quên người thân và quê hương. Nơi ba cháu đã

hy sinh vào giờ phút cuối cùng. Cháu hành diện vì được làm con của một vị anh hùng.

Cứ mỗi độ tháng Tư về, tôi lại nhớ trận chiến cuối cùng trưa 30 tháng Tư trên Quốc Lộ 13 ở Phú Vãn, nơi tôi đã thoát chết trong gang tấc, nơi các đồng đội của tôi đã chết và bị thương nằm la liệt trước mặt Trung Tâm Huấn Luyện Phú Vãn. Những anh hùng vô danh vào giờ phút cuối cùng của cuộc chiến. Tôi lại nhớ cái bàn thờ của anh Cát, có tấm hình sĩ quan cấp úy và chiếc nón sắt phủ bụi mờ theo năm tháng. Nhớ cái chết oai hùng của anh Cát. Nhớ ông bà cụ già neo đơn nơi ngôi vườn cũ ở một làng quê Biên Hòa. Năm nay sầu riêng, măng cụt và mít tố nữ có đơm hoa kết trái đủ để nuôi sống gia đình hai cụ không?

Texas, tháng Tư 2015

ĐĂNG NGUYỄN

Ghi chú : (1) Chinh Phụ Ngâm

TẠP CHÍ CỎ THƠM

có bán tại

WASHINGTON MUSIC

Eden Center

6795 Wilson Blvd. #26

Falls Church, VA 22044

Tel. 703 538 4979

MÂY VẦN THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ

Tâm sự người lính già

Bốn mươi năm lặng lẽ trôi qua
Người lính giờ đây tuổi đã già
Đau xót quê hương ngày gầy sung
Nhớ thương đồng đội thuở xông pha
Ngậm ngùi đất khách vàng trăng khuyết
Tủi phận chinh nhân bóng xế tà
Thao thức đợi chờ ngày quật khởi
Mùa xuân Dân Tộc khúc hoan ca.

Sau cuộc chiến

Cuộc chiến tàn theo mái tóc xanh
Trái tim chưa lỗi nhịp quân hành
Nhưng y giã biệt thời hoa gấm
Cung kiếm đành thôi mộng khó thành
Bếp lửa chiều mưa mong sưởi ấm
Đôi sương gió hú đợi tàn canh
Ngổn ngang tâm sự sau màn lệ
Lưu niệm trang thơ dứt chẳng đành.

Chuông gọi hồn ai

Nghe vọng hồi chuông tháp giáo đường
Rưng rưng nước mắt nhớ người thương
Anh trai ngày ấy nơi tiền tuyến
Em gái hôm nào chốn hậu phương
Chinh chiến lâu lâu còn gặp gỡ
Hòa bình (!) biến biệt hết tư vương
Anh đi cải tạo về, em hỏi
Chuông gọi hồn ai đây đại dương.

Dân tộc trường tồn

Tất cả đi lần tới nghĩa trang
Máu xương thù hận lệ ngàn hàng
Một thời, bán nước khoe “ưu việt”
Mấy thuở buôn dân lại “về vãng”.
Chủ nghĩa ngoại lai đăng cáo phó
Đảng đoàn “xã-nghĩa” chít khăn tang
Chỉ còn dân tộc trường tồn mãi
Bên lũy tre xanh dải lúa vàng.

HỒ CÔNG TÂM

THÀNH TỰU CỦA NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA TẠI HOA KỲ

BS Nguyễn Quốc Quân

*Bài đăng trên Tập San Y Sĩ số 204 nhân dịp kỷ niệm 40 năm
ngày Cộng Sản xâm chiếm miền Nam bằng vũ lực*

Trong sáu tập thể di dân Á châu ở Mỹ, người Việt là nhóm mới nhất, đông vào hàng thứ tư, và trong hoàn cảnh đặc biệt nhất.

Người Tàu đến Mỹ sớm nhất, từ thế kỷ thứ 19, phần lớn làm lao động thiết lập đường xe lửa, và khai thác hầm mỏ. Theo kết quả kiểm tra dân số năm 2010, người Tàu đông nhất, với 3,8 triệu người.

Người Philippines đông hàng thứ nhì, với 3,4 triệu người, một số ít đã tới Mỹ từ thế kỷ 16, và 18, nhưng phần lớn tới vào đầu thế kỷ 20, khi Phi là thuộc địa của Mỹ và khi Phi đã độc lập sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Người Ấn Độ đông hàng thứ ba, với 3,18 triệu, tới Mỹ sau Đệ Nhị Thế Chiến, cùng với nhóm các dân tộc cựu thuộc địa Anh.

Người Việt đông hàng thứ tư, với 1.737.433 người, theo kiểm tra dân số năm 2010. Trong khoảng 25 năm, từ 1950 đến 1974, vòn vẹn có 650 người Việt sinh sống ở Mỹ. Chỉ trong nửa năm sau 1975, khoảng 200.000 người đã ồ ạt tới Mỹ tị nạn Cộng Sản. Tiếp theo là các đợt “thuyền nhân”, đoàn tụ, và HO, khiến chỉ trong vòng hai thập niên, cộng đồng người Việt tị nạn tại Mỹ đã lên tới trên một triệu. Đông nghiêng ngửa với cộng đồng người Việt, là người

Đại Hàn. Họ tới Mỹ trước người Việt cả hai thập niên, sau Chiến tranh Triều Tiên.

Người Nhật tới Mỹ trước người Đại Hàn và người Việt, nhưng tổng số hiện nay chỉ khoảng 1,3 triệu.

Trong sáu tập thể di dân Á châu, chỉ có người Việt tới Mỹ vì lý do tị nạn chính trị.

Vì đi tị nạn chính trị, không được sửa soạn trước, đa số người Việt tới Mỹ với bàn tay trắng và vốn liếng tiếng Anh ăm đong. Ngay khi đặt chân đến đất nước tạm dung, người tị nạn Việt đã một mặt phải lo mưu sinh, lo cho gia đình con cái, mặt khác phải chung sức xây dựng phát triển cộng đồng, bắt tay ngay vào việc vận động cho quê hương sớm được tự do, dân chủ. Với sự cần cù nhẫn nại, với ý chí cương quyết khuất phục mọi khó khăn và với niềm tin sắt đá cần giải phóng quê hương khỏi ách thống trị độc tài Cộng Sản, Cộng Đồng người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ đã lớn mạnh, phát triển nhanh chóng, tạo được những thành tích đáng kể trong mọi lãnh vực, được các cộng đồng bạn kính nể và tiếng nói của cộng đồng người Việt càng ngày càng được các cấp chính quyền địa phương và liên bang tôn trọng lắng nghe.

Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 40 năm cộng đồng người Việt quốc gia tỵ nạn trên đất Mỹ, xin ôn lại một số những thành quả đó.

Thành quả trong lãnh vực tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền:

1. Nhờ nỗ lực vận động tích cực và kiên trì của người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ, chính quyền Mỹ đã gia tăng áp lực buộc nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội phải thả các tù nhân chính trị và chấp nhận chương trình H.O. Đây là một thành quả mà phần lớn là do sự vận động của cộng đồng người Việt quốc gia tại Hoa Kỳ. Mặt khác, nhìn vào tình hình Việt Nam hiện nay, tuy vẫn còn quá nhiều điều không thể chấp nhận được như tình trạng vi phạm nhân quyền, chính quyền bất lực, tham nhũng, và xã hội sa đoạ... nhưng so với 40 năm trước, đã có thay đổi phần nào về nhiều phương diện.

Đơn cử một ví dụ, từ tình trạng người dân sợ Đảng, sợ Công An đến nỗi phải rình mò, báo cáo, vu cáo lẫn nhau để sinh tồn, đến chỗ người dân không còn sợ nữa, cùng nhau chống lại hành vi sai trái của cảnh sát, và tố cáo lạm quyền. Những thay đổi này không tự nhiên mà có, mà phần lớn nhờ sự đóng góp công lao của người Việt hải ngoại, đa phần từ Hoa Kỳ. Có thể nhận thấy sự đóng góp này bằng cách nhìn vào tình hình Bắc Triều Tiên. Trong nửa thế kỷ nay, đời sống của người dân Bắc Triều Tiên hầu như vẫn thế, vì họ thiếu một cộng đồng dân tộc tranh đấu tích cực từ bên ngoài, làm áp lực cho sự thay đổi ở trong nước.

2. Một thành tựu chung nổi bật khác của Cộng Đồng người Việt tại Hoa Kỳ, là đã vận động thành công để có một ngày chính thức dành cho người Việt: “Ngày Nhân Quyền Việt Nam”.

Khởi đi từ ngày 11 tháng 5, 1990, từ Sài Gòn. Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế công bố Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản, đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội phải tôn trọng các nhân quyền của người dân Việt Nam như tự do tín ngưỡng, tự do phát biểu, tự do hội họp..., phải chấp nhận sinh hoạt chính trị đa nguyên và phải trả lại cho người dân Việt Nam quyền được tự chọn lựa một thể chế chính trị phù hợp với nguyện vọng của mình qua bầu cử tự do và công bằng. Bốn năm sau Lời Kêu Gọi của Cao Trào Nhân Bản, với sự vận động kiên trì và tích cực của cộng đồng người Việt, lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ Khoá 103 đã thông qua với đại đa số tuyệt đối Nghị Quyết Chung (Joint Resolution) SJ 168, sau đó được Tổng Thống Bill Clinton ký ban hành thành đạo Công Luật (Public Law) 103 – 258, quy định ngày 11 tháng Năm, 1994, là “Ngày Nhân Quyền Việt Nam” (Vietnam Human Rights Day) để ủng hộ và hỗ trợ cho công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền của nhân dân Việt Nam.

Như đã trình bày ở trên, có ít nhất sáu cộng đồng các dân tộc Á châu sinh sống tại Hoa Kỳ, mỗi cộng đồng đông hàng triệu người, và họ đều tới đây trước người Việt, nhưng không cộng đồng thiểu số nào có được một ngày đặc biệt như Ngày Nhân Quyền Việt Nam. Chính nhà tranh đấu nhân quyền hàng đầu người Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh (Wei Jingsheng) có lần tham dự lễ kỷ niệm Ngày Nhân Quyền Việt Nam đã tuyên bố, ông cảm thấy xấu hổ khi cộng đồng Trung Hoa tới đây lâu hơn, và đông gấp đôi cộng đồng người Việt, nhưng đã không đạt được thành quả như người Việt.

Một điều rất quan trọng cần ghi nhận ở đây là trong gần 150 năm liên hệ Việt Mỹ,

chúng ta chưa bao giờ có được một đạo luật, một văn kiện chính thức cam kết ủng hộ của Mỹ cho công cuộc tranh đấu bảo vệ chính nghĩa tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam. Nghị Quyết Chung SJ 168 được lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua với đại đa số tuyệt đối và sau đó Tổng Thống Bill Clinton ký thành đạo công Luật 103-258 chính thức chọn ngày 11-5 là Ngày Nhân Quyền Việt Nam là văn kiện pháp lý duy nhất mà chúng ta có được công khai xác nhận sự ủng hộ của chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ cho công cuộc tranh đấu đầy chính nghĩa đòi hỏi tự do, dân chủ và nhân quyền của dân tộc Việt Nam. Đây là một thành công ngoại vận có tầm vóc và ảnh hưởng to lớn rất đáng hãnh diện của cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ.

3. Nhờ sự lớn mạnh nhanh chóng của cộng đồng người Việt quốc gia, tiếng nói của chúng ta đã được các giới chức địa phương cũng như liên bang lắng nghe. Từ nhiều năm nay, Quốc Hội, Bộ Ngoại Giao và Hội Đồng An Ninh Quốc gia Hoa Kỳ đã nhiều lần mời họp và tham khảo ý kiến của người Mỹ gốc Việt trong các vấn đề liên quan đến bang giao Việt Mỹ như đối thoại nhân quyền, đòi thả các tù nhân chính trị... Các Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam đã thăm viếng, gặp gỡ tham khảo ý kiến, tường trình với đại diện của cộng đồng về thực trạng nhân quyền cũng như những điều đã và đang làm ở Việt Nam. Các vị Đại Sứ đều công khai xác nhận là Cộng Đồng người Mỹ gốc Việt đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình bang giao Việt Mỹ. Cũng nhờ sự lớn mạnh và uy tín của cộng đồng, lần đầu tiên, 4 thành viên của cộng đồng Việt Nam hoạt động trong lãnh vực dân chủ, nhân quyền gồm các ông Lê Minh Nguyên, của Mạng

Lưới Nhân Quyền, ông Đỗ Hoàng Diễm, Chủ Tịch đảng Việt Tân, Kỹ Sư Đỗ Thành Công từ đảng Nhân Dân Hành Động, và người viết bài này đại diện cho Cao Trào Nhân Bản, đã được Tổng Thống George W. Bush và Phó Tổng Thống Dick Cheney tiếp kiến tại Oval office vào ngày 29-5-2007, ba tuần lễ trước khi ông Nguyễn Minh Triết, Chủ Tịch Nhà Nước Cộng Sản VN đến thăm thủ đô Hoa Thịnh Đốn và được Tổng Thống Bush tiếp.

Một số thành quả trong những lãnh vực khác:

1. Người Việt tỵ nạn CS tại Hoa Kỳ thường có xu hướng tập trung vào một số địa điểm tại các Tiểu Bang như Orange County, San Jose ở California, Houston, Dallas ở Texas, Fairfax County ở Virginia..., điều này đã gây lo ngại không ít cho chính phủ Mỹ về một nguy cơ tái diễn những khu Harlem của người da đen trong dĩ vãng, nhưng điều đó đã không xảy ra. Chúng ta tụ họp gần nhau, để hỗ trợ nhau, để dễ giữ gìn văn hóa và tập tục cổ truyền của dân tộc, nhưng các nhà lãnh đạo cộng đồng đã khôn khéo tránh cho cộng đồng bị sống cô lập, cố gắng khuyến khích các thành viên cộng đồng, nhất là con em chúng ta đi vào giòng sinh hoạt chính hội nhập của nước Mỹ. Điều này là một điểm son của cộng đồng người Việt.

2. Một thành quả khác của cộng đồng là chỉ trong một thời gian ngắn, tại khắp các địa điểm người Việt tỵ nạn định cư, cộng đồng người Việt đã cố gắng nhanh chóng thành lập các cơ cấu cộng đồng, hội đoàn, các tổ chức tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền, các trung tâm y tế, văn hóa, võ thuật và các hội đồng hương... các tổ chức

dân sự này đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc phát triển cộng đồng, kiên toàn một hậu phương vững chắc chống sự xâm nhập phá hoại của Cộng Sản, và giúp hoạt động hữu hiệu hơn trong công cuộc vận động dân chủ hóa Việt Nam. Nhờ sự hoạt động tích cực của các tổ chức này, mặc dầu đã bang giao chính thức với Mỹ, lá cờ máu của Cộng Sản Việt Nam đã không thể xuất hiện tại những nơi ngoài cơ sở chính thức của họ trên toàn quốc Hoa Kỳ, trong khi đó, lá cờ vàng ba sọc đỏ đại diện cho chính nghĩa tự do, dân chủ luôn hiện diện trong mọi sinh hoạt của cộng đồng.

3. Tuy xa quê hương nhưng người Việt ty nạn vẫn không quên nguồn gốc, vẫn giữ và bảo tồn các tập tục, vẫn tổ chức lễ kỷ niệm các vị tiền nhân, anh hùng dựng nước như giỗ tổ Hùng Vương, lễ Hai Bà Trưng, lễ vía Đức Trần Hưng Đạo, hay ngày Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu. Việc bảo tồn văn hóa và tập tục cổ truyền là một điều rất đáng khuyến khích, ngợi khen.

4. Một điểm son nữa cần phải được tuyên dương là cộng đồng người Việt quyết tâm giữ gìn và bảo vệ tiếng Việt. Nhờ sự vận động tích cực của mọi thành phần trong cộng đồng, tiếng Việt đã được giảng dạy chính thức tại một số các Tiểu Bang. Ngoài ra, các lớp hè dạy miễn phí tiếng Việt do các tình nguyện viên tổ chức, với sự ủng hộ và đóng góp của giới phụ huynh. Các cuộc thi viết văn, làm thơ tiếng Việt được tổ chức hàng năm và được sự hưởng ứng tham dự của các con em thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba.

5. Một thành công nữa của người Việt ty nạn trong lãnh vực kinh tế, tài chánh cần được tuyên dương là đa số người Việt ty nạn đến đất Mỹ trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, không có sửa soạn, nhưng họ đã

cố gắng làm việc để nhanh chóng cải thiện kinh tế, nâng cao đời sống gia đình. Theo thống kê của sở kiểm tra dân số năm 2012, số lợi tức trung bình của mỗi gia đình di cư Việt Nam là \$55,736 cao hơn số lợi tức trung bình của những người di dân Mỹ (\$46,983) và hơn cả lợi tức trung bình của mỗi gia đình công dân Mỹ (\$ 51, 975). Ngoài ra, cộng đồng người Mỹ gốc Việt cũng rất hãnh diện có 8 tỷ phú và hàng ngàn triệu phú tay trắng làm nên sự nghiệp gây sự thán phục của giới kinh tế, tài phiệt và truyền thông Mỹ.

Ngoài những thành quả chung kể trên, xin ghi lại sau đây những thành tích nổi bật của một số cá nhân, trong nhiều lãnh vực khác nhau, từ các ngành hành pháp, lập pháp và tư pháp trong chính quyền, đến các ngành chuyên môn như không gian, y tế, giáo dục, nghệ thuật... Vì nhân tài của cộng đồng người Việt quá đông, xin chỉ nêu lên những nhân vật tạo được thành tích kỷ lục cho cộng đồng:

Cho đến nay, người Mỹ gốc Việt đảm nhiệm chức vụ cao nhất trong Chính Phủ Hoa Kỳ là Giáo Sư Việt Đình

Giáo Sư Việt Đình, tên Việt đầy đủ là Đình Đồng Phụng Việt, ra đời tại Sài Gòn sau Tết Mậu Thân (22 tháng 2, 1968), có bằng tiến sĩ luật tại Harvard University. Năm 33 tuổi, ông được Tổng Thống George W. Bush chọn làm Phụ Tá Bộ Trưởng Tư Pháp (Assistant Attorney General for the Office of Legal Policy). Trong thời gian tại chức từ ngày 31-5, 2001 đến 31-5, 2003, ông là tác giả chính của luật *USA Patriot Act*, nhằm đối phó với nạn khủng bố sau vụ 11 tháng 9, 2001. Sau khi từ chức, ông về dạy luật tại Georgetown University ở Washington DC. Tại văn

phòng ông, có treo bức ảnh lớn chụp cảnh ông tuyên thệ nhậm chức Phụ Tá Bộ Trưởng, với chữ ký của Bộ Trưởng Tư Pháp John Ashcroft, và mấy chữ "*Thanks for being a great American*" (Xin cảm ơn một người Mỹ vĩ đại).

Người phụ nữ gốc Việt nắm chức vụ cao nhất trong ngành hành pháp Hoa Kỳ là cô Mina Nguyễn. Cô sinh ra trong một gia đình tỵ nạn, định cư tại Orange County, California và tốt nghiệp MBA tại đại học Harvard. Cô Mina Nguyễn hoạt động chính trị rất sớm khi còn là sinh viên ở đại học. Năm 2001, cô được bổ nhiệm Giám Đốc Giao Tế của bà Bộ Trưởng Lao Động Elaine L. Chao khi cô mới 25 tuổi, và được coi là người trẻ nhất nắm chức vụ này. Từ năm 2005 tới 2007, cô là Giám Đốc về các vấn đề liên lạc Quốc Hội và Cố Vấn thâm niên cho Ken Mehlen, Chủ Tịch đảng Cộng Hòa kiêm Chủ Tịch Ủy Ban tranh cử của liên danh Bush & Cheney. Năm 2007, khi mới 31 tuổi, cô được Bộ Trưởng Tài Chánh Hank Paulson bổ nhiệm chức vụ Phó Phụ Tá Bộ Trưởng Tài Chánh đặc trách giao thương.

Nếu Giáo Sư Việt Đình được Tổng Thống Bush chọn như một người có khuynh hướng Cộng Hoà, Bác Sĩ Nguyễn Thanh Tùng lại được Tổng Thống Dân Chủ Barack Obama chọn làm Thành viên Ban Cố Vấn Tổng Thống về các sắc dân Mỹ Á và Thái Bình Dương (Member, President's Advisory Commission on Asian Americans and Pacific Islanders).

Bác Sĩ Tùng cùng với gia đình rời Việt Nam khi mới 10 tuổi vào cuối tháng Tư 1975 trên một xà lan, bị lạc bồng khi được một tàu vận tải vớt giữa biển, sau mới gặp lại. Tới Mỹ, trước tiên, gia đình sống tại Pennsylvania, cha mẹ phải làm việc vất vả

để nuôi con đi học, sau dọn sang Santa Clara, California. Bác Sĩ Tùng có bằng cử nhân triết học tại Harvard University, và y khoa bác sĩ tại Stanford University. Ông cũng được giải thưởng cao quý "American Cancer Society Control Career Development Award" năm 2002.

Về ngành Lập Pháp, người Mỹ gốc Việt đầu tiên đắc cử Dân Biểu Quốc Hội Liên Bang là luật sư Cao Quang Ánh.

Joseph Cao Quang Ánh rời Việt Nam năm 1975 khi mới 8 tuổi (sinh năm 1967). Sau khi học thành luật sư, ông hành nghề tại vùng New Orleans, tiểu bang Louisiana, và tham gia các hoạt động xã hội và chính trị tại đây. Năm 2008, là một ứng cử viên thuộc đảng Cộng Hoà, ông đắc cử Dân Biểu Liên Bang đại diện cho đơn vị 2 của tiểu bang Louisiana. Tuy chỉ tại chức trong một nhiệm kỳ, từ 2009 đến 2011, ông Cao Quang Ánh là người Mỹ gốc Việt đầu tiên được bầu vào Quốc Hội Liên Bang Mỹ. Cũng nên ghi nhận một sự kiện để so sánh: Philippines đã có liên hệ mật thiết với Mỹ từ hàng thế kỷ, và người Philippines cũng tới Mỹ sớm hơn và đông gấp đôi người Việt, nhưng cũng mãi tới năm 2009, một người gốc Philippines mới đắc cử Dân Biểu Liên Bang, là ông Steve Austria.

Ngoài cơ quan lập pháp Liên Bang, đã có nhiều người gốc Việt đắc cử vào các cơ quan lập pháp cấp Tiểu Bang hay Thành Phố. Trong cuộc bầu cử vào tháng 11 năm 2014, một phụ nữ trẻ gốc Việt đã được bầu làm Thượng Nghị Sĩ của cơ quan Lập Pháp Tiểu Bang California. Đó là Janet Nguyễn.

Janet Nguyễn ra đời tại Sài Gòn vào năm 1976, một năm sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam VN. Gia đình vượt biên tìm tự do trên một chiếc thuyền nhỏ. Sau

nhiều gian nan nguy hiểm, và qua nhiều trại tạm cư, đến Mỹ năm 1981, khi Janet mới 5 tuổi. Định cư tại Orange County, Janet tham gia các hoạt động thương mại và xã hội ngay thời gian còn đang đi học. Cô là phụ nữ đầu tiên và là người trẻ nhất đắc cử vào Hội Đồng Giám Sát của Orange County (Orange County Board of Supervisors) khi mới 31 tuổi, vào năm 2007, tái đắc cử thêm hai lần nữa vào các năm 2008, và 2012. Năm 2014, cô đắc cử Thượng Nghị Sĩ của tiểu bang California.

Trong lãnh vực tư pháp, nếu giấc mơ trở thành Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện của Giáo Sư Việt Đình chưa thành, một phụ nữ gốc Việt đã đạt được địa vị khá cao là Thẩm Phán toà phúc thẩm Liên Bang, đó là bà Jacqueline Nguyễn. Tên Việt Nam là Nguyễn Thị Hồng Ngọc, bà ra đời tại Đà Lạt, con gái một cựu thiếu tá Việt Nam Cộng Hòa. Gia đình rời Việt Nam sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam năm 1975, lúc bà mới 10 tuổi. Tới Mỹ, gia đình cư ngụ tại vùng Los Angeles, tuy còn trẻ, vừa đi học, bà vừa phụ giúp mẹ trong công việc lau chùi một phòng nha sĩ, trong khi cha làm việc ban đêm tại một ngân hàng, và một trạm xăng.

Sau khi có bằng Tiến Sĩ Luật tại University of California, Los Angeles – gọi tắt là UCLA, bà hành nghề trong lãnh vực tư, trước khi gia nhập ngành công tố; làm việc trong văn phòng Biện Lý Liên Bang khu vực Trung California. Tháng 8 năm 2002, Jacqueline Nguyễn được Thống Đốc Tiểu Bang California bổ nhiệm làm thẩm phán Tòa thượng thẩm Hạt Los Angeles. Cuối tháng 7 năm 2009, Tổng Thống Barack Obama bổ nhiệm bà làm thẩm phán tòa sơ thẩm liên bang, khu vực Trung

California (United States District Court for the Central District of California). Ngày 1 tháng 12 cùng năm, Thượng viện Hoa Kỳ đã chấp thuận việc bổ nhiệm này với đại đa số tuyệt đối.

Vào tháng 9 năm 2011, Tổng Thống Barack Obama lại đề cử bà Jacqueline Nguyễn vào địa vị quan trọng hơn: Thẩm phán toà phúc thẩm Liên Bang, khu vực 9 (United States Court of Appeals for the Ninth Circuit), một trong 15 khu vực bao trùm nước Mỹ, có trách nhiệm xét xử các vụ kháng án khắp các tiểu bang miền Tây nước Mỹ, từ Alaska, Washington, Oregon, California, Arizona, Nevada, Montana, Idaho, đến Hawaii, lãnh thổ Guam và quần đảo Northern Mariana. Bà Jacqueline Nguyễn không những là người gốc Việt đầu tiên, mà còn là phụ nữ gốc Á đầu tiên ở địa vị này.

Ngoài lãnh vực công quyền, sau đây là một số khuôn mặt gốc Việt tiêu biểu trong nhiều lãnh vực khác. Vì bài viết có giới hạn, mỗi lãnh vực chỉ có thể nêu tên một người.

Một lãnh vực có vẻ xa lạ với người Việt trước năm 1975, là không gian, cũng đã có những người gốc Việt tham dự xuất sắc. Nổi bật là phi hành gia Trịnh Hữu Châu, thường được biết tới qua tên Eugene Trinh. Ông ra đời tại Sài Gòn năm 1950, có bằng tú tài tại Pháp, nhưng được học bổng theo đại học tại các trường Columbia và Yale ở Hoa Kỳ. Tiến Sĩ Eugene Trinh là một trong các phi hành gia của NASA trên phi thuyền con thoi Columbia trong chuyến bay năm 1992, lưu lại trên không gian trong hai tuần. Ông được nhiều giải thưởng và huy chương của NASA.

Điều rất đáng hãnh diện, theo Hội Quân nhân Mỹ gốc Việt, hiện có khoảng 3.000 quân nhân gốc Việt đang phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ. Trong số này, có hơn 20 Đại Tá và một người trong số này đã được thăng Chuẩn Tướng vào năm 2014, đó là Tướng Lương Xuân Việt.

Tướng Việt là con trai một Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến VNCH, ông cùng gia đình sang Mỹ vào năm 1975 khi mới 10 tuổi, định cư tại California. Sau khi tốt nghiệp Đại học USC, ông nhập ngũ, mang cấp bậc Thiếu úy năm 1987.

Tướng Việt đã “lần lượt giữ các chức vụ tác chiến cấp trưởng trung đội, đại đội, tiểu đoàn, cũng như tham mưu và huấn luyện. Trước khi được thăng cấp Đại Tá và được bổ nhiệm vào chức vụ Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3, Sư Đoàn 101 Nhảy Dù, ông đã làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 505 Bộ Binh Nhảy Dù Hoa Kỳ vào năm 2005 và chiến đấu tại chiến trường Iraq với cấp bậc Trung Tá. Thăng cấp Đại Tá, ông trở thành lữ đoàn trưởng tại chiến trường Afghanistan. Năm 2014 Ông được vinh thăng Chuẩn Tướng và là vị Tướng Mỹ gốc Việt đầu tiên trong quân lực Hoa Kỳ.”

Có rất nhiều người Mỹ gốc Việt đã thành công trong lãnh vực y khoa, xin đơn cử một trong số những người nổi bật là Bác Sĩ Đặng Văn Chí.

BS Chí, sinh tại Sài Gòn, xuất thân từ một gia đình có truyền thống y học, thân phụ ông là Giáo Sư Đặng Văn Chiêu, cựu Khoa Trưởng Đại Học Y Khoa Sài Gòn. Ông đi du học ở Mỹ năm 1967, đậu Tiến Sĩ về Hóa Học năm 1978 tại Georgetown University, 4 năm sau ông tốt nghiệp văn bằng Y Khoa Bác Sĩ tại Đại học Johns Hopkins, một trong những

trường Y khoa danh tiếng nhất trên thế giới. Sau khi hoàn tất chương trình nội trú và thường trú về nội khoa tại bệnh viện Johns Hopkins ông theo học và tốt nghiệp ngành chuyên môn về huyết học và ung thư tại viện Nghiên Cứu Ung Thư đại học California ở San Francisco.

Năm 1987 ông trở lại Johns Hopkins với tư cách Giáo Sư Phụ Giảng, trưởng khoa Huyết Học và Phó Giám Đốc đặc trách nghiên cứu của Khu Nội Khoa. Kể từ năm 1997 ông chính thức là Giáo Sư trưởng đại học y khoa Johns Hopkins về nội khoa, tế bào sinh học, ung thư, bệnh lý học... năm 2000 ông được đề cử giữ chức vụ Phó Khoa Trưởng đại học Johns Hopkins đặc trách về nghiên cứu, giám sát hành chánh các dự án nghiên cứu và điều hợp đường lối của toàn trường.

Từ tháng 9 năm 2011 đến nay, ông nhận chức Giám Đốc Trung Tâm chữa trị Ung Thư nổi tiếng Abramson của đại học Pennsylvania. Trong diễn văn chào mừng BS Chí, ông Arthur Rubenstein, Phó Chủ Tịch đại học Pennsylvania kiêm khoa trưởng Trường Y Khoa Perelman đã nói: "BS Chí là một BS nổi tiếng trong lãnh vực sinh học, huyết học và ung thư học. BS Chí sẽ mang đến cho nền y khoa của đại học Penn một sự tổng hợp phong phú với tư cách là một BS nghiên cứu, một nhà giáo dục và một nhà sáng kiến, đổi mới trong lãnh vực sinh y học". Ông nói thêm: "là một nhà nghiên cứu thực thụ liên ngành, BS Chí là người thích hợp nhất hướng dẫn chúng ta trong kỷ nguyên mới về cộng tác khảo cứu để giúp chúng ta giữ vững được vị trí lãnh đạo thế giới về các cách chữa trị mới và diệt trừ mọi căn bệnh ung thư".

BS Chí dẫn đầu một phòng thí nghiệm chuyên khảo sát về ung thư gen MYC được

coi là yếu tố chính gây nên một số bệnh ung thư. Việc khảo cứu các hoạt động của gen cũng như sự liên hệ của Gen này với nguồn năng lượng của tế bào hy vọng sẽ dẫn đến những phương pháp mới để chữa các bệnh ung thư.

BS Chí là hội viên của Viện Y Khoa thuộc Hàn Lâm Viện Quốc Gia Khoa Học Hoa Kỳ. Ông là tác giả của gần 200 biên khảo khoa học rất có giá trị. BS Chí được mời giảng dạy, tuyên dương tại nhiều trường đại học y khoa danh tiếng của Hoa Kỳ và ông đã nhận được rất nhiều giải thưởng vinh danh những công trình nghiên cứu và giảng dạy của ông. Y giới Việt Nam hải ngoại kỳ vọng ông sẽ là người Việt Nam đầu tiên được tặng giải Nobel về y khoa trong tương lai.

So với số người theo ngành y dược và công nghệ thông tin, người gốc Việt theo ngành giáo dục không nhiều. Tuy vậy, cũng có những khuôn mặt nổi bật như Katherine Dinh.

Katherine Dinh rời Sài Gòn sang Mỹ cùng gia đình vào cuối tháng 4 năm 1975, khi mới 3 tuổi. Lớn lên tại Bắc Virginia, ngoại ô Washington D.C., Katherine tốt nghiệp Cao Học về International Education tại Harvard University (1997). Năm 2002, Katherine là hiệu trưởng trẻ nhất (Wilmington Friends School) khi mới 30 tuổi. Rồi tiếp tục làm hiệu trưởng tại các trường Metairie Park Country Day School (New Orleans - LA), và Prospect Sierra School (El Cerrito - CA).

Với tư cách hiệu trưởng của Prospect Sierra, năm 2009, Katherine gia nhập hội NAIS (National Association of Independent Schools), Hội các trường tư lớn nhất Hoa Kỳ, gồm 1700 hội viên ở Mỹ và các nước khác. Từ hội viên, Katherine lần lượt được bầu vào

Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ Tịch (Vice Chair), và từ tháng 2, 2015, được bầu làm Chủ Tịch của Hội Đồng Quản Trị (Board of Trustees' Chair), nhiệm kỳ 2015 - 2018.

Tạp chí Thanh Niên của Đài VOA ngày 13 tháng Bảy 2012, kể “Câu chuyện thành công của một khoa học gia gốc Việt tại Mỹ”, có nội dung như sau:

Một người Việt tị nạn ở Mỹ tạo lập cuộc sống mới từ đầu bằng cách vừa đi phụ việc ở nhà hàng và xưởng đóng giày, vừa cùng lúc dùi mài đèn sách để cuối cùng trở thành một nhà khoa học đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cao cấp của các công ty khoa học kỹ nghệ danh tiếng của Mỹ, với trên 25 văn bằng phát minh sáng chế và nhiều giải thưởng vinh dự. Đó là câu chuyện thành công của tiến sĩ Cai Văn Khiêm.

Tiến sĩ Khiêm vượt biên sang Mỹ năm 1975 sau khi quân cộng sản Bắc Việt tiến chiếm miền Nam Việt Nam. Những ngày đầu tới Mỹ, ông đã phải vất vả ngày đêm với công việc bồi bàn ở nhà hàng vào mỗi tối, tới khuya thì sang phụ việc cho một hãng đóng giày, còn thời gian ban ngày ông dồn tất cả vào đèn sách. Vậy mà chỉ hai năm đầu ở xứ người, ông đã lấy được bằng thạc sĩ và liền 4 năm sau đó, ông tốt nghiệp Tiến sĩ từ cùng trường đại học Purdue, bang Indiana, với luận án về viễn thông băng tần rộng, một trong luận án tiên phong trong ngành viễn thông di động.

Ông vào làm việc cho các công ty danh tiếng Hughes Aircraft & Raytheon, phụ trách các đề án phát triển trong lĩnh vực truyền thông Multiband-Multimode và hệ thống định vị toàn cầu mới GPS III. Năm 2002, ông thành lập một công ty riêng có tên là TelASIC. Tại đây ông đã nghiên cứu phát triển kỹ nghệ truyền thông di động. Khi

TelASIC nhập vào hãng MTI vào năm 2009, những kỹ nghệ ông phát minh được chuyển thành sản phẩm bộ thu phát vô tuyến từ xa cho thị trường điện thoại di động.

Tiến Sĩ Cai Văn Khiêm thành công khi làm cho các công ty lớn của Mỹ, trong khi một nữ kỹ sư Việt lại thành công rực rỡ trong lãnh vực an ninh, quân đội, quốc phòng: Kỹ Sư Dương Nguyệt Ánh sanh tại Sài Gòn, theo gia đình tỵ nạn định cư tại Hoa Kỳ năm 1975 lúc cô mới 15 tuổi. Cô tốt nghiệp kỹ sư hóa chất và vi tính điện tử tại đại học Maryland. Năm 1983, cô bắt đầu làm việc với tư cách là kỹ sư hóa học tại Trung Tâm Vũ Khí Diện Địa Hải Quân tại Indian Head (Naval Surface Weapons Center) ở Maryland.

Năm 1991 cô trở thành một chuyên gia thượng thặng về chất nổ và hai năm sau (1993) được giao phó quản lý toàn bộ chương trình nghiên cứu, thăm dò và phát triển chất nổ của Hải quân.

Sau vụ 9/11, vì nhu cầu chiến trường ở Afghanistan, cô Dương Nguyệt Ánh được giao phó phụ trách dự án nghiên cứu dùng kỹ thuật chất nổ áp nhiệt (thermobaric) để chế tạo những trái bom áp nhiệt (thermobaric bomb) đặc biệt có khả năng nổ sâu trong lòng đất, và có sức công phá mãnh liệt giúp phá vỡ những giao thông hào và những hầm trú ẩn kiên cố của địch. Kỹ Sư Dương Nguyệt Ánh đã dẫn đầu một nhóm chuyên gia gồm khoảng 100 khoa học gia, kỹ sư, và chuyên gia kỹ thuật - trong thời gian kỷ lục 67 ngày - đã hoàn thành được những quả bom áp nhiệt đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của chiến dịch chống khủng bố tại chiến trường Afghanistan. Trước những lời phản ứng về việc cô chế tạo vũ khí và được giới truyền

thông Mỹ tặng danh hiệu: "Lady Bomb" Kỹ Sư Ánh đã trả lời "đối với tôi việc trước tiên là phải nghĩ đến những phương cách để bảo vệ binh sĩ của Hoa Kỳ. Chúng ta, những người Việt tỵ nạn đến đây đã được sự giúp đỡ của rất nhiều người dân và chính phủ Hoa Kỳ trong bước đầu. Vì vậy lúc nào tôi cũng mong mỏi và quan niệm rằng bổn phận của chúng ta là phải góp phần gìn giữ nền tự do dân chủ của đất nước cuu mang chúng ta!"

Kỹ Sư Dương Nguyệt Ánh hiện đang đảm nhận chức vụ Tổng Giám Đốc Khoa Học Kỹ Thuật An Ninh Biên Giới và Hàng Hải cho Bộ Nội An Hoa Kỳ. Cô đã được nhiều lần tuyên dương và được trao tặng những huy chương cao quý của Bộ Hải Quân, Bộ Quốc Phòng và Bộ An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, trong đó có Huy Chương Phục Vụ Quốc Gia về An Ninh (Service to America Medal for National Security).

Bước sang lãnh vực kinh tế, tài chánh, cộng đồng Việt Nam cũng có những cá nhân xuất sắc, thành công vượt bậc. Xin nêu lên trường hợp ông Đặng Trung Dung.

Đến Mỹ với 2 đô la trong túi, ông đã nhanh chóng trở thành một trong 8 tỷ phú người Mỹ gốc Việt. Ông thành công bằng cách tự mở công ty phần mềm, phát triển rồi bán lại với giá gần 2 tỉ đô la. Đó là Đặng Trung Dung.

Thường được biết với tên Trung Dung, anh là con một sĩ quan quân đội VNCH. Sau 30 tháng 4, 1975, cha anh bị bắt đi tù cải tạo. mẹ anh lo cho anh vượt biển, hai lần đầu thất bại, phải vào tù, lần thứ ba mới thành công.

Đến Mỹ trẻ, không muốn vào lớp 10 ở tuổi 17, anh lấy bằng Trung Học tương đương, rồi vào Đại Học Massachusetts ở

Boston, lấy bằng cử nhân về toán, và Computer. Dù kém Anh ngữ, nhờ giỏi toán, anh vẫn được nhận vào Boston University, lấy bằng MBA.

Cuối thập niên 90, dù có việc làm tốt, anh liền lĩnh bỏ việc, lập công ty riêng OnDisplay Corporation. Do thiếu kinh nghiệm tìm người bỏ vốn đầu tư, anh cũng gặp khó khăn lúc đầu, rồi khả năng của anh được chấp nhận, và OnDisplay được coi là một trong 10 công ty thành công nhất bắt đầu bán trên thị trường chứng khoán vào năm 1999. Năm 2000, OnDisplay được Vignette Corporation mua với giá 1.8 tỉ đô la. Sau đó, Trung Dung lập công ty Fogbreak Solutions, do tự mình điều hành.

Câu chuyện thành công của Trung Dung đã được kể lại trong các báo và tạp chí Financial Times, Wall Street Journal, và Forbes, cũng như được Dan Rather kể lại trong cuốn sách *The American Dream* (Giấc Mơ Mỹ).

Về phương diện văn học nghệ thuật, ngoài rất nhiều sách báo và website Việt ngữ, có nhiều tác giả gốc Việt viết bằng Anh ngữ. Lãnh vực tiểu thuyết, có các tên tuổi nổi bật như Linh Đinh, Lan Cao, Kiên Nguyễn, Angie Châu, Monique Trương... , lãnh vực biên khảo có Andrew Lâm, Quang X. Phạm, Liên Hằng Nguyễn... Riêng về thơ, có một thiếu nữ ở tuổi 15, đã trở thành một trong năm Thi Sứ (Poetry Ambassador) trung học trên toàn quốc Hoa Kỳ. Đó là Aline Dolinh.

Cả cha mẹ là người gốc Việt, Aline ra đời năm 1998 tại Oakton, VA, ngoại ô Washington D.C., viết truyện từ khi học lớp Một, có khiếu làm thơ từ nhỏ, và từng được nhiều giải thưởng về thơ từ khi ở tiểu học. Năm 2013, ở lớp 9, Aline tham dự Chương

trình Thơ Học sinh Toàn quốc (National Student Poets Program), cùng với hàng trăm ngàn học sinh trên khắp nước Mỹ. Chương trình này được bảo trợ bởi Ủy ban của Tổng Thống về Nghệ thuật và Nhân văn, Viện Dịch vụ Bảo Tàng và Thư Viện, cùng Liên minh Nghệ sĩ trẻ và Văn sĩ. Mỗi năm chỉ có năm thi sĩ học sinh trên toàn quốc được chọn cho Chương trình này. Aline là người trẻ nhất trong nhóm này. Trong khuôn khổ nghi lễ nhận trách nhiệm thi sứ học sinh toàn quốc, cả nhóm đã được mời vào Bạch Ốc gặp Đệ Nhất Phu Nhân, và dự dạ tiệc ở Thư Viện Quốc Hội.

Còn rất nhiều khuôn mặt thành tựu nổi bật trong hàng ngũ những người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ, như trong ngành điện ảnh có Dustin Nguyễn và Jonathan Ke Quan, tấu hài có Rosie Trần và Đạt Phan, Truyền hình có Betty Nguyễn, Foot Ball có Nguyễn Đạt, võ thuật có Cung Lê, ẩm thực có Hùng Huỳnh và Christine Hà..., nhưng vì khuôn khổ có hạn của bài báo chúng tôi không đủ chỗ để kể ra hết được.

*

Dù ra đi với hai bàn tay trắng, trong hoàn cảnh liêu mạng vô cùng nghiệt ngã, khi đến quê hương mới, người Việt tị nạn đã phải bắt tay gây dựng lại từ đầu. Họ cũng là những người mang cùng màu da, cùng dòng máu, cùng văn hoá lịch sử với những người còn lại trong nước. Nhưng họ đã vươn lên, tạo thành quả tốt đẹp trong mọi lãnh vực. Tại sao những người trong nước không thể vươn lên, không tạo được những thành quả như những người đã ra đi? Lý do hiển nhiên là vì sự đàn áp và kìm kẹp của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

BS NGUYỄN QUỐC QUÂN

GỌI EM LÀ NƯỚC VIỆT NAM

LÊ TRẠCH LỰU

Mến tặng Ngọc Anh

Em là bướm vàng vờn trăng trong mộng
Tà áo em tha thướt nở muôn đêm,
Đẹp hơn ngàn bó hoa chụm lại
Chìm câu hát nựng thưở khai thiên.

Em là nắng chiều lên mềm như gió,
Thổi vào xuân đỏ lịm ngọn đèn chong,
Căn phố buồn êm ngủ dưới mưa đêm
Em phải sống vì xương cha nằm đó

Em là đèo cao mây núi chạy trên đồi,
Với tất cả vạn ngọn nắng ấm trong tôi,
Em đẹp phút giao mùa, trời thay áo.

Dung nhan em vuông tròn đầy thanh sử,
Nét đậm đà em sống giữa ca dao
Đã gặp em từ tiếng mẹ ngọt ngào,
Như sáo trúc đồng quê buông diu đặt.

Em, em là những dòng sông nhỏ nhỏ,
Con thuyền xuôi lơ lửng giữa đêm thanh,
Cánh đồng hiu quạnh mịn lúa tươi xanh,
Cho tôi sống, hay tôi phải chết,
Để giữ lại linh hồn em muôn thưở.

Em buồn, em đau, em nghèo, em khổ,
Cho biển thêm sâu, cho tình thêm mặn,
Cho môi thêm héo, cho trời thêm cao.

À à ơi, à à ơi...
Chợt nghe ru ngủ, á ời mẹ cùng,
Ngủ đi con, ngủ đi con,
Trời sao nắng dủ khôn cùng
Yêu em từ thưở mẹ bồng nôi tay.

COMME L'HIRONDELLE

Comme l'hirondelle
Qui vole à tire-d'ailes
En mer où l'azur en dentelle
Tisse un ciel clair
Tire ses paures
Et ferme ses nuages en arc-en-ciel.
Elle m'ensorcelle
Puis elle m'appelle,
Et tourne autour de son miel
Ses ailes m'emmènent vers elle.
Comme le mois de Juin
Qui chante des refrains,
Soudain se réveille en satin
Goûte le pain de ses seins
Savoure le vin de ses veines
Et peint la beauté pour sa reine.
Elle se souvient
De moi et mes poèmes,
Et même caresse, même peines,
Reviens semer mon blé de plaine
Reviens tisser son coeur en laine,
Je t'aime Petite Hirondelle.

Diễm Hoa

Anacapri, Souvenirs

Juin 2014

ALICE ANN MUNRO

(1931 -)

Nữ Văn Hào Canada

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2013

Phạm Văn Tuấn

Alice Ann Munro là nhà văn nữ người Canada viết truyện bằng tiếng Anh, do các tác phẩm, bà Alice Munro được coi là đã làm cách mạng, thay đổi kiến trúc của các truyện ngắn, đặc biệt là cách chuyển hướng thời gian về phía trước hay về phía sau, tiết lộ hơn là dần trải các chi tiết.

Các truyện của bà Alice Munro thường được xây dựng bằng các chủ đề liên quan tới Quận Huron (Huron County) tại miền tây nam của Bang Tỉnh Ontario, khai thác các rắc rối của con người bằng một thể văn xuôi không phức tạp, do vậy nhà phê bình Cynthia Ozick đã gọi bà Alice Munro là “Chekhov” của chúng ta.

Bà Alice Ann Munro đã 3 lần nhận được Phần Thưởng của Toàn Quyền Canada trao tặng về các truyện ngắn (Canada's Governor General's Award), Phần Thưởng Marian Engel năm 1996 (Marian Engel Award), Giải Thưởng Truyện Hư Câu Rogers năm 2004 (the 2004 Rogers Writers' Trust Fiction Prize), và Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 2013 (the Nobel Prize in Literature). Các tác phẩm của bà đã khiến cho bà Alice Munro được gọi là “bậc thầy của các truyện ngắn hiện đại” (master of the contemporary short story).



1/ Thời niên thiếu và đời sống gia đình.

Alice Ann Munro sinh ngày 10 tháng 7 năm 1931 tại Wingham, Ontario, với tên

con gái là Alice Ann Laidlaw. Cha của Alice là ông Robert Eric Laidlaw, là một chủ trại nuôi chồn (fox) và chồn lông (mink) còn bà mẹ tên là Anne Clark Laidlaw, với tên con gái là Chamney, là một nhà giáo. Cô Alice bắt đầu viết văn khi còn nhỏ tuổi, cô đã cho xuất bản vào năm 1950 cuốn truyện đầu tiên với tên là “Các Chiều của một Bóng Tối” (The Dimensions of a Shadow) trong khi cô đang

theo học môn tiếng Anh và ngành báo chí (journalism) tại Đại Học Tây Ontario (the University of Western Ontario) do được học bổng hai năm. Cũng trong thời gian này, cô Alice còn làm thêm các nghề phụ như hầu bàn (waitress), người hái thuốc lá và thư ký thư viện.

Vào năm 1951, cô Alice từ giả đại học để kết hôn với một người bạn cùng lớp là ông James Munro, họ di chuyển về Dundarave, miền tây của Vancouver, bởi vì công việc của ông James là nhân viên của một cửa hàng bách hóa. Tới năm 1963, gia đình Munro này lại di chuyển về Victoria, họ mở tại nơi đây hiệu sách Munro (Munro's Books), hiệu sách này ngày nay vẫn còn hoạt động.

Bà Alice Munro có với ông James 3 người con tên là Sheila, Catherine và Jenny,

sinh vào các năm 1953, 1955 và 1957 nhưng Catherine qua đời 15 giờ sau khi sanh. Năm 1966, một người con gái nữa chào đời tên là Andrea nhưng rồi bà Alice và ông James ly dị với nhau vào năm 1972.

Bà Alice trở về Ontario và là nhà văn tại chức (writer in residence) của Đại Học Tây Ontario (the University of Western Ontario) rồi tới năm 1976, bà nhận được bằng Tiến Sĩ Danh Dự (an honorary LLD) của đại học này. Cũng vào năm 1976, bà Alice kết hôn với ông Gerald Fremlin, một nhà địa lý học kiêm nhà vẽ bản đồ (a cartographer and geographer) khi hai người cùng làm việc nơi trường đại học. Họ dọn nhà về một nông trại bên ngoài thành phố Clinton, Ontario rồi về một căn nhà bên trong thành phố này, tại nơi đây, ông Fremlin qua đời vào ngày 17/4/2013 ở tuổi 88.

Trong một buổi họp vào tháng 10 năm 2009, bà Alice Munro cho biết bà đã được điều trị về ung thư và đã giải phẫu tim (coronary-artery bypass surgery).

2/ Văn Nghiệp.

Tuyển tập các truyện ngắn đầu tiên của Alice Ann Munro có tên là “Vũ Khúc của các Bóng Tối Hạnh Phúc” (Dance of the Happy Shades, 1968), đã giành được Phần Thưởng của Thống Đốc (the Governor General’s Award), đây là giải thưởng văn chương có giá trị cao nhất của Canada. Sau thành công này là tuyển tập các truyện liên kết với nhau, có tên là “Đời Sống của các Cô Gái và các Phụ Nữ” (Lives of Girls and Women, 1971).

Vào năm 1976, một tuyển tập các truyện liên kết khác có tên là “Anh Nghĩ Anh là Ai” (Who Do You Think You Are?) (xuất bản tại Hoa Kỳ có tên là The Beggar Maid), tập truyện này cũng giành được Phần Thưởng của Thống Đốc, lần thứ hai.

Từ năm 1979 tới năm 1982, Alice Munro đã đi chu du các nước Úc, Trung Hoa và Scandinavia trong khi vào năm 1980, bà Munro là nhà văn tại chức của hai

Đại Học British Columbia và Đại Học Queensland. Tới năm 2006, cuốn truyện “Con Gấu tới thăm Ngọn Núi” (The Bear Came Over the Mountain) đã được quay thành phim với tên là “Away from Her”, do đạo diễn Sarah Polley và các tài tử Julie Christie và Gordon Pinsent.

Trong thập niên 1980, Alice Munro đã cho xuất bản hầu như mỗi 4 năm một tuyển tập các truyện ngắn, rồi gần đây, vào các năm 2001, 2004, 2006, 2009 và 2014. Các truyện của bà Munro thường xuất hiện trên các tạp chí danh tiếng như The New Yorker, The Atlantic Monthly, Grand Street, Harper’s Magazine, Mademoiselle và The Paris Review. Các tuyển tập truyện ngắn đã được chuyển dịch sang 13 ngôn ngữ khác nhau. Vào ngày 10 tháng 10 năm 2013, bà Alice Ann Munro được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương và được ca ngợi là “bậc thầy về truyện ngắn hiện đại” (a master of the contemporary short story). Bà Munro là người Canada đầu tiên và là phụ nữ thứ 13 nhận lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

Rất nhiều truyện của Alice Ann Munro bắt nguồn từ Hạt Huron, Ontario, sự chú ý nhắm vào địa phương là các tình nhỏ của tác giả này khiến cho người ta so sánh bà Munro với hai nhà văn của miền đông quê phía nam Hoa Kỳ là William Faulkner và Flannery O’Connor, nhưng các nhân vật của bà Munro thường phải đối diện với các phong tục và tập quán đã ăn sâu vào trong xã hội, đặc biệt các nhân vật nữ thì rất phức tạp, vì vậy văn chương của Alice Ann Munro được xếp vào loại “văn cổ miền Nam Ontario” (Southern Ontario Gothic).

Các tác phẩm của Alice Ann Munro cũng được so sánh với các truyện ngắn của Anton Chekhov, nhà văn người Nga, một trong các nhà văn chuyên viết truyện ngắn bậc nhất trong lịch sử văn học. Các sáng tác của bà Munro mô tả những diễn biến thường ngày, có cốt truyện (plot) là thứ yếu, với sự rõ ràng và tế nhị, với các

chi tiết được tiết lộ bất ngờ. Các truyện ngắn này thường liên hệ tới “tình yêu và công việc, và sự thất bại của cả hai” trong đó thời gian cũng là một yếu tố bị ám ảnh. Mặt khác, các tiểu thuyết ngắn của bà Munro cũng được so sánh với các tác phẩm của nhà thơ kiêm nhà văn Grazia Deledda, nhân vật đoạt Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 1926.

Trong các truyện ngắn ban đầu, các đề tài là các tình trạng khó xử của các cô gái tới tuổi trưởng thành, đối với gia đình, đối với thị trấn nhỏ mà các cô gái lớn lên rồi vào các thời gian sau này, các đề tài lại là “tình ghen ghét” (Hateship), “tình bạn” (Friendship), “tình quyến rũ” (Courtship), “tình yêu” (Loveship), “hôn nhân” (Marriage, 2001), và “Bỏ nhà ra đi” (Runaway, 2004), sau đó tác giả lại chú trọng tới các công việc của những người trung niên, của riêng các phụ nữ, rồi của các người cao niên. Lời văn bộc lộ sự rắc rối của đời người, vừa có tính khôi hài, vừa mang tính thận trọng, với kiến thức có khi đặc biệt, có khi vô dụng, với cách mô tả có vẻ thật (verisimilitude) và cả hiện thực (realism)...

3/ Các Nhận Xét về Nữ Văn Hào Alice Ann Munro.

Vào ngày thứ Năm, 10 tháng 10 năm 2013, Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Thụy Điển (the Swedish Royal Academy of Sciences) đã công bố rằng Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 2013 được trao tặng cho nhà văn của nước Canada là Alice Ann Munro. Ủy Ban Tặng Giải đã gọi nhà văn này là một “bậc thầy của loại truyện ngắn hiện đại” (a master of the contemporary short story) và so sánh tác giả 82 tuổi này với Anton Chekhov, nhà văn người Nga được mọi người coi là một trong các nhà văn viết truyện ngắn bậc nhất của Lịch Sử Văn Chương.

Sau khi công bố Giải thưởng, Ủy Ban Nobel đã không thể tiếp xúc được với bà Munro nên đã để lại lời nhắn trong máy điện thoại, nói về tin tức tốt lành này. Sau

đó Báo Chí Canada (the Canadian Press) đã gặp được tác giả Munro và bà Alice Munro đã nói rằng Giải Thưởng này “rất tuyệt vời” (quite wonderful) và bà Munro bị “ngạc nhiên kinh khủng”: - “Tôi biết rằng tôi đang dự thi nhưng tôi không bao giờ tin rằng tôi có thể thắng giải”.

Sau đó tác giả Munro xác nhận với đài truyền hình CNN: - “Tôi thì kinh ngạc và rất biết ơn. Tôi đặc biệt vui sướng vì thắng Giải Thưởng này sẽ làm vui lòng nhiều người Canada. Tôi thì sung sướng vì sự việc này sẽ khiến cho nhiều người chú ý tới văn chương của nước Canada”.

Ủy Ban Nobel ghi nhận rằng “vài nhà phê bình văn chương đã coi bà Munro là nhà văn Chekhov của nước Canada. Bà Munro được ca ngợi vì lối kể chuyện được gọt dũa tỉ mỉ với đặc tính là sự trong sáng và tâm lý hiện thực (psychological realism)”.

Các truyện ngắn của bà Alice Ann Munro thường được dàn dựng tại các thành phố nhỏ, tại đây sự phấn đấu thường mang lại các kết quả là sự liên hệ bị căng thẳng và các xung đột đạo đức, các vấn đề này bắt nguồn từ các khác biệt thế hệ và các va chạm do những tham vọng trong đời sống.

Nhà văn Alice Munro thường mô tả đời sống hàng ngày nhưng trong truyện lại có các biến cố quyết định, cách khai sáng bất ngờ, điều này làm sáng tỏ phần chung quanh của câu chuyện và làm cho câu trả lời hiện ra trong chớp nhoáng. Bà Munro đã viết ra các truyện ngắn trong đó có sự khôn ngoan sâu xa, và sự chính xác của câu chuyện giống như các tiểu thuyết gia diễn tả trong các cuốn tiểu thuyết. Mỗi lần đọc truyện của bà Alice Munro là mỗi lần bạn lại học hỏi được một điều gì mà bạn không bao giờ nghĩ tới trước kia.

Nhà văn Alice Munro đã viết về nhiều loại người thường ngày, về các bà nội trợ tại Vancouver, về các người bán sách tại Victoria, về các nông dân trồng đậu trong Hạt Huron và về các kế toán viên, các nhà giáo, các người coi thư viện... tức là các

người dân Canada bình thường và đã biến họ thành ra tuyệt diệu.

Bà Alice Munro đã nói rằng: “Từ năm này qua năm khác, tôi nghĩ rằng viết truyện ngắn chỉ là một cách thực tập cho tới khi tôi viết thành một cuốn truyện dài hay tiểu thuyết. Rồi tôi nhận thấy rằng đó là tất cả những gì tôi có thể làm được và tôi phải chấp nhận. Tôi cho rằng sự cố gắng rất nhiều vì các truyện ngắn đã mang lại cho tôi sự đền bù”.

Kể từ năm 1901, Giải thưởng Nobel Văn Chương đã được phát ra 106 lần và kỳ này, bà Alice Munro được coi là người tranh tài với nhà văn Nhật Bản Haruki Murakami và nhà văn người Mỹ Philip Roth. Giải thưởng Văn Chương này thường chỉ được trao tặng cho một người và chỉ có 4 lần được chia xẻ cho hai nhà văn, trái ngược hẳn với Giải thưởng Nobel Khoa Học, có thể tặng cho hai hay ba nhà bác học.

Nhân vật lãnh Giải thưởng Nobel Văn Chương trẻ tuổi nhất là nhà văn Rudyard Kipling, 42 tuổi, nhận giải vào năm 1907 vì tác phẩm “Cuốn Sách Rừng Xanh” (The Jungle Book). Người lớn tuổi nhất là nhà văn Doris Lessing, 88 tuổi, quốc tịch Anh.

Trước kia, nhiều người tin rằng Thủ tướng Anh Winston Churchill sẽ lãnh Giải thưởng Nobel Hòa Bình (the Nobel Peace Prize) nhưng trái ngược lại, ông Churchill được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương vào năm 1953.

4/ Các Tuyển Tập Truyện Ngắn của Nữ Văn Hào Alice Ann Munro.

1. Vũ Khúc của các Bóng Tối Hạnh Phúc (Dance of the Happy Shades, 1968), Phần thưởng của Thống Đốc (winner of the 1968 Governor General's Award for Fiction).
2. Đời Sống của các Cô Gái và các Phụ Nữ (Lives of Girls and Women, 1971).

3. Thứ gì tôi thấy có ý nghĩa kể cho Anh nghe (Something I've Been Meaning to Tell You, 1974).
4. Anh nghĩ Anh là Ai? (Who Do You Think You Are?, 1978) Phần thưởng của Thống Đốc năm 1978 (winner of the 1978 Governor General's Award for Fiction, also published as The Beggar Maid).
5. Các Mặt Trăng của Jupiter (The Moons of Jupiter, 1982), được đề cử tranh Phần thưởng của Thống Đốc.
6. Tiến Bộ của Tình Yêu (The Progress of Love, 1986), Phần thưởng của Thống Đốc (winner of the 1986 Governor General's Award for Fiction).
7. Bạn của Tuổi Trẻ của Tôi (Friend of My Youth, 1990), Phần thưởng Sách Trillium (winner of the Trillium Book Award).
8. Các Bí Mật Mở (Open Secrets, 1994), được đề cử dự tranh Phần thưởng của Thống Đốc.
9. Tình Yêu của một Người Đàn Bà Tốt (The Love of a Good Woman, 1998), Giải thưởng Giller năm 1998 (winner of the 1998 Giller Prize).
10. Tình Ghen Ghét, Tình Bạn, Tình Quyến Rũ, Tình Yêu, Hôn Nhân (Hateship, friendship, Courtship, Loveship, Marriage, 2001) xuất bản lại với tên là Away From Her.
11. Bỏ Nhà Ra Đi (Runaway, 2004), đoạt Giải thưởng Giller và Giải thưởng Rogers (winner of the Giller Prize and Rogers Writers' Trust Fiction).
12. Cảnh Nhìn từ Hòn Đá Castle (The View from Castle Rock, 2006).
13. Quá Nhiều Hạnh Phúc (Too Much Happiness, 2009).
14. Đời Sống Thân Thương (Dear Life, 2012).

5/ Các Phần thưởng và Giải thưởng của Nữ Văn Hào Alice Ann Munro.

- Phần thưởng Văn Chương của Thống Đốc vì loại truyện hư cấu tiếng Anh (Governor

- General's Literary Award for English language fiction, 1968, 1978, 1986).
- Phần thưởng của các Nhà Bán Sách Canada vì cuốn truyện "Đời Sống của các Cô Gái và các Phụ Nữ" (Canadian Booksellers Award for Lives of Girls and Women, 1971).
 - Vào chung kết Phần thưởng Man Booker năm 1980 vì cuốn truyện "Kẻ ăn xin là người Hầu Gái" (The Beggar Maid) (shortlisted for the Man Booker Prize (1980) for The Beggar Maid).
 - Phần thưởng Marian Engel năm 1986 vì tất cả các tác phẩm (The Writers' Trust of Canada's Marian Engel Award (1986) for her body of work).
 - Giải thưởng Rogers vì truyện hư cấu "Bỏ Nhà Ra Đi" năm 2004 (Rogers Writers' Trust Fiction Prize (2004) for Runaway).
 - Phần thưởng Sách Trillium vì các cuốn truyện "Bạn của Tuổi Trẻ của Tôi" (1991), "Tình Yêu của một người Đàn Bà Tốt" (1999), "Đời Sống Thân Thương" (2013) (Trillium Book Award for Friend of My Youth (1991), The Love of a Good Woman (1999) and Dear Life (2013)).
 - Phần thưởng Văn Chương WH Smith năm 1995 vì cuốn truyện "Các Bí Mật Mở" (WH Smith Literary Award (1995, UK) for Open Secrets).
 - Phần thưởng Lannan vì truyện hư cấu năm 1995 (Lannan Literary Award for Fiction, 1995).
 - Phần thưởng PEN/Malamud vì truyện ngắn hư cấu xuất sắc năm 1997 (PEN/Malamud Award for Excellence in Short Fiction, 1997).
 - Phần thưởng Phê Bình Sách Quốc Gia năm 1998, Hoa Kỳ, vì cuốn truyện "Tình Yêu của một người Đàn Bà Tốt" (National Book Critics Circle Award (1998, U.S.) for The Love of a Good Woman).
 - Giải thưởng Giller các năm 1998 và 2004.
 - Phần thưởng Rea về Truyện Ngắn năm 2001 tặng cho tác giả Mỹ hay Canada còn sống (Rea Award for the Short Story

- (2001) given to a living American or Canadian author).
- Phần thưởng Libris (Libris Award).
 - Phần thưởng O. Henry vì truyện hư cấu ngắn tại Hoa Kỳ vì cuốn truyện "Đam Mê" (2006), "Anh muốn biết để làm gì" (2008) và "Corrie" (2012) (O. Henry Award for continuing achievement in short fiction in the U.S. for "Passion" (2006), "What Do You Want To Know For" (2008) and "Corrie" (2012)).
 - Giải thưởng Quốc Tế Man Booker năm 2009 (Man Booker International Prize (2009, UK).
 - Giải thưởng Văn Chương Canada – Úc (Canada-Australia Literary Prize).
 - Giải thưởng các Nhà Văn Thịnh Vượng Chung cho Vùng Canada và Caribbean (Commonwealth Writers Prize Regional Award for Canada and the Caribbean).
 - Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 2013 vì là "một bậc thầy về truyện ngắn hiện đại" (Nobel Prize in Literature (2013) as a "master of the contemporary short story).

6/ Các Danh Dự.

1992 Hội Viên Danh Dự Hải Ngoại của Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật và Mỹ Thuật Hoa Kỳ (Foreign Honorary Member of the American Academy of Arts and Letters).

1993 Huy Chương Lorne Pierce của Hàn Lâm Viện Hoàng Gia của Canada (Royal Society of Canada's Lorne Pierce Medal).

2005 Huy Chương Danh Dự về Văn Chương của Hội Nghệ Thuật Quốc Gia Hoa Kỳ (Medal of Honor for Literature from the U.S. National Arts Club).

2010 Hiệp Sĩ Nghệ Thuật và Văn Chương (Knight of the Order of Arts and Letters).

2014 Đồng Tiền Bạc do Xưởng Đúc Tiền Hoàng Gia Canada vì danh dự của Giải thưởng Nobel Văn Chương của bà Alice Ann Munro (Silver coin released by the Royal Canadian Mint in honour of Munro's Nobel Prize win).

Phạm Văn Tuấn.

SƠ LƯỢC VỀ HÁT BỘI

Đào Đức Chương

VII - PHÂN LOẠI TUỒNG

Tùy theo nội dung đề tài và nơi sử dụng, tuồng hát bội phân thành ba loại: tuồng pho, tuồng đồ và tuồng ngự.

1 - Tuồng pho:

Thường mang tính bi hùng, bao gồm những kịch bản dựa vào lịch sử, diễn lại một triều đại, một biến cố của quốc gia, hành trạng của nhân vật lịch sử, một sự tích của dân tộc. Cốt truyện phải có thật trong lịch sử, đôi khi có thể hư cấu một số chi tiết để được thi vị hóa, nhưng không làm mất đi cái căn bản của sự việc. Trước kia các đề tài của tuồng pho thường trích trong sử sách của Trung Hoa như *Đông Châu Liệt Quốc*, *Tam Quốc Diễn Nghĩa*... để soạn tuồng *Sơn Hậu*, *Ngũ Hồ Bình Tây*, *Mạnh Lệ Quân*, *Chung Vô Diệm*... Gần đây, tuồng pho thường nhắm vào lịch sử Việt Nam như tuồng *Trung Nữ vương*, *Ngô Quyền*, *Hưng Đạo Chông Nguyên*, *Trần Bình Trọng*, *Lam Sơn*, *Tượng Kỳ Thi Xa*... Tuồng pho thường dài, chia làm nhiều hồi, mỗi hồi diễn một đêm; đôi khi cũng có những tuồng ngắn, vừa đủ diễn trong một đêm như tuồng *Hộ Sanh Đàn*, *Trầm Hương Các*, *Tân Dã Đồn*...

2 - Tuồng đồ:

Cốt truyện do tác giả đặt ra như tuồng *Mượn Áo Mất Vợ*, *Nghiêu Sò Ốc Hén*...; hay dựa vào một truyện cổ như tuồng *Lưu Bình - Dương Lễ*, tuồng *Lục Vân Tiên*... Về nội dung, đề tài của tuồng đồ phản ánh hiện thực đời sống của quần chúng, thường đã kích những thói hư tật xấu của xã hội, vạch mặt hạng người bất lương, châm biếm bọn tham quan ô lại hiếp đáp dân lành, ca tụng những bậc hiền nhân quân tử, đề cao tâm lòng trung hiếu tình nghĩa. Kết cấu theo quy luật người ngay mắc nạn, kẻ gian vui cười, nhưng kết thúc bao giờ cũng có hậu, đem lại sự hài lòng cho người xem. Về kịch bản, tuồng đồ ngắn chỉ diễn trong một đêm, văn chương ít dùng chữ Hán

và điển tích, tránh ý tưởng cao siêu; trái lại vận dụng tối đa ca dao tục ngữ, câu văn nhẹ nhàng dễ hiểu và xen vào lời nói của hề chọc cười, tuy không hài quá nhiều như trong hát chèo nhưng cũng đủ để cho màn tuồng đầy sinh động.

3 - Tuồng ngự: là loại tuồng dành cho vua xem và có ba nguồn gốc.

- Thứ nhất, nguyên là tuồng pho hay tuồng đồ đặc sắc, được tuyển chọn và chỉnh đốn lần chót, rồi đem diễn cho vua xem.

- Thứ hai, tuồng soạn dành cho vua và triều đình thường thức như *Vạn Bửu Trình Tường* (108 hồi), *Quần Trân Hiến Thụy* (3 hồi), *Tứ Quốc Lai Vương* (3 hồi)... Loại tuồng này quá dài, diễn nhiều đêm, lại nhiều nhân vật, cần đội ngũ đào kép đông đảo, ngoài dân gian không đủ phí tổn để thực hiện.



H 7: Duyệt Thị Đường trong Cung đình Huế.
Ảnh từ Vi.wikipedia

- Thứ ba, loại tuồng soạn riêng để chúc thọ cho vua như tuồng *Quần Tiên Hiến Thọ*, chỉ hát cho vua xem, lời lẽ toàn chữ Hán, nhưng vẫn mang phong cách Việt Nam qua các điệu hát Nam, hát Khách, Bạch, Xương, Tán, Ngâm...

Trong lịch sử hát bội, tuồng ngự dài nhất là *Vạn Bửu Trình Tường*, diễn 108 đêm mới hết.

Các vua nhà Nguyễn rất thích xem hát bội, năm Minh Mạng (明 命) thứ 7 (1826) cho lập một nhà hát ngay trong cung đình, nằm bên trong Tử Cấm Thành, gọi là Duyệt Thị Đường. Các tuồng ngự được đội ngũ nghệ sĩ luyện tập thành thạo, sẵn sàng trình diễn cho vua và hoàng gia cùng các quan đại thần, hoặc quốc khách thưởng lãm.

VIII - KỊCH TÁC GIA VÀ VĂN BẢN TUỒNG

Tuồng hát bội thịnh hành trong thế kỷ 19 và tiền bán thế kỷ 20. Cao điểm nhất là thời các triều vua Tự Đức (嗣 德), Đồng Khánh (同 慶), Thành Thái (成 泰), từ năm 1848 đến 1907. Số người soạn tuồng và số lượng tuồng rất nhiều nhưng chưa tìm đủ tài liệu để liệt kê danh sách và tổng kết được. Trong phạm vi bài này chỉ có thể nêu vài kịch tác gia và một số tuồng tiêu biểu:

A - Ở Miền Bắc:

01/ Từ Diễm Đồng (1866- 1918), hiệu là Long Tài; người làng Hạ Hồi, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thành phố Hà Nội. Năm 1906, ông đỗ Tú tài Hán học, mở trường dạy học và bốc thuốc. Tác phẩm ông hiện còn 10 bài thơ Nôm và tuồng hát *Nguyễn Trãi*.

02/ Nguyễn Hữu Tiến (1874- 1941), bút hiệu Đông Châu; quê quán làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thành phố Hà Nội. Vốn thông Nho học, ông là cộng tác viên đầu tiên và kỳ cựu của tạp chí *Nam Phong*. Ngoài các tác phẩm dịch thuật và nghiên cứu văn học, ông có soạn tuồng hát bội *Đông A Song Phụng* (1916).

03/ Hoàng Tăng Bí (1883- 1939), tự Nguyên Phu, hiệu Tiểu Mai; người xã Đông Ngạc, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội). Năm 1906, ông đỗ Á nguyên, năm 1910 đỗ Phó bảng. Ông là chí sĩ, danh sĩ cận đại, có soạn ba tuồng hát bội: *Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký* (Hà Nội, Mạc Đình Tư xuất bản, 1913); *Nghĩa Nặng Tình Sầu* tức tuồng Trọng Thủy Mị Châu (Hà Nội, nhà in Nghiêm Hàm, 1926); *Thù Chồng Nợ Nước* tuồng Trưng Trắc Trưng Nhị (Hà Nội, Tân Dân xuất bản, 1927).

04/ Tản Đà (1888- 1939), tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng, huyện Bất

Bạc, tỉnh Sơn Tây, nay là huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Ông sống bằng nghề viết văn, đã làm chủ bút các báo *Hữu Thanh*, *An Nam Tạp Chí*. Ngoài các thi tập, tiểu thuyết, luận thuyết, giáo khoa, dịch sách; ông còn soạn 2 bản tuồng: *Tây Thi* và *Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai*.

B - Ở Miền Trung:

05/ Diên Khánh Vương (1798- 1854, con trai thứ 7 của vua Gia Long) với tuồng *Vạn Bửu Trình Tường* (toàn pho 108 hồi, mỗi hồi diễn một đêm) soạn 40 hồi đầu và viết lại tuồng *Lý Phụng Đình*.

06/ Đào Tấn (1845- 1907), tự Chỉ Thúc, hiệu Mộng Mai và Tô Giang, biệt hiệu Tiểu Linh Phong và Mai Tăng. Quê quán thôn Vĩnh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão (1868), làm quan trải ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái; hai lần Thừa Thiên phủ doãn, hai lần Tổng đốc An Tĩnh, hai lần Thượng thư bộ Công sung Cơ Mật Viện Đại Thần, tước Vinh Quang Tử.

Ông thuộc nhóm cảm tình Cần Vương, làm thơ *Úc Phan San*, *Khốc Phan Đình Nguyên*, viết câu đối điều Mai xuân Thường, Phan Đình Phùng và Đề Niệm. Ngoài thơ, văn, từ, câu đối, ông còn sáng tác hay nhuận sắc khoảng 40 tuồng hát bội: *Tân Dã Đồn* (1863); *Đặng Khấu, Bình Định* và *Tam Bảo Thái Giám Thủ Bửu* (1872); *Tứ Quốc Lai Vương* và *Quần Trân Hiến Thụy* (1878), *Vạn Bửu Trình Tường* (nguyên Diên Khánh Vương soạn 40 hồi đầu, Đào Tấn cùng với Ngô Quý Đồng và Võ Đình Phương soạn tiếp 68 hồi chót, xong năm 1878), *Diễn Võ Đình* (1889); *Cổ Thành, Trầm Hương Các, Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan* và *Hộ Sanh Đàn* (1898- 1902); nhuận sắc các tuồng *Sơn Hậu, Khuê Các Anh Hùng* (tên cũ *Tam Nữ Đồ Vương*), *Đào Phi Phụng* (tên cũ *Nguyệt Tâm - Phi Phụng*), *Ngũ Hồ Bình Tây, Lã Bố Hý Điều Thuyền, Học Lâm*.

07/ Đặng Văn Thám, người làng Lương Bình, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; đỗ Tú tài khoa Quý Mão (1903) nên thường gọi là Tú Thám. Theo Đào Tấn, tuồng của Nguyễn Bá Huân và Nguyễn Trọng Tri nghiêng về cương, còn tuồng của Đặng Văn Thám lại nghiêng về nhu [7]. Và ông là một trong những người soạn tuồng nổi tiếng của Bình Định. Rất tiếc, tuồng của ông bị thất lạc,

nay chỉ còn vở *Du Long Hí Phụng* và *Phụng Nghi Đình*, nhiều câu độc đáo khó hát, phải kén chọn đào kép, nhưng hễ hát được thì hay vô cùng. Chẳng hạn câu Vương Doãn bảo Điêu Thuyền, dùng mỹ nhân kể gợi tình Đồng Trác (*Phụng Nghi Đình*):

*Lấy má đào mà lẳng lú trước gió tình,
Dấu mặt sắt cũng uốn mềm trong lửa dục.*

08/ Hàm Thuận tức Nguyễn Phúc Miên Thủ (1819- 1859), con thứ 9 của vua Minh Mạng, soạn *Bình Hoài Truyện*.

09/ Hoàng Cao Khải (1850- 1933), tên cũ Hoàng Văn Khải, hiệu Thái Xuyên; người làng Đông Thái, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1868, đỗ Cử nhân, sơ bổ Huân đạo huyện Thọ Xương. Ông cộng tác đắc lực với chính quyền Bảo hộ, làm quan đến chức Khâm sai Kinh lược Bắc Kỳ, về triều lần lượt lãnh chức Thượng thư bộ Binh, Phụ chánh Đại thần, Thái tử Thái phó, Văn minh điện Đại học sĩ, tước Duyệt Mậu Quận Công. Ông có tài văn học, ngoài việc trừ tác, còn soạn tuồng *Tây Nam Đắc Bằng*, *Trung Hiếu Thần Tiên*, *Tượng Kỳ Thí Xa* (Cờ tướng thí xe, diễn truyện Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tử tiết tại thành Bình Định).

10/ Hoàng Châu Kỳ (1921- ?) người làng Kim Bảng, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Ông soạn các tuồng: *Đường Về Vụ Quang*, *Cao Doãn*, *Ngọn Lửa Hồng Sơn* (cùng Tống Phước Hồ cải biên, rút tuồng *Tam Nữ Đồ Vương* 3 hồi còn 1 hồi), *Chân Dung Nguyễn Huệ*.

11/ Nghè Lễ Cẩm Lậu ở huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Võ Như Luông*, *Võ Nguyên Luông*.

12/ Ngô Quý Đồng (1851- ?), tiểu tự Âu Chuyên, hiệu Nại Am; người làng Lang Xá, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Ông đỗ Cử nhân năm 1867, sung chức Nội các, làm quan đến chức Bố chánh Quảng Bình và chết ở quân thứ Sơn Tây. Theo Đào Tấn, ông Ngô Quý Đồng có soạn tuồng *Chung Vô Diễm* [8] và soạn một số hồi trong 108 hồi của pho tuồng *Vạn Bửu Trình Tường* [9].

13/ Nguyễn Bá Huân (1853- 1915), danh sĩ cận đại, tự là Ôn Thanh, hiệu Mộ Chân Sơn Nhân, sau có thêm hiệu Ái Cúc Ân Sĩ. Quê quán ông ở thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông nổi tiếng hay chữ, nhưng gặp thời nhiều nhương, sống ẩn dật và

tham gia Phong trào Cần Vương của tỉnh nhà. Những năm Đào Tấn về hưu (1904- 1907) ông cùng em là Nguyễn Trọng Tri thường lui tới để đàm đạo văn chương. Ngoài những tác phẩm viết về Tây Sơn, ông còn soạn tuồng *Tây Sơn Tiếm Long Lục*, đưa cho Đào Tấn xem và góp ý [10].

14/ Nguyễn Bá Nghi (1807- 1870) danh sĩ đời Minh Mạng, hiệu Sư Phần Tử; người làng Thi Phổ, xã Lạc Phổ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1831, ông đỗ Cử nhân, năm sau đậu Phó bảng, làm quan đến chức Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, Hiệp biện Đại học sĩ. Ngoài các tác phẩm về văn học, ông có soạn tuồng *Quần Tiên Hiến Thọ*.

15/ Nguyễn Diêu (1822- 1880), hiệu là Quỳnh Phủ; người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Tú tài khoa Tân Dậu (1861), mở trường dạy học. Đào Tấn là học trò của cụ Tú Nhơn Ân về học chữ và học nghề. *Tân Dã Đồn* là tuồng hát đầu tay của Đào Tấn soạn lúc 19 tuổi, đang thọ giáo ở nhà cụ Tú. Ngoài thơ văn, Nguyễn Diêu còn là nhà soạn tuồng nổi tiếng, có tác phẩm *Hí Khúc Tạp Ký* (nghiên cứu nghệ thuật hát bội) và các tuồng hát: *Liễu Đổ* (tuồng đổ), *Ngũ Hồ Bình Tây*, *Văn Vệ Quốc*, *Võ Tam Tư Trảm Nguyệt Cô* (còn gọi là *Tiết Giao Đoạt Ngọc*). Theo Quách Tấn, ông còn soạn tuồng *Nhất Tiến Song Điều* (tức tuồng *Trảm Trịnh Ân*). Đào Tấn dâng bản tuồng *Ngũ Hồ Bình Tây* lên vua Tự Đức ngự lãm. "Nhà vua khen là điệu từ và muốn đặc cách cho cụ Tú được đi thi Hội. Nhưng lúc bấy giờ cụ đã già yếu không hưởng được quân ân." [11]

16/ Nguyễn Dương Hương (tức Âm Hồ), người làng Bất Nhi, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông soạn tuồng *Công Rùa Cua Rồng*, *Cóc Sáo Cáo Sóc*, *Mạnh Lệ Quân*, *Ngũ Hồ Bình Nam*, *Ngũ Thử Loạn Triều*.

17/ Nguyễn Dũng Hiệp soạn tuồng *Thạch Sanh*.

18/ Nguyễn Hiến Dĩnh (1853- 1926), biểu tự Tô Tân; người làng An Quán, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; đỗ Tú Tài, làm quan tới chức Tuần phủ Quảng Trị và Thị lang bộ Lễ. Ông say mê hát bội, là một đạo diễn nổi tiếng, đã sáng tác, nhuận sắc hoặc phóng tác hơn 20 tuồng: *Bạch Kỳ Châu*, *Đường Võ Hậu*, *Long Châu- Lý Ân*, *Lục Vân Tiên*, *Lưỡng Quốc Trá Hôn*, *Lý Mã Hiền*, *Nhạc Phi Phá Lỗ*, *Nữ Vương Xá Môn*, *Phong Ba Đình*, *Sơn Hồ Ngạc*, *Tam Hoàng Tử*, *Tam Nữ Đồ Vương* (hồi 3

và nhuận sắc hồi 1), *Tiết Nhân Quý Ra Đời, Triệu Đình Vân, Triệu Khuông Dẫn Cưỡi Ngựa Đất, Trương Đồ Nhục, Tứ Quốc Lai Vương* (hồi 3 và 4), *Viên Long Viên Hồ, Võ Hùng Hưng* (còn gọi là *Ngoại Tổ Dâng Đầu*).

19/ Nguyễn Hiền Thạc, thường gọi là Nghè Thạc, con Nguyễn Hiền Đình, soạn tuồng *Phật Tổ Giáng Sinh, Mượn Áo Mất Vợ*.

20/ Nguyễn Kim Hùng (1931- 1983) quê quán ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, soạn tuồng *Trần Bình Trọng* (1962), *Ngọn Tiểu Kỳ* (Trần Quốc Toàn), *Đồ Độc Bùi Thị Xuân*.

21/ Nguyễn Phúc Ưng Bình (1877- 1961) hiệu Thúc Gia Thi, hay Thúc Gia; người làng Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên. Ông là con của Hiệp tá Nguyễn Phúc Hồng Thiết, cháu nội của Nguyễn Phúc Miên Trinh tức thi hào Tuy Lý Vương. Ưng Bình đỗ Cử nhân Hán học năm 1909, làm quan đến chức Bố chánh Hà Tĩnh. Năm 1933, về hưu được thăng hàm Thượng thư, Hiệp tá Đại học sĩ. Ngoài số lượng thơ đồ sộ, ông còn soạn tuồng hát bội *Lộ Dịch* (1936) và tuồng *Tào Lao* (1937) là vở tuồng hài dựa theo 21 truyện cổ Việt Nam.

22/ Nguyễn Trọng Trì (1854- 1922), danh sĩ cận đại, là con của Tú tài Nguyễn Khuê và là em của Nguyễn Bá Huân, quê quán ở thôn Vân Sơn. Năm 1876, ông đỗ Cử nhân hạng ưu tại trường thi Bình Định, sơ bổ chức Tư vụ tại triều. Vua Tự Đức mất, triều đình Huế ký Hòa ước năm Quý Mùi (1883), chịu nhận Pháp bảo hộ, ông bỏ quan về quê. Năm 1885, Kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, ông gia nhập Phong trào Cần Vương tỉnh Bình Định của Nguyễn soái Mai Xuân Thưởng, lãnh chức Hiệp trấn thứ Hương Sơn. Sau, phong trào tan rã, ông lánh nạn một thời gian, rồi về quê sống đời ẩn dật. Ngoài những tác phẩm viết về Tây Sơn, ông có soạn hai tuồng hát bội *Phụng Hoàng Anh* và *Lý Phụng Đình*.

23/ Phạm Hoàng Chinh (1926- 1989) người xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã soạn lại các tuồng: *Giai Nhân Trong Thời Loạn, Tam Hùng Kiệt, Tiêu Anh Phụng*; và nhuận sắc các tuồng: *Chàng Cốc, Huê Dung Lộ, Phạm Công Cúc Hoa, Phụng Kỳ Soán Đế, Tam Chiến Lữ Bố, Xử Án Bàng Quý Phi*.

24/ Phạm Phú Thuận (cháu nội danh sĩ Phạm Phú Thứ), người làng Điện Phong, huyện

Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Phan Đình Phùng, Ngũ Viên Báo Sở*.

25/ Phan Bội Châu (1867- 1940), chí sĩ danh sĩ, tên cũ Phan Văn San, hiệu Sào Nam, các biệt hiệu khác: Hải Thu, Thị Hán, Độc Tính Tử, Hân Mạn Tử. Quê quán thôn Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1900 đỗ Giải nguyên, năm 1904 thành lập hội Duy Tân, năm sau cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Hoa rồi Nhật Bản gây dựng Phong trào Đông Du. Năm 1908, bị trục xuất khỏi Nhật, ông trở lại Tàu rồi sang Thái Lan lo cho việc phục quốc. Năm 1911, ông thành lập hội Việt Nam Quang Phục, đến năm 1922 cải tổ thành đảng Việt Nam Quốc Dân. Năm 1926, ông bị mật vụ Pháp bắt cóc tại Thượng Hải, đưa về Việt Nam, kết án khổ sai chung thân. Cả nước dậy lên phong trào đòi ân xá, Toàn quyền Varenne phải thuận theo nhưng buộc an trí ở Bến Ngự (Huế) cho đến mãn đời. Về sự nghiệp văn học, ông có trên 30 tác phẩm, ngoài ra còn soạn tuồng *Trung Nữ Vương*.

26/ Phan Châu Trinh (1872- 1926), chí sĩ danh sĩ, tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã; người thôn Tây Hồ (trước là Tây Lộc), xã Tam Lộc, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Năm 1900 ông đỗ Cử nhân, năm sau đậu Phó bảng được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Năm 1905, từ quan, dẫn thân vào con đường tranh đấu độc lập bất bạo động. Ông vào Nam rồi ra Bắc tìm đồng chí, lập Đông Kinh Nghĩa Thục, thăm căn cứ Đề Thám. Năm 1906, ông bí mật đi Nhật hội kiến Phan Bội Châu. Năm 1908, ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kết án đày Côn Đảo. Năm 1911, hội Nhân Quyền ở Pháp can thiệp, ông được phóng thích nhưng vẫn bị quản thúc tại Mỹ Tho, rồi sang Pháp. Năm 1914, ông bị bắt giam 9 tháng ở ngục La Santé. Năm 1925, về nước, ngụ tại Sài Gòn, trong thời gian này ông diễn thuyết hai lần và năm sau thì mất. Về sự nghiệp văn học, ông biên soạn trên 10 tác phẩm có giá trị, ngoài ra lúc ở Côn Đảo, ông cùng với Huỳnh Thúc Kháng và Phan Thúc Duyện soạn tuồng *Trung Nữ Vương Bình Ngũ Lĩnh* (1910).

27/ Phan Xuân Chỉ người Hội An tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Tào Tháo Đâm Trần Thị* (thất thủ Uyển Thành), *Tào Tháo Sát Đồng Phi, Dự Nhượng Đả Long Bào, Chiêu Quân Cống Hồ, Mạnh Lê Quân, Nga Mao Oán*.

28/ Phan Xuân Thân (thân phụ của Phan Xuân Chỉ), đỗ Tú tài, soạn tuồng *Phụng Nghi Đình*, *Trăm Trinh Ân*.



H 8: Kép Tả Giang nhập vai Lã Bố (Phụng Nghi Đình), diễn năm 1960, tại Sài Gòn. Ảnh từ Vi.wikipedia

29/ Tống Phước Phổ (1902- 1991) người xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; nguyên làm thư ký Sở Đặc điền Hội An. Ông soạn 41 tuồng hát bội, những vở tiêu biểu, từ năm 1920- 1930: *Anh Hùng Náo Tam Môn Nhại*, *Chung Vô Diệm*, *Lâm Sanh Xuân Nương*, *Lưu Kim Đính*, *Manh Lệ Quân*, *Nhút Khí Châu Du*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Tào Tháo Sát Đồng Hưu*, *Tổng Từ Vân*, *Trạng Cóc*, *Tru Thê Sát Tử*, *Tứ Hung Phạm Trường An*, *Vạn Hoa Lâu*; từ 1931- 1945: *Ai Lên Phở Cát*, *Cờ Trắng Rừng Xanh*, *Đã Không Duyên Kiếp*, *Gươm Tình Đắm Máu*, *Hoàng Quốc Ấn*, *Khúc Đường Quan*, *Hững Hờ*, *Khởi Hận Gươm Tình*, *Lòng Già Yêu Nước*, *Mỗi Tơ Vương*, *Nước Mắt Mài Gươm*, *Quạt Mồ Tháo Nêm*, *Thanh Xà Bạch Xà*, *Tiếng Phật Gọi Hồn*, *Tội Của Ai*, *Trưng Nữ Vương*, *Vì Nghĩa Quên Minh*; từ 1946- 1963: *Đường Lên Yên Thế*, *Công Chúa An Tư*, *Hồng Môn Hội Ấm*, *Hưng Đạo Chống Nguyên*, *Lam Sơn Khởi Nghĩa*, *Ngon Lửa Hồng Sơn* (cải biên với *Hoàng Châu Ký*), *Ngô Quyền*, *Tây Sơn Đánh Nguyễn*, *Tây Sơn Tự Nghĩa*, *Thủy Chiến Rạch Gầm*, *Lý Thường Kiệt*.

30/ Trương Nguyên người làng Long Hội, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Lưu Bình - Dương Lễ*.

31/ Võ Đình Phương người làng Tân Thạnh, huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định; đỗ Cử nhân năm 1868, có soạn một phần tuồng *Vạn Bửu Trình Tường*.

32/ Võ Sĩ Thừa (1929- 2005), quê quán ở Bình Định, soạn tuồng *Tình Và Tội*, soạn lại tuồng *Manh Lệ Quân*, chuyển thể tuồng *Tiết Giao Trữ Ngọc* (tác giả Văn Trọng Hùng).

C - Ở Miền Nam:

33/ Bùi Hữu Nghĩa (1807- 1872), tự Nghi Chi, hiệu Liễu Lâm chủ nhân, quê ở làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ. Năm 1835, ông đỗ Giải nguyên trường thi Gia Định lúc 28 tuổi, nên người đời thường gọi Thủ Khoa Nghĩa. Là một danh sĩ, ngoài các bài thơ và văn tế, ông còn để lại tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, nổi tiếng về văn chương và nghệ thuật.

34/ Đặng Lễ Nghi, theo Nguyễn Q. Thắng [12]: Đặng Lễ Nghi không phải một người mà tên gọi chung bao gồm ông chủ nhà xuất bản và một số tác giả như: Đặng Lễ Nghi, Đinh Thái Sơn biệt hiệu Phát Toán, Lê Văn Thịnh biệt hiệu Lê Phước Thành; họ đã phóng tác hoặc phiên âm Hán Nôm ra Quốc ngữ trên 50 tác phẩm, trong đó có các tuồng *San Hậu* (1908), *Tiên Bửu Thơ Tuồng* (1908), *Kim Long Xích Phụng* (1913), *Lục Văn Long* (1928), *Đinh Lưu Tú* (1929), *Tam Quốc* (1929).

35/ Hồ Biểu Chánh (1884- 1958), tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên; ở làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, nay thuộc Tiền Giang. Xuất thân từ Ký lục, thăng dần đến Đốc phủ sứ. Ông sáng tác hơn 100 quyển sách, gồm nhiều thể loại: 64 tiểu thuyết, 8 đoản thiên, 3 truyện ngắn, 23 biên khảo, 6 hồi ký, 3 tùy bút và phê bình, 3 tập thơ, 2 dịch thuật, 3 hài kịch, 3 cải lương, 4 tuồng hát bội là *Thanh Lệ Kỳ Duyên* (1926- 1941), *Công Chúa Kén Chồng* (1945), *Xà Sanh Thủ Nghĩa* (1945), *Trương Công Định Quy Thân* (1945).

36/ Nguyễn Bá Thời và Hoàng Minh Tự đồng soạn lại tuồng *Sơn Hậu*.

37/ Nguyễn Đình Chiêm (1869- 1935), tự Trọng Vĩnh, hiệu Sơn Đầu; người làng Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông là con thứ bảy của Nguyễn Đình Chiểu và là em của nữ sĩ Sương Nguyệt Ánh. Ngoài việc sáng tác và

dịch thơ, ông còn soạn hai tuồng hát bội có giá trị văn chương: *Phong Ba Đình* và *Phấn Trang Lầu*.

38/ Trương Minh Ký, còn có tên là Trương Minh Ngôn (1855- 1900), tự Thế Tài, hiệu Mai Nham; quán làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, nay thuộc quận V (Sài Gòn). Ông là một nhà giáo, nhà nghiên cứu đã để lại 25 tác phẩm, trong đó có ba tuồng hát: tuồng *Joseph* (1887), *Phong Thần - Bá Ấp Khảo Dạy Đờn* (1896) và *Kim Vân Kiều* (1896).

D - Tác gia và tuồng hát chưa xác định rõ:

Còn nhiều nhà soạn tuồng khác chưa khảo hết được như Cao Hoài Đức (?) với tuồng *Đào Tam Xuân Loạn Trào*; Hồ Quý Thiều người làng An Truyền, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, làm quan đến chức Bố chánh; Kinh Chỉ có tuồng *Tô Võ Chấn Đế*; Trần Hàn người huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Võ Duy Tịnh người Quảng Ngãi, làm quan đến chức Tham tri.

Lại có nhiều tuồng còn lưu hành nhưng không biết tác giả là ai như tuồng *An Trào Kiếm*, *Bao Công Tra Án Quách Què*, *Đường Chinh Tây*, *Giang Tả Cầu Hôn*, *Huê Dung Lộ*, *Lê Lợi*, *Mạnh Lương Bắt Ngựa*, *Nguyệt Tâm Phi Phụng*, *Phụng Kỳ Soán Đế*, *Sơn Hậu* (nguyên tác), *Tam Chiến Lữ Bố*, *Tam Hùng Kiệt*, *Tam Khí Chu Du*, *Thạch Sanh - Lý Thông*, *Tiết Đinh San Chinh Tây*, *Tiết Giao Đoạt Ngọc Nguyệt Cô*, *Tổng Nhạc Phi*, *Tổng Từ Đơn Hùng Tín*, *Triệt Giang*, *Xử Án Bàng Quý Phi*.

Ngoài ra còn có bảy tuồng hát không còn lưu hành, ngờ là của Đào Tấn, cần có thêm tài liệu mới xác định được, đó là tuồng *Bát Chùy Đại Náo Châu Tiên Trần*, *Liễu Hạng Hoa Cù*, *Ngu Doãn Văn Đại Phá Kim Bình*, *Phong Ba đình*, *Quỳnh Lâu Diễm Mộng*, *Tổng Sử*, *Trình Trung Báo Quốc*.

Riêng số lượng tuồng trong thế kỷ 19, tạm thời có thể biết được qua lời của Nguyễn Bá Huân chép trong *Mộ Chân Sơn Nhân Thi Văn Từ Tập*: "Những năm gần đây, em tôi (Nguyễn Trọng Tri) sưu tầm được hơn một trăm hai mươi vở tuồng gộp thành một tập mời ông Đào (Đào Tấn) đọc. Ba tháng sau ông nói với hai anh em tôi rằng: 'Công lao của ông Văn Sơn rất to lớn. Đã sưu tầm được số lượng tuồng từ cuối đời Tây Sơn trở lại đây (1792-1907) nhiều đến thế, làm cho những người thích xem tuồng ở châu ta

(tỉnh Bình Định) có được cái di sản hết sức phong phú. Trong tập này có nhiều vở rất hay, thơ từ uyển chuyển, đẹp đẽ, tình tiết trong sáng, mới mẻ, khiến tôi đọc không chán vậy. Nhân lúc rảnh, tôi tạm chia thành mấy loại, các vở như *Hỏa Ngưu Trận*, *Tín Lãng Quân*, *Huyền Vũ Môn*, *Hồng Môn Yến*, *Cửu Lý Sơn* đều là những vở viết về sử; các vở như *Phấn Trang Lầu* (Phấn Trang Lầu), *Vạn Hoa Lầu*, *Mộc Dương Thành*, *Vu Thiều Bảo*, *Bát Bảo Trận*, *Đặng Thành Long* là loại tuồng tiểu thuyết; các vở *Mộc Hoa Lê*, *Song Phụng Kỳ Tình*, *Quỳnh Lâu Mộng*, *Tô Mộng Lan* là loại tuồng tài tử giai nhân. Trừ ba loại này ra, có nhiều vở do hư cấu mà thành, như các tuồng: *Tam Đảo Bàn Long Tự* (Ba lần đánh chùa Bàn Long), *Tiểu Trung Hữu Dao* (Trong tiếng cười có lưỡi dao), *Mỹ Nhân Nhất Tiểu* (Người đẹp một lần cười), *Đại Giang Đông Khứ* (Sông rộng chảy về Đông), *Thôi Song Vọng Nguyệt* (Đẩy cửa sổ nhìn trăng)." [13]

H 9: Đào kép đang tự hóa trang ở hậu trường. Ảnh tài liệu xưa.



- Tuồng "*Trảm Trịnh Ân*" có đến 3 kịch bản: Một, do Nguyễn Diêu (Bình Định) viết, đặt tên là "*Nhất Tiến Song Diêu*" (theo Quách Tấn); một kịch bản khác có tên "*Tổng Thái Tổ Túc Sát Trịnh Ân*" còn gọi là "*Đào Tam Xuân*" của Phan Xuân Thiện (Quảng Nam); một bản nữa lấy nhan đề "*Tổng Thái Tổ Trảm Trịnh Ân*" của soạn giả Miền Nam.

Đ - Tuồng hát có nhiều kịch bản của nhiều tác giả:

Các tuồng hát bội "*Lý Phụng Đình*", "*Phong Ba Đình*", "*Phụng Nghi Đình*", "*Trảm Trịnh Ân*" đều

có hai hay ba bản khác nhau, do các tác giả viết riêng rẽ.

- Tuồng "Lý Phụng Đình" của Văn Sơn Nguyễn Trọng Trì (Bình Định), còn một bản nữa Khuyết danh.

- Tuồng "Phụng Nghi Đình" ngoài bản nổi tiếng của Đặng Văn Thám (Bình Định) viết, còn một bản nữa do Phan Xuân Thận (Quảng Nam) soạn. Có người lại cho rằng của một danh sĩ trong Nam.

- Tuồng "Phong Ba Đình" tương truyền là của Đào Tấn (Bình Định), một bản khác do Nguyễn Đình Chiêm (Bến Tre) soạn, còn bản nữa của Nguyễn Hiền Dính (Quảng Nam) không rõ sáng tác hay phóng tác hoặc nhuận sắc.

IX - VAI TRÒ CỦA HÁT BỘI XƯA VÀ NAY

Ưu thế của hát bội là khán giả có thể xem nhiều lần một vở tuồng mà không chán, thậm chí có người còn thuộc lòng cả lời tuồng. Thế nhưng, mỗi lần diễn, người xem vẫn thấy mới vì họ luôn luôn khám phá những cái hay cái tuyệt kỹ múa bộ của diễn viên, thể hiện qua ca dao:

Bầu Đông đóng Lý Phụng Đình

Dẫu chồng có đánh thì mình cũng đi.

Đó là chuyện ngày trước, sang thời Việt Nam Cộng Hòa, lại xuất hiện hai nghệ sĩ nổi tiếng là Cửu Vị và Phạm Hoàng Chinh, cũng có câu ca:

Cửu Vị đóng Lý Phụng Đình

Dù chồng có đánh thì mình cũng đi.

Nói ra thì chuyện cũng kỳ

Hoàng Chinh đóng kếp mình thì mê ngay.

Một lợi điểm nữa, tiếng trống của hát bội dồn dập vang xa như thúc giục, như mời gọi, làm náo nức lòng người. Bởi thế, bộ môn này có sức thu hút người xem, ca dao cũng đã chứng minh:

Tai nghe trống chiến

Không khiên cũng đi

Nghe tiếng trống châu,

Đâm đầu mà chạy.

Hát bội còn là phương tiện tải đạo tốt nhất, môi trường giáo hóa hữu hiệu nhất, đi vào lòng người bằng nhân, lễ, nghĩa, trí, tin. Kết thúc tuồng bao giờ cũng có hậu, quần chúng xem tuồng vừa giải trí, vừa là bài đức dục thực tiễn thấm nhuần đạo lý.

Lại nữa, dù hát bội với chủ trương tượng trưng và ước lệ, quy luật gò bó, văn chương bác

học, nặng nề điển tích và chữ Nho, đòi hỏi khán giả phải có trình độ về nghệ thuật và Nho học mới hiểu hết ý nghĩa của lời tuồng. Tuy nhiên, bộ môn này vẫn phổ biến, được lớp bình dân ưa thích, vì hát bội còn có thứ ngôn ngữ riêng qua từng động tác của nhân vật, khiến người xem có thể lãnh hội và thưởng thức được.



H 10: Đào kép diễn xuất, tuồng Tiết Giao Doạt Ngọc, ảnh từ Google.

Nhưng rồi, một biến cố lớn đến với hát bội, năm 1911 tài tử Nguyễn Tổng Triều có sáng kiến đưa dàn nhạc cổ điển lên sân khấu tại Mỹ Tho, đến năm 1915, ông Tổng Hữu Định tại sân khấu ở Vĩnh Long đã cho trình diễn bài *Tứ Đại Oán*; bộ môn cải lương ra đời và phát triển mạnh ở Nam Kỳ. Hát bội không còn thể độc tôn, đành chịu phân chia lãnh thổ để cùng nhau tồn tại: Miền Bắc là vương quốc của Hát chèo, Miền Trung vẫn còn giang sơn của Hát bội và Miền Nam nơi lập quốc của Cải lương với nhiều hứa hẹn.

Trong khuôn khổ của đề tài, bài này chỉ là khung sườn của hát bội, xin xem tiếp ở chương khác với loạt bài *Giọng Điều Chính, Giọng Điều Phụ Trong Văn Học Tuồng*.

San Jose, ngày 12- 03- 2005

Bổ chính lần 4: 20- 01- 2010

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Đào Tấn; *Hí Trường Tuy Bút*, Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa (Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981); sđd trang 112 và 109: "*Ngã quốc chi hí khúc, tại Đình, Lê, Lý tam triều dĩ kiến ngân tích. Nhập Trần tắc thủy cụ quy mô. Sở vị hí khúc, nhất định hội hữu tam trọng điểm*."

ca, vũ, diễn sự cổ." (Tuồng ở nước ta, từ ba triều Đinh, Lê, Lý đã có dấu vết, đến đời Trần mới có đủ quy mô. Gọi là tuồng, nhất định gồm ba điểm quan trọng: Ca, múa, diễn câu chuyện.)

[2,3] Quốc Sử Viện Triều Lê; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, quyển I và III, kỷ Tiền Lê và Lý; bản dịch của Ngô Đức Thọ, tập 1 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993); trang 223 và 292.

[4] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển X; tổ biên dịch Hoa Bằng, tập 1 (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1998); trang 636.

[5] Đào Tấn; *Hí Trường Tuy Bút*, Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa (Qui Nhơn, Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981); trang 8.

[6] Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề; *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo* (Sài Gòn, Văn Khoa, 1962); trang 195- 196.

[7] Đào Tấn; cùng tác phẩm; trang 94 và 93: "Công (Nguyễn Bá Huân) dữ lệnh đệ chi hí khúc đa thiên ư cương giả dã. Chí ư Đặng quân Văn Thám chi giai tác đa thiên ư nhu giả dã." (Ông và lệnh đệ {em của ông} soạn tuồng phần nhiều nghiêng về cương. Còn như những tác phẩm hay của ông Đặng Văn Thám phần nhiều lại nghiêng về nhu.)

[8] Cùng tác phẩm; trang 40 và 39: "Cận nhật, Ngô công Quý Đồng tân soạn 'Chung Vô Diệm' nhất khúc, kỳ chủ dốc tài năng quán triệt trung nghĩa siêu nhân, đản công diễn chi thời, quan giả khán Chung thị chi diện nhi phản cảm chi." (Gần đây ông Ngô Quý Đồng mới soạn tuồng Chung Vô Diệm, nhân vật chính tài năng tuyệt vời, trung nghĩa hơn người nhưng lúc công diễn, người xem thấy nét mặt họ Chung thì sinh phản cảm.)

[9] Sách đã dẫn; trang 48 và 47: "Van Bửu Trình Tường hữu nhất bách linh bát quyển, mỗi quyển phân vi nhị hồi, công nhị bách thập lục hồi. Ngô công Quý Đồng soạn nhị thập bát quyển. Võ công Đình Phương soạn tam thập lục quyển. Kỳ dư thị ngô chi chuyết tác dã." (Van Bửu Trình Tường có một trăm lẻ tám quyển. Mỗi quyển chia làm hai hồi. Còn lại 216. Ông Ngô Quý Đồng soạn 28 quyển. Ông Võ Đình Phương soạn 36 quyển. Còn lại là tác phẩm vụng về của tôi.)

[10] Sách đã dẫn; trang 93 và 92: "Khứ niên, dư soạn 'Tây Sơn Tiềm Long Lục' tất, thỉnh

Đào công độc chi nhi tứ kỳ phủ chính. Nhứt nguyệt chi hậu, Đào công đởi dư viết: 'Công chi giai tác cực cảm độc giả chi tâm. Sử tiền đại chi anh hùng tái sinh ư công chi hoa bút, thị hãn kiến chi công dã...' (Năm ngoái, tôi soạn tuồng 'Tây Sơn Tiềm Long Lục' mời ông Đào đọc và xin lời sửa chữa của ông. Một tháng sau, ông Đào nói với tôi rằng: Tác phẩm hay của ông rất rung động lòng người đọc. Các bậc anh hùng đời trước được sống lại dưới cây bút hoa của ông đó là công lao hiếm thấy vậy...)

[11] Quách Tấn; *Nước Non Bình Định* (Sài Gòn, Nam Cường, 1967); trang 416.

[12] Nguyễn Q. Thắng; *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam* (Sài Gòn, nxb Văn Hóa – TT, 1999); trang 180.

[13] Đào Tấn; cùng tác phẩm; trích đoạn nơi trang 95.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- CAO XUÂN DỤC; *Quốc Triều Hương Khoa Lục*, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính giới thiệu; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1993.

- QUỐC SỬ VIỆN TRIỀU LÊ; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản Chính Hòa, quyển I và III, kỷ Tiền Lê và Lý; bản dịch của Ngô Đức Thọ, tập 1; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993.

- ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG; *Đào Tấn Cuộc Đời Và Sự Nghiệp*; *Tập san Văn Uyển* (San Jose, California), số 11 & 12 (Hè Thu 1994) năm thứ VI; trang 70- 103.

- ...; *Đào Tấn Trong Nền Ca Kịch Cổ Điển Việt Nam*; *Đặc san Xuân Canh Tuất 1970* (Trường Trung Học Bán Công An Nhơn Bình Định xuất bản); trang 8- 17.

- ĐÀO TẤN; *Hí Trường Tuy Bút*, Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa; Qui Nhơn, Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981.

- ...; tuồng *Hộ Sanh Đàn*, Trúc Tiên phiên âm, Phạm Phú Tiết chủ giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính sắp xếp; Nghĩa Bình, nxb Sân Khấu, 1987.

- ...; tuồng *Trầm Hương Các*, Phạm Phú Tiết chủ giải, Vũ Ngọc Liễn phiên âm khảo dị hiệu đính và sắp xếp; chi tiết xuất bản như trên.

- ...; tuồng *Tân Dã Đồn*, Vũ Ngọc Liễn và Phan Hiền phiên âm, Vũ Ngọc Liễn chủ thích khảo

dị, Mạc Như Tông và Tống Phước Hồ hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- ... ; tuồng *Cổ Thành*, Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị sắp xếp hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- ... ; tuồng *Diễn Võ Đình*, Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính sắp xếp; chi tiết xuất bản như trên.

- ... ; tuồng *Hoàng Phi Hồ Quá Giới Bài Quan*, Vũ Ngọc Liễn khảo dị chú thích sắp xếp và hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- ĐỖ BẢNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỆ; *Việt Nam Ca Trù Biển Khảo*; Sài Gòn, nhà in Văn Khoa, 1962.

- HỒ ĐẮC BÍCH và các t/gk; *Giáo Trình Đào Tạo Diễn Viên Bậc Trung Cấp Nghệ Thuật Hát Tuồng*; Trường Trung Học Văn Hóa Nghệ Thuật Bình Định, 1995.

- KHUYẾT DANH; tuồng *Khuê Các Anh Hùng*, Đào Tấn nhuận sắc, Quách Tấn sưu tầm, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính, Vũ Ngọc Liễn và Đỗ Văn Hỷ chú thích; Nghĩa Bình, nxb Sân Khấu, 1987.

- KHUYẾT DANH; tuồng *Sơn Hậu diễn truyện*, Đào Tấn nhuận sắc, Hoàng Văn Hòe

phiên âm và chú giải; Sài Gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1971.

- NGUYỄN ĐIỀU; tuồng *Ngũ Hồ Bình Tây*, Đào Tấn nhuận sắc, Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ sao chép và trình bày; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1970.

- NGUYỄN Q. THẮNG; *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*; Sài Gòn, nxb Văn Hóa – TT, 1999.

- PHẠM PHÚ TIẾT (di cảo); *Hội Thoại Về Nghệ Thuật Tuồng*, Hoàng Chương sưu tầm và giới thiệu; Hà Nội, nxb Văn Hóa, 1987.

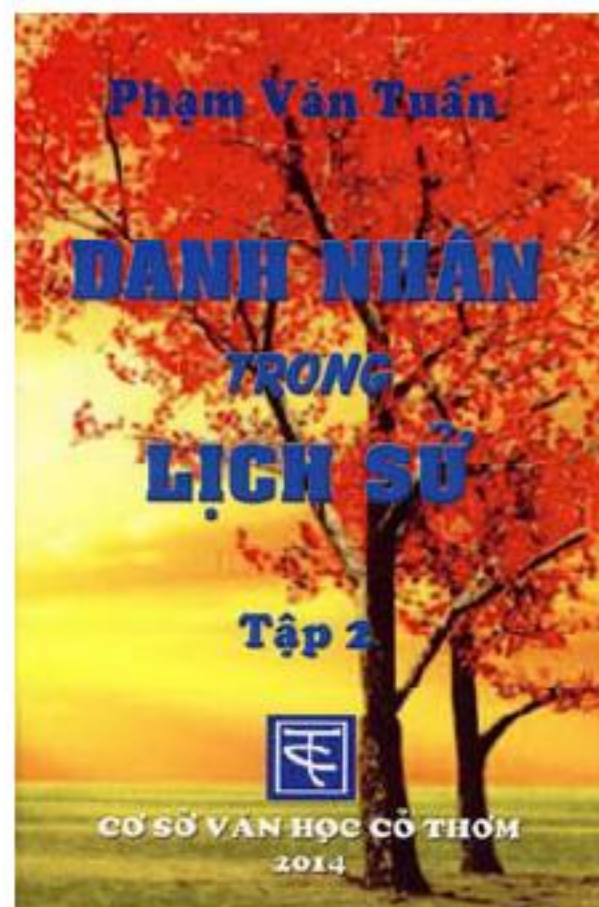
- QUÁCH TẤN; *Nước Non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.

- QUÁCH TẤN - QUÁCH GIAO; *Đào Tấn Và Hát Bội Bình Định*; Không đề nơi, nxb Văn Hóa Dân Tộc, 2007.

- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển X; tổ biên dịch Hoa Bằng, tập 1; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1998.

- TRẦN VĂN KHẢI; *Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam*; Sài Gòn, Khai Trí xb, 1970.

- VŨ NGỌC LIỄN; *Kẻ Sĩ Đất Thang Mộc*; Qui Nhơn, nxb Đà Nẵng, 1997.



DANH NHÂN trong LỊCH SỬ - Tập 2.

Tác Giả: Phạm Văn Tuấn

- 1- Blaise Pascal. 2- Rene Descartes. 3- Isaac Newton.
- 4- Charles Goodyear. 5- John Ericsson. 6- Simon Lake.
- 7- Rudolf Diesel. 8- Alfred Nobel. 9- Lee de Forest.
- 10- Guglielmo Marconi. 11- Marie Curie. 12- Albert Einstein.
- 13- Lise Meitner. 14- Niels Bohr. 15- Robert Oppenheimer.
- 16- Enrico Fermi. 17- Edward Teller. 18- Albert A. Michelson.
- 19- Konstantin Tsiolkovsky. 20- Robert Goddard.
- 21- Hermann Oberth. 22- Wernher von Braun. 23- George Eastman.
- 24- Henry Ford. 25- Igor Sikorsky. 26- Thomas A. Edison.
- 27- Nikola Tesla. 28- Charles Darwin. 29- Louis Pasteur.
- 30- Johann Sebastian Bach. 31- Wolfgang A. Mozart.
- 32- Ludwig van Beethoven. 33- Frederick Chopin.
- 34- Frank Schubert. 35- Leonard da Vinci. 36- Michelangelo. 37- Francisco Goya. 38- Claude Monet. 39- Pierre August Renoir.
- 40- Paul Gauguin. 41- Vincent van Gogh. 42- Amedeo Modigliani.
- 43- Henri Matisse. 44- Pablo Picasso. 45- Marc Chagall.

510 trang, giá bán \$20, kể cả cước phí bưu điện (trong nước Mỹ).

Liên lạc Tác Giả:

Mr. Tuan V. Pham, 13870 Rembrandt Way, Chantilly, VA 20151.

Email: tuanpham1387@hotmail.com

Những Mảnh Vỡ Siêu Linh

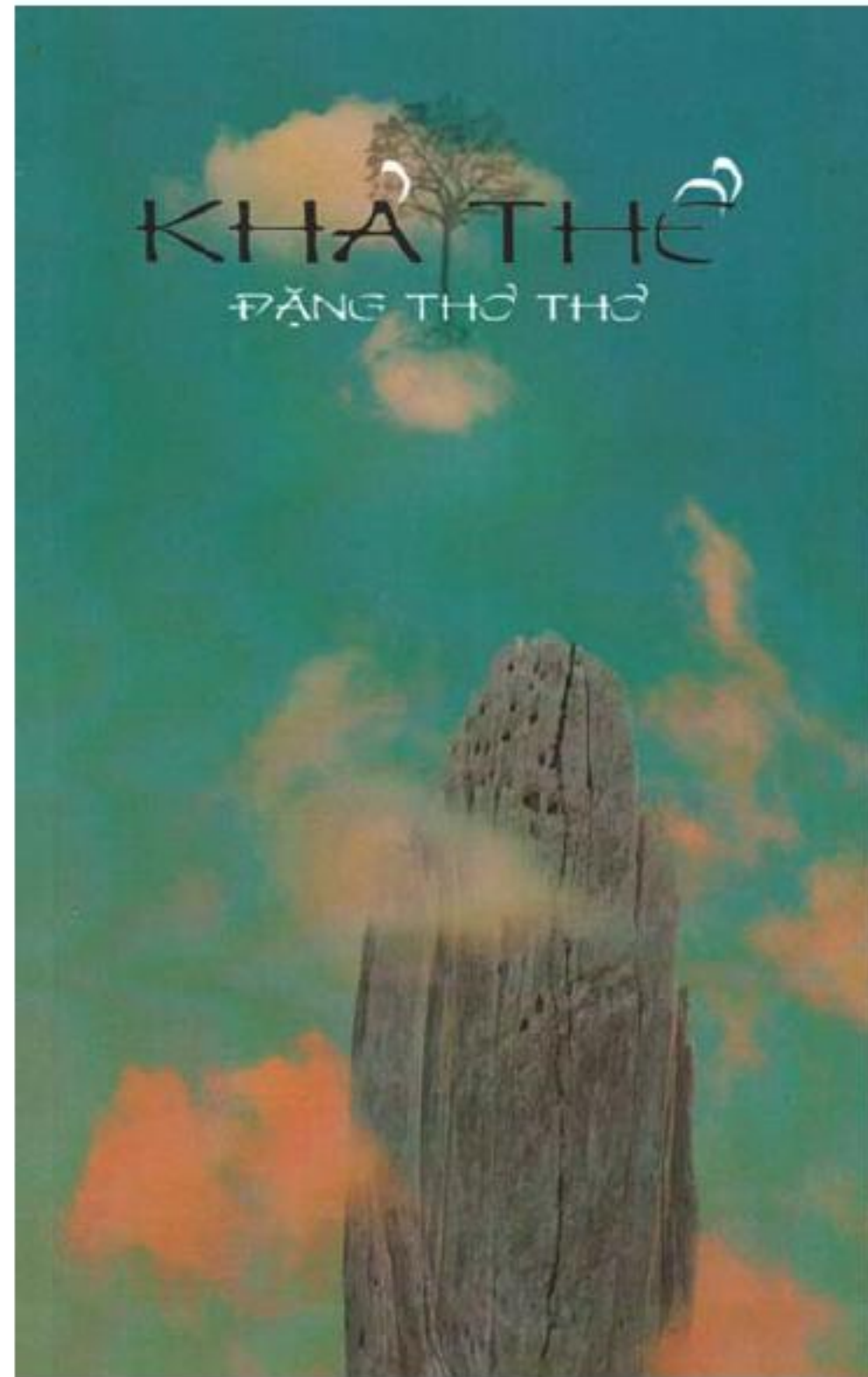
(Đề nhớ RMS “Khả Thê” của Đặng Thơ
Thơ ở D.C. 5/4/15)

Có một nỗi niềm như giấc mơ
Đi tìm chiếc bóng soi vầng (g) thơ
Chùng như tôi viết cho mình thơ
Tương thông viết-đọc cũng bất ngờ

Nhân-vật-hóa làm tinh cầu tôi vỡ
Những mảnh vỡ siêu linh tôi nhặt miết từng câu
Khả Thê Của Mơ ơi nguồn cơn sáng tạo
Khả Thê Của Viết hoang mang cõi giới về đâu

Đừng hỏi sao tôi không gõ cửa tiểu thuyết
khóc cười diễm tình
“Anh bây giờ không còn quan trọng”, câu
nói nào tôi viết giữa bình minh
Nhưng tôi nào biết lòng mình chỉ chạm
toàn những hố thăm u linh
Một kẻ lên đồng. Một trường hợp nhập thần
sấm chớp mộng du

Bên ngoài có khi còn âm u trời tháng tư.
Bên trong đầu tôi sao vẫn rực rỡ nắng xuân thu
Đưa con tinh thần mới quấy đạp khai sinh.
Thượng Đế cũng chết ngay lúc ấy ngẫu như
Buồn buồn có phải, tôi ghé qua cuộc đời
giấu nhại đùa chơi vài hình hài nhân quan
Đưa con văn chương còn tồn tại hôm nay,
vì những yếu tính ấy còn tồn tại đời sau



Chiều Hội Ngộ Văn Chương 40 năm tháng
tư nhằm ngày Phục Sinh
Phục Sinh nước tôi, phục hưng tiếng tôi
mời Khả Thê lên ngôi
Thơ Thơ ơi, Tự Lực Văn Đoàn hậu duệ
xứng danh không thôi
Điều còn lại xin một lần khai mở từng
chặng đường nắng mai.

Nguyễn Thị Thanh Bình
(Virginia)

Vân Nương Lê Ngọc Chấn

Nhà Thơ Của Tình Đạo

(Tưởng niệm Nữ sĩ Vân Nương)

Một nhà thơ lớn phái nữ trên văn đàn VN vừa qua đời, để lại bao tiếc thương cho bạn bè thơ văn, cho đồng đạo. Đây là nữ sĩ Vân Nương, khuê danh Trần Thị Vân Chung, pháp danh Tuệ Nguyệt, sinh ngày 01/01/1919 tại Thanh Hóa, mất phần ngày 11/01/2015, tại Sarlat vùng Dordogne, miền Nam nước Pháp, hưởng thọ 96 tuổi. Bà là phu nhân Luật sư Lê Ngọc Chấn, (một chiến sĩ Cách mạng VNQDD, từng



là Bộ trưởng Quốc phòng thời Đế nhất Cộng Hòa Miền Nam, từng bị tù ba năm thời chế độ Ngô Đình Diệm vì tham gia nhóm Caravelle, từng là Đại sứ VNCH tại Anh quốc, từng bị tù Cộng sản năm năm, được cho ra khỏi tù thì năm sau qua đời tại Sài-Gòn). Chồng mất rồi, năm sau, Bà mới được Nhà nước Cộng sản chấp thuận cho phép sang Pháp, đoàn tụ với gia đình người con ở Sarlat. Bà là hội viên của Thi đàn Quỳnh Dao, Hội Thơ phái nữ đầu tiên thành lập năm 1962 tại Sài-Gòn, với cụ Cao Ngọc Anh (con quan đại thần Cao Xuân Dục) làm niên trưởng kỳ I, quy tụ bao nhà thơ nữ trỗi vượt như Đào Vân Khanh (mẹ nhạc sĩ Vũ Thành), rồi Mộng Tuyết, Tôn Nữ Hỷ Khương, Uyển Hương, Vân

Nương, Tuệ Nga, Cao My Nhân,..., hầu hết đều theo Phật giáo*. Bà có cộng tác với đôi báo chí người Việt hải ngoại, đặc biệt với Tam Cá nguyệt san Viên Giác ở Đức. (Thơ của Vân Nương cũng như thơ của chồng Bà (Lê Ngọc Chấn) không được mấy người biết (ngoài số nhà thơ trong Thi đàn Quỳnh Dao) vì cả hai người không in ấn, không do nhà xuất bản nào, chỉ thỉnh thoảng xuất hiện trên đôi tờ báo giấy. Người viết được

Bà gởi cho Thơ nên đã viết nhận xét Thơ của hai người và Bà nhân đó cho in tập *'Nhớ một người đi'* (năm 1996) chỉ để tặng bạn bè thân thiết thôi).

Thơ Vân Nương, theo tôi, tập trung vào ba chủ đề chính : *'Tình chồng vợ, tình Dân Nước và Tình Đạo'*. Nơi đây, xin nói về chủ đề thứ ba –*Tình Đạo*- chủ đề mà không lắm người nói đến nhiều như Vân Nương, như Tuệ Nga, Phù Vân (chủ bút tạp chí Viên Giác), Nguyễn Hữu Nhật,....

Nói đến *Tình Đạo* nơi thơ Vân Nương, ta nghĩ ngay đến tác phẩm *'Con đường Lý Tưởng'* với 5000 câu Lục Bát, nhằm 'thi hóa' phẩm *'Nhập Pháp giới'*, một phẩm trong *Kinh Hoa Nghiêm*, một bộ kinh thượng thừa của Phật giáo. Tác phẩm được

hoàn thành ở Sài-Gòn năm 1982 và được cơ sở Nguồn Sống, San José, Hoa Kỳ xuất bản năm 1990. Tác phẩm thơ viết theo thể thuật sự, dựa theo bản văn xuôi '*Bồ Tát Đạo*' của cư sĩ Minh Đức Vũ Phan tức Thanh Lương, thuật chuyện Thiện Tài đồng tử kiên trì tìm thầy học đạo.

Qua tác phẩm, Vân Nương dẫn ta theo bước chân Thiện Tài qua bao nhiêu tông phái Phật giáo và qua bao pháp môn của nhà Phật từ '*Niệm Phật, Quán tưởng, Vô ngại, Trì chú, Trì giới,..*' đến pháp môn *Duy Thức, Bát Nhã*... cùng phương thức thực hành *Bồ Tát Đạo*. Tác phẩm gồm 300 trang với gần 5000 câu Lục bát. Có lẽ chưa có một tác phẩm thơ VN nào nói về giáo lý nhà Phật xuyên suốt qua các tông phái Phật giáo đại thừa như tác phẩm này. Đây là một đóng góp lớn của Vân Nương cho nền văn học Phật giáo, cho thấy cái 'tâm thành' hay cái 'Tinh' của Vân Nương đối với giáo lý nhà Phật, đối với 'con đường giải thoát' của Đức Thích Ca đã rao giảng cho thế gian từ ngày Ngài đản đạo đến nay.

Tôi không đi vào phân tích nội dung vì nội dung đã nằm sẵn nơi phẩm '**Nhập Pháp giới**' nơi quyền Kinh rồi. Ở đây, Tôi chỉ nói về cái '**Tinh**' của Vân Nương đối với **Lẽ Đạo** thôi.

Trước tiên, một tác phẩm thơ đồ sộ gồm 5000 câu, được hoàn thành chỉ trong 6 tháng (từ 15 tháng Giêng đến 12 tháng 9 năm Nhâm Tuất, 1982) thì quả là một công phu lớn, một tri chí, tri tâm, nếu không do một say mê –hay đam mê tột độ-, chắc khó hoàn thành nổi.

Tiếp theo, tác phẩm không là một phóng tác nên không thể sửa đổi, lược bỏ, thêm thắt nào theo ý mình được vì không thể đi ra ngoài cốt truyện và ý tưởng nơi quyền

Kinh. Tác phẩm chỉ '*thi hóa*' nghĩa là chuyển thành thơ một câu truyện nơi quyền Kinh, buộc tác giả phải tuyệt đối trung thành với sự việc, với ý và lời trong nguyên tác. Đây không là cách mượn lại câu truyện để phóng tác theo một quan điểm nào đó của mình như trường hợp Nguyễn Du đã phóng tác tiểu thuyết 'Kim-Vân-Kiều truyện' của Thanh Tâm tài nhân để viết nên 'Đoạn Trường Tân Thanh'. Một tác phẩm không do sáng tạo cũng không cho phép mình sáng tạo thì tác giả sẽ phải mất hết 'tự do' trong sắp đặt tình tiết cũng như trong lời thơ vượt ra ngoài nội dung nguyên tác. Cái khó đó, Vân Nương đã vượt qua. Bà đã tự giới hạn hồn thơ của mình để hoàn toàn trung thực với nội dung câu truyện. Phải một tấm lòng thiết tha, nhiệt thành với đạo pháp mới có thể tiến hành đến trọn vẹn.

Một điểm nữa, Vân Nương đã hoàn thành tác phẩm trong một hoàn cảnh chẳng chút nào thoải mái. Chồng ra tù, luôn đau yếu, thấp thỏm lo Cộng sản 'cho' đi 'học tập cải tạo' lần nữa, luôn bị canh chừng, theo dõi, cuộc sống lạnh buồn hiu hắt nơi căn gác nhỏ trước cảnh người chồng 'thôi chí', trước cảnh dân nước nghiệt ngã, điêu linh. Trong cảnh sống đó, nếu không được cái tâm đạo nuôi dưỡng nơi mình, chắc khó trọn vẹn được công trình trong một thời gian khá ngắn. Vân Nương đã thắng vượt mọi khó khăn. Có thể, trong cảnh sống tái tê đó, Vân Nương càng dễ thiên về Lẽ Đạo để tìm một giải thoát, một 'bình an tâm hồn', say sưa với lời Kinh để phổ nhập vào mình một 'tự tại' trước cảnh đời éo le của phận mình cùng cảnh 'bể dâu', tằm tối của đất nước.

Thêm một điều, trong khi '*thi hóa*' lời Kinh, Vân Nương đã làm thơ cảm tác

(những đoạn tức cảnh, vịnh đề) cùng gắng dịch các câu thơ tiếng Hán của các vị Bồ Tát, Thiền sư. Điều này chứng tỏ Vân Nương đã hòa nhập hồn thơ mình với nội dung lời Kinh do từ lòng yêu mến, thiết tha với Lễ Đạo nơi mình.

Có thể kể thêm : Vân Nương khi gắng hoàn thành tác phẩm, không hề nghĩ đến việc in, bán, cũng không mong cầu được nổi danh. Bản tính Bà không hề nghĩ đến điều đó đã đành mà hoàn cảnh xã hội cũng không ‘dung hợp’ với đòi hỏi đó. Dưới chế độ Cộng sản lúc đó, sách báo không có cái ‘tính Đảng’ đều không được in ấn, phổ biến dù là Kinh điển tôn giáo, dù là sách khoa học, kỹ thuật. Tư nhân chẳng dám viết lách, đã không có quyền lại thêm không đủ điều kiện để in tác phẩm. Lo cái đói hàng ngày đã bỏ hơi tai, tiền đâu mà nghĩ đến in ấn tác phẩm. Vậy Vân Nương đã thực hiện công trình của mình không nhằm mưu cầu lợi lộc, không mơ ước tiếng tăm mà hoàn toàn do tấm lòng tha thiết với Lễ Đạo hoàng viễn, cao sâu.

Phẩm ‘*Nhập Pháp giới*’, ngoài việc giải thích giáo lý qua từng tông phái, cốt yếu cho thấy công phu tu chứng không thể tính theo ngày tháng nhất định mà do từ một quá trình ‘tín giải thọ trì’, kiên trì, kham nhẫn. Do quá trình đó, Thiện Tài càng lúc càng thâm nhuần Lễ Đạo thì Vân Nương cũng do quá trình đó đã hoàn thành tác phẩm.

Cái hay của tác phẩm do nơi Vân Nương đã để lòng mình lắng nghe từng bước đi kham nhẫn của Thiện Tài, sống cái tâm thức khắc khoải cầu mong tìm Đạo của Thiện Tài. Dù bị gò bó bởi sự việc nơi câu truyện, bị hạn chế lời thơ, Vân Nương vẫn để hồn thơ rung động trước cảnh trí và nổi lòng của nhân vật :

-..*Tiết xuân ẩm áp lần qua
Biển dâng khói sóng, mùi nhòa thức mây
Thời gian một thoáng vèo bay
Chưa tan nắng hạ đã đầy gió thu...*
-..*Núi rừng lần lượt băng qua
Trắng cài cửa động, mưa sa ven đồi
Mây ngàn biêng biếc trùng khơi
Cỏ hoa trải tận chân trời lê thê*
-...*Đường đi mỗi bước lên cao
Chên veng đá dựng, rì rào thác ngân
Chợt cơn gió giục mây vùn
Gió rung trút lá, mây phân sắc trời...*

Một đoạn tả tình và cảnh ý nhị :

-..*Lặng nhìn tám hướng nưòi phương
Kìa trăng đầu núi, nọ sương cuối ghềnh
Cảnh nào cảnh chẳng lịch thanh
Bốn mùa thời tiết chuyển mình cỏ hoa
Cần khôn chung nhịp giao hòa
Câu thơ xưa vẫn chưa nhòa cổ kim
Người xưa những đáng cao hiền
Dẫu nghìn năm vẫn lưu truyền kinh luân
'Tình độc thi thư tri cổ đạo
Nhàn quan hoa thảo kiến Thiên Tâm'
(*Tình độc thơ văn thông đạo cổ
Nhàn trông hoa cỏ thấy Tâm Trời*)
(Vân Nương dịch)*

*Giữ theo làn gió chơi vơi
Tiếng ngâm buông thả nửa vời mây bay
Cảm thông sức sống tràn đầy
Của bầu vũ trụ phải đây Tâm Trời ?
....
Hồn đang chìm đắm trong mơ
Chợt nghe như tiếng nhận thừa lưng trời
Phải chăng Bắc hết rét rồi
Tìm về tổ cũ nhận rời phương Nam ?
Trăm nghìn cách trở quan san
Trông vời cổ quận lòng man mác sầu
Nhưng kìa một ánh Đạo màu*

Soi tâm tĩnh trí, con sâu vút tan...

Một số đoạn dịch thơ Đường tiếng Hán sang thơ Đường tiếng Việt hàm súc, đúng ý, đúng số từ, số câu trong nguyên văn :

- *Trúc ảnh tảo giai trần bất động*
Nguyệt luân xuyên hải thủy vô ngân
Bóng trúc quét thêm đâu chuyển bụi
Vàng trăng xuyên biển nước không chao
- *Nhất luân nhật nguyệt sơn hà ảnh*
Sổ điểm mai hoa thiên địa tâm
Hoa mai nở rộ tâm trời đất
Nhật nguyệt xoay vòng cảnh núi sông

- *Lạc hoa hữu ý tùy lưu thủy*
Lưu thủy vô tình tống lạc hoa
Hữu ý hoa rơi theo nước chảy
Vô tình nước chảy cuốn hoa theo.

Đặc biệt Vân Nương đã xúc cảm ngay trong lúc thi hóa lời Kinh. Lời thơ quyện hòa với đạo pháp, trong đó hồn thơ và hồn Đạo giao thoa, đề bao lụy phiền trần thế loảng tan đi, đề tâm đạo đưa ta vào một làng du trầm lắng, an nhiên, tĩnh lặng :

- *Đỉnh non cao vút tỏa hào quang*
Ghi dấu Từ Bi ánh Đạo vàng
Thấp thoáng Tiên Ông từng bách ải
Mật mờ nhân ảnh khói sương tan
Tâm vui Hỷ Xả dăng mây sớm
Hồn lắng an như thoảng gió ngàn
Thiện Đức phải chăng đây cõi Phật ?
Quang minh trí tuệ cảnh hòa chan.

- *Giọt nước dương chi tắt lửa phiền*
Tâm thanh cứu khổ giữa rừng thiêng
Nhĩ căn biến cả ba đào lắng
Tự tại tòa sen nhập định thiền
Hoàn vũ cảm thông bao khăn niệm
Niết bàn thị hiện mấy an nhiên

Từ bi vô lượng tâm thuần tịnh
Bạch xứ Quan Âm đáng mẹ hiền.
- *Khi lửa hồng mưng, nắng gắt gao*
Và khi nguồn đổ nước tuôn trào
Huyền vi vũ trụ dòng xoay chuyển
Riêng chữ Tâm ngồi trụ đỉnh cao.

Ngoài thi phẩm đồ sộ đó, mỗi Tình đối với Lễ Đạo cũng bằng bạc nơi một số thơ ca khác của Vân Nương. Không một nhà thơ VN nào, nhất là khi tuổi đã cao, lại không ‘nhuộm’ ít nhiều không khí Nho, Lão, Phật qua thi ca mình. Cái lẽ ‘sinh hóa vô thường’ gây nên bao cay đắng, ngậm ngùi để con người luôn chìm lắng trong cô đơn, một thứ cô đơn lạnh buồn, hiu hắt nhưng dịu dịu, êm êm bao quanh khi xa khi gần đưa ta vào thực, vào mộng chơi vui. Nguyễn Khuyến đã từng : ‘... *Chiếc bóng lưng trời am các quạnh, Mảnh bia thờ trước bể dâu đầy*’ (Chơi núi Long Đọi) ; Huyện Bà Thanh Quan : ‘*Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, Nước còn cau mặt với tang thương, Nghìn năm gương cũ soi kim cổ, Cảnh đây người đây luống đoạn trường*’ (Thăng Long thành hoài cổ) thì Vân Nương :

- *Bao la trời đất mà hoang vắng*
Thấm lạnh hồn đơn ngọn gió lừa
đề thấy :
-*Đứng giữa dòng đời xuôi ngược ấy*
Hồn như hoang đảo sâu vây quanh.

Cuộc sống tại thế, nghĩ ra chỉ là ‘tiếng buồn dài’. Cuộc sống vô thường, phù du, tạm bợ nhưng tâm thân con người vẫn phải chìm nổi trong đó và ‘tâm tĩnh’ con người vẫn không thể đoạn diệt, chia lìa :

- ...*Dẫu biết cõi này là cõi tạm*
Nhưng mà tình ấy vẫn tình vương.

Phần nào giáo lý ‘Sắc – Không’ của nhà Phật đi vào thi ca qua hai từ ‘Thực’ và ‘Mộng’. Cuộc sống, cuộc đời vừa là thực tại vừa là ảo ảnh. Thân phận con người nào khác chi con tằm tự rút ruột kéo tơ để rồi tự giam mình trong vòng tơ đó. Hồn thơ Vân Nương chấp chờn trong vòng hư thực đó :

- *..Như thế đấy cuộc đời hư ảo
Thì đắm hồn trong khói vô minh
Mộng với thực quấn quanh trang giấy
Như con tằm kéo sợi giam mình.*

Khóc cảnh ‘sinh ly tử biệt’ cho mối duyên ‘đoàn tụ’ không còn hay khóc cho bất cứ gì ‘còn mất thay nhau’, chung quy cũng dẫn về cái tâm trạng ngậm ngùi giữa ‘mộng và thực’, giữa ‘chân và ảo’ đấy thôi :

- *Mới biết Sắc Không vòng ảo tưởng
Và hay Sinh Tử kiếp phù sinh...*

Cái vòng hư ảo theo sát Vân Nương. Trên bờ Địa Trung Hải cũng do hoài niệm thời qua để nghe chơi voi nghiệp trần hư ảo theo sát lịch sử nhân sinh :

- *Địa Trung Hải
Nước biển xanh ngời ánh mắt giai nhân
Cồn cát trắng cười lên man dại
Nuốt từng đợt sóng thủy ngân !
Mây biếc giăng màn lụa nỡn thanh tân
Đầy một vẻ trắng chùng mộng寐 !*

....
*Đâu những bước xưa hùng vĩ
Thành Carthage – quân La Mã nay còn đâu
Ngoài khơi sóng cuốn bạc đầu
Nghe như nước nở men sầu cổ nhân !...*

Qua bài thơ này, cùng nhiều bài khác, Vân Nương có những cảm xúc lạ, ý tưởng mới. Tình nước, tình chồng, tình đạo quyện vào nhau, mở rộng ‘chân trời thơ’ của bà,

từ cái Pháp ngã nơi mình sang cái Vô ngã của Tâm để hướng đến cái chung cùng của vạn hữu.

Từ ‘Không’ của nhà Phật không là cái ‘Không tuyệt đối’ mà là cái ‘Không trong Hữu’ (hay cái ‘Hữu trong Không’) vì cuộc sống, cuộc đời ở bất cứ giai đoạn nào, trạng thái nào trong cõi hiện tượng, luôn luôn là tương đối nhưng con người lại luôn luôn hướng về tuyệt đối. Tuy nhiên cái Tuyệt đối đó nằm ngay trong Tương đối, mang chứa cái Tương đối. Cái Tuyệt đối đó là cái gì ? Đây là cái Một, một cái Một không thể định danh, định thể, định hình, định tướng. Mọi cái ‘tương đối’-tức mọi diễn biến vô thường của vạn hữu nơi vũ trụ hiện tượng này- đều chấp chờn hư ảo, biến diễn vô thường trong cái Một đó, do từ cái Một mà ra và cứu cánh của mọi biến đổi lại dẫn về trong cái Một đó. Cái Một đó có nơi tất cả, nơi từng hiện thể chúng sinh. Ta thường gọi là cái Tâm (có lẽ nên gọi là Tâm như, Tâm không của nhà Phật để khỏi lẫn lộn với các cái Tâm lành, tâm thiện, tâm tĩnh, tâm động, tâm mê, tâm loạn trong lối nói thường ngày). Cái Tâm không, Tâm như hay nói chung cái Phật tính, Phật tâm đó, dù theo Thiền tông, Mật độ tông, Mật tông, Duy thức tông, Bát nhã tông,... hay Tông gì khác nữa trong Phật giáo, chung quy chỉ là cái Tâm bình đẳng, cái Tâm bất nhị mà Kinh Hoa Nghiêm đã nói rõ qua phẩm ‘Nhập pháp giới’ đã được Vân Nương thi hóa.

Trong tuần bảy giỗ chồng, Bà đã viết :
*-Bốn chín ngày, nay đã Thất Tuần
Tới kỳ định nghiệp thoát trầm luân
Hồi chuông phổ độ qua bờ giác
Tiếng mõ cầu kinh tỉnh mộng trần
Cõi ấy an như miền cực lạc*

*Nơi đây mê huyễn cảnh phù vân
Theo anh, em đã quy y Phật
Ánh đạo từ bi nguyệt thấm nhuần.*

‘Quy y Phật’ không phải để thành ni cô, bà vãi mà là để ‘giác ngộ’ nghĩa là đạt được cái Tâm như, Tâm không tức cái ‘trạng thái ‘an nhiên tự tại’ trước mọi biến thiên của tạo vật, của cuộc đời. Đạt được điều đó là đã tự mình giải thoát cho mình khỏi mọi khổ đau, phiền muộn.

Cái ‘Tâm Như, Tâm Không’ hay cái ‘Tâm bất nhị, cái Tâm không phân biệt’ hay dùng từ khác cái ‘Bình Đẳng Tánh Trí’ giúp ta giữa mọi đối đãi đầy phân biệt trong cuộc sống, cuộc đời, ta không còn ‘đối đãi phân biệt’ nơi lòng ta. Đây là thực hiện được cái lý ‘Chơn không - Diệu hữu’ ứng vào cho dòng sống từng người, dòng sống toàn thể chúng sanh. Vân Nương đã nói rõ qua lời thơ thi hóa phẩm ‘Nhập pháp giới’ của Hoa Nghiêm Kinh (xin trích đôi đoạn):

*... Vô sai biệt vẫn tương đồng
Tự do, Bình đẳng lưu thông giao hòa
Lắng nghe tiếng sóng biển xa
Vỗ theo nhịp bước trường ca muôn đời
Hòa chung một khối trùng khơi
Muôn ngàn giọt nước đất trời gồm thâu
« Một là tất cả » nhiệm màu
‘Tất cả là Một’, phải đâu hoang đường !...
và
- ... Chơn lý là thực thể rồi
Nhưng mà đa dạng tùy nơi thường hằng
Và tuy ngời sáng rõ ràng
Nhưng lại ảo diệu, chói chang nhiệm màu
Như viên Như Ý bảo châu
Bản thể tuy một, muôn màu lung linh
Muôn ngàn tia sáng phát sinh
Cho muôn sắc diện quang minh tỏa đầy
Như vầng nguyệt tỏ hôm nay*

Như ngư ông đã chờ đầy thuyền trăng

Cái ‘Tâm Như, Tâm Không’ đó đã theo Vân Nương để nghe cõi Thế và cõi Tiên (cõi siêu thoát) thâm nhập vào mình từng lúc thanh thoát, tạo nên nơi Bà một tâm cảnh bình an, thư thái :

*-Thủy chung một tấm lòng son
Khi cong mây liễu khi tròn gương sen
Rượu nồng, thơ cũng nồng men
Ta ơn người khách non tiên lặng ngắm
Khuôn hoa vàng vạc in ngần
Nửa khuya vút hiện thanh tân tuyết vời
Ồ mây ! Mời bạn xuống chơi
Ai trên cung Quảng, tôi người thế gian.
(Nửa khuya – 1991)*

Nhưng rồi, cái ‘Tâm cảnh’ thanh thoát đó lại biến mất để lại phải trở về trong cõi nhật tụng thường ngày của thế gian :

*-Trăng về thả một guồng tơ
Xin cùng trăng dệt vần thơ giữa trời
Con chim nó hát trên đời
Tương nghe vang vọng muôn lời Thánh ca
Ngồi gom mây nổi chiều tà
Đan thành tấm lụa màu pha huy hoàng
Thế rồi tuyết phủ vườn hoang
Để cho tâm cảnh phai tàn hết thôi !
(Tâm cảnh – 1992)*

Cứ thế, từng lúc ‘Thơ vào Đạo’, từng lúc ‘Thơ lại vào Đời’. Đời và Đạo nhập nhằng, phiêu diêu qua thơ ca. Không thể dứt Đời để hoàn toàn theo Đạo, cũng không thể dứt bỏ Đạo để hoàn toàn theo Đời. Làm sao dung nhiếp ? Cái ‘Tâm bình đẳng’, cái ‘Tâm không phân biệt’, tuy hiểu rõ ràng rồi đây nhưng làm sao mãi mãi vẹn toàn ? Cái ‘nghịch cảnh’ đó nơi lòng người nghệ sĩ vẫn theo Vân Nương rõ ràng qua bài ‘Mùa Tuyết’ :

- Sáng nay mở cửa sổ

*Tuyết phủ trắng cành thông
Trắng cây đào trước ngõ
Đang nhen nụ hồng*

*Xin chào cô Bạch Tuyết
Từ miền Bắc xuôi về
Dấu hài in diễm tuyết
Đạo khắp dải sơn khê
Tôi từ vùng nhiệt đới
Phiêu dạt bấy năm trường
Xír người luôn khắc khoải
Thèm chút nắng quê hương
Chúng ta cùng khách lạ
Hai thái cực gặp nhau
Em giải lòng bằng tuyết
Riêng tôi nghe nặng sầu !*

‘Hai thái cực gặp nhau’ không dễ hòa tan, hòa nhập vào nhau mà dễ gây chia lìa, nhưc nhối cho nhau. Lòng con người khó lòng băng tuyết, băng trinh như tuyết mà luôn luôn vương vấn với cuộc đời nhiều khê vạn mồi. Ta thấy cái ‘đối nghịch’ hay ‘không đồng hành’ giữa cái Tâm của vũ trụ với cái Tâm nơi lòng người vẫn hướng về cái ‘Không’ toàn bích mà không thể không vương mắc cái ‘Sắc’ giả tạm của cõi đời.

Thơ Vân Nương không ‘già’, không đạo mạo, cổ kính, phần nào do cái ‘Tinh Đạo’ đó đã đem lại cho Bà cái an lạc của tâm hồn, cái thanh thoát trong cuộc sống đầy đầy ưu tư, phiền muộn. Do đó mọi ‘buồn, vui, thương, nhớ, giận, hờn, nuôi tiếc, xót xa,...’ nơi thơ Bà không được đẩy đến cùng độ, không nâng đến rợn rã, náo nức, nhiệt cuồng hoặc bi phẫn, đau thương, bi đát. Đọc thơ Bà, ta như nghe một ‘tĩnh lặng’, một ‘thanh vắng’ quanh quất bên ta dù là thơ khóc chồng, nhớ nước, đau cho dân tộc, quê hương. Ý đạo mênh mang quanh quẩn nơi thơ Vân Nương diu ta vào

một thân cận, gần gũi với sự vật, với tình ý được nêu ra, đồng thời dẫn ta trầm lắng vào bầu không khí mơ màng phơ phất, diu diu, tê tê, rung rức. Ý thơ và lời thơ tự nhiên, chẳng cần đẽo gọt, trau chuốt, tìm tòi đâu xa, tất cả thoát ra từ cõi lòng Bà, từ cảnh sống lao đao, vất vả của Bà. Người đàn bà đó không an nhàn, sung sướng như ta tưởng, không ‘nhung lụa, quyền quí’ bên ông chồng đã có thưở từng ‘làm quan lớn’. Bà sống như mọi người đàn bà bình thường trong xã hội nghèo khổ, đã từng lúc quét cái ngõ rom dài tê điếng cả đôi tay, đã từng đạp xe đạp tất tả mua hàng, giao hàng, lo sao cho chồng yên tâm làm chính trị, đã từng làm thơ, dịch thơ Pháp gởi an ủi chồng trong tù (thời chồng bị tù dưới chế độ NĐD), từng lặn lội hàng ngàn cây số, một nắng hai sương như bao nhiêu người vợ lính VNCH tất tả ‘*đèo hoang mùi vắng, nửa vòng trán nếp trán rung rung*’ thăm chồng nơi trại tù Cộng sản. Người đàn bà đơn sơ, hiền thực, nhiều khổ đau đã ‘nuôi’ hồn thơ qua cuộc sống bình lặng, lao đao của mình. Cuộc sống bình dị, thanh đạm thế nào thì thơ cũng thế ấy. Vân Nương làm thơ không mấy khó khăn. Từ và lời, vần và điệu đến với Bà một cách dễ dàng (ngoại trừ đôi lúc phải ép vần vì phải theo đúng từ ngữ nhà Phật lúc thi hóa một phần trong quyền Kinh). Không vẽ vờ, trau chuốt, Vân Nương làm thơ không chút khổ công nào. Chủ đề không mới, đề tài không mới nhưng Bà đã phỏ vào đây cái nhạy cảm của hồn thơ, cái chân thật của lòng mình, cái ‘*tình chồng, tình nước, tình đạo*’ rất tự nhiên, không cần sắp đặt, cân nhắc ý lời. Nơi thơ Vân Nương, ý và lời cùng lúc xuất hiện, cùng lúc ‘nhập’ vào nhau mon man, trang

trái nơi lòng ta ít nhiều đìu hiu xa vắng hay
vui tin bằng lòng, nhẹ nhàng :

*-Ráng đỏ nhuộm chiều thu
Rừng phong vàng hiu hắt
Cảnh sắc hòa tâm tư
Quê hương đâu ?- Cúi mặt !*
(Thu – 1988)

*-Đã đau vàng đá tình tan rã
Còn hận non sông cảnh ngậm ngùi..
(Ngày giỗ Anh – 1991)*

*-Tỉnh giấc Nam kha khéo bắt bình
Hỡi ơi ! Em chỉ với riêng mình
Lầu Mây gió thoảng tan cơn mộng
Bến Giác thuyền xuôi vắng tiếng kinh
Mới biết Sắc-Không vòng ảo tưởng
Và hay Sinh-Tử kiếp phù sinh
Em quỳ dưới bệ cầu xin Phật
Tiếp dẫn anh vui bước lộ trình...
(Tháng 6 năm Bính Dần – 1986)*

Đọc thơ Bà, ta mòn mỏi sống cái tâm
hồn người phụ nữ VN hồn nhiên, trong
trắng, dung dị, suốt cuộc đời chỉ biết tận tảo
cho chồng con, chỉ mong một ‘đoàn tụ’ gia
đình, ‘đoàn tụ’ dân nước trong tấm lòng
đôn hậu, hiền thực, trong cái đức độ từ bi,
nhân ái, trong cái hảo hợp, hài hòa của đất
trời và lòng người để giữa ‘*Cõi vô thường
mộng寐*’, ta vẫn có thể ‘*Nắm bàn tay thanh
tử*’ (Âm thanh kinh ngạc – 1988). Bàn tay
thanh từ đó nằm sẵn nơi tâm hồn Bà, thể
hiện qua lời thơ quyện hòa ‘*tình nhà, tình
nước, tình đạo*’ dù có nói đến những thế
thiết, buồn đau, vẫn trang trải thanh tân,
nhẹ nhàng ru ta vào ưu tư mà trầm lắng,
khổ đau mà tĩnh lặng, muộn phiền mà an
nhiên. Điều này do từ cái ‘*tình Đạo*’ có sẵn
nơi Bà.

Chị Vân Nương,

Chị đã ra đi ! Nơi xứ sở thường hằng
an lạc đó, mong Chị xin được rải nước Cam
Lồ lên khắp nhân gian hầu ‘*Đất vào duệ trí
Ba-La-Mật, Người nở thiên hương Bát-
Nhã-Tâm*’ giúp cho nếu không là tất cả thì
ít ra toàn thể người VN chúng ta, trong
nước, ngoài nước cùng chung sức, chung
lòng lật đổ chế độ tà quyền Cộng sản để
được ‘*xuôi về bến hẹn thuyền neo, Nghìn
năm sắc lá xanh theo bốn mùa*’** (Sông
Thu – 1992) như chị từng mong muốn.
Thâm tạ ơn Anh Chị
France 22/02/2015

NGUYỄN THÙY

* Phần lớn các nhà thơ VN làm thơ Đạo rất
hay thường là người Phật tử, trong lúc
những người Ki-Tô giáo làm thơ Đạo
không mấy hay ; điều này cũng bình
thường thôi vì Phật giáo thiên về Thơ trong
lúc Ki-Tô giáo lại chuộng về Nhạc. Tuy
nhiên, người viết cũng gặp đôi người Ki-Tô
giáo làm thơ về Đạo Chúa cũng khá hay
như Bác sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu và
đặc biệt nhà thơ Vân Uyên Bác sĩ Nguyễn
Văn Ái (nguyên Viện trưởng Viện Pasteur
Sài-Gòn) mà anh Đỗ Bình gọi là ‘nhà thơ
ần dật’, ‘nhà thơ ‘ngôn sứ của Ngôi Lời’.
** ‘*Bến hẹn thuyền neo*’ ám chỉ bờ bến
Giác nơi Phật giáo, vừa chỉ bến bờ đoàn tụ
yên vui của dân nước.

EM BÉ PHÙ TANG

(Theo lời kể câu chuyện của chính mình, anh Hà Minh Thành, nhân viên cảnh sát Việt Nam phục vụ tại Fukushima, Nhật Bản, nhân thiên tai Sóng Thần, 2011. [Nguồn: www.newamericamedia.org - Letter from-Fukushima: AVietnamese-Japanese police office's...])

Một đoàn người
nối đuôi nhau... chờ phần cơm từ thiện
Dạ đói mềm, lòng chắt ngát thương đau
Họ mất nhà, mất người thân yêu ruột thịt...
trong sóng thần, dưới đáy đại dương sâu

Đứng cuối hàng, một bé thơ chín tuổi
Run lập cập trong quần cụt áo thun
Hỏi cha đâu? – Cha bị cuốn phăng trước mắt
Hỏi mẹ đâu? - Mẹ và em... nhà gần biển...
giữa muôn trùng...

Chú cảnh sát Việt nhường em phần ăn tối
Em khom người cảm tạ tấm lòng son
Rồi thoát chạy đi... đưa các cô di nhò
phân phối
Cho mọi người chung hưởng chút quà con

Chú cảnh sát ngỡ ngàng...
Quay mặt dấu hai hàng nước mắt
Em đâu biết, chúng tôi xa nửa vòng trái đất
Cũng bàng hoàng xúc động, lệ dâng tràn!

Giọt lệ cảm thông nhỏ xuống cảnh điêu tàn
của dân tộc em, một dân tộc kiêu hùng,
cam chịu lắm tai oan
Giọt lệ sót sa một nhân sinh bé nhỏ,
sớm hiểu lẽ vô thường, không không, có có...

Em can trường nhận mất mát, đau thương
Em quên cái “ta” trong cõi đời chung chạ
Em hỷ xả, chia cơm cho người xa lạ
Em từ bi cứu đỡ kẻ chung đường...

Em là niềm tin, thấp sáng thiên lương
cho bao người một sát na đồn ngộ
Là ngọn đuốc cuối đường hầm cùng khổ
góp hành trang cho tuổi trẻ lên đường
đem hạnh phúc, yêu thương gieo mầm
trên thế giới...
Sáng nữa lên, em!

Ôi tám gương vời vợi!



TRƯƠNG ANH THỤY

“LỬA NGÔNG” TRONG THƠ VĂN LÊ MAI LĨNH

TRƯƠNG ANH THỤY

Tiếng Việt mình thật là phong phú! Người ta nói “lừa thù,” “lừa hận,” “lừa tham,” “lừa ghen,” “lừa tình,” “lừa Việt,” “chuyện ‘lừa’ về quê nhà,” “lừa bếp,” “lừa rừng,” “lừa trại,” “lừa tam muội*”... v.v. và... v.v... Còn tôi thì... sau khi đọc cuốn *Tuyển Tập Lê Mai Lĩnh – Thơ-Văn-Tiểu luận*, gấp sách lại suy ngẫm, cố tìm ra một chữ ngắn gọn hầu mô tả cảm nghĩ của mình... trong óc bất chợt bật ra hai chữ “lửa ngông”!

Nhưng vào đầu một bài viết nêu “ý kiến về một cuốn sách” mà đưa ra hai chữ cộc lốc như thế hẳn không khỏi làm cho người đọc ngỡ ngàng, có khi còn bị cho là “hô đồ”! Vậy xin quý độc giả hãy kiên nhẫn, cho tôi thêm ít phút nữa để tôi tuần tự chứng minh điều tôi nói.

Trước hết có lẽ đây là cuốn sách gom góp những bài mà tác giả ưng ý nhất. *Tuyển Tập* mà! Một phần không nhỏ là thơ tình yêu. Tình với đàn bà, phụ nữ mà anh không giấu giếm: “*không có đàn bà không có thi sĩ / không có người tình, thơ chết rập tắt thơ*” (trang 38), và như trong bài “Thi sĩ và Đàn bà”: “*Nếu trên thế gian này không có người đàn bà / Bọn tui khó sống.*” Rồi lại khuyến cáo ngay trong cùng bài: “*Chỉ nên làm tình nhân của thi sĩ / Chớ lảng tránh mà làm vợ.*” (!) (trang 245-247). Điều này đã dự báo một “loại” thơ đại lãng mạn của một thi sĩ đa tình đến mức... siêu!

Cái đa tình của Lê Mai Lĩnh cũng đã giúp anh thông cảm sâu xa với một nhà thơ

đa tình khác là Du Tử Lê mà anh gọi là “Vị hoàng đế hay tên nô lệ tình yêu” (trang 322-329). Tình yêu của Lê Mai Lĩnh còn lai láng sang cả vợ của các bạn (Phan Văn Hậu, Lê Viết Lào...), nghĩa là đã mấp mé ở “chỗ thế gian không thể hiểu!”

Song công bằng mà nói, “tình yêu” Lê Mai Lĩnh không chỉ giới hạn trong liên hệ trai - gái, đàn ông - đàn bà mà anh cũng dành một tình yêu nồng nàn cho quê hương, cho con người, cho dân tộc... ta có thể thấy bằng bạc khắp cuốn sách. “Tình bạn” đối với anh cũng sâu đậm và trường tồn lắm, và nó còn lây lan ra cả đến học trò của thầy! Nó không chỉ chung chung trong thơ văn, mà anh còn đưa ra những tên tuổi rất cụ thể. Nhờ vậy ta biết được đến những bạn trai, bạn gái từ thời học trung học. Nhờ vậy ta được biết về những tên tuổi của các văn thi sĩ miền Trung, mà có người, tiếc thay, ra đi rất sớm như Y Uyên, có tới bốn tác phẩm trước khi chết ở tuổi 26, hay Thạch Nhân Trần Đình Bé. Lại cũng nhờ vậy mà ta biết được đến những bạn văn nghệ mà anh rất trân quý cùng những sinh hoạt của họ nhằm giữ gìn tiếng mẹ đẻ được trường tồn nơi quê hương thứ hai--không chỉ trường tồn mà còn được phát huy như trong bài anh trả lời nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc khi anh Quốc tỏ ra bi quan về văn học VN hải ngoại. Giờ đây, những người bạn đó đã thành những tên tuổi mà không chỉ văn học hải ngoại phải ghi tên mà, theo tôi nghĩ, văn

học Việt Nam nói chung cũng sẽ phải ghi đậm trong văn học sử như những Trần Trung Đạo, Phan Xuân Sinh, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Trần Doãn Nho, Huy Phương, Hà Kỳ Lam, Hoàng Ngọc Liên, Bùi Văn Phú và còn nhiều nhiều nữa...

Song "lừa" có lẽ mới là cái chất văn, chất thơ bùng bùng trong *Tuyển Tập Lê Mai Lĩnh*. Tôi đang nghĩ đến những bài như "Trịnh Công Sơn, thảm kịch của một thiên tài" (trang 130-163), "Trần Hoài Thư, Tên Cowboy Hai Súng," người gần như đơn thương độc mã, miệt mài (bên cạnh một Viên Linh với tờ *Khởi Hành* bộ mới) níu lại gia tài thơ văn của Miền Nam (trang 291-300), "Trần Trung Đạo, Nhà Thơ Của Quê Hương" (trang 301-307), "Thái Tú Hạp, Hạt Bụi Này Ở Lại" với thơ Phật giáo (trang 308-318) và nhất là bài "Nguyễn Bắc Sơn, Chút Tình Mang Theo Xuống Mộ Chí" (trang 330-343), người mà anh đánh giá, cùng với Trịnh Công Sơn, "CẢ HAI ÔNG ĐỀU LÀ THIÊN TÀI CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM."

"Lừa" trong Lê Mai Lĩnh đã không ngừng ở đó. Nó còn bùng lên mạnh hơn trong các nhà tù cộng sản. Điển hình là hai bài về "Nguyễn Trãi":

....

*"Hơn sáu trăm năm từ Nguyễn Trãi rồi
Mà con quốc biến vẫn còn thôi
Con đỏ, dân đen, đau đời quần quai
cầm gươm, bầm gan, tím cả môi."*
(Nguyễn Trãi I, trang 54)

....

*"Đã nhiều năm rồi ta đứng ngồi nhiều bận
"Sục sôi trong ta một niềm căm giận
Nghĩ đến đường ra, đường đến, đường đi
Ta nghe những tiếng tim đòi thối thức
Và trái tim ta như cũng muốn nổ tung"*

Ước Trai! Ước Trai!

Ánh sao khuya soi đường hậu thế

(Nguyễn Trãi II, trang 56)

Và các bài thơ tù khác từ trang 175 đến 205. Gần gũi hơn nữa là những bài thơ làm ở tuổi 72, cảm hứng từ "cuộc 'Cách Mạng Dù' của tuổi trẻ Hồng Kông" (trang 249-269) cũng có rất nhiều lừa để có thể làm cho ta ấm lòng, tin tưởng đến một ngày về trong vinh quang, dân chủ và nhân quyền.

Nhưng "lừa ngông" mà tôi muốn nói đến thì ta có thể tìm thấy ở những bài như từ trại học tập anh gởi thư cho Lê Duẩn đòi đổi thay cách trị nước (trang 57-59), hay thư cho Lê Khả Phiêu với lời lẽ xách mé được nhắc đi nhắc lại "Tôi xin thông báo cho ông biết... " rồi đòi dạy cho Lê Khả Phiêu để trở thành một Gorbachev (trang 59-70) hầu làm tổng thống tương lai của một nước VN nhân quyền, tự do và dân chủ--một giấc mơ mà anh cũng như tất cả chúng ta thừa biết là không bao giờ có thể thành hiện thực! Nhưng có lẽ "là thi sĩ," ta phải nên cho Lê Văn Chính/Lê Mai Lĩnh quyền "bay bổng" một chút... hay thậm chí, còn phải "tha bổng" cho anh nhiều chuyện nữa, là vì, phạm là "lừa" thì bao giờ cũng có cái rủi ro "cháy!" Lừa theo nghĩa đen, nghĩa bóng hay nghĩa gì gì thì cũng có thể "cháy!" Nếu người "nhóm lừa" không biết không chế lừa thì có ngày "cháy tay" và nhiều khi có thể cháy nhà, cháy xóm, cháy làng, cháy rừng... hay còn cháy nhiều thứ nữa...!

Tôi không dám cho là mình thực sự quen biết nhà văn, nhà thơ Lê Mai Lĩnh ngoài đời, cho nên tôi không chịu trách nhiệm về việc "chấn mạch" anh đúng hay sai! Nếu như người ta thường nói "văn là người," thì tôi chỉ nói cái gì mà thơ và văn của anh nó "tự thú" mà thôi!

Cái “ngông” ở Lê Mai Lĩnh còn đi xa hơn khi anh “ngông” cả với chính mình! Có lẽ cái “dễ thương” ở Lê Mai Lĩnh là ở chỗ đó! Trong tác phẩm, có hơn một lần anh nhắc đến cái hồn danh mà thiên hạ gán cho anh: “Tên du đang văn nghệ hải ngoại” (sic, trang 42). Anh “ngông” cả với chính mình khi mà anh có can đảm kể ra những chuyện tiêu cực trong đời như “Thi hồng tú tài II vi phạm trường quy. Tôi giấu tài liệu Lý/Hóa dưới tờ giấy, bị giám thị phát hiện” (trang 28). Anh biết xấu hổ khi cư xử không phải với bạn Trần Gia Toàn, anh tự sỉ vả mình: “Tôi thấy mình hèn mọn, nhỏ nhoi, ti tiện, bần xỉn, xấu xa, nói chung, tôi thấy mình đã mất tính người” (trang 113). Cũng như ở trang 293, khi anh đọc văn Trần Hoài Thư có đoạn viết: “Từ một ngôi trường Đại Học, với người bạn Trung quốc từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn...,” Lê Mai Lĩnh bật khóc: “Vâng, từ một ngôi trường Đại Học, với người bạn Trung quốc từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn. Còn tôi thì sao? Lê Mai Lĩnh. Còn mày thì sao? Bao giờ thì mày từ chối ở lại Mỹ để trở về cùng Thiên An Môn Sài Gòn, Thiên An Môn Hà Nội. Trong thơ mày, mày đã viết: ‘Cúi đã có nhân dân, lìa đã có đồng bào. Hãy thấp sáng lên một thời quật khởi’ Thi tại sao mày chưa về để cùng nhân dân, chiến hữu của mày làm nên điều đó, một Thiên An Môn Việt nam. Đồ chó chết. Đồ hèn. Đồ Lê Mai Lĩnh. Hấn (Trần Hoài Thư) đã làm tôi khóc và tôi nguyện rửa tôi.” Anh thú nhận: “Năm 1990 Quán Bên Đường phá sản vì tôi, vì mê gái và nhậu” (trang 114). Anh cũng lại biết tự trào làm cho độc giả cười: “Tôi chỉ biết tôi nghèo và học dốt. Vì tài sản nghèo và học dốt làm sao tôi dám mơ tưởng ‘đá lông nheo’ với

hoa khôi, nói chi là cận kề, ‘theo Ngọ,’ lẻo đẻo.” (Trang 51)

Và cuối cùng tôi cho cử chỉ anh hùng hơn cả anh hùng xung trận đánh giặc, ở Lê Mai Lĩnh là, đối với một người mà anh mê, trong khi “người ấy” chỉ đáp lại tình anh như chị thương em, mẹ thương con. Anh dám thú nhận điều đó, không vơ vào, không thậm xưng... dù như người ấy đã không còn ở cõi đời này để mà tự biện hộ: “*Nay, cấp lãnh đạo của tôi một thời lừng lẫy Nha Trang Cao Thị Đồng Phước, đã qua đời. Khi còn sống nàng rất thương tôi, nhưng không yêu tôi đâu, đâu có nhiều lần hôn lên mái tóc tôi, như chị hôn em, như mẹ hôn con, chứ không bao giờ như người tình hôn người tình*” (trang 47). Thật là một “liều thuốc đắng” không dễ gì nuốt được trừ ra người nuốt, hoặc là “anh hùng”, hoặc là... “ngông”, hay có thể là cả hai!

Bây giờ tôi mới hiểu một chuyện làm tôi cứ suy nghĩ mãi mấy năm nay. Số là trong một buổi sinh hoạt văn học do Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn vào tháng 7 năm 2012, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, một trong hai diễn giả chính, bị nhà văn Lê Mai Lĩnh chắt vắn ngay trong một hội trường đông đảo quan khách, mà anh Quốc chỉ... cười hiền. Bữa đó tôi nhớ sau khi nhà văn Lê Mai Lĩnh nói cho “đã” rồi, anh nói câu cuối cùng rất “ngông”, đại khái: “...tôi truy lùng ông từ 10 năm nay, bây giờ tôi gặp ông ở đây, tôi nói hết rồi thì tôi tha cho ông...” Và nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc cũng vui vẻ: “Vâng! Cảm ơn ông đã tha cho tôi!”--Lại thêm một “anh hùng” nữa!-- Cử tọa cười vang, vỗ tay tán thưởng hai “hiệp sĩ văn nghệ”! “Thế là hết!” Thế là “huê”! Tôi mừng tượng, một số “nạn nhân” khác của

anh (danh sách nơi trang 42), nếu có dịp “chạm súng” tương tự với anh thì chắc cũng lại “huề” như vậy thôi. Chắc chắn là như vậy! Nếu không thì làm sao Lê Mai Lĩnh có thể còn “dong chơi trên cõi đời này” với nhiều ân oán giang hồ đến thế!

Nhưng phải nói người mà tôi bái phục nhất là chị Lê Mai Lĩnh, khuê danh Bùi thị Phương Đông, người vợ hiền hòa thông cảm cho chồng nổi lại tình xưa với một góa phụ, một người đẹp mà anh từng “thâm yêu trộm nhớ” (?) từ gần nửa thế kỷ trước, ngày nàng còn là hoa khôi ở trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị, dù như sự liên hệ ngày nay chỉ là thứ tình văn nghệ! Có thể anh mới có “yên sĩ phi lí thuần” mà làm ra tới 250 bài thơ trong một thời gian kỷ lục (10 tháng) cho nàng “góa phụ vui vẻ” (“la veuve joyeuse, the merry widow”) ấy. Cũng nhờ đó mà ta được đọc 10 bài (trang 222-248), đem lại một cái “nốt” tươi mát cho thơ tình Việt Nam hôm nay!

Câu nói: “Đằng sau một người đàn ông thành công, bao giờ cũng có một người đàn bà vĩ đại” thật đúng quá trong trường hợp này!

Xin có lời mừng nhà văn, nhà thơ Lê Mai Lĩnh!

Chú Thích:

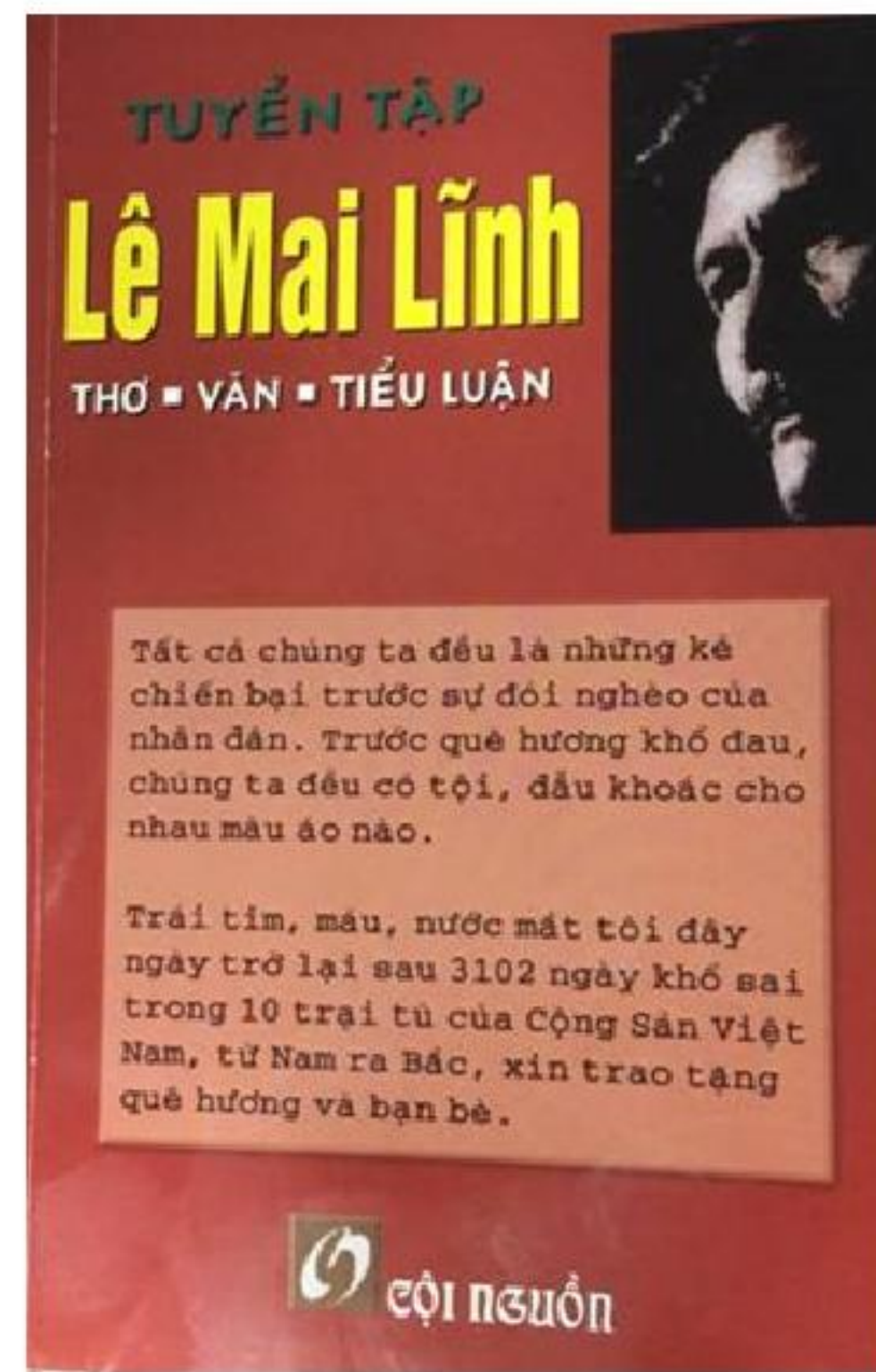
Lửa Tam Muội tiếng Tây Tạng là Toumo, có nghĩa là nhiệt, song đây không phải là thứ nhiệt thông thường, mà là Tâm Nhiệt (psychicheat).

Trong phép tu tiên của các đạo gia Trung Hoa cũng nói đến lửa Tam Muội. Trong sách Chân Tiên Bí Truyền Hòa Hậu Pháp có viết:

- Tâm là quân hỏa, nên gọi là thượng muội

- Thân là thân hỏa nên gọi là trung muội
- Bàng quang là dân hỏa nên gọi là hạ muội
- Tam khí tụ nên sinh ra lửa gọi là lửa Tam Muội.

- Theo lời giáo huấn bí truyền của các minh sư Ấn Độ và Tây Tạng thì lửa Tam Muội (Toumo) rút ra từ Prana, Prana là cái bình vô tận của thiên nhiên để nạp vào cơ thể, để từ đó biến thành một thứ năng lượng tinh tế, sản xuất ra một thứ tâm nhiệt thần diệu, chuyển vận để sưởi ấm toàn thân. Ở mức tu tập cao có thể phát ra ngọn lửa. (Trích cư sĩ Nguyễn Mộng Khôi.)



Bài Thơ Gởi Vào Hư Không

Ly cà phê trước mặt
dành cho người học trò bỏ thầy ra đi
không một lời từ tạ
Ly cà phê trong tay
dành cho người thầy ngồi lại
gặm nhấm nỗi buồn lẻ loi khi người học
trò bỏ đi mang theo cả hồn người thầy
thi sĩ
Bài thơ này gởi vào hư không vì tự nay
không còn ai người đọc mỗi sáng mai
trước tách cà phê đầu ngày.
Cũng là chuyện bình thường với cuộc
bể d â u đời
Cũng là bình thường khi lòng người có
có không không
tùy duyên tùy phận.
Cũng là chuyện bình thường khi tình là
muôn mặt, sắp, ngựa, trắng, đen.
Nên bài thơ này, mặc dù thi sĩ biết làm
ra không ai cần đọc

Những thi sĩ vẫn làm ra
Như một kiếp tằm
Như thi sĩ vẫn yêu, dù ai đó không cần yêu
Như thi sĩ vẫn yêu như thi sĩ vẫn thờ..

Ly cà phê dù đắng thêm hay ngọt đi
một chút
cũng vẫn là vô nghĩa khi người uống đã
bỏ đi, mặc cho ly cà phê bốc khói vào
hư vô.

Những dấu gị bài thơ vẫn còn lại với
những kỷ niệm chưa phai pha
Hãy uống đi thi sĩ, ly cà phê đầu ngày
dấu uống một mình

Nhưng vẫn cứ để dành ly cà phê trước
mặt cho người học trò
Biết đâu có lúc nàng trở lại
như một lô độc đắc không bao giờ biết
trước giờ xổ số.

Rồi mọi điều sẽ tới
Rồi lộc trời sẽ tới
Trắng vẫn vàng vạc đêm thâu
Trắng vẫn là trắng muôn thuở.

Ly cà phê trước mặt
Ly cà phê trong tay
Bài thơ gởi vào hư không
người ra đi, người ngồi lại

Rồi cũng xong một kiếp
Rồi cũng hết một đời
Cũng đành
Vậy thôi.

Lê Mai Linh
(Pittsburg, PA)



DÒNG TÓC BÊN ĐỜI

Đỗ Bình

Làn khói thuốc từ chiếc ống pipe lan tỏa trên khuôn mặt đã hằn những nếp thời gian của nhà văn Thanh Lê tạo thêm nét nghệ sĩ. Sợi khói ngừng lại khoảnh khắc biến ảo vào khoảng không tạo thành nhiều hình trừu tượng rồi loãng bay có sợi len vào mái tóc ngả màu sương. Mang tâm hồn đa cảm nghệ sĩ tính nhưng ông lại hành nghề cầm ống nghe ống chích để nuôi nghiệp văn chương nên viết tiểu thuyết diễm tình với văn phong thật bay bướm là lướt. Các nhân vật trong truyện được dàn dựng đầy kịch tính, sốt ruột, thể nhưng ở ngoài đời ông lại lặn lội về đường tình ái do đó vẫn độc thân! Hồi còn trẻ ông rất đào hoa, là một y sĩ giỏi, một người lính gan dạ từng xông pha nơi chiến trường. Thuở đó ông rất tự tin, hơi chủ quan ý nhà giàu lại thành đạt thêm tính ham vui nên không thích lập gia đình sớm. Đến khi miền Nam mất ông đâm ra thất vọng, chẳng còn thiết gì nữa đành nhắm mắt buông xuôi theo vận nước đầy đưa, do đó ông cùng chung số phận với bao chiến hữu khác xách gói vào nhà tù! Một hôm ông nói với mấy người bạn tù:

« -Bọn lưu manh chính trị đã thành công trong việc khai thác lòng thành của những kẻ say mê 'tà thuyết' để dẫm lên xương máu của người dân vô tội ! Bạo lực dù có mạnh đến đâu thì cũng chỉ chiếm được đất chứ nào chinh phục được lòng người ? Ở một đất nước mà những người giỏi đều bị bắt nhốt tù hết thì làm sao đất nước đó phát triển ?!»

Ở tù được một thời gian không lâu, vì nhu cầu thiếu chuyên viên kỹ thuật nhà nước Cộng Sản buộc lòng phải thả một số ít chuyên viên kỹ thuật về sớm. Đốc tờ Thanh Lê thuộc diện này, nhưng tính ông rất thẳng lại phải nghe những điều trái tai giáng dạy từ cán bộ quản giáo nên ông thường hay lên tiếng « sửa sai» chỉnh lại những lời của quản giáo, điều đó đã khiến ông bị ghép tội chống đối, châm biếm chế độ, bởi thế ông bị nung gán chục cuốn lịch và đã trải qua nhiều trại tù từ nam ra bắc. Khi được thả, ông vượt biên mà không chờ đi theo diện H.O sang Mỹ. Ông thích đi Pháp vì ngày trước ông đã học y khoa bên này, hơn nữa trong lòng ông vẫn còn mối hận đối với một số ít chính khách Mỹ, vì quyền lợi riêng tư đã phản bội quân đội Việt Nam Cộng Hòa, những người bạn từng sát cánh với người Mỹ chiến đấu vì lý tưởng tự do. Ông nghĩ : *«Trên giải đất quê hương Việt Nam người Mỹ đã đổ quá nhiều xương máu. Họ đến mang theo niềm tin khơi mở cho sự tự do, như một tia sáng lóe lên trong đêm tối... rồi tắt ngấm ! Bỏ lại sau lưng một vực thẳm, một bầu trời đêm đen !...., Họ ra đi nhưng nơi đó vẫn còn những vết hằn sâu kín, những nỗi niềm ứ đọng khiến những dòng nước mắt chảy mãi chưa khô ! ».*

Thuở mới học xong, về nước ông có yêu đắm đuối một người con gái và cùng nàng thề non hẹn bể, nhưng bố mẹ của nàng ham giàu muốn gả nàng cho một thương gia khá tuổi, trí thức gốc Chợ Lớn. Nàng đau khổ muốn cự tuyệt cuộc hôn nhân này nên chạy đến tìm chàng mong cùng chàng thoát ly gia đình tìm phương trời xa ẩn náu để hưởng hạnh phúc. Nàng còn trong

ngưỡng cửa gia đình, chưa có kinh nghiệm đời nên cứ tưởng con tim muốn là được ! Nàng nghĩ đơn giản quá ! Đất nước đang lúc mịt mờ khói lửa chiến tranh nàng muốn ẩn náu nơi đâu để sống riêng hạnh phúc? Nhất là danh dự và thể diện bên gia đình người chồng tương lai nào để yên ? Và lại gia đình chàng cũng đâu cho phép cậu con quý vợ của kẻ khác? Cuộc tình đẹp nhưng bỗng tan vỡ một phần cũng lỗi tại chàng cứ dửng dưng chưa muốn lập gia đình vì còn thích bay nhảy, không muốn bị ràng buộc trách nhiệm nên chẳng chịu ngó lời xin cầu hôn trước ! Chàng viện dẫn là sắp trung tập vào lính, đợi ra trường có chỗ ổn định mới nghĩ tới việc lập gia đình.

Biên cố Tết Mậu Thân là động cơ thúc đẩy chàng xin ra làm y sĩ cho một đơn vị tác chiến, mặc dầu đã có lệnh bổ nhiệm chàng về phục vụ tại một Quân Y viện thành phố. Chàng muốn đem chút sở học sẵn có và cứu chữa những thương binh ngoài mặt trận, họ là những người cùng lứa tuổi với chàng đang hiên ngang bước vào cõi chết, xem nhẹ bản thân mình để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong số đó có xương máu của rất nhiều bạn bè thời thơ ấu cùng phố, cùng lớp với chàng đã hy sinh để chàng được an nhiên du học Pháp. Chàng không thể vì chút tình riêng mà thiếu trách nhiệm của người trai thời chiến, do đó chàng đã thành khẩn xin nàng thông cảm mà chờ đợi... Nàng đã hứa nhưng do áp lực của gia đình quá mạnh, bố mẹ nàng đã nhận quá nhiều ân huệ của phía họ, vì chữ hiếu nàng đã bóp nát trái tim mình mà đành phụ tình chàng!

Ngày nàng lên xe hoa, chàng hoàn toàn không hay biết; chính thời điểm đó chàng đang hành quân ở Khe Sanh. Ở đây nổi chết vờn quanh, mặt trận đang khốc liệt,

đơn vị chàng ngày đêm chịu hàng ngàn trái pháo đủ loại trên ngọn đồi không cao quá 1000 mét. Đạn pháo rất quá khiến trực thăng tải thương không xuống được bãi đáp, xác những người lính gói trong poncho bày la liệt, mùi tử khí nồng nặc ! Rừng đêm sương xuống càng giá lạnh, gió núi thổi rì rào nghe náo nề. Thỉnh thoảng những trái pháo rớt gần xé màn đêm, chớp sáng loáng trên những chiếc poncho chập chờn như những oan hồn ẩn hiện. Nhiều lúc tiếng mảnh pháo rớt cạnh sườn núi nghe rợn người, tuy có mồi mệ nhưng chàng không nao núng dù chàng đã không ngủ mấy ngày liền vì phải lo cho những thương binh. Sáng nay, tiếng súng tạm ngưng vì đêm qua địch đã bị đẩy lùi. Chàng thầm nghĩ: *«Thế là mình còn sống thêm một ngày sau những tuần lễ mưa pháo đạn hải hùng... mình có thể lấy phép thường niên về Sài Gòn đưa em dạo phố...»*. Chàng bước ra ngoài hầm trú ẩn, hít một hơi thật mạnh, bỗng chàng dừng lại ở phía giao thông hào... những xác binh sĩ vừa chết trận đêm qua chưa kịp gói đang co quắp. Chàng thở dài than thầm: *«Chẳng biết đến bao giờ cuộc chiến này mới chấm dứt ?... Ở đây nổi chết rình rập vờn quanh. Chiến trường quả là mồ chôn các chiến sĩ ! Ôi, chiến thắng nào mà không có máu và nước mắt !»*.

Chàng nhớ lại những ngày ở Pháp sắp về nước: "Hồi đó phong trào phản chiến khắp nơi đang âm ỉ sắp bùng lên. Những người hô hào đòi phản chiến họ chẳng biết gì về chiến tranh, họ chạy theo mode làm ra người trí thức đòi quyền sống cho nhân sinh. Họ là những người đã bị chủ nghĩa Cộng Sản làm mê hoặc qua nhãn hiệu "hòa bình," nhưng thật ra họ sợ chiến tranh tước đoạt đi những quyền lợi của bản thân, họ không

muốn hy sinh dù nhân danh bất cứ thứ gì. Nếu tất cả người Mỹ, người Pháp đều phản chiến như họ thì ngày nay nước Mỹ vẫn chưa có độc lập và nước Pháp vẫn trong vòng kèm tỏa của Đức Quốc Xã ?". Tiến về phía hàng rào nơi anh em lính đang chuyển những xác của đồng đội mà lòng chàng trào dâng tê tái, và thầm nghĩ: *« Phải chăng chiến tranh là sự chém giết lẫn nhau của những người không quen biết để cho những người đã từng quen biết nhau đang ngồi chiếc ghế lãnh đạo ở Sài Gòn, Hà Nội hưởng lợi ? Trước hiểm họa của Cộng Sản thì dù cho có phải mất mát, hy sinh hơn. Cuộc chiến một mất một còn với Cộng Sản trong lúc này là cần thiết và chính đáng, chàng bằng lòng làm kẻ hy sinh cho lý tưởng tự do, chứ không phải vì những người ấy ! »*.

Những chiếc trục thắng tải thương xuống tập nập, trong đó có những thực phẩm, quân trang, đạn dược và thư tín. Người lính mang đến cho chàng một xấp báo chí và mấy lá thư. Chàng vui sướng khi nhận được thư nhà và mở ra. Nhìn những hàng chữ trên thiệp hồng, chàng thấy choáng váng và buột miệng than: *« Trời ơi, nàng đã đi lấy chồng ! »*

Chàng đau khổ, hồn thờ thẩn ! Ý định nghỉ phép về Sài Gòn vụt mất !... Từ đó chàng trở nên ít nói, ít cười và buông thả đời mình theo số mệnh. Mỗi lần về phép Sài Gòn chàng thường mượn men rượu, khói thuốc và đàn bà để quên tình ! Trong men say, chàng nói với bạn bè:

- « Đàn bà thì người nào thể thốt cũng hay cả... nhưng chẳng ai chung tình? Họ chỉ biết... tiền thôi ! ».

Chàng cười ngặt nghẻo rồi gục trên vai người bạn, thiếp đi.

Rồi biến cố tháng tư năm 1975 ụp xuống Miền Nam và đã cướp của chàng tất cả, trong đó có cuộc tình sâu !

Sau khi tù ra, chàng vượt biên đến Pháp tị nạn. Nhờ bạn bè cũ, chàng biết tin nàng đã cùng gia đình di tản sang Hồng Kông trước năm 75 và đang định cư ở Canada. Nàng vẫn sống với gia đình, chồng nàng tuổi đã cao nhưng vẫn trông coi một hiệu buôn lớn, còn hai đứa con nàng đã thành tài. Mãi đến mấy năm sau nàng mới biết tin chàng ở Pháp, nàng đáp máy bay qua thăm chàng. Chiều Paris nắng không đủ ấm da thỉnh thoảng có cơn gió se lạnh ! Con đường hẹn hò trở nên thơ mộng hơn ngày thường, lá thu rơi đầy lối đi như lát vàng làm ấm mỗi tình xưa. Gặp nhau mắt nàng đầm lệ, nàng ngây ngất như đang sống lại thuở tình với năm xưa. Nàng thỏ thẻ:

- « Xin anh tha lỗi cho em..., suốt mấy chục năm nay em sống như kẻ mất hồn !... Em sống chỉ vì con. Tâm hồn em đã gởi theo anh từ dạo đó... Chồng em biết nhưng không hề can dự đến chuyện riêng tư của em... và em vẫn giữ trọn đạo làm vợ, làm mẹ cho đến ngày nay ! »

Chàng nhìn nàng triu mến nói:

- « Anh nào dám trách em !... Chuyện ngày đó chúng mình đang dở, nếu có trách... là trách anh... Tại anh lúc đó chưa có ý thức sâu xa về hạnh phúc ! »

Mắt đầm lệ, nàng hỏi:

- « Chắc bây giờ anh hiểu thế nào là hạnh phúc ? ! »

Chàng ngược lên bầu trời, nhìn những áng mây bay ở cuối chân trời, ánh mắt chàng xa vời nói:

- « Bây giờ không những anh hiểu... mà còn thêm em ạ ! Em xem đám mây trắng lơ lửng cuối trời, nó đẹp quá em nhỉ ? Hạnh

phúc thì cũng chỉ là áng mây, thứ điểm trang cho bầu trời, nó muôn sắc, bỗng bẽnh sương khói thật... rồi một thoáng cũng tan biến !»

Nàng rầu mặt buồn bã hỏi:

-«Mấy chục năm gặp lại, anh có vẻ bị quan quá ?!»

Chàng nhún vai trả lời:

-« Chẳng phải bị quan đâu em ! Đây chỉ là kinh nghiệm sống mà anh đã trải qua... chiến tranh, tù đầy và biệt xứ đã dạy anh hiểu thế nào là chân giá trị của sự hạnh phúc ! Có bao giờ em nghĩ hạnh phúc chỉ là niềm mơ ước ? Anh đã từng ôm những ước mơ lớn nhưng chỉ là giấc mơ hư ! Và có những ước mơ nhỏ nhoi dù đó là ước mơ ăn được củ khoai nóng những lúc đói khát trong tù ?»

Nàng nhìn chàng thương xót, nàng nghĩ: *«Có lẽ những năm tù đầy khốn khổ đã cướp mất tình hồn nhiên yêu đời của chàng?!»*

Mắt nàng tha thiết nói :

-« Em muốn giúp anh một số vốn để anh dời phòng mạch về trung tâm người Á Châu?»

Chàng chưa chút cười :

-« Xin cảm ơn lòng tốt của em. Tình yêu là thứ cao quý nhất mà anh chẳng giữ được, tiền bạc cho lắm xuôi tay cũng thành sương khói?! Và lại anh chỉ là thầy thuốc của các bệnh nhân, chứ đâu là bác sĩ chỉ đặc biệt dành riêng cho người nào, dù là Á Châu hay Âu Mỹ !»

Biết mình lỡ lời, nhưng nàng vẫn cảm thấy ghen ghen vì lòng tốt của mình đã bị hiểu lầm nên nàng cố dẫn tự ái ... và chuyển câu chuyện. Nàng không muốn bao năm chờ đợi, giờ tìm được nhau để rồi sẽ vĩnh viễn mất nhau !:

-« Em dạo này già rồi nên nói năng vô duyên ! Nhiều lúc còn hay quên nữa !»

Chàng ngắm nàng ánh mắt triu mến, và tha thiết nói:

-« Không phải thế đâu em ! Giọng em còn trong, thanh âm ngọt ngào... và nhất là em còn trẻ đẹp lắm !... Nhan sắc này vẫn còn quyến rũ với đời cỡ mười, mười lăm năm nữa !»

Như một phép lạ, nàng bỗng cảm mình trở lại tuổi đôi mươi, tâm hồn đầy hưng phấn, sự ấm áp của tình yêu thuở ban đầu. Những giọt nước mắt sung sướng đã trào ra, nàng khép vội bờ mi nhưng nước mắt vẫn ứa đầy ! Nàng yên lặng tận hưởng khoảnh khắc hạnh phúc mà tưởng chừng không bao giờ gặp lại cái giây phút mà nàng đã đợi chờ suốt mấy chục năm. Nàng biết thời gian vẫn chưa làm dung nhan nàng phai tàn, nhưng lại không tự tin khi đứng trước chàng ! Nàng rất hồi hộp và lo sợ, sợ khi gặp lại chàng sẽ chê già. Nàng run run thò thè:

-«Em... vẫn còn... yêu anh !»

Chàng cảm thấy đôi mắt cay, nhưng cố nén xúc động và giữ khoảng cách:

-«Anh cũng thế !»

Nàng quá xúc động bật khóc nức nở :

-«Tại sao anh không lập gia đình ?»

Chàng thờ dài trầm giọng :

-«Trái tim anh một nửa cho quê hương và một nửa cho em, tất cả đã xa khỏi tầm tay thì anh còn thiết tha gì nữa mà lập gia đình ?!»

Hàng cây bên đường hình như thấu cảm cho mối tình ngang trái nên khẽ reo lên trong gió và buông đầy lá vàng. Nàng nức nở khóc và ngã vào cánh tay chàng. Nàng khóc ướt đầm vạt áo chàng, nàng ôm chặt chàng và quên mất ngoại cảnh. Chàng cứ để cho nàng khóc... Khóc cho bỏ nhớ nhung, cho cuộc tình vui đi những muộn phiền đã chồng chất tháng ngày !

Chàng ôm chặt nàng như sợ mất, và trầm nghĩ:

-«Tình ơi ta vì em và yêu em, ta không muốn em lầm lỗi đánh mất sự tinh khiết!»

Chàng không muốn mình trở thành kẻ phạm tội làm khổ đời nàng thêm một lần nữa nên mạnh dạn buông nàng ra khỏi cánh tay và trân trọng tha thiết nói:

-«Anh biết suốt mấy chục năm em âm thầm đau khổ, nhưng em vẫn là người vợ tốt, người mẹ hiền. Anh hy vọng rằng em cứ giữ mãi đạo nghĩa đó. ...Tấm lòng của em dành cho anh,...anh xin ghi khắc. Và dù mai này ở bất cứ phương trời nào anh vẫn nhớ em, xin em hãy giữ lại cuộc tình, và trân trọng nó để tình ta mãi đẹp như bài thơ anh đã viết tặng em ! »

Nàng như tỉnh giấc mơ vội lau nước mắt, môi nhòen nụ cười buồn:

-«*Biết được lòng anh, em cảm thấy tình yêu của mình đầy ý nghĩa... đâu cần phải sống chung mới là hạnh phúc...Em đã hiểu được cái hạnh phúc đích thực trong ý nghĩ anh...Dù anh chỉ cho em có nửa trái tim, còn em cho anh cả tâm hồn nhưng cả hai chúng ta đều chung một hạnh phúc !*»

Hai người nắm chặt tay nhau đồng cười to lên vì đã hòa tâm ý, và từ đó họ không còn gặp nhau nữa nhưng tình vẫn bền nhau./.

Đỗ Bình
(Paris)



HOA HƯỚNG DƯƠNG của NGUYỄN HUY LINH

TRỜI ĐẤT và HƯ KHÔNG

Duyên lành từ độ dòng trăng
Mà lòng tan tác bể bàng thuyền anh
Vì đâu sóng dập mù cam
Vì đâu sông cạn gọi thăm đau thương?

Ai người vỡ lệ yêu đương
Ai người xoá hết mùi hương sâu hằn?
Dòng đời lặng lẽ vô tâm
Xa xôi vì nổi in hằn vết môi..

Em là hình, bóng là tôi
Xuyên xao lên tiếng tình khôi còn chờ
Lòng tha thiết chuỗi ngày mơ
Dòng trăng vẫn sáng giữa bờ tương tư..

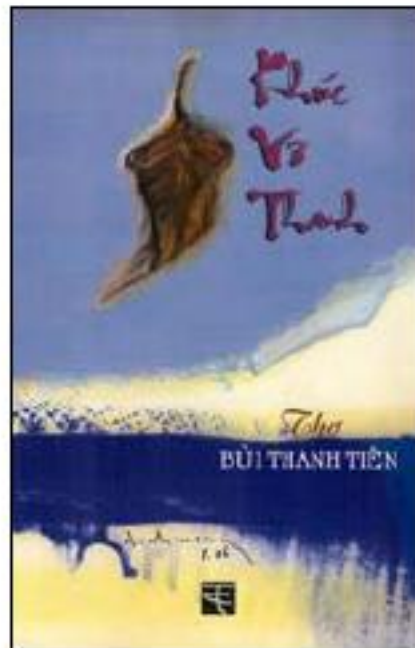
Em tôi bé bỏng, hình như
Tình yêu chợt đến.. già từ bên xưa
Nửa đường hoa mộng đông đưa
Dấu môi còn ngọt mà.. thừa thốt lòng!..

Giữa trời đất và hư không
Thời gian là nổi rêu rong một đời...

VA, ngày 20 tháng 4, 2015

Bùi Thanh Tiên

(tặng o)



VỤN VẬT ĐỜI THƯỜNG

Sáng đọc tin quê nhà đôi mới
Vấn Đông Tây đụng chạm liên hồi
Lo non sông vương vòng nô dịch
Mắt mẹ buồn hồ lệ chẳng vơi

Ngày bó gói trông bày cá lội
Mây bông hoa đã chóng tàn rồi
Buồn lên mạng thấy tên bằng hữu
Sạch nợ đời an giấc nghỉ ngơi

Đêm ngủ mơ nghe bom pháo dội
Đường Trường Sơn rải rắc xương phơi
Mẹ cô đơn thần thờ bên suối
Kiếm xác con leo mấy núi đồi

Đất Bắc Mỹ ngày qua rất vội
Đông chưa tàn tuyết phủ nơi nơi
Quê hương giờ chúa xuân đang lại
Có bướm bay, mai nở đẹp trời

Được ở nhờ - chùa bà cả đội
Tết tha hương vắng bạn thăm chơi
Hòm thư tin chán không thêm mở
Đáo hạn rồi lo nợ gấp đôi

Lại giờ chứng xe tăng lăm tội
Mấy khi không tắt ở lẩn vôi
Cạn tiền rồi hết đường tu bổ
Bãi rác hoang đem bỏ xế tôi

Chuyện thế gian hoài công nghĩ ngợi
Dầu buồn hiu cũng nhếch môi cười
Nghe thân xác báo hồi suy yếu
Trượt dốc đời e bỏ cuộc thôi

Ước lúc chết hồn nương gió lộng
Như xa chơi chẳng có tấm hơi
Cõi thiên đàng khó lòng bay tới
Hóa dã tràng đùa sóng biển khơi

Lý Hiểu

VA.02/2015

CƠN MƯA BẮT CHỢT

TIỂU THU

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 70)

...Một tuần lễ đã trôi qua mà Bảo vẫn biệt vô âm tín. Sáng Chúa Nhật Ngọc Châu sửa soạn qua thăm Mỹ Liên, lấy cớ đem cho cô mấy mẫu thêu mới. Mỹ Liên sai người làm ra chợ mua bánh xèo về hai người ăn với nhau. Ngọc Châu nói sao không rủ anh Bảo ăn luôn cho vui thì Mỹ Liên cho hay Bảo qua Long Xuyên chơi mấy hôm rồi vẫn chưa về. Ngọc Châu hỏi thêm:

- Chúa nhật rồi hết hụi xong sao Liên không ghé vườn soài làm tụi này đợi quá chừng. Mỹ Liên mở to mắt:

- Ghé vườn soài? Còn hết hụi gì? Bồ với anh Bảo đi chơi vườn soài hả. Mình có nghe anh nói gì đâu... Ngọc Châu nghe tới đây thì đôi rưng rưng, đưa đang cầm trên tay tự động rớt xuống bàn. Cô há miệng mà nói không nên lời. Thấy mặt bạn bỗng đỏ ra, trắng như tờ giấy Mỹ Liên hốt hoảng hỏi:

- Ngọc Châu, chị bị sao vậy? Khi thấy hai hàng nước mắt sắp trào ra, Mỹ Liên vội lôi tay bạn kéo vô phòng riêng. Ấn bạn ngồi xuống giường, cô hỏi giọng lo lắng:

- Có chuyện gì bồ kể cho mình nghe đi. Anh Bảo đã làm gì bồ?

Mặc cho bạn hỏi, Ngọc Châu chỉ biết khóc mùi mẫn. Đoán được phần nào câu

chuyện nên Mỹ Liên để yên cho Châu khóc. Cô chỉ còn biết ôm vai vỗ về và lau nước mắt cho bạn mà thôi. Một lúc sau giọng lệ hầu như đã cạn, với giọng tức tưởi nghẹn ngào, Ngọc Châu kể hết cho Liên nghe câu chuyện đi chơi vườn soài. Nghe tới khúc Bảo ép Ngọc Châu uống rượu, Mỹ Liên buột miệng:

- Lại cái mừng cũ!

Ngọc Châu hỏi vội:

- Bồ nói mừng cũ là sao?

Mỹ Liên chép miệng, thở dài ngao ngán:

- Bồ không phải là người đầu tiên bị lọt vô bẫy của anh Bảo đâu. Anh đã dùng cách này nhiều lần rồi. Nói chi xa, năm ngoái ba má tôi đã tốn một món tiền khá bộn cho gia đình một cô gái ở bên Chợ Cái Dầu. Ai đời con người ta mới có mười sáu tuổi. Thằng anh của cổ là dân anh chị. Họ hăm chém anh Bảo nên ông bà già hoảng hồn phải năn nỉ xin bồi thường, rồi chưởi cho một trận tới tay. Anh thể sống thể chết là sẽ chừa. Vậy mà bữa nay lại tái phạm. Thiệt táng tận lương tâm! Thôi bây giờ chị cứ yên tâm về trường, mình đợi anh Bảo về đây sẽ hỏi cho ra lẽ. Có gì mình cho chị hay liền. Anh lạng quạng mình sẽ mét ông bà già. Nghe Mỹ Liên nói vậy Ngọc Châu cũng đành từ giã trở về trường. Cứ nghe Mỹ Liên kể thì Bảo chỉ là một tên lưu manh gạt tình đàn bà con gái. Chuyện cưới hỏi chỉ vô vọng mà thôi. Qua mấy đêm trường thức

trắng, mặt mày Ngọc Châu hốc hác đến nỗi ai cũng tưởng cô bị bệnh. Tối ngày thứ ba Mỹ Liên mới qua. Nhìn sắc mặt buồn thảm của bạn, Ngọc Châu biết ngay là tin buồn. Nắm chặt hai bàn tay lạnh ngắt của Châu, Mỹ Liên buồn bã nói:

- Bữa nay anh Bảo đã bỏ đi Sài Gòn. Anh gọi lời xin lỗi chị.

Nuốt ực nổi cay đắng vào lòng, Ngọc Châu gượng cười tuy đôi mắt đã nhòa lệ:

- Cũng tại tôi thôi. Liên đã nhắc nhở mấy lần mà tôi không chịu nghe. Từ đây về sau tôi sẽ cẩn thận hơn không còn nệ dạ như lần này nữa.

Mỹ Liên an ủi bạn vài câu rồi từ giả. Cô sợ nếu ở thêm chắc cô không kể được sẽ tuôn ra hết những lời lẽ khó nghe của ông anh trời đánh lúc hai người cãi lộn với nhau. Chỉ sợ nghe rồi Ngọc Châu chịu không nổi! Chơi đã đời mấy ngày bên Long Xuyên, vừa ló mặt vô nhà là gặp ngay bộ mặt hầm hầm của em, Bảo biết có chuyện nên cười giả lả:

-Anh đi vắng bộ ở nhà có chuyện gì hả?

Mỹ Liên quắc mắt, gằn giọng:

-Phải, có chuyện động trời! Mà thôi anh đừng có giả mù sa mưa. Ngọc Châu đã kể hết cho em nghe rồi. Tại sao bạn thân của em mà anh cũng không tha???

Bảo nhướn cặp lông mày:

-Tại cổ tự nguyện đi chơi với anh mà. Anh đâu có trối cổ dẫn đi. Bữa đó cổ rất vui vẻ. Tối lúc về cổ cũng có trách gì anh đâu?

Mỹ Liên lắc đầu, thở ra một hơi dài tỏ vẻ chán chường:

- Thôi không thêm cãi với anh nữa. Bây giờ anh tính sao? Không lẽ anh định chơi qua rồi bỏ như những lần trước? Em cảnh cáo anh. Bạn thân của em đó.

- Bạn em rồi sao, Bảo khinh khỉnh hỏi lại, không lẽ bắt anh phải cưới cổ? Nói cho em biết, vợ anh sau này phải con nhà giàu, đẹp lòng lấy và điều quan trọng là phải trong trắng cho đến ngày lên xe hoa về với anh... Nghe tối đây chương cái lỗ nhĩ quá, Mỹ Liên cười khẩy:

- Thiệt hết thuốc chữa. Cứ cái đà này em chỉ lo anh không còn mạng để cưới cái cô vợ lý tưởng của anh mà thôi! Chưa gì anh đã quên vụ con Lành bên Chợ Cái Dầu rồi. Anh ác quá trước sau gì cũng bị quả báo cho coi. Bây giờ em ra kể hết cho ba má biết chuyện này để ba má liệu mà xử...

Thấy em gái có vẻ quyết liệt, Bảo đâm hoảng vội kéo tay Mỹ Liên lại, xuống giọng năn nỉ:

-Em làm gì dữ vậy. Anh nói thì nói vậy thôi, để từ từ rồi tính. Chuyện đâu còn có đó. Anh hứa không bỏ bạn em đâu.

Mỹ Liên nghe vậy cũng bớt giận:

-Được rồi em không mét, nhưng anh tính gì thì tính lệ lên để em còn cho Ngọc Châu biết tin. Mấy bữa nay chỉ khóc quá trời.

Hởi ơi dò sông dò biển dễ dò, nào ai đo được lòng người! Sáng sớm hôm sau Bảo lẳng lặng xuống tàu đò, tới chợ Sađéc lên xe đò đông tuốt lên Sài Gòn tá túc nhà cô chị lấy chồng Tàu trong Chợ Lớn. Chỉ để lại bức thư cho ông bà già nói có chuyện gấp lắm. Mỹ Liên bị gạt tức cảnh hông đem

chuyện Bảo lừa Ngọc Châu kể cho cha mẹ nghe. Hai ông bà tá hỏa. Tự trách mình đã cứng chiu thằng con trai duy nhất quá độ nên đâm hư. Giờ hối hận cũng đã quá muộn. Chỉ sợ ác lai ác báo, có ngày nó sẽ gặp chuyện không may. Mà ông Trời có mắt thiết, sau này cậu ta thân tàn ma dại vì vướng phải bình giang mai do một cô vũ nữ trên Sài Gòn thân ái trao cho.

Phần Ngọc Châu buồn quá nên xin nghỉ dạy về Cao Lãnh ở luôn, viện cớ ông già lúc này sức khỏe suy yếu. Sẵn người chị chú bác có tiệm may khá lớn tại chợ Ngọc Châu xin hợp tác. Cô nhận thuê quần áo và dạy học trò luôn, trong số đó có út Hương. Không thiếu người ngắm ghé, muốn xin bàn tay khéo léo của cô về để nâng khăn sửa túi cho họ. Nhưng giờ đây cô nhìn tất cả đàn ông trên cõi đời nầy bằng cặp mắt nghi ngờ và đầy ác cảm. Nơi người nào cô cũng thấy hiện lên con quỷ dâm dục. Dĩ nhiên cô không hề kể cho bất cứ người nào nghe chuyện ô nhục của mình. Ban đầu ai nấy đều khuyên cô lập gia đình, cô chỉ cười nói muốn ở vậy phụng dưỡng cha mẹ già, riết rồi mọi người để cô yên luôn. Cho đến ngày cô trở thành... mỹ nhân cứu anh hùng xã Trung bị say túy lúy thì cô vừa tròn tròn ba mươi cái xuân xanh! Cha cô mất hai năm trước đây. Bây giờ chỉ còn hai mẹ con hủ hủ sớm hôm. Bữa nay Chúa nhứt cô về sớm hơn ngày thường nên mới gặp ông xã say gục trước cửa nhà...

Sau khi uống ly nước chanh đường và lau mặt bằng nước lạnh, xã Trung cảm

thấy khỏe nhiều, đầu óc bớt choáng váng nên đứng lên xin phép ra về. Ngọc Châu nói ông có chắc đạp xe nổi không. Tôi nghe nói sau cơn say tứ chi bủn rủn hết đó.

Xã Trung cười một cách ngượng nghịu:

-Cô yên tâm. Tôi thấy khỏe lắm rồi. Không hiểu bữa nay ông bà gì khiến mà tôi uống nhiều dờ vậy hổng biết. Nếu không có cô chắc giờ này tôi còn nằm ở ngoài đường quá! Thiết cảm ơn cô và bác gái hết sức. Bây giờ tôi xin phép đi về.

Ngọc Châu nói vài câu xã giao rồi đưa xã Trung ra cửa. Chiếc xe dựng bên hông nhà. Ông xã lên yên xe rồi còn ngoái lại, thấy Ngọc Châu đứng tại cửa nhìn theo thì cười và đưa tay ra dấu giã từ. Cô cũng mỉm cười chào lại. Cô bỗng giật mình tự nói thầm: Kỳ cục chưa. Mọi bữa cô đâu có tỏ ra thân thiện với người đàn ông nào như vậy? Hổng lẽ cô đã thay đổi quan niệm về họ? Họ không còn là con ác thú trong mắt cô?... Bao nhiêu câu hỏi cứ theo làm phiền cô cả lúc lên giường. Cô tự vấn lại lòng và ngạc nhiên biết bao khi thấy sự thù hận trong cô đã tắt từ lúc nào. Sở dĩ trước kia cô từ chối những người đàn ông khác vì vết thương còn quá mới, nỗi đau trong lòng cô chưa thuyên giảm. Rồi thời gian nhanh như vó câu qua cửa sổ, cô đã quá xuân thì. Vướng vào tình cảnh trên không nhìn xuống, dưới không dám ngó lên! Tình cờ bữa nay gặp xã Trung, tuy tình huống có đặc biệt một chút nhưng cô mới có dịp vấn lại lòng mình. Trước kia nhìn xa xa cô thấy ông xã rất đẹp người. Cao lớn nhưng không thô, sau này cô biết nhờ đá banh và

đi xe đạp. Bữa nay cô có dịp nhìn kỹ khi ông còn nằm mê man trên bộ ngựa gỗ... Mái tóc dày cắt ngắn chỉ lấm tấm vài sợi bạc. Chiếc mũi cao trên cặp môi đều đặn. Nước da trắng nhưng rám nắng tạo cho ông một sắc thái khỏe mạnh. Thoạt nhìn người ta đoán ông chỉ độ ba mươi ngoài. Không biết có phải ai cũng vậy không chờ nhìn ông Trung nằm ngủ, nét mặt ông coi thư thái và hiền lành dễ sợ. Hơn nữa, một người mất vợ đã ba năm mà còn buồn phải mượn rượu giải sầu, đến nỗi say túy lúy càn khôn như vậy chắc không phải là người xấu. Nghĩ tới đây Ngọc Châu bỗng cười tủm tỉm một mình rồi từ từ chìm vào giấc ngủ êm ái... Và dĩ nhiên trong giấc mộng đêm đó có hình ảnh một người hùng bị té ngựa... sất!

Xã Trung đạp xe mà đầu óc nghĩ ngợi mông lung. Đã ba năm rồi ông không được bàn tay đàn bà săn sóc. Sự ân cần của cô Châu khiến ông cảm động. Tuy không xinh đẹp như vợ ông lúc sinh thời, nhưng với cặp mắt to tròn hiền dịu và nụ cười nở hoa của cô khiến lòng ông không khỏi xao xuyến... Qua mấy ngày rồi mà đầu óc xã Trung vẫn còn vương vấn một khuôn mặt dễ mến của ai kia. Rồi như định mệnh khiến xui, một hôm qua thăm ông bà Cai tổng, xã Trung gặp út Hương mới đi chợ Cao Lãnh về. Gặp anh cô út tút tít kể chuyện vừa rồi có gặp cô giáo Châu dưới chợ. Cô bỗng nhìn ông anh chăm chú:

- Cô Châu hỏi lúc này anh khỏe không? Nói em nghe làm sao anh quen cô

Châu. Em biết tánh cổ khó dần trời. Lúc em học, mấy đứa bạn nói cô Châu rất ghét đàn ông. Cũng không ai hiểu tại sao cổ không chịu lập gia đình. Cô bỗng nhìn ông anh từ đầu tới chân rồi cười cười:

-Em thấy hai người rất xứng đôi!

Ông xã giựt nảy mình:

-Ý, đừng nói bậy bạ. Rủi tới tai cổ phiền lắm. Em quên rằng anh vừa góa vợ, hai con, vừa già hơn cổ nhiều quá. Anh làm sao xứng chớ?

Út Hương cười dòn:

-Cái gì mà già. Anh mới bốn mươi lăm chớ mấy. Cổ ba mươi nè. Đàn bà ba mươi rồi là kể như... lú! Hơn nữa anh còn đẹp... lão dữ lắm! À anh chưa kể tại sao quen cô Châu?

Sau khi nghe xong, út Hương cười đắc thắng:

-Đó anh thấy chưa. Cổ đã săn sóc anh tận tình như vậy lại còn cười duyên với anh nữa thì là dấu hiệu tốt rồi. Biết đâu anh chị có duyên nợ với nhau nên mới khiến anh té ngay trước nhà cổ. Thôi được rồi, anh yên tâm để đó em lo.

Chúa Nhựt sau út Hương thấp tùng ông anh xuống nhà cô giáo Châu làm một màn cảm ơn rất nồng nhiệt. Ông xã đem biếu mẹ con cô cặp vịt xiêm mập tròn và chục cam sành vườn nhà để bác gái tắm bổ. Có út Hương nên hai người cũng bớt ngượng ngùng lúc đầu. Dần dần câu chuyện trở nên thân tình hơn vì dù sao út Hương cũng học với cô Châu hai năm tròn. Rồi từ đó út Hương chịu khó tới thăm cô giáo cũ của

mình thường hơn. Đôi khi có ông anh đi cùng. Thỉnh thoảng mời lại cô giáo lên nhà ăn cơm. Tức nhiên có sự hiện diện của ông anh quý. Nửa năm sau thì ông anh tới thăm cô giáo thường xuyên hơn cô em gái.

Một hôm ông xã tới sau bữa cơm chiều. Nhằm lúc rằm Trung thu nên ông có đem biếu má con cô Châu hộp bánh nướng. Cô nấu trà mời mẹ và ông xã ăn luôn. Mẹ cô ăn xong cáo lui vô buồng. Còn lại hai người. Thấy ông có vẻ bồn chồn, muốn nói gì đó rồi lại thôi. Mấy ngón tay cứ gõ nhịp trên mặt bàn. Đôi ba lần như vậy, Ngọc Châu lấy làm lạ hỏi:

- Anh Trung có chuyện gì lo nghĩ phải không? Em có giúp được gì không?

Hít một hơi thật dài để lấy can đảm, xã Trung đưa tay nắm bàn tay mềm dịu của Ngọc Châu rồi nói một hơi:

- Có chuyện này tôi muốn nói với Châu từ lâu rồi. Nếu Châu không hài lòng xin cũng đừng giận tôi.

Bị nắm tay thành lĩnh, Ngọc Châu vừa giựt mình vừa mắc cỡ. Cô chớp chớp cặp mắt nói nhỏ:

- Dạ, anh cứ nói.

- Chắc Châu cũng hiểu tại sao tôi thường đến đây. Tôi tự biết mình không xứng với Châu... Nhưng từ khi Thu Anh qua đời, lòng tôi chưa bao giờ nảy sinh ra một thứ tình cảm như đối với Châu bây giờ. Tôi muốn hỏi ý Ngọc Châu coi tôi có chút hy vọng gì cưới... em về làm vợ hay không?

Ngọc Châu cực kỳ bối rối, cứ cắn môi mà không biết trả lời sao. Xã Trung phải

hỏi hai ba lần cô mới lấy hết can đảm ngẩng lên nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

- Em rất cảm kích tấm lòng ưu ái của anh. Xin anh đừng nghĩ là không xứng với em. Vì thật sự cũng không phải em không có cảm giác gì đối với anh đâu. Có thể một hơi dài rồi nói tiếp có chuyện này em phải kể cho anh nghe. Sau đó tùy anh quyết định. Em cho anh biết lý do tại sao em mang tiếng ghét đàn ông và ở vậy cho tới bây giờ. Xã Trung chăm chú nghe câu chuyện đau lòng của Ngọc Châu. Tối đoạn cô bị Bảo phục rượu, nhìn ánh mắt và giọng nói của cô ông nói vội:

- Nếu Châu thấy không thoải mái thì không cần phải kể tiếp. Tôi có thể đoán được phần nào...

Nhưng Ngọc Châu lắc đầu:

- Không, anh cứ để em kể hết một lần. Em nghĩ rằng em sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Anh không thể hiểu, cái bí mật này như một gánh nặng ngàn cân trong lòng em từ mấy năm nay. Coi như anh giúp em trút bỏ nó đi thôi. và cô tiếp tục... Kể rồi cô buồn bã nói nói với ông xã:

- Bây giờ anh đã biết hết. Tùy anh quyết định, em không có quyền đòi hỏi gì hết. Em đã lỡ dại làm mất đi cái quý giá nhất của người con gái. Em có lỗi... Ngọc Châu định nói tiếp nhưng ông xã đã cắt ngang:

- Không, trong chuyện này em không có lỗi. Em chỉ là nạn nhân. Người có lỗi chính là tên mất dạy kia. Nếu em là một người con gái thích chuyện trăng hoa, coi thường tấm băng trinh của mình thì mới đáng trách, đằng này em bị tên đó dùng

thủ đoạn để tiện chiếm lấy thì lại khác. Anh không phải hạng người thủ cựu một cách mù quáng đâu. Em đừng tự trách mình nữa. Thật ra phần anh cũng chỉ là một kẻ góa vợ còn đèo thêm hai đứa con. Vậy thì thưa... em, nếu em không chê kẻ già nua tuổi tác này thì xin em gặt đầu, vui lòng về làm... bà xã của anh.

Nghe ông xã Trung nói vậy, Ngọc Châu không nhìn được phải bật cười. Ông xã nhìn cô với cặp mắt đầy thương yêu:

-Em cười lên coi đẹp lắm. Anh sẽ cố gắng làm cho em cười hoài. Anh cảm ơn Trời Phật đã ban cho anh một người con gái như em.

Ngọc Châu cũng sung sướng không kém. Được một người chồng rộng lượng bao dung như ông xã thì cái vấn đề lớn tuổi không còn quan trọng. Cô tự hứa sẽ yêu thương hai đứa con chồng như con đẻ. Không cần phải, nói hai bên cha mẹ đều hài lòng. Cô út Hương tuyên bố:

-Kể từ đây em có học món bánh mới nào với chị Châu cũng khỏi cần phải trả tiền!

Cả năm đầu, Ngọc Châu khổ vì đứa con gái của ông xã không ít. Phi Loan rất thương mẹ. Bà mất đi, bao nhiêu tình thương ông xã dồn hết vào Trục và cô. Tự nhiên một người lạ hoặc nhẩy vô chiếm cái tình thương đó, dầu chỉ một phần, cô cũng không chấp nhận. Mặc cho cha, rồi bà nội, rồi cô út giải thích, lời nào Phi Loan cũng gác ngoài tai. Cô nói với mọi người rằng cô đã bất hạnh mất mẹ, bây giờ mất luôn cha. Cậu hai Trục là con trai nên

sởi lởi hơn em. Hơn nữa tuy mới hăm hai nhưng cậu đã đính hôn với Huệ Khanh là em gái người bạn cùng lớp. Cách đó hai năm, Trục qua nghỉ hè ở nhà bạn bên Sadéc cả tháng. Huệ Khanh mới mười lăm nhưng đã nảy nở rất sớm. Một thứ nhan sắc vừa ngây thơ vừa quyến rũ khiến Trục điên đảo tâm thần. Cô cũng mồ côi mẹ. Bà sanh đứa út bị làm băng nên qua đời. Cùng cảnh ngộ nên Trục càng thương Huệ Khanh hơn. Chuyện gì cô muốn là Trời muốn. Chỉ còn thiếu leo lên Thiên Đình ăn cắp đào tiên về cho cô nhỏ ăn mà thôi. Nhờ vậy cô bé cũng thấy trái tim mình thổn thức. Trong suốt năm học cậu viết thơ thường cho Huệ Khanh và chỉ mong cho hè mau tới. Đến chừng hè năm sau, thấy có thêm mấy tên đực rựa khác cũng đang dòm ngó, cậu hoảng quá về năn nỉ ông xã qua Sadéc xin cho cậu đính hôn với Huệ Khanh. Ông xã chịu con cũng lo cho xong và hai bên định năm sau Trung ra trường thì đám cưới. Trung mắc bận với cuộc tình của mình đâu còn thì giờ để ý tới chuyện khác. Ngày đám cưới của cha, Phi Loan mặt mày một đống. Ai nói gì cô cũng muốn gây. Ông xã rầu lắm, nhưng cô út nói không sao, nó còn nhỏ chưa biết suy nghĩ chín chắn, từ từ rồi sẽ quen nên ông cũng yên lòng. Ban đầu chỗ nào có Ngọc Châu là Phi Loan tránh ra chỗ khác. Bữa cơm bắt buộc phải ngồi chung nhưng cô nhỏ chỉ yên lặng ăn, không nói không rằng. Cho đến lần Phi Loan bị trái rạ nóng mê man mấy ngày. Ngọc Châu không nể

nguy hiểm tức trực ngày đêm bên giường bệnh. Lúc Phi Loan tỉnh dậy, cảm thấy khát khô cả cổ, mở mắt nhìn quanh chợt thấy bà dì ghẻ mà cô ghét cay ghét đắng đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc ghế bên cạnh giường. Rất đối ngạc nhiên cô định thần nhìn thật kỹ cái người này. Gương mặt bà trong giấc ngủ tuy hốc hác nhưng không dấu được nét hiền hậu dịu dàng. Chắc cảm nhận được có người đang nhìn nên Ngọc Châu mở bừng mắt. Thấy Phi Loan đã tỉnh bà mừng lắm vội nói:

-May quá con đã tỉnh rồi. Chắc khát nước lắm để dì rót. Vừa nói bà vừa đi lại bàn rót một ly nước ấm đem lại. Đỡ Phi Loan dựa lưng vào đầu giường, bà đưa ly vô miệng cho cô uống từ ngậm nhỏ. Xong xuôi lấy khăn nhúng nước ấm lau mặt, lau tay cho dễ chịu... Trong suốt thời gian này Ngọc Châu săn sóc con chồng từng ly từng tý nên chẳng những ông xã rất cảm động mà Phi Loan cũng thấy hết ác cảm với bà mẹ ghẻ. Khi thằng út ra đời, trong lúc bà xã còn nằm cữ, một tay cô chăm nom cho thằng em một cha khác mẹ này. Sau đó bà xã đã hết lòng chỉ dạy cho Phi Loan trở thành một cô thiếu nữ công dung ngôn hạnh vẹn toàn.

Ông Xã Trung cao giọng:

- Bây giờ con giải thích với ba và dì con sao đây?

Cậu hai cúi mặt:

-Ba à, ba có nhớ tháng năm năm ngoái ông nội bị bệnh nặng tưởng không xong, ba nhấc con về. Thằng Nam nhờ con ghé qua Sadéc đưa đồ cho ba của Huệ Khanh.

Không ngờ ông mắc đi công chuyện bên Châu Đốc. Buổi trưa em Khanh rủ con ra tiệm mì bên đầu cầu Cái Sơn ăn. Tụi con đi bộ. Lúc về nửa đường thì mưa ụp xuống. Hai đứa ướt như chuột lột. Tối tối cổ thấy khó chịu, cứ nhảy mũi liên hồi nên đi nấu một nồi nước xông để giải cảm. Con bùng đun nồi nước nóng vô buồng rồi chờ ở ngoài. Thấy lâu quá con hỏi thì cổ nói xong rồi. Con bước vô tính bùng nồi nước nguội xuống bếp. Ai ngờ... nói tới đây cậu cứ ấp úng rồi nín thinh. Thấy thái độ thẳng con như vậy, ông xã chợt nhớ tới một chuyện khác, trợn mắt:

- Rồi có phải mày làm hỗn với nó hay không?

Nghe cha hỏi vậy cậu hai hết vía vội vàng nói:

- Dạ không phải đâu ba. Chẳng là... chẳng là lúc bước vô con thấy em Khanh đang... thay bộ quần áo ướt. Cổ đang... đang dùng khăn lau mồ hôi. Ba à, ba là đàn ông ba hiểu mà. Không phải hoàn toàn lỗi tại con, mà tại cái cơn mưa bất chợt đó thôi! Với lại em Khanh không có giận con.

Ông xã thở phào, liếc nhìn bà vợ đang ngồi yên lặng nãy giờ:

- Cái thằng thiệt tình! Tao sợ mày luôn.

Bà xã tới giờ mới lên tiếng:

- Hèn chi trưa nay lúc lạy bàn thờ ông bà, mọi người đều lấy làm lạ sao cô dâu đứng ngồi đều có vẻ cáng nắng khó khăn. Ai dè... nó có bầu.

Ông xã bỗng nhăn nhó:

- Cái khó là ăn nói làm sao với tía má đây?

Cậu hai đưa mắt nhìn bà xã ra về cầu cứu. Suy nghĩ một chặp bà mỉm cười trấn an hai cha con:

- Không sao đâu. Sáng mai anh cứ để em lựa lời thưa với tía má. Được lên chúc cố bất ngờ chắc ông bà vui lắm. Thôi bây giờ đi ngủ. Chắc mọi người ai cũng mệt rồi phải không? Nhắc tới cặp mắt tôi muốn sụp xuống rồi đây nè. Vừa nói bà vừa đứng lên. Cậu hai Trung còn cảm ơn bà dì ghê hai ba lần mới chịu lui bước. Ông xã đứng dậy bước tới nắm hai bàn tay bà vợ yêu siết chặt, mắt nhìn vào mắt bà âu yếm:

- Ngọc Châu, anh sớm biết là anh không chọn lầm. Không có em, cha con anh biết làm sao qua được cái ải này. Em đúng là thần hộ mạng của anh... Vừa nói ông xã vừa đặt lên trán vợ một chiếc hôn nồng nàn. Còn hai tuần nữa là Tết, lần này em muốn cái gì anh cũng xin chịu. Chỉ cần em... phán một tiếng.

Bà xã tựa đầu vào vai chồng, cặp mắt long lanh:

- Em nghĩ là anh biết em thích cái gì rồi mà!...

TIÊU THU (Canada)

HOA TI GÔN

Mền tặng Cung Lan

Ti gön trắng muốn cài lên tóc mượt
Hái tặng em sao em lại hững hờ
Tình mới hé như ti gön chớm nở
Anh ước mơ trong giây phút đợi chờ

Tình gói ghém mong tim em rung động
Thương em nhiều anh muốn viết thành thơ
Anh đến bên em trong giấc ngủ mơ
Đợi em tỉnh anh như kẻ dại khờ

Này anh hỏi hoa ti gön tuyệt đẹp
Cảm động tâm lòng âu yếm trong hoa
Nếu duyên số đã bày tên hai đứa
Thì đã đâu còn bằng giá tim em

Mong anh vui trong con đường anh chọn
Hoa ti gön sẽ trắng mãi trong thơ
Nếu ngày nao ta có gặp lại nhau
Xin trao nụ cười nhớ kỷ niệm xưa

Diễm Trân
Tháng 2 năm 2015



Hoa Antigone
Ảnh của **TƯỜNG VÂN**
(California)

DÒNG SÔNG XƯA CÒN NGÀY TRỞ LẠI ...

Tôi trở về thăm lại dòng sông
Có bến ghe thuyền chài chến chực
Dòng nước hiền hòa hai mùa trong đục
Gốc xoan bên đường đứng độ trở bông
Chỗ thân quen, nay ai cũng lạ
Tự xót xa rồi tự thấy đau lòng.
Tên thân thuộc ngày xưa xóm Bông,
Bên kia bờ Xuyên Mỹ quê em,
Người thuở trước, bây giờ ai còn mất,
Có còn ai chằm nón với xe tầm,
Đi lòn qua ngõ cũ ghé thăm,
Những đôi mắt nhìn theo xa lạ quá
Trong những đôi mắt kia có mắt em không hở
Lâu quá rồi, tính lại mấy mươi năm,
Nước vẫn trôi ra biển xa xăm
Tôi, mây bạc giăng thành chiều núi nhật,
Mấy mươi năm phong sương phiêu bạt,
Chưa quên mùi rượu gạo Xuyên Quang,
Chưa quên những ngày Nam Phước nắng
chói chang,
Đêm gặt gù ngâm thơ thị trấn Điện Bàn,
Con đường tôi đi thân thương chừng lối,
Như vết hằn in đậm chẳng phai pha.
Tôi trở về thăm lại dòng sông
Có chiếc cầu dài như một đời chinh chiến,
Chiếc cầu còn ngủ yên, tôi từng ươm lòng
thương mến,
Khi tôi trời dạo bước thâu canh,
Những đêm trắng sóng nước trông trăng,
Tôi, lãng tử bơi thuyền mơ Lý Bạch,
Bên này bên kia hai bờ ngăn cách,
Nhịp nổi liền xích lại kề nhau.

Thôi xa rồi - đành đoạn từ lâu,
Ai hiểu thấu hồn ai đau nhức !
Lúc trở về, âm thầm tôi bật khóc,
Dấu vết bầm dưới ánh mắt trũng sâu,
Nước lững lờ qua, trôi dạt về đâu,
Người đứng lại bên đời buồn cô quạnh,
Sóng gió mệnh mang mưa chiều bay lạnh lạnh,
Lòng ngậm ngùi chạnh xót nghĩa anh em !
Tôi trở về thăm lại dòng sông
Thần thờ đọc câu thơ một thời xuôi ngược,
Sáng Câu Lâu tôi nhớ chiều Trung Phước,
Sớm Cà Tang thương mấy độ Khương Bình.
Con sông buồn dòng nước lặng thinh,
Không gió đập mà sao lòng dậy sóng
Lần trở về thăm lại dòng sông.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
(San Jose, CA)

NIỀM ĐAU THÁNG TƯ

Nỗi đau mất nước làm sao nguôi ?
Năm tháng chờ mong... cứ mãi trôi
Vượt biển tan thân hàng vạn kẻ
Băng rừng nát thịt biết bao người
Hồn thiêng Tổ Quốc không mờ nhạt
Hùng khí núi sông vẫn rạo ngời
Rồi một ngày mai ta trở lại
Tự do, no ấm... rượu đầy vui !

mộtthời
(Virginia)

Khí phách nhà thơ trước bạo quyền sau ngày quốc hận

XUÂN BÍCH

Quê hương Việt Nam, một quê hương từ ngàn xưa vốn mang dân tộc tính hiền hòa, trọng đạo nghĩa, yêu hòa bình và công lý, song lại vẫn luôn luôn phải đấu tranh với mộng xâm lược của ngoại nhân, nói rõ hơn là của bọn bá quyền Bắc phương mà bệ lữ Việt gian Cộng sản Bắc Việt là tay sai, bán đứng quê hương cho Tàu cộng, đàn áp dân tộc mình đến khốn khổ cùng cực.

Ngày 30 tháng 4, 1975, ngày quê hương miền Nam bị bức tử do mưu đồ phản bội vì lợi ích vật chất của đồng minh cấu kết với Tàu cộng, giết hại những nhà yêu nước, yêu tự do, nhân quyền để rồi hại cả một dân tộc.

Ngày quốc hận, các chiến sỹ tự do trong QLVNCH phải buông súng để rồi bị trầm luân oan nghiệt trong các lao tù Cộng sản.

Miền Nam buông súng nhưng không buông bút, không tịnh khẩu mà vẫn chiến đấu bằng hành động với hai tay không, bằng ngôn từ, bằng tiếng ca, tiếng hét gào công lý, không chỉ trên môi trường tự do nơi hải ngoại mà ngay trong những ngày cùm gông nơi ngục tù Cộng sản, thậm chí ngay cả lúc đối mặt với kẻ thù.

Những ngày trong trại giam CT 6 Nghệ Tĩnh, nhà thơ Tô Thùy Yên đã viết trong thi phẩm dài “Mùa Hận”:

- *Ở đây địa ngục chín tầng sâu*
 - *cả giống nòi cam nín gục đầu*
 - *.....*
 - *Đám chủ mới y trang xúng xính*
- Súng nghênh ngang tiết thét phàm phu...*

trong một bài khác mang tựa đề “Tàu Đêm”, con tàu chở than và súc vật nay chở các tù nhân chính trị, nhà thơ viết:

- *Tàu đi những chấn động lưng hần*
- *sắt thép kinh hoàng va đập nhau*
- *ta tưởng chừng như thời đại động*
- *xô đi âm ỉ một cơn đau!*
- *.....*
- *Ngồi đây giữa những phân cùn bụi*
- *Trong chuyển rời xung sát bạo tàn*
- *Ta trở thành than thành súc vật*
- *tiếng người e cũng đã quên ngang*

Đó là một trong những cây bút giữa lòng địch, và những ngày hiện nay trên quê hương đọa đầy cũng vẫn có những cây bút không hề bẻ cong mà công khai trực diện với những lời phản kháng chế độ như mọi người chúng ta đã nghe và đã thấy.

Trong phạm vi bài không thể nói hết về những trận chiến bằng ngòi bút, bằng vì tính nên chỉ xin sơ lược qua về một số nhà thơ tiêu biểu như những dòng ngưỡng mộ về khí phách “Uy vũ bất năng khuất” của các vị này.

I. Trước hết xin nói về nhà thơ quá cố **Hà Thượng Nhân**. Ở đây cũng xin miễn nói về tiểu sử vì là một nhân vật mà nhiều người đã từng nghe và biết đến, nhất là trong giới văn nghệ và quân đội; chỉ xin sơ lược về cử chỉ và khẩu khí của nhà thơ mà kẻ viết bài đã có cơ hội chứng kiến, có thể nói đây cũng là một giai thoại của một kẻ sỹ.

Tại trại giam Nghệ Tĩnh, vào khoảng năm 1978, một hôm nhà thơ phải đi gánh nước, trên đường bị tên gác tù chặn lại khám xét bắt được bài thơ trong túi với nội

dung than phiền chế độ trại tù, may là không có tên tác giả nên nhà thơ nói lượn được ở hàng rào dùng làm đóm hút thuốc.

Hôm sau bị viết tờ kiểm điểm, nhà thơ dùng bút chì để viết, chữ mờ chữ rõ. Tên cán bộ hạch hỏi rồi đưa cây bút bị bắt viết lại. Nhà thơ không cầm bút bị và nói: “*Tôi quên chì rồi*”. Tên cán bộ có lẽ không hiểu ẩn ý của nhà thơ khi bỏ chữ ‘bút’. Hăn bèn hạch hỏi tại sao không nhận tội trong tờ khai, nhà thơ thẳng thắn trả lời:

“*Trại yêu cầu khai sự thật, tôi đã viết đúng sự thật, tôi không có tội với đất nước và không ai có quyền kết tội tôi.*”

Kết cuộc là nhà thơ bị đưa vào nhà tù nhỏ gọi là ‘Biệt giam’.

Trong bài thơ viết cho một bạn tù trẻ cùng trại giam với những câu:

- *Bạn ơi bạn, giữa rừng già Nghệ Tĩnh*
- *Ta thương nhau rồi bỗng xót xa nhau*
- *những ngày đông rét mướt bạn nằm đau*
-
- *Dù cùm xích lòng chúng ta vẫn vậy*
- *Ta sống chết vì tự do, lẽ phải*
- *Vòng kẽm gai hồ để hãm vậy ta.*

Với một phong thái như thế của nhà thơ quả là đàn anh trong làng thơ Việt thời chiến.

Thơ Việt thời chiến vừa qua có thể nói gồm hai loại; một biểu lộ hùng khí bảo vệ quê hương dân chủ, tự do và đạo làm người, trong số này có nhà thơ Hà Thượng Nhân.

Loại hai là một số các thi hữu khác sau 1954, khoảng 1963-1975, có thể kể đến Nguyên Sa, Mai Thảo, Trần Dạ Từ, Tô Thùy Yên, Vương Đức Lệ, Lê Thị Ý, Trần Hoài Thư v.v.

Thơ Hà Thượng Nhân dù với chủ đề nào, dưới thể loại nào, và trong giai đoạn nào cũng đều mang nhân loại tính. Nhà thơ luôn tạo một cung đình cho tổ quốc và tự do.

Người chiến sỹ tự do không bao giờ đầu hàng, không thua trận, không ngừng chiến.

Những ngày còn bình sinh nơi hải ngoại, nhà thơ tuy tuổi đã cao vẫn với ngòi bút kiên cường và dòng mực đọng đầy hồn Chí Linh, rục niềm tin Diên Hồng, đã thể hiện qua những dòng trong thi phẩm “Chân Lý Nhất Định Thắng”

- *Trận chiến vẫn còn đang tiếp diễn*
- *Anh chị em ơi! cuộc chiến vẫn chưa thua*
- *30 tháng Tư! 30 tháng Tư!*
- *Ta buông súng chẳng vì ta khiếp nhược*
- *Trong lửa đạn chúng ta thừa dừng học*
- *thừa hy sinh, thừa vì quốc vong thân*
- *chúng ta còn vô số Nguyễn Khoa Nam*
-
- *Quân thù đến mà sống sờ tái mặt*
- *biết bao nhiêu là chiến sỹ vô danh*
- *những binh nhì cởi áo nhảy lên thành*
- *bắn viên đạn cuối cùng rồi tự sát!*

II. Nhà thơ kế tiếp không thể không nói đến cố giáo sư **Vũ Hoàng Chương**, đồng thời là một thi nhân nổi tiếng từ thời Tiền Chiến. Làm thơ hay, dạy học thì say mê, không tham gia chính trị.

Năm 1954 di cư vào Sài Gòn, tên tuổi Vũ Hoàng Chương gắn liền với sự nghiệp thi ca và giáo dục học đường. Thế nhưng sau quốc nạn 30 tháng 4, 1975 lại mắc vòng lao lý. Một năm trong lao tù Cộng sản với tám thân gây yếu nên kiệt sức, gần mất đời mới được tha về và chỉ sau vài hôm đã qua đời ngày 6 tháng 9 năm 1976.

Nguyên do tai họa đến với nhà thơ cũng là do khí phách của một kẻ sỹ chân chính từ những sự kiện sau:

1. Trước hết là do bài thơ hoạt cảnh Tết con Rồng “Vịnh Tranh Gà Lợn”

- *Sáng chưa sáng hẳn tối không đành*
- *Gà lợn om sòm rồi bức tranh*
- *rằng vách có tai, thơ có họa*
- *biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh*
- *mắt gà huynh đệ bao lần quáng*

- *lòng lợn âm dương một tác thành*
- *cục tác nữa chỉ ngừng ỉn ỉn*
- *nghe rỗng ngấm vắng khúc tân thanh.*

Quà là cảnh tượng miền Nam sau 30 tháng Tư, 1975, cuộc xáo trộn đầy những hoang mang, âu lo, và nghi ngại. Với một bối cảnh xã hội như vậy biết tin ai bây giờ. Trường hợp tác giả cũng là nạn nhân trong cuộc đổi đời; gia đình nhà thơ vốn ở nhờ nhà nữ sỹ Mộng Tuyết (phu nhân nhà thơ Đông Hồ) nhưng khi bọn Việt cộng vào, bà Mộng Tuyết vui vẻ đón và như sợ liên lụy, nói giáo sư Chương dọn đi chỗ khác nên ông đã rời đến trọ nhà em vợ là thi sỹ Đinh Hùng ở Khánh Hội.

Cưỡng chiếm được miền Nam, một số các tên đường phố Sài Gòn bị thay đổi và nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã có ngay hai câu thật mỉa mai chua chát:

*Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do*

2. Cùng thời với Vũ Hoàng Chương còn nhiều nhà thơ nổi tiếng khác trong đó có Huy Cận, hai người xưa kia từng quen thân với nhau nên sau 30 tháng Tư Huy Cận vào Nam tìm gặp nhà thơ họ Vũ. Lợi dụng tình bạn cũ Huy Cận nửa đùa nửa thật nói:

- *Đã lâu lại gặp 'Chàng Say'*
- *'Lửa Thiêng' xin đốt chờ 'Mây' xuống trần.*

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương ứng khẩu đáp lại ngay:

- *'Mây' kia chẳng chịu xuống trần*
- *'Lửa' ơi theo khói lên gần với 'Mây'.*

(Ý của nhà giáo Vũ Hoàng Chương là muốn dạy cho người bạn hãy bỏ con đường hạ cấp mà quay về với chính nghĩa dân tộc.)

Vào Sài Gòn người đầu tiên mà Huy Cận cần tìm gặp tất nhiên là nhà thơ họ Vũ; Huy Cận mang lễ vật gồm một chai rượu quý, một lọ thuốc phiện, và tấm hình Hồ Chí Minh nhờ Vũ Hoàng Chương đề tặng

mấy câu thơ, hẹn ba ngày sau đến xin lại bức hình.

Đúng ba ngày sau người của Huy Cận đến thấy lễ vật và tấm hình vẫn y nguyên chỗ cũ. Nghe nói Huy Cận giận tím mặt song chẳng làm gì được.

Dịp này là cơ hội để sống yên thân nhưng là một nhà giáo có khí phách, luôn giữ tiết tháo của một kẻ sỹ nên không làm những gì lương tâm không cho phép.

3. Thế rồi tai họa phải đến đã đến. Một phái đoàn từ Bắc vô Nam trong đó có Huy Cận, được ký giả năm vùng Thanh Nghị tiếp đón và tổ chức "Đêm Hợp Mặt Văn Nghệ" chủ đích là đề thống nhất tư tưởng và chủ đề là mấy câu thơ của Tố Hữu khóc Stalin:

Thương cha thương mẹ thương chồng

Thương mình thương một thương ông thương mười.

(ông ở đây là Stalin)

Trong buổi họp mặt, tất nhiên, là họ cố mời nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Biết là sẽ gặp nạn nhưng nhà thơ họ Vũ vẫn hiên ngang đến.

Khi được mời phát biểu, nhà thơ Vũ Hoàng Chương nghĩ chỉ có dịp này để mở mắt bọn chúng nên trong khi các người khác như Thanh Nghị, Huy Cận, Hoài Thanh ca tụng Tố Hữu hết mình, riêng nhà thơ họ Vũ đã thẳng thắn dạy cho bọn văn nô Hà Nội bài học đích đáng về giá trị và yếu tính của thi ca. Trong lời phát biểu ông đã phê bình thơ Tố Hữu là không thực, qua mấy câu trên ta cần..., ông nói "*Trước hết phải biết bà mẹ Việt Nam có cùng tâm cảnh với mình không. Tôi biết chắc là không, bởi trong đoạn trên của bài "Đời Đời Nhớ Ông" Tố Hữu đã đặt vào lời bà mẹ hai câu:*

- *Yêu biết mấy nghe con tập nói*
- *tiếng đầu lòng con gọi Stalin.*

chắc chắn là không có một bà mẹ Việt Nam nào, kể cả bà Tố Hữu, mà thốt được những lời như vậy một cách chân thành ... Bà mẹ

*Việt Nam trong bài đã khóc tiếng khóc
tuyên truyền, không mấy truyền cảm.”*

Theo nhà văn Sông Lô lời thẩm định của giáo sư kiêm nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã gây sôi nổi trong hội trường. Sau đêm đó nhà thơ họ Vũ đã bị bắt giam trong khám Chí Hòa cùng với một số nhà trí thức khác trong đó có Bác sỹ Phan Huy Quát, nguyên Thủ Tướng chính phủ dân sự do cụ Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng. Tác giả Sông Lô cũng đã viết về nhà thơ Vũ Hoàng Chương như sau:

*“Ai đã biết Vũ Hoàng Chương ắt phải biết
cái danh thép bên trong tấm thân nhỏ bé,
op ẹp của ông.”*

III. Sau nữa là nhà danh họa Vũ Hối.

Sau ngày quốc nạn 30 tháng Tư, 1975 cũng đã chịu nhiều năm trong lao tù Cộng sản, ông bị giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và khám Chí Hòa cùng với giáo sư Vũ Hoàng Chương, với tội danh là nghệ sỹ phản động.

Với bức tranh “Mặt Trời Đỏ”, trong tranh chỉ một cây trơ trụi lá với nhánh cây nhọn như mũi súng chĩa về hướng mặt trời đỏ, ngụ ý chế độ Cộng sản sẽ bị tiêu diệt. Khi bị hạch hỏi ông cố giải thích đó là mặt trời đỏ ối lúc hoàng hôn và cây trong mùa lá rụng nên trơ trọi, như để đánh lạc hướng nghi kỵ của bọn người luôn có thành kiến với đối phương.

Là một nghệ sỹ luôn trọng nhân cách nên không chịu nhận tội như chúng ép buộc và đã bị hành hạ hư một mắt như trong thơ ông đã ghi lại:

- *Đòn thù giáng xuống mùn một mắt*
 - *Hai chân cùm vết sẹo còn nguyên*
 - *Gương nghìn xưa chi hừng bất khuất*
 - *quyết xả thân tranh đấu nhân quyền.*
- (Cùng thấp được nhân quyền)

Họa sỹ Vũ Hối luôn dùng nghệ thuật để nói lên tâm tư và ước vọng tự do công lý không chỉ cho riêng cá nhân mình mà là cho dân tộc, cho quê hương yêu dấu.

Năm 1963 đoạt giải Khôi Nguyên Quốc Tế với bức họa MỘNG HÒA BÌNH giữa rừng cờ quốc tế với ngọn cờ dân tộc Việt nền vàng ba sọc đỏ.

Trong thơ ngoài những dòng thương nhớ mẹ hiền, nghệ sỹ tài danh Vũ Hối vẫn thao thức thờ dài thương về quê mẹ Việt Nam:

- *Tìm đâu thấy nắng vàng quê mẹ*
- *Nghiêng bút sầu cuối nét lệ rơi*

Hàng năm mỗi độ xuân về, nơi đất khách quê người ông lại nghẹn ngào thờ than:

- *Ngồi đây đếm vạn đặng cay*
 - *Giao thừa quê mẹ phương này tuyết rơi.*
- rồi trong thi phẩm “Lời Tình Tự” Vũ Hối viết lên chính nỗi lòng mình với những dòng tình tự nhẹ nhàng mà sâu lắng:

- *Không là kẻ siêu nhân kiệt chúng*
- *vẫn phải thao thức chuyện mùi sông.*

Để nói lên lời ngợi ca tinh thần đấu tranh của các anh hùng và anh thư thời đại, đặc biệt là tại quốc nội, ông viết:

- *Oai hùng thay ngàn năm trang sử Việt*
 - *lửa đấu tranh hừng hực chống bạo quyền.*
- và sâu sắc hơn, để mỉa mai cái xác khô nơi Ba Đình, Vũ Hối viết:

*Cửu năm chết lạnh trong lăng đá
đất mẹ đâu dung xác giặc Hồ.*

Đôi dòng ghi lại tấm gương cương trực không hề khuất phục trước bạo quyền của những vị luôn sống với tinh thần kẻ sỹ chân chính, như những nén hương long dâng lên Tổ Quốc Việt Nam và tưởng niệm ngày Quốc Hận thứ 40.

MỘT NGÀY MÙA HẠ Ở SAN FRANCISCO

Tôi đến “Xen-Pho-Răng”
Giữa trưa trời sẫm tối
Sương phủ mờ . dốc cao
Người đông như trẩy hội

Mặt biển mờ mờ xa
đàn hải âu nghiêng cánh
từng cánh buồm lướt qua
gió hiu hiu thấm lạnh

Đứng bên này eo biển
nhìn sang bên kia bờ
từng nhịp cầu lơ lửng
còn đọng hồn người xưa

Người xưa ơi, Strauss (*)
mãi mãi dòng thời gian
tim óc người vô tận
trên đường nét kỳ quan

Tôi đến San Fran
con đường ngoằn dốc thoải
như bày cua bò ngang
đoàn xe quành rồi rãi

Xuống thấp rồi lên cao
bốn hướng vòng xuôi ngược
những con đường dọc ngang
đập dòn như sóng nước

Từng dãy phố chập chùng
xếp chồng bên vách núi
bàn tay nào vẽ nên
thiên nhiên nào điệu vợi?

A SUMMER DAY IN SAN FRANCISCO

I arrived in San Francisco at noon
on a dark day similar to nightfall.
The slopes hazed far above with fog;
People crowded like in a festive mall.

The distant sea surface was dim;
the petrels inclined their wings still;
the sails glided past one after another;
the breeze brought a breath of chill.

From this side of the straits,
I looked at the other along each span
and felt as if the suspended bridge
still retained the spirit of a gone man.

Oh, Strauss (*), the old engineer!
Your heart and mind being so sublime
with marvelous lines in your design
have and will still live through time.

I got to San Francisco on the winding
and sloping streets with pleasure;
Like the transversely crawling crabs,
the line of vehicles rounded at leisure.

Going downwards then back upwards
around in four and each way trend,
the horizontal and vertical roads
drifted up and down as if waves bend.

The rows of houses one upon another
heaping up round the mountain side:
whose hands were so skillful to create?
what masterpiece did nature to us confide?

Tôi đến San Fran
bỗng nhòe, đôi mắt ướt
trông qua Thái Bình Dương
tưởng chừng như đứt ruột ...

I entered San Francisco City
feeling tears in my eyes suddenly start;
I gazed far over the Pacific Ocean
and suffered pain in my deep heart...

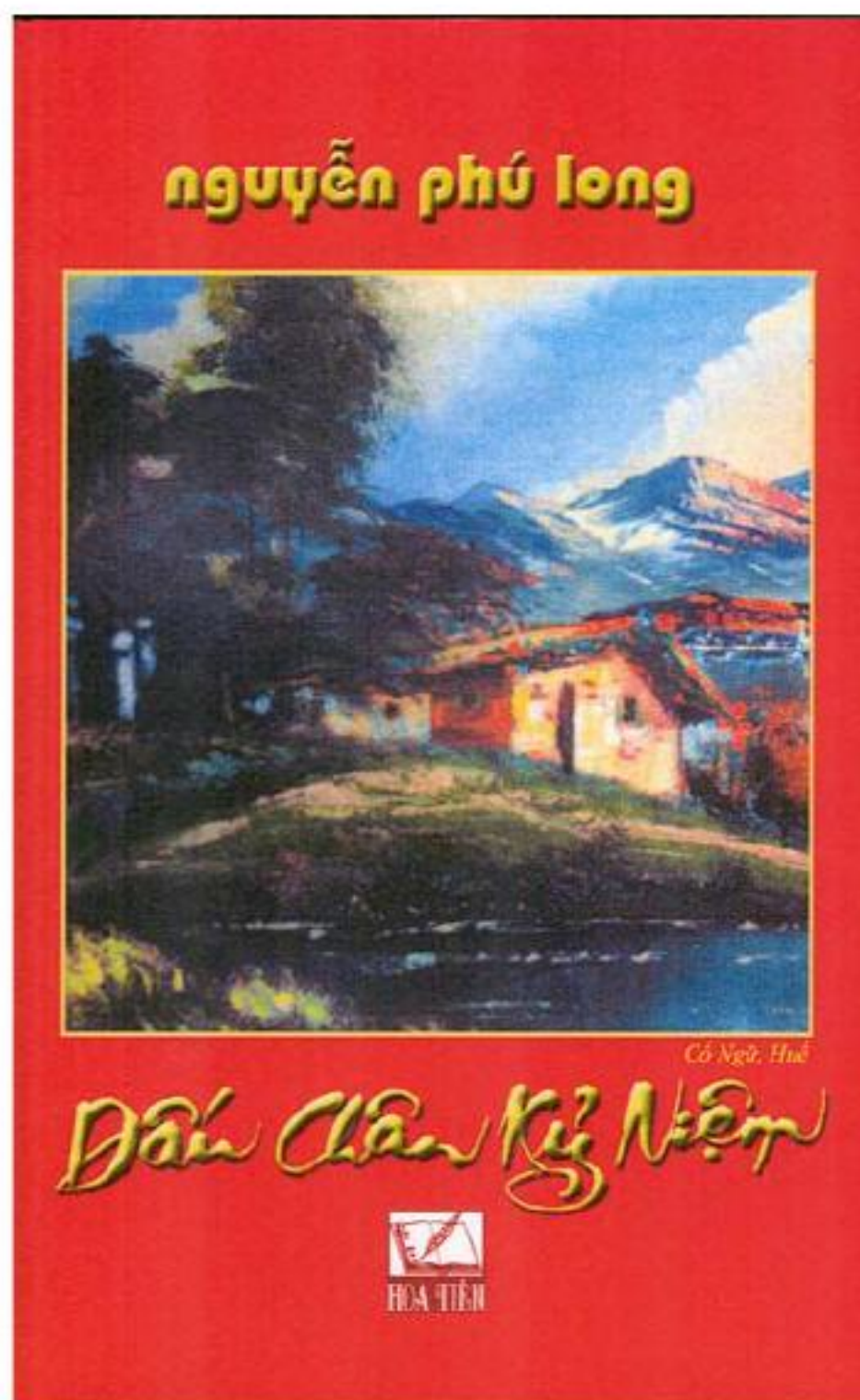
SONG NHỊ

Translation by THANH-THANH

(*) Joseph B. Strauss, kỹ sư thiết kế và thực hiện cầu Golden Gate, một trong bảy kỳ quan của nhân loại.

(*) *Joseph B. Strauss, the engineer who designed and built the Golden Gate Bridge, one of the seven wonders of the world.*

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



Dấu Chân Kỷ Niệm

Cuốn tùy bút thứ ba của Nguyễn-Phú-Long, phần nhiều đã phổ biến qua báo chí, nay gom lại cho khỏi thất lạc và dễ kiểm tìm. Hình thức trình bày giản dị. Nội dung đề cập mấy tiết mục như việc xây cầu Trường Tiền, ở cổ đô; nghề thông ngôn tại nước ta; cái làm đáng yêu nơi bác Mai-Lâm; xung quanh chỗ lội đường ngang của cụ Nguyễn Khuyến; chuyện năm canh lục đục với mấy phú hộ xưa...

Sách dày hơn 200 trang, bìa là bức tranh sơn dầu của Trúc Lang vẽ cảnh vùng Cổ Ngự, Huế. Hoa Tiên vừa xuất bản, địa chỉ liên lạc tác giả:

MR. NGUYỄN PHÚ LONG
11617 Norwich PKWY
Glen Allen, VA 23059

LÒNG TA NẶNG TRỮ ƯU PHIỀN

Bốn bài thơ của thi sĩ Anh A. E. Housman

Phạm Trọng Lệ chọn và dịch

I. Vài hàng tiểu sử Housman

A. E. Housman, nguyên tên là Alfred Edward Housman, sinh ở Flocbury, Worcestershire, England, năm 1859, gần miền Shropshire, vùng quê thanh bình mà sau này ông chọn làm bối cảnh trong thơ ông. Năm 18 tuổi ông được học bổng theo học tại St John's College đại học Oxford, nhưng dù nổi tiếng là sinh viên xuất sắc, trước sự ngạc nhiên của giáo sư và bạn học, ông đã rớt kỳ thi tốt nghiệp. Theo một nguồn thì vì cha ông bệnh nặng, nhưng theo cuốn Norton Anthology of English Literature, (vol. 2, p. 1836), ông trải qua một biến động tâm lý lớn vì một mối tình thầm kín với bạn đồng học không được đáp ứng. Trong 10 năm sau, ông làm công chức cho sở Patent Office (sở cấp bằng sáng chế) ở London. Trong thời gian làm thư ký ở sở này, ông dùng thì giờ rảnh rỗi tới bảo tàng viện British Museum đọc sách, tự trau dồi văn chương Latin và Hy Lạp, và năm 1892 vì viết nhiều bài khảo cứu về văn chương Latin giá trị được đăng trong những chuyên san văn chương cổ ngữ, ông được mời làm giáo sư và trưởng khoa văn chương Latin ở University



College, London, lúc đó chỉ có 560 sinh viên. Sau khi dạy ở đó được 20 năm, năm 1911, ông được cử làm Professor of Latin ở Trinity College, Cambridge cho đến khi gần mất (năm 1936).

Ông là một tay nhuận sắc cừ khôi những áng văn cổ. Ông là người tòn cổ, và bảo thủ; về văn chương ông trọng cổ tục. Ông chịu ảnh hưởng thơ La Mã, những bài đồng ca vùng giữa biên giới England và Scotland (Scottish border ballads), và những bài ca trong kịch của Shakespeare. Một số bài thơ của ông được phổ nhạc. Lời thơ của ông êm dịu, thường có vẻ nghiêm trang, bi quan, chữ dùng giản dị nhưng thâm trầm, nên theo nhà phê bình Louis Untermeyer (ghi chú bên dưới) ông còn được gọi là “the greatest Latin poet who ever wrote in English,” (Nhà thơ Latin giỏi nhất viết bằng tiếng Anh).

Tập thơ đầu tay ông bỏ tiền ra tự in vì có nhiều nhà xuất bản từ chối, và chính tập thơ này làm ông nổi tiếng. Đó là tập The Shropshire Lad (chàng trai trẻ vùng Shropshire) in năm 1896. Trong 63 bài thơ trong tập thơ này, ông mô tả cảnh đồng quê dân dã. Chủ đề là thời gian qua nhanh, và sự chết trẻ của những trang thanh niên thiếu nữ ở tuổi còn thanh xuân. Cuốn thơ thứ hai

Late Poems in năm 1922. Thơ ông có giọng cổ điển, vần khít khao, có giọng điệu như những bài đồng ca (ballads) và rất được ưa chuộng trong thời đại chiến thứ nhất. Hai tập thơ thứ ba và thứ tư đầy đủ nhất của ông mang tựa là More Poems và The Collected Poems of A. E. Housman (1939) do người em ông in sau khi ông qua đời. Trong một bài diễn thuyết nhan đề “The Name and Nature of Poetry” (1933) đọc trước cử tọa danh tiếng của trường đại học Cambridge, ông nói rằng “nhiệm vụ kỳ lạ của thơ không phải là truyền đạt tư tưởng mà là truyền đạt xúc cảm. (“The peculiar function of poetry is not to transmit thought” but “to transmit emotion.”). Ngoài 4 tập thơ, ông bỏ ra 27 năm để nhuận sắc và chú giải bộ sách năm cuốn của nhà thiên văn học người La Mã sống ở thế kỷ thứ nhất tên là Marcus Manilius. Bộ sách đồ sộ này là Astronomicon, tái bản bởi Cambridge University Press, 2011, và ông cũng nhuận sắc những tác phẩm thơ Satires của Juvenal, nhà thơ trào phúng La Mã, sống ở cuối thế kỷ thứ nhất và đầu thế kỷ thứ 2 sau công nguyên (in bởi Greenwood Press, 1931).

Trong một thế giới-- theo lối suy nghĩ của ông-- bất trung và vô lý, Housman tin rằng chỉ có cái chết là có hình ảnh trang nghiêm nhất. Trái tim đem ra khỏi lồng cho đi một cách vô ích, khi ân hận thì quá muộn, những chàng trai dẻo chân khoẻ tay nhanh nhẹn giờ chết chôn bên giòng suối. Trong bài thơ “Loveliest of Trees” ông tả cái đẹp của rừng cây anh đào dưới trời tuyết trước Lễ Phục sinh. Chàng trai mới hai mươi tuổi mà đã thấy tiếc thời gian đã qua. Ngắm cảnh trời đất hoa nở rực rỡ trong mùa tuyết giăng đầy trời thì cả đời mình

cũng chưa đủ. Bài “To an Athlete Dying Young” đem người đọc trở về không khí thời tiền sử Hy Lạp, bốn năm một lần, trên cánh đồng dưới núi Olympia vào ngày lễ thần Zeus, cảnh các lực sĩ chạy đua. Cái chết trang nghiêm của người lực sĩ trẻ vừa đạt được kỷ lục cho thấy vẻ ngắn ngủi hào nhoáng của vinh quang, khi người làng khiêng xác chàng về, trên đầu chàng trai còn mang vòng nguyệt quế còn tươi.

Bài thơ “Loveliest of Trees” được xếp hạng thứ 55, bài “With Rue My Heart is Laden” được xếp thứ 234, bài “To an Athlete Dying Young” được xếp thứ 127 trong 500 bài thơ tiếng Anh được tuyển chọn trong sách giáo khoa nhiều nhất (most anthologized) theo bảng liệt kê của g.s. William Harmon trong cuốn THE TOP 500 POEMS (New York: Columbia University Press, 1992).

II. Bốn bài thơ của Housman

1. Loveliest of Trees

Loveliest of trees, the cherry now
Is hung with bloom along the bough,
And stands about the woodland ride
Wearing white for Eastertide.

Now, for my threescore years and ten,
Twenty will not come again,
And take from seventy springs a score,
It only leaves me fifty more.

And since to look at things in bloom
Fifty springs are little room,
About the woodlands I will go
To see the cherry hung with snow.

A. E. Housman

(1896, số II trong tập A Shropshire Lad)
Cây đào rực rỡ

Cây anh đào bây giờ đẹp nhất,
Đang nở hoa ngay cạnh lùm cây.
Bên con đường nhỏ rừng mây.
Khoác màu áo trắng đón ngày Phục-sinh.
Cả đời mình bấy mười năm ấy,
Hai mươi năm thoáng thấy qua rồi.
Trong bấy mười mùa xuân tươi,
Khấu đi hai chục còn năm mươi mùa.

Ngắm trời đất cỏ hoa rực rỡ,
Năm mươi xuân phòng độ là bao.
Rừng cây ta bước chân vào,
Ngắm hoa tuyết phủ cảnh đào rung rinh.
(PTL phỏng dịch)

2. With Rue My Heart is Laden

With rue my heart is laden
For golden friends I had,
For many a rose-lipt maiden
And many a light-foot lad.

By brooks too broad for leaping
The lightfoot boys are laid;
The rose-lipt girls are sleeping
In fields where roses fade.

A. E. Housman

(1896 số LIV trong tập A Shropshire Lad)
Chú thích: lightfoot=light-footed=nhẹ chân,
thoăn thoắt gót chân

Lòng ta nặng trĩu ưu phiền

Lòng ta nặng trĩu ưu phiền,
Quặn lòng thương nhớ bạn hiền chiều đông
Bao nàng thực nữ môi hồng,
Bao chàng thoăn thoắt nhẹ bỗng như bay.

Bên giòng suối rộng chiều nay,
Chàng trai năm ấy mộ đầy cỏ hoang.
Những nàng môi thắm má hường.
Cùng hoa tàn ngủ bên đường quanh hiu.
(PTL phỏng dịch)

3. When I was One-and-Twenty

When I was one-and-twenty
I heard a wise man say,
“Give crowns and pounds and guineas
But not your heart away;
Give pearls away and rubies
But keep your fancy free.”
But I was one-and-twenty
No use to talk to me.

When I was one-and-twenty
I heard him say again,
“The heart out of the bosom
Was never given in vain;
‘Tis paid with sighs a-plenty
And sold for endless rue.”
And I am two-and-twenty,
And oh, ‘tis true, ‘tis true.

A. E. Housman

(1896 số XIII trong tập A Shropshire Lad)

Năm ta hăm một tuổi đầu

Năm ta hăm một tuổi đầu,
Có hiền giả nhủ một câu chân tình.
“Cho vàng ngọc bạc tiền chẳng tiếc,
Nhưng con tim giữ miết đừng đưa.
Chuối hạt trai, ngọc đỏ kia
Cho đi nhưng giữ lời thề mộng mơ.”
Năm hăm một tuổi bấy giờ,
Lời khuyên ta để hững hờ ngoài tai.

Năm ta hăm một tuổi đời,

Lại nghe hiền giả khuyên lời phải chẳng
«Trái tim khi lọt khỏi lồng,
Chớ nên uổng phí cho không chẳng màng.
Kẻ mua não nuốt thờ than,
Người bán trần trở buồn phiền không nguôi ».

Năm sau ta tuổi hăm hai,
Ngẫm lời khuyên thấy hợp tai: Muộn rồi!
(PTL phỏng dịch)

4. To an Athlete Dying Young

The time you won your town the race
We chaired you through the market-place;
Man and boy stood cheering by,
And home we brought you shoulder-high.

To-day, the road all runners come.
Shoulder-high we bring you home,
And set you at your threshold down,
Townsmen of a stiller town.

Smart lad, to slip betimes away
From fields where glory does not stay
And early though the laurel grows
It withers quicker than the rose.

Eyes the shady night has shut
Cannot see the record cut,
And silence sounds no worse than cheers
After earth has stopped the ears:

Now you will not swell the rout
Of lads that wore their honours out,

Runners whom renown outran
And the name died before the man.
So set, before its echoes fade,
The fleet foot on the sill of shade.
And hold to the low lintel up

The still-defended challenge-cup.
And round that early-laureled head
Will flock to gaze the strengthless dead.

And find unwithered on its curls
The garland briefer than a girl's.

A. E. Housman
(1896 số XIX trong tập A Shropshire Lad)

Dịch xuôi:

Gửi người lực sĩ chết yểu

Ngày chàng thắng cuộc đua cho làng ta
Chúng tôi để chàng ngồi trên ghế, kiệu
chàng đi khắp chợ;
Già trẻ hò reo bên đường,
Chúng tôi nâng chàng thật cao trên vai rước
về nhà.

Hôm nay, cũng trên con đường các lực sĩ
chạy đua trở về,
Chúng tôi khiêng chàng trên vai về nhà ;
Rồi đặt chàng xuống thềm,
Chàng là người con yêu của ngôi làng nay
càng thêm im-vắng.

Chàng thật khôn ngoan, sớm trốn
Khỏi nơi mà vinh quang không tồn tại lâu
Dù vòng hoa nguyệt quế mọc sớm
Cũng héo nhanh hơn bông hồng.

Mắt chàng bóng đêm đã khép
Sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy kỷ lục vừa đạt được
Và không gian lặng ngắt bây giờ cảm động
chẳng kém khi có lời cổ vũ
Sau khi đất đã đổ đầy lấp kín lỗ tai rồi.

Bây giờ chàng không phải nhập bọn với
đám đông

những lực sĩ xưa đạt bao vinh dự nhưng
nay không còn nổi tiếng nữa
những lực sĩ điền kinh mà danh tiếng họ
vượt họ quá xa
Và dù họ còn sống mà người đời đã lãng
quên như họ đã chết.

Vậy thì trước khi tiếng vọng cổ võ êm đi,
Chàng hãy đặt chân lướt nhanh trên thềm
bóng đêm
Và để lại trên rầm cửa sổ thấp
Chiếc bình ghi kỷ lục vẫn chưa ai vượt nổi.

Và quanh đầu chàng mang vòng hoa tươi
Đám đông người bu lại nhìn xác không còn
sinh lực
Và thấy trên những lọn tóc xoắn
Vòng hoa chiến thắng vẫn chưa héo còn
ngắn hơn lọn tóc thiếu nữ.
(PTL dịch xuôi)

Dịch sang văn vần:

Gửi chàng lực sĩ chết trẻ

Hôm chàng thắng cuộc cả làng
Đặt ngai trên ghế, kiệu chàng khắp nơi.
Trẻ già nhớn bé vui cười,
Chàng cao ngất ngều, người người hò reo.

Hôm nay cũng quãng đường chiều,
Thân chàng còn ấm, được nhiều bạn khiêng.
Về nhà đặt nhẹ trước thềm,
Người con yêu của làng yên ắng rồi.

Sao chàng khôn khéo tuyệt vời,
Bụi trần xa lánh sớm rồi vinh quang.
Vòng hoa nguyệt quế còn mang,
Hồng chưa kịp héo, quế tàn trước hoa.

Mắt chàng đêm tối phủ nhòa,
Đâu còn nhìn thấy tài ba của mình
Đất kín tai, cảnh lặng thình,
Như lời cổ võ nghẹn lòng người xem.
Chẳng như người, khỏi lẩn chen,
Xưa mang vinh dự nay quên lãng rồi.
Tiếng thom vượt họ xa vời,
Thân, tuy còn sống, tên, đời đã quên.

Trước khi lặng tiếng vang rền,
Lẹ chân hãy đặt xuống thềm bóng đêm
Rồi nâng bình bạc để lên
Bên khung cửa sổ ghi tên người hùng.

Trên đầu hoa thắm một vòng,
Đám đông bầu lại xác không còn hồn.
Bao quanh những lọn tóc vàng,
Hoa còn tươi gọn như làn tóc mây.
(PTL phỏng dịch)

III. Sách tham khảo.

A. Hai tài liệu liệt kê đầu tiên bên dưới
dùng làm căn bản cho phần tiểu sử và phê
bình của bài viết này:

-« A. E. Housman » (2015) The
Biography.com website
<http://www.biography.com/people/as-housman-38875>

-Louis Untermeyer, comp. A TREASURY
OF GREAT POEMS. New York: Galahad
Books, 1942, 1955, 1993, pp. 1022-1032.

B. The Collected Poems of A. E. Housman.
(Holt, Rinehart and Winston, 1939).

-Nếu không có cuốn thơ toàn tập kể trên,
độc giả có thể đọc tập thơ A Shropshire Lad
miễn phí trong:

www.gutenberg.org/ebooks/5720

-Và tập Last Poems of A. E. Housman miễn phí (ebook #7878) trong:

www.gutenberg.org/files/7878-h/7878-h.htm

-Có thể download miễn phí và nghe 4 bài thơ của Housman trong Works by A. E. Housman at Librivox (Public domain audiobooks).

-Philip Gardner, ed. *A. E. Housman: The Critical Heritage*. (London: Routledge, 1992). Tài liệu thu thập nhiều bài điềm sách và luận văn về thơ của Housman, dành cho sinh viên ban văn chương cần viết bài khảo cứu về Housman.

-Claudia Newton Jackson. "A Survey of Criticisms of A. E. Housman's Poetry,"

Master's Thesis. Loyola University Chicago, 1942; 79 trang; có thể xem trên internet.

-Anthony Lane. "Lost Horizon: The Sad and Savage Wit of A. E. Housman." *New Yorker* Feb. 19, 2001 in

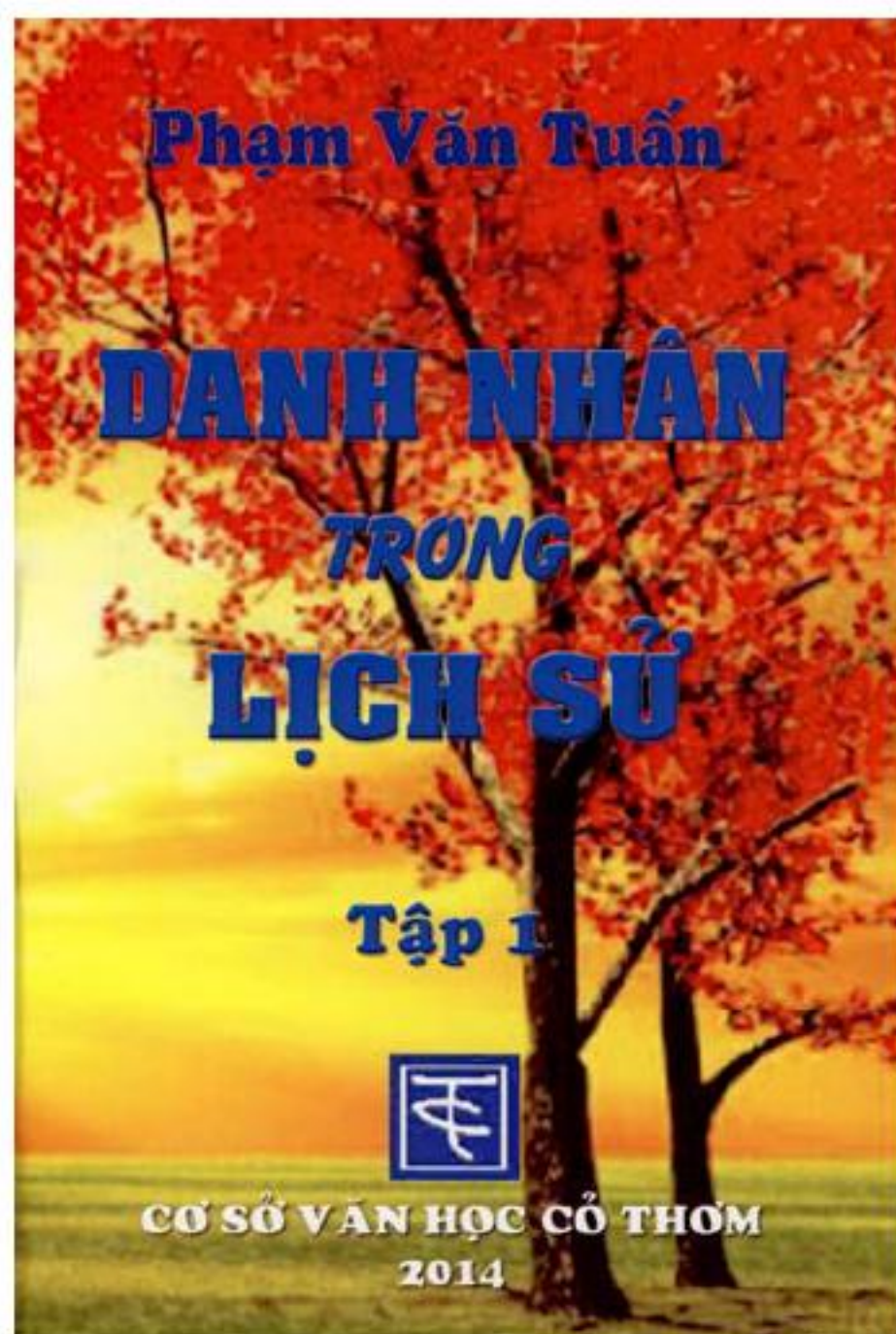
<http://www.newyorker.com/magazine/2001/02/19/lost-horizon>. Bài giới thiệu rất kỹ về Housman thư ký, thi sĩ, học giả văn chương cổ điển Hy-La, nhà phê bình sắc bén nhưng cực kỳ nghiêm khắc, và cũng là người rất sành điệu ăn uống. Bài báo nêu thêm óc đi dỏm, hóm hình và phong cách biệt lập của Housman.

[Viết xong tại Virginia 1996, sửa lại và bổ chính 3/29/15. —PTLệ]

DANH NHÂN trong LỊCH SỬ - Tập 1.

Tác Giả: Phạm Văn Tuấn

1- Julius Caesar. 2- Napoleon Bonaparte. 3- George Washington. 4- Thomas Jefferson. 5- Benjamin Franklin. 6- Abraham Lincoln. 7- Franklin D. Roosevelt. 8- Dwight D. Eisenhower. 9- Douglas MacArthur. 10- Adolf Hitler. 11- Winston Churchill. 12- Joseph Stalin. 13- Vua Louis 14- Charles de Gaulle. 15- Thái Hậu Từ Hi. 16- Viên Thế Khải. 17- Các Đốc Quân Trung Hoa. 18- Tôn Dật Tiên. 19- Tưởng Giới Thạch. 20- Mao Trạch Đông. 21- Đặng Tiểu Bình. 22- Marco Polo. 23- Christopher Columbus. 24- Francisco Pizarro. 25- Mohammed. 26- Ptolemy. 27- Roger Bacon. 28- Antoni van Leeuwenhoek. 29- Nicolaus Copernicus. 30- Johannes Kepler. 31- Galileo Galilei. Tập 1: 503 trang, giá bán \$20, kể cả cước phí bưu điện (trong nước Mỹ).



LÊ THÁNH TÔNG (1442-1497)

Hải Bằng. Hoàng D. Bình

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua tài giỏi và đạo đức nhất trong lịch sử Việt.

Dưới triều đại của ông, đất nước ta sống trong cảnh thịnh trị và phát triển tốt đẹp về mọi mặt. Cảnh thanh bình kéo dài khoảng 300 năm đã để lại nhiều huyền tích sâu xa mà sau này nho sĩ Đặng Trần Côn đã gián tiếp bày tỏ trong “Chinh Phụ Ngâm” qua những câu như:

Nước thanh bình ba trăm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây
Sứ Trời sớm dục đường mây
Phép công là trọng, niềm tây xá nào

Trần Trọng Kim trong *Việt Nam Sử Lược* đánh giá Lê Thánh Tông là một ông vua thông minh, có hiếu với mẹ. Ông viết:

Vua Lê Thánh Tông đã sửa sang được nhiều việc chính trị, mở mang sự học hành, chinh đồn các việc vũ bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam...bây giờ được văn minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường thịnh như vậy.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đánh giá Vua Lê Thánh Tông là:

Một bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được.”

Sử gia Phan Huy Chú (1782-1840) ghi nhận về Lê Thánh Tông:

Tay không rời sách, kinh sử, dịch số, toán chương đều tinh thông, văn thơ càng giỏi hơn các bề tôi ... văn vũ tài lược hơn cả các đời.

Lai Lịch Vua Lê Thánh Tông

Nguyên Vua Lê Thái Tông có 4 người con trai: Nghi Dân, Băng Cơ, Khắc Xương, và Tư Thành.

Khi Vua Thái Tông đột ngột qua đời, bà ái phi Nguyễn Thị Anh cho lập con của bà mới hai tuổi là Băng Cơ lên làm Vua Đại Việt tức là Vua Nhân Tông.

Nhắc lại lúc Thái Tông còn sống, ái phi Nguyễn Thị Anh đã tìm cách hãm hại bà phi Ngô Thị Ngọc Dao đang có mang Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông sau này) để giành ngôi thái tử cho con mình. Nguyễn Trãi và Thị Lộ xin Thái Tông che chở và thuận cho bà phi Ngô Dao đi trốn ở Chùa Huy Văn (Thăng Long), rồi sau tâu tán về An Bang tức Quảng Ninh ngày nay.

Năm 1459, Hoàng Từ Nghi Dân đảo chính giết Nhân Tông và Thị Nga rồi lên làm vua. Tư Thành được cải phong làm Cung Vương. Chín tháng sau, Nguyễn Xí và Đinh Liệt, nguyên là cựu thần từ thời Vua Lê Lợi, làm cuộc đảo chính, giết Nghi Dân và đưa Lê Khắc Xương lên ngôi vàng. Nhưng Khắc Xương có lẽ tự biết mình tài đức không bằng Tư Thành nên nhường ngôi báu cho Tư Thành.

Ngày 8 tháng 6 năm Canh Thìn (1460), Lê Tư Thành lúc đó được 18 tuổi lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Thuận (1460-1469), sau này đổi niên hiệu là Hồng Đức (1470-1497). Các đại công thần Nguyễn Xí và Đinh Liệt được nắm chức vụ cao quý nhất trong triều đình.

Sau một năm chấp chánh, vua Lê Thánh Tông (20 tuổi) đã thẳng thừng trách tư tưởng tự ti của hai cựu thần Ngô Sĩ Liên và ghiêm Nhân Thọ với những câu như sau:

Ta vừa mới coi chính sự, sửa mới đức tính, mà các người đã lưu ý ta rằng nước ta chỉ là hàng phiên bang của Trung Quốc thuở xưa. Thế là các người đã theo con đường chết, mang lòng không vua!”

Chính vậy thôi chứ nhà vua không bắt tội họ. Sau này chính sử gia Ngô Sĩ Liên viết về Lê Thánh Tông: “Vua sáng lập chế độ, mở mang đất đai, bờ cõi; văn vật tốt đẹp. Thật là vua anh hùng, đảm lược.”

Tại sao Lê Tư Thành lại có thể trở thành một vị vua tài giỏi và hiền đức?

Chắc chắn là vì nhà vua đã có cơ hội được giáo dục rất tốt từ chính bà mẹ hiền đức Ngô Thị Ngọc Dao lúc mang thai được nương náu nơi Cửa Phật – Chùa Huy Văn.

Thật vậy, trong hơn mười năm trốn lánh, che dấu thân phận, bà Ngọc Dao (mẹ của Tư Thành) cũng như là thân tộc của Thái bảo Ngô Tử (ông ngoại của vua) chắc hẳn đã tập trung nỗ lực nuôi dạy Tư Thành để trở thành một con người tài đức vẹn toàn. Điều này đã được chứng minh ở tài năng lãnh đạo của nhà vua trên khắp mọi lãnh vực và đặc biệt là lòng hiếu thảo với mẹ và lòng từ bi đối với những vạ cánh của Nguyễn Thị Anh.

Triều đại Lê Thánh Tông quả là một thời đại vàng son, hiền hách nhất trong lịch sử nước ta: vua hiền, tôi giỏi, dân no vui. Nhà vua có 14 hoàng tử và 20 công chúa.

Những Thành Tựu dưới Đời Vua Lê Thánh Tông

Nhờ có hiểu biết và đạo đức hơn người, và với một lòng vì nước, vì dân, nhà vua đã được nhiều nhân tài hết sức phò giúp trong sạch hóa triều đình, tiến hành nhiều cuộc cải cách xã hội quan trọng, sát nhập vùng đất của Chiêm Thành, mở rộng bờ cõi xuống tận phía nam, và đặc biệt là ban hành một bộ luật cấp tiến mang tên là *Quốc Triều Hình Luật* được gọi tắt là *Luật Hồng Đức* do chính nhà vua khởi xướng.

Binh Bị

Về Binh Bị, nhà vua tổ chức quân lực thành 5 Đạo tương tự như 5 Quân Đoàn ngày nay và quân sĩ thường xuyên phải tập luyện.

Nhà vua đích thân tuần tra nhằm khuyến khích quân sĩ. Trong một lần đi thăm quân sĩ ở vùng biển Hạ Long, nhà vua có bài thơ khắc trên vách núi, sau này dân địa phương gọi đó là Núi Bài thơ. Các lực lượng trừ bị cũng được thành lập cùng bộ quân luật gồm 43 điều khoản để duy trì quân kỷ.

Nhà vua đặc biệt lưu ý các quan trú phòng ở biên cương về sự xâm nhập gián điệp của Nhà Minh và cải thiện các loại vũ khí và đạn được theo kỹ thuật của phương tây và của Hồ Nguyên Trừng trước đó.

Về lương thực, quân đội có loại lương khô bằng thóc sấy chín có thể dùng trong vài năm. Nhà Minh vì vậy rất e dè không dám hạch sách hay dòm ngó.

Hành Chánh

Về Hành Chánh, để chia sẻ quyền hành nhằm tăng cao năng suất quản trị, nhà vua cho thành lập 6 Bộ thay vì chỉ có 3 Bộ dưới đời Vua Lê Lợi.

Đại cương trách nhiệm của sáu bộ đó là

1. Bộ Lại: trách nhiệm tuyển mộ, phân phối, thăng thưởng các quan chức.
2. Bộ Lễ: trách nhiệm về văn hoá và giáo dục: tổ chức trường ốc, thi cử, và gìn giữ văn miếu, đền chùa, phong tục, tập quán.
3. Bộ Hộ: Trông coi về tài chánh, lương bổng, ruộng đất, nhà cửa, kho tàng, thuế khóa.
4. Bộ Binh: Trách nhiệm tổ chức, huấn luyện, thanh tra quân đội; canh phòng giặc giã.
5. Bộ Hình: Trông coi về việc thi hành pháp luật; tổ chức các tòa án xét xử các vụ kiện cáo.
6. Bộ Công: Trách nhiệm về xây cất cầu đường, dinh thự, thành trì, quản lý thợ thuyền.

Về Kinh Tế và Thương Mại, nhà vua cho sửa đổi luật thuế đinh, thuế điền, trợ giúp nhà

nông, khuyến khích mở đồn điền cụ thể qua các Chi, Dụ, hay Chiếu như “Chiếu Khuyến Nông”, “Chiếu Lập Đồn Điền”, “Chiếu Định Quan Chê”, v.v. Nhờ các chính sách đó, nhiều ngành thủ công nghiệp đã phát triển đáng kể như nghề in và làm giấy, nghề làm đồ gốm, đồ sứ, dệt lụa, uơt tơ, dệt vải, nghề mộc, trạm trổ. Nhà vua đích thân chỉ dụ rằng:

Trong dân gian hễ có dân là có chợ để lưu thông hàng hóa mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới không được trùng hay trước ngày họp chợ cũ để tránh tình trạng tranh giành khách hàng của nhau.

Thêm vào đó, nhà vua còn cho áp dụng những quy định đặc biệt như ấn định tuổi 65 là tuổi về hưu và bãi bỏ luật tập quyền (cha truyền con nối) đối với các gia đình có công trạng.

Giáo Dục

Chọn người tài đức ra làm quan.

Đề cao Khổng Học, thành lập Hàn Lâm Viện, Quốc Sử Viện, Nhà Thái Học, và Quốc Tử Giám.

Lập Bia Tiên Sĩ đặt tại Văn Miếu tức Quốc Tử Giám vào năm 1484.

Thành lập Hội Tao Đàn với 28 nhà thơ xuất sắc gọi là Nhị Thập Bát Tử và ông được coi là Sao Bắc Đẩu.

Luật Pháp

Nổi bật nhất trong triều đại Lê Thánh Tông là công trình tiếp tục biên soạn và hoàn tất bộ *Quốc Triều Hình Luật* hay *Luật Hồng Đức* và tinh thần thượng tôn pháp luật. Chính nhà vua đã ra chỉ dụ rằng: “*Pháp luật là phép công của nhà nước. Ta cùng các người phải tuân theo.*”

Bộ Luật Hồng Đức được coi là một bộ luật cấp tiến vào thời đại đó với những điều luật bảo vệ quyền lợi cho nữ giới như chồng và vợ phải có nghĩa vụ ngang nhau (tục ngữ: “của chồng, công vợ”); cấm ngược đãi vợ; vợ có quyền xin ly hôn; con gái có quyền thừa kế ngang với con trai; và nêu lên những nguyên tắc cơ bản như “vô luật

bất thành hình” (không có luật thì không bị tội); “pháp bất vị thân” (pháp luật không chừa ai dù là thân thích); “nguyên tắc tự vệ chính đáng”; “tình trạng khẩn cấp”; “tình trạng bất khả kháng”; “tự thú”; và v.v. Thêm vào đó, để bảo đảm sự công lý và tránh sự lạm dụng quyền lực.

Luật Hồng Đức cũng minh thị những điều khoản luật tổ tụng quy định thẩm quyền của các hệ cấp tòa án, thủ tục xử án, phương pháp xử án, thủ tục bắt người.

Nhiều quy định cấp tiến kể trên không thấy có trong các bộ luật sau này vào thời Nhà Nguyễn.

Luật Hồng Đức bao gồm nhiều bộ môn như: quân luật, hình sự, dân luật, tổ tụng, hôn nhân, gia đình, và hành chính.

Đầu thế kỷ 20, bộ luật này được dịch sang tiếng Pháp và được Lương Thân Cao Nãi Quang thuộc Đại Học Luật Khoa Saigon chuyển sang quốc ngữ, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa, và Nguyễn Văn Của ấn hành vào năm 1956.

Bộ Luật Hồng Đức có 6 quyển bao gồm 722 điều trong 13 chương.

1. Chương Danh lệ: 49 điều quy định về những vấn đề cơ bản có tính chất chi phối nội dung các chương điều khác (quy định về thập ác, ngũ hình, bát nghị, chuộc tội bằng tiền v.v).

2. Chương Vệ cấm: 47 điều quy định về việc bảo vệ cung cấm, kinh thành và các tội về cấm vệ.

3. Chương Vi chế: 144 điều quy định về hình phạt cho các hành vi sai trái của quan lại, các tội về chức vụ.

4. Chương Quân chính: 43 điều quy định về sự trừng phạt các hành vi sai trái của tướng, sĩ, các tội quân sự.

5. Chương Hộ hôn: 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân-gia đình và các tội phạm trong các lĩnh vực này.

6. Chương Điền sản: 59 điều, trong đó 32 điều ban đầu và 27 điều bổ sung sau (14 điều về điền sản mới tăng thêm, 4 điều về luật hương

hòa, 9 điều về chiêm chước bổ sung luật hương hỏa) quy định về ruộng đất, thừa kế, hương hỏa và các tội phạm trong lĩnh vực này.

7. Chương Thông gian: 10 điều quy định về các tội phạm tình dục.

8. Chương Đạo tặc: 54 điều quy định về các tội trộm cướp, giết người và một số tội chính trị như phản nước hại vua.

9. Chương Đấu tụng: 50 điều quy định về các nhóm tội đánh nhau (ẩu đả) và các tội vu cáo, lăng mạ v.v

10. Chương Trá ngục: 38 điều quy định các tội giả mạo, lừa dối.

11. Chương Tạt luật: 92 điều quy định về các tội không thuộc các nhóm tội danh trên đây.

12. Chương Bộ vong: 13 điều quy định về việc bắt tội phạm chạy trốn và các tội thuộc lĩnh vực này.

13. Chương Đoán ngục: 65 điều quy định về việc xử án, giam giữ can phạm và các tội phạm trong lĩnh vực này.

Tóm lại, các định chế pháp lý là biểu hiện của thượng tầng kiến trúc của xã hội văn minh phản ánh tư duy của giới cầm quyền.

Bộ Luật Hồng Đức (khoảng giữa thế kỷ 15: 1449) là một điểm son chói lọi biểu thị tinh thần pháp trị trong thời đại quân chủ của đất nước ta. Nhờ đó mọi hoạt động về văn hóa, văn học, giáo dục, nghệ thuật, quân sự, và kinh tế, ngoại giao phát triển tốt đẹp.

Ngược lại, các bộ luật sau này của Nhà Nguyễn Gia Long (1811) đã tỏ ra có sự thụt lùi trong chủ trương trở lại chế độ quân chủ chuyên chế.

Một số điều khoản trong Luật Hồng Đức về hôn nhân, di sản, và thừa kế quy định chi tiết và cụ thể hơn so với luật đời Nhà Đường nên sau này các tòa án dưới thời Pháp Thuộc và Việt nam Cộng Hòa vẫn sử dụng để xử các vụ kiện liên quan đến tài sản của vợ chồng.

So với bộ Hoàng Việt Luật Lệ hay còn gọi là Luật Gia Long, Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có nhận xét:

Bao nhiêu những sự tân kỳ, mới lạ trong bộ luật Triều Lê đã không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong luật lệ Nhà Nguyễn. Không còn liên quan đến hương hỏa, đến chúc thư, đến các điều kiện về gia thú, hay đến chế độ tài sản của vợ chồng.” (Vũ Văn Mẫu, Cổ Luật Việt Nam và Tư Pháp Sử, 1973).

Điểm tiến bộ vượt bậc trong Luật Hồng Đức là vai trò của nữ giới được đề cao và bảo vệ hơn hẳn so với các bộ luật đương thời: người vợ có quyền quản lý tài sản khi chồng qua đời và có quyền thừa kế như nam giới; hình phạt cho nữ giới bao giờ cũng nhẹ hơn so với nam giới.

~*~

Thơ Lê Thánh Tông

Ngoài tài về lãnh đạo chỉ huy, vua Lê Thánh Tông còn tỏ ra lỗi lạc về văn chương thi phú và phê bình văn học hơn hẳn so với các nhà nho đương thời trong Hội Tao Đàn của nhà vua sáng lập nhằm khuyến khích các quan làm thơ Nôm. Nhà vua đã tự nói về mình như sau:

Trông đời canh, còn đọc sách

Chiêng xé bóng, chừa thôi châu

Nhiều bài thơ của nhà vua tỏ ra khẩu khí của bậc đế vương như bài “Vịnh Con Cóc”.
Chẳng hạn:

Bố mẹ sinh ra vốn áo sồi

Chón nghiêm thăm thăm một mình ngồi

Chép miệng nuốt ba con kiến gió

Nghiến răng chuyển động bốn phương trời

*

Nhân buổi sáng đi tuần tra từ Sông Cẩm ra Biền Đông, vua Lê Thánh Tông ghi lại cảm hứng của bậc đế vương anh hùng trước phong cảnh hùng vĩ của non sông qua những câu thơ thật lẫm liệt và sống động như sau:

Nắng âm nghìn trùng

Tỏa trên ngọn cờ

Khí thế ba quân át cây cáo

Phương đông mặt trời ló dạng

Mây nhẹ trôi

Phóng mắt nhìn

Núi sông dài muôn dặm
Và sau đây là một vài bài thơ tình cảm của
nhà vua:

Hoa Biệt Nói

Quốc sắc xem bằng ngọc mới đông
Hay cười hay thốt khá bằng bông
Nhiều phen hỏi nguyệt theo hơi quế
Mấy phút chào xuân kém nhụy hồng
Một thức thom tho lâu gác phượng
Mười phần tươi tốt mặt tai rồng
Bên thành, cách ngõ, lòng chưa phỉ
Bao mượn thuyền Đô đắp đỉnh Bồng

*

Nhớ Người Xa

Sông trong, sao lạt, vẻ sao thưa
Gác cũ rêu đầy lấp dấu thơ
Mưa tạnh, hoa rầu, chiều lạt mặt
Xuân về, én thắm, tiếng u ơ
Đèn tàn, ruột thắt, hồn xơ xác
Gối chiếc, châu đầm, giấc ngẩn ngơ
Lá thắm, thơ bày, mong bắt chước
Nước xuôi, thơ ngược, biết bao giờ?

*

Trung Vương

Trợ dân, dẹp loạn, trả thù mình
Chị cũng như em cất nghĩa binh
Tô Định bay hồn, vang một trận
Lĩnh Nam mở cõi, vững trăm thành
Còn nước, còn non, còn miếu mạo
Nữ trung đệ nhất đáng tài danh

*

Trong dịp du ngoạn qua Miếu Vũ Nương
tứcThiếu Phụ Nam Xương, người đã nhảy
xuống sông tự vẫn để tự mình oan với chồng vì
nghĩ nằng ngoai tình trong lúc chàng đi lính xa
nhà, nhà vua có bài thơ:

Điếu Vũ Nương

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương
Miếu ai như Miếu Vợ Chàng Trương?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ
Dòng nước chỉ cho lụy đến nàng?
Chúng quả đã đòi vàng nhật nguyệt

Giải oan chó mượn tới đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn con ấy
Khả trách chàng Trương quá phũ phàng

*

Thương cảm cho Vũ Nương bị oan khuất,
nhưng tại sao nhà vua lại không có lấy nửa bài
thơ thương cảm cho Thị Lộ, người đã có ơn cứu
mạng mẹ con nhà vua dưới đời Lê Thái Tông?
Chắc hẳn nhà vua không còn muốn nhắc tới câu
chuyện thương tâm ấy nữa vì nhắc tới bao nhiêu
chẳng nữa thì cũng chẳng làm sao đền bù lại
được. Chỉ bằng giữ nguyên vẹn tấm lòng biết
ơn hơn là khua động lại làm cho linh hồn người
oan khuất không được an nghỉ. Tuy nhiên nhà
vua đã xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi
với một câu nói giản dị mà rất sâu xa: “Ức Trai
tâm thượng quang Khuê tảo” nghĩa là “Tấm
lòng Ức Trai sáng như Sao Khuê”.

Tổng kết

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua thông
minh, hiểu biết cao rộng, và đức hạnh hơn người.

Chắc hẳn nhà vua đã được bà mẹ Ngọc Dao
chăm sóc thật chu đáo và các vị chân sư hết lòng
truyền thụ kiến thức và kinh nghiệm kể từ khi bà
Ngọc Dao phải ẩn tránh ở Chùa Huy Văn.

Nhà vua khi lên ngôi đã giải nổi hăm oan
cho Nguyễn Trãi và không cho truy cứu ai là
thủ phạm giết vua Thái Tông, có thể vì bà Ngọc
Dao đã dẫn vua Thánh Tông rằng: “Chính
Nguyễn Thị Anh đã ngầm sai Tạ Thanh bỏ
thuốc độc cho Thái Tông chết. Nhưng con nên
giữ kín việc ấy.” (Hoàng Cơ Thụy, *Việt Sử
Khảo Luận*).

Với tất cả những công trình cải cách vượt
bực về mọi địa hạt cùng với sự mở mang bờ cõi
Đại Việt đem lại một thời gian thái bình thịnh trị
dài tới 300 năm mà đời sau vô cùng luyến tiếc,
Vua Lê Thánh Tông nên phải được tuyên dương
là “*Danh Nhân Cải Cách Xã Hội Thế Giới*”.

*

Biết Đến Bao Giờ NHẠC HỒ BẢNG
THƠ PHAN KHÂM

Valse lente ♩ = 95 Phở từ bài thơ Nợ Với Giai Nhân của Thi sĩ PHAN KHÂM

Có còn Xuân trên những còn lâu say!

Theo tháng ngày bạc thề giữa bơ vơ.

Có còn Xuân nụ hôn nào thút giấc

Gởi cho đời Xuân em á giấc mơ

Năng mở ngõ để hồn mê lỏng lẻo

Chuỗi xuân tình xin dâng trọn năng thơ,

Bướm và hoa như mê man còn mộng, tóc em

dài óng ả vấn vương tơ, Mùi lịch

mới nhà hương thơm mới mọc, mở trang
 dầu hồng phơi phơi trính nguyên; vòng tay
 nổi tình xuân trong ngà ngọc, cõi giao
 thừa ăn sủng một bình yên.
 Đất trời Xuân và em có còn xuân?
 xin dòng đời đừng trôi chảy băng khuâng,
 Xuân về đó..... còn Xuân ta còn nợ.....
 đến bao giờ trả hết nợ giai nhân./

Thế Giới Trẻ Thơ Và Lễ Hội Trong Tranh Mai Thử

ĐÌNH CƯỜNG

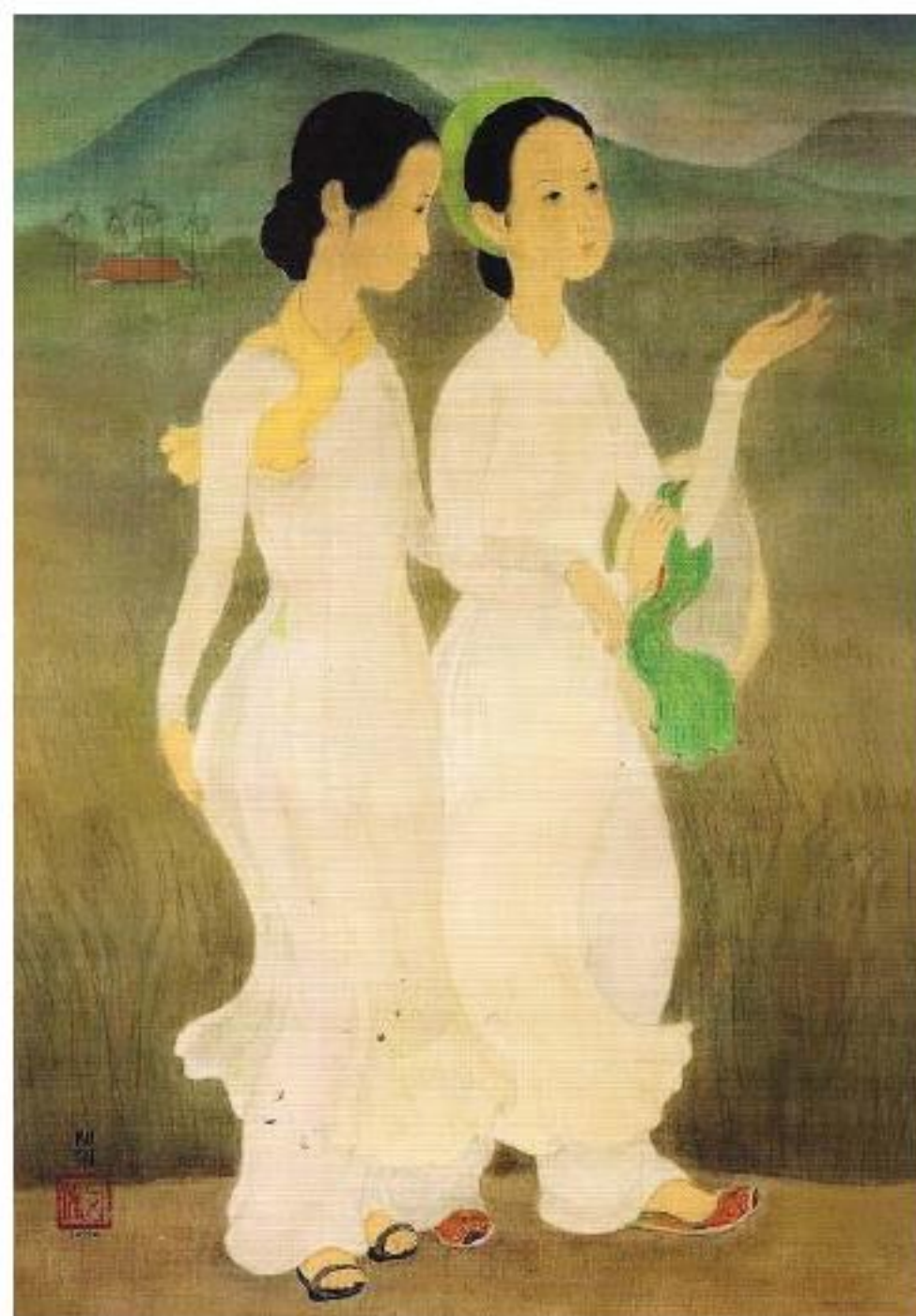


Mai Thử trong xưởng vẽ của ông ở Vanves – Pháp năm 1964

Mai Trung Thử, sau này chỉ lấy ngắn gọn Mai Thử cùng với Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Vũ Cao Đàm là những họa sĩ Việt Nam sống ở Pháp sớm nhất, từ thập niên 1930. Ông qua Pháp năm 1937, sau Lê Phổ một năm, lúc bấy giờ đang dạy vẽ ở Huế. Được chọn đi Paris nhân dịp Triển Lãm Quốc Tế để phổ biến nghệ thuật hội họa và âm nhạc cổ truyền Việt Nam – ông còn là một nhạc sĩ hảo hạng về các loại đàn cổ. Và từ đó ông ở luôn tại Pháp cho đến năm từ trần 1980.

Giữa Paris và Mai Thử lập tức nổ ra “cú sét đánh” mà ba mươi năm sau cú sét vẫn kéo rền. Tha hương mà vẫn trung thành với xứ sở phương Nam xa xôi, Mai Thử ngay từ buổi đầu, bằng một kỹ thuật rất thông thái vẽ trên lụa và bột màu (gouache) không ngừng cống hiến cho những người yêu nghệ thuật ở phương Tây cái nhìn của họa sĩ về một thế giới trong đó cái thực được nạm màu

sắc một bức màn huyền bí trầm tư và mềm mại, còn chất thơ thì trang sức cho cái thường ngày bằng màu mộng.



Thiếu nữ – Mai Thử

Thật vậy, khác với sắc hoa sắc sỡ trong tranh Lê Phổ, tình mầu tử trong tranh Lê Thị Lựu, một thoáng thiên đạo trong tranh Vũ Cao Đàm, tranh Mai Thử cho ta ấn tượng về một lễ hội, làm mới lại những nét cổ truyền, màu sắc đường nét thanh thoát như hư không. Trong vụng tập Pénéla giới

thiếu tranh thiếu nữ Mai Thứ sớm nhất ở Paris có đoạn viết thật thú vị:

*Quoi de plus léger qu'une plume?
la poussière
de plus léger que la poussière?
le vent
de plus léger que le vent ?
la femme
de plus léger que la femme?
rien*

*(Còn gì nhẹ hơn mây lông ?
hạt bụi
còn gì nhẹ hơn hạt bụi ?
con gió
còn gì nhẹ hơn con gió ?
đàn bà
còn gì nhẹ hơn đàn bà ?
hư không)*

Tranh lụa Mai Thứ là những nét chất lọc, qua suy nghiệm đề đi đến một sự thanh thoát, vẽ như hư không. Những gam màu lục biếc của ông đầy chất thơ tuyệt diệu. Đặc biệt vẽ về trẻ thơ. Năm 1964 ông đã triển lãm tại Galerie du Péristyle phòng tranh mang tên "Les enfants de Mai Thu" được rất nhiều người hoan nghênh và ngưỡng mộ. Nhiều nhà xuất bản đã mua bản quyền để in thiếp và tranh lại. Rất nhiều galerie nổi tiếng ở hữu ngạn và tả ngạn sông Seine bày tranh của ông qua "ông bầu" mỹ thuật J.F.Apesteguy, một giám đốc về nghệ thuật có tiếng, cho tới mãi sau này về tranh Mai Thứ.

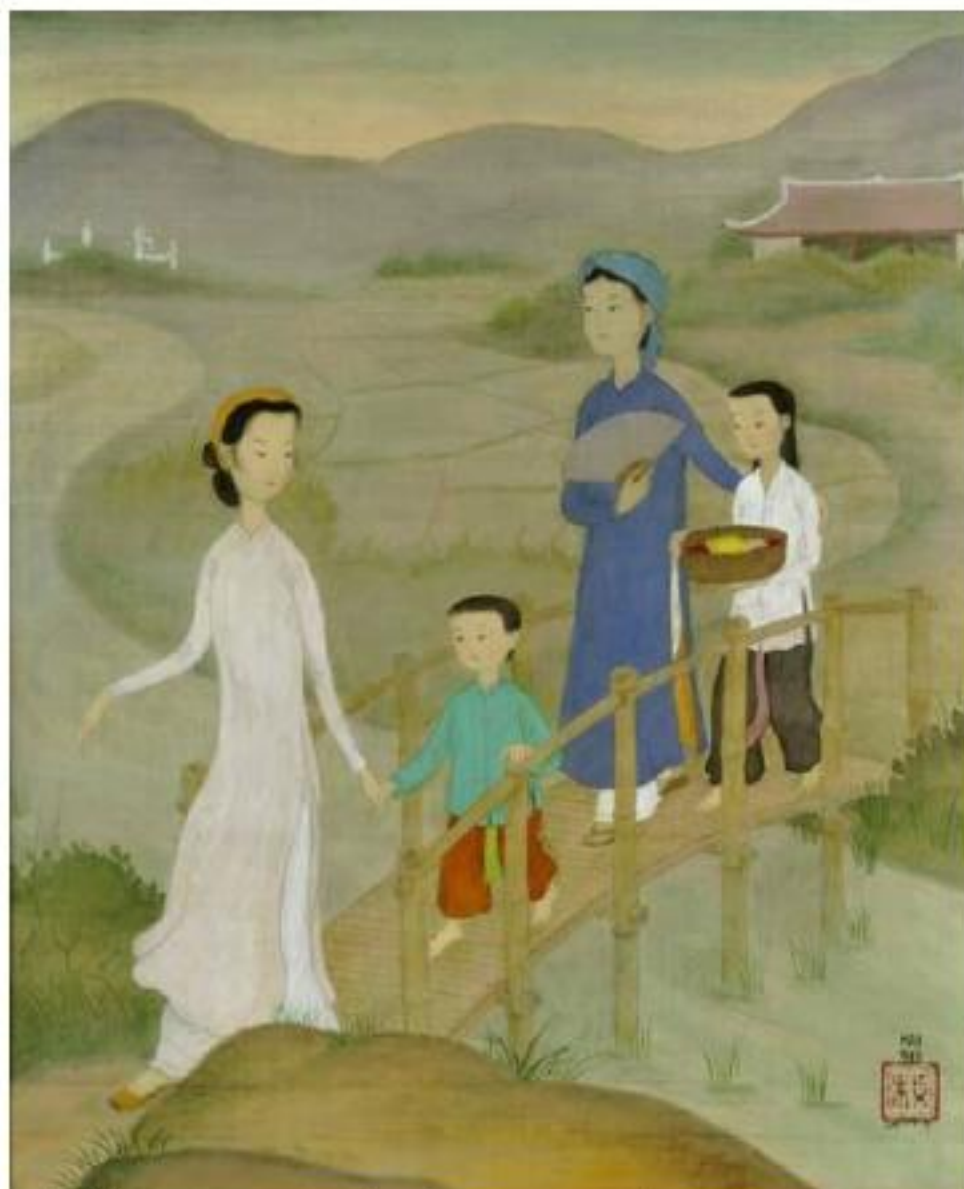
Những năm 1940 – 1942 Mai Thứ tự nguyện nhập ngũ trong quân đội Pháp. Trong thời gian sống ở Mâcon trước khi về lại Paris ông đã vẽ trang trí bên trong ngôi

giáo đường lớn St-Pierre đã thành niềm hãnh diện cho thành phố này. Nghệ thuật Mai Thứ đã được cả thế giới biết đến và có chỗ đứng cao trong nền hội họa hiện đại Pháp. Với Việt Nam ông là một bậc thầy danh tiếng về tranh lụa cùng với Nguyễn Phan Chánh, Lê Phổ và Lê Văn Đệ, những người bạn học cùng khóa đầu tiên (1925-1930) ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương – Hà Nội [1]



Trẻ em và trò chơi – Mai Thứ

Ngôn ngữ của ông bắt nguồn từ cội rễ nền văn hóa và truyền thống Á Đông cộng với đường hướng mới của hội họa Tây Phương thời đó mà ông đã tiếp xúc đã để lại trong thế giới tranh Mai Thứ một nét riêng khó nhầm lẫn. Theo Armand Drouant,



Đi lễ chùa – Mai Thù một nhà sưu tập tranh nổi tiếng của Pháp, qua kinh nghiệm xem và chọn mua tranh, theo ông có rất nhiều điểm cần thiết cho một bức tranh, nhưng ông chú ý nhất đến hai yếu tố: sự thành thật của rung cảm và sự thông minh tinh tế của nét vẽ. Tôi thấy được cả hai yếu tố ấy trong tranh Mai Thù. Tranh ông ngày nay hiếm và rất đắt giá ở các nơi bán đấu giá tranh nổi tiếng như Christie và Sotheby's thường tổ chức ở New York và Hong Kong.

Nhân ngày Tết, xem lại thế giới trẻ thơ trong tranh Mai Thù là một niềm vui, một hạnh phúc. Ở đó ta thấy tình mẹ mặc áo mới cho con, cùng đưa con đi chùa. Những nén hương và những quả phẩm. Cả những trò chơi của trẻ em cũng được ông bố cục lên tranh theo một không gian dẹt thật mới, thật thanh thoát. Tắm thiệp Cung Chúc Tân Xuân với tranh Mẹ dạy thêu thùa của ông do UNICEF in để bán giúp cho Hội Những

Trẻ Em Trên Thế Giới ông tặng khi ông từ Paris ghé về thăm trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1960 tôi còn giữ cho đến nay. Tôi còn nhớ mãi bóng dáng một người thô, chắc, với cặp kính gọng nhựa đen to, mặc chiếc áo gilet màu xám đậm đứng chụp ảnh chung cùng thầy Tôn Thất Đào và nhà doanh nhân Viễn Độ trước bức bình phong biệt thự Viễn Độ sát cạnh trường Mỹ Thuật Huế bên bờ sông Bến Ngự. mới đó mà đã hơn nửa thế kỷ...



Mai Trung Thứ – Viễn Độ – Tôn Thất Đào Huế 1960 (ảnh tư liệu DC)

Virginia, November 20, 2014

Đình Cường

[1] Mai Trung Thứ sinh năm 1906 tại Hà Nội, quê làng Do Nha, huyện An Dương, tỉnh Kiến An (cũ) nay là xã Tân Tiến, huyện An Hải, Hải Phòng. Ông nội là Mai Trung Quế, Quyền Tri Phủ phủ Điện Biên, được triều đình Huế phong tặng Thái Thường Tự Khanh. Cha là Mai Trung Cát, Tổng đốc Bắc Ninh. Lớn lên học trường Bảo Hộ (trường Bưởi). Năm 1925 thi vào khóa I trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương cùng với Nguyễn Phan Chánh, Lê Văn Đề, Lê Phổ, George Khánh, Công Văn Trung, Nguyễn

Tường Tam và Lê Ang Phan. Nguyễn Tường Tam (nhà văn Nhất Linh) và Lê Ang Phan sau bỏ không học tiếp.

Năm 1930, sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, ông được bổ nhiệm dạy vẽ tại trường Quốc Học Huế. Ông đã sống và làm việc gần 10 năm ở Huế trước khi qua Paris vào năm 1937.

Cùng với một số họa sĩ khác cùng thời, ông đã tham dự các cuộc triển lãm quốc tế như ở Ý (1932, 1934), Bỉ (1936) và ở Mỹ – tại San Francisco (1937).

Ông đã gặp Fernand Léger và Picasso cùng nhiều họa sĩ một thời quần tụ ở khu Montparnasse nổi tiếng.

Mai Trung Thứ là một họa sĩ lớn của Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Ngoài vẽ tranh ông còn chơi sành các nhạc cụ cổ điển như đàn bầu, sáo... còn là một nhà quay phim. Ông có người con gái duy nhất là Mai Lan Phương, bác sĩ thú y, hiện sống cùng gia đình tại Pháp.

Năm 1980, sau khi kết thúc cuộc triển lãm lớn cuối cùng ở Paris, mùa hè năm ấy ông qua đời đột ngột vì bệnh tim, hưởng thọ 75 tuổi.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

NÉT ĐẸP QUÊ MÌNH

Thơ: NGUYỄN PHÚ LONG

Nhạc: NGUYỄN TẮT VINH

Rộng rãi - Thành thang cảm xúc



Đón bỏ chữ nghĩa của ông cha, Lãng mạn, uyên thâm lại đậm



đá. Thành thị, thôn làng còn biết mãi, Chân trời, góc bể cũng vang



xa. Anh đang thơ thẩn tìm vẫn mới, Em cứ lan man kể chuyện



nhà. Dừng ngại văn chương mình thiếu chỗ, Đan thêm bổ nữa để cho



ta. Trang trọng hai tay ủ chén trà, Râm

ran, khoan khoái tự lòng ra. Thái Nguyên nụ với tình thơm

ngát, Bảo Lộc mạn sen ý đậm đà. Chè Huế om sành vui giản

dị, Ô Long ấm sứ nhũ kiều sa. "Vào

vườn hái quả cau" nho nhỏ, Trầu nước mời nhau lúc ghé

nhà. (Hơ hơ hơ)

... .. Hơ hơ Hơ hơ

... .. hơ hơ...).

Số Con Rệp!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Bà Khung đi quanh quần trong nhà suy nghĩ mông lung... vậy là chỉ còn một tháng nữa con trai của bà sẽ lấy vợ!

Con vợ sắp cưới của nó thì bà mới chỉ được biết đây thôi! Hai mẹ con từng lời qua tiếng lại vài lần vì vụ này, khi bà gặp mặt con dâu tương lai lần đầu tiên...

- Con gái con lừa gì mà tóc tai nửa vàng nửa nâu! lại còn ăn mặc lò lẹt ra, nhìn muốn đui con mắt người khác!

Thằng con gân cổ:

- Ai bảo mẹ nhìn đui nó làm gì! Sao mẹ không nhìn mặt nó, nó rất là dễ thương!!!! giống búp bê...

- Dễ thương cái mụ nội ấy! Mày bị nó cho ăn bùa mê thuốc lú rồi hay sao mà khen nó hoài vậy! đã thế lại còn làm biếng trốn ruột! Ai đòi vào nhà người ta giày dép không chịu cởi ra, lại còn ngồi lì một chỗ, không biết tiếp tay tao làm một thứ gì cả!

- Nó quen mang giày vớ trong chân rồi... với lại nhà mình lạ, làm sao nó dám xông xáo để giúp mẹ! Mà mẹ gặp người ta cũng phải "nice" chứ, ai đòi cứ quặm mặt xuống như bà phù thủy làm con còn sợ huống chi nó... Cứ quen vài lần là mẹ ngồi chơi xơi nước... nó giỏi lắm, sẽ lo hết trong ngoài...

Thằng con bà nói chắc như đinh đóng cột... chuối! Cái ngữ con bé ưa ăn diện, nhìn là biết ngay! Đôi giày cao không thể có đôi nào cao hơn! Bà ước thầm nếu có xấp lá cà, bà chỉ cần ra tay xô một cái, con bé sẽ ngã quay cu lơ! Hay thực tế đảo ngược là nó có thể đạp cho bà một cú què giò, chân nó xọ chân kia! Người như thế

nói gì làm với lưng! "Hừ"... con bé này nhìn qua là biết đồng đánh vô tích sự!

Thời gian khi mong cho nó mau qua thì nó đi chậm rì! Còn lúc mong cho nó chậm thì nó lại vùn vụt tên bay! Tâm trạng bà Khung lúc bấy giờ không biết như thế nào. Dù sao thì bà cũng phải sửa soạn may mặc cho đám cưới.

- Mẹ mặc áo đầm cho đẹp, mẹ...

Con trai vừa ăn sáng vừa bàn vào chuyện đám cưới. Bà quắc mắt lên:

- Tào lao! Cám ơn... tôi mặc áo dài được rồi, mặc đầm cho gió nó thổi vào lồng lộng, bà già này lạnh không chịu nổi!

Nghe giọng của mẹ có vẻ cay đắng pha hờn dỗi, anh con trai ngạc nhiên:

- Mẹ nói cứ làm như gió thổi vào cửa hang động ý! Mà thôi, mặc áo dài cũng được... bị bên nhà vợ con nghe nói họ mặc xoa rêu hết.

- Họ là người Tây người Mỹ, muốn mặc gì thì mặc, còn tôi thì áo dài quốc hồn quốc túy, tôi không muốn làm người vong bản!

Lại cái giọng nói lấy cũng không thừa! Bên Julia bạn gái của Vinh là Việt Nam rặc, làm gì có Tây có Mỹ!

- Kia mẹ... vong bản gì ở đây, mẹ già nên thích áo dài, họ còn trẻ thì thích đầm, có gì lạ đâu mà mẹ cứ "chọt" người ta!

- Ê thằng kia, mày có bình chứng nó thì bình vừa vừa thôi! Tao "chọt" lúc nào... muốn thì tao phang thẳng, việc gì phải chọt! có gì thì tao nói vậy, vậy thôi...

Mẹ con lúc này nói chuyện với nhau rất dễ bị "va chạm" cũng bởi vì gái (lời bà Khung)! mà bà cũng thường hay có tính mĩa mai bóng gió! Cứ mỗi lần nghĩ đến đứa con dâu là bà thấy bất mãn, nội cái bề ngoài của nó là bà đã chống tận tình rồi!

Thằng Vinh thì khác, thấy mẹ cứ hậm hực mãi khi nhắc đến Julia, thì nó ngửa miệng nên bình... Mà cái tính thẳng này từ nhỏ tới

giờ đã như vậy rồi! Nó hay nói ngược lại những gì bà Khung nghĩ, cho dù mẹ có nói đúng nó cũng đùa cho bà nổi cơn lên...

Coi vậy chứ cũng đã gần đến ngày cưới. Chồng, nhưng trong lòng bà Khung cũng đầy tự ái dân tộc! Bà muốn tuy mặc áo dài Việt Nam, nhưng nhìn bà vẫn sang trọng hơn nhiều bà khác, nhất là bà mẹ cô dâu.

Được rồi, bà ta diện đầm thì mình diện áo dài. Chiếc áo dài màu xám tro bằng vải voan hai lớp, bên trên có thêu và kết ít cườm hồng bên cạnh những hoa và lá sen cho bà nét tinh khiết cao sang. Cái áo này bà bỏ ra hơn hai trăm đề may chứ không phải ít.

Bà Khung có dáng chuẩn của người đàn bà Việt Nam. Bà cao một thước sáu, không mập không ốm, hôm đám cưới con trai bà mặc áo dài, đeo xâu chuỗi ngọc trai trắng và bông tai cùng loại cùng màu. Tóc bà búi lên kiểu Nhật Bản làm cho bà nhìn sang cả hơn.

Người nào gặp bà cũng trầm trồ khen ngợi... Lâu rồi, từ ngày ông chồng sớm bỏ bà đi bán muối, bà chẳng thiết tha gì trong vụ ăn diện hàng ngày... Nay nhìn bà đổi khác, dưới lớp phấn hồng và màu môi son nhẹ, trông bà cũng còn trẻ và khá dễ thương.

Nhiều ông đã đến gần tỏ lời tán tỉnh. Điều này xưa nay bà hay lên án bọn đàn ông háo sắc quý quyết... nay thì bà lại cảm thấy vui, vì mụ xui gia không ai khen một tiếng.

Cứ nghe bọn họ tán tỉnh vào tai này ra tai kia thì đâu có làm sao! Cho đời vui vậy mà.

Không phải tự nhiên mà bà chấp nhận dễ dãi như vậy, mà chính là từ trong nhà thờ, khi thấy con trai âu yếm cầm tay vợ nó trao nhau nụ hôn, bà chợt nhận ra mình là một người thừa!

- Khi về già thì chỉ còn lại mấy mạng già với nhau!

Lúc nghe bà bạn nói câu đó, bà Khung rất ghét, cho rằng không bao giờ có chuyện

đó... Bây giờ thì bà bắt đầu thấy lờ mờ sự thể có thể như vậy!

Nội cái việc hai mẹ con đấu lý với nhau về vụ ở chung sau khi cưới vợ cũng là một đề tài, khi thằng con muốn mượn nhà dọn ra riêng.

- Mẹ không thích vợ con thì ở chung với nhau làm gì!

- Nhà này có bốn phòng, mà không ở lại đòi dọn ra thuê nhà thì có vô lý vô sự không!

- Nhưng mẹ không thích vợ con!

- Thì mà bảo nó làm cho tao thích đi!

- Người ta chưa kịp nói gì mẹ đã chê từ trên xuống dưới!

Thằng này nói chí phải, nhưng bà Khung trả lời:

- Tao phải đánh phủ đầu trước như thế, thì sau này nó mới phục tùng con ă! Cái ngữ của mà cứ nuông chiều nó như chiều bà cô nội..., sau này sẽ bị nó sai bảo cho mà quay như chong chóng!

- Mẹ cứ nói kiểu vợ chồng ngày xưa không hợp thời... Bây giờ vợ chồng giúp nhau không được sao! Vợ nấu cơm thì chồng rửa chén, cũng công bằng thôi vì cả hai cùng đi làm, như vậy mới hạnh phúc...

Trời, phải chi cha nó còn sống mà nghe câu này! Con trai bà đang dạy bà đây! Nhắc đến ông, bà lại tức lộn ruột! Ông chồng bà xưa kia thường chứng tỏ là một nhà hiền triết! Việc gì trong nhà từ a đến z là bà bao quát. Ăn cơm xong bà phải đi pha cho ông một ấm trà, rồi một mình dọn dẹp lau rửa cho đến khuya, chồng ung dung ngồi coi báo, không cần biết đến nói chi là giúp một tay!

Riêng thằng con trai chuyện học hành thì bà cũng phải kèm cho nó bài vở, rồi cho con đi ngủ... Lúc đó mới hết việc!

Mà cũng chưa nữa. Lên giường, nhiều khi mệt muốn chết, ông lại táy máy lời cổ bà dậy, đâu có cho ngủ yên lành! Ông chết

sớm dù buồn, nhưng cũng có lúc bà thoải mái vì không bị làm phiền ban đêm!

Bà Khung có tật hay nói lung tung, nhưng thực chất thì hiền, cho nên thằng con biết điều đó, nó dặn vợ:

- Em nhớ tính mẹ hay nói, nếu biết cách lấy lòng thì cái gì mẹ cũng chiều, đừng tỏ ra chống đối lại bà!

- Sao mình không ở riêng? Rồi em lấy lòng mà mẹ không chịu, cứ chửi rồi em tức... cãi lộn thì sao?

- Làm gì có chuyện đó... Mình cứ ở chung với mẹ vài tháng, nếu chịu không nổi thì dọn ra sau... Chứ thời buổi này đi mướn nhà cũng phải ngàn hai một tháng, rồi chưa tính điện nước ăn uống... tốn kém lắm...

Con dâu trẻ nhũn mày suy nghĩ, rồi gật đầu:

- OK, em sẽ ở bé mẹ anh...

- Mẹ chỉ có mình anh. Nếu sau này em có bầu, ở chung thì mẹ còn tiếp tay mà săn sóc con mình!

Thằng Vinh đúng là nó ảnh hưởng máu của mẹ, chưa gì đã biết tính toán lo xa đủ thứ! Cô vợ nghe chồng nói có lý, nhất định thực hành.

Thế là nhà bà Khung có thêm nàng dâu mới.

Con bé Julia này bà đã không thích từ đầu. Nó đâu phải loại con gái e ấp thực nữ như thời xa xưa của bà. Nội cách ăn mặc của nó nhìn đã thấy ngứa mắt, lúc nào cũng mặc váy cao hơn đầu gối... Bà Khung nói riêng với con trai:

- Bảo nó che bớt đùi hay ngực lại, tao nhìn thấy muốn dỗi! Chồng cả mặt!

- Đẹp vậy mà mẹ cứ nói quá... vợ con xinh xắn, giỏi giang. Trong sò ai cũng thích... chắc mẹ già quá nên không thích một này!

Nghe con trả lời, bà Khung tức, nghĩ: “Thằng ngu... kệ xác chúng mày... Bà đã cảnh cáo mà không nghe, thì có ngày mất vợ đáng kiếp!”. Bà trả lời mát mẻ:

- Ừ, tao già nên nói vậy đó... mày liệu cái thần hồn!

Thằng con cười khi nghe mẹ dọa! nhưng vuốt đuôi:

- Được rồi, khi nào nó lớn bằng mẹ, con sẽ nói nó mặc áo đầm dài tới gót chân cho mẹ khỏi ngứa mắt.

Nói cho đúng ngoài cái phong cách ăn diện trẻ trung của Julia, thì bà Khung chưa tìm ra được một điểm xấu nào của nó để mà chê cho đúng.

Julia nhanh nhẹn, chứng tỏ gia đình có giáo dục đàng hoàng, nói chuyện với bà lúc nào dạ thưa, dù không hẳn nghe lời, nhưng con nhỏ không cãi xoén xoét như thằng con bà... Nhìn mặt con nhỏ này, bà thấy nó thông minh lém lỉnh ghê lắm, nhiều khi làm thế chỉ là “giả nai” thôi, cho bà vào bẫy... để sau này... trở mặt lại với bà.

Julia chăm sóc và yêu thương thằng con bà rất nhiều. Hồi xưa chưa bao giờ bà từng âu yếm ông như thế! Thảo nào mà thằng này không chết mê chết mệt vì nó!

Nhưng bà đâu có ngu để cứ bắt bẻ, phản đối con dâu mãi khi nó xuống nước, như thế thì thằng con quý tử lại bảo mẹ mình là bà già lự đạn khó tính thì tức lắm! Thôi, tạm gác lại qua bên... người quân tử mười năm trả thù cũng chưa muộn, huống chi nó đang ở trong nhà của ta!

Làm dâu chưa nóng đít, Julia đã gọi thợ đến nhà thay hẳn một dàn bếp gas cực mạnh, ngon lành... chẳng biết tài nấu nướng của cô ta đến đâu mà mua cái bếp hùng vĩ như thế!

Bà quyết tâm rình chờ xem con dâu sẽ nấu món gì... nhưng chờ hoài mà có thấy nó động tĩnh gì đâu! Bà chịu không nổi mới ướm lời trước:

- Con tính nấu món gì mà mua dàn bếp dữ dằn thế?

Con bé gương cặp mắt tròn xoe ra nhìn bà:

- Không, con có biết nấu đâu, con mua cho mẹ dùng đây chứ!

- Cái gì, mua cho tôi nấu à? Cái bếp cũ có hư đâu mà dục đi... mấy người phí của quá!

- Nó không hư nhưng lửa yếu, mỗi lần nấu cái gì là chờ lâu quá... Đây mẹ thử xem, mẹ ung uống trà nóng chứ gì, bắc cái ấm lên, chỉ một tí tẹo là nước sôi ngay...

- Nhưng tôi thích chờ, tôi ở nhà có làm gì đâu mà phải vội vàng...

Dù nói thế, nhưng cái bếp mới này cũng hữu dụng thật, chiên cá là cứ vàng rộm, nấu nồi súp cũng sôi nhanh... thôi, cứ cho qua chuyện này, cho dù tiếc cái lò cũ, nhưng lỡ rồi biết làm sao! Cái lò mới chiến quá, bà thích!!

Cô con dâu lại thêm:

- Con mua nó tại vì mẹ nấu ngon lắm, ít ai nấu ngon như mẹ, kể cả nhà hàng!

Bà Khung nghe câu này mát ruột quá! Quên cả vụ tiếc cái lò cũ, mà còn nghĩ cách nấu những món ngon biểu diễn cho chúng nó ăn!

Từ khi có con dâu, cái tủ lạnh trong nhà thoáng mát hơn. Những thứ gì từ đời “ông cố ông sơ” mà bà còn giữ lại cô dọn sạch, cho vào thùng rác hết!

- Ô hay, sao lại dục đi... mới có hai tuần chứ mấy!

- Trời chai mắt cá thu của tôi đâu rồi!!!

Con dâu trả lời:

- Mấy thứ nấu rồi người ta nói để lâu hơn ba ngày là vất đi, ăn uống không tốt! toàn là vi khuẩn! Mẹ cất đồ ăn có cái móc meo cả lên!

Vi khuẩn với vi khiết! vậy bấy lâu nay bà ăn là chết sao! Nhưng rồi bà không phải tiếc, bữa cơm chiều con dâu mua về nào là vịt quay, dưa chua Kim chi Đại Hàn, ăn với cơm trắng dẻo nóng thơm ngon hết biết!

- Ngày mai mẹ muốn ăn gì con mua về...

- Ăn thịt bò bít tết với rau trộn đi, mua bánh mì Pháp chính gốc nóng dòn lâu rồi mình chưa ăn...

Trả lời nó xong, bà giật mình khi thấy mỗi thừ chổng con dâu làm như đã bị mấy món ăn ngon dụ khí! Nhưng hãy cứ ăn đi, người quân tử trả thù mười năm vẫn không muộn!

Thịt bò bít tết ngon quá là ngon. Con dâu mua cho mỗi người một miếng to tổ bố, ăn không hết, bà đây lại định trưa mai ăn tiếp... nhưng hôm sau, lại có những món ngon tiếp nối, chưa kịp ăn miếng thịt bò dư thì cô lại đổ vào thùng rác mất rồi...

Nghe bà cần nắn, cô dâu nhỏ trả lời:

- Hai ngày rồi còn ngon lành gì đâu mà mẹ giữ... để con làm mấy món khác tươi hơn...

Đúng là chưa biết đói chưa thấy tiếc! Bà trả lời:

- Ở Châu Phi con người ta đói nhe cả răng ra... Bên đây dư thừa quá phí của trời!

Con dâu cười:

- Mình đang ở đây chứ đâu phải Châu Phi mẹ...

Thằng con bà chen vào:

- Sao mẹ cứ hay lo mãi vậy! khi nào bị như Châu Phi thì lúc đó mình cả nhà cùng nhe răng ra cả thôi!

Cái thằng lý luận nghe còn dễ ghét hơn cả con dâu! Chúng mày chưa nếm mùi chưa biết, chứ ngày xưa trên đất nước mình, người ta đói chết lẫn lóc đầy đường! người giàu còn phải độn khoai hay bắp mà ăn! Như ta đây thì phải hái rau dại ngoài vườn mà nhai cho qua cơn đói...

- Ngày xưa, tụi nó lấy lúa thóc của mình làm than đốt cho xe lửa chạy, dân mình chết đói vô số, đúng là quân tàn ác!

- Mẹ nói ai lấy lúa đốt?

- Thì tụi lính Nhật chứ ai!

- A ha, vậy mẹ phản tuyên truyền rồi! Mẹ thù tụi Nhật làm dân mình chết đói, mà mấy lúc gần đây mẹ cứ bảo đi chợ Nhật là sao?

Bà Khung cãi:

- Vì mẹ không thích hàng Trung Quốc, nên mới đi chợ Nhật chứ bộ!

- Sao mẹ không đi chợ Việt Nam?
- Bên Việt Nam cũng xuất cảng hàng độc theo tụi Trung Quốc cho có lời!

- Thì còn chợ Đại Hàn, chợ Lào, chợ Mỹ.... thấy chưa... mẹ biết mà cũng đâm đầu vô!

Nghe thằng con bắt bí, bà Khung lặng im không thém lên tiếng! Lúc này, bà đã nghe con dâu hứa ngày mai mua cua về làm cua rang me.

- Con biết nấu món này, bạn con chỉ, làm dễ mà ăn ngon...

- Mẹ thích lắm, cua rang me ngon hơn cua rang muối...

- Con sẽ làm cẩn thận, bỏ ít muối để mẹ ăn cho tốt.

Cám ơn... Bà im lặng không phải vì những lời hai đứa nói, cũng không phải vì món cua không bị mặn sắp được ăn... mà chỉ vì người quân tử phải biết thời cơ lúc nào!

Thôi thì cứ cho chúng bây là đúng đi! Ở Mỹ thì không dễ gì bị dối...

Ngày cuối tuần, vợ chồng thằng con trước khi đi chơi, đã báo tin mừng:

- Bà nội ơi, bảy tháng nữa là bà có cháu rồi!

Bà Khung tròn mắt lên, bà nhớ không lầm thì đã cãi nhau với con dâu một trận về chuyện này rồi cơ mà... chúng nó muốn vài năm nữa mới có con, sao hôm nay lại báo một tin bất ngờ thế! Bà ú ớ:

- Cái gì? Cháu nào ở đây?

- Vợ con có bầu hơn hai tháng rồi!

- Ủa, sao tụi bây nói không muốn có con, mà giờ lại có là sao?

- Chứ không phải mẹ muốn có cháu nội liền hay sao?

Con dâu nhỏ nhẹ:

- Con nghĩ mẹ ở nhà một mình buồn, nên sinh một đứa cho mẹ vui...

"Phải dẹp cái lạnh lùng để khen chúng nó một câu"... Bà Khung thấy tự ái được vượt

ve... chúng đã nhượng bộ bà để sinh con ngay cho bà có cháu bông...

- Tốt quá... đi chơi cẩn thận nghe con... đừng mang giày cao quá...

Lần đầu tiên, bà ân cần dặn dò con dâu. Cô đưa chân lên đứng một cẳng ngon lành, đôi giày không cao quá mà cao vừa vừa...

- Con đổi giày thấp rồi đây mẹ...

Trời đất, đôi này mà nó kêu thấp... nhưng thôi, như thế đã quá tốt rồi... phải uốn nắn từ từ, làm quá nó dễ gãy!

Bà Khung cảm thấy sung sướng miên man, thế là sắp có đứa cháu nội đầu tiên trong đời. Mà thằng con bà cũng cà chĩa! Vợ có bầu hơn hai tháng mà giờ mới báo cho mẹ biết! Cái gì chúng cũng về một phe để che giấu cho nhau.

Tìm thằng con, bà trách:

- Sao không cho mẹ biết sớm để mẹ mừng?

- Tụi con đợi chắc chắn rồi mới cho mẹ biết!

Câu trả lời nghe dễ ghét, nhưng mà có lý! Thôi thì vì cháu nội, bà nguyện sẽ không lâu bầu hay châm chích gì chúng bay nữa... cho cả nhà vui. Dù sao thì chúng nó cũng nhượng bộ bà rồi đây!

Những ngày sau đó, bà Khung không còn ngồi ì ra ở sofa để coi phim bộ Đại Hàn, hay ôm phôn nói chuyện điện thoại, để đi con dâu làm việc nhà một mình, mà dậy sớm vào bếp lo thức ăn sáng cho hai vợ chồng, lo nấu đồ ăn trưa cho chúng mang vào sở ăn... Buổi chiều thì bà hay ngồi mở "computer" lên coi các món ăn bỏ cho bà bầu để nấu, ăn gì để sinh con dễ v.v...

Bà làm việc mà không thấy mệt, trong lòng lại vui vui. Những khi con dâu mà vào bếp giúp, là bà đuổi như đuổi tà...

- Con ra sofa ngồi coi TV, để mẹ nấu được rồi... con đi làm về mệt, cần nghỉ ngơi...

Mặt con dâu hơi ái ngại, còn thằng chồng nó nghe mẹ nói là tung tung kéo tay vợ lên phòng khách ngay, không quên lấy theo đĩa

đậu phộng to tổ bố, vặn TV coi vừa bóc đậu
đút cho vợ thật là âu yếm...

- Đúng là cái thằng đại gái!

Nghĩ thế, nhưng bà Khung cười dễ dãi...
Càng cưng vợ thì vợ thương, đứa nhỏ sẽ
giống cha nó nhiều... thế thôi! Lo cho con
dâu ăn tâm bồ, bà cũng không quên bắt con
phải đi bộ nhiều để sanh dẻ, lại còn vận
động tay chân bồi bổ sức khoẻ...

Mấy bà bạn của bà ngạc nhiên khi thấy
dạo sau này bà không còn xét nét về đứa
con dâu nữa, mà còn lo cho nó quá sức. Có
bà tò mò hỏi:

- Sao? Bà hết ghét dâu rồi à? dạo này tui
thấy bà hay lo cho nó, vậy mà lúc trước tui
nói con bé cũng dễ thương bà đâu có chịu
nghe tui!

Bà Khung cười:

- Tui có ghét nó hồi nào đâu, chỉ là nhận

- xét thôi... mà người ta ai cũng có cái
hay cái dở, với lại tui làm, vì dù sao tui
cũng thương cháu nội của mình nó đang
cru mang trong người! Chứ một mình nó
thì sức mảy, ai hơi đâu hầu hạ.

- Bà nói sai rồi, tui cá là sau khi nó sinh,
bà còn phải hầu nó nhiều hơn!

- Vô lý... Tại sao?

- Bà quên rằng nó phải nuôi con, nuôi
cháu nội bà bú mớm à?

Ừ nhỉ! Bà quên mất là sau khi sinh xong,
cháu nội còn phải bú sữa mẹ? Vậy thì bà
đợi năm ba năm, sẽ tiếp tục hầu hạ con dâu
cho đến khi nào cháu bà hết bú, thì bà sẽ
ngưng, không làm người hầu nữa! Lúc đó
nó phải hầu bà!!!

Ồi, nhưng không biết sau khi sinh thằng
cháu này, nếu nó lại tiếp tục có bầu đứa khác,
thì bà tính sao đây! Đúng là số con rệp!

NHỚ MONG

Kẻ đi người ở luống ngậm ngùi
In hình bóng cũ thuở nào nguôi
Êm nghe sóng vỗ bờ lau vọng
U ần mắt sầu ngân lệ rơi
Oán hờn đông đến lòng tê tái
Ái ngại xuân về bước lẻ loi
Nhắn gửi theo mây lời hẹn ước
Hằng mong nhớ mãi bạn đường ơi!

Kiều Anh
(Minneapolis, MN)

PHÂN ƯU

Nhà Thơ Nghệ Sĩ Hoàng Sơn

(Phu quân nữ sĩ Văn Thị Kiều Anh,
Đại Diện Cỏ Thơm tại Minnesota.)
đã tạ thế ngày 25 tháng 4, 2015
tại Minneapolis, hưởng thọ 88 tuổi.
Xin chia buồn cùng Nữ Sĩ Văn Thị Kiều
Anh và tang quyến. Cầu chúc hương linh
người quá cố được an bình về nước chúa.

Ban Quản Trị & Biên Tập
Tạp Chí CỎ THƠM

Vẫn mãi lao đao ...

Ỡ NGUYÊN

Thằng em Đạt nằm xuống cả tháng trời mà sao nỗi buồn tang tóc ấy như vẫn mãi bao phủ lên gia đình chúng tôi. Nước mắt vẫn giọt ngắn giọt dài. Cuối cùng ai cũng ân hận nhưng chuyện đã rồi.

Tùng đêm tôi nức nở gọi tên em Đạt trong giấc mơ. Đôi khi tôi giật mình choàng dậy giữa đêm khuya, nước mắt đầm đìa khi biết rằng em mình đã ra đi vĩnh viễn. Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ. Khôi, thằng em trai thứ hai của tôi ngồi lủi thủi ở một góc nhà, ít nói năng trò chuyện với ai. Trước kia hai anh em luôn luôn chơi đùa bên nhau như bóng với hình, như đôi chim khuyển tiu tiu không rời. Khôi lớn hơn Đạt một tuổi, vậy mà Đạt chỉ gọi Khôi bằng chú cũng vì Khôi hay chọc ghẹo. Hai anh em xuyết xoát tuổi nhau, nên được bố mẹ và các anh các chị chiều chuộng đồng đều. Tuy nhiên mỗi lần lên hang Mất Ròng chị Mai chỉ công em Đạt vì Đạt bé nhất nhà. Giờ thì trong nhà không còn nghe tiếng cười đùa của hai anh em. Một cảnh trống vắng lạ thường bao quanh. Bảy giờ Khôi không còn ai là bạn để chơi nên có lúc nhớ đến Đạt, Khôi òa lên khóc làm chị Mai phải dỗ dành. Những lúc nhìn Khôi ngồi buồn ủ rũ như thế, bố lại chép miệng thờ dài và quay mặt đi chỗ khác để tránh cho các con không thấy nỗi xót xa của mình.

Nỗi lo lắng sâu thẳm của bố mẹ không sao lấp đầy sau khi nhà tan cửa nát. Bao nhiêu tiền của gây dựng cho quán Tản Cư giờ chẳng còn lại gì. Tất cả đã vùi trong

đồng tro tàn. Không nhà để ở. Không nơi nương tựa. Coi như là cặn kiệt. Những mất mát lớn lao vừa qua đã làm bố mẹ tôi lo âu đến tuyệt vọng. Hai bàn tay trắng lo cho 7 miệng ăn nơi xứ lạ quê người quả là khó khăn khiến bố mẹ chán nản, không biết phải làm gì để giải quyết được vấn đề sinh tử đó. Bố mẹ đâm ra quẫn trí. Gây gổ với nhau thường xuyên. Mẹ cắn nhai cau có, bố gắt gỏng lung tung. Sự rối rắm này làm bố phải mượn đến men cay để mong được khuây khoa. Uống mãi đâm ghiền. Bình thường bố là một người hiền hoà vui tính, nhưng khi có chút hơi men vào, bố lại là một người khác hẳn, nói năng to tiếng, la lối om xòm tưởng như không có ai ở xung quanh. Mẹ rất bức bối nên lời qua tiếng lại làm gia đình chẳng lúc nào được yên vui.

Cũng vì sự sống còn của cả gia đình, bố mẹ phải xoay xở, vay mượn vá víu để tạo dựng lại quán ăn trên nền đất cũ. Lần này bố đặt tên cho quán ăn là "Quán Tô Hiệu". Bố không muốn lấy tên cũ chắc cũng có lý do. Cô Phương không hùn hạp với bố mẹ nữa. Anh Cam, người làm công cho bố mẹ tôi trước đây giờ trở lại giúp việc tình nguyện không lương, cơm ngày hai bữa vì biết là bố mẹ tôi không có điều kiện như trước nữa. Mẹ vẫn là đầu bếp chính. Tôi bắt đầu phụ giúp anh Cam lau chùi bàn ghế, quét dọn nhà cửa và phụ bếp với mẹ.

Bom đạn của Pháp vẫn liên tục hoành hành khắp chiến khu tư nhằm ngăn chặn mọi đường giao thông và mọi sinh hoạt về kinh tế của chính quyền Việt Minh. Người dân lúc ấy rất lo sợ vì máy bay oanh tạc hằng ngày. Chợ búa không ai dám họp.

Các quán ăn cũng như các tiệm tạp hóa vắng tanh. Mọi sinh hoạt ban ngày hầu như ngưng trệ và phải dời về đêm.

Vì thấy ở lại trong quán ăn tại bên Hàm Rồng không yên ổn nên bố phải đưa cả gia đình vào làng Đông Sơn cách Hàm Rồng khoảng 2 cây số để ẩn náu. Bố mẹ tôi làm quen được với gia đình ông bà Tý, dân làng ở đây, để ở trọ. Cả nhà chúng tôi lớn bé 7 người chẳng hiểu ngủ đâu cho hết vậy mà họ cũng đỡ dần chúng tôi trong một thời gian khá lâu.

Cả nhà ông ta có 5 người mà tên ai cũng là Tý. Này nhé, cụ Tý, hai ông bà Tý và hai người con là chị Tý và thằng cu Tý. Thế mới biết người dân quê giản dị như thế đó. Họ tần tiện, ngay cả cái tên cũng không muốn hoang phí nữa. Họ không dám đặt tên đẹp cho con cái, sợ thần thánh hay ma quỷ bắt đi. Vậy nên một cái tên Tý được đặt cho cả gia đình cũng không có gì là lạ. Bà Tý mù cả hai mắt, tối ngày chỉ lủn quẩn, quờ quạng ở quanh nhà. Ông Tý bị thọt một chân, luôn luôn có cây gậy ở tay để đi đứng khỏi bị vấp ngã. Gia đình ông bà Tý có vài sào đất ở trên đồi để trồng khoai sắn mà chỉ có chị Tý chăm lo hầu mang hoa lợi về cho gia đình. Ông bà Tý tính tình chất phác và rất tử tế với gia đình chúng tôi. Lúc đầu bố mẹ tôi còn trả tiền thuê nhà, sau dần dà thấy bố mẹ tôi buôn bán thất bại, con cái đông, nên ông bà ấy cho ở nhờ không lấy tiền.

Cụ Tý có nghề hót thuốc Nam. Cụ dùng các loại lá cây kiếm trên rừng, trên núi đem phơi khô rồi tán ra trộn với cơm nguội, mật ong, nhào nặn thành những viên thuốc tễ để bán cho dân làng. Chưa có ai than phiền về thuốc của cụ vậy nên cụ cứ tiếp tục hành nghề thầy lang "vườn" thoải mái. Cụ tin

tưởng vào tài hót thuốc của cụ. Nghề gia truyền. Sáng sớm, khi chúng tôi lên hang Đông Sơn hay đi học cũng là lúc cụ lên rừng kiếm lá về làm thuốc. Chiều về đã thấy cụ có mặt ở nhà rồi. Cụ nói chuyện phi phào vì rừng rụng hết. Khi cụ cười chỉ thấy toàn lợi, móm mém trông buồn cười lắm, đôi khi tung tóe cả nước bọt ra ngoài. Cụ Tý rất hiền lành, ai hỏi gì thì nói, còn không cứ lủi thủi làm thuốc tễ, hoặc cắt thuốc cho người ta

Sáng sáng anh Kỳ, cậu Khôi và tôi đi học trường làng Đông Sơn. Bà ngoại và chị Mai không dám ở lại trong làng nên đi vào hang Đông Sơn để trú ẩn. Trưa đến, tan trường ba anh em chúng tôi trở lại hang dùng cơm trưa với bà và chị Mai rồi ở lại luôn trong hang cho tới chiều tối mới về nhà trọ. Chị tôi vốn đã nhát, chị sợ đủ mọi thứ, sợ thú dữ, sợ bom đạn nên cả ngày chỉ ở trong hang với bà ngoại khâu vá quần áo cho các em. Chị rất khéo tay lại chăm chỉ và luôn quan tâm đến các em. Chị biết đan nhưng không có kim đan nên anh Kỳ phải lên rừng kiếm mấy cây tre đem về chẻ ra thành những thanh nhỏ, vót nhẵn bóng, vuốt thật trơn làm những cây kim đan dài để chị đan áo cho các em và đan thuê cho dân làng ở đây. Nhờ vậy chị cũng có đồng ra đồng vào phụ mua thức ăn cho gia đình. Thực tình tôi không còn nhớ rõ chị tôi đã kiếm len sợi ở đâu ra lúc đó để mà đan? Chị đan những chiếc mũ tàu bay bán cho các cụ già ở trong làng. Họ thích lắm vì từ hồi nào đến giờ chưa có ai biết đan biết dệt như vậy. Các cụ chỉ quấn khăn vải lên đầu khi trời trở lạnh hay khi mùa đông đến. Dần dần tôi và anh Kỳ được chị dạy đan những thứ dễ như khăn phô la hoặc túi đựng bút máy dài bằng cỡ gang tay để bán

cho mấy đứa trẻ trong làng. Dân làng Đông Sơn lam lũ cực nhọc mà vẫn không thoát khỏi cảnh nghèo. Họ sinh sống bằng nghề trồng tía. Đất đai chỉ trồng toàn khoai lang hay sắn mà thôi.

Chiều chiều, khi mặt trời dần khuất sau rặng núi cao, Từng đàn trâu mình mẩy đầm đầy bùn, chậm chạp về làng. Đàn nghé lon ton bám sát theo đuôi mẹ. Mấy chú mực đồng đi cạnh bên phe phẩy những cánh tre, ngô nghệ chuyện trò với nhau thích thú. Chính lúc này cũng là lúc bà cháu chúng tôi khăn gói lách cách trở về nhà trọ nấu nướng xi xúp với nhau để rồi sau đó bố mẹ và anh Cam lại lội bộ ra Hàm Rồng để trông coi quán Tô Hiệu. Lúc đầu bố mẹ tính để chúng tôi tạm trú tại nhà ông bà Tý trong làng Đông Sơn, còn bố mẹ sẽ tiếp tục mở cửa quán ăn buôn bán ban ngày, nhưng càng lúc máy bay càng đe dọa nên việc buôn bán về ban ngày không thể thực hiện được. Cuộc sống trở nên vất vả và khó khăn vô cùng.

Buôn bán cũng chẳng khấm khá gì nên bố mẹ tôi vẫn cần nhần nhau. Thực chẳng gì khổ bằng nghèo! Túng thiếu nó sinh ra nhiều chuyện phiền muộn. Chỉ những ai đã trải qua tình cảnh này mới thấy thấm thía và cảm thông cảnh ngộ. Mấy chị em chúng tôi tuy không nói ra nhưng đều rầu rĩ như nhau vì đã phải chứng kiến cảnh cãi vã liên miên của bố mẹ. Thấy bố mẹ lo lắng quá nhiều, tôi thực ray rứt trong lòng thành thử đôi khi tôi cũng muốn chia sẻ sự nhọc nhằn với song thân bèn xin theo mẹ về tiệm để phụ giúp.

Giờ đây nhớ lại chuyện ngày xưa tôi chẳng thể nào quên... Có những đêm hai mẹ con lam lũ băng qua những cánh đồng tha ma để ra quán ăn. Mẹ thường đi tắt như vậy để rút ngắn thời gian. Trời tối om,

không trăng không sao. Mẹ tôi đi phía trước. Tôi leo đèo theo sau. Ngọn đèn dầu tôi cầm trong tay leo lắt, mập mờ in bóng mẹ dưới lối đi phía trước mặt lúc hiện lúc khuất. Thỉnh thoảng vài con đom đóm lập loè từ trong bụi rậm lóe lên. Tiếng côn trùng rả rích bên tai. Ôi, âm thanh và khung cảnh mờ ảo đến rợn người làm tôi liên tưởng tới những câu truyện ma, truyện quỷ nhập tràng mà bà nội kể cho nghe dạo nào. Dừng tóc gáy! Thêm vào đó hình ảnh chết chóc của người dân trong khu phố Hàm Rồng mới đây vẫn còn lờn vờn trong đầu óc. Đi bên mẹ, tôi nói chuyện huyền thuyên vờ như không chú ý đến những gì đang diễn ra ở xung quanh. Tôi giả bộ bạo dạn để mẹ an tâm nhưng thực ra trong lòng tôi lúc đó rất sợ hãi chỉ mong sao cho mau tới quán ăn. Lại một kỷ niệm.

Thông thường khách buôn hàng chuyển từ các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh hay Vinh phải đáp đò dọc để xuôi về Đò Lèn hay những tỉnh thuộc phía Bắc. Họ ghé vào Hàm Rồng ăn tối, ngủ đêm để sáng sớm ngày hôm sau lên đường trước khi trời sáng. Mẹ tôi đoán trước giờ nào khách sẽ tới nên đã mở cửa sẵn để mời chào. Có khi cả đêm không có lấy một người khách ghé vào thế là ngày hôm sau thể nào bố mẹ cũng cần nhần nhau. Tôi cảm thấy rất khổ sở khi chuyện này xảy ra. Nếu may mắn mời được một người khách vào quán, bố mẹ tôi thực mừng, và tôi phải dọn đĩa mời khách đi rửa mặt, rửa tay trong khi mẹ tôi bắc nước nấu cơm và làm món ăn. Nấu nướng toàn bằng củi, vậy mà mẹ tôi nhanh thoăn thoắt nếu không khách bỏ sang quán bên cạnh mất. Sáng ra tôi phụ bố mẹ thu xếp cửa hàng trước khi mặt trời mọc để kịp đi bộ vào làng Đông Sơn. Thịt cá và rau cỏ

còn lại từ đêm hôm trước, mẹ đều móc vào mấy cái móc sắt treo lưng lửng ở dưới hầm trú ẩn trong nhà để dành tối về đem ra bán lại. Giờ này nhắm mắt lại tôi vẫn còn hình dung được hình ảnh đó với mùi thịt ôi mà ruồi nhặng bu đầy chung quanh. Vậy mà mẹ tôi vẫn phải dùng thịt đó để bán cho khách hàng. Mẹ chỉ rửa thịt qua loa bằng nước sôi và lạng bỏ phần ngoài rồi nấu lên cho khách ăn. Sợ thật! Buôn bán như vậy mà còn không đủ ăn, huống chi bỏ thịt đó đi thì lỗ vốn mỗi ngày. Cũng vì vậy mà chị em chúng tôi thiếu thốn đủ thứ. Thiếu ăn, thiếu mặc trong giai đoạn này là điều chúng tôi sẽ nhớ đời. Hằng bao nhiêu tháng trời, chị em chúng tôi chẳng hề trông thấy hột com trắng, chứ đừng nói gì đến thức ăn. Có hôm bà ngoại cho ăn com độn khoai lang, hôm trộn đậu đen, hôm trộn ngô tẻ và hầu hết là com độn với vỏ sắn. Đã ăn độn mà phần độn lại nhiều hơn phần com. Chỉ thấy khoai, đậu hoặc ngô, chẳng thấy com đâu. Thức ăn hằng ngày là mắm tép chung với giềng băm nhỏ, nhưng cũng chẳng thấy mắm tép mà toàn là giềng và muối mặn chát, ăn với rau dưa cải muối già khú đế mà tôi đã đi mót ở những khu vườn làng bên.

Có lần vào dịp Tết Nguyên Đán, tôi nghĩ thế nào bà ngoại cũng sẽ cho các cháu ăn com trộn sắn (khoai mì) nguyên chất, chứ không dám ao ước được ăn com trắng, nhưng rồi cũng chỉ là com độn vỏ sắn mà thôi. Chúng tôi không còn biết Tết là gì nữa. Thiếu thốn đến nỗi không đủ ăn còn nghĩ gì đến Tết. Đây là giai đoạn chúng tôi phải chịu đựng cảnh nghèo túng nhất đời mình, chẳng thể nào quên. Đôi khi sự nghèo túng, đói khổ đã khiến con người ta phải khôn lanh hơn, phải vươn lên để dành lấy sự sinh tồn. Buồn cười, tôi lúc này

khoảng độ 10 tuổi thì phải nhưng sao trong đầu óc đã có chút ranh mãnh, láu lỉnh. Tôi học lỏm được mấy câu hát nhái từ các anh các chị trong họ hồi còn ở Đò Lèn trước đây, bèn đem ra đây cho mấy cô gái quê, mong lấy cảm tình với họ để họ dành lại rau cải hoặc khoai sắn trong vườn cho tôi mót. Đây là mấy câu hát mà chính nó đã giúp tôi chinh phục mấy cô gái quê. Họ thực chân thật, hiền lành và dễ tin.

"Thầy đồ ngày xưa thường hay để móng tay dài cùng với quần hồng.

Gầy như tre, ghè lở hóa bình phong.

Bắt cái điều, bê bình phóng, mang coi trâu, trên đầu thầy cái chi lúc lắc.

Kìa búi tóc nó to bằng niêu

Sờ tay trong nách, móc tanh tách hoài ...!

Hồi đó tôi thích bài hát này vì những lời ca nghe là lạ nhưng đâu biết gốc gác cội nguồn của nó ra sao, cho đến khi trở về Hà Nội mới vỡ lẽ ra người ta hát nhái bài hát này theo bài Quốc Ca của Pháp: "La Marseillaise" - "Allons enfants de la patrie..." Ôi, thực là hay!

Dù gì đi nữa tôi vẫn không thể quên được Làng Đông Sơn cũng như dân tình ở đây. Tất cả đã trở thành một dấu ấn khó mờ phai. Tôi đang hồi tưởng lại cảnh đồi núi xanh um, vườn tược màu mỡ tốt tươi ở hai bên đường, từ nhà trọ của ông bà Tý ra đến hang Đông Sơn hoặc ra tới đình làng, trường học. Những cây sắn mọc thẳng đứng ở hai bên đường, xòe những cành lá xanh óng như vui mừng với chúng tôi. Hằng ngày chúng tôi đi qua đây ít nhất hai lần nên đã quen thuộc với con đường này. Sau những nương sắn là rừng rậm xanh um và núi Đông Sơn. Ngọn núi đá cao chót vót tưởng chừng tới trời. Dưới chân núi có

nhiều hang đá thiên nhiên mà gia đình nhà tôi và một số gia đình khác ở tỉnh tản cư về đây đã được ai mách bảo tìm ra và ẩn náu tại đây hàng ngày. Ai nấy đều tin tưởng chắc chắn máy bay không thể nào thả bom xuống đây được vì vướng núi cao, hoặc có thể nơi đây không phải là mục tiêu chính đáng để Pháp oanh tạc.

Xung quanh núi Đông Sơn có nhiều con suối nhỏ, nước chảy róc rách quanh năm. Anh em tôi thường lội suối, bắt cá lia thia và tìm những viên đá sỏi nhẵn thín, đủ màu sắc, đủ hình thù do nước soi mòn về làm đồ chơi. Bị ngựa mấy lần chúng tôi mới vỡ lẽ là nơi đây có một thứ lá cây rất nguy hiểm có nhiều lông măng nhỏ li ti, nếu đụng vào da sẽ bị nổi ngứa lạ lùng, ngứa gãi đến toác máu. Một thứ ngựa không thể diễn tả bằng lời nói được, nếu để nguyên một lúc sẽ hết ngứa, nhưng nếu không biết đem rửa nước lạnh vào lại càng ngứa nhiều thêm nữa. Dân địa phương họ gọi là "lá han". Cũng tại đây chúng tôi còn thấy một loại "bò cạp" núi, đốt người ta như con rết. Nọc độc hơn cả rắn. Nghe nói nếu bị bò cạp đốt, tốt nhất là phải biết cách lấy nọc ngay bằng không đôi khi có thể nguy đến tính mạng vì nọc độc của nó?

Trò đời, đã nghèo thì thế nào cũng mắc phải cái tật ở bẩn. Không có xà phòng để tắm gội, giặt giũ. Chúng tôi phải đi nhặt những quả "bồ hòn" ở trong rừng về dùng thay thế. Mà hay thiệt, quả bồ hòn có bọt như xà phòng mà người dân thành thị có bao giờ biết đến. Nếu không tản cư về đây chắc chẳng bao giờ chúng tôi biết về loại quả đặc biệt này. Cũng vì quần áo không có đủ, mặc lâu ngày trong người đâm ra hôi hám. Đầu tóc rận chấy ở đâu ra nhiều thế.

Ngồi đâu bà ngoại cũng lôi tôi ra bắt chấy. Chiếc áo len tôi mặc, rận ở cùng khắp, bắt không xuể, chị Mai phải đem ra phơi nắng cho rận bò ra. Gớm! sau khi đem áo len ra phơi một lúc, ôi thôi rận bò ra lồm ngồm và chồng đít lên trời, trông rõ mồn một, bắt không hết, chị tôi phải lấy cái chai lăn xiết lên trên áo len, nghe kêu đôm đốp! Khiếp quá! Anh chị em chúng tôi, mỗi người may mắn mà có được một chiếc áo len mặc vào người hầu như chẳng bao giờ cời ra trong suốt ba tháng mùa đông, như vậy không những có rận chấy mà còn hơi hám thực gớm ghiếc!

Có những mẩu chuyện trong đời mà tôi nghĩ ít ai trải nghiệm như chị em tôi. Mỗi lần nhắc đến chuyện tản cư thì đây là một ký ức hy hữu không thể không đề cập tới. Số là ở làng Đông Sơn, ngoài phân bò, phân trâu, và phân ngựa mà người nông dân dùng để làm phân bón, họ còn dùng cả phân người nữa. Trong nhà không có cầu tiêu, dân làng phải đi ra đồng, ra ruộng, hoặc lên đồi, lên núi, vào hang cùng ngõ ngách để giải quyết vấn đề vệ sinh. Có lần, hai chị em tôi ngồi ở một gốc cây khuất tận trên đồi, chưa làm xong công tác vệ sinh, quay quanh đã thấy mấy người đi gấp phân ngồi châu trực ở đằng xa, chờ cho chúng tôi kéo quần lên là nhào tới...gấp. Sự kiện này nếu bị "táo bón kinh niên" chắc chắn không thể nào hoàn tất công tác được! Ôi, lại một kỷ niệm khó quên!

Càng ngày buôn bán càng ế ẩm. Cuộc sống trở nên khó khăn hơn. Các bác các chú sinh sống tại Thanh Hoá lúc này cũng chật vật không hơn gì gia đình chúng tôi nên bố mẹ cũng không muốn phiền đến họ. May sao gia đình nhà tôi lại gặp được một số người địa phương ở Hàm Rồng rất tốt bụng,

họ tận tình giúp đỡ không một chút nghi ngại. Người cho quần áo, đồ dùng, gạo thóc, kẻ cho mượn tiền để bố mẹ làm vốn buôn bán. Trong số những mảnh thường quân này ngoài ông bà Tý ở trong làng Đông Sơn cho gia đình chúng tôi tá túc không lấy tiền còn có gia đình ông bà Thịnh tại thị xã Mắt Rồng. Họ đích thực là ân nhân quá tốt của gia đình nhà tôi. Họ đã tỏ ra rất sốt sắng và tin tưởng giúp vốn cho chúng tôi giữa lúc bố mẹ tôi không biết bám víu vào đâu. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông bà ta đã tỏ ra rất thân thiết với gia đình tôi. Họ đề nghị kèm học cho anh em chúng tôi khiến bố mẹ tôi vô cùng cảm kích. Một điều quá đặc biệt là chính ông Thịnh này đã luyện giọng cho chị em chúng tôi phát âm đúng tiếng Việt. Trong nhà, ngoại trừ bố tôi, mọi người đều nói ngọng hết. Sau này tôi mới biết những người sinh trưởng ở Hải Phòng hầu hết đều phát âm chữ "Nờ" là chữ "Lờ". Chẳng hạn "cái nôi" nói là "cái lờ", hoặc "cái nón" gọi là "cái lón". Gió "nồm" gọi là gió "lồm". Cứ chữ N họ đọc là L, nghe thực buồn cười.

Tuy ở tỉnh nhỏ, nhưng ông bà ta thuộc thành phần khá giả và có kiến thức. Họ làm chủ một lò gốm cung cấp cho cả vùng Thanh Hóa. Thịnh thoảng chị em chúng tôi ghé thăm lò gốm đều được các cô thợ tại đây chỉ dạy cho cách thức nặn nôi bằng máy đạp chân. Chúng tôi tập nặn mấy cái bát, cái nôi nhiều lần nhưng chẳng sao nặn thành hình, nó méo mó, lệch lạc trông chẳng giống cái gì. Chị Mai khéo tay nặn khá hơn tôi, nhưng cũng chẳng ra hình thù gì nên cứ ôm nhau mà cười. Chị em tôi rất say mê ngắm nhìn họ nặn nôi niêu mỗi ngày mà không chán mắt. Trông họ làm, sao thấy dễ dàng thế, nhưng khi mình mó

Màu Tím Nhớ Nhung

Thứ sáu lại về đợi lá thư
Bằng lăng màu tím rộn tâm tư
Lời tình chưa ngõ hồn e ấp
Hai lớp kẻ bên, chợt tưởng như....

Phượng rơi theo gió buổi trưa hè
Than thở biệt ly vắng tiếng ve
Tà áo trắng bay qua phố thị
Rộn ràng tiếng guốc, nắng vàng hoe.

Em ngây thơ quá nét trinh nguyên
Anh chỉ lén nhìn chẳng ước nguyện
Đề rồi xa cách từ năm đó
Em già trường xưa bước xuống thuyền.

Bao năm ôm ấp mối tình thơ
Kỷ niệm tìm về thoáng mộng mơ
Đường trần đôi ngã sầu ly cách
Hình dáng xa xưa chiếc bóng mờ.

1-4-15

ĐT Minh Giang

tay vào chẳng sao làm được. Tôi nghĩ phải học lâu lắm mới quen tay. Lò gốm của ông bà Thịnh sản xuất nhiều loại đồ sành như bát đĩa, nôi niêu, chum vại, chậu hoa v.v...nhưng chỉ là tiểu công nghệ nên rất thô sơ với kỹ thuật giới hạn vậy nên nghề nghiệp chỉ phát triển theo khả năng và sự khéo tay chứ chưa có sáng chế chuyên môn. Nói về vật liệu và dụng cụ chuyên môn cần thiết để làm ra nôi niêu, tôi thấy vón vện có một cái khuôn gỗ tròn đặt trên một cái trục sắt, phía dưới là khoảng trống. Cạnh đó là một đồng đất sét. Người thợ chỉ việc đập

chân phải lên trên khuôn gỗ để miếng gỗ này quay tròn, trong khi hai tay họ đặt một thỏi đất sét ở giữa khuôn gỗ nặn nắn theo kiểu mẫu tùy ý. Sau khi hoàn tất đủ số lượng, họ đặt tất cả các thứ đồ bằng đất đã nắn vào trong một cái lò nung không lò để nung lên cho tới một độ nào đó mới lấy ra phơi, xếp thành hàng lớp ở trong sân. Thôi thì chum vại, bát đĩa, nồi niêu phơi đầy sân. Đất sét dùng ở đây phải là thứ đất sét đặc biệt, không phải loại đất thường mà ta thấy trong đồng ruộng.

Ngày lại ngày, cảnh khó khăn lại khó hơn, và rồi quán ăn Tô Hiệu cũng lại bị bom phá thiêu rụi. Những trận bom tàn khốc của thực dân Pháp còn để lại nhiều hố sâu không lồ, ghê gớm khắp mọi nơi trong khu phố Hàm Rồng. Một lần nữa bố mẹ tôi lại tái thiết tiệm ăn thứ ba. Cho đến một ngày không xa, khi tiệm ăn thứ ba bị cháy rụi, lúc đó bố mẹ tôi mới chịu bó tay để tìm đường lối khác sinh sống. Trong cùng một năm trời mà ba cửa hàng ăn do mồ hôi nước mắt và tiền bạc của bố mẹ tôi tạo dựng lên đều bị trôn vùi trong đồng tro tàn. Thử hỏi ai là người gan dạ, chịu đựng được như bố mẹ tôi lúc đó. Bố mẹ tôi không bị điên khùng mới là điều lạ. Bố mẹ tôi thực can đảm. Giờ đây nghĩ lại tôi vẫn còn thấy cảm phục song thân tôi vô cùng.

Cuối cùng, gia đình chúng tôi đành phải từ bỏ làng Đông Sơn sau hơn một năm trời tá túc tại đó. Ngày ra đi, ông bà Tý bịn rịn. Bố mẹ tôi ngậm ngùi cảm động vì tính chân thật và tử tế mà ông bà ấy đã dành cho gia đình chúng tôi cũng như gia đình ông bà Thịnh chủ lò Gốm đất Thanh cứ muốn níu kéo bố mẹ tôi tiếp tục mở tiệm ăn thêm một lần nữa.

Sau đó gia đình chúng tôi di chuyển lên xã Đàm thuộc tỉnh Phú Thọ. Một vùng đất chắc cũng không khá giả gì, dân tình bình thường nếu không nói là nghèo. Bố mẹ tôi tiếp tục xoay sở để mở quán ăn mà may mắn sao có một nhà phú hộ cho phép bố mẹ dựng quán ăn ngay bên hông dinh cơ của họ tại một góc phố. Tôi không nhớ tên quán ăn này nhưng chỉ biết là lúc đó bố mẹ bán các món ăn thông thường, đặc biệt là phở và cháo gà. Quán rất nhỏ, vồn vện có 2, 3 cái bàn nhỏ và ít cái ghế tre ọp ẹp chỉ đủ chỗ cho khoảng 10 người khách. Cuộc sống ở trên Đàm đại khái cũng như ở Hàm Rồng. Hàng họ quá ế ẩm. May mà một tuần có được hai ba phiên chợ họp ngay ở phía trước tiệm nên vào những ngày này cửa hàng có ít nhiều khách ghé vào ăn. Ngoài ra cả ngày chỉ có độ vài ba người khách mà hầu hết là những người đi buôn hàng chuyển từ tỉnh nọ sang tỉnh kia, dân địa phương thấy ít ai ghé vào, ngoại trừ một số những người có máu mặt ở đây hoặc mấy ông công an. Đã vậy, chính quyền địa phương lại cấm không cho bán phở, nói là xa xỉ, gạo phải để dành bán cho dân chúng, chỉ cho bán cháo. Mặc dầu có lệnh cấm bán phở nhưng mẹ vẫn nấu một nồi phở để dự vì không có khách nào muốn ăn cháo. Vậy là bán phở lậu. Mấy ông công an vào hỏi phở, mẹ đều nói quanh co, nhưng rồi họ cũng đòi cho bằng được phở. Dọn về trên Đàm mọi người trong gia đình tôi có vẻ đỡ sợ bom đạn của máy bay oanh tạc nhưng đâu đâu cũng vẫn có hầm trú ẩn. Rút kinh nghiệm hồi còn ở Hàm Rồng, bố tôi cho đào vài hố cá nhân sâu ngập đầu người, ngay trước cửa tiệm ăn để phòng hờ nếu máy bay xuất hiện, gia đình đã có nơi ẩn núp.

Ban ngày cả nhà chúng tôi đều qui tụ tại tiệm ăn này, nhưng chiều đến đóng cửa

tiệm, tất cả lại kéo nhau về căn nhà tranh ở trong làng cách cửa tiệm nửa cây số mà bố mẹ tôi thuê của ai đó. Từ căn nhà thuê này đi ra tiệm ăn hoặc ngược lại từ tiệm ăn về nhà thuê, chúng tôi phải đi qua một con đường đất đỏ. Hai bên đường là những thửa ruộng trồng dâu, trồng bông. Dọc bờ ruộng có vài chòi lá được dựng lên để làm cầu xí công cộng. Ôi thôi mỗi lần phải đi qua đây chúng tôi phải chạy chí chết, nín thở vì mùi ô uế từ các hố xí xông lên. Ruồi nhặng bay tủa lên. Nghĩ mà rùng mình. Nhớ lại hồi di cư vào Nam năm 1954, gia đình chúng tôi ở trong khu xóm lao động gần bờ sông Cầu Bông, Gia Định cũng có hơn gì cảnh chiến khu tư ngày xưa đâu, có điều khá hơn là người ta dùng cầu xí nổi, đi tốt...xuống sông. Gia đình chúng tôi phải dùng cầu tiêu nổi như vậy có đến cả hơn chục năm cho tới khi tôi đi lấy chồng.

Trở lại câu chuyện ở trên Đầm... Thế rồi sở trường mót ngô, khoai của tôi vẫn phải đem ra áp dụng. Cả nhà không thể nào trông vào quán ăn. Chị Mai phải đan thuê, kéo sợi lấy công. Anh em chúng tôi tiếp tục đi học ở trường làng. Bà ngoại quanh quẩn với các cháu con nước giúp đỡ bố mẹ. Rồi tình trạng cơm độn với ngô khoai lại tái diễn. Trong giai đoạn khốn khổ vì túng quẫn này, tôi đã phải tình nguyện đi ở giữ con cho một gia đình người Mường xa mãi tận trên buôn để đỡ bớt miệng ăn cho gia đình cũng như kiếm thêm ít tiền để phụ giúp bố mẹ. Nhưng đến ở cho họ chưa được một ngày, chịu không nổi vì nhớ nhà, tôi đòi về ngay chiều hôm đó.

Những ngày thường trong tuần, hàng quán ế ẩm nên nghe ai mách bảo có phiên chợ Trâu họp vào ngày Thứ Bảy cuối tuần, mẹ bàn với bố đề thử lên đó buôn bán xem sao. Bố cũng đắn đo vì nghe nói dân cư ở trên mạn ngược hầu hết là người Mường,

người Mán đã chắc gì họ quen với những món ăn của người Kinh dưới này, nhưng mẹ muốn thử thời vận, bố cũng chẳng ngăn cản. Vậy là sáng thứ Bảy hôm đó tôi theo mẹ lên chợ Trâu để bán mấy món ăn vặt vãnh như bánh giò, bánh đúc, mà mẹ cất lại của người ta để bán lại kiếm chút lời. Còn củ dong, củ từ, củ ấu, ngô hay khoai lang luộc mẹ nấu ở nhà. Hai mẹ con gồng gánh lên chợ qua một đoạn đường khá dài có đến hơn một cây số nên phải thức dậy thực sớm cho kịp buổi chợ. Đường núi đất đỏ gồ ghề, cả mẹ và tôi đều đi chân đất rách cả hai bàn chân. Không những vậy hai bên đường rừng núi rậm rạp, xanh um, thỉnh thoảng mới thấy vài ba người nông dân thấp thoáng trong những khu vườn trồng mía mọc cao quá đầu người. Ngoài ra rất hoang dã, vắng vẻ đến lạnh người. Đi mãi cả chân mà chưa tới chợ. Chẳng ai bảo ai, tôi và mẹ đều lo lắng chị sợ thú dữ có thể xuất hiện bất thường, hoặc phùng thảo khẩu bắt chẹt hai mẹ con giữa đường. Ở nơi hoang vắng như thế, có trời mà biết. Nhưng cũng nhờ phước đức ông bà, hai mẹ con đã không gặp trở ngại gì từ lúc đi cho đến lúc về. Nếu hôm nào bán không hết hàng là lỗ vốn chồng gọng, cả nhà lại được một bữa ăn no nê. Đi được hai buổi chợ Thứ Bảy như thế, mẹ thấy chẳng có lời lãi gì mà còn vất vả và kiệt sức nên đành bỏ cuộc.

Những lúc phải chứng kiến cảnh huống khốn cùng của gia đình như thế, tôi cảm thấy thương mẹ vô cùng. Không biết cuộc sống bất định của gia đình chúng tôi rồi sẽ tiếp nối như thế nào. Tại sao mặt trời vẫn mãi tối đen, bao trùm lên gia đình chúng tôi mãi thế chứ.

Ỡ Nguyên
Maryland – May 2015
(Trích TMVKU)

NGƯỜI TÌNH CỦA TÔI

TÔN NỮ MẠC GIAO

Tôi quen biết chàng qua sự giới thiệu của chồng tôi vào một buổi trưa thứ bảy sau khi đi uống cà phê với bạn bè về, đó là thói quen hằng tuần và cũng là thời khoá biểu mấy chục năm nay trên đất Mỹ của chồng tôi.

Buổi sáng thứ bảy hôm ấy, sau khi đi uống cà phê với bạn bè về chồng dắt tôi ra sân chỉ vào “chàng” nói:

- Giới thiệu với em, đây là một thành viên mới trong gia đình chúng ta.

Tôi liếc mắt sang chàng và bị lôi cuốn ngay bởi cái mã bề ngoài của chàng, chàng sừng sững cao lớn và rất sáng sủa. Da chàng trắng muốt, ôi màu trắng mà tôi ưa thích. Chàng của tôi là dân Mỹ chính hiệu con nai, chàng tên “Van” người gốc “Ford”, ra đời năm 1996. Tôi khoái chí lại gần vuốt ve lên da chàng hỏi chồng:

- Của em thiệt hé!

Chồng chìa cái giấy “hôn thú” có tên tôi và chàng ra trước mặt tôi nói:

- Từ nay ráng mà chăm sóc nó, chia bớt gánh nặng cho anh chứ cái gì cũng y lại vào anh hết chừng nào em mới khá được.

Nghe chồng nói tôi phân vân không biết nên mừng hay lo? Bởi từ ngày qua Mỹ đến giờ, nhất nhất cái gì cũng một tay chồng tôi đối ngoại, còn việc đối nội thì “chai hia”. Là chia hai đó! Có nghĩa là, ban ngày tôi làm “Oshin” chỉ lo việc nội trợ lau chùi nhà cửa và chăm sóc con cái, tối đến được ngủ với... “ông chủ” và đến sáng được lãnh lương trọn. Ông chủ lãnh bao nhiêu thì Oshin được lãnh bấy nhiêu. Còn điện nước, máy móc trong nhà cái gì hư thì chồng sửa.

Thậm chí có lúc việc đồ xăng của vợ con, rảnh rảnh chồng cũng làm tuốt thử hỏi tôi còn việc gì để làm? Công việc nội trợ của tôi tuy chẳng bao giờ thất nghiệp, nhưng gói trọn trong bốn bức tường và êm đềm trong vòng tay bảo bọc của chồng nên ngày qua ngày, trôi qua một cách bình an và hạnh phúc. Còn việc đối ngoại của chồng thì đầy dẫy những lọc lừa, bon chen phức tạp của giới ta bà, cho nên tôi rất an phận, thông cảm với chồng và không đòi hỏi chi cả.

Chồng tôi ngoài việc làm hôn thú với tôi, còn có một lô giấy chủ quyền với các nhân tình: Avalon, Honda, Toyota... v v...(xe của ba đứa con). Còn tôi từ khi lấy chồng, ngoài trần xi cái giấy hôn thú với chồng ra tôi chẳng có giấy mơ rê má với “ai” cả. Hôm nay cầm thêm trong tay tấm giấy “sống chung” với người tình da trắng tôi cảm thấy lâng lâng là lạ thế nào ấy. Anh chàng “Van” của tôi khi đến với tôi đã qua một lần dang dở, là “second hand” đấy! Nhưng tôi “don’t care”, Chồng tôi cũng “second hand” đấy thôi! (mà tuyệt diệu còn hơn ai hết). Cái số của tôi đã đặt để hết rồi, tôi luôn luôn xếp hàng thứ hai (làm út ít được cung nhiều). Chấp nhất cái quá khứ mà làm gì? Miễn sao khi người thuộc về ta, ta được hạnh phúc no đủ là nhất rồi, còn gì bằng? Anh của Phương Ninh ơi! (Tên cô em chồng) em nguyện theo anh trọn đời trọn kiếp, có sợ không?

Anh chàng “Van” tuy đã qua một đời dzợ (gá nghĩa với tôi năm 2007) nhưng trông vẫn còn ngon lành lắm! Đẹp trai, da thịt rắn chắc, mắt còn tinh nhanh, sáng quắc. nhất là hơi thở thơm tho ấm áp, hiền khô bảo sao nghe vậy. Chiều chuộng tôi hết

mình, chia xẻ với tôi những khi trời mưa trời gió. Có những buổi trưa hè oi bức, chàng cùng tôi ngồi chờ mây đưa nhỏ tan học. Tôi than nóng, chàng liền phà hơi thở cho tôi mát mẻ. Thật tuyệt diệu, tôi chưa từng thấy người tình nào có một luồng khí mạnh mẽ như chàng, tôi chỉ thương và hài lòng chàng ở chỗ đó. Rồi những ngày Đông dài rét mướt cũng vậy, chàng ủ ấm tôi bằng sức nóng của cả thân thể chàng. Ôi! Sung sướng làm sao, tôi cứ yên tâm mà ngủ vùi trong vòng tay ấm áp của chàng, mặc cho bên ngoài “sương giăng kín mờ nhạt nhòa ước mơ”.....

Chúng tôi cứ thế kéo dài những tháng ngày hạnh phúc bên nhau, còn đang yêu đương thắm thiết chưa được hai năm thì bỗng dưng một đêm nọ chàng mất tích. Sáng ra tôi hốt hoảng chạy đi hỏi han tìm kiếm lung tung, người nhà tôi chẳng ai biết chàng đi đâu, cũng không có ai “mượn” chàng cả. Khu nhà tôi ở chưa bao giờ xảy ra tình trạng trộm cắp vặt, thế mà hôm nay lại xảy ra ngay trên sân nhà tôi, có nghĩa là tình trạng an ninh ngày càng kém đi rồi. Thế là tôi đành gọi cảnh sát báo chàng mất tích nhờ tìm kiếm hộ. Qua hai tuần lễ bất vô âm tín, tôi bắt đầu tuyệt vọng và nhớ nhung chàng da diết. Nhớ hơi ấm người chàng, nhớ sự mon tron mát mẻ thơm tho của hơi thở chàng. Nhớ những lúc nhong nhong cùng chàng trên xa lộ, nhớ giọng hát chàng vang dội khắp trong xe làm vui những lúc tôi buồn phiền. Và còn nhiều, nhiều nữa! Chàng chưa bao giờ dờ chừng ăn vạ tôi giữa đường, chàng luôn luôn che chở đưa tôi đi đến nơi về đến chốn. Chàng phiền tôi thì ít (hình như chưa bao giờ) mà tôi “bắt” chàng phục dịch tôi thì nhiều, thế nên bây giờ tôi nhớ nhung và tiếc rẻ vô cùng những tháng ngày chưa trọn vẹn với chàng. Tôi enjoy với chàng chưa “đủ” quý vị ơi!

Biết làm sao hơn, tuy tiếc rẻ nhưng tôi cũng đành phải nén sự nhớ nhung định khai tử cho chàng vào kỷ niệm thi chuông điện thoại reo vang. Con gái tôi nghe xong reo mừng:

- Mẹ! Cảnh sát tìm được “người tình” của mẹ rồi.

Thì ra chàng của tôi bị bắt cóc quý vị ạ! Người bắt cóc chàng của tôi lại là “giống cái” (sở dĩ tôi biết được là nhờ mùi dầu thơm và một chiếc bao tay đàn bà bỏ lại trong người chàng). Chắc là “nó cho ăn bún nó giằn cả đêm đây!”. Nó giằn chán rồi nó kéo chàng của tôi vào trong một con đường nhỏ ở Milpitas bỏ chàng nằm đó (nhà tôi ở San Jose), hàng xóm láng giềng ở đó thấy “kẻ” lạ xuất hiện ăn vạ bên lề đường lâu ngày nên báo cảnh sát mới lò ra sự có mặt của tôi. Cửa tường mất đi lại tìm về được tôi mừng còn hơn bắt được vàng, tôi đem chàng về tắm gội tẩy trùng thiết sạch sẽ. Cũng may chàng của tôi không hề hấn gì cả trong lần ngoài, vẫn đẹp trai như thường. Thế là chúng tôi lại tiếp tục bù khú, rong ruổi yêu đương đắm đuối thêm đâu được 5, 7 năm gì đó! Một hôm chàng đưa tôi đi làm răng, đang vui vẻ ca hát véo von theo chàng rẽ vào ngã tư Alum rock và Jackson bỗng dưng “đầu” chàng nóng hổi, bốc khói tùm lum. Tôi hốt hoảng tưởng chàng ghen vì tôi hôm qua tôi đã ôm hôn chồng trong “lòng” xe chàng, hôm nay chàng giận định thiêu sống tôi nên lật đật tắt vô lễ mở cửa xe phóng ra khỏi vòng tay chàng la om sòm, la chói lói. Mọi người súm lại coi bệnh cho chàng và giúp tôi gọi xe tow, còn tôi tủi thân gọi ông xã chẳng nói được gì chỉ ...hu hu hu...

Nhìn người ta nắm đầu lôi cổ chàng lên cột lại chở đi, tôi tiu nghỉu theo chồng về mà lòng buồn vơi vơi. Ngồi với chồng mà tôi cụt hứng suy nghĩ lung tung, tuy bây giờ chúng tôi đã có đủ khả năng để có thể kéo

một chiếc xe mới tinh chưa cắt chỉ. Nhưng tôi chẳng ham, vừa tốn tiền nhiều vừa phải giữ gìn cẩn thận (tôi chỉ thích second hand) há chồng há! Thế nên chồng ơi! Người tình ơi! I love you very much!... Tưởng phải vĩnh biệt người tình muôn đời ai dè chẳng có sao hết, chàng của tôi chỉ vì bắt đầu tuổi già nên bị thiếu nước mà thôi! “Bệnh viện xe” nói tôi từ nay phải để ý chăm sóc chàng kỹ hơn một chút, phải cho chàng ăn uống cho cẩn thận nhất là nước. Thế là chàng được xuất viện sau một lô check up và uống thuốc sơ sơ, bác sĩ bảo tôi nếu muốn chàng khoẻ mạnh ngon lành như thời trai trẻ thì phải tốn tiền nhiều lắm! Có đáng không? Thôi cứ để vậy chạy tằng tằng cho đến khi liệng vào “junk car” chẳng sao hết, miễn là lâu lâu phải check lại rồi châm nước cho chàng uống mà thôi! Tôi oke đem chàng về chăm sóc và tiếp tục... cưới...

Nhưng có lẽ duyên số chúng tôi đã tận nên chẳng bao lâu chàng chẳng còn chịu nghe lời tôi nữa! Bảo chàng chạy thì chàng Khắc khắc lên vài tiếng như người ho lao run lên bần bặc rồi mới từ từ bò. Khi chạy được rồi lại chẳng “control” được vệ sinh cá nhân, cứ tè tùm lum ra đường mà hề ngừng lại thì chàng tịt. Người ta cần nhất là lúc “nhập cuộc” mà chàng cứ “khóc ngoài quan ải” như thế thì ăn thua gì nữa! Bỏ thì thương mà vương thì... tốn tiền, tôi tiếc vì hai luồng khí thể ấm và lạnh của chàng vẫn còn sung sức không ai bằng, chưa bao giờ phải sửa. Tôi chưa từng thấy một “con ngựa già” nào đã trên hai trăm tuổi đời (mileage) mà luồng khí ấm lạnh lại tốt như vậy, (chẳng phải tôi chủ quan mà tất cả những người đã từng được tôi cho... “cưỡi” chàng đều nói như vậy cả). Chính vì vậy mà tôi chưa muốn ly dị với chàng, nhưng bảo đi chung với chàng thì tôi lại sợ chàng ăn

vạ... Người tình ơi! Sao chọc giận em? Sao làm khổ em?!....

Cái số của tôi hình như được quói nhờn giúp đỡ hay sao ấy quý vị ạ! Mấy chục năm trước mua nhà thiếu tiền down phải đi mượn, đến hạn không có tiền trả, cô em chồng tên Phương Ninh là được sĩ từ TX bay qua giải quyết cho ông xã vừa tiền down nhà vừa tiền credit card mà ông xã cứ ký bừa mỗi khi thiếu hụt. Sau đó vì thương ông anh một nách ba con nhỏ, vợ lại không đi làm nên tuyên bố tặng luôn cho hai vợ chồng khỏi phải trả nợ để ông anh được yên tâm đi cày mà nuôi vợ con (cảm ơn Phương Ninh). Tiếng là cho nhưng tôi vẫn cảm thấy áy náy trong lòng nên tự nhủ khi nào có tiền sẽ gởi lại tám lòng tốt của cô em chồng cho nó đẹp (lạy trời cho con trúng lô tô). Rồi tài chánh khá hơn một chút, chúng tôi đổi nhà “bự” hơn. “Remodel” lại nhà cửa thì chị Yến (vợ của anh Trự, ông anh đã quá cố của ông xã) cho một cái máy rửa chén mới tinh, tuy là chị em bạn dâu, nhưng chúng tôi thân như ruột thịt. Có cái tủ lạnh trắng bị chảy nước, ông xã muốn sửa để xài lại, chú em chồng không chịu, nói nhà mới thì phải xài đồ mới nó mới xứng. Thế là chú vác về cho cái tủ lạnh mới tinh bự như cái bồ. Bây giờ cũng vậy, người tình của tôi bệnh nặng, đồ đồn ra đây tôi chưa biết xử trí ra sao. Vẫn chưa dám ly dị vì còn nặng tình nặng nghĩa. Chú em chồng ở chung nhà thấy vậy bèn âm thầm dân về một người tình da màu giới thiệu với tôi:

- Em mua xe van cho chị rồi đó!

Có nghĩa là đặt tôi trước sự đã rồi, không nhận cũng không được. Người tình “chocolate” này lảng xỉ còn từ trong ra ngoài, cũng second hand nhưng trẻ tuổi và tốt hơn người tình da trắng của tôi khi bắt đầu thuộc về tôi nhiều. Da nâu bóng loáng, chạy êm như ru, duy chỉ có hai luồng khí

ấm và lạnh thì không bằng (đã nói trước rồi, chẳng “ai” hơn được người tình da trắng của tôi cả). Nói như thế không có nghĩa là “người tình da màu” dở, cũng quạt nồng ấp lạnh mặn mà lắm! Nhưng có lẽ tôi quen hơi người tình da trắng của tôi rồi nên không cảm thấy yêu đương gì mấy khi cười “hắn”, nhưng vì an toàn cho mình nên tôi bắt buộc phải cặp đôi với hắn mà thôi! Từ đó tôi ít khi “đụng” đến người tình cũ, đặt chàng bên lề... đường cuộc đời để bụi thời gian và cút chim phủ đầy cho đến một hôm chồng tôi lên tiếng:

- Giao! Em không bao giờ chạy xe van trắng nữa phải không?

Tôi hơi chùng hững chưa biết trả lời sao thì chồng nói tiếp:

- Thình thoảng cũng phải cho nó “run” một chút chứ! Anh nói rồi, anh đã “chỉnh” nó được rồi! Em cứ chạy, có anh “take care” rồi không phải sợ! Rồi chồng lau bầu: Lúc thì cung nó qua trời lúc thì bạc đãi không thương tiếc.

Tôi nghe xong như chột tỉnh, thấy hơi hận ngập tràn. Bao lâu rồi không thăm nom người tình? Sáng hôm sau chồng đi làm, tôi diu người tình lên sân xịt nước tắm gội lại cho sạch sẽ bởi bụi bặm và cút chim phủ đầy trên đầu và mặt chàng. Xong xuôi tôi ngắm nghía, hình như chàng vẫn “chói lòa” như xưa. Sao tôi lại vô tình đến thế nhỉ? Tôi lên xe ôm chàng nựng nịu vuốt ve, rồi cùng chàng “run” đến chợ “Marina” và dạo phố chút đỉnh cho chàng đỡ phải tủi thân. Thiết là thoải mái! Chàng vẫn mát mẻ ngon lành chạy tron tru gì đâu. Có lẽ vì mừng rỡ lâu nay không được tôi ôm ấp, nên bây giờ chàng

tỏ ra khí thế một chút để lấy điểm với tôi ấy mà. Chỉ thình thoảng cao hứng tôi “ghì” chặt chàng (đạp ga) hơi gắt một chút thì chàng liền khặc khặc lên vài tiếng như nhắc nhở: “Em ơi! Anh có tuổi rồi!...” Thế là tôi chậm chậm buông chàng ra, đạp ga từ từ thì đầu lại vào đó. Điều cần nhất là chàng không còn “vãi đái” tầm bậy tầm bạ nữa là tôi mừng rồi. Anh của Phương Ninh thiết là giỏi, làm sao mà trị được bệnh người tình của tôi hay vậy không biết? Cho nên mới nói, chồng ơi! Em nguyện đời đời kiếp kiếp chỉ “muôn” anh của Phương Ninh mà thôi!...

Tôn Nữ Mặc giao.

(San Jose, CA)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ.

- TÔN NỮ MẶC GIAO tên thật là NGUYỄN MỘNG GIANG. Sinh quán tại Hà Nội, trưởng thành Sài Gòn. Có gia đình và ba con, định cư tại Mỹ năm 1987.

- Cũng có làm thơ và viết chút chút thời Trung học. Được mỗi một bài văn xuôi với tựa đề “BỐ” đăng trên báo Chính Luận rồi mất nước.

- Bắt đầu viết lại năm 2002.

- Năm 2005, tự ra tuyển tập truyện ngắn đầu tay với tựa đề “NGŨ LONG CÔNG CHÚA”

- Năm 2006 tiếp tục thêm tập truyện ngắn thứ nhì với tựa đề “UU ĐAM VIÊN” và một truyện dài “HỆ LUY CUỘC ĐỜI”.

- Năm 2009 tự ra tuyển tập 10 truyện kinh dị và một cuốn viết chung với nhiều tác giả mang tựa đề “MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN”.

- Năm 2011 góp mặt thêm trong cuốn sách viết chung với nhiều tác giả lần thứ hai trong tựa đề “NỖI LÒNG NGƯỜI ĐỢI”.



- Năm 2012 cũng với nhiều tác giả chung trong tựa đề “KHUNG TRỜI THƯƠNG NHỚ” và được giải nhất về truyện ngắn do cơ sở “Văn Thơ Lạc Việt” tổ chức.
- Năm 2013 tự ra thêm một truyện ngắn thứ ba với tựa đề “ SÔNG CHẾT CHO TÌNH YÊU”. Sẽ tiếp tục ra thêm những truyện ngắn với tựa đề sau đây:
- CON GÁI CHỒNG TÔI

- ĐIỀU ƯỚC ĐÊM NOEL
- THUỞ BAN ĐẦU
- NGŨ LONG TÌNH BUỒN
- LỤC TẮC và một truyện dài chưa có tên.
- Hiện tại, những bài viết của Mặc Giao thường có trên các báo ở San Jose như: Việt Nam (nhật báo, tuần báo), Nguyệt San Ý Dân và Phụ Nữ Cali, Cỏ Thom (Virginia), Thi Đàn Hoa Tiên (Oklahoma)... v...v...

GIỚI THIỆU "NHẬT NHÒA TÌNH XƯA"

Dưới đây là lời giới thiệu bản nhạc Nhật Nhòa Tình Xưa của Văn Thi Nhạc sĩ Đỗ Bình trong buổi sinh hoạt của Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam tại Paris, 24-5-2015 do Nhà văn Mây Thu ghi lại: Nhà thơ Đỗ Bình giới thiệu ý nghĩa và nét đẹp bài thơ "Nhật Nhòa Tình Xưa" của Văn Thi sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung: *"Như chúng ta đã biết Tạp chí Cỏ Thom là tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật. Ở Paris rất nhiều trong nhóm anh em chúng ta đã lâu năm cộng tác với Cỏ Thom. Năm 2009, nhân dịp tổ chức buổi sinh hoạt Thu Tao Ngộ, vị chủ nhiệm tạp chí nhà văn cũng là nhà thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung đã qua Paris tham dự, chị cũng được biết là hôm nay chúng ta tổ chức sinh hoạt. Bài thơ "Trắng Ngàn Tuyết Roi" được nhạc sĩ Huy Thạch phổ nhạc rất hay, lấy tên "Nhật Nhòa Tình Xưa", là một tâm sự thật của nữ sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tôi là một trong những người có may mắn được quen biết nên hiểu được tâm tình ẩn dụ trong thơ, tác giả đã viết trong tâm trạng đầy cảm xúc chân thành về mối tình đầu đời, bài thơ tuân theo dòng tâm cảm nên rất hay".* Mây Thu đại diện cho tạp chí Cỏ Thom ở Paris đọc bài thơ, MC Nguyễn Đức Tăng diễn ngâm, nghệ sĩ Thúy Hằng trình bày ca khúc, Đỗ Bình đệm đàn piano. Thơ Nhạc là tiếng lòng thổn thức của tâm hồn, cảm xúc dạt dào chân thật bất chợt tuôn ra thơ sẽ thăng hoa.

*Chiều đi trong tuyết mịn màng
Mưa hoa trắng đồngai ngừng đòng xa
Rừng buồn đồng nhớ bao la
Sông thương xuôi tiếc chảy qua mạch hồn
.....
Chợt nghe mận đắng môi rung
Giọng ca míc nở to chùng tiếng ngân
Lệ mi nhòa nhạt bao lần
Tình xưa tan tác trắng ngàn tuyết roi.*

Xin mời nghe bản nhạc "Nhật Nhòa Tình Xưa" do Ca sĩ Đèo Văn Sách trình bày. Link
YouTube: <https://youtu.be/xhJ36BFCHVo>

Nhật Nhòa Tình Xưa

Thơ: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nhạc: Huy Thạch

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 4/4 time signature. It consists of ten staves of music. The melody is composed of eighth and quarter notes, with several triplet markings (indicated by a '3' over a bracket) and some rests. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes of the melody.

Chiều đi trong tuyết mịn mừng, mưa hoa trắng đổ ngai ngừng đường xa. Rừng
buồn đồng nhớ bao la, sông thương suốt tiếc chảy qua mạch hồn. Nhạc xưa vắng vắng lời
buồn, hình xưa bóng cũ chập chờn ôm vây. Dặt dìu nhịp điệu ngắt ngảy, lịm trong say
đắm vòng tay cuối cùng. Đường xưa không bước đi chung, nên chi tình đã vô cùng đáng
cay. Người về chôn kiếp dọa dầy, người đi bỏ lại những ngày đau thương. Hai
bờ cách một đại dương, nơi kia mưa nắng quê hương ngút ngàn. Cuộc đời chiếc lá thu
tàn, buông trôi theo với thời gian lạnh lùng. Chợt nghe mặn đắng môi rung, giọng ca nức
nở tơ chùng tiếng ngân. Lệ mi nhòa nhạt bao lần, tình xưa tan tác trắng ngần tuyết rơi.

PHƯỢNG TÍM

Ai hát chiều nay vọng góc lầu
“Nỗi Buồn Hoa Phượng” gửi về đâu?
Bâng khuâng nhớ thuở còn xanh tóc
Biên biệt xa quê chớm bạc đầu
Trường lớp bao mùa vương vấn lạ
Bạn bè dăm đứa tạ từ nhau
Tàn phai sắc thắm khung trời cũ
Chỉ thấy quanh đây tím một màu.

Nguyễn Kinh Bắc

May 11, 2015

VÀNG TRẮNG NHỚ

Nguyệt lặn đêm tàn rượu đắng môi
Nhớ thương thăm thẳm một phương trời
Bến xưa hiu hắt sầu riêng một
Trăng cũ vỗ vàng mộng lúa đôi
Gác vắng canh trường khôn vui lệ
Song thưa khắc lụn khó vui cười
Cho ai gửi mảnh tình thơ đến
Muôn dặm quan hà có thành thời?

Văn Thị Kiều Anh

ÁO TRẮNG NGÀY XƯA

Ngày xưa áo trắng, giọt sương mai
Năm tháng vô tình chẳng đợi ai
Rượu nhạt ta đông mùa đổ vỡ
Gương mờ em ngắm dấu tàn phai
Tà dài vương nhớ từ thu trước
Vật mỏng hoen sầu tới buổi nay
Phiêu bạt bên trời thân lữ thứ
Dòng sông hoài niệm uống còn cay

Nguyễn Vô Cùng

DẦU CŨ

Hương xưa dầu cũ biết tìm đâu
Sóng nhớ từng cơn dậy biển sầu
Gió rít ngày đông phiên chợ vắng
Mưa tràn tháng hạ bến sông sâu
Tình quê bằng lòng đau dòng mực
Cảnh nước bồi hồi tủi giọt châu
Hẹn với quê hương ngày hội ngộ
Bài thơ ta lại viết từ đầu

Nguyễn Vô Cùng

LẤY CHỒNG XA

Phương Lan

*Chim đa đa đậu cành đa
Chồng gần không lấy, bậu lấy chồng xa
Giờ đây cách trở quan hà
Trông về cố xứ, lụy sa hai hàng*

Quê nội tôi là một làng nhỏ ở một vùng quê hẻo lánh ở miền Bắc, làng La Khê thuộc tỉnh Quảng Yên. Ông nội tôi làm nghề bốc thuốc và dạy chữ nho cho vài mươi đứa trẻ ở trong làng. Gặp buổi giao thời, những người học trò học chữ Hán lần lượt thôi hết đề đối qua học chữ Pháp, ông tôi chỉ còn nghề bốc thuốc, một cái nghề nhân đạo nhưng thâm nhập chẳng có là bao. Lợi tức chính của gia đình trông vào cửa tiệm tạp hoá do bà nội tôi phụ trách.

Ông tôi có một đời vợ trước sinh được một trai là bác Cả. Khi bác Cả được sáu tuổi thì bà nội lớn bị chết trong một trận dịch tả. Ba năm sau, khi hết tang, ông tôi mới cưới bà nội tôi, lúc đó ông mới ngoài ba mươi, còn bà nội tôi thì đã băm sáu. Cha tôi tên Phúc ra đời hai năm sau đó, tiếp theo đến chú Đức kém cha tôi ba tuổi và cô Liên kém chú Đức hai tuổi, sau đó bà thôi không sanh nữa.

Tuy là anh em một nhà, nhưng vì tuổi tác chênh lệch quá xa, nên bác Cả sống gần như tách biệt với ba người em khác mẹ. Thuở nhỏ, cha tôi chơi thân với chú Đức, cho dù tính tình hai người hoàn toàn trái ngược, cha tôi củ mủ, hiền lành, còn chú Đức năng nổ, hiếu động, cả hai chỉ giống nhau ở một điểm là lười học. Lúc nhỏ, chú

Đức rất nghịch ngợm, năm lên chín tuổi, chú leo trèo thế nào mà bị té từ trên cây xuống, gãy chân. Đạo đó vào khoảng năm 1940, ở làng quê làm gì có nhà thương, một thầy lang được mời đến, thế rồi chỉ với một nắm lá dầu, ông ta dùng mo cau và hai thanh tre làm nẹp để bó chân chú lại. Sau mấy tháng, vết thương cũng lành, nhưng chân chú thành tật, cứng đơ và phía dưới chỗ gãy, thịt bị teo lại. Điều đó không là một trở ngại vì chú vẫn đi đứng như người bình thường, chỉ hơi khập khểnh, trời bù lại cho chú có một gương mặt rất sáng sủa, đẹp trai.

Chú Đức thích gảy đàn, thổi sáo, còn cha tôi thì mê vẽ, đi học về, ông chúi mũi vào một xó để ngồi vẽ. Chẳng ai chỉ bảo, nhưng tự nhiên ông có thiên khiếu về ngành họa, chỉ với một mẫu bút than, ông đã tạo ra nhiều bức tranh tuyệt đẹp, làm ngạc nhiên cả những người lớn. Nhưng ông nội tôi lại cau mặt, không bằng lòng và tìm cách ngăn cản, ông nói không muốn con mình lớn lên sẽ làm cái nghề bạc bẽo ấy. Kể ra ông cũng có lý, xã hội thời bấy giờ không trọng dụng nghệ sĩ, người ta mãi lo kiếm sống, ít ai chú trọng đến nghệ thuật. Đa số những họa sĩ thời đó đều nghèo túng, có người cơm ăn không đủ no, chẳng ai có thể làm giàu nhờ nét cọ của mình. Vì lẽ đó, ông nội cấm cha tôi vẽ, mỗi khi bắt gặp, ông thường đánh cha tôi rất đau và xé nát hết các bức vẽ, để cha tôi bỏ ý định điên rồ là sau này sẽ trở thành họa sĩ.

Mặc dù bị cấm đoán, nhưng cha tôi vẫn không thể nào dẹp bỏ hết những đam mê. Hết trốn trên cái gác xép nóng như lò lửa để

vẽ trộm, ông lại thức rất khuya, chờ lúc mọi người đi ngủ cả để được tự do sáng tác. Dụng cụ để vẽ của ông không có gì ngoài mấy hộp màu, vài cây bút lông và một xấp giấy vẽ mà ông đã nhin tiền quả để mua. Khi lớn lên chút nữa, để thoát khỏi tầm mắt canh chừng của ông nội, cha tôi thường qua nhà bạn ở nhờ, nói dối là để học bài, có khi ông ở nhà bạn cả mấy ngày.

Vì đam mê thú nghệ sĩ, nên cả cha tôi và chú Đức đều chèn ép trong việc học, lết bết mãi vẫn mà vẫn còn quanh quẩn trong những lớp ở trường làng. Trong khi đó, bác Cả học rất giỏi, bác thi đậu vào trường Bưởi và được ra Hà Nội học, bác ở nội trú ngay trong trường. Đậu xong bằng tú tài, bác ra làm thông phán toà sứ và cưới người con gái bác yêu, một cô thiếu nữ tân thời, răng trắng, người Hà Nội. Ông nội tôi lúc đầu phản đối, nhưng sau đành nhượng bộ, ông vốn nể người con trường có địa vị làm rạng danh cho gia đình. Bác Cả là người có đầu óc tân tiến, theo mới và là một trong những người đi tiên phong trong phong trào tự do luyện ái, ảnh hưởng rất nhiều đến cha tôi và chú Đức sau này. Tiếc thay, cuộc hôn nhân hạnh phúc của bác chỉ kéo dài được có bốn năm, khi bác gái sanh con đầu lòng, cả hai mẹ con đều chết vì sanh khó, đứa bé chết vì ngộp thở, còn người mẹ chết vì băng huyết. Hai cái tang đau đớn đó làm đảo lộn cả cuộc sống đang êm đềm của bác Cả, bác buồn lòng bỏ đi xa và nhất quyết không cưới vợ khác. Bác ra Hải Phòng học nghề lái tàu, rồi dốc hết vốn liếng dành dụm ra mua một cái tàu nhỏ, đi đây đi đó cho khuây khoả.

Thoạt đầu, bác chỉ có ý định tiêu khiển cho qua ngày giờ, nhưng mãi cũng chán, thêm nữa tiền bạc cạn dần, bác nghĩ ra cách

làm ăn với chính cái tàu của mình. Bác học nghề lưới cá, với bản chất thông minh, lanh lẹ và với sức vóc khoẻ mạnh, chẳng mấy chốc bác trở thành một người đánh cá giỏi nhất vùng. Tiền bán cá thâu được khá nhiều, bác lại dành dụm mua thêm một cái ghe nữa, thuê người làm phụ. Rồi cứ đà tiến lên, bác sắm thêm nhiều ghe khác, thuê thêm nhiều người, và trở thành ông chủ. Chẳng mấy chốc, đoàn ghe của bác đã lên tới vài chục cái, nhưng toàn là ghe nhỏ, đánh cá dọc theo ven bờ nên chẳng được nhiều. Bác nghĩ ra cách làm ăn lớn nên liêu bán hết, gom cả vốn liếng ra đóng một cái tàu lớn, trang bị đầy đủ những dụng cụ, máy móc hiện đại để có thể ra khơi đánh cá ở ngoài xa. Con tàu Trường Hải của bác trông đồ sộ chẳng kém những tàu đánh cá của người ngoại quốc, mỗi lần ra khơi lưới được cả mấy tấn cá. Ngoài việc bán xi cho các bạn hàng chờ đi các tỉnh lân cận, số cá còn lại được các hãng nước mắm mua hết, nên bác không gặp khó khăn gì trong việc tiêu thụ số cá đánh được. Công việc làm ăn phát, bác trở nên giàu có và vẫn cấp dưỡng tiền bạc để nuôi cả nhà.

Cha tôi và chú Đức học hành không mấy khá, thi mãi không đậu nổi cái bằng thành chung. Thấy con đường học vấn sao mà gập ghềnh khó đi, hai người quyết định rời ghế nhà trường, ra đi lập nghiệp, mỗi người đi theo con đường riêng của mình. Chú Đức đi theo gánh hát, làm nghề đờn ca. Cha tôi bỏ vô Nam, ông cương quyết đi xa để tránh cuộc hôn nhân do gia đình sắp xếp, buộc ông phải lấy một người con gái đang nhưng quê mùa.

Vô Sài Gòn, cha tôi làm đủ mọi nghề để kiếm sống, tuy vất vả nhưng ông đã đạt được mục đích là được nhận vào trường Mỹ

Thuật, theo học ngành hội hoạ ông vẫn hằng mơ ước. Chẳng mấy chốc, ông trở thành một hoạ sĩ giỏi, sau khi tốt nghiệp, ông được mời dạy luôn ở trong trường.

Trong thời gian này, ông gặp mẹ tôi, một thiếu nữ người miền Nam xinh đẹp, hiền lành, vì mê tài ông nên bằng lòng làm vợ một người hoạ sĩ nghèo, chưa có tên tuổi, sự nghiệp. Một đám cưới nho nhỏ diễn ra trong vòng thân mật của bạn bè và những người trong gia đình đang gái. Ông bà ngoại lúc đầu không muốn gả con cho chàng trai khác xứ, nhưng sau vì thương con nên ép lòng cho cử hành hôn lễ mà trong lòng cứ lo lắng, không vui. Sau đám cưới, cha đưa mẹ lên Sài Gòn, thuê nhà ngay cạnh trường vẽ, ngày ngày đi dạy học, mẹ bán xôi chè để phụ thêm, cuộc sống tuy nghèo nhưng hạnh phúc. Tôi ra đời hai năm sau đó.

Năm tôi lên bốn tuổi, được tin ông nội mất, cha tôi đưa vợ con về chịu tang. Nhân dịp này, bà nội yêu cầu cha đừng đi xa nữa. Nhà lúc này neo người, không còn bóng dáng đàn ông, cô Liên vẫn chưa có chồng, bác Cả ở xa, chú Đức đi biển biệt không về, bà nội không được khoẻ, nay đau mai yếu... Thương mẹ già tóc bạc phơ, không biết sống chết lúc nào, cha tôi quyết định ở lại. Mẹ rất buồn vì phải xa quê, nhưng không phản đối, bà vốn là một người đàn bà hiền lành, chỉ biết tuân lệnh chồng. Quyết định này làm đảo lộn đời cha, ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của hai mẹ con tôi sau này.

Bây giờ nói đến những ngày đầu về quê nội. Vì bác Cả không có con, tôi là đứa cháu nội duy nhất nối dòng, nên được cả nhà cưng chiều. Nhưng với mẹ tôi thì trái lại, bà không được xem như người ở trong

gia đình. Mọi người đều nhìn mẹ tôi bằng những cặp mắt đổ kỵ, soi mói, một phần là vì mẹ tôi gốc người miền Nam, phong tục tập quán, ngôn ngữ đều có hơi khác biệt. Nhưng nguyên do chính là vì họ coi thường cha tôi, bao năm bỏ xứ ra đi, giờ này trở về vẫn với hai bàn tay trắng.

Những ngày tiếp theo cha tôi vẫn theo đuổi nghiệp vẽ, nhưng ở cái làng quê hẻo lánh này, thật khó mà sống bằng những nét cọ của mình. Cha tôi cũng không thể kiếm ra việc làm, nên mọi việc chi tiêu trong gia đình đều phải trông vào cửa tiệm tạp hoá và tiền cấp dưỡng của các Cả. Bác lúc này giàu có lớn, tiền bạc dư dả nên xài sang, rộng rãi với tất cả mọi người, khiến ai cũng nể, kể cả bà nội. Trong lúc đó, cha tôi đang lâm vào thế bí, muốn trở lại Sài Gòn cũng không còn đường, chỗ ông dạy khi xưa đã có người thay thế. Cha buồn rầu, chán nản, mặc cảm không nuôi nổi vợ con khiến ông trở nên lầm lỳ, ít nói, cả ngày ông vác giá vẽ đi đâu mất biệt, đến chiều mới về. Cha rút trong thế giới riêng của ông, để mặc mẹ lạc lõng bơ vơ giữa đám người xa lạ, tôi có cảm tưởng như chính ông cũng biến thành một người xa lạ. Thật tội nghiệp cho mẹ, bà giống như người lữ hành đi trong sa mạc một mình, không có bạn đồng hành. Mẹ cố thu hình cho nhỏ nhoi để tránh những đụng chạm, nhưng vẫn không khỏi phải nghe những lời chỉ chiết, đay nghiến của mẹ và em chồng. Bà nội vẫn còn mát mẻ với cha tôi về việc cãi lời ông bà học nghề hoạ sĩ mà bà gọi một cách khinh miệt là thợ vẽ, bà còn nói bóng nói gió xa xôi đến việc cha tôi từ chối cuộc hôn nhân do gia đình sắp xếp, mà tự ý cưới về một người đàn bà lạ chủng, không rõ gốc gác, nói năng trợn trệ không ai hiểu...

Chỉ có bác Cả là thông cảm, mỗi lần về thăm nhà, nghe tiếng eo sèo, bác thường hay can gián bà nội:

- Thời buổi này, người ta tự do luyện ái, đâu còn như xưa? yêu ai thì cưới người đó mới là đúng lý. Chú thím Phúc đã có con với nhau rồi, thôi đừng bàn ra tán vào nữa, chẳng ích lợi gì.

Mẹ nghe thế thì cảm động, thường nhìn bác với cặp mắt biết ơn. Bác Cả ít khi về, nhưng ở trong nhà vẫn dành cho bác một phòng riêng. Căn phòng này vẫn để trống kể cả những lúc bác không có mặt, mẹ tôi thường phải vào để dọn dẹp, lau chùi. Hai mẹ con đứng ngẩn ngơ ngắm những đồ vật lạ mắt, hiếm thấy ở thôn quê thời đó: một bộ máy quay đĩa chạy bằng pin, có cái loa chạm trổ bằng đồng sáng loáng, những chồng đĩa hát bằng nhựa đen, hình tròn to bằng cái quạt mo, bìa in hình ông tây, bà đầm, những cái đồng hồ to nhỏ, đủ loại, phát ra những tiếng chim hót hoặc tiếng nhạc mỗi khi đổi giờ, những bức tượng bằng đồng đen hoặc ngà voi, và đặc biệt hơn cả là một cái hộp gi hình chữ nhật, khi vặn lên có tiếng người nói hoặc hát, sau này tôi mới biết đó là cái radio. Toàn là những đồ quý bác mua từ Hà Nội hoặc mua lại của các thủy thủ tàu buôn.

Bác Cả thích căn phòng này lắm, mỗi khi về thường nghỉ ngơi ở trong đó, không ai được vào, kể cả bà nội. Một lần cô Liên lén vào lục lọi mấy cái đĩa hát, bị bác bắt được, mắng cho một trận nên thân, từ đó cô cách, không dám bén mảng. Riêng đối với tôi, bác tỏ ra dễ dãi, bác thường gọi tôi vào phòng riêng để hỏi han:

- Ở nhà, mẹ cháu có bị mọi người bắt nạt không?

Tôi do dự một lúc rồi mới đáp:

- Thưa bác không ạ!

- Thế sao cháu lại ngập ngừng? Bác mỉm cười, sợ ai mà phải nói dối? Cứ cho bác biết sự thực đi! bác còn lạ gì bà nội với cô Liên...

- Cháu không biết phải nói thế nào, nhưng thiệt ra thì cháu chẳng thấy má cháu cãi nhau với ai bao giờ.

Kể ra thì tôi nói cũng không sai sự thật, mẹ im như thóc suốt ngày thì làm gì có chuyện cãi cọ? mẹ nhẫn nhục, chịu đựng, mở miệng ra chỉ để dạ thừa, vâng lời. Bà nội ít khi to tiếng, chỉ nhắc khéo mẹ những câu đại khái như:

- Tùy mợ coi sóc nhà cửa trong ngoài, sao cho người ta nhìn vào là biết ngay tôi có con dâu đảm hay đoàng.

Hoặc những câu mỉa mai:

- Thôi mợ đi nghỉ đi kéo cậu ấy lại xốt ruột. Còn nồi cám lợn chưa nấu, nhưng để tôi bảo con Liên làm cho, nó mà nhúng tay vào thì chỉ một loáng là xong, đợi mợ có mà lợn đến chết đói.

Mẹ tôi làm quần quật suốt ngày từ sáng đến tối như một người đầy tớ không lương. Có lần nhìn hai bàn tay mẹ nứt nẻ, cha xốt xa thờ dãi, nhưng mẹ mỉm cười:

- Coi như bù vào phí tổn ăn ở của mẹ con em, vì mình đâu có kiếm ra tiền...

Thật ra chỉ là câu nói vô tình, nhưng lại làm cha đau lòng, nghe thấy thế, ông cúi gầm đầu, lặng lẽ bỏ đi chỗ khác, từ đó ông tìm cách lánh mặt mẹ.

Cô Liên vì mặc cảm ế chồng nên hay ghen với mẹ, cô thường chì chiết:

- Cha mẹ tôi chưa hề cầm trầu cau đi hỏi chị, vậy mà chị vẫn được vào làm dâu nhà này, thế là chị may mắn lắm. Gặp mẹ tôi dễ dãi, chứ người khác ấy à? họ thì tống cổ chị ra đường từ lâu rồi, cái thứ đàn bà gì mà

không rõ gốc gác, gia thế, chẳng đợi nhà chồng cưới xin, đã xách gói theo trai. Anh tôi chắc bị bùa mê, thuốc lú nên mù quáng, thiếu gì nhà giàu gọi gả con, thế mà không chịu, lại đi ưng chị, đúng là chị tốt số...

Mẹ tôi không trả lời, tính bà vốn hiền lành, nhẫn nhịn. Trong suốt bảy, tám năm sống trong gia đình nhà chồng, mẹ chịu bao nhiêu điều tủi cực, chẳng bao giờ thấy bà than van, nhưng nhìn ánh mắt u ầu của mẹ, tôi biết bà rất buồn.

Còn cha tôi, tôi phải nói sao về ông đây? Đúng ra cha tôi là một người tốt, thương yêu vợ con, ông cũng là một họa sĩ có tài, nhưng sinh không nhằm thời, ở không đúng chỗ. Ở nhà quê, người ta chỉ thích những tranh lợn, gà, mấy ai hiểu được giá trị của những bức tranh nghệ thuật, thậm chí những bức vẽ khoả thân còn bị chê là nhảm nhí. Tranh ông vẽ không bán được bức nào, để chất đống trong nhà kho, làm bạn với những đồ vật cũ, cùng chung số phận bỏ thì thương, vương thì tội, tất cả đều phủ một lớp bụi mờ. Cha thất chí, nhưng âm thầm chịu đựng, không than thở cùng ai, cả với vợ con cũng vậy, giữa cha mẹ hình như đã có một lớp sương mù ngăn cách. Tôi không hiểu vì sao cha hay dấu giếm những ả ức mà đáng lẽ nếu chia xẻ với mẹ, có lẽ ông sẽ vui đi nhiều. Bác Cả là người từng trải, hiểu được tâm sự của mẹ nên thường tìm dịp để an ủi:

- Sông có khúc, người cũng có lúc, chú ấy chưa gặp vận nên chưa khá lên được. Nhưng nếu là người khôn thì phải biết thức thời, mặc dù có tài, nhưng nếu cái tài ấy không nuôi sống mình thì phải xoay qua nghề khác chứ, cứ khư khư ôm cái mộng hão huyền, chẳng thực tế chút nào. Sao thím không khuyên chú ấy?

- Nhà em có bàn với em đâu? Thật ra em cũng không hiểu nhà em đang toan tính những gì trong đầu, vợ chồng ít khi nói chuyện...

Tối đây, như chạm đến nỗi thương tâm, mẹ kéo vạt áo lên lau mắt, bác Cả nhẹ nhàng đặt tay lên vai mẹ an ủi:

- Thím đừng buồn, tôi rất thông cảm hoàn cảnh của thím, có chuyện gì cứ nói với tôi, tôi sẽ có cách giúp đỡ. À, thím cầm ít tiền để may sắm cho hai mẹ con, từ dạo về đây, chả thấy thím có được cái áo mới nào.

Mẹ lắc đầu, từ chối:

- Em không dám đâu, mẹ hoặc cô Liên biết được mắng em chết.

Bác Cả nghiêm ngay nét mặt:

- Tôi đưa tiền cho thím để sắm sửa cho cháu, ai dám nói gì nào? À, thằng Trung đã bảy tuổi rồi, phải cho nó đến trường. Tương lai của nó, thím để tôi lo, tôi không có con, những gì của tôi, sau này sẽ là của nó...

Mẹ cảm động dòm dóm nước mắt, tôi cũng thấy bác rất tử tế, bác thường hay bênh vực mẹ tôi mỗi khi bà nội hoặc cô Liên eo sèo mắng nhiếc. Bác lại cho phép tôi chơi những đồ vật mà bác rất quý, những thứ mà mọi người trong nhà không ai được rờ tới. Có lần cả nhà đi chùa, bác gọi hai mẹ con tôi vào phòng để vận nhạc cho nghe, bác nói với mẹ:

- Ở trên tỉnh bây giờ văn minh lắm. Nhạc này là nhạc khiêu vũ, người ta mở nhạc để nhảy đầm với nhau, thím đã thấy người ta nhảy đầm bao giờ chưa?

Mẹ mỉm cười gật đầu, bác nói:

- Học khiêu vũ cũng dễ thôi, nếu thím muốn, tôi sẽ chỉ cho thím.

- Dạ không! Mẹ đỏ mặt, ai lại ôm nhau coi kỳ quá.

- Khiêu vũ là một nghệ thuật, không có gì là bậy bạ cả, chỉ tại người ta nghĩ bậy thì sẽ thành bậy.

Nhưng mẹ vẫn lắc đầu nguầy nguậy, bác cười:

- Tôi cũng chỉ nói đùa cho vui.

Dạo này bác có nhiều thay đổi, khác với trước kia mỗi năm chỉ về nhà đôi ba lần, dạo này tháng nào bác cũng về, ở chơi vài ba ngày, có khi cả tuần rồi mới đi, bác nói bác mới tìm được người phụ tá thạo việc nên không bận rộn như xưa. Lần nào về, bác cũng cho tôi kẹo bánh và những đồ chơi đắt tiền mua ở trên tỉnh. Bác là người quyền uy, nhưng lại rộng rãi, hào phóng, cư xử rất tốt với mọi người, mỗi lần bác về, cả nhà vui hẳn lên, thành thử ai cũng mong bác, cả mẹ con tôi cũng vậy.

Một lần cách đây không lâu, bác về thỉnh linh lúc cả nhà đi vắng hết, gặp tôi đang thờ thần chơi một mình ngoài sân, bác nắm tay tôi dắt vào nhà. Mẹ đang bằm bèo cho lợn ở trong bếp, thấy bác thì ngẩng lên chào, bác nói:

- Thím nghỉ tay lên đây, tôi cho xem cái này.

Bác mở va li, lôi ra một bộ quần áo phụ nữ bằng hàng lụa mỏng thật đẹp, đưa cho mẹ:

- Đây là quà tôi mua để tặng thím.

- Tặng em? Mẹ kêu lên ngạc nhiên.

- Ừ, tặng thím, mặc liền đi! xem có đẹp không? Thứ lụa này mát và không nhàu, màu vàng nhạt hợp với nước da trắng của thím, tôi gởi mua tận Sài Gòn cơ đấy.

Nghe hai tiếng Sài Gòn, mẹ đứng ngẩn ngơ, đã lâu lắm không nghe ai nhắc đến hai tiếng thân thương này, nỗi buồn xa xứ mẹ âm thầm dấu kín tận đáy lòng, chẳng biết tỏ cùng ai. Những đêm trằn trọc không ngủ được, nghe tiếng mẹ thờ dài, tôi biết mẹ đang nhớ quê, nhớ dĩ vãng, nhớ thuở ấu thơ êm đềm, nhớ thời con gái mộng mơ, nhớ cuộc tình mê đắm mẹ bỏ xứ theo chồng...

Bây giờ tất cả đã qua đi như một giấc mơ, cảnh xưa không còn nữa đã đành, người xưa cũng đã thay đổi, cha không còn là một chàng trai hiền ngang, đa tình, đầy nhiệt huyết, ông bây giờ chỉ là hiện thân của sự mệt mỏi, chán chường, thất chí không thiết đến sự đời, không thiết cả đến vợ con.

Mẹ thờ dài, mân mê làn vải lụa mềm có những đường thêu mỹ thuật, áo này mặc vô chắc là đẹp lắm. Nhưng bà biết không nên nhận vì không muốn làm buồn lòng chồng, mặc cảm tự ái khiến ông từ chối tất cả mọi quà tặng cũng như tiền bạc của các Cả. Mẹ ngậm ngừ:

- Em không dám nhận, thôi bác để dành làm quà cho cô Liên.

- Liên có phần của nó rồi, ai cũng có phần cả, áo này là tôi mua cho thím, thím không nhận tôi rất buồn. Thôi, thím đi thử đi coi có vừa hay không?

Tôi cũng thích được thấy mẹ ăn mặc sang trọng và đẹp nên nói thêm vào:

- Phải đấy, ít nhất mẹ cũng nên mặc thử một lần coi ra sao.

Vì nể quá, mẹ đành mang áo đi thử. Khi bà trở ra, cả tôi lẫn bác Cả đều ngạc nhiên, mẹ trông khác hẳn, bộ quần áo kiêu mới, hờ hờ làm tôn nước da trắng mát, mái tóc hàng ngày vẫn buộc túm sau gáy, bây giờ để xoã xuống vai, trông mẹ như trẻ lại cả mười tuổi, và rất đẹp. Nhưng ngay sau đó, mẹ thay lại bộ quần áo cũ bằng vải thô, bộ quần áo đẹp mẹ không dám mặc, bà xếp lại, cất kỹ dưới đáy rương, thỉnh thoảng mới đem ra ngắm.

(Con Tiếp)

PHƯƠNG LAN

CỎ THƠM

MỐI TÌNH XA XƯA

Phượng Duy TDC

(Tặng Chimène)

Chuyến bay AUS-545 đưa ông Vân đi Úc khởi hành từ phi trường San Francisco muộn hơn giờ ghi trên bảng chỉ dẫn tại phòng đợi nơi phi trường. Đây là chuyến đi Úc đầu tiên của ông Vân. Từ ngày qua định cư tại Hoa Kỳ theo diện H.O cựu tù nhân chính trị, ông đã đi du lịch nhiều nơi: Châu Âu, Canada, Mexico, Nhật Bản nhưng ông chưa bao giờ nghĩ đến phần đất mà ông và bạn bè của ông cho là “miệt dưới” của địa cầu này.

Ngồi một mình trên máy bay, ông cảm thấy buồn và cô đơn. Bà Vân lấy cớ ngại đi xa bằng máy bay nên không đi cùng chồng chuyến này.

Bà nói:

“Lần này chỉ mới đi dạm vợ cho con trai thì một mình ông đi là đủ rồi. Sau này còn đám cưới cho con nữa, tôi sẽ cùng đi với ông. Ngày hôm qua, thằng Thanh đã gọi điện thoại tin ông yên tâm, nó và con Thủy-Tiên sẽ đón ông ở phi trường.”

Tuy biết có người đón, nhưng ông Vân vẫn lo âu... vì lần đầu đi một mình đến một xứ lạ.

Máy bay giảm cao độ và tiếng loa phát ra:

“Xin quý vị hành khách cài dây an toàn, chỉnh lại ghế ngồi ngay ngắn, chùng vài phút nữa máy bay sẽ đáp xuống phi trường.”

Chiếc phản lực cơ của hãng hàng không Qantas Airways chạm phi đạo nhẹ nhàng. Tiếng cô tiếp viên nói với ông Vân:

“Chúc ông những ngày du lịch tại Úc vui vẻ!”.

Từ trong lòng hành lang nối dài từ cửa máy bay bước ra, ông Vân nhìn ra xa thấy ngay Thanh đang đứng bên cạnh một thiếu nữ mặc áo dài màu thiên thanh.

Khi đến gần hai người, ông trông rõ cô gái và ông thấy quen quen, hình như trước đây ông đã từng gặp nhiều lần ở một nơi nào đó mà ông không nhớ rõ.

Thanh vội tiến tới trước mặt ông Vân:

“Thưa Ba, con và Thủy-Tiên đến đón Ba. Đi máy bay đường xa ba có mệt không?”

Thủy-Tiên e lệ cúi đầu chào:

“Cháu kính chào Bác và mong những ngày Bác ở Úc được vui vẻ.”

Giọng nói của Thủy-Tiên sao ông Vân cũng nghe quen quá làm ông suy nghĩ mãi.

Ba người lên xe đi về khách sạn nơi Thanh mới thuê để bố con tạm trú. Ngồi trong xe, bất trí nhớ của ông phải làm việc ngay vì ông thấy cô gái bạn của con trai mình có giọng nói và dáng người quen quen. Ô! Ông Vân tìm ra rồi: Thủy-Tiên giống hệt Thúy-Lan, người bạn gái di cư từ Bắc vào mà ông đã yêu hơn ba mươi năm trước đây. Một chuỗi kỷ niệm chợt hiện ra...

Ngày ấy... ông và Thúy-Lan yêu nhau. Gia tộc của Vân nhiều đời từ thời xa xưa đến nay rất hiếm con trai. Nên mỗi khi đi hỏi vợ cho con cháu, các người trong dòng họ thường chọn những gia đình sinh đông con trai để làm thông gia. Nên khi biết Vân muốn hỏi Thúy-Lan làm vợ, cô Hai, chị cả ba của Vân liền cho ý kiến ngay:

“Cô biết cháu Vân đã thương yêu Thúy-Lan từ nhiều năm nay. Thúy-Lan đẹp người, đẹp nét lại sinh ra trong một gia đình bề thế... nghĩa là, theo cô, không có điểm gì..., nhưng cháu cũng biết trong gia đình

ta rất cần con trai để nối dõi. Mà... bố mẹ Thúy-Lan sinh “ngũ long công chúa” mà không có một con trai nào. Cô ngại sau này khi thành hôn với cháu, cháu là con trai độc nhất của nhà này, rồi cứ sinh con gái...thì...”, nói đến đây cô Hai ngừng lại nhìn ba mẹ Vân như dò hỏi ý kiến.

Thời gian ngắn sau đó, Vân nhập ngũ. Đòi quân nhân nay đây mai đó, Vân buồn về chuyện gia đình nên ít liên lạc với Thúy-Lan. Thúy-Lan chờ mãi rồi đến lúc cũng phải đi lấy chồng. Trong lòng nàng vẫn mang theo hình bóng của mối tình đầu dở dang.

Ông bà Vân có bốn cậu con trai. Thanh là cậu con trai út giống ông Vân nhất. Vì là con trai út và giống bố nên cả nhà đều thương yêu cậu nhất. Cậu muốn gì, nhà cũng chiều chuộng. Thanh học giỏi và chơi vĩ cầm điêu luyện. Cậu tốt nghiệp cao học điện tử từ nhiều năm rồi. Cậu đang làm việc cho một hãng điện tử lớn ở Thung lũng điện tử San José.

Mùa hè vừa qua, công ty cần hai đại diện hãng điện tử đi chào các sản phẩm mới sáng chế, một ở Nhật Bản, một ở Úc. Lần trước, Thanh đã đi Nhật một tháng nên quá chán xứ này. Xứ gì mà sinh hoạt rất đắt đỏ lại thêm thức ăn không hợp với khẩu vị và túi tiền của du khách. Thanh nhớ lại lúc bạn bè mời vào một tiệm ăn Nhật, Thanh rất e dè khi phải ăn các món cá sống, các món ăn chế biến từ rong biển và uống rượu sa-kê bằng chén. Thanh cảm thấy nhợn nhợn khi đưa vào miệng, ăn món cá sống ướp lạnh. Thanh nhớ lại những miếng cá thu rán thơm ngát thường ăn ở nhà. Còn khi đến chào hàng ở những công ty Nhật chàng cảm thấy như đến một nơi mà mỗi giây đồng hồ trôi qua đã làm cho người bản xứ xót dạ, nên cái gì cũng phải ngắn gọn chạy theo thời gian nhanh chóng cả. Vì thế lần

này, Thanh chọn chuyển đi Úc để cho biết xứ sở của những chú Kan-gu-ru có gì đặc biệt không và nhất là ít tốn kém hơn.

Thời gian ở Úc nằm vào những tháng gần cuối năm. Khác với thời tiết ở Bắc bán cầu chàng ở, Nam bán cầu Nô-en không thấy tuyết, chẳng thấy rét lạnh vì ở đây đang có khí hậu mùa hè nóng nực.

Trong một buổi tiếp tân nhân ngày lễ Giáng Sinh, Thanh gặp lại Bích-Thủy, cô bạn cũ cùng học trung học ở Sài Gòn. Gặp bạn bè thân quen nơi đất khách, Bích-Thủy mời Thanh ghé lại nhà bố mẹ nàng chơi. Bích-Thủy đưa Thanh vào nhà. Bà mẹ Bích-Thủy nhìn Thanh rất lâu và gọi nhớ một điều gì.

“Cháu kính chào Bác.” Thanh thưa.

“Chào cháu. Cháu bây giờ đang ở đâu và làm gì? Bác trông cháu quen quá, hình như bác đã gặp cháu ở đâu rồi?”

“Thưa Bác, sau 1990, cháu sang định cư ở Mỹ với ba mẹ cháu. Đây là lần đầu tiên cháu sang Úc vì công việc của hãng cháu đang làm.”

“Hồi còn ở Việt-Nam, gia đình cháu ở tỉnh nào? Bà mẹ Bích-Thủy hỏi.

“Thưa Bác, gia đình cháu trước kia ở khu hàng Me, gần Đập Đá ở Huế, sau thì vào ở thành phố Sài Gòn.”

Bà mẹ của Bích-Thủy nói:

“Trước kia, năm 1954 bác di cư từ Hà-Nội vào trú tại Huế một thời gian nhiều năm. Sau Tết Mậu Thân gia đình mới vào sống ở Sài Gòn. Như vậy gia đình cháu cũng đã ở Huế. Gặp lại đồng hương, bác rất mừng. Nếu cháu không ngại, thì cứ ở đây với gia đình bác trong thời gian cháu đi lo công việc của công ty giao phó.”

Tám bảng “LỄ TUYÊN HÔN” trình bày rất mỹ thuật gắn trên cao trước cửa nhà Thủy-Tiên. Một hàng người đang chờ đón họ “nhà

trai” gồm có ông thân sinh cô dâu, các chị cô dâu và một số bạn gái của Thủy-Tiên mặc áo dài đủ màu trông rất đẹp. Ông Vân đi sau mấy người bạn mới của Thanh đang bung những mâm quả đi vào cổng “nhà gái”.

Hôm nay là ngày lễ đính hôn của Thanh với Thủy-Tiên. Thanh diện bộ “com-lê” keng nhất. Chiếc “cà-vạt” đỏ làm cho mặt Thanh trông hồng hào hơn ngày thường. Thanh đã ra vào ngõ này gần mòn gót giày năm rồi khi chàng ở đây và vun trồng “cây si” nhà cô Thủy-Tiên thế mà chàng vẫn cảm thấy rất hồi hộp. Quả tim trong lồng ngực của chàng trai đập mạnh liên hồi, mồ hôi và ra trán, mặt tai ửng đỏ lên như người say rượu.

Bố mẹ của Bích-Thủy có “bốn cô gái rượu” mà đã gả chồng cho ba cô, còn “cô Út Thủy-Tiên” xinh nhất, trẻ nhất, học giỏi nhất lại giống mẹ nhất còn độc thân. Thủy-Tiên mỗi khi từ trường trở về nhà đều có một “đuôi dài” các cậu sinh viên trồng cây si đuổi theo sau. Nhưng có lẽ chưa có duyên nợ nên khi cô Út gặp cậu kỹ sư từ Mỹ sang do người chị Bích-Thủy giới thiệu đến trọ tại nhà bố mẹ nàng trong vài tuần lễ bỗng nhiên Thủy-Tiên nghĩ đến “mộng đi Mỹ”. Và mộng đẹp ấy nay sắp thành sự thật.

Bố của Thủy-Tiên bắt tay chào mừng ông Vân. Khi các mâm quả lễ vật và ông Vân bước vào nhà gái, Thanh đi cuối cùng. Buổi lễ đính hôn tổ chức theo lễ nghi cổ truyền Việt Nam. Bà con bên nhà gái và bạn bè tham dự rất đông. Đến lúc người chủ lễ giới thiệu bà con hai họ là mẹ cô dâu sẽ dẫn cô dâu tương lai ra trình diện nhà trai.

Ông Vân nhìn “bà sui” bỗng giật mình vì bà chính là “Thúy-Lan” của ngày xưa ngày xưa khi hai người còn ở Huế. Bà Thúy-Lan nhìn thấy ông Vân ngạc nhiên thì mỉm cười. Thủy-Tiên mặc chiếc áo dài màu hồng, chiếc áo voan trắng mỏng khoác choàng bên ngoài. Thường ngày nàng đã

xinh, hôm nay Thanh trông thấy “giai nhân” xinh đẹp hơn bội phần.

Khi ông chồng bà Thúy-Lan đi làm rồi, có dịp bà Thúy-Lan ngồi nói chuyện với ông Vân. Bà trách ông ngày xưa sao đi đâu mất tiêu, ông không biết bà đã yêu ông rất nhiều. Đến khi bà gặp lại cháu Thanh, hình ảnh ngày xưa của ông lại trở lại trong trí nhớ của bà. Bà hỏi kỹ Thanh nên bà biết Thanh là con của ông Vân. Bà giữ kín trong lòng không thổ lộ cùng ai. Rồi bà tạo điều kiện thuận lợi cho Thanh sẽ là con rể của bà. Bà nghĩ sau này mà gặp lại “anh sui” thì vui biết mấy như thế “Châu Về Hiệp Phố” trong mấy cuốn video mà bà đã xem. Bà nói:

“Trời có mắt thật, con Thủy-Tiên giống tôi nhất lại kết duyên với cậu Thanh giống ông nhất. Sau này đưa cháu ngoại của tôi và là đưa cháu nội của ông sẽ mang hai dòng máu của hai ta luân lưu trong huyết quản. Tình yêu ngày xưa của chúng ta sẽ vĩnh viễn sống còn!”

Như cộng hưởng với lời nói say sưa từ trong tâm khảm bà Thúy-Lan sau bao nhiêu năm nghẹn ngào câm nín. Những âm thanh vang ra từ chiếc máy radio bài hát rất quen thuộc của xứ Huế: “Hẹn Một Ngày Về” của nhạc sĩ Lê Hữu Mục vang to trong phòng khách vắng qua giọng ca tuyệt vời của ca sĩ Hà-Thanh:

*“Tình xưa không vỡ bao giờ,
Mùa xưa còn thơm ngàn gió!”*

Ông Vân và bà Thúy-Lan nhìn nhau nhớ lại cuộc tình đang dở năm xưa:

*“Cái thờ ban đầu lưu huyền ấy,
Nghìn năm chưa dễ mấy ai quên!”*

Cả hai thờ dài!

Phương Duy TDC

ĐÔI BẠN

Mây Thu

Trường nữ trung học Lê Văn Duyệt, Gia Định, được xây cất vào năm 1957, trên một đầm rau muống, vào mùa mưa sân trường rất lầy lội, những hạt bùn đất theo mưa điểm lấm tẩm trên tà áo dài trắng như từng nụ hoa nhỏ, tạo nên nét duyên dáng cho đám nữ sinh ngây thơ, hồn nhiên chỉ biết vui cười cùng chúng bạn. Thập niên 60, mặc dù bên ngoài không khí chiến tranh luôn luôn đe dọa, tiếng súng nghe vang vọng từ xa, nhưng bảy năm dài bên trong khuôn viên của trường, họ vẫn sống rất an bình, trau dồi kiến thức đầm ấm cùng các thầy cô. Mỗi năm học qua đi là một tuổi đời chong chắt, đồng hành với tuổi thanh xuân tinh khiết ấy có biết bao kỷ niệm yêu dấu của thầy cô, bạn bè được ghi giữ lại.

Nhà để xe cho học sinh đa số là xe đạp có mái che nằm ngay gần cổng vào. Ngôi trường còn nhiều mới mẻ đơn sơ nhưng cũng rất khang trang gồm hai dãy tường đỏ song song nhau, đầu tường phía bên phải, bụi trúc xanh quanh năm đông đưa rì rào theo gió, là nơi lưu luyến nhất của các nữ sinh mỗi khi hè tới thường chia tay nhau bằng những tấm ảnh lưu niệm. Bước lên vài bậc thang đi tiếp sẽ đến phòng dành riêng cho bà hiệu trưởng và các giáo sư, sau đó một cầu thang lớn dẫn vào các lớp học trên tầng lầu có hành lang rộng, nơi đây các nữ sinh đệ nhất và đệ nhị trong giờ ra chơi thường tha hồ vờn thả hồn theo mây trắng trôi lang thang trên nền trời xanh. Giữa sân trường có cột cờ, mỗi sáng thứ hai

các nữ sinh mặc chiếc áo dài màu xanh da trời làm lễ chào quốc kỳ, những ngày khác trong tuần mặc áo dài trắng, về sau thông lệ đó không còn nữa.

Năm 1963, nữ sinh lớp đệ thất được các thầy cô sắp xếp cho "cư ngụ" dưới tầng trệt, lớp đệ thất 6 tọa lạc ở phòng cuối cùng của dãy tường đỏ bên phải. Nhà vệ sinh được xây cất ở bên ngoài phía sau dãy tường đỏ. Các nữ sinh lớp lớn (đệ nhị) thường thư từ qua lại với các nữ sinh lớp nhỏ (đệ thất) gọi là "người chị học bàn". Mỗi khi có việc cần ghé đến trường ngoài giờ học, các chị đến nơi đây đưa tay làm dấu rồi từ cửa sổ lớp học nhìn ra, "người em học bàn" thấy bóng chị liền xin phép thầy cô vài phút ra ngoài, để thăm hỏi và đôi khi tặng quà cho nhau. Đó là kỷ niệm rất khó quên của tuổi học trò. Trở lại lớp đệ thất 6, từ cửa bước vào sẽ nhìn thấy ba hàng bàn ghế dài xếp ngay ngắn chừa hai lối đi ở giữa, một bàn có bốn hay năm chỗ ngồi, bàn ở trong cùng gần các cửa sổ chỉ có hai chỗ ngồi. Bục giảng của thầy cô đặt ở bên phải, bảng đen phấn trắng treo trên tường phía trước mặt. Mỗi khi điểm danh xong, nơi đầu góc trái tấm bảng ghi ngày, tháng, năm, số học sinh hiện diện và số học sinh vắng mặt. Trưởng lớp Giang Tuy Mỹ lúc nào môi cũng nở nụ cười hiền hòa trên gương mặt xinh xắn, đôi mắt to đen nhánh, mái tóc dài chấm ngang vai. Phó trưởng lớp Trịnh Kim Nữ dáng gầy ốm và cao, rất điềm đạm với chiếc cằm vuông được xếp ngồi ở bàn phía trên Giang Tuy Mỹ. Đa số các bạn đều học giỏi, ganh đua nhau trong tinh thần học vấn cầu tiến bản tính rất hiền hòa, tương thân tương ái. Đầu bàn ở hàng ghế giữa có các bạn Phan Thị Liên, Nguyễn Chi Lan, Võ Thị Kim, Huỳnh Như Bích... Những hàng ghế kế

tiếp có Lê Thị Hoàn, Nguyễn Kiêm Lang, Đặng Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Hoa, Trương Thúy Phượng, Bùi Thị Ngọc Hà, Bùi Thị Ngọc Hải, là hai chị em ruột. Đầu bàn ở trong cùng có Dương Thị Sứ, Trần Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Hồng Thanh, Michelle... Phần đông các bạn theo nhau học từ lớp đệ thất đến đệ nhất, chỗ ngồi không thay đổi bao nhiêu. Đến năm đệ tam phải chọn ban A, B, C; Khoa học, Toán, Văn chương nên được chuyển qua các lớp khác theo sinh ngữ Anh Văn hay Pháp Văn. Như vậy họ chia ra thành từng nhóm bạn thân cùng sở thích với nhau và gần gũi cho đến khi ra trường. Hằng, Hoàn, Hải, Kiêm Lang, Michelle là một nhóm, sau này có thêm Trần Thị Cúc ở đệ tứ 4 chuyển sang. Thời đó, trường LVD chỉ có một nữ sinh duy nhất mang hai dòng máu Pháp-Việt ngồi ở dãy bàn trong cùng gần cửa sổ ngang hàng với Thu Hằng. Và Michelle-Hằng là đôi bạn thân thiết đã ghi dấu bước chân mình trên những con đường Sài Gòn, từ đầu đường Hai Bà Trưng cho đến cuối đường Trần Quang Khải, quẹo phải qua Cầu Bông đến trường Lê Văn Duyệt ngày hai buổi đi về, buổi trưa tan trường thường hẹn nhau ghé quán thạch Hiền Khánh ở Đa Kao hay chè đậu xanh, đậu đỏ ở đường Trần Nhật Duật gần trường Huỳnh Thị Ngà để giải khát, cuối tuần nghỉ học thỉnh thoảng rủ nhau đi chợ Bến Thành, dạo phố trên các đường Tự Do, Lê Thánh Tôn, Phan Bội Châu, lân la đến nhà sách Khai Trí đường Lê Lợi, xem ciné ở rạp Xex, Eden...

Tuổi trẻ vô tư hồn nhiên, mơ mộng, yêu đương nhưng cũng biết lo lắng cho tương lai. Có được mảnh bằng Tú Tài liền chuẩn bị vào các trường đại học như rất nhiều thanh niên thiếu nữ thời ấy, và cũng từ buổi ấy họ

như đàn chim vỗ tổ tung bay trên vạn nẻo đường đời, tuy nhiên không phải vì thế mà tình bạn mỗi ngày một ít gần bó hơn...

*

Vận nước đổi thay, những con đường Sài Gòn thay tên đổi họ. Người ở lại, người bỏ nước ra đi. Trường cũ cũng chịu chung số phận, đổi thay, cái tên nghe lạ xa không phải là Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt oai danh lẫm liệt khi xưa. Được tin Hằng đã vượt biên và sinh sống ở thành phố Toronto-Canada nhưng mãi sau 25 năm cách biệt đôi bạn mới có dịp hội ngộ. Ngày gặp lại nhau ở Paris, Michelle-Hằng mừng vui bao kẻ xiết đến ngập ngừng không nói được nên lời. Người Mỹ gọi You and Me, người Pháp gọi Toi et Moi, người Việt Nam gọi Tao và Mày tùy theo hoàn cảnh. "Mày tao chi tớ" trong tình bạn đâu phải là dễ, nó được keo sơn kết nối từ bao nhiêu năm tháng, chất chồng biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui, thương ghét giận hờn. Giữa đường phố Paris, đôi bạn nắm tay nhau thật chặt cười nói huyên thuyên, kẻ lể dong dài và nhìn nhau hai mái đầu đã điểm sương, đôi kính lão trễ tròng xuống sống mũi. Muốn gọi Michelle kêu tên Hằng cho có vẻ thanh lịch nhưng không biết sao cứ ngượng ngập không thể gọi được, như thế thật khách sáo rất lạ xa không thân tình, nên cô bạn Michelle đành phải hỏi:

- Mày còn nhớ không Hằng? Lúc giận nhau, giờ ra chơi mày cứ năn nỉ: "Michelle, mày đừng giận tao nghe!". Đôi mắt mày ướt rười rượi trông thật tội nghiệp, tao vui mừng hả hê nhưng cứ... làm bộ giận để cho mày năn nỉ!

- Mày còn nhớ không Hằng? Giữa đường Trần Quang Khải, buổi sáng đến trường, bỏ chõu mày trên xe vespa, cứ thấy

tao là bố tự động cho máy xuống để cùng nhau đi bộ đến trường, không cần biết vì lý do nào đó mình giận nhau, và cứ thế hai đứa... tiếp tục giận, làm như người xa kẻ lạ không quen biết! Kề trước người sau, mãi miết đến trường không ai nói với ai một lời nào. Như thế được vài hôm bỗng nhiên lại quên hết giận hờn, tao làm hòa bằng cách lén lút gắn chiếc kẹp áo trên xe đạp của mày vì tao biết tính mày "nhánh nhàu đoàn thật thà hư", hay quên, sợ mày sẽ để vạt áo dài quần vào cắm xe!

Đắm vào vai bạn, Hằng trách: "Mày thật là quái ác!". Rồi hai đứa cất tiếng cười thình vang trước những đôi mắt ngơ ngác của người đi đường. Mới biết, được gọi Mày xưng Tao thật là hạnh phúc! Ai đó nói: *"Một trong những hạnh phúc lớn lao nhất trên đời là tình bạn, và một trong những hạnh phúc của tình bạn là có người để thổ lộ tâm sự riêng tư"*. Nhà văn Marc Levy nói: *"Trong tình bạn, người ta chẳng đưa nhau ra tòa thị chính để ghi danh nên chẳng có một ngày lễ thực sự để kỷ niệm, nhưng nó vẫn cứ có thể kéo dài cả đời bởi vì ta đã chọn nhau..."*.

... Tình bạn tự nhiên nảy sinh, mình có chọn nhau đâu Hằng nhỉ? Mấy đêm liền mình đã hầu như thức đến gần sáng, nhắc nhở lại bao nhiêu chuyện xưa tích cũ và cứ câu nói nghe như muốn thuộc nằm lòng: "Mày còn nhớ không Hằng?"... Người bạn có gương mặt hiền từ phúc hậu, có tấm lòng bác ái, ưa giúp đỡ mọi người không ngại thiệt thòi đến bản thân mình, thích đi chùa niệm Phật, đến nhà thờ cầu nguyện, không phân biệt tôn giáo bởi vì tất cả đều là nơi an ủi cho tâm hồn.

*

Ở thế kỷ hiện đại thứ 21 bây giờ, phương tiện thông tin dễ dàng nên đôi bạn liên lạc thường xuyên với nhau hơn, không phải như ở thế kỷ trước, thập niên 80-90, thỉnh thoảng hỏi thăm nhau, nghe một vài câu trong điện thoại rồi khi cúp máy, ngần ngơ thắc mắc tự nhiên trong lòng có ý nghĩ: "Không biết bạn mình có phải là một bóng ma! Im lìm thật lâu cả năm vắng bóng rồi bỗng dưng nghe tiếng nói, không thấy được mặt người!". Ô hay! Vẫn thư từ vài ba trang giấy cơ mà! Ở trong thư thường hay tả oán: *"Có một dạo mày giận tao lâu lắm! Rồi mày giả vờ "cặp bồ" với Ngọc Hải để xem tao phản ứng ra sao! Lúc đó tao đang "mê mẩn" Trần Thị Cúc ở bên đệ từ 4 chuyển sang... Tại vì mày không biết đó mà thôi. Cúc hiền dịu, mộc mạc và lãng mạn, thường chép thơ cho tao, trong khi tao làm thơ không biết gửi cho ai, cứ hát nghêu ngao rồi đem vứt vào sọt rác..."*. Tuổi nhỏ ngây thơ hờn giận vu vơ nhưng với tuổi đời hẳn theo năm tháng, thấu hiểu tình đời để biết ai là bạn thân quý thì không thể nào giận hờn nhau được nữa. Có phải vì thế mà Lord Byron nói: *"Tình bạn là Tình yêu không có cánh!"*. Ngày trở lại Paris lần thứ hai, Hằng buồn bã báo tin:

- Tao bệnh nặng lắm, bác sĩ bảo tao chỉ chịu đựng được thêm vài năm nữa.

Tưởng rằng không quan trọng nhưng nếu một đời người chỉ ngần ngừ có ngần ấy thôi thì thật là bất hạnh. Tin như sét đánh, nghe mà bàng hoàng đến lặng cả người. Lần trở lại Paris đi đến các nơi danh lam thắng cảnh, thăm viếng các nhà thờ quên đi đời sống hiện tại, cùng với hai đảng phu quân, cả bọn vui cười hồn nhiên như những ngày tuổi trẻ. Hằng đưa cho bạn một

xấp ảnh do nhiếp ảnh gia Duy Hy chụp vào những dịp hè trước sân trường:

- Mày giữ lấy đi, tao sống không bao lâu nữa, giữ lại làm gì!

Những bức ảnh kỷ niệm Hằng đem theo khi vượt biên. Những bức ảnh, đôi khi các bạn gửi lên mạng và luân chuyển đi khắp năm châu bốn biển. Những bức ảnh, có nhiều đêm khuya khoắc mở trang mạng ra nhìn ngắm, chợt nhớ sao là nhớ Võ Thị Kim mang đôi bím tóc dài diễm tuyệt, Phan Thị Liên hiền hòa trên má lún hai đồng tiền thật sâu. Rồi lại mừng rỡ thàng thốt kêu lên khi gặp ảnh mới: "A! Đây là Trịnh Kim Nữ, đây là Nguyễn Chi Lan, đây là Trần Thị Nguyệt..."

Trường nữ trung học Lê Văn Duyệt là ngôi trường trẻ trung đơn sơ so với các trường Gia Long, Trưng Vương, nhưng nó đậm đà thấm thiết tình bằng hữu, cùng với sự dạy dỗ ân cần đầy tâm huyết, tràn ngập tình thương yêu của các thầy cô phần đông tuổi đời còn rất trẻ. Năm 1969, lớp đệ nhất ban A có Thầy Bửu Biền dạy Toán, Thầy Mai Xuân Kính dạy Vật Lý, Cô Nguyễn Thị Trâm dạy Lý Hóa, Cô Trần Thị Tiếp dạy Văn, Cô Hoàng Thị Thanh Hải dạy Việt Văn, Cô Tố Lan dạy Triết... Cô Tiếp đáng người nhỏ nhắn mảnh mai, khi đi dạy thường mặc áo dài trắng, nếu nhìn sau lưng có thể nhầm lẫn với các nữ sinh, tính cô vui vẻ hay tìm ra những mẹo nhỏ để dễ nhớ dễ thuộc các bài Văn Vật rắc rối của năm đệ nhất. Cô Thanh Hải giọng nói nhỏ nhẹ, dáng người cao gầy mảnh khảnh, những bài thơ mới cô giới thiệu được lũ học trò ưa thích bởi nó đang vừa phù hợp với tuổi thanh xuân nhiều mộng mơ, các bạn chép tặng cho nhau những câu thơ tuyệt vời của Hàn Mặc Tử, Hồ Dzếnh, Huy Cận, Xuân Diệu... Sau giờ Triết của cô Tố Lan, các

bạn lại nghiền ngẫm ghi chép các câu danh ngôn của các Triết gia: Pythagore, Socrate, Descartes, Voltaire... nhờ đó mà những bài Luận lý học, Tâm lý học, Đạo đức học không được tiếp nhận không mấy khó khăn. Hiệu trưởng nổi tiếng bà Nguyễn Ngọc Hương là bà Trần Hoàng Mai. Hẳn các bà hiệu trưởng cũng rất tự hào về trường Lê Văn Duyệt, nơi đã đào tạo nên những người mẹ, người chị, người phụ nữ Việt Nam có đầy đủ đức tính hiền hòa nhân ái, trong gia đình tận tụy hy sinh lo lắng cho chồng con, ngoài xã hội hăng say hoạt động hữu ích cho bao người. Đến khi ra trường, sống ly hương, các cựu nữ sinh vẫn luôn luôn kính mến nhớ ơn những người dìu dắt. Các bạn đặt ra từng niên khóa để nhận ra nhau: 61-68, 62-69, 63-70... Ở đó có rất nhiều những đôi bạn tri kỷ thuần khiết như Michelle-Hằng.

Hôm chia tay tiễn biệt ở phi trường Charles de Gaulle về lại Toronto, giọng Hằng như nghẹn lại:

- Tao gặp mày lần này là lần chót, chắc sẽ không gặp mày thêm lần nữa.

Không có gì đáng sợ cho bằng đời sống đang tươi đẹp, bỗng dưng "được" nhắc nhở phải chuẩn bị một chuyến đi xa. Trong tình bạn người ta có thể gặp nhau ở bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu nhưng một người bạn tốt thật sự theo nhau đến suốt cuộc đời bao giờ cũng khan hiếm khó tìm. Nghĩ tới một ngày nào đó khi nhắc máy điện thoại lên sẽ nhận được tin buồn, cô bạn Michelle muốn rung rung nước mắt nhưng vẫn cố bình tĩnh khuyên bạn vì nếu không cả hai sẽ ôm nhau khóc òa:

- Ngày nay khoa học tiên bộ, rồi bệnh sẽ khỏi, hãy nguyện cầu và nuôi hy vọng. Năm sau, hè tới, rồi mình sẽ gặp lại nhau lần nữa.



Từ trái sang phải : Ngọc Hải – Hoàn – Hằng – Cúc – Michelle, 1969 – NAG: Duy Hy

Tiến bạn đi rồi, trên đường về, chạnh nghĩ tới trường xưa bạn cũ, những người bạn ở lớp đệ thất 6 năm nào, nay là cựu nữ sinh LVD đã phân tán ra khắp chốn muôn phương. Không biết bây giờ các bạn ấy ra sao, kẻ còn người mất, lưu lạc tha phương hay ở lại quê nhà theo định mệnh, số phận của mỗi người trong cuộc đời.

Một lần nào đó khi về thăm lại quê nhà, đi ngang qua trường xưa, cô bạn Michelle ngỡ ngác đứng nhìn từ ngoài cổng vào trong sân trường, thấy có nhiều đổi thay mà không khỏi xót xa. Nơi đây, ngày ấy đã có một thời tung tăng áo trắng vui đùa cùng bạn bè.

*Là me rơi nát lòng ta,
Còn thương chi gốc phượng già, trường xưa.
Bạn bè vài đứa thân sơ,
Bốn phương lưu lạc bây giờ tìm đâu?
Bảng đen, phấn trắng, tường nâu,
Trường xưa, mái dột ghi câu i tờ.
Thời gian in lớp bụi mờ
Ngậm ngùi ta đứng đợi giờ chuông tan.
Lung linh chẻ sợi nắng vàng,
Khuyên ta dỗ giấc mộng tàn, ngày thơ.*

Rồi đây theo tháng năm nơi xứ lạ quê người, ở thành phố Paris rộng lớn, nghĩ tới một ngày sẽ bị thiếu vắng đi một người bạn, không còn ai để tâm sự hỏi han, không hiểu sao lòng chợt buồn ngẩn ngơ, cô bạn Michelle để rơi hai hàng nước mắt và ao ước nếu như có một phép màu cho đôi bạn cùng nhỏ bé lại như trẻ thơ, lúc đó bạn nhỏ Thu Hằng sẽ có thêm được ít nhất trên bốn mươi năm tuổi, sẽ không lo lắng gì đến bệnh tật oan nghiệt. Nhà văn Robert Southey nói: "Mất đi một người bạn cũng như mất đi một cánh tay. Thời gian có thể chữa lành nỗi đau, nhưng sự thiếu hụt không bao giờ được lấp đầy". Nhớ xưa mỗi lần đến nhà bạn chơi, ngôi nhà nằm sâu trong ngõ hẻm ở dưới chân cầu Kiệu trước khi đi về hướng Phú Nhuận, vừa chạy từ nhà sau ra nhà trước mở cửa, vừa dang rộng hai tay và miệng dè dặt như kẹo mạch nha Hằng kêu lên: "Mi...ch...elle"! Tiếng reo vui mừng rõ đó sẽ không có ai thay thế được và sự trống vắng thiếu hụt sau này sẽ không bao giờ được lấp đầy.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 10-05-2015)

CỎ THƠM VÀ TÔI

Phong Thu

Thân mến tặng Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và Văn Thi Hữu của Cỏ Thơm

Ngày 21 tháng 6 năm 2015, Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và Ban Biên Tập đã tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm Tạp chí Cỏ Thơm. Suốt 40 năm qua tại hải ngoại, đã có rất nhiều tạp chí văn học ra đời và một thời gian sau đã đóng cửa một cách âm thầm. Có thể nói chưa có một tạp chí văn học nào có thể tồn tại lâu và ngày càng mở rộng như Tạp chí Cỏ Thơm.

Tôi trở thành một thành viên của Tạp chí Cỏ Thơm cách đây chỉ vài năm sau chuyến đi dự buổi họp mặt Thu Tao Ngộ của Câu Lạc Bộ Văn Học Việt Nam tại Paris tháng 10, 2009. Tôi biết đến tên tuổi của Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung qua hai tập hồi ký khá nổi tiếng “Phượng Vãn Nở Giữa Trời Hà Nội” và “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương”. Hai tập hồi ký này như một quả bom đã gây ra nhiều dư luận trái chiều và tạo cho tên tuổi của bà nổi bật trên văn đàn. Người thương cũng nhiều và người ghét cũng không ít. Nhưng với tôi, tôi đánh giá tác phẩm không phải bằng cảm tính của yêu và ghét, của tình cảm cá nhân của những nhân vật có liên

quan mà tác giả nhắc đến mà bằng phương diện văn học và giá trị của tác phẩm mà người viết đã gởi cả tâm tư, máu và nước mắt để sáng tạo nên đứa con tinh thần của mình.

Thông qua hồi ký “Phượng Vãn Nở Giữa Trời Hà Nội”, Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã vẽ lên một bức tranh sống động về tuổi thơ vô tư, hồn nhiên, niềm hạnh phúc và những kỷ niệm sâu đậm, thân yêu của Bà trong gia đình. Hình ảnh Hà Nội của một thời vàng son 36 phố phường thanh lịch đã được tô đậm nét trong toàn bộ tập hồi ký. Một Hà Nội đầy biến động lịch sử đã quyết định số phận của dân tộc Việt Nam suốt 80 năm và đến nay vẫn chưa kết thúc. Cuộc đời của cô tiểu thư Nguyễn Thị Ngọc Dung đã rẽ sang một trang sách mới gắn liền với vận mệnh lịch sử và xã hội Việt Nam. Cộng sản Hà Nội đã tạo ra cuộc bể dâu, đau đớn khiến cho hàng triệu người



Bắc phải từ bỏ tất cả tài sản, quê nhà để di cư vào Nam. Cô gái tuổi ô mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung đã gạt nước mắt từ giã mái trường, bạn bè, và những thân quen của tuổi thơ để theo gia đình vào Nam. Những ấn tượng sâu đậm còn lưu lại trong tâm hồn thơ ngây trong sáng của tác giả là căn nhà nhiều kỷ niệm đầu yêu, mái trường thân quen, bạn bè cũ mới và những hàng phượng vĩ rực rỡ giữa trời Hà Nội.

Tập hồi ký thứ hai ra đời “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương” mới chính thức gây sóng gió tại hải ngoại. Tác giả tiếp tục vẽ lại bức tranh đời mình trong những tháng năm sống tại Sài Gòn. Đó là một thời thanh xuân, những cuộc tình lãng mạn, mơ mộng của tuổi mới lớn đã biết yêu. Cô tiểu thư chưa bước ra khỏi ngưỡng cửa gia đình, chưa một lần vấp ngã trên trường đời đầy gian truân mà đã đi lấy chồng khi tuổi còn rất trẻ. Làm sao cô có thể hiểu được rằng “yêu là bể khổ”. Và cô gái nhiều lãng mạn, mơ mộng luôn nghĩ bầu trời luôn xanh, cao rộng và tình yêu là một vườn hồng ngát hương thơm nhưng thực tế đã sụp đổ trước mắt sau khi lấy chồng. Có lẽ đây là thời kỳ đầy gian truân, đau khổ đầm đìa nước mắt của tác giả. Nó là bước ngoặt quan trọng khiến cho Bà dũng cảm, mạnh mẽ, trưởng thành và quyết định toàn bộ cuộc đời, số phận của mình sau này.

Người cầm bút nhất là người phê bình văn học phải công tâm, chân thành, không định kiến. Họ phải bỏ trái tim của mình một góc khuất nào để đánh giá tác phẩm. Nếu không, nhà phê bình sẽ trở thành một kẻ bồi bút, viết theo cảm tính và phe phái. Điều này sẽ bộc lộ tất cả sự yếu kém, trình độ và phương pháp đánh giá một tác phẩm văn học. Theo nhận định của tôi, văn học là sự

sáng tạo của tác giả dựa trên kiến thức, kinh nghiệm sống, quan điểm, nhân sinh quan của người đó đối với sự vật có liên quan đến thời gian, lịch sử và xã hội mà tác giả đang sinh sống. Đó là sự trải nghiệm, sàng lọc để tái hiện văn học. Văn học không có giới hạn trong cảm xúc và tư duy con người. Nó còn tồn tại trong tâm trí, trái tim rung động của tác giả đối với ngoại cảnh xung quanh. Nếu bạn là một người am hiểu văn học một cách đầy đủ, có kiến thức và có kinh nghiệm thì bạn sẽ đánh giá tác phẩm đúng với giá trị của nó. Điều này khiến tôi nhớ lại tập truyện “Một Cõi Đi Về” của Nhà văn Nguyễn Lân. Nhiều học trò của thầy đã phản đối tác phẩm. Nhưng họ chỉ đánh giá văn học theo cảm tính, theo ý kiến cá nhân hay đúng hơn là họ tự đặt mình vào vị trí của nhân vật, tự nhận mình là ai đó trong tác phẩm. Họ mặc cảm tội lỗi hoặc xấu hổ với hành vi của chính mình. Do đó, phản ứng của họ là phản ứng của kẻ phạm tội, cá nhân chủ nghĩa hơn là hiểu biết văn học một cách thấu đáo, đầy đủ. Một điều đáng lo ngại hơn là họ đọc một tác phẩm mà họ tưởng tác giả đang ám chỉ mình, ám chỉ một tập thể nào đó mà họ

“tôn thờ như Thượng Đế”. Điều này, cũng giống như cộng sản đang sợ những tác phẩm “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” (Phong Thu), “Thép Đen” (Đặng Chí Bình), “Đêm Giữa Ban Ngày” (Vũ Thư Hiên)... Khi ta đánh giá phiến diện một tác phẩm tức là ta không hiểu rõ giá trị nghệ thuật và chủ đích của tác giả. Điều này sẽ làm hạn chế sự sáng tạo, phủ định tài năng và chúng ta đã đi thụt lùi lại những giá trị nhân bản và quyền sáng tạo của người cầm bút. Ta có quyền đó chăng? Và ta là ai trong những nhân vật trong truyện? Tự ti mặc cảm sao?

Tôi đã đọc hai tác phẩm của Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và sàng lọc, tìm hiểu tại sao Bà bị phê phán gay gắt khi viết lên sự thật cuộc đời mình. Mà sự thật đó là sự cọ sát với thực tế. Trong lúc, con người rất sợ sự thật. Họ không dám đối diện với sự thật. Nhiều người còn cho rằng những nhân vật có “lon lá, tiếng tăm” thì cần phải tô vẽ trở thành những con người tài hoa, toàn vẹn không có dấu tích của sai phạm, hư đốn, hèn nhát...v...v...giống hệt ông Hồ Chí Minh. Nhưng sự thật, con người không bao giờ hoàn hảo. Những ngược điểm tồn tại trong mỗi người chính là bản thể được cấu thành mà trời đất đã tạo nên. Bản thân tôi cũng là con người với đầy đủ “tham, sân si, hỉ, nộ, ái, ố...”. Cái gì tôi cũng có ít hay nhiều, tốt và xấu lẫn lộn. Tôi phải chấp nhận cho người đời khen chê, yêu ghét... Bởi Chúa còn bị treo lên trên cây thánh giá đến chết. Phật còn bị ném đá thì tôi là cái thá gì?

Trong hồi ký “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương”, tác giả kể lại cuộc đời làm vợ làm mẹ đầy cay đắng và đầy nỗi buồn. Người tình một thuở hẹn hò, yêu thương, chôn gói mặn nồng đã vĩnh viễn chia tay. Người chồng thứ hai xuất hiện bên cạnh bà là một nhà Ngoại Giao Hoa Kỳ, lịch lãm, rộng lượng và yêu thương bà sâu đậm. Bà theo chồng đến Hoa Kỳ và mang theo bốn người con rời bỏ cuộc sống đầy muộn phiền, đầy bom đạn chiến tranh tại Việt Nam. Mối tình của bà và Ông R.S. là một trang tình sử mà tôi hy vọng một ngày không xa, bà có thời gian viết tiếp một tập hồi ký thứ ba nói về Ông.

Tác phẩm “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương” gây sóng gió, thị phi nhiều nhất. Tác giả bị phê phán gay gắt vì “tài kể

chuyện khá chân thật” về người chồng đầu tiên của mình là Nhà văn Văn Quang, một nhà văn tiếng tăm lừng lẫy, một cây bút hàng đầu tại Sài Gòn trước năm 1975. Và có thể nói rằng ông là một nhà văn mà tôi kính nể. Bởi vì, khi những người cầm bút trước 1975, nếu còn sống tại Việt Nam, họ đã biến mất hoặc bị đồng hoá với chế độ. Họ hoàn toàn im hơi lặng tiếng hoặc sợ hãi trốn tránh hiện thực. Riêng Nhà văn Văn Quang vẫn viết, tiếp tục viết... Ngòi bút của ông đầy hiện thực phê phán, phân tích, tổng hợp sự kiện đã cung cấp một bức tranh hỗn tạp, bức bối, thối nát, mục rữa của chế độ cộng sản. Ông vẫn còn sống trong nước, nhưng lòng can đảm và giá trị của một người cầm bút từ trong lòng chế độ bạo quyền vẫn toát lên hình ảnh của một quân nhân, một người lính, một công dân có trách nhiệm đối với sự sụp đổ của chính thể miền Nam Việt Nam. Ông vẫn gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh để phê phán những tệ nạn xấu xa, bạo ngược đang diễn ra tại Việt Nam dưới chế độ cộng sản.

Từ những gì ông biểu hiện qua các bài viết, cũng như tác phẩm, tôi nhìn Văn Quang ở một góc độ khác. Hình ảnh một Văn Quang qua tác phẩm “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương” trở nên khá thú vị. Ông có một sức hút đặc biệt khiến cho nhiều phụ nữ phải yêu ông say mê dù biết ông đã có vợ, có con. Họ càng si mê ông hơn khi ông đã vượt trội hơn hẳn những người đàn ông khác trong giai đoạn đó. Chiến tranh đã cướp đi bao sinh mạng và những chàng trai hào hùng, tài hoa, ưu tú của miền Nam Việt Nam. Do đó, những người đàn ông tài năng và có địa vị xã hội như Văn Quang thì “ong bướm đi về” làm sao tránh khỏi.

Với một trái tim nhạy cảm của một người con gái sống chưa bao giờ nếm trải cuộc đời, tình yêu của Nguyễn Thị Ngọc Dung chỉ nằm trong những trang sách học trò. Cho nên, nỗi đau khổ bị phản bội sẽ lớn hơn sức chịu đựng của một người từng trải và vết thương đó sẽ dai dẳng suốt cả cuộc đời.

Đó chính là lý do tác giả đã nhỏ lệ trên từng trang sách để viết cuốn hồi ký đầy nước mắt “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương”. Và cuối cùng cũng bởi trong tim Bà vẫn còn để dành một góc nào đó mang theo hình bóng của Văn Quang.

Nếu nói rằng con người quen nhau hay trở thành bạn lâu dài hay chỉ trong một giai đoạn nhất định đều có nhân duyên. Tôi đến với tạp chí Cỏ Thơm và quen biết Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đó là một nhân duyên. Tôi không đến với Cỏ Thơm do tình cờ hay quảng cáo, giới thiệu, hay do tiếng tăm của bà. Tôi đến với ai cũng thường bắt

nguồn từ sự cảm mến, quý trọng. Và tình cảm, tình bạn có bền vững hay không còn tùy thuộc vào hai phía “cho và nhận”. Cuộc đời sông phẳng như vậy “sự cho đi và nhận lại” cũng là nhân quả.

Tôi trở thành một thành viên của Cỏ Thơm từ năm 2009. Câu chuyện bắt đầu khi Nhà thơ Dư Thị Diễm Buồn mời tôi viết chung một tác phẩm “Món Ăn Theo Bước Chân Di Tàn”. Quyền sách này được giới thiệu bên Paris và nhóm chúng tôi đã được nhóm Câu Lạc Bộ Văn Học Paris mời sang tham dự. Trong chuyến đi này tôi đã quen với Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Khi tiếp xúc với bà, tôi mới nhận ra sự dễ mến, gần gũi, cởi mở và nét quý phái của bà.

Vì đi cùng chuyên bay và lại được ngồi chung một phòng, tôi có dịp nghe bà tâm sự. Bà đã kể cho tôi nghe nhiều hơn về thành phố Hà Nội, Sài Gòn, về những kỷ niệm thân yêu mà bà luôn trân trọng cất giữ



trong tim.

Cũng trong thời gian đi Paris, tôi gặp Nhà báo Lê Nguyên, Chủ Biên trang mạng Phù Sa, Nhà văn Nguyễn Thùy, một người yêu văn học, uyên bác, vui tính. Tôi cũng gặp lại Nhà thơ Đỗ Bình và phu nhân, Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và phu nhân, Nhạc sĩ Lê Trạch Lưu, Nhà văn Mây Thu và Biên Khảo Gia Mỹ Phước Nguyễn Thanh, nhà văn Hồ Trường An. Những tác giả phương xa cùng viết chung tác phẩm “Món Ăn Theo Bước Chân Di Tàn” như Vũ Nam (Đức), Tiểu Thu (Canada), Duy An Đông, Ngọc An, Mặc Giao (Califorina). Tháp tùng đoàn còn có Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm (Đức)... Tất cả đã viết cho Cỏ Thom và trở thành hội viên của Cỏ Thom sau chuyến đi Paris.



Thời gian trôi đi, tôi quá bận rộn với cuộc sống mưu sinh. Tôi không còn cơ hội trở lại Paris gặp lại quý văn thi hữu. Tháng 3 năm 2015, tôi hay tin Nhạc sĩ Lê Trạch Lưu qua đời. Những dòng tin buồn khiến tôi có cảm giác hụt hẫng và mất mát khi vắng bóng một tài hoa Paris. Tôi nhớ cái dáng cao lớn, nụ cười trẻ thơ của Ông và mối tình si ông dành cho người con gái trong bài hát “Em Tôi”.

Khi từ Paris trở về Washington D.C, tôi đã gia nhập Tạp chí Cỏ Thom. Tôi bắt đầu sinh hoạt với quý anh chị văn thi hữu. Tôi nhận ra những khuôn mặt trí thức, yêu mến văn học, tận tụy và gắn bó nhau trong sự tôn trọng. Trong khi những tạp chí văn học hải ngoại ngày càng tàn lụi, thì Cỏ Thom đã bước đi những bước chân mới mở rộng nhiều quốc gia “Canada, Pháp, Đức, Úc...”. Sinh hoạt của Cỏ Thom vẫn đều đặn ba tháng một kỳ. Mọi thành viên đều tụ họp ăn uống, vui chơi, giải trí, ca hát, ngâm thơ, tâm tình. Chủ trương tương trợ, mở rộng, mời những người cầm bút trẻ, khuyến khích tài năng để họ có cơ hội học hỏi, trao đổi, rèn luyện cũng là một điểm son của Tạp chí Cỏ Thom. Tôi nhận thấy Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung luôn trân trọng những người có tài. Bạn đến với Cỏ Thom, bạn sẽ không cảm thấy lẻ loi, cô độc, chiếu trên, chiếu dưới... không có sự tranh chấp quyền hành... mà sẽ tìm được sự hoà đồng, cảm thông, chia sẻ để truyền bá văn học Việt Nam. Đó mới chính là mục đích của người cầm bút.

Tôi không biết được toàn bộ lịch sử sự ra đời của Cỏ Thom, nhưng tôi hiểu rằng những người mở đầu cho bình minh của Cỏ Thom cũng rất yêu mến văn học. Họ cũng hy sinh ít nhiều cho tạp chí ra đời. Và những văn nghệ sĩ còn gắn bó với Cỏ Thom cho đến hiện nay là những người có uy tín, tên tuổi và tài năng của họ đã được khẳng định rõ nét qua tác phẩm và dư luận bạn đọc. Tôi không nhắc tên các văn thi hữu đáng kính ở đây mà chỉ mời bạn đọc tìm hiểu trong các Tạp chí Cỏ Thom đã xuất bản hai mươi năm qua. Hãy đọc những sáng tác của họ và hãy tự đánh giá từng người một. Họ là những tinh hoa Việt Nam còn sót lại sau cuộc chiến tàn khốc tại Việt

Nam. Và con thuyền định mệnh cũng như số phận của họ đã gắn liền với văn học. Chính nơi này là một trang sử cá nhân để họ ghi lại cuộc đời, những cảm xúc và tâm tư tình cảm của mình.

Chào Cỏ Thơm tròn HAI MƯƠI TUỔI. Lứa tuổi đôi mươi như một cô gái xuân thì đầy sức sống và đầy hoài bão. Hãy bước đi những bước chân tự do và đầy niềm tin. Tôi mong một ngày không xa Cỏ Thơm sẽ có mặt tại Việt Nam.

Tháng 5 năm 2015

Phong Thu

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Phong Thu sinh ngày 16 tháng 6 năm 1961 tại Bình Dương, Việt Nam.

Cựu học sinh trường Quốc Gia Nghĩa Từ, Gia Định, Sài Gòn. Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn với hai bộ môn Kỹ Thuật Văn và Tâm Lý Giáo Dục. Tốt nghiệp Tâm Lý Học-Montgomery Collge.

Bắt đầu viết từ năm 1980, hiện đang cộng tác với nhiều báo chí và các tạp chí văn học như Cỏ Thơm, Cội Nguồn, Văn Chương Việt, Văn Tuyển, Website Phù Sa, Văn Nghệ Tiền Phong, Đàn Chim Việt.

Những tác phẩm đã in:

- Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi/The Rain Still Falls In Saigon (Tập truyện ngắn song ngữ do nhà xuất bản Xlibris ấn hành năm 2011)

- Đóa Phù Dung (Tập truyện ngắn in tại Hoa Kỳ năm 2005)



_Cô Bé Bên Giàn Hoa Giấy Đỏ (Tập truyện ngắn in tại Hoa Kỳ năm 2002)

- Mùa Xuân Không Bao Giờ Quên (Truyện ngắn – viết với nhiều tác giả)

- Chuyện Một Người (Truyện ngắn in chung với nhiều tác giả)

- Một Chuyến Đi (Ký in trong tập Dân Ca Sông Bé trong quá trình nghiên cứu sưu tầm Dân Ca Việt Nam).

- Tập truyện thiếu nhi: Gấu Bông Giúp Bạn. Do nhà xuất bản Tổng Hợp Bình Dương xuất bản năm 1990.

- Truyện kể “Vị Sao Hoa Phượng Đỏ”, trích trong tập truyện thiếu nhi “Gấu Bông Giúp Bạn” đã được xưởng phim Tổng Hợp Sài Gòn chọn dựng phim truyện cho thiếu nhi năm 1991.

MÙA HÈ SAU LƯNG

Trần Thị Hương Cau

Xe lửa chậm chậm chuyển bánh ra khỏi sân ga đưa Danh đi hội nghị chuyên ngành. Trời mới chớm thu, chưa sáu giờ mà hoàng hôn đã từ từ buông, làm ánh đèn từ các cửa tiệm hắt ra càng thêm mời gọi. Lạnh, Ly chui vào Starbucks. Uống trà có thể ngồi một mình độc ẩm nhưng hương vị của cà phê sẽ được nồng hơn khi cùng uống với bạn bè. Ly gọi vào máy của Thanh ba lần, lần nào cũng chỉ nghe tin nhắn, Ly đành quay ra khung cửa nhìn mọi người sau giờ làm việc đang hối hả về nhà. Về nhà rồi cũng một bóng. Tối nay và sáu buổi tối nữa Danh sẽ vắng nhà. Một tình cảm lẫn lộn chập chã trong lòng Ly, tro troi quạnh hiu xen lẫn thông dong nhẹ nhõm.

Những năm đầu tiên mới lấy nhau, chồng đâu vợ đó. Bây giờ tình cảm dao động đến khắc nghiệt, có khi cần thiết ghê gớm một hơi hướm quen thuộc, nhưng cũng có khi muốn bút xiềng ra khỏi ràng buộc vậy khôn. Mỗi ngày đi làm về, Ly thường chuẩn bị một món gì thật giản tiện nhưng lạ miệng, trải khăn bàn dao nĩa thấp nền lung linh, nhưng cuộc chuyện trò giữa hai vợ chồng phải hết sức tinh tế. Gần như ngọt ngào trong chừng mực lịch sự, dịu dàng với tất cả ân cần, tránh xa hết các đề tài nhạy cảm, vì càng ngày họ càng thấy ra những dị biệt ở nhau đậm nét hơn. Sự thẳng thắn bày tỏ ý kiến cá nhân ở đâu được khuyến khích chứ ở trong nhà này không khác gì cái môi lửa.

Khi còn trẻ, tình yêu đánh lừa người này sẽ uốn nắn được người kia theo ý mình,

nhưng sau mấy chục năm chung sống, cả hai đều biết mình đã lầm lẫn tệ hại. Vui buồn, hưng phấn, chán chường trước từng việc dù thật còn con hay trọng đại của người này đối với người kia là cả một tấn số diệu vợi. Có lần Ly đọc trong sách một câu rất tâm đắc: *Hôn nhân là chia xẻ với nhau mọi ưu lo, những thứ ưu lo mà trước hôn nhân chưa bao giờ ta gặp phải!* Thời gian cứ vùn vụt đi qua, nếu không có đứa con gạch nối, chắc họ đã đầu hàng sau mọi nỗ lực trong việc đi tìm mẫu số chung. Sống bây giờ chỉ là thỏa hiệp. Thỏa hiệp trên bàn ăn lẫn trên giường.

Ly thâm thía hai chữ duyên nợ. Người ngoài nhìn vào ai cũng gật gù phê chuẩn, đó là một gia đình mẫu mực: Hai vợ chồng đều có học, đứng đắn và con ngoan. Tất cả mọi dữ kiện đều chính xác nhưng có ai biết, có khi cả ngày, cả tuần, không ai thổ lộ với ai một điều nào đang bứt bối trong tim.

May mắn là Ly còn có bạn tri kỷ, Danh thì không. Bạn bè anh toàn là đồng nghiệp cùng hăng, giao du giới hạn trong lĩnh vực chuyên môn. Thế là đủ, anh thấy không có nhu cầu mở rộng các mối quan hệ chung quanh vì theo anh chỉ thêm rườm rà, vướng víu thời gian lẫn đầu óc. Đàn bà lại cần có đối tượng để giải bày, để chia xẻ dù cho họ có một ông chồng lý tưởng kè kè cặp nách đi nữa cũng không đủ. Có thể vì cấu trúc tâm sinh lý từ thưở hồng hoang, những người đàn ông cung nỏ sẵn bắn và những người phụ nữ bày đàn lượm hái. Sẵn mỗi

thì phải im lặng rình rập chứ trồng tía, lượm hái, sinh con thì tha hồ trò chuyện. Nữ giới có thể mạnh trong việc sử dụng ngôn ngữ, trong khi nam giới lại thành công trong mảng kỹ thuật. Hiểu một người phụ nữ tận tường nhất là một người bạn gái chứ không phải là ông chồng. Phân biệt bạn gái xấu tốt không khó lắm. Bạn gái tốt là người hay nói thẳng trước mặt mình, đôi khi lời nói đó làm mình đau lòng, nhưng sau lưng lại bảo vệ mình rất mực, còn bạn xấu thì ngược lại. Loại người thứ nhất không phải dễ tìm, nên khi có một người bạn tri kỷ coi như trúng số độc đắc. Ly lại mở phôn ra nhắn vào máy Thanh lần nữa nhưng cô ả còn phiêu bạt nơi nao. Danh hay dè bùi: *Không biết chuyện đâu mà nói cả giờ không hết, với lại chọn ai không chọn, đi chọn cái bà Thanh ba đời chồng mà chơi, gần mực thì đen thời khôn!* Số lần li dị chưa phải là một chuẩn mực để đánh giá về phẩm chất một người nếu chưa nắm rõ toàn cảnh. Chồng đầu tiên của Thanh vượt biên sang đến Mỹ rồi quay ra phụ rẫy vợ; chồng thứ hai qua đời vì viêm gan do hút xách nhưng Thanh vẫn sẵn sóc anh ta tận tình đến giây phút cuối cùng; và người chồng thứ ba mà Thanh mới bảo lãnh qua còn chân ướt chân ráo, anh ta vội vàng *thành khẩn khai báo* là anh phải giả li dị vợ và hai con nhỏ ở dưới quê để được cùng Thanh ra nước ngoài. Hai năm miệt mài thư từ qua mạng, ba lần về Việt Nam gặp gỡ thì làm sao mà đo được mưu toan thâm thẳm trong đầu người ta. Thanh đau đớn đến suy sụp tím tái, dạo đó Ly phải đưa vai ra làm cái khăn thấm nước mắt cho bạn.

Chơi lâu với Thanh, Ly càng khâm phục cái tâm từ của bạn. Khi dòng lệ đã khô, Thanh bình tâm quyết định:

-Anh yêu vợ con lắm phải không, vậy thì bốn năm nữa tôi sẽ li dị để anh bảo lãnh gia đình qua, đời tôi đã bị mất chồng nên thù nhất là kẻ đi giành giật hạnh phúc của người khác.

Ly vừa phục vừa thương bạn, Thanh buồn rầu:

- Cái gì của mình thì bao giờ cũng là của mình, còn không phải của mình, giữ mấy rồi cũng vượt đi. Nguyễn Du có viết: *Bắt phong trần phải phong trần/ Cho thanh cao mới được phần thanh cao*. Biết đến bao giờ mình mới tìm ra được hạnh phúc đây hả Ly?

Hạnh phúc có vô số cung bậc, Ly đã có cái Thanh đi tìm, đã được sống những năm tháng lứa đôi rất hạnh phúc, nhưng dần dà tình yêu rơi rớt dọc đường, lại bị bồi thêm cái tật về già càng ngày càng khắc khẫu, tính nết càng khó chịu khắc khe, lúc nào cũng muốn kiểm soát áp đặt, không biết đoạn cuối cuộc tình đi về đâu. Nỗ lực kiêu gì cũng như húc đầu vô tường, mà vỡ đầu sứt trán thì phải rút kinh nghiệm, nên bây giờ tình khẫu là thượng sách! Socrates có nói: *Gặp vợ hiền-Bạn hạnh phúc / Gặp vợ dữ-Bạn trở thành hiền triết!* Ly biết còn lâu mình mới trở thành hiền triết, cứ thấy ngày tháng vô vị qua mau, gộp đủ thành một đám cưới bạc, bạn bè gia đình đến chúc tụng đầy nhà, nhưng cái cười của đôi vợ chồng thì sượng sùng như đi vay mượn.

Chừng mười năm trước, có người mách cho Thanh một ông thầy tướng số, Thanh rủ Ly đi cùng. Ông thầy uống rượu thay nước nhưng tinh táo hơn tất cả những người chưa từng đựng vào một giọt rượu. Ông xem chỉ tay kết hợp với lá số tử vi, nói chuyện quá khứ như nhìn vào trang sách, trúng từng chi tiết bất rợn người. Có lẽ là vì ông không coi trọng tiền bạc, ai muốn đặt bao nhiêu tùy hỷ công đức, nên chân tâm trong suốt của ông

được tổ đãi. Tiếng lành đồn xa. 100% người đến nhò xem là phái nữ, dịu dàng mềm mại nhưng là thứ lạt mềm muốn buộc chặt, muốn biết chân dung của đấng phu quân tương lai để dễ bề khống chế. Ly đặt lễ một chai Johnnie Walker, coi như nạp điện để máu vận hành tối đa lên trung khu thần kinh. Thầy phán như thần phán: *Chồng Thủy vợ Mộc, xét về nguyên thể ngũ hành Thủy dưỡng Mộc thì phu thê sẽ thịnh vượng, lâu bền. Chồng là người có kiến văn, thông minh duệ trí, có chức có phận, bảo đảm cuộc sống vật chất dồi dào, nhưng số người nữ này lại bị triệt ở cung phu, cộng thêm Liêm Trinh, Tiểu hao xung chiếu, khiến hươu lửa phi nguyên nhưng đầy rẫy những trở trêu, ngang trái.* (Nghe nói ông thầy giờ đây gát kiếm, lập am ở ẩn vì đã lậu ra quá nhiều thiên cơ, không biết điểm dừng ắt có ngày sẽ bị Diêm vương chọn làm Thừa tướng!) Nghiệm lại lời nào cũng vi diệu, cao xanh đã an bày, con người chỉ còn cách uyển chuyển thích nghi với nghịch cảnh, may ra mới tìm được an lạc.

Hôm trước đi xe lửa, ngòi đối diện là một cặp vợ chồng người Đức đã đứng tuổi, gương mặt cả hai hồng hào như táo chín, ăn mặc truyền thống đúng kiểu Lễ hội bia tháng 10 (Oktoberfest) của thành phố München vùng Bayern, miền nam nước Đức. Ông chồng rất khỏe nói và bà vợ rất khỏe nghe. Tai nghe nhưng hai tay bà vẫn thoăn thoắt nắm cái kim đan vòng quanh một đôi vớ sơ sinh bé tí. Câu chuyện toàn xoay quanh một cặp



cháu sinh đôi mà họ sắp đến thăm, hai đứa bé sẽ giống cha hay mẹ; bà mẹ trẻ này có đủ sữa cho hai đứa hay phải bú dặm thêm sữa bò; *mình à, mình chịu khó ở lại giúp con gái vài ba tuần, tôi còn về lo thu hoạch...* Xen lẫn vào những lúc ông ngừng nói, bà lại đút cho ông một cái kẹo, một múi quýt, hậu hỹ tặng thêm một cái vuốt má nồng nàn. Ly cúi đầu đọc sách nhưng không bỏ sót một cử chỉ nào. Hạnh phúc rõ rõ đến nao lòng.

Ly đứng lên rời quán. Gió bên ngoài phàn phật làm Ly phải dựng cao cổ áo khoác. Mười, hai mươi năm nữa mình và Danh có lẽ cũng còn đi chung một chuyến tàu, cả hai sẽ già, sẽ lợm khòm, nếu người này cần dựa dẫm-người kia sẽ sẵn lòng đưa tay, nhưng chắc chắn không bao giờ có những cái vuốt má êm ái như thế...

Ly lầm lũi về nhà, mùa hè nồng ấm đã rút lại sau lưng.

Trần thị Hương Cau

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Tên thật Trần thị Vân Loan, sinh tại Sài Gòn nhưng đặc sệt chất Huế. Sang Đức năm 1984. Đời mê nhứt là viết văn và hội họa. Dù viết hay vẽ, luôn nghiêm túc học hỏi và lắng nghe. Thích cách viết hướng nội, lột tả được mọi cung bậc của cảm xúc đời thực. Nghệ thuật cũng như một khung cửa rộng mở, giúp cho những đam mê được chấp cánh thăng hoa trong cuộc đời mưa nắng. Ấy

gặp ghenh này...

RỒI CŨNG BỊ LÃNG QUÊN

Hồng Thủy

Thật ra thì tôi đã bước vào tuổi già lâu rồi, nhưng mà nó có nhiều cái ‘thì, là, mà, tại...’ quá nên cứ tưởng mình chưa thật là già. Tôi vẫn lao động vinh quang, lo công việc nhà cửa, cơm nước. Mỗi lần lau sàn nhà tôi vẫn thích làm theo lối cổ điển ở Việt nam là ngồi chồm hổm, chống hông lên lau bá thổ cho sàn nhà sạch bóng mới thôi. Ông chồng tôi đã mua mấy cái cây chùi nhà, chỉ việc đứng đồng lưng quơ quơ thôi mà tôi không chịu xài, vì thấy chùi nhà kiểu đó không sạch bằng kiểu chống hông của tôi. Tôi lại mê hoa và thích ăn rau ‘organic’ nhà trồng, nên lại khoái làm vườn nữa. Ông chồng tôi rất rành rĩ là cái deck sau nhà thật rộng của tôi, thay vì chỉ để bắc ghế ngồi chơi hóng mát, hoặc thỉnh thoảng trời đẹp cook out thôi, thì tôi lại dùng làm vườn, trồng hằm bà lằng đủ thứ hoa và rau, khiến mỗi lần bước ra deck, chồng tôi cứ hoa mắt lên vì xung quanh toàn chậu là chậu. Chậu lớn, chậu bé, chậu cũ, chậu mới đủ cỡ. Lý do tôi phải trồng hoa và rau trên ‘deck’ là vì nếu tôi trồng ở vườn trước hay sau nhà là mấy con nai hư đốn tối tối mò ra ăn sạch bách của tôi.

Tuy nhiên tôi cũng biết điệu, chừa khoảng trống lớn cho chồng tôi kê cái bàn nhỏ và cái ghế để ngồi ăn sáng, bên cạnh có cái xích đu để buổi chiều thỉnh thoảng ông ngồi đu đưa, nghe mấy con chim hót riu rít, hoặc ngắm mấy chú nai đi lặc vào vườn nhà tôi. Tuy ông hay than phiền tôi

làm cái ‘deck’ của ông mất thẩm mỹ vì những chậu cây chiếm hết chỗ vòng quanh cái ‘deck’, có nơi các chậu lại còn xếp hàng hai, hàng ba lấn thêm ra nữa. Nhưng mỗi sáng, trời đẹp ngồi uống cà phê ngoài ‘deck’, tôi lại thấy ông say sưa ngắm những cánh hoa ‘pensee’ màu vàng màu tím và những chậu hoa bắt từ đủ màu lung linh trong gió, rồi ông gật gù tấm tắc “Nhìn những bông hoa của em và ngắm những cây thông ngoài kia, anh có cảm tưởng như mình đang ở Đà Lạt”. Chỉ câu nói đó thôi, cũng đủ làm cho tôi ‘hình mũi’ vì mộng ước của tôi đã thực hiện được. Tôi đã cố tình tạo một góc trời quê hương, để đôi khi vợ chồng tôi được có cảm giác như mình vẫn còn đang ở quê nhà.

Những bữa cơm chiều, ngồi ăn với bát canh mồng tơi mới hái ngoài ‘deck’ vào, ngon ngọt thơm mát và những đĩa sà lách trộn rau thơm, dưa leo cùng của vườn nhà, ông chồng tôi đã hít hà thích thú vô cùng. Chắc ông quên mất là có lúc ông đã cần nhân tôi trồng hoa và rau nhiều quá làm xấu cái deck của ông đi.

Tôi cứ lao động vinh quang như vậy, cộng thêm ngày ngày vào ‘nursing home’ lo cho mẹ già. Chưa kể có được chút thì giờ nào rảnh thì lại lái xe như bay qua Virginia để lo việc ‘vác ngà voi’, hoặc ‘hú hí’ với các bạn Trưng Vương của tôi.

Cuộc sống bận rộn, lãng xãng, lười xười như con lười quăng, không lúc nào ngừng nghỉ, khiến vài người bạn gọi đùa tôi là khủng long, hoặc chọc tôi ‘hồi mới đẻ ra được mẹ nuôi bằng sữa voi phải không?’

NGÀY MƯA NHỚ NHÀ

Những ngày mưa đem về nỗi nhớ
Chạnh lòng ta thầm gọi quê hương
Ta ra đi thành người xa xứ
Bạn bè xưa nay ở nơi đâu
Ta ra đi già từ quá khứ
Đổi cuộc đời theo cánh chim bay
Ta mang theo nỗi niềm khao khát
Một bầu trời kỷ niệm ước mơ
Ta cất đi những ngày tháng cũ
Áo trắng học trò thôi hết mang
Bao nhiêu năm ta vẫn trông chờ
Ngày tự do quê hương chào đón
Mưa còn rơi ta còn mong đợi
Ngày hân hoan hết cảnh sầu thương
Ta về lau nước mắt phân ly
Mừng non nước thoát thời bão tố

DIỆM TRÂN

Tháng 5 năm 2015

Ý nói, tôi khỏe như khủng long và như voi với cái tuổi ngoài bảy bó của mình. Ông chồng tôi thì rất rầu rĩ bực bội vì thấy tôi làm nhiều, mà không biết giữ gìn sức khỏe. Ăn ít, và luôn luôn bỏ ăn sáng. Tối thì thức rất khuya tới hai ba giờ sáng, bao giờ tôi cũng chỉ ngủ tới đa bốn năm tiếng là cùng. Ông vẫn khuyến cáo tôi "đừng tưởng em trẻ hơn anh nhiều rồi phí sức. Coi chừng anh phải đẩy xe lăn cho em đó." Mặc chồng cần nhằn cười nhử, tôi vẫn cứ đường ta ta cứ đi, thói nào tật nấy. Làm việc như trâu, ăn uống như mèo, và thức đêm như ma 'hình như ma không ngủ ban đêm, phải không quý vị?'

Nhưng nhờ ơn Thượng Đế, tôi vẫn khỏe mạnh, vẫn ngây thơ vô số tội nghĩ là mình chưa đến nỗi già lắm, và rất vui về yêu đời với ý nghĩ đó.

Nhưng than ôi, tết vừa qua, cầm tờ báo xuân hí hờn mở ra đọc. Tôi có tật hay tin tưởng số nên tìm mục tử vi coi trước tiên. Tìm mãi chả thấy tuổi Tân Tỵ của mình đâu cả. Tôi dò tới dò lui, rồi kêu lên ngạc nhiên "lạ nhỉ, tại sao lại không có cái tuổi của mình, hay là tờ báo này in thiếu." Tôi tìm đọc vài tờ báo xuân khác, mục tử vi cũng y chang như vậy. Lấy kính hiển vi soi, cũng không tìm ra được cái tuổi của tôi. Tôi ngồi ngẩn người ra suy nghĩ, mấy phút sau mới tìm ra chân lý, các ông thầy tử vi đã cho cái tuổi của chúng tôi vào sọt rác rồi. Chắc họ nghĩ tới tuổi này là quá già rồi, sống được đến giờ là mừng húm, còn bày đặt muốn biết hên xui làm gì nữa. Họ quên mất ở xứ Mỹ ngoài 70 là còn trẻ, các thầy tử vi nên bấm số tới tuổi 80. Cho dù có già đi nữa, phần lớn càng già người ta càng lo lắng vấn đề bệnh tật, sống chết, hên xui, và càng muốn biết những gì xảy ra trong tương lai, để mà phòng ngừa hoặc chuẩn bị.

Cái sự kiện mấy ông thầy tử vi rủ nhau cho cái tuổi của chúng tôi về vườn, khiến tôi bật cười tự chế riếu mình, "thấy chưa, cứ tưởng chưa già lắm. Người ta nhắc khéo cho biết tuổi này là già lắm rồi đó, còn được bao ngày mà tương với số..."

Cám ơn mấy ông thầy tử vi của các tờ báo xuân đã cho tôi thấy cái thực tế phũ phàng.

Một ngày nào đó, buông xuôi tay xuống, đời cũng sẽ quên lãng chúng tôi như những trang tử vi trong những tờ báo Tết.

HỒNG THỦY

TÌNH CỔ HƯƠNG

Và Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Đông

Trong số những tình khúc của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông sáng tác trước 1975, người yêu nhạc không thể nào quên những tuyệt tác của Ông thời trẻ như: "Về Mái Nhà Xưa" (*Về đây ngơ ngác chim bay tìm đàn. Về đây hoang vắng, lạnh buốt cung đàn ...*), "Hải Ngoại Thương Ca" (*Một mùa thương kết muôn hoa lòng. Người về đây nói câu tâm lòng...*), hay "Nhớ Một Chiều Xuân" (*Chiều nay thấy hoa cười chợt nhớ một người. Chạnh lòng tôi khơi bao niềm nhớ ...*). Đặc biệt với bộ ba ca khúc "Chiều Mưa Biên Giới", "Mấy Dặm Sơn Khê", và "Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp" đã ghi lại kỷ niệm một thời chinh chiến khó thể nào quên. Ông còn được biết đến là soạn giả và đạo diễn tài năng, dàn dựng trên 50 vở tuồng cải lương nổi tiếng ở miền Nam. Nguyễn Văn Đông cũng là người tiên phong nghiên cứu và sáng tạo ra hình thức "Tân Cổ Giao Duyên", ra đời ở đầu thập niên 1960.

Sau 1975, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông trải qua 10 năm tù cải tạo, ông bị suy sụp từ tinh thần đến thể chất, tưởng khó vượt qua bạo bệnh. Dù sống trong hoàn cảnh khốn đốn khó khăn ở quê nhà, ông vẫn lặng lẽ sáng tác một số ca khúc như: "Trái Tim Việt Nam", "Núi Và Gió", "Nguyện Cầu Trên Bến Ngàn Năm", "Trường Sa, Lương Tri Thế Giới" ... Những tác phẩm "mới" này ít người biết đến vì tác giả không có điều kiện phổ biến rộng rãi, trong số đó có bản "Tình Cổ Hương", với giai điệu nhẹ nhàng cùng lời ca tình cảm dạt dào

như những tình khúc thuở thanh xuân của ông, chất chứa nỗi niềm nhớ nhung quê hương của người viễn xứ mỗi độ Xuân về.

Ca khúc này được tác giả đặc biệt cho trình làng vào dịp Tết Ất Mùi 2015 trên website Cỏ Thom, qua tiếng hát của Tâm Hào:

<http://cothommagazine.com/nhac1/NguyenVanDong/TinhCoHuong-NguyenVanDong-TamHao.mp3>

Tiểu sử của Nguyễn Văn Đông

I. Đời quân ngũ

Nguyễn Văn Đông sinh năm 1932 tại Quận 1 Sài Gòn. Nguyên quán gia đình ông là điền chủ ở xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Thuở thiếu niên, ông theo học trường Huỳnh Khương Ninh, thuộc phường Đakao, Sài Gòn. Năm 1946, trường Huỳnh Khương Ninh đóng cửa vì chiến tranh loạn lạc, gia đình gởi ông vào học trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu. Trong thời gian 5 năm ông thụ huấn tại trường này, ngoài các khóa huấn luyện quân sự, ông còn được học nhạc với các giáo sư Pháp tốt nghiệp từ nhạc viện Paris bổ nhiệm sang giảng dạy. Khi 15 tuổi, ông là thành viên trong ban quân nhạc Thiếu Sinh Quân, tham dự trình diễn trong các đại lễ duyệt binh long trọng, sánh vai cùng các đoàn quân nhạc chánh quy đàn anh. Năm 16 tuổi, ông có sáng tác đầu tay với bài "Thiếu Sinh Quân hành khúc" được Ban giám đốc nhà trường công nhận. Với bằng tốt nghiệp quân sự hạng ưu, ông chính thức

nhập ngũ vào Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Năm 1951, Nguyễn Văn Đông được cử theo học khóa 4 trường Võ bị Sĩ quan Vũng Tàu, ông tốt nghiệp thủ khoa với cấp bậc Thiếu úy vào năm 1952. Năm sau, ông được cử đi học khóa "Đại đội trưởng" tại trường Võ Bị Đà Lạt. Năm 1954, ông được gửi ra Hà Nội theo học khóa "Tiểu đoàn trưởng" tại trường Chiến Thuật Hà Nội. Ra trường, ông đảm nhận chức vụ Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Trọng pháo 553, trở thành Tiểu đoàn trưởng trẻ nhất của Quân đội Quốc Gia Việt Nam khi mới 24 tuổi.

Sau Hiệp định Genève 1954, Trung úy Nguyễn Văn Đông chuyển về phục vụ tại Phân khu Đồng Tháp Mười với chức vụ Trưởng phòng 3, thuộc Bộ chỉ huy tác chiến tiền phương. Cũng trong thời gian này, ông kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng hành quân Khu Chiến Đồng Tháp trong Chiến dịch Thoại Ngọc Hầu do Tướng Dương văn Minh làm tư lệnh.

Trong cuộc đời binh nghiệp, ông đã từng xông pha trên khắp các vùng chiến thuật, vào sanh ra tử cùng các đơn vị trấn đóng ở nơi địa đầu giới tuyến. Cấp bậc sau cùng của Nguyễn Văn Đông là Đại tá, chức vụ Trưởng "Khối Lãnh Thổ Bộ Tổng Tham Mưu". Đây là trọng trách vô cùng kín mật, nhằm "điều binh tái phối trí" các đơn vị của ta trong mối tương quan với lực lượng của địch quân. Ông phải bay đi khảo sát khắp lãnh thổ miền Nam, từ đất liền ra hải đảo, vạch ra phương án tối ưu trình lên Bộ Tổng Tham Mưu. Với công lao hiển dăng cho đất

nước, ông được ban thưởng Bảo Quốc Huân Chương.

Ngày 30 tháng Tư 1975, ông đã ở lại điều hành nhiệm sở đến giây phút cuối cùng, chu toàn bổn phận của người lính đối với Quốc gia dân tộc. Sau đó là 10 năm khổ nhục trong trại tù cộng sản, ông được cho về trong tình trạng sức khỏe suy kiệt, mang trọng bệnh, mạng sống như ngọn đèn trước gió. May mắn thay, khi ông về lại gia đình, nhờ có điều kiện chạy chữa nên ông dần dần hồi phục và hiện nay, năm 2015, đang sinh sống cùng gia đình ở Sài Gòn.



II. Hoạt động âm nhạc

Phần lớn sáng tác của Nguyễn Văn Đông viết về chủ đề người lính tác chiến miền Nam như: "Phiên gác đêm xuân" được ông viết vào đêm 30 Tết năm 1956 ở Đồng Tháp Mười. Bản "Chiều mưa biên giới" ra đời năm 1956, nổi tiếng qua tiếng hát của Trần Văn Trạch tại Pháp quốc trên Đài Europe No 1, mang lại cho tác giả một

hợp đồng hợp tác đầu tiên giữa Việt Nam và ngoại quốc. Nhạc phẩm "Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp", nổi tiếng qua tiếng hát của Hà Thanh, cũng là nữ ca sĩ trình bày thành công nhất các nhạc phẩm của ông.

Nguyễn Văn Đông có nhiều bút danh tân nhạc khác như: Vi Dân, Phượng Linh, Phượng Hà... cho một số nhạc phẩm tình cảm như: "Khi đã yêu", "Thầm kín", "Niềm đau đi vắng", "Bóng Nhỏ Giáo Đường", "Đom Đóm", "Thương Muộn", "Lời Giã Biệt"...

Trong thập niên 1950, Nguyễn Văn Đông nổi tiếng khi làm Trưởng Đoàn văn nghệ Vi Dân với thành phần ca nhạc sĩ tên

tuổi như: Mạnh Phát, Minh Kỳ, Hoài Linh, Thu Hồ, Quách Đàm, Minh Diệu, Khánh Ngọc và các nghệ sĩ danh tiếng như Kim Cương, Vân Hùng, Ba Vân, Bảy Xê, Trần Văn Trạch, Trang Thiên Kim... Ông đã tổ chức và điều khiển nhiều chương trình đại nhạc hội tại Sài Gòn và khắp các tỉnh miền Nam, trong đó có 2 tổ chức qui mô ở cấp Quốc gia mà Ông được chỉ định làm Trưởng ban tổ chức:

- Năm 1959, "Đại Hội Thi Đua Văn Nghệ Toàn quốc" tổ chức tại Thủ đô Sài Gòn, quy tụ 40 đoàn văn nghệ ở khắp toàn quốc, nhằm vinh danh các nghệ sĩ tài năng.
- Năm 1961, "Đại Nhạc Hội Trăm Hoa Miền Nam", cũng được tổ chức tại Thủ đô Sài Gòn, nhằm đối kháng lại phong trào "Trăm Hoa Đua Nở" ở miền Bắc

Với thành quả cống hiến cho nghệ thuật ở trên, ông được trao tặng "Giải thưởng Âm nhạc Quốc gia".

Từ năm 1958, Nguyễn Văn Đông là Trưởng ban Tiếng Thời Gian của Đài Phát Thanh Sài Gòn, gồm những ca, nhạc sĩ như: Lê Thanh, Hà Thanh, Minh Diệu, Khánh Ngọc, Mạnh Phát, Thu Hồ, Quách Đàm, Anh Ngọc. Ông còn là Giám đốc Nghệ thuật của 2 hãng băng đĩa nhạc Continental và Sơn Ca, quy tụ những Nhạc trưởng tên tuổi như Lê Văn Thiện, Văn Phụng, Nghiêm Phú Phi, Y Vân... Hai cơ sở của ông đã cho ra đời nhiều chương trình tân nhạc cùng với bộ môn cổ nhạc gồm các vở tuồng cổ điển và cải lương xã hội thời đại như: Nửa Đời Hương Phấn, Tiếng Hạc Trong Trăng, Tướng Cướp Bạch Hai Đường, Sân Khấu Về Khuya ... Với nghệ danh là soạn giả Đông Phương Tử phụ trách đạo diễn tuồng và âm nhạc, ông đã dàn dựng cho các đoàn hát cải lương Thanh

Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Kim Chung, Hương Mùa Thu cùng nhiều đoàn hát khác, với kỷ lục trên 50 vở tuồng cải lương nổi tiếng vang lừng thời đó.



Nguyễn Văn Đông – 2014

Nguyễn Văn Đông cũng là người tiên phong có sáng kiến thực hiện album riêng cho từng ca sĩ như: Thái Thanh, Lê Thu, Giao Linh, Khánh Ly, Sơn Ca, Phương Dung ... qua các bộ đĩa Sơn Ca. Ông được biết là người khai sinh ra hình thức "tân cổ giao duyên" dưới bút hiệu soạn giả Đông Phương Tử, được nhắc đến nhiều nhất là các tác phẩm: "Khi Đã Yêu", "Mùa Sao Sáng", "Thương Về Mùa Đông Biên Giới", "Đoạn Tuyệt", "Tiếng Hạc Trong Trăng", "Nửa Đời Hương Phấn". Đặc biệt là sự hợp tác của ông với Nhạc sĩ Y Vân, soạn ra công trình hiếm có về Dân Ca Việt Nam.

Tiếc thay, vì thời cuộc biến chuyển quá nhanh năm 1974 đã không cho phép Ông ra điều trình trước Ủy ban của Unesco đề công trình này trở thành di sản thế giới (World heritage).

Tháng 9 năm 2010, tôi đã thực hiện trang "Sắc Hoa Màu Nhớ và Dòng Nhạc Nguyễn Văn Đông" ở link sau đây:
http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=868&Itemid=47

Đây là một trang nhạc có số người xem nhiều nhất ở website Cỏ Thom. Sau đó, tôi đã tiếp tục tìm hiểu và đăng thêm nhiều ca khúc hay nhưng ít phổ biến của ông như: "Thu Hoài Cảm", "Mây Chiều", "Trái Tim Việt Nam", "Núi và Gió", "Vô Thường", "Bông Hồng Cài Áo (Trắng)". Gần đây nhất là "Trường Sa Lương Tri Thế Giới" (2014) và "Tình Cổ Hương" (2015)

Xin chân thành tri ân người nhạc sĩ tài ba đã dâng cho đời những đóa hoa kỳ diệu. Những tác phẩm của ông phần lớn được sáng tác trong thời kỳ khói lửa chiến chinh nhưng vẫn lắng đọng chất lãng mạn và đầy tình nhân bản. Kính chúc Nhạc Sĩ Nguyễn

Văn Đông cùng gia đình được nhiều sức khỏe và an hưởng hạnh phúc lúc tuổi già.

Mời quý vị nghe Tâm Hào trình bày ca khúc Tình Cổ Hương ở link sau đây:

<http://cothommagazine.com/nhac1/NguyenVanDong/TinhCoHuong-NguyenVanDong-TamHao.mp3>



Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia -27 tháng 5, 2015)



THƠ ANH-VIỆT
 Tâm Minh Ngô Tằng Giao
 chuyển ngữ

- Ấn phí: \$15 (kể cả bưu phí gửi tại Hoa Kỳ)
- Chi phiếu: Giao Ngo
 45481 Caboose Terrace / Sterling / VA 20166
- Các tác giả:
 William Shakespeare, Rabindranath Tagore,
 Robert Frost, Sara Teasdale, Edgar Allan Poe,
 Amy Lowell, William Henry Davies, Robert Bridges,
 Katherine Mansfield, William Butler Yeats,
 James Joyce, Percy Bysshe Shelley,
 Lieut.-Col. John McCrae, Robert Louis Stevenson,
 Christina Georgina Rossetti, Thomas Hardy,
 William Blake, Ben Jonson, Richard Crashaw,
 Rudyard Kipling, Robert Browning, William Wordsworth,
 Henry Wadsworth Longfellow, Langston Hughes,
 John Keats, Claude McKay, Alfred. Lord Tennyson,
 Thomas Carew, Edmund Waller, Walt Whitman,
 Robert Burns, Richard Lovelace, Emily Dickinson,
 Lord Byron, Walter De La Mare.

Tình Cốt Hương

$\text{♩} = 70$
Slow Rock

Nhạc và Lời : NGUYỄN VĂN ĐỒNG

Khi anh rời xa cố hương, tâm hồn anh vẫn
 Khi anh rời xa cố hương, nghe lòng mang vết
 Nơi muốn trũng xa nước non, chân tình anh sắt

vương theo từng cây số buồn. Nhớ cây bàng lặng bến
 thương: "Quê người xa cội nguồn". Nhớ cầu hò se lúa
 son, không ngại câu đá mòn. Thấy mai đào khoe sắc

sông, mái chèo khuấy ánh trắng, chuyển đỏ duyên ái ân chúng
 đôi, cánh cò nghiêng thả...
 xuân, cánh nhạn trong gió...

mình. ...trôi, bếp chiều hương cốm thơm vành môi.
 ...sương, nghe lòng vang khúc ca hoài hương./

Xa cố hương miền thương bao dấu yêu. Tóc mẹ già sương

muối dắng nghiêng xiêu. Trông cánh chim về phương chân núi

xa. Nhớ quê nhà năm mơ đôi cánh bay.

D.S. al Fine

TRUYỆN NGẮN của VŨ NAM

Chuyện Quê Nhà

Kim Nga –

Sau khi vào học Sĩ Tài khoảng 3 tháng, tôi đã thân với hai bạn Hiếu và Hùng. Chúng tôi đi chơi với nhau khi không có giờ học hay cuối tuần. Ngoài ra tôi cũng rất thân với Lộc. Nhà Lộc có tiệm hớt tóc, bằng hiệu bằng tiếng Anh, nằm trên đường Thành Thái, cạnh tiệm phở Thanh Hà. Lộc lớn hơn tôi hai tuổi. Lộc đáng dấp rất thư sinh, đẹp trai, hiền và ít quan tâm đến việc học. Có lẽ bạn nghĩ học hay không cũng đi lính đến nơi rồi. Đúng vậy, sau này khi tụi tôi còn đi học, Lộc đã thành lính Hải Quân.

Khoảng thời gian cuối năm đệ ngũ, đầu năm đệ tứ của năm 68 Lộc có chiếc xe Honda 68 mới toanh. Lúc này anh nào có xe Honda phải kể là giàu. Anh Ba anh Tư của nhà tôi ở trọ đều phải đi bằng xe đạp. Tôi cũng thỉnh thoảng được Lộc chở đi chơi. Nhưng hình như Lộc chở tôi rất nhiều lần khi chiều tối đã phủ xuống Thị Xã Bà Rịa. Lộc đến nhà, rù, rồi chở tôi đi chỉ vì một chuyện duy nhất: chạy theo tiếng gọi của tình yêu! Mục tiêu đó là bạn học

chung lớp, Kim Nga (KN), nhà phía sau, bên hông trái Tiểu Khu Phước Tuy. Lúc đó, nhà Lộc khoảng ngay trước Tiểu Khu, nhưng con đường bên hông trái bị cản không vào được, chúng tôi phải chạy đường vòng bằng con đường ngang hông tòa án, quẹo trái qua trước trường tiểu học Nam Tĩnh Lý, quẹo trái nữa mới đến đường bên hông trái Tiểu Khu.



Kim Nga người Bắc, hơi nhỏ, có nước da ngăm chó không trắng hồng như nước da của các cô gái Bà Rịa lúc đó. KN học trung bình, thường sau giờ học hay về nhà ngay để phụ việc nhà. Lộc nhờ tôi ngồi xe với Lộc chạy đến một dãy nhà thấp, trong đó có nhà của KN, là để phụ bạn lên tinh thần khi gặp KN. Bộ ở trường nguyên nửa buổi học chiều nhìn mặt KN chưa đủ sao, mà tối tối còn phải mò vào con đường có hàng cây cao bóng mát này? Tình yêu không giải thích được là vậy. Ban ngày con đường này mát rượi vì tàn cây che nắng, còn đêm về thường thấy âm u lắm, dù có những trụ đèn Neon thấp sáng cho con đường. KN lớn hơn tôi một hai tuổi, cô có nụ cười thật đẹp. Chắc lúc đó Lộc mê KN ở nụ cười? Cô lại nói chuyện nhỏ nhẹ, lúc nào cũng cười duyên. Suốt thời gian học chung tôi chưa

bao giờ thấy KN giận dữ, "gầm gừ" với ai. Mà hình như cả lớp hồi đó, cả trai lẫn gái, cả già lẫn trẻ, cả lớn lẫn nhỏ, ai ai cũng hiền. Hỏi chị Tăng Sáng (lò bánh mì Tăng Tân ở xóm Lưới) có hiền không? Chị Bé, chị Trọng, chị Minh, Chị Sanh, chị Hới, chị Thới (trước nhà có quán cà phê Thanh Trúc sau này), chị Thiên, chị Nguyệt (trại của Đức Thạnh), chị Yến (Xóm Cát), Nhân (Long Điền), Hiền (Hòa Long)... có hiền không? Còn nam sinh chỉ chơi và học như bọn tôi và Thuần (em chị Thới), Hoa, Ngà, Hương, Tuấn thì có làm gì đâu mà gọi là dữ? Hình như trong lớp chỉ có Đông là hơi "dữ". Đông có nước da trắng, cao lớn, sau này đi Quân Cảnh, nhưng cũng mất sớm, trước 75.

Đến nhà Nga, Lộc cứ chờ tôi chạy vòng vòng. May chỗ này vắng xe, vì đường bị cản không chạy ra đường Thành Thái được, chờ nếu có người và xe qua lại chắc họ nói hai thằng tui là hai thằng khùng. Kim Nga đang nấu bếp, nghe tiếng máy xe của Lộc hụ, rõ chắc biết có Lộc đến nên cô nàng cũng ra hỏi, có chuyện gì không Lộc. Lộc mắc cỡ, im lặng cười trừ. Tôi cũng im lặng cười trừ phụ bạn. Rồi Lộc rồ ga xe chờ tôi chạy về nhà, trên đường hí hửng lắm. Chắc đêm đó Lộc ngủ ngon.

Sau 75, Lộc chỉ là lính nên không bị đi học tập, ra đời làm ăn, tôi có gặp lại Lộc một lần, nhân lúc Lộc đến nhà anh Tư, anh bà con của tôi, để bàn về việc hợp tác các xe vận tải. Lộc có rủ tôi lại nhà nhưng bạn tôi cũng không đến được. Trong câu chuyện giữa ba người, tôi có nhắc đến vụ Lộc hay chờ tôi bằng chiếc xe Honda 68, nhưng không nhắc đến KN. Lộc nói nhớ chuyện đó. Anh Tư tôi ngạc nhiên hỏi, ủa hai thằng bây cũng biết nhau à. Tụi tôi cười nói biết

chớ, cùng học một lớp mà. Bây giờ Lộc và anh Tư cùng làm ăn với nhau.

Còn Kim Nga, sau năm học đệ tứ, hình như cô nghỉ học, rồi lấy chồng, một người cũng học Sĩ Tài, nhưng dưới tụi tôi một lớp.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 75 trở về lại Bà Rịa, qua vài cô bạn học, tôi biết được KN đã bị chết vì pháo kích của Việt cộng bắn từ trên núi Dinh vào Thị Xã Bà Rịa trong ngày 26, 27, tháng tư, khi cô cùng gia đình trên đường di tản từ Bà Rịa ra Vũng Tàu. Ông xã cô còn sống. Nghe nói khi chết xác của KN không còn nguyên. Chết vì pháo kích mà!

Những mẩu chuyện nhỏ của thời học sinh Bà Rịa, vừa học vừa si tình, vừa dễ thương vừa bi lụy, nhân sắp đến ngày 30 tháng 4 kể lại để làm chút quà gửi đến Lộc, còn ở quê nhà, chút lòng gửi đến Kim Nga, cô nữ sinh Sĩ Tài có thời làm nam sinh cùng lớp điều dưỡng, từ lâu đã về cõi Vĩnh Hằng.

Không biết thỉnh thoảng Lộc có đi thăm mộ Kim Nga không? Nên đi, dù gì cũng là tình... của thời học sinh.

Chuyện Quê Người

Cánh Đồng Bắp -

Cánh đồng bắp trước nhà cho đến hôm nay vẫn còn nguyên. Nhà nông Đức chưa chịu gặt để đem về cất giữ cho bò ăn trong những trại chăn nuôi của họ. Đây là một điều bất bình thường nhất từ trước đến nay. Vì cứ hằng năm, cuối tháng 10 là những cánh đồng đã trổ trổ, sau những ngày máy cày cày lật, toàn màu cánh đồng to lớn là một màu nâu sậm, nếu có tuyết thì mặt cánh đồng trở thành màu tuyết trắng như bông.

Cánh đồng có năm nhà nông Đức trồng

lúa mì, có năm trồng hoa hướng dương, có năm trồng bắp. Hình như họ trồng theo lời khuyên, sự hướng dẫn của phòng, ty Nông Nghiệp thành phố. Cái nào thiếu thì trồng, dư thì ngưng lại.

Cả cánh đồng bắp trước nhà đến nay đã bị qua mấy trận tuyết, rồi đến mưa vùi dập mà vẫn còn đứng trơ ra đây, tôi nghĩ bụng vậy là năm nay phòng hoặc ty Nông nghiệp thành phố đã tiên đoán sai rồi. Thời tiết mưa thuận gió hòa quá, bắp trúng mùa nên ứ thừa làm nhà nông không thêm cho xe cút, xay ra nhỏ rồi chở về nhà như hằng năm tôi vẫn thấy. Hóa ra có tính toán cẩn thận, nhưng vì thời tiết hơi đổi khác một chút nên tiên đoán của phòng, ty, đôi lúc cũng bị sai. Hay vì lý do nào khác?

Tháng mười vừa qua, khi đi dạo qua những cánh đồng bắp này, nhìn những thân cây bắp cao và mập, những trái bắp to, hột đầy ắp, tôi nghĩ nông gia làng tôi năm nay trúng mùa rồi. Bò gà tha hồ ăn. Vòng vòng trong làng, trong thành phố lân cận đâu đâu cũng thấy bắp là bắp.

Bắp này là bắp cho bò ăn, nên hột bắp rất cứng. Những ngày mới đến Đức nhớ lại những ngày ăn bắp ở quê nhà, người Việt hay ra những vườn bắp này "bẻ trộm" về luộc. Luộc rất lâu nhưng hột vẫn cứng, nhai thấy mệt! Dần dà sau này, khi thêm bắp ai ai người Việt cũng ra siêu thị mua vài hộp bắp, mỗi hộp 3 trái, về luộc, hay những lon bắp đóng hộp, khai ra là ăn liền. Nhưng cũng có ngoại lệ, là vẫn còn ít người Việt thích ăn bắp loại cho bò ăn này, vì họ nói hạt bắp loại này béo hơn.

Những người này nói cũng có lý, vì bắp mua về ăn không ngon lắm, nếu so với bắp ở VN. Bắp ở VN mình là quá ngon! Nóng hổi vừa thổi vừa ăn. Lại còn có bắp rang,

bánh bắp, xôi bắp, bắp nướng... tha hồ mình thưởng thức.

Ở đây, bắp ăn họ trồng rất ít. Hay họ trồng nhiều ở đâu đó mà tôi không biết. Nhờ những anh học về nông nghiệp chỉ mới rõ, bắp ăn thường họ trồng ít, trong những khu đất nhỏ gần nhà (chắc để coi chừng bẻ trộm), cây nhỏ, mảnh mai hơn cây bắp cho bò ăn. Đề ý rồi cũng nhận ra những vườn bắp này, nhưng không ai dám vào bẻ trộm cả, vì bắp ăn ngoài siêu thị rẻ rẻ, mắc chi mà đi ăn trộm.

Thấy cây bắp ứa tàn, những trái bắp đầy hột nặng quá nằm queo xuống đất, thiên nghĩ (vì không biết nay mai đây nhà nông có ra lấy về cho bò ăn không) nay mai đây chắc được nghiền thành rác để làm phân cho nông nghiệp, tôi nghĩ đến người Afrika hằng năm, hay đến dân Phi-lip-Pin với những cơn bão vừa qua, phải chi những vườn bắp như thế này ở gần nơi họ trong tháng 10 vừa qua thì đỡ biết mấy. Cũng được vài tháng no bụng, còn nếu toàn nước Đức mà dư bắp như thế này thì chắc họ cũng được đỡ đói trong một thời gian lâu hơn.

Tôi đến nước Phi tị nạn. Ở đó khoảng 10 tháng. Ăn nhờ ở đậu, rồi mình ra đi ở Đệ Tam Quốc Gia. Mình đòi đòi, Còn những người bạn Phi, những bà Phi, cô Phi hằng ngày bung mấy trái đu đủ để đổi hay bán cho mình, cho dân tị nạn để có ít tiền thêm cho gia đình vẫn còn ở đó. Vẫn da đen, vẫn mặt mày móm sọm, bàn tay sần sùi...

Xem Video mấy năm trước thấy Vân Sơn có quay hình ở trại Bataan, Phi-Luật-Tân, vì VS lúc trước cũng có ở đây, tôi thấy cây cỏ đã phủ đầy, ngẫm nghĩ không còn người tị nạn, người dân Phi trong những làng quanh đây chắc cũng buồn lắm. Vì còn ai để cho các bà các cô hằng ngày đội đu đủ,

dừa đến để bán hoặc đổi đồ ăn, gạo v.v...

Rồi cũng tự hỏi sao Vân Sơn không làm một show ca nhạc nho nhỏ lấy tiền giúp cho những làng Phi vừa bị cơn bão lụt vừa qua? Sức như VS làm được mà. Khoảng gần hai mươi năm về trước, ngồi trước mặt VS và Bảo Chung khi các anh theo đoàn văn nghệ của Hoàng Thi Thơ qua Đức trình diễn. Lúc đó VS vừa mới qua Mỹ, còn nghèo; còn BC còn mang con nhỏ theo khi đi trình diễn, hỏi sao không để con ở nhà, BC nói vì bà xã còn phải đi làm, không ai trông con. Trong bàn ăn, món ăn thì chủ nhà nấu rất ngon nhưng bia thì lại loại bia thường vì bác chủ nhà không phải là dân uống bia nên bác không rành các loại bia. Nhưng cả khách lẫn chủ đều vui. Và hôm đó thấy VS, BC cũng rất vui. Cả hai đều nói chuyện rất nhiều, như trên sân khấu

vậy. Sau này nhờ may mắn và có tài nên VS đã làm được rất nhiều show văn nghệ rất thành công, nổi tiếng, nên tôi vẫn tự hỏi mỗi năm khi thấy bão tố cứ đổ về xứ Phi: Sao VS không làm một kỳ văn nghệ nho nhỏ kiếm tiền giúp những người bạn Phi đang chịu bão tố? Câu hỏi này cứ lặp đi lặp lại hoài mỗi năm... như điệu nhạc buồn muôn thuở! Nhưng biết đâu làm một show văn nghệ cho dân Phi cũng khó lắm chớ bộ, mình không có làm văn nghệ nên mình không biết những cái khó khăn đó thôi. Tôi cứ tự an ủi như vậy!

Từ vụ Cánh Đồng Bắp tôi viết được ít hàng.

Vũ Nam (Germany)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

CHIẾC NHẪN HỘT SOÀN

Phạm Hữu Bính

Thế là chỉ còn vừa đúng một tháng nữa là chúng tôi sẽ ăn mừng mười năm ngày cưới của chúng tôi. Tôi mỉm cười một mình, ôn lại quãng đời đẹp như hoa mười năm qua. Tôi có thể hình dung ra trước mắt tất cả những chi tiết của một đám cưới giản dị nhưng không thiếu phần đầm thắm và vui nhộn. Còn gì sung sướng cho tôi bằng lúc Minh đeo vào tay tôi chiếc nhẫn cưới hột soàn! Tôi cũng hết sức ngạc nhiên, không biết làm sao Minh có tiền mua nhẫn hột soàn cho tôi.

Cả hai chúng tôi lúc bấy giờ còn là sinh viên ở Đại Học Cộng Đồng và còn đang phải vật lộn với cuộc sống mới trên đất Hoa Kỳ. Minh đã đồng ý với tôi là sẽ chỉ làm một đám cưới giản dị. Món tiền nhỏ để dành được, chúng tôi sẽ còn phải lo nhiều chuyện: nào là đặt cọc tiền thuê nhà; nào là mua sắm giường tủ, đồ đạc, xe hơi, vật dụng trong nhà. Chúng tôi cũng phải để dành chút ít cho những chi tiêu bất thường.

Sau ngày cưới, tôi trách Minh đã hoang phí mua nhẫn hột soàn cho tôi. Minh chỉ mỉm cười không trả lời. Đã biết Minh, tôi hiểu cái cười đó. Cái cười bề ngoài có vẻ khiêm nhượng kia đã chứa đựng một thái độ bướng bỉnh và ngạo mạn như thể để nói với tôi rằng:

“Anh muốn thế thì có sao không?”

Tôi tò mò muốn biết Minh làm sao có tiền mua nhẫn hột soàn cho tôi. Nhưng tôi không dám hỏi. Tôi biết ngay trong cuộc sống vợ chồng, người ta cũng cần những

khoảng riêng tư mà không ai có quyền xâm phạm vào. Tôi tin rằng nếu tôi kiên nhẫn chờ đợi, rồi có lúc tự Minh sẽ nói cho tôi biết, mà tôi không cần phải hỏi.

Một hôm chừng hai tuần lễ sau ngày cưới, tôi đang mài mua một vài thứ lật vặt trong tiệm sách thì có tiếng người quen hỏi:

- Kia Cô Thu, đi tuần trăng mật vui không?

Tôi nhận ra đó là Ông Kelly, giáo sư hướng dẫn của Minh. Ông ấy có đến dự đám cưới của chúng tôi. Sau những lời xã giao, ông ấy hỏi tôi một câu làm tôi giật bắn mình:

- Chắc cô thích cái nhẫn của cô lắm, phải không?

Cố giữ vẻ thản nhiên, tôi trả lời:

- Vâng tôi thích cái nhẫn này lắm. Nhưng người đàn bà nào mà không thích nhẫn cưới hột soàn?

Ông ấy mỉm cười nói tiếp:

- Minh không yêu cầu tôi giữ bí mật, nên chắc tôi có thể nói cho cô biết một chút về lịch sử cái nhẫn đó.

Tôi nóng ruột hỏi:

- Có gì mà bí mật thế ông?

Ông Kelly tươi cười nói:

- Đã hơn một năm nay, Minh thường lại giúp việc cho tôi, một tháng hai, ba lần, cắt cỏ, xén hàng rào, dọn dẹp lật vặt. Mỗi lần như vậy, tôi trả cho Minh năm, sáu chục đô-la. Nhưng lần nào anh ấy cũng nhờ tôi giữ hộ, để dành dụm mua nhẫn cưới cho cô. Anh ấy sợ mang tiền về nhà, anh ấy sẽ tiêu hết. Đến trước ngày cưới cô, anh ấy để dành tất

cả được một ngàn tám trăm đô-la. Cái nhẫn mà anh ấy chọn cho cô giá một ngàn chín trăm chín mươi lăm đô-la. Anh ấy băn khoăn không biết làm sao. May mà tôi quen biết với người chủ tiệm. Tôi nói cho ông ấy biết hoàn cảnh của Minh. Ông ấy bằng lòng bán chiếc nhẫn hạ giá một trăm chín mươi lăm đô-la cho Minh. Thế là mọi chuyện vui đẹp cả. Tôi biết Minh rất sung sướng mua được chiếc nhẫn đó cho cô. Tôi ít thấy có người nào quyết chí như chồng cô.

Câu chuyện của Ông Kelly như mở rộng một cánh cửa sổ nữa cho tôi nhìn thấy rõ Minh hơn, hiểu Minh hơn, và yêu Minh hơn. Tôi thấy ở chiếc nhẫn tất cả tình yêu đầm thắm mà Minh dành cho tôi. Đối với tôi, chiếc nhẫn kia to, đẹp và quý giá hơn chiếc nhẫn hột soàn nổi tiếng của Nữ Hoàng Anh nhiều.

Tôi nâng niu, gìn giữ chiếc nhẫn. Nhưng một hôm, cả nhà đang ăn cơm tối, bỗng chồng tôi chỉ vào chiếc nhẫn trên tay tôi và hỏi:

- Cái nhẫn của em làm sao vậy?

Tôi nhìn kỹ chiếc nhẫn và hồn vía tôi như tan rã, tim tôi như muốn ngừng đập: Hột soàn trên nhẫn tôi đã biến đâu mất, chỉ còn trơ lại cái vỏ nhẫn. Tôi nhìn kỹ lại thì ra một cái ngoàm giữ hạt soàn đã gãy lúc nào và hột soàn đã rơi đâu mất mà tôi không hay.

Cả nhà tôi bỏ dở bữa ăn và chia nhau đi tìm khắp nơi: Trong nhà, ngoài ngõ, trong nhà tiêu, dưới gầm giường, đến quá nửa đêm mà chẳng thấy gì. Ngày hôm sau tôi phải nghỉ một ngày ở nhà để tìm chiếc nhẫn mà cũng không thấy. Tôi bải hoải cả thân xác lẫn tâm hồn vì tiếc chiếc nhẫn. Chồng tôi cứ an ủi tôi rằng mất chiếc nhẫn đó thì mua chiếc nhẫn khác thay thế chứ có gì mà phải buồn phiền đến nỗi như vậy. Tôi từng

mất nhìn chồng tôi với tất cả vẻ tức giận như để nói lên rằng:

- Sao anh có thể nói như vậy được?

Chồng tôi như hiểu ý và không nói gì nữa. Chúng tôi yên lặng chia sẻ nỗi buồn mênh mông với nhau.

Vừa khi chúng tôi đã mất hết hy vọng tìm lại được hột soàn thì một hôm tôi thấy đứa con trai bốn tuổi của tôi đang lúi húi chơi với cái gì ở dưới gầm bàn ăn. Tôi tò mò cúi xuống nhìn. Thì kia, lóng lánh trong bàn tay nhỏ bé của nó đúng là hột soàn ở nhẫn của tôi rơi ra. Tôi mừng rú, la lối gọi chồng tôi. Chúng tôi đứng đó, cười cười, nói nói, cố nhớ lại xem tại sao hột soàn lại rơi ở đó. Thì ra trong lúc dọn ăn mấy hôm trước, tay tôi đập vào cạnh bàn làm gãy cái ngoàm giữ hột soàn mà tôi không hay.

Từ hôm đó trở đi, mỗi lần thấy tôi đeo nhẫn mà làm cái gì, chồng tôi lại nhắc tôi:

- Coi chừng cái nhẫn.

Mỗi lần nghe thấy chồng tôi nói thế là tôi lại ngưng ngay công việc đang làm, tháo chiếc nhẫn bỏ vào túi áo và bấm nút lại cẩn thận, rồi mới làm việc tiếp. Có khi tôi cất hẳn chiếc nhẫn đi cả mấy tháng và chỉ mang ra đeo khi đi ăn tiệc, hay đi dự đám cưới, đám hỏi.

Hôm nay nghĩ đến dịp kỷ niệm mười năm ngày cưới của chúng tôi, tôi muốn lấy nhẫn ra đeo. Tôi mở tủ, lấy hộp đựng đồ trang sức ra tìm chiếc nhẫn. Tôi hơi giật mình khi không thấy chiếc nhẫn ở trong hộp. Tôi đoán chừng tôi đã bỏ chiếc nhẫn vào trong túi một cái áo nào đó và quên chưa cất vào hộp.

Tôi lần lượt giờ từng chiếc áo mà tôi thường mặc khi làm việc ở nhà và cẩn thận soát kỹ tất cả các túi áo. Vẫn không thấy cái nhẫn, tôi bắt đầu thấy bồn chồn, sợ hãi.

Tôi cố nhớ xem tôi đeo nhẫn lần cuối cùng là vào dịp nào. Tôi nhớ có đeo nhẫn lần đi ăn cưới cháu gái tôi cách đây đã bốn tháng. Nhưng tôi nhớ sau khi đi ăn cưới về tôi không cất nhẫn đi ngay vì có mẹ tôi đến chơi. Mẹ tôi thường bảo tôi: Có nhẫn cưới thì phải đeo, chứ sao lại cất đi?

Tôi muốn chiều ý mẹ tôi và cũng muốn có cơ để đeo nhẫn nên tôi nhớ tôi vẫn đeo nhẫn luôn mấy tuần mẹ tôi ở chơi với chúng tôi. Còn sau đó nữa thì tôi không nhớ rõ hết. Tôi không nhớ đã tháo nhẫn ra cất đi lúc nào. Có điều tôi chắc chắn là chiếc nhẫn không thể tuột ra được. Từ sau ngày cưới tôi đã lên cân khá nhiều, nhất là sau lần tôi sinh con trai thứ hai của tôi. Tôi đã cảm thấy chiếc nhẫn càng ngày càng chật hơn, rất khó tháo ra đeo vào. Cũng vì chắc chắn như vậy mà tôi không hoàn toàn hoảng hốt. Tôi vẫn tin rằng chỉ tìm kỹ mấy cái túi áo là sẽ thấy.

Bỗng tôi giật mình đánh thót. Tôi nhớ đến mẹ tôi. Bà cụ đã bảy mươi hai tuổi nhưng vẫn luôn chân, luôn tay làm việc. Tính mẹ tôi lại rất gọn gàng, sạch sẽ, trái hẳn với tính chồng tôi. Mỗi lần đến chơi với chúng tôi là bà cụ dọn dẹp đủ thứ. Đồ đạc, quần áo, cái nào còn dùng được thì bà cụ lau chùi, giặt giũ, cất vào tủ ngăn nắp để dùng. Cái nào đã cũ, bà cụ thấy vất lẩn, vất lóc, không ai muốn ngó đến thì bà cụ đem bỏ ra lề đường cho người nghèo lấy về dùng.

Đây là cái làm tôi hoảng hốt. Tôi chỉ sợ mấy tuần khi mẹ tôi ở chơi đây, tôi đã cất chiếc nhẫn vào túi một cái áo cũ tôi đang mặc lúc làm việc ở nhà; rồi mẹ tôi vô tình dọn dẹp vất áo ra lề đường cho người ta lấy đi. Nếu thế thì chết tôi. Nếu thế thì kể như cái nhẫn quý giá của tôi đã biến thành mây khói.

Tôi bỗng cảm thấy ân hận vô cùng về sự cầu thả của tôi. Làm sao tôi có thể lơ là

đến nỗi để một chiếc nhẫn hột soàn vào túi áo được! Lúc trước mỗi khi đang đeo nhẫn và làm việc mà nghe chồng tôi nhắc "*Coi chừng cái nhẫn!*" tôi tháo ngay nhẫn ra, cất vào túi áo, và bấm nút túi áo lại. Tôi cho thế là tôi cẩn thận rồi. Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy thế là hoàn toàn cầu thả. Tạo sao tôi không chịu đem nhẫn cất ngay vào hộp đựng đồ trang sức?

Nhưng đâu có chắc là mẹ tôi đã vất chiếc áo nào của tôi đi đâu? Nghĩ đến đây tôi bỗng tìm lại được chút hy vọng. Để biết chắc chắn, tôi cố kiểm soát lại xem có thiếu cái áo nào không. Nhưng tôi biết tôi không thể nào nhớ hết từng cái áo được.

Tôi gọi điện thoại để xem mẹ tôi có vất đi cái áo nào của tôi không. Mẹ tôi nói mẹ tôi đã đi thăm bốn, năm gia đình con cháu mấy tháng vừa qua. Ở đâu mẹ tôi cũng thu xếp, dọn dẹp. Mẹ tôi không thể nhớ từng nhà một. Thế là tôi lại hoảng hốt, không còn biết đâu mà tìm nữa.

Cũng may lúc này chồng tôi đang phải đi công tác kiểm tra kế toán ở miền Nam, ít nhất cũng còn hai tuần lễ nữa mới về. Từ nay đến đó, tôi hy vọng sẽ tìm được nhẫn, hay cũng có đủ thì giờ để tìm được lý do giải thích cho chồng tôi hiểu.

Tôi biết nếu tôi nói thật là tôi làm mất chiếc nhẫn vì cầu thả thì chồng tôi sẽ thất vọng về tôi lắm; và càng thất vọng hơn nữa vì mất chiếc nhẫn đầy giá trị tình cảm của chúng tôi.

Có lúc tôi đã nghĩ hay là cứ mua một chiếc nhẫn khác y hệt như chiếc nhẫn cưới của tôi và không đưa động gì đến việc tôi làm mất chiếc nhẫn cưới. Như vậy thì chỉ có một mình tôi buồn tiếc thôi, còn chồng tôi sẽ vẫn được vui vẻ, sung sướng, nhất là

trong dịp kỷ niệm mười năm ngày cưới sắp tới của chúng tôi.

Nhưng tôi lại gạt bỏ ngay ý nghĩ đó. Tôi không thể nói dối chồng tôi được, dù chỉ là nói dối để giữ cho chồng tôi được vui vẻ. Nếu có một ngày nào đó mà chồng tôi biết tôi đã một lần nói dối chồng tôi thì bao nhiêu tin tưởng giữa chúng tôi sẽ tan tành hết. Hai chúng tôi gặp nhau, yêu nhau và qua nhiều năm tháng đã xây dựng được một niềm tin hoàn toàn ở nhau. Tôi không thể liều lĩnh để làm mất đi sự tin tưởng đó.

Tim mãi vẫn không thấy nhẫn, tôi bỗng nhớ lại chuyện xảy ra khi tôi mới tới Hoa Kỳ, có liên quan đến một chiếc nhẫn hột soàn.

Ngày ấy tôi được Ông Bà John Strolle, một cặp vợ chồng già, đỡ đầu. Hai người yêu quý tôi như con đẻ mặc dầu họ đã có bốn người con trưởng thành.

Kỳ nghỉ hè năm ấy, tôi được Ông Bà Strolle đưa đi nghỉ mát ngoài bờ biển Ocean City, thuộc Tiểu Bang Maryland. Chúng tôi ở một khách sạn sát ngay ngoài bờ biển. Ông Bà Strolle chỉ có một cái thú là đi bộ trên bãi cát dọc theo bờ biển vào lúc sáng tinh sương, khi bãi biển hầu như không có một bóng người.

Sáng hôm ấy tôi cũng dậy sớm đi theo ông bà già. Chúng tôi đi chân không thong thả trên bãi cát, tận hưởng những làn gió nhẹ nhẹ từ ngoài khơi đưa vào. Thỉnh thoảng tôi lại lội vài ba bước xuống nước biển để được cảm thấy cái lạnh giá thấu xương của nước biển lúc sáng sớm, nhưng là một cái lạnh làm sảng khoái cả thân thể lẫn tâm hồn.

Bỗng tôi thấy bà già cúi xuống, nhặt lên một cái gì lóng lánh. Bà già vừa ngắm nghía vật cầm ở tay vừa nói một cách bình thản như thể nói một mình:

- Một cái nhẫn. Một cái nhẫn hột soàn.

Ông già và tôi cùng xúm lại coi. Đúng là một cái nhẫn hột soàn - một cái nhẫn cưới hạt soàn. Bà già tuy đã trên tám mươi tuổi nhưng mắt vẫn còn tinh lắm. Bà phải sạch hết cát còn bám vào nhẫn; rồi vừa nhìn kỹ, vừa lớn tiếng đọc lên hàng chữ nhỏ khắc phía trong:

“G J & L B 6/14/76”

Bà già quay qua hỏi ông già và tôi:

- Chúng ta phải làm gì bây giờ đây?

Ông già bàn:

- Chúng ta phải mang đến đồn cảnh sát, trình cho họ biết. Ai mất nhẫn cứ lại đó mà tìm. Chúng ta khỏi cần phải thắc mắc.

Bà già suy nghĩ một phút rồi nói:

- Không được. Nếu mình đưa cho cảnh sát, họ sẽ giữ ở đó, chờ cho có người đến nhận. Có ai mất nhẫn hột soàn ở ngoài bãi biển mà đến tìm ở đồn cảnh sát bao giờ? Sau sáu tháng nếu không có ai nhận, cảnh sát lại trả cho mình, thì lúc bấy giờ người mất nhẫn đã đi xa rồi, làm sao mình còn trả lại cho họ được? chỉ có cách là mình đi đăng ngay mấy dòng trên báo hàng ngày nói rõ là mình nhặt được chiếc nhẫn hột soàn trên bãi biển này, ngày hôm nay, và cho số điện thoại để họ liên lạc. Nếu họ nói đúng được những chi tiết về chiếc nhẫn, nhất là dòng chữ khắc ở phía trong, thì mình sẽ trả lại cho họ. Nếu sau một tuần mà không có ai gọi lại thì mình đưa cho cảnh sát cũng chưa muộn.

Cả ông già và tôi cùng gật gù cho rằng ý kiến của bà già là rất hợp lý.

Báo đăng được một ngày thì có một người đàn ông tên là Gary Jordan gọi lại và nói đúng mọi chi tiết. Bà già sung sướng cho Gary tên và địa chỉ khách sạn của chúng tôi.

Mười lăm phút sau, một cặp vợ chồng trẻ bước vào phòng. Sau khi chào hỏi, người đàn ông giới thiệu vợ là Linda Brock. Bà già đưa ngay chiếc nhẫn cho Linda và nói:

- Nhẫn của bà đây. Tôi rất vui mừng được thấy chiếc nhẫn đã trở về với đúng chủ của nó.

Linda ôm chầm lấy bà già mà cảm ơn liên tiếp. Linda cũng xin địa chỉ và điện thoại của ông bà Strolle và trong nhiều năm qua vẫn thường ghé thăm ông bà già mỗi khi có dịp đi qua.

Ngày ấy tôi còn là một học sinh trung học, ngây thơ và hồn nhiên. Tôi không thấy việc Ông Bà Strolle trả lại chiếc nhẫn cho Linda là có gì quan trọng. Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy sự ngay thẳng của ông bà già là quý.

Tôi lại tưởng tượng nếu hôm đó chỉ có mình tôi đi bộ trên bãi biển, và chính tôi nhặt được nhẫn hột soàn đó thì sao? Liệu tôi có đủ cương quyết để mang chiếc nhẫn trả lại cho chủ của nó không? Hay tôi cũng hành động như rất nhiều người khác là giữ lấy chiếc nhẫn và thăm ru ngủ lương tâm mình bằng câu phương ngôn Mỹ *Finders Keepers*” (Ai tìm thấy là của người đó).

Tôi bỗng ước ao tôi có được cái may mắn như Linda. Biết đâu lại chẳng có một người nữa, cũng ngay thẳng và đầy lòng thương người như ông bà già đỡ đầu cho tôi, thấy cái nhẫn của tôi ở đâu đó và gọi tôi lại lấy về.

Vì tôi không hoàn toàn chắc chắn đã mất chiếc nhẫn trong trường hợp nào và vào ngày nào, nên tôi không dám nghĩ đến chuyện đi trình báo cảnh sát hay đòi hăng bảo hiểm bồi thường.

Tôi quyết định cứ ráng tìm kỹ khắp nơi. Nếu đến ngày kỷ niệm của chúng tôi mà tôi vẫn không tìm thấy chiếc nhẫn cưới thì tôi

đành nói thật với chồng tôi. Tôi biết chồng tôi sẽ buồn lắm và tôi sẽ buồn lắm. Nhưng còn có cách nào khác hơn đâu!

Chồng tôi về chiều Thứ Bảy, đúng một tuần trước ngày kỷ niệm của chúng tôi. Tôi cố gắng cười nói luôn miệng và cố ý không để cho chồng tôi nhìn thấy ngón tay đeo nhẫn trơ trụi của tôi. Chồng tôi không nghi ngờ gì. Tôi cũng cố quên đi cái nhẫn để vui hưởng một tối Thứ Bảy đầm ấm với chồng con sau bao nhiêu ngày xa cách.

Sáng Chủ Nhật, sau khi đi lễ nhà thờ về và ăn sáng xong, chồng tôi ngồi đọc báo trong phòng khách; còn tôi thì vờ dọn dẹp nhà cửa, nhưng thực ra là để cố gắng một lần cuối cùng tìm cho ra cái nhẫn. Sau hơn một giờ lục lọi khắp nơi, tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi quyết định nội trong ngày hôm nay tôi sẽ phải nói cho chồng tôi biết. Lẽ dĩ nhiên là chồng tôi sẽ rất buồn và có thể giận tôi lắm. Nhưng tôi nghĩ từ nay đến Thứ Bảy sau - Ngày Kỷ Niệm của chúng tôi - chồng tôi sẽ có đủ thì giờ để khuây khoả đi và chúng tôi sẽ có thể vui hưởng ngày kỷ niệm của chúng tôi được.

Tôi sửa soạn lại đầu tóc, thoa lại phấn son và vừa soi gương tôi vừa sửa soạn những lời để nói cho chồng tôi biết. Tôi thông thả đi xuống phòng khách, chỗ chồng tôi đang ngồi đọc báo. Tôi đến ngồi sát cạnh chồng tôi và từ từ ngả đầu vào vai chồng tôi. Sau vài phút tôi nhỏ nhẹ bắt đầu:

- Minh à....

Bỗng có tiếng chuông gọi cửa. Tôi ngừng lại và ngồi thẳng dậy. Chồng tôi nói:

- Có ai đứng ngoài cửa kia.

Rồi chồng tôi đứng dậy ra mở cửa. Tôi nhìn ra và thấy một cặp vợ chồng người Mỹ gốc Phi Châu, chừng bốn mươi lăm tuổi. Cả hai cùng ăn mặc chỉnh tề. Rõ ràng là họ

cũng vừa đi nhà thờ về như chúng tôi. Cả hai người cùng mỉm cười chào chồng tôi. Người đàn ông nói:

- Xin lỗi ông, chúng tôi muốn gặp Ông Nguyễn Quang Minh.

Chồng tôi đáp:

- Thưa ông, Tôi là Nguyễn Quang Minh. Mời ông bà vào chơi.

Hai người đi theo chồng tôi vào phòng khách. Tôi đứng dậy, bắt tay hai người và tự giới thiệu. Người đàn ông nói:

- Tôi là Jerry Brown và vợ tôi là Leslie.

Sau khi chúng tôi đã ngồi xuống ghế, Ông Brown thông thả lấy ra một phong bì, vừa đưa cho chồng tôi, vừa nói:

- Chúng tôi thấy bao thư này có tên và địa chỉ của ông, nên rẽ qua đây để trả lại ông.

Chồng tôi đỡ lấy bao thư, nhìn kỹ ở ngoài bì và nói:

- Thư này của một người bạn tôi ở California gửi đã hơn hai tháng nay, tên và địa chỉ đều viết đúng; nhưng chắc người đưa thư đưa lộn đến chỗ ông bà?

Ông Brown mỉm cười, không trả lời thẳng câu hỏi của chồng tôi:

- Thưa ông bà, vợ chồng tôi là chủ một tiệm bán đồ cũ ở góc đường Jefferson và đường Hamilton, cách đây chừng mười dặm. Trước ngày đổ rác mỗi tuần, chúng tôi thường lái một xe vận tải nhỏ, đi lượm những đồ cũ mà người ta vất đi. Chúng tôi mang về, soạn ra từng thứ. Đồ dùng, thứ nào còn lành lặn, thì tôi lau chùi sạch sẽ, bày ra tiệm để bán rẻ cho người nghèo. Quần áo thì vợ tôi lựa chọn theo cái lớn, cái nhỏ; rồi cho vào máy giặt sạch. Trước khi cho quần áo vào máy giặt, vợ tôi có thói quen kiểm soát kỹ những túi áo, túi quần. Hai tháng nay, chúng tôi bận rộn, lo đám cưới cho con gái. Những thứ lượm được

mang về còn để cả vào một góc nhà. Nay đám cưới đã xong, chúng tôi mới có thì giờ xem đến những quần áo. Vợ tôi kiểm soát các túi áo, túi quần và thấy cái thư này trong túi một cái áo lạnh cũ.

Chồng tôi như sực nhớ ra điều gì, nói xen vào để giải thích:

- Bây giờ tôi nhớ ra rồi. Hôm ấy tôi đang quét lá ngoài vườn thì người đưa thư trao thư này cho tôi. Tôi bỏ thư vào túi áo rồi quên đi. Sau đó chắc là má tôi dọn dẹp và đem chiếc áo lạnh cũ của tôi bỏ ra lề đường.

Ông Brown nói tiếp:

- Vâng. Chắc vậy. Chúng tôi không nhớ đã lượm những đồ cũ ở đâu. Chúng tôi thấy thư này thì đem trả lại ông.

Chồng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Nhưng thư đã có địa chỉ và dán tem. Ông Bà chỉ cần bỏ vào thùng thư là đủ. Ông Bà vất công đến tận đây đưa thư cho chúng tôi thật là quý quá.

Vẫn với một nụ cười bí ẩn, Ông Brown nói thêm:

- Vâng, nếu chỉ có cái thư không thì có lẽ chúng tôi đã làm như vậy. Nhưng chúng tôi cũng tìm thấy một vật khác nữa trong túi áo.

Nghe đến đây, tôi thấy lạnh toát cả người. Tôi vừa mừng, vừa sợ. Tôi không còn làm chủ được tôi nữa. Tôi bật kêu lên:

- Chiếc nhẫn! Chiếc nhẫn hột soàn của tôi phải không?

Tôi không còn nhớ Ông Bà Brown nói gì sau đó. Tôi chỉ còn nhớ Bà Brown thông thả mở ví, lấy ra chiếc nhẫn và trình trọng trao lại cho tôi. Tôi chạy lại ôm choàng lấy bà ấy, nghẹn ngào không nói ra lời.

Chồng tôi không hiểu chuyện gì, cứ ngồi ngây ra nhìn. Có đến năm, sáu phút sau, tôi mới lấy lại bình tĩnh được và thấy cần phải giải thích cho chồng tôi hiểu:

- Bây giờ em cũng nhớ ra rồi. Hôm đó anh đang quét lá thì có điện thoại. Anh vào nhà trả lời điện thoại và cởi áo lạnh để gần cửa. Em mặc áo lạnh của anh vào và ra quét lá tiếp cho anh. Trước khi bắt đầu quét lá, em tháo nhẫn, bỏ vào túi áo và quên luôn. Má dọn dẹp thấy áo đã cũ nên bỏ ra lề đường.

Bà Brown bây giờ mới lên tiếng.:

- Cũng may mà chúng tôi tìm thấy lá thư có tên và địa chỉ của ông. Nếu không thì chúng tôi không biết làm sao mà đưa trả lại cho bà chiếc nhẫn được.

Chồng tôi đáp lại một cách thành khẩn:

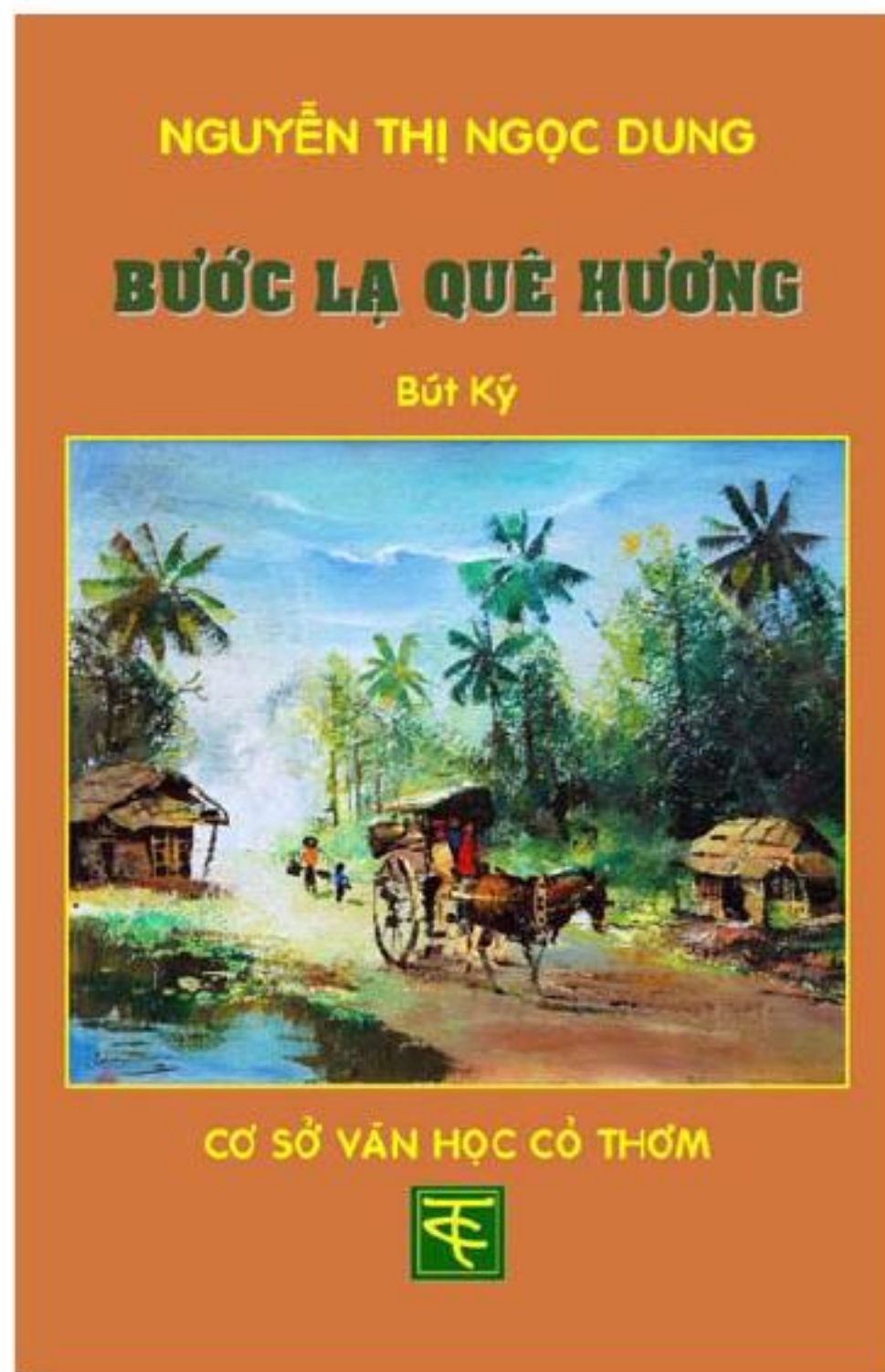
- May mà được hai ông bà thương người đem nhẫn trả lại cho. Chúng tôi biết ơn ông bà vô cùng.

Tôi quá sung sướng và cảm động, chẳng nói được gì. Tôi chỉ biết cầm chặt tay Ông Bà Brown. Tôi có cảm tưởng như được cầm tay hai vị thiên thần. Sau cùng tôi cũng lấy lại được bình tĩnh. Tôi cầm chặt tay bà Brown và để những lời từ đáy lòng tôi thoát ra:

- Ông Bà thật có tấm lòng vàng. Đã hai tuần nay tôi như điên, như khùng vì tiếc chiếc nhẫn. Tôi đã nghĩ rằng không bao giờ tôi có thể tìm lại được chiếc nhẫn vì tôi cho rằng có ai nhặt được nhẫn hột soàn mà đem trả lại bao giờ. Ông Bà đã cho tôi thấy là chung quanh tôi còn có nhiều người tốt.

Tôi hỏi xin địa chỉ và điện thoại của Ông Bà Brown trước khi hai người từ biệt ra về. Tôi biết chắc chắn tôi đã có thêm hai người bạn mới – hai người bạn rất quý - cũng quý như chiếc nhẫn hột soàn của tôi.

PHẠM HỮU BÌNH
(Maryland)



Ấn phí: \$15
(kể cả bưu phí gửi tại Hoa Kỳ)
Liên lạc tác giả:
dsenser@yahoo.com
(703) 471-1271

&

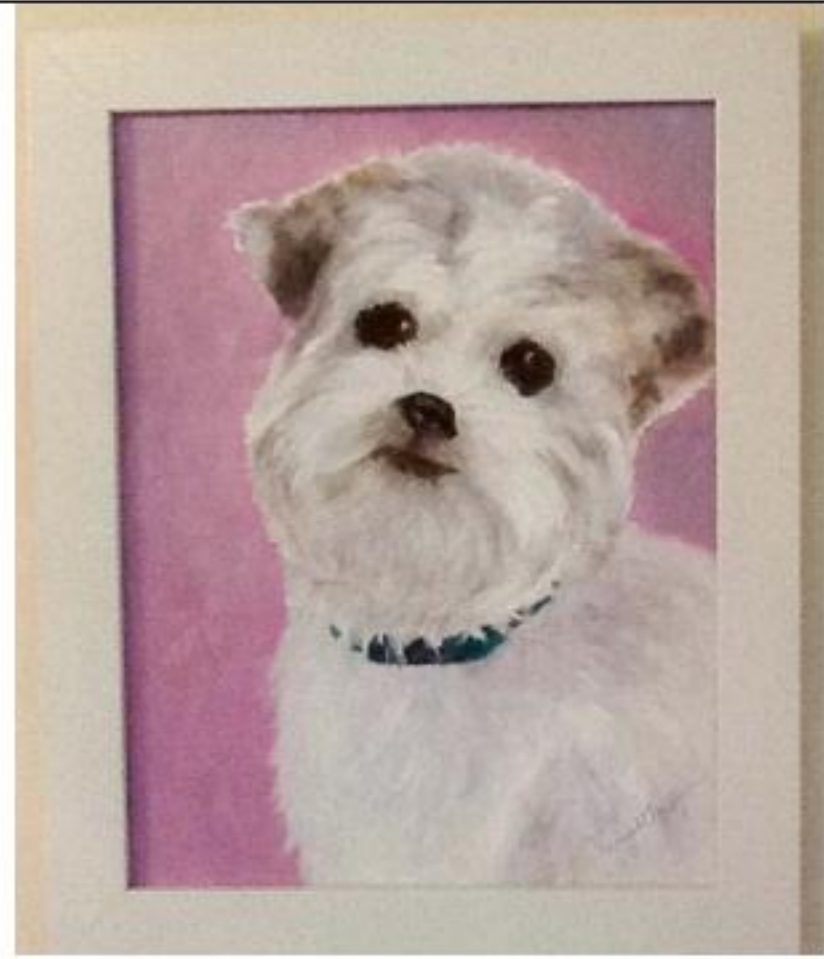
Liên lạc ấn loát:
FOCUS DIGITAL PUBLISHING
Annandale, Virginia 22003
(703) 336-2344

NGỦ NGON NHÉ LUCKY

Phạm Xuân Thái



(Lucky mở quà Christmas)
(Chân Dung Lucky do Nguyệt Hằng vẽ sau khi em
đã đi vào giấc ngủ ngàn Thu) →



Đến nay, Lucky ra đi đã đúng một năm. Đây là lúc những mất mát, đau buồn, thương tiếc đã lắng đọng để tôi có thể bình tâm viết về em.

15 năm về trước, khi cả hai con tôi bắt đầu vào đại học, căn nhà của chúng tôi bỗng trở nên trống trải, vắng lặng, thiếu hẳn tiếng cười đùa, la hét, và tiếng nhạc, tiếng TV âm ỉ, hai vợ chồng chúng tôi bị lâm vào trạng thái buồn bã, trầm cảm do Hội Chứng Trống Vắng (Empty Nest Syndrome) gây ra. Vợ tôi bị nặng hơn, nên nàng thường ngồi thừ trong phòng các con; gọi con dặn dò, khuyên nhủ tối ngày.

Vào ngày Lễ Tạ Ơn năm 2001, các con tôi được nghỉ lễ về thăm gia đình, các cháu rồi rít mang vào nhà một con chó Shihtzu mới

sinh được 6 tháng, lông tam thể, lù xù, xoắn xuýt, mắt to đen, mặt mũi hơi... ngu ngu! Các con chúng tôi thấy Bố Mẹ buồn, nên đã xin con chó từ người bạn và nhờ Bố Mẹ nuôi giùm. Vợ tôi có vẻ vui mừng ra mặt, nhưng tôi thì lừng khừng, không nói. Thú thật: tôi không thích chó và mèo! Thuở bé tôi đã từng bị mèo cào. Chẳng còn nhớ là vì lý do gì? Có lẽ con mèo của gia đình tôi không thích tôi vì thấy tôi chỉ thích Mèo đi bằng hai chân chẳng? Khi mới tò te vào quân đội, muốn hòa đồng và tỏ vẻ dân chơi, nên tôi đã theo bạn đồng ngũ đi nhậu "Nai Đồng Quê (thịt chó)" và uống "Nước Mắt Quê Hương (rượu đế)". Tại châu nhậu này, tôi đã nôn thốc, nôn tháo, thấy cả mặt xanh, mặt vàng, và từ đó không

bao giờ tôi dám động đến "Nai Đồng Quê" nữa, và đâm ra cũng ... không ưa chó!

Sau những ngày nghỉ lễ, các con tôi trở lại trường và để lại con chó cho vợ chồng chúng tôi nuôi. Chúng tôi đặt tên cho nó là Lucky (may mắn), hy vọng Lucky sẽ mang lại mọi điều may mắn cho gia đình chúng tôi.

Việc đầu tiên chúng tôi phải làm là đem Lucky đi bác sĩ Thú y để khám bệnh, chích ngừa, ghi danh với chính quyền địa phương, mua thẻ bài, và cắt lông, cắt móng. Hôm đó, sau khi đi làm về, chúng tôi tới văn phòng bác sĩ Thú y đón Lucky, thì thấy em trần như nhộng, mặt mũi lờ đờ, da thịt xây sát, mặt mày sợt sệt! Cô làm việc tại văn phòng bác sĩ Thú y cho biết:

- Con chó nhà ông bà lông xoắn xuýt, dính chùm thành từng cụm đầy người. Chúng tôi phải cắt sát tận da nó như thế này mới lấy được những cụm lông ấy ra, nên người nó hơi bị xây sát! Lucky cũng hung dữ quá, nó cắn chúng tôi, nên chúng tôi phải nhờ bác sĩ chích thuốc mê cho nó ngủ mới có thể cắt lông cho nó được!

Cô lên giọng dạy đời:

- Ông bà nên cho Lucky đi cắt lông thường xuyên hơn! Hội Bảo Vệ Súc Vật có thể kiện ông bà vì đã ngược đãi súc vật, làm cho chúng bị đau đớn!

Nói xong, cô đưa chúng tôi cái hóa đơn \$280 bao gồm: \$150 chích ngừa, và \$130 tiền cắt lông và tiêm thuốc ngủ.

Vợ tôi mặt lạnh như tiền, rút credit card ra trả, xong bế Lucky ra xe vừa đi vừa lẩm bẩm:

- Đã làm con nhà người ta bị xây sát mình mấy đến nỗi nó sợ xanh mặt mà không nói một lời xin lỗi với mình, còn bày đặt giảng moral nữa chứ! Chắc mẹ này phải hung dữ thế nào em Lucky mới cáu quá phản ứng lại;

đã thế còn đổ thừa con nhà người ta dữ, rồi chích thuốc ngủ cho đến nỗi bây giờ nó còn bị dật dờ như thế này! Thấy ghét, sẽ không bao giờ trở lại đây nữa!!!

Rồi nàng cúi xuống ôm em vào lòng an ủi: em hiền như Ma sơ thế này mà bà ta dám nói em dữ, bà ta hư quá phải không?

Tôi đi theo, lâu bầu:

- Trời đất! Tôi hớt tóc ở tiệm ông Hoàng Thơ chỉ tốn có \$13, còn con chó cắt tóc tốn \$130, không thể nào tưởng tượng nổi!

Những ngày tháng sau đó, vợ tôi lo lắng cho Lucky như người mẹ chăm sóc cho một đứa con nhỏ. Mỗi sáng trước khi đi làm, nàng cho Lucky đi tè, ăn sáng, để sẵn thức ăn trưa cho Lucky. Sau khi đi làm về, nàng lại lo cơm nước cho gia đình, cho Lucky ăn tối, dẫn Lucky đi dạo, làm công tác bài tiết cơ thể, và tắm cho Lucky. Nàng cũng mầy mò kiếm bác sĩ Thú y khác, dễ thương hơn, để đưa Lucky đi khám sức khỏe, chích ngừa, và cắt lông đúng hạn kỳ. Mỗi khi đi chơi xa, nàng lo lắng gọi gắm Lucky cho người quen coi dùm, thỉnh thoảng gọi về hỏi thăm...

Để đáp lại tình thương yêu của chúng tôi, Lucky xử sự như một đứa con ngoan trong gia đình.

Mỗi sáng Lucky đều đợi chúng tôi ngủ dậy ở dưới chân cầu thang; nó vẫy đuôi loạn xạ khi chúng tôi bước xuống, sau đó nó chồm lên ôm lấy chúng tôi như một kiểu chào buổi sáng, good morning Bố, Mẹ ngủ ngon không? Khi chúng tôi ngồi đọc báo bên ly cà phê, bao giờ nó cũng ngồi sát dưới chân, thỉnh thoảng nó chồm lên cào nhẹ vào đùi để gọi sự chú ý và đòi bế lên ngồi lòng Mẹ, hoặc được đặt ngồi ở một ghế bên cạnh, nhìn ra cửa sổ ngắm bầu chim bay lượn sau vườn.

Khi cả nhà đi làm, Lucky làm gác đan canh nhà. Tuy nhỏ con, nhưng miệng nó sủa rất to; tai và mũi nó rất thính để có thể phát giác người lạ từ xa.

Khi vợ tôi đi làm về nó mừng rỡ, nhảy chồm lên, tíu tít mi mi nằng. Lẽo đẽo đi theo nằng mọi nơi, mọi chốn. Sau đó, nó ngồi ở ngã ba trong nhà để có thể nhìn thấy "Mẹ" nấu cơm dưới bếp, và nhìn ra cửa để chờ "Bố" về. Khi tôi đi làm về, nó đã đánh hơi thấy từ xa, sủa vang lên mừng rỡ, và ôm chầm lấy chân tôi, ríu rít mi mi tôi. Tôi ngồi xuống vuốt ve nó, nó đáp lại bằng cách rúc đầu vào lòng tôi, và chồm lên mi mi mặt tôi không ngừng.

Buổi tối, sau khi cơm nước xong, chúng tôi nằm xem TV ở hai ghế trong phòng gia đình, Lucky ghé xuống, nằm dưới thảm, sát bên ghế của chúng tôi để chúng tôi xoa xoa đầu, và vuốt ve bộ lông mềm mại của nó; thỉnh thoảng nó lại chồm lên, mi mi chúng tôi. Nằm bên "Mẹ" một lúc, nó lại thay phiên đến nằm cạnh "Bố".

Có vài lần vì mệt quá, tôi nằm lăn ra ngủ trên chiếc ghế sofa, và ..."ngáy cho vui cửa, vui nhà". Lucky nghe tiếng ngáy "rùng rợn" quá, nó tưởng tôi sắp chết, nên chồm lên người tôi, lấy chân cào cào lên người tôi, và liếm liên tiếp lên mặt tôi để đánh thức tôi dậy. Khi thấy tôi tỉnh dậy, nó mừng mừng, tủi tủi, ôm chầm lấy tôi, tim đập rộn ràng.

Tình thương yêu giữa người và thú càng ngày càng khăng khít. Lucky không biết nói nên không cãi lại những khi chúng tôi mắng nó; nó yêu thương chúng tôi một cách vô điều kiện; nó diễn tả tình cảm bằng những cái ôm, những cái rúc đầu vào lòng chúng tôi, và bằng những nụ hôn lên tay, lên má chúng tôi. Chúng tôi không còn coi nó như một con

súc vật, quên hẳn câu người Việt Nam chúng ta thường nói: "chơi với chó, chó liếm mặt", và coi nó như một đứa con trong gia đình.

Thời gian thấm thoát trôi qua, Lucky đã sống với chúng tôi đúng 13 năm. Mỗi năm thọ của chó bằng 7 năm thọ của con người, tính ra Lucky đã thọ bằng 91 tuổi người, nhưng nó vẫn nhanh nhẹn, càng ngày càng hiểu tiếng người nhiều hơn, và diễn tả tình cảm, thương yêu chúng tôi nhiều hơn. Những khi đi làm về mệt nhọc, nhìn nó quăn quýt mừng rỡ bên mình, những mệt nhọc dường như tan biến hẳn.

Tháng 5, năm 2014, Lucky có vẻ biếng ăn, mệt mỏi, hít thở có vẻ khó khè, khó khăn, chúng tôi và hai con vội đưa em đi bác sĩ. Bác sĩ khám nghiệm và cho biết Lucky bị nhiều mụn nhọt ung thư lan tràn trong cuống họng, và đề nghị cho em "ngủ" ngay để khỏi làm em đau đớn!

Cả nhà bật khóc vì quá đau lòng trước tin bất ngờ này. Chúng tôi nằng nặc không chịu và quyết định đem em về nhà; chúng tôi bảo bác sĩ: bao giờ Lucky yếu quá, sẽ đem trở lại văn phòng bác sĩ sau. Ông bác sĩ mắt cũng đỏ hoe, cảm thông, đồng ý để chúng tôi đem Lucky về nhà, kèm theo một lô giá cả của những chọn lựa để chôn cất.

Hai con chúng tôi bấy giờ đã ra trường và ở riêng, khi biết Lucky bị cơn bệnh ngặt nghèo, các cháu về nhà thường xuyên hơn, đưa em Lucky đi chơi đó đây và ra Dog's Park lần cuối. Lucky tuy thích lắm, nhưng mệt mỏi ra mặt, đi chút xíu lại đứng lại một cách mệt mỏi.

Khoảng 10 ngày sau, hơi thở của Lucky khó khăn hơn, và không ăn uống được nữa. Mỗi tối nó rên rĩ, đi tới đi lui, không ngủ được. Nhìn tình trạng của Lucky, chúng tôi rưng rưng nước mắt, tôi bảo vợ tôi:

- Thôi, đừng vì tình thương yêu của mình mà kéo dài sự đau đớn cho Lucky, hãy cho nó ngủ đi!

Sáng hôm sau, tôi thông báo quyết định cho hai con chúng tôi biết. Hai cháu xin nghỉ làm để được ở bên cạnh Lucky trước khi vĩnh viễn xa em. Vợ tôi và cháu gái không đủ can đảm theo tôi đến văn phòng bác sĩ. Hai mẹ con ôm Lucky vào lòng, nước mắt dàn dụa, không muốn trao Lucky cho tôi và cháu trai đưa đi. Tôi phải nhẹ nhàng nói:

- Thôi, đến giờ hẹn bác sĩ rồi, nên cho em đi.

Vợ tôi ôm chặt Lucky vào lòng lần cuối, thì thầm nói:

- Bye bye em nhé! Em lên thiên đàng để hết bị đau đớn nhé! Cả nhà sẽ gặp lại em sau này nhé!

Tôi và cháu trai mang Lucky đến văn phòng bác sĩ. Ông bác sĩ nhìn chúng tôi tỏ vẻ thông cảm và nói:

- Ông và cậu hãy ở bên cạnh Lucky đến bao giờ xong thì đưa cho cô thư ký đem vào trong để tôi chích thuốc ngủ cho Lucky ra đi một cách nhẹ nhàng. Xin chia buồn cùng ông và gia đình.

Nói xong ông bác sĩ bước vào phía trong. Con trai tôi ôm ấp, vuốt ve Lucky một hồi lâu, rồi nó òa lên khóc và chạy ra xe. Tôi ôm Lucky vào lòng, nước mắt tuôn tràn, vuốt ve lên bộ lông mịn màng của nó và thì thầm:

- Lucky ngủ ngon nhé! Chúc em một kiếp sau tốt đẹp hơn nhé!

Tôi trao Lucky cho cô thư ký. Cô thư ký kéo Lucky bước vào căn phòng tối. Như có linh cảm, Lucky quay lại, dương đôi mắt to đen, buồn bã nhìn tôi như muốn nói lời giã biệt.

Hình ảnh trước khi đi vào giấc ngủ ngàn thu, và đôi mắt long lanh của Lucky chắc chắn sẽ mãi mãi tồn tại trong tôi!

Phạm Xuân Thái

Virginia, 20/5/2015.



Nước Mỹ Vĩ Đại

Nguyễn Quốc Khải

29-5-2015

Nhờ phim ảnh và sách báo, từ nhỏ tôi đã nghĩ là Hoa Kỳ là một nước vĩ đại.

Không đầy hai thế kỷ từ ngày lập quốc, Hoa Kỳ đã trở thành một cường quốc số một của thế giới sau Đệ Nhất Thế Chiến. Vào đầu thập niên 70, sau nhiều cam go, xin được học bổng của Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế (U.S. Agency for International Development viết tắt là USAID) tôi được đặt chân đến Hoa Kỳ, một cơ hội cho tôi lần mò tìm hiểu làm thế nào Hoa Kỳ lại hùng mạnh đến như vậy.

Cơ quan USAID đề nghị ba trường đại học cho tôi tự ý chọn: Ohio State University, Louisiana State University, và University of Florida. Tôi sợ lạnh nên lựa đại học của vùng nắng ấm Florida. Khi tôi nhập học, trường cho tôi ở chung với ba sinh viên Hoa Kỳ trong một phòng lớn có hai phòng ngủ và một phòng khách và bếp nối liền nhau ở tầng 9 trong một cao ốc 12 tầng.

Không đầy một tháng, tôi được tin cơ quan Quản Trị Hàng Không và Không Gian Quốc Gia ([National Aeronautics and Space Administration](#) viết tắt là NASA) báo tin về ngày phóng phòng thí nghiệm không gian (skylab) vào quỹ đạo trái đất. Tôi muốn chứng kiến một chương trình vĩ đại của nước Mỹ. Rất tiếc rằng cửa sổ phòng của chúng tôi hướng về phía bắc, trong khi đó Cape Canaveral, nơi phóng hỏa tiễn lại ở về hướng nam. Cho dù ở cùng hướng, tôi cũng

không nhìn thấy hỏa tiễn phóng lên, vì hai nơi cách xa nhau 170 dặm.

Những thứ vĩ đại của nước Mỹ người ta thường nghĩ đến là những tòa nhà chọc trời ở New York, hệ thống xa lộ chằng chịt bao trùm khắp nước Mỹ, chương trình Appolo đưa con người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng, phi thuyền con thoi, số giải thưởng Nobel dành cho những nhà bác học Hoa Kỳ, lợi tức đầu người trung bình của người dân Hoa Kỳ và những trường đại học nổi tiếng. Theo điều nghiên của Đại Học Jaotong tại Thượng Hải, trong 20 trường đại học tốt nhất thế giới, 17 trường là của Hoa Kỳ. 1/

Kể từ ngày tới Mỹ du học đến nay, tôi đã ở liên tục trên đất nước này trên 40 năm, nhiều hơn cả thời gian ở Việt Nam. Thời gian này dài đủ để buộc tôi phải hiểu thêm về quốc gia trẻ trung và hùng mạnh này. Vai trò đại cường quốc mà nước Mỹ đạt được không phải là nhờ nước Mỹ rộng lớn, trải dài từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương. Thật vậy, Liên Bang Nga lớn gấp bội so với Hoa Kỳ. Trung Quốc và Canada có một diện tích xấp xỉ với Hoa Kỳ. Brazil và Úc cũng không thua Hoa Kỳ về diện tích bao nhiêu.

Nước Mỹ vĩ đại cũng không phải vì dân số đông. Thật vậy, Trung Quốc và Ấn Độ có dân số lớn gấp trên dưới bốn lần so với dân số của Hoa Kỳ nhưng tổng sản phẩm nội địa trung bình đầu người của Trung Quốc và Ấn Độ thua xa Hoa Kỳ. Singapore, Norway, và Switzerland có lợi tức đầu người trung bình hơn cả Hoa Kỳ mặc dù ba nước này rất nhỏ về cả diện tích lẫn dân số.

Nước Mỹ làm được những thứ vĩ đại chính là nhờ vào những điều rất tầm thường nhưng vô cùng quan trọng, nhiều quốc gia như Việt Nam không có được vì gánh nặng

văn hóa chậm tiến đè nặng trên vai trên cổ của họ cùng với một mớ giáo điều lỗi thời.

Tôi đến nước Mỹ lần đầu tiên vào mùa xuân 1970 trong một chương trình huấn luyện quân nhu và du sát trong 4 tháng. Thỉnh thoảng chúng tôi được cho đi thăm thú một vài danh lam thắng cảnh của nước Mỹ bằng xe buýt. Mỗi khi gần đến các đoạn đường có đường xe lửa chạy ngang, ông tài xế cho ngừng xe lại, mở hết các cửa xe ra, rồi mới vượt qua đường sắt, mặc dù ở ngay giữa đồng không mông quạnh, không thấy một bóng dáng xe cộ nào cả. Ngày nay, thỉnh thoảng lái xe ban đêm khoảng một hai giờ sáng, tôi vẫn thấy người ta chịu khó chờ đèn xanh chứ không vượt đèn đỏ, mặc dù đường xá vắng tanh. Tinh thần kỷ luật của dân Mỹ nói chung rất cao là một trong những yếu tố làm cho nước Mỹ hùng mạnh. Dân Mỹ tôn trọng kỷ luật một phần vì luật pháp ở Hoa Kỳ rất nghiêm minh. Luật do chính người dân làm ra qua những người đại diện của họ trong chính quyền hoặc các cơ quan lập pháp.

Tôi làm việc nhiều năm trong Washington-DC. Thỉnh thoảng tôi đi bộ đến National Geographic Society (NGS) vào giờ trưa để xem triển lãm, tìm kiếm bản đồ, và sách báo về địa dư. Trong một thời gian rất lâu tôi vẫn tưởng NGS là một cơ quan của chính phủ, vì tầm vóc của cơ quan này về phương tiện cũng như hoạt động rất lớn, nhưng thật ra đây là một hội tư nhân bất vụ lợi, thành lập từ năm 1888, chuyên nghiên cứu về địa dư, khảo cổ, khoa học tự nhiên, và bảo vệ môi trường. NGS có 700 triệu độc giả mỗi tháng. Những ấn phẩm được in bằng 40 ngôn ngữ khác nhau. Ngân sách hàng năm vào khoảng \$500 triệu.

NGS là một trong hơn 1.5 triệu tổ chức phi chính phủ (non-governmental organization viết tắt là NGO) tại Hoa Kỳ. 2/ Những tổ chức này đóng những vai trò tích cực trong việc soạn thảo luật, hoạch định chính sách của chính phủ, ảnh hưởng đến mọi tầng lớp của xã hội. Hoạt động của những tổ chức này bao gồm các vấn đề như nhân quyền, lao động, môi trường, phát triển, sức khỏe, kế hoạch gia đình, từ thiện, bảo vệ súc vật, bảo vệ nhóm thiểu số, v.v. Một số tổ chức không cung cấp dịch vụ, mà chỉ nhằm vận động hành lang để bênh vực quyền lợi của nhóm người mà tổ chức đại diện. NGO đóng một vai trò vô cùng quan trọng giúp cho Hoa Kỳ hùng mạnh.

Tôi có một người bạn già tri kỷ ở cùng tiểu bang Virginia. Anh ta có một người con học rất khá ở bậc trung học, nên University of Virginia (UVA) cho học bổng toàn phần 4 năm. Theo xếp hạng của U.S. News & World Report, UVA đứng thứ 23 trên toàn nước Mỹ nhưng đứng đầu về chương trình kỹ sư bậc cử nhân, hạng nhì so với các trường đại học công, và hạng 6 về ngành kinh doanh. Nhưng đứa con của anh bạn tôi từ chối học bổng này và chọn University of Pennsylvania, một trong tám trường Ivy League nổi tiếng, xếp hạng thứ 8 trong tổng số các trường đại học ở Mỹ. Khi học xong bậc cử nhân, đứa con của bạn tôi được cả năm trường đại học giỏi nhất nước Mỹ nhận vào học.

Ở Hoa Kỳ, sinh viên giỏi có nhiều cơ hội lựa chọn trường tốt. Các trường dành sinh viên giỏi. Các công ty và các cơ quan chính phủ đôi khi đến tận các trường nổi tiếng để tuyển sinh viên giỏi tốt nghiệp. Hệ thống ganh đua và lựa chọn như vậy đã giúp đưa

nhiều người tài năng vào những chức vụ lãnh đạo trong mọi lãnh vực. Chính vì vậy mà nước Mỹ tiến mạnh, không một quốc gia trên thế giới hiện nay có thể bắt kịp.

Theo bảng xếp hạng hàng năm của Viện Quốc Phát Triển Quản Trị (International Institute of Management Development viết tắt là IMD) tại Lausanne, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ đứng đầu trong danh sách những nước có khả năng cạnh tranh cao nhất thế giới, tiếp theo là Thụy Sĩ, Hồng Kông, Thụy Điển, và Singapore. Đức đứng hạng 9. Trung Quốc và Nga lần lượt đứng hạng 21 và 42 trong số 60 quốc gia IMD nghiên cứu.

Một trong những lý do khiến Hoa Kỳ có khả năng cạnh tranh cao là do năng suất lao động của Hoa Kỳ cao. Năng suất lao động được đo lường bằng tỉ lệ tổng sản lượng nội địa trên tổng số giờ làm việc. Theo thống kê 2012 của Tổ Chức Hợp Tác Kinh Tế và Phát Triển (Organization for Economic Cooperation & Development viết tắt là OECD), Hoa Kỳ xếp hạng thứ tư sau Norway, Luxembourg, và Ireland. Nga đứng hạng 36, trên Mexico trong số 37 nước thành viên trong tổ chức OECD. 3/

Một trong những khổ tâm trong thời gian học tại Việt Nam là lối học từ chương. Khi chuẩn bị thi tú tài, học trò phải thuộc lòng cùng một lúc nhiều môn học khác nhau đã học suốt năm. Vì học theo sách vở và rất ít thực hành nên nhiều khi thuộc như con vẹt mà không hiểu và do đó thi xong là quên. Lối giáo dục này tiếng Mỹ gọi là “drill-and-kill teaching” hiện vẫn còn áp dụng ở Trung Quốc và Việt Nam cộng thêm giáo điều xã hội chủ nghĩa và tư tưởng Hồ Chí Minh. Một trong điều may mắn khi được học ở nước Mỹ là chương trình theo lối tin chỉ. Thi xong môn nào vừa học trong ba hay sáu

tháng là có điểm môn đó. Thường thường học mới có nửa khóa là đã phải thi giữa khóa. Các bài thi đòi hỏi sinh viên phải suy nghĩ chứ không phải thuộc lòng.

Sinh viên sợ nhất là thi mở sách (open book exam hay take-home exam) vì phải dùng sự xét đoán rất nhiều, thường áp dụng cho sinh viên cao học. Lối học thuộc lòng làm thui chột óc sáng tạo. Khi thỉnh giảng tại School of Advanced International Studies của Johns Hopkins University, tôi thường cho sinh viên chọn một cuốn sách trong danh sách sách cần đọc và thường chỉ đòi sinh viên trả lời bốn câu hỏi: (1) Tác giả muốn nói gì?; (2) Những điểm đồng ý và tại sao; (3) Những điểm không đồng ý và tại sao? và (4) Kết luận.

Sáng tạo và khả năng cạnh tranh liên quan trực tiếp với nhau. Theo GS Richard Florida, University of Toronto, không ai rõ sự phồn thịnh, một phép lạ ở Hoa Kỳ trong hơn một thế kỷ vừa qua, thực sự do những nguyên nhân nào. Tuy nhiên theo ông, sự thành công của Hoa Kỳ do một nhân tố then chốt là việc đón nhận những ý kiến mới. Ý kiến không từ trên trời rơi xuống mà đến từ con người. Tất cả những tiện nghi và những phát minh làm gia tăng năng suất như iPod và GPS đều do con người tạo ra. Khối nhân lực sáng tạo 38 triệu người của Hoa Kỳ bao gồm những khoa học gia, kỹ sư, kiến trúc sư, nhà giáo dục, nghệ sĩ, nhạc sĩ, và những người giúp vui. Nhiệm vụ của họ là tạo ra những sáng kiến, kỹ thuật mới, hoặc là nội dung mới. 4/ Đề khuyến khích sức sáng tạo, luật pháp Hoa Kỳ tuyệt đối bảo vệ các phát minh và bản quyền, kể cả một tấm hình vừa được máy ảnh thu vào hay một bản nhạc vừa được sáng tác.

Nhờ vào chính sách di dân rộng rãi, Hoa Kỳ đã thu nhận nhiều nhân tài từ những nước khác, đặc biệt từ Âu Châu khi nhiều người trốn tránh chế độ Phát Xít và Cộng Sản trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai và chiến tranh lạnh. Nhà Vật Lý và Triết Gia Albert Einstein, từng mang nhiều quốc tịch khác nhau: Wurtttemberg, Thụy Sĩ, Áo, và Đức. Trong một chuyến viếng thăm nước Mỹ vào 1933, là một người theo đạo Do Thái, ông quyết định không trở lại Đức khi Adolf Hitler lên làm tổng thống để trốn tránh chế độ Nazi. Albert Einstein trở thành công dân Mỹ vào năm 1940.

Kỹ Sư Không Gian gốc Đức Wernher von Braun định cư tại Hoa Kỳ sau khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt ở Âu châu. Khoa Học Gia Điện Toán gốc Nga Sergey Mikhaylovich Brin di dân đến Mỹ vào năm 1979 khi mới 6 tuổi. Gần 20 năm sau, ông cùng với bạn học cũ Larry Page ở Stanford University thành lập công ty Google. Kỹ Sư Điện gốc Ấn Độ Sabeer Bhatia du học ở Mỹ từ năm 1988, đồng sáng lập Hotmail cùng với đồng nghiệp Jack Smith vào năm 1996 với 369 triệu người sử dụng, xếp hạng hai sau Google. 5/

Kinh tế Hoa Kỳ phát triển qua ba thời đại. Trước nhất là thời đại nông nghiệp. Kế tiếp là thời đại kỹ nghệ hóa. Trong ba hay bốn thập niên vừa qua, Hoa Kỳ đã bước vào thời đại sáng tạo. Trong 10 năm gần đây có những dấu hiệu chứng tỏ sức sáng tạo của Hoa Kỳ gặp nguy cơ đi xuống. Thật vậy, theo sự nghiên cứu của GS Richard Florida, tỉ lệ của khối nhân lực sáng tạo trên tổng số nhân công của Hoa Kỳ đứng hạng thứ 11 sau mười nước như Ai Nhĩ Lan, Bỉ, Úc, Hòa Lan, Tân Tây Lan, Estonia, Anh, Canada,

Phần Lan, và Iceland. Theo tạp chí Business Week, trong số 25 công ty công nghiệp cao, chỉ có sáu công ty đặt cơ sở tại Hoa Kỳ trong khi đó 14 công ty đặt tại Á Châu.

Về công ăn việc làm người ta thường nói đến nạn thất nghiệp và công việc chuyển ra nước ngoài. Nhưng theo GS Florida vấn đề quan trọng hơn là tình trạng thiếu tài năng sáng tạo. Kinh tế gia Lawrence Summers, cựu Viện Trưởng Harvard University và kinh tế gia Edward Montgomery, cựu Thứ Trưởng Lao Động, cho rằng vấn đề thiếu tài năng sáng tạo khó tránh khỏi. Hoa Kỳ cần phải cạnh tranh với những nước phát triển khác để thu hút và trọng dụng nhân tài bằng chương trình di dân và chiêu khán rộng rãi. Trong khoảng 24 năm gần đây, kể từ 1990 đến 2013, Hoa Kỳ đã nhận 24.2 triệu di dân hợp pháp, trung bình mỗi năm là khoảng 1 triệu người. 6/

Gần đây nhân dân Mỹ phản nản rất nhiều về tình trạng đảng phái cấu xé nhau tàn tệ tại Quốc Hội. Một trong những hậu quả đã xảy ra là việc chánh phủ đã buộc phải đóng cửa 16 ngày trong năm 2013. Một cường quốc lãnh đạo mà đã để xảy ra tình trạng như vậy không thể không mất uy tín và lòng tin cậy của thế giới. Một việc kéo dài từ vài năm nay chưa giải quyết được là chương trình y tế "Patient Protection and Affordable Care Act" (PPACA) gọi tắt là Obamacare do sự xung khắc về quyền lợi mà hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đại diện. Tuy nhiên đây là chuyện nội bộ của nước Mỹ.

Tồi tệ hơn là chương trình ngoại thương Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership, viết tắt là TPP) liên quan đến 11 nước khác đã kéo dài nhiều năm. TPP đã không kết thúc được

vào năm vừa qua như mong muốn. 2015 có thể là năm dứt điểm vì tình trạng căng thẳng ở Biển Đông và sự cạnh tranh của Trung Quốc và Nga qua việc thành lập Ngân Hàng Đầu Từ Hạ Tầng Cơ Sở Á Châu (Asian Infrastructure Investment Bank viết tắt là AIIB) và Liên Hiệp Kinh Tế Âu Á (Eurasian Economic Union viết tắt là EAEU). Tuy nhiên Hoa Kỳ đang vấp phải khó khăn nội bộ. Vấn đề lao động gây chia rẽ ngay trong Đảng Dân Chủ, giữa phe hành pháp và lập pháp và đằng sau là những công đoàn lao động của Hoa Kỳ.

Tôi tin đây trên đây là những khó khăn ngắn hạn và tạm thời. Thật vậy, truyền thông thương mại và truyền thông xã hội dân sự đã lên án gắt gao tình trạng ngưng trệ tại Washington. Một xã hội cởi mở với tự do báo chí và tự do bày tỏ như xã hội Hoa Kỳ sẽ giúp cho Hoa Kỳ tự sửa đổi như đối với nạn kỳ thị chủng tộc và nam nữ bất bình đẳng. Cạnh tranh và hợp tác là truyền thống tạo nên sức mạnh tại quốc gia này.

Ngay sau khi chính thức thất cử trong cuộc tranh cử tổng thống vào năm 2008, TNS John McCain tuyên bố TNS Barack Obama là vị tổng thống của tôi và kêu gọi mọi công dân Hoa Kỳ chúc mừng TNS Obama và ủng hộ tổng thống thứ 44 của Hoa Kỳ. Ông cũng nói rằng lần đầu tiên trong lịch sử một công dân Hoa Kỳ gốc Phi châu được bầu làm tổng thống. Đây là

một niềm hãnh diện lớn lao và là một bằng chứng rõ ràng rằng Hoa Kỳ đã tiến một bước rất xa về vấn đề kỳ thị chủng tộc. TNS McCain nói tiếp rằng TNS Obama và ông đã tranh luận về những khác biệt, nhưng TNS Obama đã thắng. Chắc chắn rằng những khác biệt đó vẫn còn, nhưng ông hứa rằng ông sẽ giúp TNS Obama trong quyền hạn của mình để đối phó với những thử thách trước mặt. 7/

Một thế kỷ rưỡi trước đây, Hoa Kỳ đã để lại một gương sáng cho nhân loại về tinh thần mã thượng của dân tộc Hoa Kỳ. 8/ Cuộc nội chiến kéo dài bốn năm, ba tuần và sáu ngày chấm dứt vào 9-4-1865 (theo Tuyên Ngôn là 9-5-1865). Tướng Robert E. Lee của quân miền Nam nhận đầu hàng với đại diện quân miền Bắc là Tướng Ulysses S. Grant tại Appomattox Court House, Virginia qua một nghi thức giản dị nhưng



Nghi thức đầu hàng của Tướng Robert E. Lee (ngồi bên trái) tại Appomattox Court House Virginia, ngày 9-4-1865 (hình của The Major)

trang nghiêm. Quân lính miền Nam được tự do trở về nguyên quán và không ai bị trừng phạt hay bị tù đầy. Binh sĩ tử trận được chôn chung trong cùng một nghĩa trang, ngoại trừ thân nhân muốn mang thi hài chôn cất ở nơi khác. Theo lệnh của Tướng Grant, quân miền Bắc không được ăn mừng chiến thắng. Sau này Tướng Lee trở thành viện trưởng của một đại học nay gọi là Washington and Lee University tại Lexington, Virginia. Ông chống lại toan tính tổ chức nổi loạn tiếp tục chống lại chánh phủ liên bang, ủng hộ việc giúp cựu quân nhân miền Nam hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ, và kiến thiết lại đất nước.

Gần đây hơn, sau khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt, Hoa Kỳ đã không hề chủ trương chém giết những kẻ thua trận mà trái lại còn giúp các nước đồng minh và cả các nước cựu thù xây dựng lại những đổ vỡ. Hoa Kỳ chi khoảng \$13 tỉ (tương đương với \$120 tỉ theo thời giá bây giờ) qua Chương Trình Phục Hồi Âu Châu (European Recovery Program viết tắt là ERP) hay còn gọi là Kế Hoạch Marshall, theo tên của Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ George Marshall. Tướng Douglas MacArthur, Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương, chỉ huy lực lượng chiếm đóng Nhật từ 1945-1951, đã giúp nước này soạn thảo hiến pháp mới, loại bỏ quyền tư lệnh tối cao của Hoàng Đế Nhật, cải tổ nước Nhật thành một nước dân chủ, thực hiện chương trình cải cách ruộng đất. Ngày nay, dân Nhật coi MacArthur là một trong những người có công lớn trong việc tái thiết nước Nhật. 9/

Sau hết nhưng không kém phần quan trọng là lòng yêu chuộng tự do của dân Hoa Kỳ. Tự do giúp con người phát triển năng

khieu và sáng kiến. Tự do giúp sự thông tin được nhanh chóng, đa chiều và trung thực hơn, giúp mọi người bày tỏ lập trường dễ dàng và như vậy dễ tìm được chân lý. Tự do, trái ngược với sự bùng bít, giúp xã hội cởi mở, hạn chế được những sai trái và tội phạm.

Tự do tất nhiên đưa đến dân chủ. Phần lớn các nước dân chủ đều là những nước giàu có. Kinh tế gia đoạt giải Nobel người Ấn Độ Amartya Sen nghiên cứu về nghèo đói và dân chủ đã đưa ra một lời tuyên bố nổi tiếng: “Không bao giờ có một nạn đói nào đáng kể xảy ra ở một nước độc lập, dân chủ và có tự do báo chí.” 10/ Nạn đói chỉ xảy ra ở những độc tài hay bị chiếm đóng.

Tương tự như vậy, tham nhũng thường lan rộng ở những nước thiếu dân chủ. Hậu quả của tham nhũng là không đạt được sự chọn lựa tốt nhất, gia tăng phí tổn, làm hại đến sự sáng tạo, và nuôi dưỡng tội phạm. Những bằng chứng cụ thể từ những cuộc nghiên cứu của Ngân Hàng Thế Giới cho thấy rằng tham nhũng làm giảm đầu tư (nội địa cũng như nước ngoài), giảm phát triển, giới hạn giao thương, làm sai lệch chi phí quốc gia, làm suy yếu hệ thống tài chánh, và củng cố nền kinh tế đen (underground economy). Quan trọng hơn cả là tham nhũng làm tăng sự nghèo nàn và chênh lệch lợi tức. 11/ Tham nhũng và tình trạng phe đảng, con ông cháu cha (cronyism) tại Trung Quốc và Nga sẽ tiếp tục nhận chìm những nhân tài và khả năng cạnh tranh của hai nước này. 12/

Trong bảng xếp hạng về mức độ tham nhũng tại 177 quốc gia trên thế giới vào năm 2014 do Transparency International thiết lập, đứng đầu danh sách (trong sạch nhất) là Đan Mạch, kế đến là Tân Tây Lan, Phần Lan,

Thụy Điển và Na Uy. Hoa Kỳ đứng hạng thứ 17. Trung Quốc: 100. Việt Nam: 119. Nga: 136. 13/ Hoa Kỳ có thể cố gắng hơn để cải tiến hơn nữa về lãnh vực này.

Môi trường tự do dân chủ và một nền văn hóa siêu việt đã giúp cho nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển như hiện nay với lợi tức đầu người tính theo mỗi lực quân bình vào năm 2013 là \$53,042, xếp hạng sau bảy nước mà phần đông là những nước sản xuất dầu: Qatar, Kuwait, Singapore, Brunei, Norway, Switzerland, và Saudi Arabia. Hoa Kỳ bỏ xa Nga (\$25,248) và Trung Quốc (\$11,906). 14/

GS Jonathan Adelman thuộc University of Denver viết: “một câu châm ngôn chính trị xưa nói rằng ‘Anh không thể đánh bại một ai nếu người đó không có đối thủ.’ Ngay bây giờ không có một nước nào hiện ra ở chân trời sẽ bắt kịp hoặc là thử thách Hoa Kỳ một cách nghiêm chỉnh trong thời hạn ít nhất một hay hai thập niên sắp tới.” 15/

Sau khi viết bài nhận định này gần xong, dựa trên những dữ kiện vừa phân tách, tôi có khuynh hướng đồng ý với nhận định của GS Adelman. Hoa Kỳ sẽ tiếp tục là một đại cường quốc về kinh tế cũng như về quân sự không bị thử thách trong một tương lai có thể thấy được. Nga và Trung Quốc còn khá lâu mới có thể là đối thủ cân xứng với Hoa Kỳ. Thay đổi một thể chế chính trị cần từ vài năm đến vài thập niên. Cải tổ một nền văn hóa cần từ vài thế hệ cho đến vài thế kỷ để trở thành một nước vĩ đại.

Chú thích:

1/ Jonathan Adelman, “Why the U.S. Remains the World’s Unchallenged Superpower,” *Forbes*, November 24, 2013.

2/ Wikipedia, “Non-government Organization,” May 28, 2015.

3/ Theo thống kê của tổ chức OECD, Labor – Productivity Levels in the total economy, May 27, 2015.

4/ Richard Florida, “America’s Looming Creativity Crisis,” *Harvard Business Review*, October 2004.

5/ Như trên.

6/ Wikipedia, “Immigration to the U.S.,” May 28, 2015.

7/ John McCain, “McCain’s Concession Speech,” *The New York Time*, November 4, 2015.

8/ Vũ Ngọc Tấn, “Tinh Thần Mã Thượng Trong Nội Chiến Mỹ,” *Việt Luận*, 12-2011.

9/ Wikipedia, “Marshall Plan,” May 28, 2015.

10/ Amartya Sen and Amartya K. Sen, “Poverty and Famines – an Essay on Entitlement and Deprivation”, Oxford University Press, London, 1983.

11/ The World Bank, “The Economic and Social Consequences of Corruption in Transition Countries.”

12/ Susan Adams, “The World’s Most Competitive Countries,” *Forbes*, May 30, 2013.

13/ Transparency International, “Corruption Perceptions Index 2014,” 2014.

14/ Theo số thống kê của World Bank.

15/ Như chú thích 1/.



NGUYỄN QUỐC KHẢI

SÀI GÒN - NHỮNG NGÀY THÁNG KHÔNG QUÊN

Thấm thoát đã 40 năm chúng ta mất Sài Gòn. Bốn mươi năm người Việt lưu vong khắp năm châu nhưng tâm tư vẫn hướng về quê Mẹ. Mẹ Việt Nam vẫn còn trầm luân trong bóng tối dưới chế độ cộng sản Hà Nội đã áp đặt trên toàn cõi Việt Nam. Nghèo đói, bất công vẫn chồng chất. Hạnh phúc, phồn vinh cho tổ quốc vẫn là cái bánh vẽ. Giấc mơ tự do, dân chủ của bao thế hệ đã hy sinh xương máu nhưng vẫn chưa thấy ánh bình minh. Thế hệ Việt Nam đầu tiên đặt chân đến Hoa Kỳ hầu như đang lần lượt ra đi. Họ bỏ lại hành trang mang nặng nỗi đau vong quốc. Thế hệ mới đang tiếp nối nhờ dòng văn học hải ngoại qua văn, thơ, âm nhạc... đã nuôi dưỡng lòng yêu tổ quốc Việt Nam và thương nhớ quê nhà.

Năm nay, khắp hải ngoại tổ chức ngày lễ tưởng niệm Tháng Tư Đen với nhiều chương trình đặc biệt khác nhau. Cộng đồng Việt Nam vùng Washington D.C, MD. VA đã chuẩn bị chu đáo một chương trình quy mô kéo dài từ ngày 23/4/2015 đến hết ngày 2/5/2015 với nhiều sinh hoạt mang ý nghĩa như treo cờ rũ quốc kỳ VNCH tại thương xá Eden, lễ tưởng niệm quốc hận tại Richmond, và Hampton, VA. Đặc biệt ngày 29 và 30/4/2015, sẽ có cuộc biểu tình tại Sheridan Circle, Washington D.C, trước toà đại sứ cộng sản, đêm canh thức và một chương trình nhạc đấu tranh do trung tâm băng nhạc Asia phối hợp trình diễn, đã quy tụ 26 ca sĩ nổi tiếng về Washington D.C hát tưởng niệm ngày mất Sài Gòn.

Hoà vào không khí chung của ngày quốc hận, ngày 12 tháng 4 năm 2015, đôi uyên ương Đèo Văn Sách- Kim Phụng, đã tổ chức chương trình ca nhạc “Những Ngày Tháng Không Quên” để nhớ về quê hương và tưởng niệm “ 40 NĂM XA XỨ - 30/4/1975-30/4/2015”, tại 8900 Jewish Community Ctr, Annandale, VA.

Mở đầu chương trình là hát quốc ca Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà. Một phút mặc niệm để tưởng nhớ đến những anh hùng tử sĩ đã hy sinh và đồng bào đã bỏ mình trên con đường đi tìm tự do. Với vai trò người sáng lập và là Trưởng Ban Tổ Chức, ông Đèo Văn Sách đã trình bày ý nghĩa của buổi trình diễn âm nhạc nhằm tưởng niệm 40 năm mất Sài Gòn. Ngày mà cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam bằng vũ lực, vi phạm Hiệp Định Paris khiến cho hàng triệu người Miền Nam như một dòng thác lũ đã phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn bất chấp đói khát, bỏ mình trên biển cả, rừng sâu để tìm tự do. Ban Tổ Chức cũng đã mời những mạnh thường quân đóng góp cho chương trình lên sân khấu tặng hoa tri ân. Các MC dẫn chương trình lần này là Đèo Văn Sách, Hiếu Thuận và Vân Anh.

Xin có vài lời nói về đôi uyên ương, Đèo Văn Sách-Kim Phụng. Ngoài tài làm MC, ông Đèo Văn Sách còn là một ca sĩ có giọng ca truyền cảm. Ông bà được nhiều người yêu mến vì sống có tâm lòng và đã bỏ thời gian giúp đỡ tất cả các văn thi hữu, các Hội Đoàn và Cộng Đồng trong mấy chục năm qua với tinh thần bất vụ lợi. Sinh ra và lớn lên trong dòng dõi những người yêu âm nhạc, cho nên, từ khi yêu nhau, cả hai đều gắn bó với âm nhạc, say mê âm nhạc và xem âm nhạc là nguồn vui của đời sống để cho tâm hồn thêm phong phú, và cùng bạn bè thành lập một nhóm ca sĩ trong vùng mang tên “Tiếng Hát Virginia” để có

cơ hội phục vụ những người yêu nhạc, chuyên tài văn hóa, văn học đến với cộng đồng người Việt. Ông đã từng mơ ước và tâm sự với tôi rằng “*Trong mấy chục năm qua, dòng văn học lưu vong phát triển rất phong phú. Đã xuất hiện nhiều văn thi sĩ, và nhiều nhạc sĩ nói chung, riêng tại vùng Thủ Đô và vùng phụ cận. Họ sáng tác nhiều bài hát rất hay, rất trữ tình nhưng ít có ai phổ biến cho mọi người nghe. Tôi và các Anh Chị Em trong Nhóm mong ước mỗi mùa chúng tôi sẽ tổ chức một chương trình nhạc thính phòng để giới thiệu những tác phẩm cũ của những bậc Cha Chú (đàn Anh) đi trước trong lĩnh vực thi ca, âm nhạc, những tác gia – tác phẩm mới trong vùng đến Cộng Đồng Người Việt của chúng ta. Rồi đây, những tài năng âm nhạc sẽ ra đời. Chúng ta sẽ hối tiếc vì không có một lần vinh danh hay nhắc đến họ. Nhất là những bài hát đó bị chôn vùi không ai biết đến.*” Vì được nhiều người trong cộng đồng yêu mến, cho nên bạn bè đã đóng góp công sức, tài chánh để cùng Ông thực hiện những chương trình Nhạc mang tên “*Những Tháng Ngày Không Quên :...*”

Trong thời gian vừa qua, nhóm “Tiếng hát Virginia” đã tổ chức những chương trình nhạc thính phòng, mang tên “*Những Tháng Ngày Không Quên...*” với từng chủ đề khác nhau, và đã được rất nhiều khán thính giả khen ngợi và rất thành công.



Lễ Chào Quốc Kỳ - Quốc Ca VNCH. (nguồn Ảnh : ANNIE N. Photography).

Chương trình ca nhạc ngày 12/ 4, gồm có ba phần:

Phần I là những bài hát mang nội dung nhớ về Miền Nam VNCH trước 30/4/1975: qua hai thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà, kể từ cuộc di cư vĩ đại của đồng bào từ Bắc vào Nam với hơn 1 triệu Người vào năm 1954, với Nhạc Cảnh “Sài Gòn Vẫn Mãi Trong Tôi”: qua “Sài Gòn Đẹp Lắm” của Y Vân do ban nhạc Hải Đăng (với 4 Anh Em: Nguyễn Thắng - Nguyễn Tuấn - Nguyễn Trục - Nguyễn Tuyền là một trong những Ban Nhạc hàng đầu của vùng Đông



Nguồn Ảnh : ANNIE N. Photography.
 Kim Phụng-Đèo Văn Sách, với “Không
 Bao Giờ Ngăn Cách” (Nhạc & Lời Trần
 Thiện Thanh).

Bắc Hoa Kỳ) hoà tấu, bên cạnh đó còn có sự đóng góp của tay sáo Vũ Phương, nhạc sĩ Nguyễn Trung Thành, với phần âm thanh tuyệt hảo của chuyên viên Âm thanh Hoàng Lộc.

Liên tục chương trình là Tam ca nữ Như Hương, Thái Ninh, Hiếu Thuận đã trình bày bài “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương”, thơ của Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, được Nhạc sĩ Nhật Bằng phổ nhạc, đã gợi lại hình ảnh một Sài Gòn với những kỷ niệm dẫu yêu, đầy mộng mơ. Một Sài Gòn yên bình, cho dù quê hương đầy khói lửa chiến tranh trong những năm sau đó. Một Sài Gòn có hai mùa mưa nắng đã làm chạnh lòng cô gái Hà Nội có trái tim lãng mạng mộng mơ như Nguyễn Thị Ngọc Dung. Cho nên, dù xa Sài Gòn gần nửa thế kỷ mà lời ca vẫn da diết làm nao nao lòng người: “...*Sài Gòn còn đó quê hương, Sài Gòn nắng nhớ, mưa thương muôn đời...*”...phụ diễn trong tiết mục là những tà áo dài thướt tha của: Kim Dung, Kim Phụng, Hạ Quyên, Trang Triệu, Tuyết Sương, Tammy Lê, Jennie Lê, Carrol Lê (Trường Nhã) với các

cháu Vĩnh Lạc, Brannndon Bùi, Thiên Uyên, Trọng Nhân, Hà Sang... đã được khán giả tán thưởng nồng nhiệt.

Chương trình, thật sống động và phong phú của Nhóm “Tiếng hát Virginia” với Đèo Văn Sách là Người điều hợp chương trình, và sự góp mặt của những ca sĩ được nhiều đồng hương tại Washington D.C, MD, VA yêu mến như Như Hương, Sĩ Tuấn, Hiếu Thuận, Kim Phụng, Đèo Văn Sách, Lộc Khuê, Tuyết Lan, Loan Phương, Bạch Cúc, Nguyễn Thủy, Thái Ninh, Trần Dũng, Nguyệt Anh, ...Bên cạnh còn có một số ca sĩ trẻ xuất hiện tạo cho sân khấu thêm tươi mát như: Duy Vũ, Kenny Nguyễn, Hạnh Trang, Vân Anh.

Điều gây sự thích thú lẫn ngạc nhiên và làm khán giả vô cùng xúc động với những giọt nước mắt, là sự đóng góp diễn xuất của các diễn viên không chuyên nghiệp, nhưng họ đã thực sự nhập vai trong các màn Nhạc Cảnh về những tháng năm trong Tủ cải tạo, những tháng năm điêu linh khốn khó của giai đoạn đau buồn của Miền Nam Việt Nam.

Nhiều bài hát của các nhạc sĩ trong vùng Thủ Đô Washington, MD, VA đã được giới thiệu và trình bày như : Sài Gòn-Paris (thơ Phan Khâm-nhạc Đỗ Hồng Anh), The Exodus (Nhạc Ngoại Quốc-Lời Việt Dương Đình Hưng), Pho Tượng (thơ Vũ Hối, nhạc Song Ngọc), Mỗi độ Xuân về (Thơ Hồng Thủy - Nhạc Nguyễn Tuấn), Những người Linh năm

Xưa (Thơ Nguyễn Thị Thanh Dương - Nhạc : Văn Sơn Trường), Loan Phụng diễn ngâm bài thơ “Lá Cờ Việt Nam Tự Do (Đỗ Hữu Tài).

Những bài hát nổi tiếng một thời của những nhạc sĩ tài hoa cũng đã được chọn lọc, xen kẽ trong chương trình như: Đường Xưa Lối Cũ (Hoàng Thi Thơ), Tiếng Hát Với Cung Đàn (Văn Phụng), Sài Gòn Vĩnh Biệt (Nam Lộc), Một Chút Quà Cho Quê Hương (Việt Dzũng), Trả Lời Thư em (Trần Quang Lộc), Một Lần Đi (Nguyệt Ánh). Riêng nhạc sĩ Trần Thiện Thanh, có năm bài hát được các ca sĩ ưu thích là “Không Bao Giờ Ngăn Cách”, “Chiếc Áo Bà Ba”, “Lâu Đài Tình Ái” và hai bài hát gây xúc động lòng người khi ông viết về cuộc đời người lính VNCVH là “Người Ở Lại Charlie” và “Anh Không Chết Đâu Anh”. Hai bài hát này đã trở thành bất tử và được hàng triệu người nhớ mãi không quên. Nó lưu truyền trong dân gian như một bài ca dao hát về người lính chiến VNCH và được các ca sĩ hát nhiều nhất trong hơn nửa thế kỷ. Người viết có thể khẳng định rằng: “*Trần Thiện Thanh là nhạc sĩ tài hoa viết về lính hay nhất Việt Nam từ trước đến nay.*” Hay theo sự diễn đạt của thi sĩ Quốc Nam nói về nhạc sĩ Trần Thiện Thanh “*Nhật Trường là một tài hoa nổi bật, hiếm có, là người viết nhạc về người lính vô địch tại Việt Nam.*”

Những ngày tháng êm đềm đã qua. Sài Gòn bị bức tử và “Những Tháng Năm Điều Linh 30/4/1975 đã được trình bày trong phần II của chương trình, với các nhạc phẩm được luân phiên trình diễn Xen lẫn chương trình ca nhạc là những nhạc cảnh nói về cuộc đời đau khổ, điều linh của quân, dân, cán chính miền Nam Việt Nam phải chịu sống trong trại Tù Cải Tạo, với bài hát “Bằng Lăng Hoa Tím Ngày Xưa” của Dương Đình Hưng do Đào Văn Sách trình bày, “Một Lần Đi” do Như Hương trình bày đã khắc họa được thảm cảnh chia ly Người đi, kẻ ở. Nhắc nhở chúng ta nhớ lại hàng triệu người miền Nam Việt Nam đã phải lìa bỏ vợ, chồng, cha mẹ, họ hàng để trốn chạy trong những đêm khuya tăm tối. Chúng ta phải vượt trùng khơi trên những chiếc thuyền mong manh để đi tìm sự sống trong cái chết.

Rồi người ra đi vẫn nhớ về những người thương yêu còn ở lại, với “Trả Lời Thư Em” (Trần Quang Lộc) với Lộc Khuê, niềm vui mừng khi đặt chân đến bến bờ tự do, để đổi lấy hai chữ Tự do bằng chính cả mạng sống của mình và Người thân với một nhạc phẩm được viết lời Việt do Dương Đình Hưng qua tiếng hát trẻ Hạnh Trang.

Hai bài hát “Sài Gòn Vĩnh Biệt” và “Một Chút Quà cho Quê Hương”, nói về những đứa con xa xứ, lạc loài vẫn còn luyến nhớ đến quê nhà có người mẹ mòn mỏi chờ mong, có người cha còn bị giam cầm trong ngục tù cộng sản, và những đứa bé thơ lang thang trên khắp nẻo đường để tìm một miếng ăn...

Phần III nói về những tháng năm an lành nơi hải ngoại. Dù xa quê hương nhưng chúng ta vẫn nhớ về cội nguồn, nơi quê hương xa tít mù khơi. Thời gian trôi qua đã bốn mươi năm dài đằng đẵng. Tóc xanh giờ đã bạc trắng mà đường về quê vẫn xa mịt mùng. Niềm an ủi lớn nhất của chúng ta là được sống trên đất nước Hoa Kỳ, một đất nước giàu có hùng mạnh nhất thế giới. Chúng ta đã thực sự có tự do, ấm no, hạnh phúc.

Nhưng vẫn luôn mang theo lá cờ Vàng trong tim của mỗi Người chúng ta với bài thơ của Đỗ Hữu Tài “Lá Cờ Việt Nam Tự Do”, do Loan Phụng diễn ngâm.

Những nhạc phẩm gợi nhớ về nơi xưa chốn cũ, nhớ về những Người của một thuở, nhớ về tiếng hát, giọng hò trên những dòng sông quê hương, những địa danh sẽ mãi là nỗi nhớ không quên của chúng ta, những người xa xứ... Với những nhạc phẩm "Đường Xưa Lối Cũ" (Hoàng Thi Thơ) Kenny Nguyễn – Duy Vũ, "Những Người Lính Năm Xưa" (Nguyễn Thị Thanh Dương-Văn Sơn Trường) Nguyệt Anh, "Lâu Đài tình Ái" (Trần Thiện Thanh) Vân Anh - Trần Dũng, "Tiếng Hát với Cung Đàn" (Văn Phụng) Thái Ninh – Sĩ Tuấn, "Chiếc Áo Bà Ba" (Trần Thiện Thanh) Kenny Nguyễn, Huế đến với Tôi (Dương Đình Hưng) Hiếu Thuận và "Biết Bao Giờ Trở Lại" (Ngô Thụy Miên) Trần Dũng, lần lượt được trình bày qua các giọng hát đã thực sự tạo thêm nhiều xúc cảm cho khán giả, những khóe mắt long lanh với những nỗi nhớ bồi hồi trong xúc động về "Những Tháng ngày Không Quê : 40 năm xa xứ".

Kết thúc chương trình ca nhạc "Những Ngày Tháng Không Quên", toàn ban hợp ca bài hát "Vẫn Còn Đây Các Con Của Mẹ" (Nguyệt Ánh - Việt Dzũng).

Dù là những ca sĩ nghiệp dư, nhưng mỗi người một chất giọng, một phong cách khác nhau đã lôi cuốn khán giả chìm vào dòng nhạc mê mẩn, rai rức, nức nở, nhớ thương và cả niềm hạnh phúc. Suốt 3 giờ đồng hồ từ 2:00 trưa cho đến 5:10 chiều, hội trường vẫn đông nghẹt khán giả, không ai bỏ về nửa chừng. Bốn máy quay phim của ba cơ quan truyền thông và báo chí đều có mặt để ghi hình và lấy tin, cộng với Công Ty Nhiếp Ảnh ANNIE N. với Cô Giám Đốc trẻ tuổi là một trong những Người đứng ra bảo trợ cho chương trình.

Sự thành công của chương trình là nội dung hướng về tổ quốc sau 40 năm mất miền Nam Việt Nam. Bài hát và những Nhạc Cảnh được BTC dàn dựng và từng bài hát chọn lọc cẩn thận phù hợp với từng nhạc cảnh và ca sĩ. Trên sân khấu trang trí rất công phu. Hai bên cánh gà là hai hàng tre hoà hợp với hai phong màn màu xanh đậm có vẽ hình chợ Bến Thành và hình Cây Bút Chi tượng trưng cho Thủ Đô Washington làm nổi lên những hàng chữ được sơn trắng "30/4/75 và 30/4/2015". Hình ảnh Sài Gòn, Hà Nội trước và sau năm 1975 được chiếu trực tiếp trên màn hình, và những hoạt cảnh xen kẽ bài hát làm cho sân khấu như một cuốn phim quay chậm, dẫn dắt người xem trôi vào dòng suy tưởng của thời gian và không gian của dòng lịch sử đau thương của đất nước Việt Nam và thân phận da vàng.

Chương trình nhạc thính phòng "Những Ngày Tháng Không Quên: 40 Năm Xa Xứ : 30/4/1975-30/4/2015" chấm dứt. Mọi người ra về mà lòng còn hồi tiếc, mong chờ một chương trình mới sẽ tiếp diễn trong tương lai.

Hội trường trở lại trống vắng và người cuối cùng thu dọn sân khấu vẫn là đôi uyên ương Đèo Văn Sách –Kim Phụng. Ông bà vẫn miệt mài... miệt mài... lặng lẽ làm việc một mình.

Người viết biết ông bà đã hơn mười mấy năm. Mười mấy năm đông đầy tình cảm, sự chia sẻ và thông hiểu nhau vì sự chân thành mà ông bà luôn dành mọi người và dành riêng cho tôi.

Cảm ơn anh chị và các bạn đã làm cho tôi nhớ lại Sài Gòn, nhớ lại quyển sách "Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi-The Rain Still Falls in Saigon" mà tôi đã xuất bản cách đây hai năm. Hình như tôi và các anh chị có chung một tâm trạng nhớ quê hương. Tôi nhớ một thời xa xưa của khung trời Quốc Gia Nghĩa Từ và những tháng năm trên giảng đường Đại Học, để tôi được yêu thương và mãi mãi nhớ Việt Nam.

Phong Thu

(Viết nhân ngày 30 tháng 4 năm 2015)

HƯƠNG TÌNH CA



Từ trái: Diana Duyên, Mỹ Liên, Bích Ngọc, Kim Nga, Ngọc Hương, Phương Lan, Như Hương và Ngọc Dung.

Đó là ban văn nghệ của một số nhiếp ảnh gia: Việt Dũng, David Diệc, Diana Duyên, Trương Anh Thụy, Bằng Nguyễn, Daniel Hà, Lý Vương, Đài Phạm, Hiệp Phan, Lê Vũ, Khuê Nguyễn,... Đa số họ vừa có sở thích chụp hình vừa học chụp hình đến nơi đến chốn. cùng thích đàn hát, khiêu vũ như một thú tiêu khiển lành mạnh. Một số hiền thê và phu quân của các anh các chị cũng hưởng ứng, tham gia ca hát như: Bích Ngọc, Phương Lan, Ngọc Hương, Mỹ Liên... Họ mời ca sĩ Như Hương hướng dẫn ca hát và Nhạc sĩ Nguyễn Ngô đệm đàn keyboard. Ban Hương Tình Ca cũng có mấy tay chơi đàn keyboard và guitar giỏi khác. Như Hương là ca sĩ bậc nhất của vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom đã nhiều lần mời Như Hương hát giúp vui trong các chương trình văn nghệ kỷ niệm sinh nhật Cỏ Thom thường niên.

Nhà văn Trương Anh Thụy là người chọn cái tên Hương Tình Ca cho ban văn nghệ của các nhiếp ảnh gia kể trên. Chị Thụy cũng là người giới thiệu Ngọc Dung với ban văn nghệ này. Diana Duyên cũng thân quen và là ân nhân đã cho Cỏ Thom quảng cáo Sovereign Realty, Inc. từ nhiều năm nay.

Ban Hương Tình Ca thường có pot-luck mỗi tháng một lần. Các Hội Viên luân phiên nhau mở hộp mặt tại nhà. Mỗi người đóng góp một món. Sau khi ăn uống hàn huyên thì

văn nghệ bắt đầu. Các ca sĩ chọn và tập dượt bài hát cho buổi trình diễn ở nhà hàng một năm 2 lần, chỉ có hội viên và thân hữu hát cho nhau nghe, không phải lo nấu hay đi mua thức ăn. Mỗi người chung \$25 trả tiền nhà hàng bữa ăn tối ngon không khác tiệc cưới. Nhạc sĩ và âm thanh đều là cây nhà lá vườn nên bữa ăn mới có giá đó.



Từ trái: Ngô Nguyên, Đèo Văn Sách, David Diệc, Hiệp Phan, Đài Phạm, Việt Dũng, Lý Vương, Daniel Hà, Khuê Nguyễn, Bằng Nguyễn.

Trước khi ra quân tại nhà hàng, dù là trong hội với nhau hay thân hữu, các ca nhạc sĩ vẫn tập dượt ráo riết 5 buổi cuối tuần liền tại tư gia của Nhạc sĩ Nguyên Ngô và Ca sĩ Như Hương rất gần nhà Ngọc Dung. Nếu không gặp đèn đỏ chỉ mất 3 phút xe hơi. Vì thế và cũng vì lâu lắm từ sau ngày Nhạc sĩ Nhật Bằng khuất bóng, tôi không có dịp tập hát chơi thường xuyên với ai. Nên tôi đã nhận lời nhập cuộc với Ban Hương Tình Ca. Nói là chơi nhưng ai cũng tập hát thiệt sự, nghiêm chỉnh dưới sự chỉ dẫn chặt chẽ của Nguyên Ngô và Như Hương. Như Hương thường nói, mỗi lần ca sĩ lên sân khấu là một lần Như Hương hồi hộp. Ca sĩ hát trôi chảy xong Như Hương mới thở phào nhẹ nhõm. Vì thế tôi cũng tự nhủ rằng đã nhập cuộc thì phải giữ trọn nhiệm vụ và trách nhiệm của mình. Trong ban

Hương Tình Ca có chuyên viên quay video, anh Bằng Nguyễn. Anh thu băng mỗi bài ca sĩ hát và email cho họ mở nghe đề tập bài hát thêm ở nhà, nghe chỗ nào hát sai thì sửa. Ngọc Dung đã làm theo vậy, nên bài hát tập lần thứ ba đã được khen, không bị cười rãng lần đầu hát mỗi bài Ngọc Dung không biết vào hay hát ra lúc nào.

Lần thứ nhất ra quân với Hương Tình Ca, Ngọc Dung đã hát "Niệm Khúc Cuối" của Ngô Thụy Miên", lần thứ hai "Tuổi Xa Người" của Từ Cung Phụng, lần thứ ba "Anh Đã Quên Mùa Thu" của Tùng Giang và Nam Lộc, lần mới đây 5/9/2015 Ngọc Dung đã hát bản "Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên" của Nguyễn Đình Toàn, để tưởng niệm 30 tháng 4 ngày Sài Gòn bị mất tên.

Buổi văn nghệ vừa qua cũng như những lần trước, Ban Hương Tình Ca đều được khen. Quan khách trong bàn tôi mời đều khen món ăn ngon, ca sĩ tài tử mà hát khá quá và còn được khiêu vũ hào hứng nữa. Vé vào cửa có \$25, thật đáng hoan nghênh. Quý vị thân hữu còn hẹn Ngọc Dung khi nào có Hương Tình Ca nhớ rủ họ đi nữa.

Tôi nhận thấy từ "thuở ban đầu" đến lần mới nhất, các ca sĩ tài tử của Ban Hương Tình Ca đều hát tiến triển hẳn. Có những tiếng hát hay không ngờ, nếu tiếp tục tập luyện, dạn dĩ sân khấu sẽ trở thành ca sĩ thực thụ.

Hoa hô tinh thần văn nghệ của Hương Tình Ca. Hẹn gặp lại.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn anh ruột của chị Nghiêm Thái Phượng là:

Ông HOÀNG THẾ HUÂN

vừa qua đời ngày 25 tháng 5, 2015

tại Monterey, California USA

Hưởng thọ 85 tuổi

Lễ Tưởng Niệm (Memorial Service) sẽ được cử hành:

lúc 1:00 pm ngày Chủ Nhật 7 tháng 6, 2015

**tại: Mission Memorial Park and Seaside Funeral Home
1915 Ord Grove Ave. Seaside, CA 93955.**

Ông Hoàng Thế Huân tốt nghiệp tại Michigan State University và đã giảng dạy tiếng Việt 40 năm tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội nổi tiếng ở Monterey. Ông cũng từng là một xướng ngôn viên với giọng nói trầm ấm đặc biệt không thể quên của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ ở Hoa Thịnh Đốn trước 1975.

CƠ SỞ CỎ THƠM và bằng hữu thành kính chia buồn cùng chị Thái Phượng và đại gia đình của Ông Hoàng Thế Huân. Nguyên cầu linh hồn Người Quá Cõi sớm về Cõi Vĩnh Hằng.

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, Ý Anh, Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Ngọc Bích, Vũ Hối, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Phú Long, Huy Lâm, Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lệ, Đặng Nguyên, Phong Thu, Hồng Thủy, Trương Anh Thủy, Bùi Thanh Tiên, Hoàng Song Liêm, Trương Minh Châu, Hoàng Bạch Mai, Cao Nguyên, Ý Nguyên, Phạm Bá, Diễm Trân, Lý Hiều, Đàm Xuân Linh, Phan Ngọc Trinh, Tâm Hào ...

Thái Ninh & Phạm Minh Xuân, Hoàng Tiếp, ÔB Bùi Cừ Viên, ÔB Vũ An Thanh, Đặng Thu Thủy, ÔB Phạm Xuân Thái, ÔB Robert & Dzung Senser, ÔB Đèo Văn Sách, ÔB Dương Ngọc Hoán, Kiều Thu, Trúc Mai, Phương Nga, Tuyết Lê, Paul Vân, ÔB Hoàng Cung Fa, Sĩ Tuấn, Hiều Thuận, Hiều Tâm, ÔB Quốc Sùng & Mai Ngân ...





7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95

- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm

Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

Giá báo: US\$7:00